



NAM MÔ ĐƯƠNG LAI HẠ SANH DI LẶC TÔN PHẬT



# DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

*Tập 1*



BỔ TÁT DI LẶC THUYẾT

**DU GIÀ  
SƯ ĐỊA  
LUẬN**

**TẬP 1**

( Từ quyển 01 - 20 )

*Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư HUYỀN TRANG*

*Người dịch: Sa-môn THÍCH GIÁC PHỔ*

*Cư sĩ TRẦN PHÁ NHẠC*

*Hiệu đính: Sa-môn THÍCH LỆ QUANG*



**NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN**



## *Lời giới thiệu*

DU GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN (*Yogacarabhumi*) là một bộ luận có giá trị đặc biệt trong kho tàng tư tưởng phương Đông và thế giới. Từ lâu bộ luận này đã được xếp vào Đại Chánh Tạng của Phật giáo, song đã vượt ra khỏi phạm vi tôn giáo để lan tỏa, phóng chiếu vào nhiều lĩnh vực nghiên cứu thuộc triết học, thần học, sinh học, tâm lý học... Cho đến nay bộ luận này vẫn tiếp tục được các học giả trên thế giới đặc biệt chú tâm nghiên cứu. Những vấn đề triết học, phân tâm học được xem là nóng bỏng của thế kỷ XIX, XX như các phân tích về hoạt động chiều sâu của ý thức, của “siêu ngã”, của chiêm bao, của tiềm thức do Freud và các nhà triết học sau ông nêu lên, thật ra đều đã được bộ luận Du Già Sư Địa đề cập với những chỉ dẫn, phân tích ngọn ngành cách đây 1500 năm! Như thế làm sao khỏi gây ngạc nhiên đến sững sốt đối với các nhà nghiên cứu hiện đại? Bộ luận còn chỉ ra một phong thái sống hài hòa nhân ái, an vui thanh thản, như trong Bồ-tát địa đã nêu. Điều này hẳn các nhà giáo dục, các nhà hoạt động văn hóa, kể cả các nhà lãnh đạo quốc gia cũng đều quan tâm.

Gần đây ở Việt Nam cũng đã ấn hành bản Việt dịch bộ Du Già Sư Địa Luận của Thượng tọa

*Thích Giác Thiện và cư sĩ Trương Văn Minh, cũng như một số dịch phẩm và tác phẩm liên quan đến nội dung bộ luận như của Hòa thượng Thích Thiện Siêu (với Thành Duy Thức Luận), hoặc của Tuệ Sỹ (với Luận Thành Duy Thức) và của Đại đức Thích Nhuận Châu (với Du Già Hành Tông).*

*Như trên chúng tôi có nói, bộ luận này là một tác phẩm đồ sộ không chỉ trong giới nghiên cứu, khảo luận Phật học mà còn là trước tác về tư tưởng, đạo đức có giá trị to lớn, vĩnh hằng của nhân loại. Bởi vậy, chúng tôi thiết nghĩ: Bản dịch trọn bộ tiếng Việt mới này giúp bạn đọc rộng đường nghiên cứu, thưởng thức một mạch nguồn tư tưởng vô giá của nhân loại cũng là điều nên làm.*

*Các tác giả dịch bản Luận Du Già mới này có tham khảo các tác phẩm và bản dịch trước đây, ngỏ lời cảm ơn sâu sắc tất cả các dịch giả.*

*Nhà xuất bản Thanh Niên xin trân trọng giới thiệu và hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp của bạn đọc gần xa.*

**Nhà xuất bản Thanh Niên**



## *Lời nói đầu*

*Nam Mô Đức Từ Thị Di Lặc!*

Ngài vì thương xót hàm linh trong đêm dài khổ đau bỏ thân này qua thân khác mà không tự hay biết, xót thương cho sự mê lầm của chúng con nên Ngài xuất hiện nơi đời, dùng ngôn thuyết khai thị hiển rõ các hành trạng tướng sai biệt của mười bảy địa, dưới từ địa ngục Vô gián, trên cho đến Vô dư y Niết-bàn giới. Tùy theo khổ não trong sanh tử của chúng sanh, Ngài kiến lập chủng chủng phương tiện, chỉ bày tướng tướng khổ não không thật sai khác của mỗi loài, từ thô đến tế, cho đến cực vi tế.

Những lời khai thị của Ngài được Ngài Vô Trước ân trọng ghi chép, kiết tập thành bộ Du Già Sư Địa Luận, bao gồm 100 quyển, truyền lại cho hậu thế. Ngài Pháp sư Huyền Trang phụng ân dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán, còn lưu truyền tại thế gian cho đến ngày nay.

Nhân bộ luận đây, chúng con càng thấu hiểu được sự mê lầm trường thời của chính mình từ nhiều đời và trong hiện đời. Do đây tự trối mình, lại trối buộc người xoay vần trong các cõi... làm sao nói cho hết được.

*Chúng con chỉ biết cúi đầu đánh lễ phụng sự, thừa ân đức của Ngài, nguyện đem hết tâm lực dịch bộ luận này ra Việt văn, để Thánh giáo được lưu truyền nơi thế gian.*

*Mặc dù đã cố tâm nghiên cứu phiên dịch, nhưng không sao hiển bày trọn vẹn nghĩa thú của bản luận. Rất mong các bậc Cao minh rộng lòng chỉnh bổ những sai sót trong bản dịch này.*

*Tâm thành kính ghi,  
Sa-môn Thích Giác Phổ*

## DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN

Sao gọi là *Du-già-sư địa*? Đó là 17 địa. Những gì là mười bảy? Ót-Đà-Nam nói:

*Năm thức tương ưng, Ý,  
Ba địa gồm Hữu tâm tứ...  
Tam-ma-địa và Phi  
Hữu tâm, Vô tâm địa,  
Vãn, Tư, Tu sở thành,  
Như thế đủ ba thừa  
Hữu y và Vô y,  
Đây gọi mười bảy địa.*

1. Năm thức thân tương ưng địa.
2. Ý địa.
3. Có tâm có tứ địa.
4. Không tâm chỉ có tứ địa.
5. Không tâm không tứ địa.
6. Tam-ma-hí-đa địa.
7. Phi tam-ma-hí-đa địa.

8. Hữu tâm địa.
9. Vô tâm địa.
10. Văn sở thành địa.
11. Tư sở thành địa.
12. Tu sở thành địa.
13. Thanh văn địa.
14. Độc giác địa.
15. Bồ-tát địa.
16. Hữu dư y địa.
17. Vô dư y địa.

Như vậy lược thuyết có mười bảy địa, gọi là Du-già-sư địa.

- I. Phần bản địa.
- II. Phần nhiếp quyết trạch.
- III. Phần nhiếp thích.
- IV. Phần nhiếp dị môn.
- V. Phần nhiếp sự.

# I. PHẦN BẢN ĐỊA



## Quyển 1

### Thứ 1. NĂM THỨC THÂN TƯƠNG ƯNG ĐỊA

#### A. PHẦN TRONG SANH TỬ:

Sao gọi là *Năm thức thân tương ứng địa*? Đó là: tự tánh, sở y, sở duyên, trợ bạn và tác nghiệp của năm thức thân, như vậy gọi là Năm thức thân tương ứng địa. Những gì gọi là 5 thức thân? 1. Nhân thức; 2. Nhĩ thức; 3. Tỷ thức; 4. Thiệt thức; 5. Thân thức.

#### 1. Nhân thức:

a. *Tự tánh*: đó là nương nơi mắt nhận rõ sắc.

b. *Sở y*: câu hữu y là mắt. Đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là A-lại-da thức, chỗ thu nhiếp dị thực, chỗ nương lãnh thọ và giữ gìn tất cả chủng tử đây. Như vậy lược có 2 loại sở y: sắc và chẳng phải sắc. Mắt là sắc, còn lại là chẳng phải sắc. Mắt là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương dựa của nhân thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý là

thức quá khứ không gián đoạn của nhãn thức. Tất cả chủng tử thức là từ thời vô thủy đến nay vui đắm hý luận huân tập làm nhân mà sanh ra tất cả chủng tử thức dị thực.

c. *Sở duyên*: là sắc, có thể thấy, có đối ngại. Đây có rất nhiều chủng, nhưng nói lược có ba: đó là hiển sắc, hình sắc và biểu sắc.

Hiển sắc: như sắc xanh, vàng, đỏ trắng... bóng, sáng, tối, mây, khói, bụi, mù và hiển một sắc không. Hình sắc: như các sắc ngắn dài vuông tròn, thô tế, thẳng không thẳng, cao thấp. Biểu sắc: tất cả sắc thuộc loại biểu hiện như cầm nắm, vất bỏ, co duỗi, đi đứng ngồi nằm...

Lại hiển sắc: hoặc sắc hiển rõ, sở hành của nhãn thức. Hình sắc: hoặc sắc tích tập, tướng phân biệt dài ngắn... Biểu sắc: tức sắc tích tập sanh diệt tương tục ở đây, do nhân biến đổi mà không sanh trở lại chỗ sanh trước, lại chuyển sanh ở nơi khác, hoặc không gián đoạn, hoặc có gián đoạn, hoặc gần, hoặc xa khác nhau. Hoặc ở tại chỗ đây biến đổi mà sanh.

Lại hiển sắc: như ánh sáng... sai khác. Hình sắc: như dài, ngắn... tích tập sai khác. Biểu sắc: tức



là do tác dụng của nghiệp làm chỗ nương nên động chuyển sai khác.

Như vậy tất cả hiển sắc, hình sắc và biểu sắc là sở hành của mắt, cảnh giới của mắt; là sở hành nhãn thức, cảnh giới nhãn thức, sở duyên nhãn thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức. Đây là tên gọi sai khác.

Lại tức sắc đây có 3 chủng: hoặc hiển sắc đẹp, hoặc hiển sắc xấu, hoặc hiển hiện sắc khác nhau, sắc giống nhau.

**d. Trợ bạn:** là các pháp sở hữu của tâm câu hữu tương ứng với nhãn thức, đó là tác ý, xúc, tưởng, tư.. Lại các pháp kia đồng một sở duyên, chẳng cùng một hành tướng, mỗi pháp câu hữu tương ứng với nhãn thức mà chuyển. Lại tất cả các pháp kia đều từ tự chủng tử của mình mà sanh.

**e. Tác nghiệp:** nên biết có 6 chủng, bao gồm: chỉ phân biệt rõ cảnh sở duyên của mình, gọi là nghiệp ban đầu; chỉ phân biệt rõ tự tướng; chỉ phân biệt rõ hiện tại; chỉ phân biệt rõ một sát-na. Lại chuyển theo ý thức, chuyển theo thiện ác, chuyển theo nghiệp phát khởi. Lại chấp lấy quả đáng yêu thích, không đáng yêu thích, là nghiệp thứ sáu.

## 2. Nhĩ thức:

a. *Tự tánh*: đó là nương nơi tai phân biệt rõ âm thanh.

b. *Sở y*: câu hữu y là tai. Đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức. Tai là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương của nhĩ thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý và tất cả chủng tử như trước đã phân biệt.

c. *Sở duyên*: đó là âm thanh, không thể thấy, có đối ngại. Đây lại có nhiều chủng âm thanh, như: tiếng loa ốc, tiếng trống lớn nhỏ, tiếng ca múa, tiếng âm nhạc, tiếng hát hò, tiếng cười đùa, tiếng kêu la, tiếng nam, tiếng nữ, tiếng gió rừng cây... tiếng rõ ràng, tiếng không rõ ràng, tiếng có nghĩa, tiếng vô nghĩa, tiếng lớn nhỏ vừa, tiếng sông suối... tiếng đấu tranh ồn tạp, tiếng thọ trì diễn thuyết, tiếng luận nghĩa quyết trạch.

Hết thấy các loại âm thanh như vậy có rất nhiều, nhưng tóm lược thành 3 chủng: 1. Âm thanh do đại chủng lãnh thọ giữ gìn; 2. Âm thanh do đại chủng không lãnh thọ giữ gìn; 3. Âm thanh do đại chủng lãnh thọ giữ gìn, không lãnh thọ giữ gìn.

- Âm thanh thứ nhất duyên bên trong.

- Âm thanh thứ hai duyên bên ngoài.

- Âm thanh thứ ba duyên cả trong ngoài. Đây lại có 3 chủng: âm thanh tốt, âm thanh xấu, âm thanh đối nhau.

Lại âm thanh là biểu hiện sự phát ra như hét, nói, rống. Đây là tên gọi sai khác. Như vậy tất cả âm thanh là sở hành của tai, cảnh giới của tai; là sở hành nhĩ thức, cảnh giới nhĩ thức, sở duyên nhĩ thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức.

**d. Trợ bạn và e. Tác nghiệp:** nên biết như nhãn thức.

### **3. Tỷ thức:**

**a. Tự tánh:** đó là nương nơi mũi ngửi nhận biết hương.

**b. Sở y:** câu hữu y là mũi. Đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức. Mũi là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương tựa của tỷ thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý và tất cả chủng tử như trước đã phân biệt.

**c. Sở duyên:** là hương, không thể thấy, có đối ngại. Hương lại có nhiều chủng: hương thơm, hương thối, hương vừa. Mũi nhận biết rõ hương của gốc,

mâm, hoa, lá, quả. Hết thủy hương đây có nhiều loại.

Lại hương là chỗ nghe được của mũi, chỗ nhận biết của mũi và chỗ ngửi được của mũi. Đây là tên gọi sai khác.

Như vậy tất cả hương là sở hành của mũi, cảnh giới của mũi; là sở hành tỷ thức, cảnh giới tỷ thức, sở duyên tỷ thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức.

**d. Trợ bạn và e. Tác nghiệp:** nên biết như trước.

#### **4. Thiệt thức:**

**a. Tự tánh:** đó là nương nơi lưỡi nếm biết vị.

**b. Sở y:** câu hữu y là lưỡi. Đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức. Lưỡi là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương của thiệt thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý và tất cả chủng tử như trước đã phân biệt.

**c. Sở duyên:** là vị, không thể thấy, có đối ngại. Đây lại có nhiều chủng như chua, cay, đắng, ngọt, mặn, lạt, vừa ý, không vừa ý. Lại vị, chỗ gọi là nếm, nuốt, ăn, uống, mút, thọ dụng. Đây là tên gọi sai khác. Như vậy tất cả vị là sở hành của lưỡi, cảnh giới của lưỡi; là sở hành thiệt thức, cảnh giới

thiệt thức, sở duyên thiệt thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức.

**d. Trợ bạn và e. Tác nghiệp:** nên biết như trước.

### **5. Thân thức:**

**a. Tự tánh:** đó là nương nơi thân cảm giác rõ các xúc chạm.

**b. Sở y:** câu hữu y là thân. Đẳng vô gián y là ý. Chung tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức. Thân là tịnh sắc do bốn đại chủng tạo thành, là chỗ nương của thân thức, không thể thấy, có đối ngại. Ý và tất cả chủng tử như trước đã phân biệt.

**c. Sở duyên:** là xúc chạm, không thể thấy, có đối ngại. Hết thấy loại xúc chạm có rất nhiều như đất, nước, gió, lửa, nhẹ, nặng, trơn, rít, lạnh, đói, khát, no, sức yếu, thông thả, vội gập, bệnh, già, chết, ngứa, buồn, mệt mỏi, dính vào, nghỉ ngơi, mềm mỏng, hăng hái, khiếp sợ... Đây chia làm 3 chủng: xúc ưa, xúc chẳng ưa và xả nơi xúc, thân xúc.

Lại xúc là chỗ xoa xát, chỗ xúc chạm nhau, hoặc cứng, hoặc mềm, hoặc động, hoặc ám. Đây là tên gọi sai khác. Như vậy tất cả xúc là sở hành của thân, cảnh giới của thân; là sở hành thân thức,

cảnh giới thân thức, sở duyên thân thức; là sở hành ý thức, cảnh giới ý thức, sở duyên ý thức.

**d. Trợ bạn và e. Tác nghiệp:** nên biết như trước.

Lại nữa, tuy mắt không bị hư hoại, sắc hiện ở trước, nếu không khởi tác ý đúng lúc, thì chỗ sanh nhãn thức tất chẳng sanh được. Nói chung mắt không bị hư hoại, sắc hiện ở trước, chánh khởi tác ý, thì chỗ sanh nhãn thức mới sanh được. Như chỗ sanh nhãn thức, thì chỗ sanh nhĩ thức cho đến chỗ sanh thân thức nên biết cũng vậy.

Lại nữa, do nhãn thức sanh nên theo thứ lớp có 3 tâm sanh khởi, đó là: tâm thoát hiện, tâm tầm cầu và tâm quyết định. Tâm thứ nhất ở nhãn thức. Tâm thứ hai ở ý thức. Tâm thứ ba mới có nhiệm có tịnh. Từ đây về sau mới có tất cả dòng chảy của nhãn thức thiện, bất thiện chuyển. Nhưng nhãn thức kia chẳng do tự lực mình phân biệt, cho đến ý đây chẳng thú hưởng cảnh khác. Trải qua thời gian ấy hai thức là nhãn thức và ý thức hoặc thiện hoặc nhiễm tương tục mà chuyển. Như nhãn thức sanh, thì nhĩ thức cho đến thân thức sanh nên biết cũng vậy.

Lại nữa, nên quán sở y của năm thức ví như

phương tiện đưa người sang phương khác, sở duyên như việc làm, trợ bạn như bạn lữ, nghiệp như năng lực của mình. Hoặc nhìn một cách khác, tức là quán sở y của năm thức như nhà người ở, sở duyên như vật thọ dụng, trợ bạn như người giúp việc, nghiệp như tác dụng.

## Thứ 2. Ý ĐỊA

### Phần 1

Đã thuyết Năm thức thân tương ưng địa. Sao gọi là Ý địa? Ý địa đây nên biết cũng có 5 tướng, bao gồm tự tánh, sở y, sở duyên, trợ bạn và tác nghiệp.

#### 1. Tự tánh: đó là tâm, ý, thức.

Tâm mà tánh của nó làm chỗ cho tất cả chủng tử nương theo về, tánh nương dựa y chỉ, thể năng chấp thọ, chỗ thu nhiếp dị thực là A-lại-da thức.

Ý là ý hành liên tục của 6 thức thân diệt không gián đoạn.

Thức là rõ biết cảnh giới sở duyên hiện tiền.

**2. Sở y:** đẳng vô gián y là ý. Chủng tử y là tất cả chủng tử A-lại-da thức như đã thuyết ở trước.

**3. Sở duyên:** là tất cả pháp. Như chỗ thích hợp, nếu chẳng cùng chung với sở duyên, tức là thọ, tưởng, hành, uẩn, vô vi, sắc không thấy không đối ngại, sáu nội xứ và tất cả chủng tử.

**4. Trợ bạn:** là tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư, dục, thắng giải, niệm, tam-ma-địa, tuệ; tín, tâm quý, không tham, không sân, không si, tinh tấn, khinh an, không phóng dật, xả, bất hại; tham, khuể, vô minh, mạn, kiến, nghi; phần, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại; không tầm, không quý; hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, tà dục, tà thắng giải, vọng niệm, tán loạn, không chánh biết; ác tác, thù miên, tầm, tứ. Hết thấy loại như vậy câu hữu tương ưng với pháp sở hữu của tâm, đây gọi là trợ bạn. Đồng một sở duyên mà chẳng đồng hành tướng, cùng lúc sanh khởi mà mỗi mỗi tự chuyển. Mọi pháp đều tự chủng tử của mình sanh ra, lại cùng tương ưng lẫn nhau, có hành tướng, có sở duyên, có sở y.



**5. Tác nghiệp:** năng rõ biết cảnh sở duyên của mình, đây gọi là nghiệp đầu tiên. Lại năng rõ biết tự tướng, cộng tướng. Lại năng rõ biết đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Lại rõ biết sát-na, hoặc rõ biết tương tục. Lại làm chuyển, tùy chuyển khiến phát khởi tất cả nghiệp tịnh bất tịnh. Lại năng thủ lấy quả đáng yêu thích, không đáng yêu thích. Lại năng dẫn thức thân khác. Lại năng làm nhân phát khởi tất cả dòng chảy của thức thân.

Lại ý thức so với các thức thân khác có tác nghiệp thù thắng hơn: **a.** Phân biệt sở duyên; **b.** Quán sát sâu sở duyên; **c.** Say; **d.** Cuồng; **e.** Mộng; **f.** Thức; **g.** Sầu; **h.** Tỉnh; **i.** Năng phát khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp; **j.** Năng ly dục; **k.** Thối thất ly dục; **l.** Đoạn thiện căn; **m.** Thiện căn tương tục; **n.** Chết; **o.** Sống..

**a.** Sao gọi là phân biệt sở duyên? Là 7 chủng phân biệt: phân biệt hữu tướng, phân biệt vô tướng, phân biệt nhậm vận, phân biệt tầm cầu, phân biệt quán xét, phân biệt nhiễm ô, phân biệt không nhiễm ô.

Phân biệt hữu tướng: là chỗ khởi phân biệt của người có căn đã thành thực, trước khéo léo

lãnh thọ nghĩa.

Phân biệt vô tương: là chỗ có phân biệt của người ở vị anh nhi... không khéo léo, trước chỉ tùy theo việc được dẫn dắt.

Phân biệt nhậm vận: là chỗ có phân biệt do ở nơi cảnh giới hiện tiền, bị cuốn theo thế lực cảnh nên nhậm vận chuyển.

Phân biệt tầm cầu: là chỗ khởi phân biệt do tìm cầu quán sát đối với các pháp.

Phân biệt quán xét: là chỗ khởi phân biệt do đối với điều mình đã tầm cầu, mình đã quán sát mà an lập quán xét.

Phân biệt nhiễm ô: là chỗ có phân biệt do đồng hành với luyến tiếc ở quá khứ, đồng hành với hy vọng được vui ở vị lai và đồng hành chấp đắm ở hiện tại. Hoặc phân biệt dục, hoặc phân biệt khuể, hoặc phân biệt hại, hoặc phân biệt tùy theo một trong số các phiền não tương ưng với tùy phiền não.

Phân biệt không nhiễm ô: là chỗ có phân biệt do ở nơi hoặc thiện, hoặc vô ký, đó là phân biệt xuất ly, phân biệt không khuể, phân biệt không hại. Hoặc chỗ có phân biệt do tương ưng với thiện pháp như tín, tầm quý... Hoặc chỗ có phân biệt do biểu

hiện oai nghi, các việc công xảo và các biến hóa.

Hết thấy loại như vậy gọi là phân biệt sở duyên.

**b. Sao gọi là quán sát sâu sở duyên?** Đó là: chỗ dẫn như lý; chỗ dẫn không như lý; chỗ dẫn chẳng phải như lý chẳng phải không như lý.

Chỗ dẫn như lý: không làm tăng những gì không như thật có, như bốn diên đảo: ở nơi vô thường, diên đảo cho là thường; ở nơi khổ, diên đảo cho là vui; ở nơi bất tịnh, diên đảo cho là tịnh; ở nơi vô ngã, diên đảo cho là ngã. Cũng không làm giảm những gì chân thật có, như các tà kiến: không thí cho... cùng hết thấy các hạnh tà kiến. Hoặc do trí pháp trụ nên như thật rõ biết các sự việc sở tri. Hoặc do trí thiện thanh tịnh xuất thế gian nên như thật giác biết các pháp sở tri. Như vậy gọi là chỗ dẫn như lý.

Chỗ dẫn không như lý: là tương trái với chỗ dẫn như lý.

Chỗ dẫn chẳng phải như lý, chẳng phải không như lý: nương tuệ vô ký quán sát sâu các pháp.

Như vậy gọi là quán sát sâu sở duyên.

**c. Sao gọi là say?** Do tánh suy yếu, hoặc do chẳng quen uống, hoặc do uống quá nhiều, hoặc do

uống quá lượng... nên dẫn đến say loạn.

**d. Sao gọi là cuồng?** Do nghiệp trước dẫn dắt, hoặc do các căn rối loạn, hoặc do kinh sợ mất chí hướng, hoặc do đánh đập va chạm, hoặc do quỷ mị nương bám... mà phát điên cuồng.

**e. Sao gọi là mộng?** Do tánh yếu ớt, hoặc do quá mệt mỏi, hoặc do thức ăn nặng nề, hoặc do tác ý tư duy tướng không lành, hoặc do thôi không làm tất cả các sự nghiệp, hoặc do thường xuyên tập quen thói ngủ nghỉ, hoặc do những nguyên nhân khác tác động như quạt mát, minh chú, thuốc uống, uy thần... mà sanh ra mộng mị.

**f. Sao gọi là thức dậy?** Do sự buồn ngủ tăng mà không thắng được sự mệt mỏi, do công việc nên ngủ có giờ giấc, hoặc do các nguyên nhân khác, nên từ mộng mà thức dậy.

**g. Sao gọi là sâu muện?** Do gió nóng rối loạn, hoặc do đánh đập, hoặc do bệnh tả quá mức chuyển lý và ra máu, hoặc do lao động quá vất vả... dẫn đến buồn bã tuyệt vọng.

**h. Sao gọi là tỉnh?** Tức là đã ra khỏi sâu muện.

**i. Sao gọi là phát khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp?** Do trí hành làm tiên dẫn nên phát khởi thân

nghiệp và ngũ nghiệp. Kế đến sanh mong muốn, kế đến khởi dụng công. Rồi thuận theo dụng công làm tiền dẫn, gió thân nghiệp ngũ nghiệp chuyển, từ đây mới phát khởi thân nghiệp ngũ nghiệp.

**j.** *Sao gọi là ly dục?* Tức là căn thuận theo ly dục thành thực. Vì thuận theo sự răn dạy, giáo huấn; vì xa lìa các chướng của ly dục; vì chánh tu phương tiện tư duy không điên đảo, mới có thể ly dục.

**k.** *Sao gọi là thối thất ly dục?* Tức là người căn tánh yếu mềm, mới tu tập phẩm thiện. Do đây luôn luôn tư duy hình trạng đáng mạo của kia, thọ hành thuận theo pháp thối, phiền não chướng che; lại bị bạn ác lôi kéo nên từ ly dục mà thối thất.

**l.** *Sao gọi là đoạn thiện căn?* Tức là người huân tập căn thành thực các ác phẩm thượng, ý vui hiện hành pháp ấy. Do kia chơi theo các bạn ác, bị tà kiến trói buộc cực nặng đến tột cùng. Kia hành các việc ác cho đến không còn sự sợ hãi, không còn lòng ai mãi, năng đoạn thiện căn. Trong đây chúng tử cũng được gọi là thiện căn, không tham sân... cũng được gọi là thiện căn. Chỉ do sự hiện hành thiện căn không tương tục mà gọi là đoạn thiện căn, không do vĩnh viễn nhổ sạch chúng

tử thiện căn kia vậy.

**m.** Sao gọi là thiện căn tương tục? Như có người do tánh lợi căn, gặp gỡ gần gũi bạn lành tu nghiệp phước, thường đi đến những bậc Thiện tượng phu để lắng nghe chánh pháp. Các nguyên nhân khiến sanh do dự đều đi đến các bậc ấy để xác chứng. Do đây thiện căn lại được tiếp nối.

**n.** Sao gọi là chết? Do thọ lượng tận hết nên dẫn đến chết. Đây lại có 3 chủng: tuổi thọ tận hết, phước tận hết, không tránh được những việc không quân bình. Nên biết cũng là chết đúng thời, chết phi thời. Hoặc do tâm thiện, hoặc do tâm bất thiện, hoặc do tâm vô ký mà chết.

Sao gọi là tuổi thọ tận hết? Như có người đã mãn thọ lượng nên chết. Đây gọi là đúng thời chết.

Sao gọi là phước tận hết? Như có người vật dụng hư thiếu nên dẫn đến chết.

Sao gọi là không tránh khỏi các việc không quân bình? Như Thế Tôn thuyết thì có 9 nhân và 9 duyên chưa hết thọ lượng mà chết. Những gì là chín? Đó là ăn không độ lượng, ăn thức ăn không nên ăn, ăn chẳng tiêu lại ăn tiếp, ăn đồ sống mà chẳng nôn ra, ăn thức ăn chín mà không tiêu,

không gần thầy thuốc, không biết đối với mình hoặc tổn hại hoặc lợi ích, hành phi phạm hạnh không đúng thời, hành phi phạm hạnh không biết lượng. Đây gọi là chết phi thời.

Sao gọi là tâm thiện mà chết? Như có người khi sắp mạng chung, hoặc tự nhớ các thiện pháp đã tập học từ trước, hoặc do người nhắc khiến nhớ, do nhân duyên đây bấy giờ tâm kia hiện hành các thiện pháp như tín, tầm quý... Tiếp đó là hết thấy tướng thô hiện hành, cho đến lúc tướng tế hiện hành, tức thời xả tâm thiện, chỉ trụ tâm vô ký. Vì sao? Kia lúc bấy giờ đối với thiện pháp từng tu tập cũng chẳng thể nhớ và người khác cũng chẳng thể khiến kia nhớ nghĩ.

Sao gọi là tâm bất thiện mà chết? Như có người sắp mạng chung, hoặc tự nhớ pháp ác trước đã thường xuyên tập quen, hoặc lại do người khác làm cho nhớ nghĩ, kia lúc bấy giờ tham sân... cùng các pháp bất thiện hiện hành nơi tâm. Cho đến hết thấy tướng thô tế hiện hành, tức xả tâm bất thiện, chỉ trụ tâm vô ký. Vì sao? Kia lúc bấy giờ đối với hiểu biết bất thiện đã tập quen cũng chẳng thể nhớ và người khác cũng chẳng thể khiến kia nhớ nghĩ lại.

Lại khi người tâm thiện sắp mạng chung, nơi thân không chịu khổ bức bách, an vui mà chết. Khi người tâm ác sắp mạng chung, khổ cực nặng bức bách nơi thân, khổ não mà chết. Lại người tâm thiện chết, thấy sắc tướng không hỗn loạn. Người tâm bất thiện chết, thấy sắc tướng hỗn loạn.

Sao gọi là tâm vô ký mà chết? Tức là người hành thiện, bất thiện, hoặc người không hành thiện, bất thiện, khi sắp mạng chung tự không thể nhớ, không người khác làm cho nhớ. Bấy giờ người ấy chẳng phải tâm thiện, chẳng phải tâm không thiện mà chết, tức chẳng phải an vui mà chết, cũng chẳng phải khổ não mà chết.

Lại bổ-đặc-già-la lúc còn sanh tiền hành thiện và bất thiện, lúc sắp mạng chung, hoặc tự nhớ lại thói quen làm thiện cùng bất thiện trước, hoặc người khác làm cho nhớ lại. Người kia lúc bấy giờ, các thói quen thường làm khi còn sống có lực mạnh hơn thì tâm sẽ nhớ nghĩ rõ ràng hơn, các thói quen còn lại thấy đều quên. Nếu tất cả thói quen làm thiện và bất thiện đều ngang nhau, lúc ấy tùy theo tâm niệm đầu tiên mà mình tự nhớ, chỉ nhớ như vậy không xả, không khởi tâm khác. Kia bấy



giờ do hai lực tăng thượng của hai loại nhân mà mạng chung, tức là lực tăng thượng của nhân vui đắm hý luận và lực tăng thượng của nhân nghiệp tịnh, bất tịnh. Thọ hết quả do nghiệp trước đã dẫn rồi, nếu kẻ hành nghiệp bất thiện, lúc bấy giờ trước sẽ thọ các nghiệp bất thiện đã làm, nên tướng hiện trước mặt là quả không ưa thích, giống như trong mộng thấy vô lượng loại sắc tướng kinh quái biến hóa. Căn cứ nơi tướng đây mà Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Nếu có kẻ trước kia đã làm nghiệp ác bất thiện và tăng trưởng rồi, kia bấy giờ giống như mặt trời khuất bóng, hoặc bóng núi chập chùng... che treo lủng lẳng, che khắp, che không cùng tận”. Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy là từ sáng hướng vào trong tối.

Nếu bổ-đặc-già-la trước thọ hết quả nghiệp bất thiện, kể đến đã tu thiện thì trái với tướng trên. Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy, từ trong tối đi ra sáng. Trong đây có sự sai khác, tức là người tu thiện nghiệp kia khi sắp mạng chung, giống như trong mộng thấy vô lượng sắc tướng khiến sanh vui vẻ, không kinh quái biến hóa.

Nếu người tạo nghiệp bất thiện phẩm thượng,

khi thấy tướng kinh quái biến hóa khác thường sanh khởi thì tóc lông dựng đứng, chảy mồ hôi, tay chân bấn loạn, mắt liền bị hoa đốm, đứng tròng, nhai nước bọt. Kể kia lúc bấy giờ thấy hết thấy tướng kinh quái biến hóa như vậy.

Nếu người tạo nghiệp bất thiện phẩm trung, kia bấy giờ hoặc có thấy, hoặc không thấy tướng kinh quái biến hóa. Giả sử người kia có thấy cũng chẳng thường, chẳng nhiều.

Lại các chúng sanh khi sắp mạng chung, cho đến chưa đến giai đoạn tướng hôn muội, ngã ái do trường thời tập quen hiện hành. Do lực đây nên ngã đang không, bỗng liền yêu quý tự thân mình. Nương đây kiến lập báo sanh trung hữu. Nếu ở quả Dự lưu và quả Nhất lai, lúc đó ngã ái cũng lại hiện hành. Tuy có ngã ái, mà do lực trí huệ lớp lớp điều phục nên không bị đắm trước, giống như bậc trượng phu dễ dàng đánh thắng kẻ gầy yếu, nên biết đạo lý đây cũng vậy. Nếu ở quả Bất hoàn, lúc đó ngã ái không hiện hành trở lại. Lại nếu rõ được chi tiết, thì chỉ trừ địa ngục và trời, tất cả các cõi sanh còn lại đều có ngã ái. Đây lại có hai loại: một là nặng, hai là nhẹ. Nặng là người làm nghiệp ác. Nhẹ là người

làm nghiệp thiện. Bắc cầu-lô châu tất cả đều nhẹ.

Lại nếu ở Sắc giới chết đi, đều đủ các căn. Nếu ở Dục giới chết đi, thì theo đó sở hữu các căn hoặc đầy đủ, hoặc chẳng đầy đủ.

Lại người thanh tịnh giải thoát mà chết, gọi là điều thiện chết. Người không thanh tịnh không giải thoát mà chết, gọi là không điều thiện chết.

Lại người khi sắp chết mà làm nghiệp ác, thức đang ở nơi nương tựa dần xả từ phần trên, tức từ phần trên cảm giác lạnh theo thức mà khởi, như vậy dần dần xả cho đến tim. Người làm thiện nghiệp, thức đang ở nơi nương tựa dần xả từ phần dưới, tức từ phần dưới cảm giác lạnh theo thức mà khởi, như vậy dần dần xả cho đến tim. Nên biết thức sau cùng chỉ từ tim xả, từ đây cảm giác lạnh lan khắp thân.

o. *Sao gọi là sống?* Do ngã ái đã sanh không gián đoạn, do nhân say đắm hý luận đã huân tập từ vô thủy và do nhân nghiệp tịnh bất tịnh đã huân tập, làm thể cho kia nương. Lại do lực tăng thượng của hai chủng nhân nên từ tự chủng tử, tức là ở chỗ đây, trung hữu dị thực được sanh không gián đoạn. Đạo lý chết, sống diễn ra cùng lúc. Thân

trung hữu đây đều đầy đủ các căn. Kẻ tạo ác nghiệp chỗ được thân trung hữu như ánh sáng sắc đen của con dê, hoặc trời đêm âm u. Người tu thiện nghiệp chỗ được thân trung hữu, như ánh sáng của áo trắng, hoặc trời đêm trong sáng.

Lại thân trung hữu đây, có sở hành thiên nhân cực thanh tịnh. Thân trung hữu bảy giờ, ngã ái trước kia lại chẳng hiện hành, vì thức đã trụ vậy. Nhưng đối với cảnh giới, khởi hý luận ái. Tùy theo chỗ sẽ sanh, thì thân trung hữu sẽ giống như những hình dạng cảnh giới đó mà sanh.

Lại mắt trung hữu giống như thiên nhân, không bị chướng ngại, chỉ thấy được chỗ sắp sanh đến, nên hướng đến thì không bị ngăn ngại, như được thần thông. Lại do mắt đây, nên thấy hữu tình trung hữu đồng loại và thấy chỗ sanh xứ của thân mình. Lại kẻ tạo ác nghiệp, mắt thấy bất tịnh, giấu mặt mà đi. Nếu sanh về cõi trời thì đi lên. Nếu sanh vào cõi người thì đi ngang.

Lại thân trung hữu đây, nếu chưa có được duyên sanh thì nhiều nhất trụ trong bảy ngày. Nếu có được duyên sanh thì không quyết định. Nếu đến giới hạn ngày thứ bảy mà chưa được duyên sanh, tức

sẽ thọ cảm giác chết đi sống lại, cũng trụ nhiều nhất là bảy ngày. Như vậy triển chuyển mà cũng chưa được duyên sanh, thì trụ tối đa cho đến bốn mươi chín ngày. Từ đây về sau quyết định được duyên sanh.

Lại thân trung hữu đây chết bảy ngày rồi, hoặc liền sanh ở trong loài này, hoặc do nghiệp khác có thể chuyển mà chủng tử trung hữu chuyển, thì sẽ sanh ở trong loài khác.

Lại thân trung hữu đây có vô số tên gọi khác nhau. Hoặc gọi là trung hữu, do sanh ở khoảng trung gian giữa hai hữu là sanh và tử. Hoặc gọi là kiện-đạt-phước, vì tìm mùi hương mà đi, mùi hương là chỗ giúp đỡ nương nhờ. Hoặc gọi là ý hành, bởi lấy ý làm chỗ y nương nên đến được các sanh xứ vậy. Đây chỉ nói thân đến, chẳng phải tâm duyên mà đến. Hoặc gọi là sanh thú, bởi hướng đến sanh hữu mà khởi. Nên biết thân trung hữu có ở tất cả những sanh xứ khác, trừ ở cõi Vô sắc.

Lại kể tạo nghiệp ác, như giết dê, gà, heo... một loài nào đó, do sống ở trong chúng đồng phạm với bất luật nghi, nên tạo tác nghiệp bất thiện. Do nhân duyên đây cảm ở địa ngục và lại khiến nghiệp đây càng thêm tăng trưởng. Kia lúc bấy giờ giống

như trong mộng, từ nơi ác nghiệp kia mà được chỗ sanh, trở lại thấy các hữu tình như thế, cũng giết dê, gà, heo... Do việc làm đã tập quen trước kia nên lấy làm ưa thích, rong ruổi muốn đến chỗ đó, liền bị giữ lại trong cảnh giới ấy. Trung hữu liền diệt, sanh hữu nối nhau khởi. Kia khi sắp chết, như sự chết của trung hữu trước, thấy sắc rối loạn. Như vậy đạo lý sanh diệt nên biết như trước.

Lại lúc kia sanh chỉ là hóa sanh, nhưng sáu nội xứ đầy đủ. Lại khởi tâm đây mà rong ruổi đi đến nơi sắp sanh: “Ta cùng kia chơi đùa thọ vui, tập các kỹ năng tài nghệ”. Kia bấy giờ điên đảo, tạo tác chủng chủng sự nghiệp và có cảm xúc lạnh nóng. Nếu kia lìa vọng kiến, khởi nghĩ: “Tướng mạo như vậy còn không muốn hưởng đến, hà huống vãng sanh đến chỗ kia”. Nếu không hưởng đến chỗ đó, thì không muốn sanh qua.

Đối với sanh vào địa ngục như vậy, thì đối với sanh trong quỷ thú khác nên biết cũng vậy, như quỷ bước cổ...

Lại sanh trong quỷ, bàng sanh, người... và sanh trong chúng đồng phạm trời Dục giới hay Sắc giới, khi sắp thọ sanh thấy mình đồng loại với hữu tình

rất vừa ý ở xứ sẽ sanh. Do đây đối với xứ kia khởi vui muốn, liền bị câu thúc đến sanh xứ ấy. Đạo lý sống chết nên biết như trước.

Lại phải đủ 3 yếu tố mới được nhập thai mẹ:

1. Nơi mẹ điều hòa thuận thích mà lại đúng thời;  
2. Cha mẹ hòa hợp đều khởi ái nhiễm; 3. Lúc đó kiện-đạt-phước (trung hữu) đang hiện tại tiên.

Lại cũng không có 3 loại chương ngại: 1. Quá hoạn do đường sanh dễ gây ra; 2. Quá hoạn do chủng tử gây ra; 3. Quá hoạn do túc nghiệp gây ra. Quá hoạn do đường sanh dễ gây ra: tức là đường sanh dễ bị gió nóng bức bách. Hoặc ở trong đường sanh dễ có dạng như hạt cây ma, hạt lúa mạch. Hoặc lại đường sanh dễ có dạng như xoắn ốc, hoặc bị cong, bị uốn khúc, hoặc có uế có trược. Hết thấy loại như vậy là quá hoạn do đường sanh dễ gây ra.

Quá hoạn do chủng tử gây ra: tức là cha xuất bất tịnh, mẹ không. Hoặc mẹ xuất mà cha không. Hoặc cha mẹ đều chẳng xuất. Hoặc tinh cha bị hư, hoặc mẹ bị hư, hoặc cha mẹ cùng hư. Hết thấy loại như vậy là quá hoạn do chủng tử gây ra.

Quá hoạn do túc nghiệp gây ra: tức là hoặc cha, hoặc mẹ không tạo tác, không tăng trưởng

nghiệp cảm có con. Hoặc cả hai lại đều không. Hoặc hữu tình kia không tạo tác, không tăng trưởng nghiệp cảm cha mẹ. Hoặc cha mẹ kia tạo tác và tăng trưởng nghiệp cảm con khác. Hoặc hữu tình kia tạo tác và tăng trưởng nghiệp cảm cha mẹ khác. Hoặc nghiệp cảm dòng họ danh giá, hoặc nghiệp cảm dòng họ thấp hèn. Hết thấy loại như vậy gọi là quá hoạn do túc nghiệp gây ra.

Nếu không có ba loại quá hoạn như vậy, lại thêm đầy đủ ba yếu tố trên, sẽ được nhập thai mẹ. Đó là kia đang ở thân trung hữu, tự thấy hữu tình đồng loại với mình hoan lạc vui đùa, khởi mong muốn hy cầu đến nơi sanh xứ ấy. Kia lúc bấy giờ thấy cha mẹ cùng hành tà hạnh, tinh huyết xuất ra, bèn khởi điên đảo chẳng cho là cha mẹ hành tà hạnh với nhau, mà khởi hiểu điên đảo thấy mình tự hành. Do thấy tự hành rồi liền khởi tham ái. Nếu trung hữu đang hành dục sẽ là nữ, thì đối với cha bèn khởi tham hội. Nếu trung hữu đang hành dục sẽ là nam, tức kia đối với mẹ khởi tham hội. Do đây tiến gần đến chỗ chật hẹp, nếu là nữ thì đối với mẹ muốn thoát ra xa, nếu là nam thì đối với cha cũng vậy. Sanh dục đây rồi, hoặc chỉ thấy



nam, hoặc chỉ thấy nữ. Như vậy dần dần tiến gần sát đến kia. Như vậy như vậy dần dần chẳng thấy phần khác của cha mẹ, chỉ thấy căn môn nam nữ, tức là ở xứ đây liền bị câu thúc. Đạo lý sống chết nên biết như vậy.

Nếu kẻ phước mỏng sẽ sanh nhà hạ tiện, kia lúc chết và lúc nhập thai đều nghe chuông chuông âm thanh hỗn loạn và tự vọng thấy đi vào trong rừng cây tre trúc, lau sậy... Nếu kẻ nhiều phước sẽ sanh nhà tôn quý, kia lúc bấy giờ tự mình nghe được các âm thanh tịch tịnh du dương khả ý và tự mình vọng thấy hiện tướng đi lên cung điện khả ý. Bấy giờ tham ái cha mẹ đều đến cực điểm, mỗi người xuất một giọt tinh huyết nồng nàn. Hai giọt tinh huyết hòa hợp trụ trong thai mẹ, hợp làm một chỗ giống như sữa chín đông đặc. Ngay lúc này, A-lại-da thức, chỗ thu nhiếp dị thực, chỗ nương lãnh thọ và giữ gìn tất cả chủng tử hòa hợp nương gá vào.

Sao gọi là hòa hợp nương gá? Tức là chỗ xuất tinh huyết nồng nàn đây hợp làm một rồi và duyên diên đảo của trung hữu đều diệt. Tức do lực công năng của tất cả chủng tử thức, nên có căn vi tế khác cùng đại chủng hòa hợp mà sanh và các căn

khác đồng phận tinh huyết hòa hợp quyện lấy mà sanh. Ở trong lúc này nói là thức đã trụ kết sanh tương tục. Cho nên giai đoạn đây gọi là yết-la-lam.

Trong yết-la-lam này có đại chủng của các căn, chỉ cùng với thân căn và chỗ căn nương đại chủng cùng lúc sanh. Tức là do lực thân căn đây cùng sanh với đại chủng của các căn, nên các căn như mắt... thứ lớp được sanh.

Lại cũng do lực thân căn cùng sanh với đại chủng chỗ căn nương, mà chỗ nương của các căn lần lượt được sanh. Do các căn kia cùng với chỗ các căn nương tựa sanh ra đầy đủ, nên gọi là thành tựu sự nương tựa viên mãn.

Lại sắc yết-la-lam đây và tâm tâm pháp cùng chung an bình, nguy hại, cho nên gọi là nương giá. Do lực nương giá của tâm tâm pháp, cho nên sắc chẳng bị hư hoại. Sắc bị tổn giảm hay tăng thêm thì tâm tâm pháp cũng bị tổn giảm hay tăng thêm, cho nên nói kia cùng chung an bình, nguy hại.

Lại chỗ nương giá ban đầu của thức yết-la-lam đây tức là tim thịt. Như vậy chỗ nương giá lúc ban đầu của thức, cũng là chỗ xả bỏ sau cùng của thức.



## *Quyển 2*

### **Thứ 2. Ý ĐỊA**

#### **Phần 2**

Lại nữa, tất cả chủng tử thức đây, nếu là pháp Bát niết-bàn, thì hết thấy đầy đủ tất cả chủng tử Bồ-đề; nếu là pháp không Bát niết-bàn, thì khuyết ba chủng tử Bồ-đề. Tùy theo sanh xứ mà tự thể sanh trong ấy, chủng tử của tự thể khác thấy đều triển chuyển theo. Cho nên trong tự thể Dục giới, cũng có tất cả chủng tử Sắc giới, Vô sắc giới. Như vậy trong tự thể Sắc giới cũng có tất cả chủng tử Dục giới, Vô sắc giới; trong tự thể Vô sắc giới cũng có tất cả chủng tử Dục giới, Sắc giới.

Lại khi yết-la-lam dần dần tăng trưởng, thời tên gọi và sắc cùng tăng trưởng ngang nhau, dần dần cho đến đầy đủ rộng lớn, tăng trưởng như vậy đến khi sự nương tựa được viên mãn. Trong đây, do địa giới nên tạo sắc nương ở dần dần thêm lớn rộng, do thủy giới nên thu nhiếp giữ gìn khiến chẳng tan, do hỏa giới nên thành thực vững chắc, do không

nhuần thấm và do phong giới nên phân biệt an đặt chi tiết ở mỗi vị trí riêng khác và ổn định.

Lại tất cả chủng tử thức, ở sanh tự thể tuy có nhân nghiệp tịnh bất tịnh, nhưng chỉ có say đắm hý luận là nhân thù thắng hơn cả. Ở sanh quả dòng tộc, sắc lực, thọ lượng, vật dụng... thì nghiệp tịnh, bất tịnh là nhân thù thắng hơn cả.

Lại các phàm phu ở nơi tự thể trên mà chấp là ngã, ngã sở cùng khởi ngã mạn. Tất cả bậc thánh chỉ quán là khổ.

Lại ở trong thai có tự tánh thọ không khổ không vui nương thức tăng trưởng. Chỉ có tánh thọ đây là chỗ thu nhiếp dị thực. Tất cả thọ còn lại hoặc do dị thực sanh, hoặc do duyên cảnh giới sanh.

Lại thọ khổ, thọ vui hoặc có khi theo duyên hiện khởi, hoặc có khi chẳng khởi.

Lại thể chủng tử từ vô thủy đến nay tương tục không dừng. Tánh thể chủng tử tuy có từ vô thủy, nhưng do nghiệp tịnh bất tịnh sai biệt huân ướp tương tục dấy khởi, nên lớp lớp mong muốn giữ lấy quả dị thực, nên nói chủng tử kia là mới mới. Nếu đã sanh quả, thì nói chủng tử đây là đã thọ quả. Do đạo lý đây, sanh tử lưu chuyển tương tục chẳng dứt,

cho đến chưa Bát niết-bàn.

Lại các chủng tử chưa cho quả, hoặc đời sau sẽ sanh, hoặc nhiều đời sau sẽ sanh. Tuy trải qua trăm ngàn kiếp, tất cả tự thể từ chủng tử của mình lần lượt sẽ sanh đầy đủ. Tuy sanh quả khác, song vẫn do tự chủng tử của mình sanh. Nếu đạt đến tận giới hạn thọ lượng, bấy giờ chủng tử đây gọi là đã thọ quả. Chủng tử tự thể còn lại chưa cho quả, nên không gọi là đã thọ quả.

Lại các chủng tử ở trong thân phải thọ dị thực, nếu duyên sai khác thì chẳng thọ, vì thuận theo thọ bất định. Nhưng chủng tử đây cũng chỉ trụ ở vị đây. Cho nên trong mỗi một tự thể đều có tất cả tự thể chủng tử. Nếu ở một xứ có nhiễm dục, tức nói ở tất cả xứ có nhiễm dục. Nếu ở một xứ được ly dục, tức nói ở tất cả xứ được ly dục.

Lại chủng tử ở trong các tự thể, nếu thuộc phẩm phiền não thu nhiếp, thì gọi là thô trọng, cũng gọi là tùy miên. Nếu thuộc phẩm dị thực thu nhiếp và thuộc phẩm vô ký khác thu nhiếp, thì chỉ gọi là thô trọng, chẳng gọi là tùy miên. Nếu thuộc phẩm thiện pháp như tín, tầm, quý... thu nhiếp, thì chẳng gọi là thô trọng, cũng chẳng gọi là tùy miên.

Vì có sao? Bởi khi do sanh pháp nầy nương tựa nơi tự thể. Tự thể đây duy chỉ có kham chịu, chẳng phải không kham chịu. Cho nên tất cả sự nương tựa tự thể là chỗ thô trọng đi theo, là chỗ thô trọng sanh ra, là tự tánh thô trọng. Cho nên chư Phật Như Lai kiến lập là khổ, gọi là hành khổ.

Lại các chủng tử có nhiều tên gọi khác nhau, đó là: giới, chủng tánh, tự tánh, nhân, tát-ca-da, hý luận, a-lại-da, thủ, khổ, nơi nương ở của tát-ca-da kiến, nơi nương ở của ngã mạn.

Lại khi Bát-niết-bàn, các hành đã được chuyển y thanh tịnh, thì tất cả chủng tử pháp nhiễm ô nương ở được chuyển xả; còn tất cả chủng tử pháp thiện, vô ký chuyển khiến duyên khuyết, chuyển được nội duyên tự tại.

Lại ở trong thai trải qua 38 tuần, tất cả chi phần của thai tạng thấy đều đầy đủ. Từ đây về sau trải qua bốn ngày nữa mới được sanh ra. Như trong *Kinh Nhập Thai*, Đức Bạc-Già-Phạm đã thuyết rộng: “Nếu thời gian thai trải qua chín tháng hoặc hơn chín tháng, thì gọi là sanh già tháng. Nếu trải qua tám tháng, chỉ gọi là sanh đủ tháng. Nếu trải qua bảy tháng, sáu tháng, thì gọi là sanh thiếu tháng”.

Lại nói về giai đoạn của sáu thời kỳ trong thai tạng. Nhờ thức ăn của mẹ, sanh ra vị nhuần thấm thô mà thai được nuôi dưỡng. Trong giai đoạn cực nhỏ của yết-la-lam... nhờ vị nhuần thấm vi tế mà được nuôi lớn.

Lại nữa, thai tạng đây có 8 giai đoạn sai biệt. Những gì là tám? Đó là giai đoạn yết-la-lam, giai đoạn át-bộ-dàm, giai đoạn bế-thi, giai đoạn kiện-nam, giai đoạn bát-la-xa-khư, giai đoạn tóc lông móng, giai đoạn căn, giai đoạn hình.

- Nếu bên ngoài đã kết ngưng, chi tiết bên trong lỏng nhỏ, gọi là yết-la-lam.

- Nếu trong sền sệt như sữa đặc, chưa đến giai đoạn thịt, gọi là át-bộ-dàm.

- Nếu đã thành thịt nhưng rất mềm gọi là bế-thi.

- Nếu đã dày cứng chắc, chịu được sự xúc chạm chút chút, gọi là kiện-nam.

- Thịt có thể cầm nắm, tăng trưởng cho đến tướng chi phần hiện, gọi là bát-la-xa-khư.

- Từ đây về sau tóc lông móng hiện ra, gọi là giai đoạn tóc lông móng.

- Kế đến các căn mắt... sanh ra, gọi là giai đoạn căn.

- Tiếp theo là chỗ của các căn nương tựa hiện ra rõ ràng, gọi là giai đoạn hình.

Lại ở trong thai tạng, hoặc do nghiệp lực đời trước, hoặc do sinh hoạt của người mẹ không kiêng cử, không quân bình, nên gió thuận theo đó phát sanh, khiến thai tạng dây hoặc tóc, hoặc sắc, hoặc da, hay chi phần khác bị biến dạng cho đến lúc sanh ra.

- Biến dạng của tóc: do đời trước gây tạo nghiệp ác bất thiện mà năng chiêu cảm việc dây. Cũng do duyên hiện tại người mẹ có thói quen hoặc ăn hoặc uống nhiều vị mặn như muối... khiến thai tạng dây tóc lông thưa thớt.

- Biến dạng của sắc: do nghiệp nhân như trước đã nói. Cũng do duyên hiện tại người mẹ có thói quen thích gần chỗ nóng, khiến thai da đen sậm. Hoặc do người mẹ có thói quen ưa gần chỗ rất lạnh, khiến da thai tạng sanh sắc trắng bạch. Hoặc do người mẹ ăn nhiều thức ăn nóng, khiến thai tạng kia sanh sắc đỏ sậm.

- Biến dạng của da: do nghiệp nhân như trước đã nói. Cũng do duyên hiện tại người mẹ có thói quen nhiều dâm dục, khiến thai tạng có da xấu, hoặc bị nấm da, ghẻ lở, cùi hủi... khi sanh ra.



- Biến dạng của chi phần: do nghiệp nhân như trước đã nói. Cũng do duyên hiện tại người mẹ thường hay chạy nhảy, không kiên cử, không quân bình, khiến chi phần các căn của thai tạng bị khuyết tật khi sanh ra

Lại thai tạng nếu là con gái thì ở bên hông trái của mẹ, tựa lưng vào xương sống, hướng mặt ra phía bụng. Nếu là con trai thì ở bên hông phải của mẹ, tựa lưng vào bụng, hướng mặt về xương sống.

Lại khi thai đã đủ ngày đủ tháng, người mẹ không thể chịu được trọng lượng của thai, lúc ấy gió bên trong phát sanh đau đớn vô cùng. Lại nghiệp báo phát khởi, gió phần sanh dấy khởi khiến thai đầu hướng xuống dưới, chân hướng lên, vỏ bọc thai bên trong hướng đến sản môn. Đến thời kỳ thích hợp để ra ngoài, vỏ thai bị rách phân làm hai nách. Khi ra sản môn gọi là giai đoạn chánh sanh. Sau khi sanh, lần lượt phần cảm xúc được sanh, chỗ gọi nhãn xúc cho đến ý xúc. Kế đến bị cuốn vào các sự nghiệp thế gian, đó là học theo cách thức nói năng thế tục... Khi trưởng thành lại quỵện đấm gia thất, dòng tộc để duy trì nòi giống. Khi các căn đã khéo léo thuần thục lại tạo dựng các sự

ngiệp công xảo ở thế gian. Tiếp tục thọ dụng các cảnh giới, chỗ gọi sắc... hoặc khả ái, hoặc chẳng khả ái. Ở đây thọ khổ hay thọ vui là do nghiệp nhân đời trước, hoặc do duyên hiện tại. Tùy theo chỗ dẫn dắt của duyên hoặc trôi dạt theo năm đường, hoặc hướng đến Niết-bàn.

Lại các hữu tình khi sanh có tự thể đồng dạng với chúng hữu tình ở nơi sanh đó. Loại hữu tình mới sanh ở trong chúng hữu tình đây, gây làm 4 chủng duyên: 1. Chủng tử làm chỗ dẫn dắt; 2. Thức ăn nuôi dưỡng; 3. Theo đuổi, hấp thụ, giữ gìn; 4. Huân tập thân ngữ nghiệp.

Duyên thứ nhất, tức là do tinh huyết cha mẹ làm chỗ dẫn dắt.

Duyên thứ hai, tức là kia đã sanh, tự biết làm theo những gì mình muốn, như cầu ăn uống, lấy đây nuôi dưỡng thân.

Duyên thứ ba, tức là kia thường triển chuyển theo đuổi ý thích của mình, chuyên chí giữ gìn, khiến không phát khởi làm hạnh phi thời và hạnh không bình đẳng.

Duyên thứ tư, tức là kia học tập các sự nghiệp thế tục.

Tất cả điều trên chỉ khiến chúng loại được tồn tại rộng lớn và khiến các căn thành thực. Các sự việc tiếp diễn lần lượt như vậy mãi. Cho nên các loại hữu tình từ vô thủy đến nay thọ khổ thọ vui, chưa từng thu được pháp ra khỏi khổ vui, cho đến chư Phật chưa chứng Bồ-đề, cứ như vậy triển chuyển. Nếu từ người được nghe chánh pháp, cùng bên trong chánh tư duy, mới có thể lậu tận. Câu nghĩa như vậy rất khó hiểu, đó là “Ta không có, hoặc phần, hoặc ai, hoặc sự việc. Ta cũng đều chẳng phải hoặc phần, hoặc ai, hoặc sự việc...”

Như vậy đã nói tóm lược phần trong sanh tử.

## **B. PHẦN NGOÀI SANH TỬ:**

Sao gọi là hoặc hoại, hoặc thành của phần ngoài sanh tử? Đó là do sự tạo tác của các hữu tình mà năng chiêu cảm nghiệp thành hay nghiệp hoại. Nếu hiện tiền năng cảm nghiệp hoại, lúc ấy liền có duyên hoại bên ngoài dấy khởi. Đây là do phần ngoài thấy đều tan hoại, không như phần trong là do thọ lượng tận. Vì cố sao? Tất cả phần ngoài là chỗ có sắc thô được bốn đại tạo thành, thường trụ

tương tục, không như phân trong.

Lại nghiệp chiêu cảm thành khí thể gian, nghiệp đây quyết định năng dẫn kiếp được trụ, chẳng tăng chẳng giảm. Cũng có loại hữu tình, thời gian không quyết. Vì có sao? Do kia tạo tác chủng chủng nghiệp, hoặc quá một kiếp, hoặc lại giảm cho đến một tuổi.

### **A. Thế gian hoại:**

Kiếp hoại do 3 thứ tai họa: **1.** Hỏa tai, hoại thế gian từ địa ngục Vô gián cho đến trời Phạm thế; **2.** Thủy tai, hoại tất cả cho đến trời Đệ nhị tinh lự; **3.** Phong tai, hoại tất cả cho đến trời Đệ tam tinh lự. Trời Đệ tứ tinh lự không tai họa nào có thể hoại được. Do các trời kia thân và cung điện cùng sanh cùng diệt, pháp nhân duyên cũng không thể hoại. Lại 3 tai họa không thể hoại là đánh Đệ nhị tinh lự, Đệ tam tinh lự và Đệ tứ tinh lự.

Lại thế gian đây có 20 trung kiếp hoại, 20 trung kiếp đã hoại rồi không, 20 trung kiếp thành, 20 trung kiếp đã thành rồi trụ. Như vậy tổng cộng là 80 trung kiếp, giả lập là một đại kiếp.

Lại chư thiên cõi Phạm thế thọ mạng một kiếp;

đây hoại sau cùng, nhưng cũng hình thành sớm nhất. Nên biết thời gian kiếp đây kiến lập khác nhau. Tức là trời Phạm chúng thì 20 trung kiếp hợp làm một kiếp, căn cứ kiếp đây mà kiến lập thọ mạng. Trời Phạm tiền ích thì 40 trung kiếp hợp làm một kiếp, căn cứ kiếp đây mà kiến lập thọ mạng. Trời Đại phạm thì 60 trung kiếp hợp làm một kiếp, căn cứ kiếp đây mà kiến lập thọ mạng.

**1. Hỏa tai năng hoại thế gian:** Có một thời hữu tình thế gian thọ mạng vô hạn. Từ đây giảm dần cho đến thọ mạng còn 80.000 tuổi. Chúng hữu tình kia lại thọ hành pháp bất thiện, nên thọ mạng tiếp tục giảm dần cho đến 10 tuổi. Bảy giờ hữu tình kia lại có tâm chán lìa, nên thọ hành pháp thiện. Do nhân duyên đây, thọ mạng lại tăng dần cho đến 80.000 tuổi. Thọ mạng một lần giảm, một lần tăng như vậy hợp thành một trung kiếp.

Lại trung kiếp đây, có 3 chủng tai họa nhỏ xuất hiện, đó là: đói khát, bệnh tật và đao binh.

Tai họa đói khát xuất hiện khi người thọ 30 tuổi. Đương lúc bảy giờ thức ăn uống tinh diệu chẳng thể có trở lại. Chỉ nấu nướng xương mục, rồi

tụ tập lại ăn uống. Nếu gặp được một hạt gạo, lúa mì, hay một hạt cỏ... cũng được người ta xem như châu báu, dùng rương hòm bỏ lúa trong ấy để gìn giữ cẩn thận. Các hữu tình kia phần nhiều không có khí lực, nếu bị ngã nhào xuống đất chẳng thể đứng dậy. Do tai họa đói đây, không có đầy đủ lương thực, nên hữu tình chết gần hết. Tai họa đây trải qua bảy năm, bảy tháng, bảy ngày, bảy đêm mới qua khỏi. Các hữu tình kia bấy giờ tụ tập lại bàn luận khởi niệm chán lìa tai họa bậc hạ. Do nhân duyên đây tuổi thọ chẳng bị thối giảm, nên tai họa đói khát liền dứt.

Nếu khi người tuổi thọ còn 20 tuổi thì tâm niệm chán tai họa xưa kia nay buông bỏ. Cho nên bấy giờ có nhiều bệnh truyền nhiễm khí chướng ôn dịch, tai họa lan tràn khiến sợ hãi nối tiếp sanh. Các hữu tình kia mắc phải các bệnh đây nên chết rất nhiều. Tai họa bệnh tật như vậy trải qua bảy tháng, bảy ngày, bảy đêm mới qua khỏi. Các hữu tình bấy giờ lại cùng nhau tụ họp bàn luận khởi niệm chán lìa tai họa bậc trung. Do nhân duyên đây thọ mạng không bị thối giảm, nên tai họa bệnh tật liền dứt.

Khi người thọ 10 tuổi thì tâm niệm chán lia tai hoạn xưa kia nay buông bỏ. Bấy giờ hữu tình triển chuyển gặp gỡ, mỗi mỗi khởi tâm giết hại nhau. Do nhân duyên đây chỉ cầm cỏ cây cùng với ngói đá trên tay đều biến thành đao kiếm sắc bén. Dùng đây để giết hại tương tàn lẫn nhau nên chết gần hết. Tại họa đao binh như vậy, trải qua nhiều nhất bảy ngày mới qua khỏi. Vào lúc bấy giờ, hữu tình lại có 3 chủng rất cực suy tổn, đó là: thọ mạng suy tổn, thân nương tựa suy tổn và vật dụng suy tổn.

- Thọ mạng suy tổn: thọ mạng tối đa là 10 tuổi.

- Thân nương tựa suy tổn: thân thể to lắm chỉ bằng một nắm tay.

- Vật dụng suy tổn: hữu tình bấy giờ, trong tất cả loại thức ăn, lấy thóc lúa nhỏ bé là thức ăn ngon nhất. Trong tất cả loại y phục, lấy tóc làm y phục là đẹp nhất. Trong tất cả đồ trang sức, lấy sắt làm đồ trang sức là hoàn mỹ nhất. Năm chủng thượng vị là tô, mật, dầu, muối, đường mía thấy đều ẩn mất.

Bấy giờ hữu tình triển chuyển tụ tập họp bàn khởi chán lia tai hoạn bậc thượng, nên tuổi thọ không bị thối giảm. Lại năng xả bỏ pháp ác bất

thiện đã làm thọ mạng bị tổn giảm, vâng làm theo thiện pháp nên thọ mạng tăng trưởng. Do nhân duyên đây nên thọ mạng, sắc lực, giàu có, vui vẻ tự tại... đều dần dần tăng trưởng, cho đến thọ mạng 80.000 tuổi.

Như vậy 20 lần giảm, 20 lần tăng, hợp lại làm 40 tăng giảm thì ra khỏi kiếp trụ. Trong đợt tăng cuối cùng, bấy giờ hữu tình na-lạc-ca chỉ chết, chẳng sanh, như vậy dần dần cho đến chết hết. Nên biết gọi là thế gian na-lạc-ca bị hoại.

Như thế gian na-lạc-ca bị hoại, thì thế gian bàng sanh, ngã quý bị hoại cũng lại như vậy.

Đương lúc bấy giờ, trong loài người có một hữu tình tự nhiên đắc được pháp Đệ nhị tinh lục. Các hữu tình khác xoay vần theo đây học tập cũng lại như vậy. Từ đây chết rồi đều sanh đồng phận trong chúng trời Cực tịnh quang. Nên biết lúc bấy giờ gọi là thế gian loài người hoại.

Như cõi người, thì cõi trời cũng vậy.

Đương lúc bấy giờ, nơi cư trú của thế gian ngũ thú (năm đường) không một hữu tình nào được sanh. Tất cả vật dụng cũng không có. Chẳng phải chỉ có vậy, mà ngay cả mưa cũng không. Do không



có mưa, nên cỏ cây rừng rậm trên mặt đất thảy đều khô héo. Lại không có mưa điều hòa nên nhiệt mặt trời càng thêm nóng bức.

Lại nghiệp các hữu tình năng cảm kiếp hoại lực tăng thượng và nương 6 sự bị thiêu đốt, lại có 6 mặt trời lần lượt xuất hiện. Các mặt trời này sức nóng so với mặt trời cũ đã vượt hơn 4 lần. Như vậy đã có 7 mặt trời và sức nóng tăng 7 lần.

Sao gọi là 6 sự bị thiêu đốt? 1. Hầm hố, nương rãnh lớn nhỏ do sức nóng của mặt trời thứ hai làm khô kiệt; 2. Sông lớn, sông nhỏ do sức nóng của mặt trời thứ ba làm khô kiệt; 3. Ao lớn Vô nhiệt do mặt trời thứ tư làm khô kiệt; 4. Đại hải do mặt trời thứ năm và một phần mặt trời thứ sáu làm khô kiệt; 5 và 6. Núi Tô-mê-lô và đại địa thể rắn chắc bị thiêu đốt bởi phần còn lại của mặt trời thứ sáu và mặt trời thứ bảy. Lại ngọn lửa đây bị gió thổi bùng lên hùng hực bốc cháy dữ dội cho đến trời Phạm thế.

Như vậy tóm lược làm 3 sự việc: 1. Do thiếu nước gây ra khiến cỏ cây không có nước bị khô héo; 2. Do sự cố về nước, tức là năm thứ nước bị khô cạn; 3. Do thể bền chắc hằng tương tục trụ, bị hai mặt trời thiêu đốt. Do đây tất cả thế giới đều

bị thiêu cháy, cho đến tro tàn cùng với hình ảnh sót lại cũng không còn, như kinh đã thuyết rộng. Từ đây gọi là khí thể gian đã hoại. Đầy đủ 20 trung kiếp hoại như vậy, lại đến 20 trung kiếp trụ.

**2. Thủy tai:** Đã qua 7 hỏa tai rồi, ở trong Đệ nhị tĩnh lự có thủy giới đồng sanh khởi, khí thể gian hoại, như muối bị nước làm tan hoại, thì thủy giới và khí thể gian đây đồng thời cùng mất. Như vậy mất rồi, kể đến là 20 trung kiếp trụ.

**3. Phong tai:** Đó là cứ qua 7 thủy tai rồi lại tiếp đến 7 hỏa tai, rồi liền theo đó ở trời Đệ tam tĩnh lự có phong giới câu sanh nổi lên hủy hoại khí thể gian. Như gió thổi làm khô mọi vật, lại năng làm tiêu tan tất cả, phong giới và khí thể gian đây đồng thời đều mất. Vì có sao? Như có thể thấy do gió thổi mà xương cốt thấy đều tiêu tan. Từ đây hoại rồi, kể đến là 20 trung kiếp trụ.

Như vậy đã lược thuyết thế gian đã hủy hoại.

## **B. Thế gian thành:**

Trải qua 20 trung kiếp như vậy, do tất cả nghiệp

hữu tình lực tăng thượng nên thế gian lại thành. Lúc mới đầu, ở trong hư không của cõi trời Đệ tam tinh lục, khí thế gian hình thành.

Như cõi trời Đệ tam tinh lục, thì Đệ nhị tinh lục và Sơ tinh lục cũng lại như vậy.

Bấy giờ tột đỉnh của nạn tai thứ ba có các hữu tình hết thọ mạng, hết nghiệp, hết phước. Từ kia chết rồi, đến sanh ở Đệ tam tinh lục. Tất cả xứ còn lại, dần dần thứ lớp cũng vậy.

Lại từ tột đỉnh của nạn tai thứ hai, có các hữu tình hết thọ mạng, hết nghiệp, hết phước. Từ kia chết rồi đến sanh ở Đệ nhị tinh lục. Tất cả xứ còn lại dần dần thứ lớp nên biết cũng vậy.

Lại từ tột đỉnh của nạn tai thứ nhất, có một hữu tình do hết thọ mạng, hết nghiệp, hết phước. Từ kia chết rồi, đến sanh ở Sơ tinh lục trong thế giới Phạm, làm vị Đại phạm cao nhất. Do sống một mình nên lòng không vui thích, liền có mong muốn: “Làm sao khiến hữu tình khác cũng sanh đến đây”. Đương lúc phát tâm như vậy, có các hữu tình khác hết thọ mạng ở Đệ nhị tinh lục chết, sanh ở Sơ tinh lục đồng phạm với kia.

Như vậy ba cõi tinh lục dưới, khí và hữu tình

thế gian thành.

Ở trong hư không, cung điện của bốn cõi trời Dục giới dần thành. Nên biết các cung điện ở hư không kia, đều hóa hiện ra. Lại các hữu tình trong chúng đồng phận trời Cực tịnh quang chết rồi, vãng sanh đến các cung điện đây, còn lại như trước đã thuyết.

Từ đây về sau có đại phong luân, lượng bằng tam thiên đại thiên thế giới, từ dưới thổi lên, làm chỗ nương giữ cho thế giới kia hình thành. Vì muốn an lập các loại hữu tình không có cung điện, nên đại phong luân phân làm hai tướng, đó là phân bố ngửa lên đều khắp và phân bố nghiêng một bên. Cũng do đây giữ gìn khiến nước chẳng tản khắp.

Kế do nghiệp kia lực tăng thượng, ở hư không giới mây chứa vàng nổi lên. Từ đây mưa trút trên phong luân. Kế gió lại nổi lên khuấy nước khiến rắn chắc. Đây gọi là địa luân tách vàng. Trên chịu nước mưa trút xuống xối xả, dưới chịu gió cuồng xoáy thổi xông lên. Như vậy đất được hình thành.

Kế do nghiệp kia lực tăng thượng nên trong hư không lại khởi các vùng mây chứa các giới. Lại từ mây kia mưa âm âm trút xuống. Nhưng nước mưa

đây tích tụ lại trên địa luân tánh vàng, rồi gió lại thổi khuấy nước khiến rắn chắc. Cũng do sức của gió dẫn dắt nên các hữu tánh thanh tịnh tinh diệu hơn hết hình thành núi Tô-mê-lô. Núi đây thành rồi có 4 bảo làm thể là vàng, bạc, pha chi, lưu ly.

Nếu các hữu tánh tinh diệu thanh tịnh phẩm trung thì hình thành nên bảy núi vàng, đó là núi Trì song, núi Trì-na-tra-ca, núi Mã nhĩ, núi Thiện kiến, núi Khiết-đạt-lạc-ca, núi Trì nục, núi Ni-dân-đạt-la. Các núi như vậy có hình dáng đỉnh cao nhọn mỗi mỗi sai khác nên có tên gọi sai khác, thứ lớp vây quanh núi Tô-mê-lô.

Núi Tô-mê-lô cao 80.000 du-thiện-na, rộng cũng như vậy. Chân núi ngập dưới nước lượng bằng như vậy.

Lại núi Trì song bằng một nửa núi Tô-mê-lô. Từ đây thứ lớp sáu núi vàng còn lại, tầm vóc của các núi kia dần dần giảm, mỗi núi sau chỉ bằng một nửa so với núi trước.

Nếu các hữu tánh tinh diệu thanh tịnh phẩm hạ, thì hình thành bốn đại châu, tám trung châu và núi Luân vi nằm phía ngoài bảy núi. Tất cả đây bao quanh núi Tô-mê-lô. Có bốn châu nương núi Luân vi

mà trụ, kích thước bằng nửa núi Ni-dân-đạt-la.

Lại hình thành cung điện của phi thiên. Cung điện đây ở phía dưới Tô-mê-lô, nương nước mà tồn tại.

Lại hình thành núi Đại tuyết và ao Vô nhiệt bao xung quanh vách núi.

Kế lại hình thành tám Đại na-lạc-ca ở thấp nhất, Độc nhất na-lạc-ca và Hàn na-lạc-ca. Cận biên na-lạc-ca hình thành một phần xứ quỷ và bàng sanh.

Bốn đại châu là Nam thiệm-bộ châu, Đông tỳ-đề-ha châu, Tây cù-đà-ni châu, Bắc câu-lô châu. Thiệm-bộ châu hình dáng như cái thùng xe. Tỳ-đề-ha châu hình dáng như nửa mặt trăng. Cù-đà-ni châu hình dáng tròn đầy. Bắc câu-lô châu hình dáng vuông vắn. Thiệm-bộ châu kích thước 6.500 du-thiện-na. Cù-đà-ni châu kích thước 7.500 du-thiện-na. Bắc câu-lô châu kích thước 8.000 du-thiện-na.

Lại trong khoảng giữa của bảy núi vàng có nước đầy đủ tám công đức, gọi là Nội hải.

Lại hình thành các long cung. Có tất cả 8 đại long cùng trải qua kiếp trụ, đó là: Trì Địa long vương, Hoan Hỷ Cận Hỷ long vương, Mã Loa long

vương, Mục-chi-lân-đà long vương, Ý Mãnh long vương, Trì Quốc long vương, Đại Hắc long vương, Ê-la-diệp long vương.

Lại các long vương này do nương thế lực của Đế Thích, luôn đánh nhau với phi thiên. Các chúng long vương đây có 4 chủng loại là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh. Trong loại chim Sí điều tuyệt đẹp cũng có bốn loại như vậy. Lại có các thủy tộc khác ở ngoài nội hải, gọi là Ngoại hải.

Lại nương chân núi Tô-mê-lô có bốn tầng cấp. Tầng cấp đầu tiên từ núi Tô-mê-lô nương ra ngoài rộng 16.000 du-thiện-na. Từ đây theo thứ tự ba tầng cấp còn lại kích thước giảm dần phân nửa. Có Kiên thủ thần trụ ở cấp đầu tiên, Huyết thủ thần trụ ở cấp thứ hai, Thường túy thần trụ ở cấp thứ ba, Trì man thần trụ ở cấp thứ tư.

Trên bốn góc của đỉnh Tô-mê-lô có bốn ngọn núi lớn, mỗi ngọn cao 500 du-thiện-na. Có các Dược xoa như Kim cang thủ... sống ở đây.

Lại núi Trì song, ở bốn mặt núi có bốn vương đô. Phía đông là Trì quốc, phía tây là Tăng trưởng, phía nam là Xú mục, phía bắc là Đa văn. Đây là chỗ cư trú của Tứ đại thiên vương. Ngoài núi Trì

song, các núi vàng còn lại là thôn ấp, tụ lạc của bốn vương đô này.

Lại gần núi Tuyết có một sườn núi vàng lớn tên là Hồng phi thiên cao rộng 50 du-thiện-na. Thiện Trụ long vương thường trấn giữ nơi đây. Lại Thiên Đế Thích thường ưa thích đến đây du hành dạo chơi. Trong đây có cây tên là Nhật thiện trụ đa-la thọ hàng mọc thành bảy tầng vây quanh. Lại có ao lớn tên là Mạn-đà-cát-ni, có 500 ao nhỏ xung quanh làm quyến thuộc. Thiện Trụ long vương cùng với 500 voi cái vây quanh trước sau vui chơi bên ao, tùy thích biến hiện, bơi lội trong ao, dùng gốc hoa sen làm thức ăn. Ở bên cạnh có ao lớn Vô nhiệt, ao này sâu rộng 50 du-thiện-na, cát vàng nhỏ mịn trải khắp đáy ao, có nước tám công đức đầy khắp trong ao, hình sắc thù diệu, đoan nghiêm, nếu nhìn thấy sẽ được vui. Từ ao đây chảy ra bốn nhánh sông lớn là Căng-già, Tín độ, Tư-đa và Phược-sô.

Lại ở đỉnh của Tô-mê-lô, kiến lập thiên cung của vua Đế Thích cao rộng 10.000 du-thiện-na. Các đất còn lại là thôn ấp tụ lạc của trời Đế Thích.

Lại bốn mặt núi đối diện với bốn đại châu có bốn thứ báu tạo thành. Đối diện Thiệm-bộ châu



làm bằng lưu ly. Đối diện Tỳ-đề-ha châu làm bằng bạch ngân. Đối diện Cù-đa-ni châu làm bằng hoàng kim. Đối diện Câu-lô châu làm bằng phả chi.

Lại dọc theo khu vực bên ngoài của Thiệm-bộ châu có đường của Luân vương đi, do vàng ròng tạo thành. Như chiều cao chân từ đầu gối trở xuống của hữu tình cõi Tứ đại thiên vương đứng chìm trong đại hải. Nếu Luân vương ra đời, nước biển kia sẽ rút xuống bằng chiều cao phần chân này.

Lại phía nam ao Vô nhiệt có một cây đại thọ gọi là thiệm-bộ, cho nên châu đây được gọi là Thiệm-bộ châu. Kế ở phương bắc của ao có rừng cây đại thụ rậm rạp tên là thiết-lạp-mạt-lê, các chủng loại tứ sanh và các chim cánh thần tập trung đậu chơi nơi đây. Bốn đại châu đây, mỗi châu lấy hai trung châu làm quyến thuộc. Lại có một châu là chỗ cư trú của loài La-sát.

Như vậy khí thế gian đã hình thành, có các hữu tình từ trong chúng đồng phận của cõi trời Cực tịnh quang chết đi, lại đến sanh trong đây, còn lại như trước đã nói. Có việc đây đều do kia cảm nghiệp kiếp đầu tiên. Nghiệp đây vi diệu tối thắng bậc nhất, nhiếp thuộc Dục giới. Chỉ thời này, nghiệp

này chiêu cảm quả, chẳng phải thời khác. Bấy giờ hữu tình gọi là người ở kiếp đầu tiên.

Lại hữu tình kia có sắc như ý muốn. Tất cả như vậy như kinh đã nói rộng. Vào thời ấy, mặt đất bằng phẳng, hữu tình chưa có nhà ở và các tụ lạc. Từ đây về sau, do lực phước nghiệp của các hữu tình nên đất sanh vị. Dần dần bán đất, cày non, lúa nếp không trồng mà tự xuất hiện, không thóc không trấu. Lại nơi nơi có các vùng lúa, vùng nếp sanh, các hữu tình lấy đây thọ dụng. Do duyên thọ dụng mùi vị, nên các loại hữu tình có sắc ác xuất hiện, ánh sáng bị diệt mất. Hữu tình ăn nhiều, sắc ác tăng nên thân nặng nề.

Các hữu tình lại khinh hủy lẫn hiếp lẫn nhau nên pháp ác hiện hành. Do nhân duyên đây, các thượng vị... dần dần ẩn vào đất, như kinh rộng thuyết.

Các loại hữu tình lại liếc nhìn lẫn nhau bèn khởi ái nhiễm, do đây năng cảm nghiệp nam nữ. Một số hữu tình sanh khởi nam căn, một số hữu tình sanh khởi nữ căn, dần dần liếc nhìn xâm phạm lẫn nhau, khởi các tà hạnh. Vì sợ người khác chê bai hủy báng nên tạo dựng nhà cửa để tự che giấu.

Lại thâm nhiếp lúa nếp làm của riêng, khởi ý sở hữu đất đai. Do duyên đây tranh đoạt lẫn nhau dẫn đến pháp chẳng cho mà lấy từ đây sanh, nên phải lập người phân xử, quản lý. Vị vua đầu tiên gọi là Đại Đẳng Ý. Như vậy bắt đầu có giai cấp chúng Sát-đế-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Phệ-xá, chúng Thủ-đà-la xuất hiện nơi thế gian. Thứ lớp nhân duyên như kinh đã rộng thuyết.

Lại do ánh sáng bị diệt mất nên thế gian liền có bóng tối trùm phủ. Mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao dần dần xuất hiện. Mặt trời có kích thước khoảng 51 du-thiện-na. Mặt trăng nhỏ hơn một chút. Mặt trời lấy lửa phả chi tạo thành. Mặt trăng lấy nước phả chi tạo thành. Trong hai vầng đây, vầng mặt trăng di chuyển nhanh hơn và không nhất định. Còn mặt trời cùng lúc chiếu sáng ở hai châu, lại cùng lúc làm tối ở hai châu. Tức là ở châu này mặt trời giữa trưa, ở châu kia mặt trời mọc; ở châu này vào giữa đêm, ở châu kia mặt trời lặn.

Lại tất cả mặt trời, mặt trăng, các vì sao di chuyển ở khoảng giữa của núi Tô-mê-lô, lượng cao thấp ngang bằng với núi Trì song.

Lại mặt trời di chuyển có gần xa. Nếu xa Tô-

mê-lô thì tạo nên phần lạnh, nếu gần Tô-mê-lô thì tạo nên phần nóng, cũng do đây mà mặt trời lặn có sớm có trễ. Nếu mặt trăng hơi nghiêng một chút thì chỉ thấy phân nửa, do phần khác che phần ở gần nên không thấy được. Cứ nghiêng dần như vậy cho đến dần dần hiện lại tròn đầy. Nếu ở phần đen dần dần thấp xuống, như vậy dần dần khuyết lần khuyết lần. Trong các vì sao, hình dạng lớn nhất là 18 câu-lô-xá, hình dạng trung là 10 câu-lô-xá, hình dạng nhỏ nhất là 4 câu-lô-xá.

Lại nữa, ở thế gian đã hình thành bốn giai cấp, từ đây thuận theo sự sanh khởi của yêu thương, ghét bỏ mà thọ nghiệp ngũ thú.

Lại có loại hữu tình do nghiệp tập nhiễm tăng thượng, nên cảm sanh trong na-lạc-ca làm vua Tĩnh Túc. Từ đấy liên tục lần lần có binh lính na-lạc-ca xuất hiện giống như hóa sanh. Lại có chủng chủng dụng cụ dùng để hành khổ như đồng, thiếc... và lửa trong na-lạc-ca xuất hiện. Về sau các hữu tình tùy theo nghiệp mà thọ sanh ở đây, hoặc sanh ở các cõi khác.

Như vậy 100 câu-chi bốn đại châu, 100 câu-chi Tô-mê-lô, 100 câu-chi sáu cõi trời Dục, 100 câu-chi

Phạm thế. Tổng cộng là Tam thiên đại thiên thế giới cùng thành, cùng hoại. Thế giới đây có ba chủng: 1. Tiểu thiên thế giới, tức là 1.000 mặt trời, mặt trăng cho đến Phạm thế, hợp chung làm một; 2. Trung thiên thế giới, tức là 1.000 tiểu thiên thế giới; 3. Đại thiên thế giới, tức là 1.000 trung thiên thế giới. Hợp chung đây lại gọi là Tam thiên đại thiên thế giới.

Như vậy bốn phương, trên, dưới, không cùng tận tam thiên thế giới mà thành mà hoại. Ví như trời mưa, nước rơi xuống như trục xe quay liên tục không ngừng không dứt, tung khắp bốn phương. Thế giới cũng như vậy, phân bố bốn phương cùng không tận mà thành mà hoại. Tam thiên đại thiên thế giới gọi là một cõi Phật. Đức Như Lai trong cõi này hiện thành Chánh giác, ở trong vô biên thế giới mà thiết lập Phật sự.

Như vậy thế giới đã thành lập, trong đó bao gồm:

*Năm đường:*

1. Na-lạc-ca, là chủng quả nhiếp lấy các uẩn ở na-lạc-ca và nghiệp thuận thọ na-lạc-ca; 2. Bàn sanh; 3. Nga quý; 4. Người; 5. Trời. Như na-lạc-ca, thì bàn

sanh, ngạ quỷ, người, trời cứ như vậy mà biết.

*Bốn cách thức sanh:*

1. Noãn sanh: là các loài hữu tình phá vỏ trứng mà ra, như loài ngỗng, chim nhận, chim sẻ, chim két, chim xá lợi...

2. Thai sanh: là các loài hữu tình thai được bao bọc, thai được xé bọc mà ra, như voi, ngựa, trâu, lừa...

3. Thấp sanh: là các loài hữu tình theo nơi ẩm ướt mà sanh, như con trùng, con mọt, con ngài...

4. Hóa sanh: là các loài hữu tình nghiệp lực tăng thượng, nên sanh đầy đủ trong sáu cõi như trời, na-lạc-ca thì hóa sanh hoàn toàn; hoặc không đủ như người, quỷ, bàng sanh thì hóa sanh một phần.

*Sáu sự nương giữ:*

1. Kiến lập nương giữ: là tầng phong luân thấp nhất, cùng với thủy luân và địa luân, khiến các hữu tình không bị rớt xuống nên sanh khởi.

2. Che giấu nương giữ: là nhà cửa... khiến các hữu tình giảm bớt sự chia lìa, đi đây đi đó nên sanh khởi. Nhà cửa kia... lược có 3 chủng: hoặc do tạo làm, hoặc chẳng do tạo làm, hoặc cung điện hóa ra.

3. Mùa màng tươi tốt nương giũ: vì các món ăn cho hữu tình nên sanh khởi.

4. An ổn nương giũ: vì xa lìa dao gậy, sát hại... cho các hữu tình nên sanh khởi.

5. Mặt trời, mặt trăng nương giũ: vì khiến các hữu tình thấy được các sắc nên sanh khởi.

6. Thực nương giũ, bao gồm bốn cách thực: a. Đoạn thực; b. Xúc thực; c. Ý tư thực; d. Thức thực. Vì khiến các hữu tình gìn giữ thân mạng nên sanh khởi.

*Mười chủng thời gian:* đó là thời, năm, tháng, nửa tháng, ngày, đêm, sát-na, sát-sát-na, lap-phược, tư-ho-thích-đa.

*Bảy việc nhiếp thọ:* 1. Việc cha mẹ; 2. Việc vợ con; 3. Việc nô tỳ nô bộc; 4. Việc anh em, quyến thuộc, bạn bè, quan chức; 5. Việc ruộng nhà, dinh phủ; 6. Việc phước nghiệp cùng việc phương tiện làm nghề nghiệp; 7. Việc kho chứa.

*Mười chủng vật dụng:* 1. Ăn; 2. Uống; 3. Xe; 4. Y phục; 5. Đồ trang sức; 6. Ca múa, vui cười; 7. Hương xoa phấn bôi; 8. Các vật thường dùng; 9. Chiếu sáng; 10. Thọ hành của nam nữ.

*Có mười chủng người thọ dụng:* như trong A-cấp-ma đã thuyết.

*Tám thứ luôn tùy hành:* là các việc mà thế gian luôn luôn làm theo. 1. Sự che giấu; 2. Việc trang điểm thân; 3. Việc oai nghi dễ được; 4. Việc ăn uống; 5. Việc ngủ nghỉ; 6. Việc gặp gỡ qua lại; 7. Việc thuộc về siêng năng; 8. Việc thuộc về nói năng.

*Tám pháp thế gian:* là được, chẳng được, khen, chê, tán dương, giễu cợt, khổ, vui.

*Ba phẩm:* là oán, thân, bình thường.

*Ba chủng thế sự:* 1. Sự đàm luận ngôn ngữ, hiện tướng chúc mừng an ủi; 2. Sự dựng vợ, gả chồng, khách chủ, hiện tướng ăn uống; 3. Ở trong lúc phát khởi làm chủng chủng việc, hiện tướng trợ giúp sự nghiệp.

*Ba chủng lời nói:* 1. Lời nói có pháp: là lời nói chán lìa, xa lìa các triền cái trói buộc, hướng đến sự vui vẻ đẹp lòng, như kinh đã nói rộng; 2. Lời nói không pháp: là tâm nhiễm ô nói những chuyện ăn uống...; 3. Lời nói còn lại: là do tâm vô ký mà khởi nói năng.

*Hai mươi hai chủng phát phần nộ:* 1. Đong non; 2. Cân thiếu; 3. Thù giả dối; 4. Phương tiện sinh sống tà nghiệp; 5. Chống đối tranh giành; 6. Nhạo báng khinh khi; 7. Phản bội; 8. Tranh tụng;



9. Mắng chửi; 10. Phẫn nộ; 11. Quở trách; 12. Chèn ép; 13. Đánh đập; 14. Giết hại; 15. Trói cột; 16. Giam cầm; 17. Cắt đứt; 18. Đuổi bỏ; 19. Nịnh hót; 20. Đối trá; 21. Ém tài; 22. Vọng ngữ.

*Sáu mươi hai chủng loại hữu tình:* 1. Na-lạc-ca; 2. Bàn sanh; 3. Quỷ; 4. Trời; 5. Người; 6. Sát-đế-lợi; 7. Bà-la-môn; 8. Phê-xá; 9. Thủ-đà-la; 10. Nữ; 11. Nam; 12. Bán nam bán nữ; 13. Hèn kém; 14. Trung bình; 15. Giỏi; 16. Tại gia; 17. Xuất gia; 18. Khổ hạnh; 19. Chẳng phải khổ hạnh; 20. Luật nghi; 21.. Không luật nghi; 22. Không luật nghi không phải không luật nghi; 23. Ly dục; 24. Chưa ly dục; 25. Nhóm tà tánh định; 26. Nhóm chánh tánh định; 27. Nhóm bất định; 28. Bí-sô; 29. Bí-sô-ni; 30. Chánh học; 31. Sa-di; 32. Sa-di-ni; 33. Cận sự nam; 34. Cận sự nữ; 35. Người tập đoạn trừ; 36. Người tập đọc tụng; 37. Người tịnh thí; 38. Người già; 39. Trung niên; 40. Thiếu niên; 41. Bậc thầy mô phạm; 42. Thân giáo sư; 43. Đệ tử cộng trú và đệ tử cận trú; 44. Tân khách; 45. Người lo việc Tăng; 46. Người tham lợi dưỡng cung kính; 47. Người chán lìa; 48. Người đa văn; 49. Người đại phước trí; 50. Người tùy thuận chánh pháp tu hành; 51. Người trì kinh;

52. Người trì luật; 53. Người trì luận; 54. Người dị sanh; 55. Người kiến đế; 56. Người hữu học; 57. Người vô học; 58. Thanh văn; 59. Độc giác; 60. Bồ-tát; 61. Như Lai; 62. Chuyển luân vương.

Chuyển luân vương lại có 4 chủng, hoặc vua của một châu, hoặc vua của hai, ba, bốn, châu. Vua của một châu có bánh xe sắt hiện. Vua của hai châu có bánh xe đồng hiện. Vua của ba châu có bánh xe bạc hiện. Vua của bốn châu có bánh xe vàng hiện.

*Tám vị:*

1. Vị ở trong thai: là giai đoạn yết-la-lam... .
2. Vị xuất thai: là từ giai đoạn đây về sau cho đến già 80, 90 tuổi.
3. Vị anh nhi: là giai đoạn từ lúc xuất thai cho đến chưa có thể đi chơi đùa.
4. Vị đồng tử: là giai đoạn có thể chơi đùa.
5. Vị thiếu niên: là giai đoạn có khả năng thọ dụng dục trần cho đến 30 tuổi.
6. Vị trung niên: là giai đoạn từ 30 tuổi cho đến 50 tuổi.
7. Vị lão niên: là giai đoạn từ 50 tuổi cho đến 70 tuổi.
8. Vị nạo thực: là giai đoạn từ 70 tuổi trở lên.

*Bốn cách nhập thai:* 1. Chánh biết nhập, nhưng không chánh biết trụ thai và xuất thai; 2. Chánh biết nhập thai, trụ thai, nhưng không chánh biết xuất thai; 3. Trụ, nhập, xuất đều chánh biết; 4. Trụ, nhập, xuất đều chẳng biết. Cách nhập thai thứ nhất là Luân vương. Thứ hai là Độc giác. Thứ ba là Bồ-tát. Thứ tư là hữu tình còn lại.

*Bốn loại oai nghi:* là đi, đứng, nằm, ngồi.

*Sáu cách sinh nhai:* 1. Việc nhà nông; 2. Việc thương mại; 3. Việc chăn nuôi; 4. Việc vua; 5. Việc tập học thơ toán, sổ sách và in ấn; 6. Việc tập học các nghề nghiệp công xảo khác.

*Sáu chủng thủ hộ:* 1. Lính đánh bằng voi; 2. Lính đánh bằng ngựa; 3. Lính đánh bằng xe; 4. Lính đánh bộ; 5. Sức mạnh của kinh tế; 6. Sức mạnh của các nước đồng minh khác.

*Bảy chủng khổ:* 1. Sanh khổ; 2. Lão khổ; 3. Bệnh khổ; 4. Tử khổ; 5. Oán ghét nhau gặp nhau khổ; 6. Thương yêu mà chia lìa khổ; 7. Cầu chẳng toại khổ.

*Bảy chủng mạn:* 1. Mạn; 2. Quá mạn; 3. Mạn quá mạn; 4. Ngã mạn; 5. Tăng thượng mạn; 6. Ti liệt mạn; 7. Tà mạn.

*Bảy chủng kiêu căng:* 1-. Kiêu do không bệnh;

2. Kiêu do thiếu niên; 3. Kiêu do trường thọ; 4. Kiêu do dòng họ; 5. Kiêu do khỏe đẹp; 6. Kiêu do phú quý; 7. Kiêu do đa văn.

*Bốn cách nói năng:*

1. Nương thấy mà phát lời nói: tức là nương mắt hiện thấy các sắc bên ngoài, nên vì người nói.

2. Nương nghe mà phát lời nói: tức là nghe âm thanh từ người, nên vì người nói.

3. Nương hiểu mà phát lời nói: tức là không nương thấy nghe, chỉ do tự tư duy tương ứng quán sát phù hợp, nên vì người nói.

4. Nương biết mà phát lời nói: tức là bên trong tự có chỗ thọ, chỗ chứng, chỗ xúc, chỗ đắc mỗi mỗi riêng biệt, nên vì người nói.

*Có câu có nhiều cách nói:* Đây cũng gọi là giải thích từ ngữ, cũng gọi là câu hý luận, cũng gọi là câu nhiếp nghĩa. Hết thủy loại như vậy có rất nhiều sai khác.

Lại các chữ mẫu nhiếp các nghĩa cũng gọi là câu có nhiều cách nói, như các chữ: địa, căn, cảnh, pháp, bổ-đặc-già-la, tự tánh, sai biệt, tác dụng, mình, người, có, không, hỏi, đáp, giữ, cho, chánh tánh, tà tánh.

Lại có các chữ như: lắng nghe, ngăn cấm, công đức, quá thất, được, mất, chẳng được, khen, chê, khổ, vui, xưng tán, giễu cợt, cứng rắn, mềm mại, trí thối, trì trệ, trợ bạn, thị hiện, dạy dỗ, hiểu đạo, khích lệ, an ủi.

Lại câu có bảy cách nói, tức là bảy câu biến cách như: bổ-lư-sa, bổ-lư-sam, bổ-lư-tế-nả, bổ-lư-sa-ta, bổ-lư-sa-da, bổ-lư-sát-sá, bổ-lư-sở... .

Lại có các câu: thi thiết, dạy răn, tiêu tướng, tịnh hơi thở, tỏ rõ, quý tắc, an lập, tích tập, quyết định, việc cưới gả, kinh hãi, đầu, giữa, cuối.

Lại có các câu: tưởng dòng họ, ngôn thuyết lập tông, thành biện, thọ dụng, tầm cầu, thủ hộ, xấu hổ, lân mẫn, kham nhẫn, bố úy, giản trạch.

Lại có các câu: cha mẹ, vợ con... tất cả vật dụng và sanh lão... cho đến chỗ cầu không toại, sâu thán, thiếu niên, không bệnh, trường thọ, thường hội họp, ghét xa lìa, muốn được toại, muốn không được toại, đến đi, ngoảnh nhìn, hoặc co, hoặc duỗi, đi đứng ngồi nằm, tỉnh ngộ, yên lặng, thức giấc, nghỉ ngơi.

Lại có các câu: ăn, uống, nhai, nếm, thường xuyên tập, không thường xuyên tập, phóng dật, không phóng dật, rộng, lược, tăng, giảm, tầm tứ,

phiền não, tùy phiền não, hý luận, lìa hý luận, sức yếu, sở thành, năng thành, lưu chuyển, quyết định khác, tương ưng, thế tức, thứ lớp, thời, phương, số, hòa hợp, không hòa hợp, tương tự, không tương tự.

Lại có các câu: lẫn tạp, cùng có, hiện thấy, chẳng hiện thấy, ẩn, hiển.

Lại có các câu: năng tác, sở tác, pháp luật, thế sự, tư sanh, chân, vọng, lợi ích, không lợi ích, cốt tủy, nghi ngờ, do dự, kinh quái.

Lại có các câu: khiếp nhược, vô úy, hiển rõ, không hiển rõ, sát hại, trói buộc, cấm ngăn, đoạn tiết, đuổi bỏ.

Lại có các câu: mạ lị, phẫn nộ, đánh đập, bức hiếp, quả trách, thiêu đốt, nấu khô, khuấy phục, ô trược, thánh giáo, theo đuổi, so lường.



## **Quyển 3**

### **Thứ 2. Ý ĐỊA**

#### **Phần 3**

Lại nữa, trước đã thuyết năm sự từ tự tánh cho đến tác nghiệp, nên biết đều do 3 xứ thu nhiếp, đó là: **1.** Do tự sắc; **2.** Do phẩm tâm, tâm sở; **3.** Do vô vi. Còn lại là các pháp giả có.

#### **1. Do các pháp tự sắc:**

**Hỏi:** Tất cả pháp sanh đều từ tự chủng tử mà khởi, sao lại nói các đại chủng năng sanh các sắc sở tạo? Sao nói là các sắc sở tạo nương tựa đại chủng? Sao nói đại chủng là chỗ kiến lập, đại chủng là chỗ giữ gìn, đại chủng là chỗ trưởng dưỡng các sắc sở tạo?

**Đáp:** Do tất cả đại chủng trong ngoài và chủng tử của sắc sở tạo đều nương tựa tâm tương tục bên trong. Cho đến chủng tử các đại nếu chưa sanh các đại, thì chủng tử các sắc sở tạo trọn không thể sanh các sắc sở tạo. Cần yếu do đại chủng sanh thì các sắc sở tạo mới từ tự chủng tử được sanh. Cho nên nói

các đại chủng năng sanh các sắc sở tạo phải do đại chủng sanh làm tiền dẫn. Do đạo lý đây nên nói các đại chủng làm nhân sanh các sắc sở tạo.

Sao nói các sắc sở tạo nương tựa đại chủng? Do các sắc sở tạo đã sanh, chẳng lìa đại chủng xứ mà chuyển.

Sao nói đại chủng là chỗ kiến lập các sắc sở tạo? Do đại chủng tổn giảm hay tăng thêm, thì các sắc sở tạo cũng theo đó mà bị nguy hại hay là trụ an ổn.

Sao nói đại chủng là chỗ giữ gìn các sắc sở tạo? Nếu nương theo đại chủng... thì lượng chẳng bị hoại.

Sao nói đại chủng là chỗ trưởng dưỡng các sắc sở tạo? Do nhân ăn uống, ngủ nghỉ, tu tập phạm hạnh và tam-ma-địa... nên tạo sắc lại tăng trưởng gấp bội. Cho nên nói đại chủng là nhân trưởng dưỡng tạo sắc.

Tóm lại các đại chủng lược có 5 chủng tác dụng đối với các sắc sở tạo.

Lại nữa, ở trong tụ sắc chưa từng do cực vi sanh. Nếu lúc từ tụ chủng tử sanh, chỉ là tập hợp mà sanh, hoặc nhỏ hoặc vừa hoặc lớn.

Lại chẳng phải cực vi tích tập thành tụ sắc, mà



chỉ do huệ hiểu biết phân tích các sắc đến giới hạn nhỏ nhất, lấy đây phân biệt giả lập làm cực vi.

Lại tụ sắc cũng có phương hướng, phần vị. Cực vi cũng có phương hướng, phần vị. Nhưng tụ sắc có phân chia, cực vi thì không. Vì cơ sao? Do cực vi tức là phần phân chia của tụ sắc, thuộc sở hữu của tụ sắc, chẳng thể cực vi lại phân chia thành cực vi khác. Cho nên cực vi không có sự phân chia.

Lại không tướng lìa có 2 chủng: 1. Cùng một xứ không lìa nhau. Đó là đại chủng cực vi cùng với sắc, hương, vị, xúc... ở nơi không căn xứ có cái ly căn, ở nơi có căn xứ có cái hữu căn. Đây gọi là cùng một xứ không lìa nhau. 2. Hòa lẫn không lìa nhau. Đó là đại chủng cực vi và các tụ sắc năng tạo, sở tạo khác đồng hòa hợp. Đây gọi là hòa lẫn không lìa nhau. Lại sắc đây tích tụ ở khắp nơi, như chủng chủng vật hiện có. Thí như đá mài thành bột, lấy nước trộn lại, hai loại hòa lẫn nhau không lìa nhau. Không phải như mè trộn với đậu, thóc, lúa...

Lại tất cả sắc sở tạo đều nương nơi đại chủng xứ mà được tạo thành, không vượt qua giới hạn của đại chủng, cho đến đại chủng nương tựa nơi nào, thì các sắc sở tạo trở lại nương tựa nơi ấy. Do nhân

duyên đây nên nói các sắc sở tạo nương nơi đại chủng. Cũng lấy nghĩa đây nên các đại chủng được gọi là đại chủng, vì đại chủng đây tánh to lớn và là hạt giống sanh sản vậy.

Lại nữa, ở trong các tụ sắc lược có 14 chủng sự khác nhau, bao gồm: đất, nước, gió, lửa, sắc, thanh, hương, vị, xúc và năm căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, chỉ trừ sắc sở hành của ý. Tất cả tụ sắc nhiếp thuộc các căn hữu sắc cũng có tất cả như *Chủng sự giới* đã thuyết. Như tụ nhiếp thuộc các căn hữu sắc, thì tụ nhiếp thuộc các căn hữu sắc sở y đại chủng cũng vậy. Các tụ sắc còn lại, trừ các căn hữu sắc, chỉ còn giới.

Lại trong phạm vi nhiếp thuộc lẫn nhau thì có 14 sự, do nhiếp lẫn nhau đây mà lập ra sự cực vi.

Nếu trong phạm vi nhiếp thuộc giới, thì tùy theo tụ đây mà có giới riêng khác, tức nói tụ đây nhiếp sự như thế.

Nếu trong phạm vi nhiếp thuộc không lìa nhau, chỗ có các tụ hoặc trong hoặc ngoài, thì tùy theo ở trong tụ đây cho đến có được pháp tướng như vậy, tức nói tụ đây nhiếp sự như thế. Vì có sao? Hoặc có tụ bên trong chỉ có một đại chủng khả đắc, như

trong tụ mặt-ni, trần châu, lưu ly, kha bối, hổ phách... hoặc trong tụ ao, hồ, kênh, rạch, sông, suối... hoặc trong tụ lửa, ngọn lửa, đèn, đuốc... hoặc trong tụ gió thổi bốn hướng, gió có bụi, gió không bụi... Hoặc có tụ bên trong có 2 đại chủng khả đắc, như trong tụ tuyết, ẩm ướt, cây, lá, hoa, quả... hoặc như trong tụ mặt-ni nóng... Hoặc có tụ bên trong có 3 đại chủng khả đắc, như trong tụ sức nóng của cây, hoặc dao động... Hoặc có tụ bên trong có 3 đại chủng khả đắc, như ở trong tụ nội sắc. Như Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Trong mỗi phần riêng khác của thân, hoặc tóc, lông... cho đến phần uế là nội địa giới, hoặc tiểu tiện... là nội thủy giới, hoặc trong thân có hơi ấm... là nội hỏa giới, hoặc hơi thở lên... là nội phong giới”. Như vậy nếu ở trong tụ đây mà tướng kia khả đắc, thì nói tướng kia là có. Nếu tướng kia chẳng khả đắc, thì nói tướng kia là không.

Lại nữa, thanh ở trong tất cả tụ sắc, nương giới nên nói là có, tướng thì chẳng định được, do phương tiện hiện tại mà sanh vậy.

Gió có 2 chủng: thường hằng tương tục và không thường hằng tương tục. Thường hằng tương tục tức là ở tụ nào đó có gió xoáy hằng chuyển.

Không thường hằng tương tục tức là gió xoáy và gió di chuyển trong hư không.

Lại sắc tối và sắc sáng gọi là không giới và lỗ hổng. Lại sắc tối thường hằng tương tục là thế giới trung gian. Không thường hằng tương tục là ở các xứ còn lại. Lại sắc sáng thường hằng tương tục là ánh sáng tự nhiên của bầu trời, không thường hằng tương tục là các xứ còn lại.

Lại sắc sáng tối, nên biết tức là ở tụ hiển sắc tăng giảm vậy. Do nương vào công năng chủng tử của tụ sắc, nếu khi gặp duyên tương trợ, hoặc tụ nhỏ không gián đoạn thì tụ lớn sanh, hoặc tụ lớn không gián đoạn thì tụ nhỏ sanh. Do nhân duyên đây nên lập ra các tụ có tăng có giảm.

Như kinh nói: “Bền chắc, bền chắc nhiếp, cận nhiếp, chẳng phải cận nhiếp, chấp thọ...” cho đến nói rộng.

Sao gọi là bền chắc? Đó là đất (địa).

Sao gọi là bền chắc nhiếp? Là chủng tử của đất.

Lại bền chắc ấy tức là giới của đất. Bền chắc nhiếp tức là hoặc tóc, lông... hoặc đất cục...

Sao gọi là cận nhiếp? Là có chấp thọ.

Sao gọi là chấp thọ? Là nhiếp thuộc bên trong.

Sao gọi là chẳng phải cận nhiếp? Là không chấp thọ.

Sao gọi là không chấp thọ? Là nhiếp thuộc bên ngoài.

Lại tâm tâm sở, chỗ chấp giữ chủng tử gọi là cận nhiếp, gọi là chấp thọ. Trái với tướng đây gọi là chẳng phải cận nhiếp, gọi là không chấp thọ.

Lại triển chuyển theo đuổi tự thân gọi là cận nhiếp. Chấp thọ như trước đã nói.

Như địa giới, thì thủy giới... nên biết lý cũng vậy.

Lại nữa, ở trong tất cả tụ sắc, ở tất cả thời đều có đầy đủ tất cả đại chủng giới. Như củi khô hiện thấy ở thế gian, nếu đem cọ xát lẫn nhau sẽ phát sanh lửa, hoặc lấy đá cọ xát nhau cũng sanh ra lửa; hoặc đồng, thiếc, vàng, bạc... đốt trên lửa nhiệt độ cao liền chảy tan thành nước, hoặc từ châu nguyệt ái nước chảy ra.

Lại người đã đắc thần thông, do lực thắng giải của tâm có thể biến đại địa thành vàng bạc...

Lại tụ sắc có 3 chủng lưu chuyển: 1. Trưởng dưỡng; 2. Đẳng lưu; 3. Dị thực sanh.

- Trưởng dưỡng có 2 chủng: 1. Xứ biến khắp

trưởng dưỡng; 2. Tướng tăng thanh trưởng dưỡng.

- Đẳng lưu có 4 chủng: 1. Trưởng dưỡng đẳng lưu; 2. Dị thực đẳng lưu; 3. Biến đổi đẳng lưu; 4. Tự tánh đẳng lưu.

- Dị thực sanh có 2 chủng: 1. Thể dị thực sanh, gọi là dị thực sanh; 2. Từ dị thực sanh, cũng gọi là dị thực sanh.

Lại các tụ sắc nếu lược thuyết thì nương 6 xứ mà chuyển, bao gồm: kiến lập xứ, ngăn che xứ, vật dụng xứ, căn sở y xứ, căn xứ và tam-ma-địa sở hành xứ.

## 2. Do phẩm tâm, tâm sở:

Trong phẩm tâm tâm sở có tâm khả đắc và 53 tâm sở khả đắc. Đó là: tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư, dục, thắng giải, niệm, tam-ma-địa, tuệ; tín, tầm quý, không tham, không sân, không si, tinh tấn, khinh an, không phóng dật, xả, bất hại; tham, khuể, vô minh, mạn, kiến, nghi; phần, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại; không tầm, không quý; hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, tà dục, tà thắng giải, vọng niệm, tán loạn, không chánh biết; ác tác, thù miên, tầm, tứ.

**Hỏi:** Các tâm sở như vậy, bao nhiêu tâm sanh

nương tất cả xứ, tất cả địa, tất cả thời, tất cả?

Đáp: Có 5 tâm, đó là: tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư.

**Hỏi:** Bao nhiêu tâm sanh nương tất cả xứ, tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

Đáp: Cũng có 5, đó là dục, thắng giải, niệm, tam-ma-địa, tuệ.

**Hỏi:** Bao nhiêu tâm sanh chỉ nương thiện, chẳng phải tất cả xứ, nhưng tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

Đáp: Đó là tín, tà, quý, không tham, không sân, không si, tinh tấn, khinh an, không phóng dật, xả, không hại.

**Hỏi:** Bao nhiêu tâm sanh chỉ nương bất thiện, chẳng phải tất cả xứ, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

Đáp: Đó là tham, khuể, vô minh, mạn, kiến, si, phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuống, siểm, kiêu, hại, không tà, không quý, hôn trầm, trạo cử, bất tín, giải đãi, phóng dật, tà dục, tà thắng giải, vọng niệm, tán loạn, không chánh biết.

**Hỏi:** Bao nhiêu tâm sanh chỉ nương tất cả xứ, chẳng phải tất cả địa, chẳng phải tất cả thời, chẳng phải tất cả?

Đáp: Đó là ác tác, thù miên, tâm, tứ.

Lại nữa, căn không bị hư hoại, cảnh giới hiện ở trước, khởi tác ý đúng lúc, bấy giờ từ kia thức mới được sanh.

Sao gọi là căn không bị hư hoại? Có 2 chủng nhân: 1. Không bị hư hoại; 2. Không bị yếu kém.

Sao gọi là cảnh giới hiện ở trước? Hoặc do sở y xứ, hoặc do tự tánh, hoặc do phương, hoặc do thời, hoặc do hiển rõ, không hiển rõ, hoặc do toàn phần và một phần, hoặc không bị 4 chủng chướng làm chướng ngại, hoặc không ở quá xa. Bốn chủng chướng là: chướng ngăn che, chướng ẩn khuất, chướng ánh sáng bị đoạt mất, chướng mờ ảo. Quá xa có 2 chủng, đó là: nơi chốn quá xa và tổn giảm quá xa.

Sao gọi là khởi tác ý đúng lúc? Do 4 nhân: 1. Do lực muốn; 2. Do lực nhớ nghĩ; 3. Do lực cảnh giới; 4. Do lực huân tập rất nhiều.

- Do lực muốn: nếu đối với cảnh giới mà tâm có ái trước, thì tâm đối với kia sanh nhiều tác ý.

- Do lực nhớ nghĩ: nếu đối với cảnh giới đã nắm lấy tướng, đã nghĩ tướng rất nhiều, thì tâm đối với kia sanh nhiều tác ý.

- Do lực cảnh giới: nếu cảnh giới hoặc rất rộng



lớn, hoặc rất đẹp ý hiện ở trước, thì tâm đối với kia sanh nhiều tác ý.

- Do lực huân tập rất nhiều: nếu đối với cảnh giới đã thường xuyên tập quen rất nhiều, đã biết rõ ràng tất cả, tức là tâm đối với kia sanh nhiều tác ý. Nếu khác đây thì đối với một cảnh sở duyên, trong tất cả thời chỉ sanh một tác ý.

Lại không phải năm thức thân có hai sát-na tương ưng cùng sanh, cũng không phải triển chuyển không gián đoạn thay đổi lẫn nhau mà sanh.

Lại một sát-na của năm thức thân sanh rồi, tiếp tục không gián đoạn thì ý thức sanh. Từ đây không gián đoạn, nếu có tán loạn, thì hoặc nhĩ thức sanh, hoặc trong năm thức thân sẽ có một thức sanh. Nếu không tán loạn, trong tâm ý thức thứ hai quyết định sanh. Do hai ý thức tầm cầu và quyết định đây nên có sự phân biệt cảnh giới.

Lại do 2 chủng nhân là phân biệt và chỗ dẫn trước mà sanh nhiễm ô hoặc thiện pháp. Trong sở hữu ý thức thì đầy đủ cả 2 chủng nhân. Ở trong năm thức thì chỉ có chỗ dẫn trước. Vì có sao? Do ý thức nhiễm ô và lực dẫn thiện, từ đây không gián đoạn ở trong nhãn thức cho đến thân thức sanh nhiễm ô

và thiện pháp chẳng do phân biệt, vì năm thức thân không phân biệt vậy. Do đạo lý đây nên nói nhãn thức cho đến thân thức theo ý thức mà chuyển, như kinh nói: “Khởi một tâm hoặc nhiều tâm”.

Sao gọi là đây an lập một tâm? Một sát-na tâm là nói theo thế tục, chẳng phải sát-na sanh khởi.

Sao gọi là một sát-na tâm nói theo thế tục? Là một xứ làm chỗ nương. Đối với một cảnh giới sự việc có sự liễu biệt sanh. Tất cả thời gian ấy gọi là một sát-na tâm.

Lại giống nhau tương tục thì cũng là một, vì niệm thứ hai rất giống niệm thứ nhất.

Lại khi ý thức nhậm vận theo tán loạn, không xuyên suốt duyên cảnh, thời không muốn sanh. Ngay lúc ấy ý thức được gọi là rơi vào tâm thoát hiện. Nếu năm thức thân không gián đoạn duyên cảnh quá khứ, tức sanh ý thức hoặc tầm cầu hoặc quyết định. Nhưng đây chỉ nói duyên cảnh hiện tại, tức năm thức đây duyên cảnh tại thời điểm đó sanh ý thức.

Lại tướng chung của thức là năng liễu biệt các sự: tức chỗ chưa liễu biệt cảnh tướng được nhận biết và chỗ liễu biệt cảnh tướng được nhận biết,

gọi là tác ý. Tức vừa ý, không vừa ý, hoặc ở giữa hai là do sự phân biệt của xúc. Tức nhiếp thọ, tổn hại, hoặc ở giữa hai là do sự phân biệt của thọ. Tức nhân tướng nói năng là do sự phân biệt của tướng. Tức nhân tướng hành tà, chánh, ở giữa hai là do sự phân biệt của tư.

Như vậy nên nói tác ý, xúc, thọ, tướng, tư, gọi là pháp sở hữu của tâm, khắp tất cả xứ, tất cả địa, tất cả thời, tất cả sanh.

Tác ý là gì? Là tâm hồi chuyển.

Xúc là gì? Là ba hòa hợp (căn, cảnh, thức).

Thọ là gì? Là lãnh nạp.

Tướng là gì? Là biết rõ ảnh tượng.

Tư là gì? Là tâm tạo tác.

Dục là gì? Là sự vui thích, rồi theo đó mà làm. Dục có tánh hành động.

Thắng giải là gì? Là đối với sự việc quyết định rồi theo đó mà làm, tánh năng tùy thuận.

Niệm là gì? Là xuyên xuyên tập quen đối với sự việc rồi theo đó mà làm, tánh ghi nhớ rõ ràng.

Tam-ma-địa là gì? Là đối với sự việc được quán sát rồi theo đó mà làm, tánh xem xét sâu một cảnh tâm sở y.

Tuệ là gì? Tức ở nơi sự việc quán sát rồi theo đó mà làm, tánh chọn lọc các pháp, hoặc do như lý dẫn dắt, hoặc do không như lý dẫn dắt, hoặc do không như lý, chẳng phải không như lý dẫn dắt.

Tác ý tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp dẫn dắt tâm.

Xúc tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của thọ, tưởng, tư.

Thọ tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của sự yêu thích.

Tưởng tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở duyên khiến tâm phát khởi chủng chủng lời nói.

Tư tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp khiến phát khởi tâm tứ thân ngữ nghiệp..

Dục tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp phát động.

Thắng giải tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở duyên, giữ gìn công đức, quá thất.

Niệm tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp nhớ nghĩ đối với việc đã suy nghĩ, đã làm, đã nói từ trước.

Tam-ma-địa tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp làm chỗ nương của trí.

Tuệ tạo nghiệp gì? Là tạo nghiệp đối với sở hành hý luận nhiệm ô hoặc thanh tịnh, thuận

theo thúc đẩy tìm hiểu.

Sao gọi là kiến lập ba đời? Đó là các chủng tử chẳng lìa pháp, như pháp kiến lập. Lại do đã cho quả và chưa cho quả, tức là: tướng quả của các pháp đã diệt là quá khứ, tướng nhân chưa sanh là vị lai, tướng đã sanh chưa diệt là hiện tại.

Sao gọi là kiến lập sanh, lão, trụ, vô thường? Thúc tương tục ở trong tất cả xứ, có tất cả chủng tử tương tục đồng hành kiến lập. Đây là do có lực của duyên mà được kiến lập.

Trước pháp chưa tương tục sanh, nay bắt đầu sanh, gọi là tướng sanh hữu vi. Tánh đây bị biến đổi, gọi là tướng lão hữu vi. Tánh biến đổi lại có hai chủng: 1. Tánh biến đổi dị tánh; 2. Tánh biến đổi biến tánh. Do sanh giống nhau, nên lập là tánh biến đổi dị tánh. Do sanh không giống nhau, nên lập là tánh biến đổi biến tánh. Khi đã sanh, chỉ tùy chuyển theo sát-na sanh, nên gọi là tướng trụ hữu vi. Sau sát-na sanh, sát-na chẳng dừng lại, nên gọi là tướng vô thường hữu vi. Nói tóm lại, theo phạm vi phần vị sai biệt của các pháp mà kiến lập bốn tướng sai biệt.

Lại có 4 duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián

duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

- Nhân duyên: tức là chủng tử.

- Đẳng vô gián duyên: tức là thức đây không gián đoạn thì quyết định sanh các thức, vậy thức này là đẳng vô gián duyên của thức kia.

- Sở duyên duyên: tức là các tâm, tâm sở, cảnh giới sở duyên.

- Tăng thượng duyên: tức là trừ chủng tử, còn lại là sở y khác như nhân... và pháp trợ bạn. Như nhân thức, thì các thức còn lại cũng vậy. Lại tánh thiện thì giữ lấy quả đáng yêu thích, tánh bất thiện giữ lấy quả không đáng yêu thích. Hết thấy loại như vậy gọi là tăng thượng duyên.

Lại do chủng tử nên kiến lập nhân duyên. Do tự tánh nên kiến lập đẳng vô gián duyên. Do cảnh sở duyên nên kiến lập sở duyên duyên. Do sở y và trợ bạn nên kiến lập tăng thượng duyên.

Như kinh nói: “Các nhân, các duyên sanh ra thức”. Đây tức là 4 duyên đã nói ở trên. Một chủng nhân duyên, cũng là nhân cũng là duyên. Ba duyên còn lại chỉ là duyên.

Lại như kinh nói: “Thiện, bất thiện và vô ký”. Thiện, bất thiện, vô ký sai khác thế nào?

- *Pháp thiện:*

Hoặc lập một chủng: có nghĩa là vô tội.

Hoặc lập 2 chủng: thiện được sanh và thiện phương tiện.

Hoặc lập 3 chủng: thiện tự tánh, thiện tương ưng và thiện khởi tất cả.

Hoặc lập 4 chủng: thiện thuận phần phước, thiện thuận phần giải thoát, thiện thuận phần lyết trạch và thiện vô lậu.

Hoặc lập 5 chủng: thiện tánh thí, thiện tánh giới, thiện tánh tu, thiện quả ái, thiện quả lìa hệ buộc.

Hoặc lập 6 chủng: thiện sắc, thiện thọ, thiện tưởng, thiện hành, thiện thức và thiện trạch diệt.

Hoặc lập 7 chủng: thiện do niệm trụ nhiếp, thiện do chánh cần nhiếp, thiện do thần túc nhiếp, thiện do căn nhiếp, thiện do lực nhiếp, thiện do giác chi nhiếp, thiện do đạo chi nhiếp.

Hoặc lập 8 chủng: thiện do đứng dậy, đón tiếp, chấp tay, thăm hỏi, lễ kính nhiếp; thiện do tán thán kia diệu thuyết, xưng dương thật đức nhiếp; thiện do chăm sóc cấp dưỡng người bệnh nhiếp; thiện do cung kính phụng sự sư trưởng nhiếp; thiện

do tùy hỷ nhiếp; thiện do khuyến thỉnh nhiếp; thiện do hồi hướng nhiếp; thiện do tu vô lượng nhiếp.

Hoặc lập 9 chủng: thiện do phương tiện, vô ngại giải thoát, đạo thắng tiến nhiếp; thiện do đạo thế gian phẩm hạ, trung, thượng nhiếp; thiện do đạo xuất thế phẩm hạ, trung, thượng nhiếp.

Hoặc lập 10 chủng: thiện có nương, thiện không nương, thiện do văn sanh, thiện do tu sanh, thiện nhiếp thuộc luật nghi, thiện nhiếp thuộc chẳng phải luật nghi chẳng phải không luật nghi, thiện do căn bản quyền thuộc nhiếp, thiện do Thanh văn thừa nhiếp, thiện do Độc giác thừa nhiếp, thiện do Đại thừa nhiếp.

Lại hoặc lập 10 chủng: thiện hệ thuộc Dục giới, thiện hệ thuộc Sơ tinh lự, thiện hệ thuộc Đề nhị tinh lự, thiện hệ thuộc Đề tam tinh lự, thiện hệ thuộc Đề tứ tinh lự, thiện hệ thuộc Không vô biên xứ, thiện hệ thuộc Thức vô biên xứ, thiện hệ thuộc Vô sở hữu xứ, thiện hệ thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ, thiện do vô lậu nhiếp.

Lại hoặc lập 10 chủng: mười thiện nghiệp đạo.

Lại hoặc lập 10 chủng: thiện vô học, chánh



kiến cho đến chánh giải thoát, chánh trí.

Lại hoặc lập 10 chủng: thiện năng cảm tám phước sanh, Chuyển luân vương và thiện hưởng đến bất động.

Như vậy hết thấy các pháp thiện sai biệt tóm lược có 2 chủng nghĩa, đó là: nghĩa giữ lấy quả đáng yêu thích; nghĩa khéo biết rõ các sự việc và quả của kia.

- *Pháp bất thiện:*

Pháp bất thiện thì trái với pháp thiện và làm chướng ngại pháp thiện, tức là nghĩa giữ lấy quả không đáng yêu thích và nghĩa không khéo rõ biết các sự việc.

- *Pháp vô ký:*

Pháp vô ký lược có 4 chủng: dị thực sanh, một phần biểu hiện oai nghi, các việc công xảo và biến hóa.

Các việc công xảo nếu chỉ để nói cười đùa giỡn, chẳng vì mưu sinh, chẳng phải nghiệp huân tập tướng, chẳng phải là chọn lựa, thì gọi là nhiễm ô, còn lại là vô ký. Như các việc công xảo, thì biểu hiện oai nghi cũng vậy. Biến hóa có 2 chủng là thiện và vô ký.

- *Mắt*:

Hoặc lập một chủng: nghĩa là năng thấy sắc.

Hoặc lập 2 chủng: mắt trưởng dưỡng, mắt dị thực sanh.

Hoặc lập 3 chủng: mắt thịt, mắt trời, mắt tuệ.

Hoặc lập 4 chủng: mắt có nháy, mắt không nháy, mắt hằng tương tục, mắt không hằng tương tục. Mắt hằng tương tục tức là mắt Sắc giới.

Hoặc lập 5 chủng: nhiếp thuộc mắt của năm đường.

Hoặc lập 6 chủng: mắt tự tương tục, mắt do cái khác làm tương tục, mắt đoạn nghiêm, mắt xấu xí, mắt có cấu, mắt vô cấu.

Hoặc lập 7 chủng: mắt có thức, mắt vô thức, mắt mạnh mẽ, mắt yếu đuối, mắt nương nhận biết thiện, mắt nương nhận biết bất thiện, mắt nương nhận biết vô ký.

Hoặc lập 8 chủng: mắt là chỗ nương, mắt biến hóa, mắt do nghiệp thiện dị thực sanh, mắt do nghiệp bất thiện dị thực sanh, mắt do thức ăn mà được nuôi dưỡng, mắt do ngủ nghỉ mà được trưởng dưỡng, mắt do phạm hạnh mà được trưởng dưỡng, mắt do định mà được trưởng dưỡng.

Hoặc lập 9 chủng: mắt đã được, mắt chưa được, mắt từng được, mắt chưa từng được, mắt đã có được mà bị mất, mắt nên bỏ, mắt chẳng nên dứt bỏ, mắt đã dứt bỏ, mắt chẳng phải đã dứt bỏ.

Hoặc lập 10 chủng: không có.

Hoặc lập 11 chủng: mắt quá khứ, mắt vị lai, mắt hiện tại, mắt trong, mắt ngoài, mắt thô, mắt tế, mắt kém, mắt diệu, mắt xa, mắt gần.

- *Tai, mũi, lưỡi, thân:*

Như mắt, thì tai, mũi, lưỡi, thân cũng vậy, nhưng có ít phần sai khác. Tức là mỗi loại so với mắt, thì tăng thêm ba và tăng thêm bốn.

Tai: thêm 3 chủng là tai thịt bao quanh, tai trời, tai nghe sâu xa rành rẽ. Thêm 4 chủng: tai hằng tương tục, tai không hằng tương tục, tai nghe cao, tai nghe không cao.

Mũi: thêm 3 chủng là mũi tịnh sáng, mũi không tịnh sáng, mũi bị tổn hư. Thêm 4 chủng: mũi hằng tương tục, mũi không hằng tương tục, mũi có thức, mũi vô thức.

Lưỡi: thêm 3 chủng là lưỡi tịnh sáng, lưỡi không tịnh sáng, lưỡi bị tổn hư. Thêm 4 chủng: lưỡi hằng tương tục, lưỡi không hằng tương tục,

lưỡi có thức, lưỡi vô thức.

Thân: thêm 3 chủng là thân như uế, thân không như uế, thân triển chuyển theo đuổi các căn. Thêm 4 chủng: thân hằng tương tục, thân không hằng tương tục, thân có ánh sáng tự nhiên, thân không có ánh sáng tự nhiên.

- Ý:

Hoặc lập một chủng: có nghĩa là do nhận biết pháp.

Hoặc lập 2 chủng: ý rơi trong trường hợp thi thiết và không thi thiết. Ý ban đầu là hiểu rõ phân biệt tên gọi lời nói. Ý thứ hai là ý anh nhi. Lại ý ban đầu là ý thế gian. Ý thứ hai là ý xuất thế gian.

Hoặc lập 3 chủng: tâm, ý, thức.

Hoặc lập 4 chủng: thiện, bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký.

Hoặc lập 5 chủng, là năm vị sai biệt: vị nhân, vị quả, vị vui, vị khổ, vị không khổ không vui.

Hoặc lập 6 chủng: sáu thức thân.

Hoặc lập 7 chủng: nương bảy thức trụ.

Hoặc lập 8 chủng: tương ưng xúc tăng ngữ, tương ưng xúc có đối ngại, nương đấm trước, nương xuất ly, có vị ái, không vị ái, thế gian, xuất thế gian.

Hoặc lập 9 chủng: nương chín chỗ ở của hữu tình.

Hoặc lập 10 chủng: không có.

Hoặc lập 11 chủng: như trước đã nói.

Hoặc lập 12 chủng: tức là 12 tâm, bao gồm: tâm thiện, tâm bất thiện Dục giới, tâm hữu phú vô ký, tâm vô phú vô ký. Sắc giới có 3 tâm, trừ tâm bất thiện. Vô sắc giới cũng vậy. Tâm xuất thế gian có 2 chủng là học và vô học.

- *Sắc*:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của mắt.

Hoặc lập 2 chủng: nội sắc, ngoại sắc.

Hoặc lập 3 chủng: hiển sắc, hình sắc, biểu sắc.

Hoặc lập 4 chủng: sắc có nương ánh sáng, sắc không nương ánh sáng, sắc có ánh sáng thẳng, sắc có ánh sáng không thẳng, sắc trụ tích tập.

Hoặc lập 5 chủng: do năm đường sai khác.

Hoặc lập 6 chủng: sắc do kiến lập nhiếp, sắc do ẩn giấu nhiếp, sắc do cảnh giới nhiếp, sắc thuộc trong số hữu tình, sắc thuộc trong số chẳng phải hữu tình, sắc có thể thấy có đối ngại.

Hoặc lập 7 chủng: do bảy chủng nhiếp thọ sự việc sai khác.

Hoặc lập 8 chủng: nương 8 tạp sắc thế gian,

đó là: tạp sắc của đất, tạp sắc của núi, tạp sắc của vườn rừng ao hồ, tạp sắc của cung điện nhà cửa, tạp sắc của nghề nghiệp, tạp sắc của tranh ảnh, tạp sắc của nghiệp rèn đúc, tạp sắc của vật dụng.

Hoặc lập 9 chủng: hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại, hoặc thô, hoặc tế, hoặc liệt, hoặc diệu, hoặc xa, hoặc gần.

Hoặc lập 10 chủng: mười chủng vật dụng.

- *Thanh*:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của tai.

Hoặc lập 2 chủng: âm thanh rõ nghĩa, âm thanh không rõ nghĩa.

Hoặc lập 3 chủng: âm thanh do đại chủng lãnh thọ, âm thanh chẳng do đại chủng thọ, âm thanh do đại chủng thọ không phải đại chủng thọ.

Hoặc lập 4 chủng: thiện, bất thiện, hữu phú vô ký, vô phú vô ký.

Hoặc lập 5 chủng: do năm đường sai khác.

Hoặc lập 6 chủng: âm thanh thọ trì đọc tụng, âm thanh thưa hỏi, âm thanh thuyết pháp, âm thanh nghị luận quyết trạch, âm thanh triển chuyển lời dạy, hoặc hủy phạm, hoặc ra khỏi, âm thanh ồn tạp.

Hoặc lập 7 chủng: âm thanh nam, âm thanh

nữ, âm thanh thấp, âm thanh trung bình, âm thanh cao, âm thanh chim thú... âm thanh của gió rừng.

Hoặc lập 8 chủng: âm thanh 4 lời thánh dạy, âm thanh chẳng phải 4 lời thánh dạy.

- Bốn lời không phải thánh dạy: không thấy nói thấy, thấy nói không thấy; không nghe nói nghe, nghe nói không nghe; không hiểu nói hiểu, hiểu nói không hiểu; không biết nói biết, biết nói không biết.

- Bốn lời thánh dạy: thấy nói thấy, không thấy nói không thấy; nghe nói nghe, không nghe nói không nghe; hiểu nói hiểu, không hiểu nói không hiểu; biết nói biết, không biết nói không biết.

Lại lập 8 chủng: 4 lời nghiệp đạo thiện, 4 lời nghiệp đạo bất thiện.

Hoặc lập 9 chủng: âm thanh quá khứ, vị lai, hiện tại... cho đến âm thanh hoặc xa, hoặc gần.

Hoặc lập 10 chủng: âm thanh do 5 âm của nhạc, đó là: âm thanh cùng với múa, âm thanh cùng với hát, âm thanh cùng với sáo và đàn, âm thanh cùng với tiếng người con gái, âm thanh cùng với tiếng người con trai, âm thanh cùng với loa ốc, âm thanh cùng với tiếng yêu cổ, âm thanh cùng với tiếng cương cổ, âm thanh cùng với tiếng đô đàn

cổ, âm thanh của hát bội.

- *Hương*:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của mũi.

Hoặc lập 2 chủng: hương trong và hương ngoài.

Hoặc lập 3 chủng: hương vừa ý, hương không vừa ý, hương ở khoảng giữa.

Hoặc lập 4 chủng: hương của bốn đại, đó là hương trầm, hương tốt-đỏ-lở-ca, hương long não, hương xạ.

Hoặc lập 5 chủng: hương rễ, hương thân, hương lá, hương hoa, hương quả.

Hoặc lập 6 chủng: hương thức ăn, hương thức uống, hương quần áo, hương đồ trang sức, hương xe, hương cung điện nhà ở.

Hoặc lập 7 chủng: hương vỏ, hương lá, hương tô-khấp-mê-la, hương chiên-đàn, hương tam tân, hắc hương, mặt hương.

Hoặc lập 8 chủng: hương cùng sanh, hương không cùng sanh, hương hằng tương tục, hương không hằng tương tục, hương tạp, hương thuần, hương nồng nặc, hương không nồng nặc.

Hoặc lập 9 chủng: hương quá khứ, vị lai, hiện tại... như trước đã thuyết.



Hoặc lập 10 chủng: hương nam, hương nữ, hương một ngón tay, hương hai ngón tay, hương nước miếng, hương nước mũi, hương mỡ, hương tủy, hương mủ, hương máu, hương thịt, hương lộn xộn, hương mùi sên sệt.

- Vị:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của lưỡi.

Hoặc lập 2 chủng: vị trong và vị ngoài.

Hoặc lập 3 chủng: vị vừa ý... như trước đã nói.

Hoặc lập 4 chủng: vị đại mạch, vị lúa nếp, vị tiểu mạch, vị những giống lúa dỏ khác.

Hoặc lập 5 chủng: vị rượu uống, vị không phải rượu uống, vị các loại rau, vị trái cây, vị thức ăn.

Hoặc lập 6 chủng: vị ngọt, đắng, chua, cay, mặn, lạt.

Hoặc lập 7 chủng: vị thô, vị dầu, vị mật, vị đường mía, vị pho-mát, vị mặn, vị thịt.

Hoặc lập 8 chủng: như hương đã nói.

Hoặc lập 9 chủng: như hương đã nói.

Hoặc lập 10 chủng: vị có thể thưởng thức, vị có thể nhai, vị có thể ném, vị có thể uống, vị có thể mút, vị phơi khô, vị đầy đủ, vị ngon hơn, vị gột rửa, vị thường tập quen (năm vị sau là các vị cỏ thuốc).

- *Xúc*:

Hoặc lập một chủng: là nghĩa sở hành của thân.

Hoặc lập 2 chủng: như hương đã nói.

Hoặc lập 3 chủng: xúc vừa ý...

Hoặc lập 4 chủng: xúc chạm, xúc nắm, xúc đánh, xúc mài.

Hoặc lập 5 chủng: năm đường sai biệt. Lại hoặc lập 5 chủng: xúc do muối mòng, bọ chét, rận, rần, bọ cạp gây ra.

Hoặc lập 6 chủng: xúc khổ, vui, không khổ không vui, đồng sanh, nhiếp sở trị, nhiếp năng trị.

Hoặc lập 7 chủng: xúc rắn chắc, xúc ẩm ướt, xúc ẩm áp, xúc động đập, xúc nhảy té, xúc xoa ấn, xúc thân biến đổi khác, tức là trơn, ẩm...

Hoặc lập 8 chủng: xúc do tay chạm, xúc do cục khối, xúc do gậy, xúc do dao, xúc do khí lạnh, xúc do hơi ấm, xúc do đói, xúc do khát.

Hoặc lập 9 chủng: như hương đã nói.

Hoặc lập 10 chủng: xúc ăn, xúc uống, xúc xe, xúc quần áo, xúc vật dụng giường, xúc ghế, xúc bậc đá đài ấn tòa gỗ, xúc nữ, xúc nam, xúc thọ dụng nữ nam hòa hợp.

- *Pháp:*

Lại tóm lược pháp giới hoặc giả, hoặc thật, có 87 pháp. Tám mươi bảy pháp ấy là gì?

- Pháp sở hữu của tâm có 53, từ tác ý... cho đến cuối cùng là tâm, tứ.

- Pháp xứ thu nhiếp sắc có 2 chủng: sắc nhiếp thuộc luật nghi, không luật nghi và sắc sở hành tam-ma-địa.

- Hành không tương ưng có 24 chủng: đắc vô tướng định, diệt tận định, vô tướng dị thực, mạng căn, chúng đồng phận, tánh dị sanh, sanh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, lưu chuyển, quyết định khác, tương ưng, thế tốc, thứ lớp, thời, phương, số, hòa hợp, không hòa hợp.

- Vô vi có 8 sự: hư không, phi trạch diệt, pháp thiện, bất thiện, vô ký, chân như, bất động, diệt thọ tưởng. Vô vi như vậy nói rộng thì có 8, nhưng nói lược thì chỉ có 6. Hoặc 6 hoặc 8 đều như nhau không có sai khác.

Lại nữa, hoặc lập 1 chủng pháp giới: là nghĩa sở hành của ý.

Hoặc lập 2 chủng: pháp nhiếp thuộc giả mượn và pháp nhiếp thuộc không phải giả mượn.

Hoặc lập 3 chủng: hữu sắc, vô sắc và hữu vi vô vi.

Hoặc lập 4 chủng: pháp nhiếp thuộc giả mượn hữu sắc, pháp nhiếp thuộc sở hữu tâm vô sắc, pháp nhiếp thuộc giả mượn không tương ứng vô sắc, pháp nhiếp thuộc giả mượn chẳng phải giả mượn vô sắc vô vi.

Hoặc lập 5 chủng: pháp sở hữu sắc tâm, tâm hành bất tương ứng, thiện, vô ký, vô vi.

Hoặc lập 6 chủng: thọ, tưởng, hành tương ứng, hành không tương ứng, sắc, vô vi.

Hoặc lập 7 chủng: thọ, tưởng, tư, nhiễm ô, không nhiễm ô, sắc, vô vi.

Hoặc lập 8 chủng: thiện, bất thiện, vô ký, thọ, tưởng, hành, sắc, vô vi.

Hoặc lập 9 chủng: do quá khứ, vị lai... sai khác.

Hoặc lập 10 chủng: do 10 chủng nghĩa, đó là: nghĩa triển chuyển theo sanh, nghĩa lãnh thọ sở duyên, nghĩa giữ lấy tướng sở duyên, nghĩa đối với sở duyên mà có làm tạo, nghĩa các pháp kia phần vị sai biệt, nghĩa không chướng ngại, nghĩa thường là buộc, nghĩa thường không là buộc, nghĩa thường không điên đảo, nghĩa khổ vui là buộc, nghĩa chẳng

phải thọ lìa buộc, nghĩa thọ lìa buộc.

Như vậy, pháp nhiếp thuộc 6 xứ phân biệt sai khác, hoặc trong, hoặc ngoài, có 660 chủng.

Lại nữa, luôn luôn quán sát các sắc, thấy rồi lại xả, nên gọi là mắt. Luôn luôn theo dõi tiếng cho đến năng nghe, nên gọi là tai. Luôn luôn năng ngửi các hương, nên gọi là mũi. Năng trừ đói gầy, luôn luôn phát lời bàn luận, khen ngợi, kêu gọi, nên gọi là lưỡi. Chỗ nương của các căn, phân bố ở vị trí riêng khác, nên gọi là thân. Ngu phu trong đêm dài chỉ biết trang sức thân này, kế chấp cho là cái mình có, lấy làm ngã, ngã sở. Lại các thế gian nương đây giả lập chủng chủng danh tướng, đó là: hữu tình, người, mạng giả, sanh giả, ý sanh, nho đồng... cho nên gọi là ý.

Luôn hiển hiện phương đây, xứ đây, hình chất, kích thước có thể tăng trưởng, nên gọi là sắc. Hay ban bố, từ tạ, nói bàn, nên gọi là âm thanh. Lìa chất, ẩn hình, theo gió chuyển, nên gọi là hương. Lưỡi có thể nếm, luôn tự rước lấy bệnh khổ, nên gọi là vị. Lớp lớp thân có thể cảm nhận được, nên gọi là xúc. Có khả năng giữ gìn cảnh tánh của ý, nên gọi là pháp.

Hết thấy loại như vậy là các pháp sai biệt, phải nên rõ biết.

### **3. Do vô vi:**

Nên biết như đã nói ở trên, trong phần *Pháp*.  
Ốt-Đà-Nam trùng tuyên kệ:

*Tự tánh và sở y,  
Sở duyên, trợ bạn, nghiệp.  
Do năm chủng môn này  
Các tâm chuyển sai khác.*

Trong đây nêu rõ do 5 pháp nên có 6 thức thân sai biệt chuyển, bao gồm: tự tánh, sở y, sở duyên, trợ bạn và tác nghiệp.

Lại nữa, cũng cần biết về nhiếp uẩn thiện xảo, nhiếp giới thiện xảo, nhiếp xứ thiện xảo, nhiếp duyên khởi thiện xảo, nhiếp xứ phi xứ thiện xảo, nhiếp căn thiện xảo.

Lại nữa, ngôn ngữ chư Phật nhiếp lấy 9 việc. Chín việc là gì? 1. Việc hữu tình; 2. Việc thọ dụng; 3. Việc sanh khởi; 4. Việc an trụ; 5. Việc nhiễm tịnh; 6. Việc sai khác; 7. Việc người thuyết; 8. Việc được thuyết; 9. Việc chúng hội.

Việc hữu tình: là 5 thủ uẩn.

Việc thọ dụng: là 12 xứ.

Việc sanh khởi: là 12 phần duyên khởi và duyên sanh.

Việc an trụ: là 4 thực.

Việc nhiễm tịnh: là bốn thánh đế.

Việc sai khác: là vô lượng giới.

Việc người thuyết: là Phật và đệ tử Phật.

Việc được thuyết: là bốn niệm trụ... cho đến pháp Bồ-đề phân.

Việc chúng hội: là 8 thánh chúng: 1. Chúng Sát-đế-lợi; 2. Chúng Bà-la môn; 3. Chúng Trưởng giả; 4. Chúng Sa-môn; 5. Chúng Tứ đại thiên vương; 6. Chúng Tam thập tam thiên; 7. Chúng Diệm ma thiên; 8. Chúng Phạm thiên.

Lại Ốt-Đà-Nam nói:

*Tụ sắc, phẩm tương ưng,  
Tướng thế gian và duyên,  
Thiện thấy môn sai biệt,  
Thiện xảo, sự rốt sau.*

## Quyển 4

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

### Phần 1

Như vậy đã thuyết Ý địa. Sao gọi là *Có tâm có tử địa*? Sao gọi là *Không tâm chỉ có tử địa*? Sao gọi là *Không tâm không tử địa*?

Ốt-Đà-Nam nói chung:

*Giới, tướng, như lý, không như lý,  
Tạp nhiễm thấy khởi là rốt sau.*

Ba địa như thế lược lấy 5 môn để thi thiết kiến lập. Những gì là năm? **A.** Dùng giới; **B.** Dùng tướng; **C.** Dùng như lý tác ý; **D.** Dùng không như lý tác ý; **E.** Dùng hết thấy tạp nhiễm khởi.

**A. Dùng giới để thi thiết kiến lập ba địa:**

Ốt-Đà-Nam nói riêng:

*Số, xứ, lượng, thọ, thọ dụng, sanh,  
Tự thể, phân biệt nhân duyên quả.*



Nên biết giới đây do 8 tướng mà được kiến lập: **1. Số**; **2. Xứ**; **3. Kích thước của hữu tình**; **4. Tuổi thọ của hữu tình**; **5. Thọ dụng của hữu tình**; **6. Sanh**; **7. Tự thể**; **8. Nhân, duyên, quả.**

### **1. Số kiến lập giới:**

Lược có 3 giới là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Ba chủng như vậy gọi là đọa nhiếp giới.

Chẳng phải đọa nhiếp giới, đó là phương tiện, bao gồm: thân diệt, vô hý luận, vô lậu giới. Trong đây, Dục giới và Sắc giới Sơ tinh lự, trừ tinh lự trung gian hoặc định hoặc sanh, thì gọi là Có tâm có tứ địa. Nếu tinh lự trung gian hoặc định hoặc sanh, thì gọi là Không tâm chỉ có tứ địa; hữu tình nếu tu Không tâm chỉ có tứ đây sẽ được làm Đại phạm. Từ Đệ nhị tinh lự trở lên, Hữu sắc giới và Vô sắc giới đều gọi là Không tâm không tứ địa. Trong đây do đạo lý lìa dục tâm tứ mà nói là Không tâm không tứ địa, chẳng phải do không hiện hành tâm tứ vậy. Vì cơ sao? Người chưa ly dục Dục giới, do tác ý dẫn đạo sai khác, ở một thời gian cũng có ý không tâm không tứ hiện hành. Người đã lìa dục tâm tứ cũng có tâm tứ hiện hành. Như người lúc ra khỏi định kia và

sanh về cõi kia, nếu là định hữu vi vô lậu giới nhiếp thuộc Sơ tinh lự, thì cũng gọi là Có tâm có tứ địa. Vì nương pháp xứ tâm tứ, duyên chân như làm cảnh mà nhập định đây, vì chẳng do phân biệt hiện hành, còn lại như trước thuyết.

## 2. Xứ sở kiến lập giới:

- Ở trong Dục giới có 36 xứ, đó là 8 Đại địa ngục. Những gì là tám? 1. Đẳng hoạt; 2. Hắc thăng; 3. Chúng hợp; 4. Hiệu khiếu; 5. Đại hiệu khiếu; 6. Thiêu nhiệt; 7. Cực thiêu nhiệt; 8. Vô gián. Các Đại địa ngục đây rộng 10.000 du-thiện-na.

Phía ngoài lại có 8 Hàn địa ngục. Những gì là tám? 1. Phủng da địa ngục; 2. Phủng vỡ địa ngục; 3. Hát-triết-hổ địa ngục; 4. Hách-hách-phàm địa ngục; 5. Hổ-hổ-phàm địa ngục; 6. Sen xanh địa ngục; 7. Sen hồng địa ngục; 8. Sen hồng lớn địa ngục.

Từ đây đi xuống 32.000 du-thiện-na sẽ đến Đẳng hoạt địa ngục. Rồi từ đây lại cách 4.000 du-thiện-na có địa ngục khác. Như cõi Đẳng hoạt địa ngục, thì cõi Hàn địa ngục đầu tiên cũng vậy. Rồi từ đây lại cách 2.000 du-thiện-na, nên biết có các địa ngục khác.

Lại có xứ sở của loài ngựa quý. Lại có xứ sở của loài phi thiên. Bàn sanh, người và trời đồng một xứ sở, nên không kiến lập riêng.

Lại có 4 đại châu như trước thuyết. Lại có 8 trung châu.

Lại trời Dục giới có 6 xứ: 1. Trời Tứ đại vương chúng; 2. Trời Tam thập tam; 3. Trời Thời phân; 4. Trời Tri túc; 5. Trời Hóa lạc; 6. Trời Tha hóa tự tại.

Lại có thiên cung Ma-la thuộc trời Tha hóa tự tại, nhưng xứ sở cao hơn.

Lại có Độc nhất địa ngục và Cận biên địa ngục, do giáp ranh với hai địa ngục là Đại địa ngục và Hàn địa ngục, nên không lập xứ riêng.

Lại trong cõi người cũng có một phần Độc nhất địa ngục, như Tôn giả Thủ Duyên Đâu Tử nói: “Ta thấy các hữu tình bị thiêu đốt, thiêu đốt cực độ, thiêu đốt cực độ khắp, gom lại là một nhóm thiêu đốt”.

Hết thấy 36 xứ như vậy gọi là Dục giới.

- Ở trong Sắc giới có 18 xứ, đó là 3 cõi trời Phạm chúng, Phạm thiên ích, Đại phạm, do huân tu Sơ tinh lự phẩm hạ, trung, thượng sai khác mà thành.

Ba cõi trời Thiếu quang, Vô lượng quang, Cực

tịnh quang, do huân tu Đệ nhị tinh lự phẩm hạ, trung, thượng sai khác mà thành.

Ba cõi trời Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, do huân tu Đệ tam tinh lự phẩm hạ, trung, thượng sai khác mà thành.

Ba cõi trời Vô vân, Phước sanh, Quảng quả, do huân tu Đệ tứ tinh lự phẩm hạ, trung, thượng sai khác mà thành. Trời Vô tướng thuộc trời Quảng quả, không phải một xứ riêng khác.

Có 5 tịnh cung là nơi chư Thánh dừng ở, nhưng không cùng sống chung là Vô phiến, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến và Sắc cứu cánh. Năm xứ này do tạp huân tu Đệ tứ tinh lự phẩm hạ, trung, thượng rất tối thượng thù thắng.

Lại vượt qua xứ tịnh cung, là đến trụ xứ Đại tự tại. Đây có Bồ-tát thập địa, do cực huân tu địa thứ mười mà được sanh về đây.

- Ở trong Vô sắc giới có 4 xứ sở, hoặc không có xứ sở.

### **3. Kích thước của hữu tình kiến lập giới:**

Người ở Thiệm-bộ châu thân hình không nhất định, hoặc có lúc cao lớn, hoặc có lúc thấp nhỏ.

Nhưng tùy theo khủy tay của mỗi người, kích thước thân hình là 3 khủy tay rưỡi.

Người ở Đông-tì-đề-ha châu thân hình nhất định, cũng cao 3 khủy tay rưỡi theo chiều dài của khủy tay mình. Nhưng hữu tình châu này thân hình cao lớn.

Như thân hình ở Đông-tì-đề-ha, người ở Tây-cù-đa-ni châu và Bắc-câu-lô châu thân hình cũng vậy nhưng cao lớn hơn.

Thân hình trời Tứ đại vương chúng bằng một phần tư câu-lô-xá. Thân hình trời Tam thập tam lại tăng thêm một chân (từ đầu gối trở xuống). Thân hình trời Đế Thích bằng nửa câu-lô-xá. Thân hình trời Thời phân cũng bằng nửa câu-lô-xá. Tất cả kích thước thân hình của các cõi trời khác, mỗi cõi tăng dần thêm một chân.

Thân hình trời Phạm chúng bằng nửa du-thiện-na. Thân hình trời Phạm thiên ích là 1 du-thiện-na. Thân hình trời Đại phạm bằng 1 du-thiện-na rưỡi. Thân hình trời Thiếu quang bằng 2 du-thiện-na. Thân hình của tất cả trời còn lại, mỗi mỗi cõi trời dần tăng phân nửa du-thiện-na. Trừ trời Vô vân, nên biết trời kia thân hình giảm 3 du-thiện-na.

Lại Đại địa ngục thân hình của hữu tình không nhất định. Nếu kẻ gây tạo và khiến tăng trưởng nghiệp ác bất thiện cực nặng, kia sẽ cảm kích thước thân hình rộng lớn, còn lại thì chẳng vậy.

Như Đại địa ngục, thì Hàn địa ngục, Độc nhất địa ngục, Cận biên địa ngục, bàng sanh và ngạ quỷ nên biết cũng vậy.

Thân hình của các phi thiên lớn nhỏ cũng như trời Tam thập tam.

Vô sắc giới vì không có sắc nên không có kích thước thân hình.

#### **4. Tuổi thọ của hữu tình kiến lập giới:**

Người Nam thiệm-bộ châu tuổi thọ không nhất định. Ở cõi người lấy 30 ngày đêm làm một tháng, 12 tháng làm 1 tuổi. Hoặc có lúc thọ vô lượng tuổi, hoặc có lúc thọ 80.000 tuổi, hoặc có lúc tuổi thọ giảm dần cho đến 10 tuổi. Người Đông tỳ-đề-ha châu tuổi thọ nhất định là 250 tuổi. Người Tây cù-đa-ni châu tuổi thọ nhất định là 500 tuổi. Người Bắc câu-lô châu tuổi thọ nhất định là 1.000 tuổi.

Lại 50 năm ở nhân gian bằng 1 ngày 1 đêm của trời Tứ đại vương chúng. Lấy ngày đêm đây tính 30

ngày đêm làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 năm, thì các chúng trời kia tuổi thọ là 500 tuổi. Lại 100 năm ở nhân gian bằng 1 ngày 1 đêm của trời Tam thập tam, lấy ngày đêm đây như trước đã thuyết, thì các chúng trời kia tuổi thọ là 1.000 năm.

Như vậy, các cõi trời còn lại cho đến trời Tha hóa tự tại, ngày đêm và tuổi thọ cứ dần dần tăng gấp đôi so với cõi trời trước.

Lại trời Tứ đại vương chúng đầy đủ tuổi thọ là 500 năm, thì Đẳng hoạt địa ngục là 1 ngày 1 đêm. Tức lấy ngày đêm đây tính 30 ngày làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 năm thì Đại địa ngục kia tuổi thọ 500 năm.

Như lấy tuổi thọ của Tứ đại vương chúng thành tuổi thọ của Đẳng hoạt Đại địa ngục, thì lấy tuổi thọ của trời Tam thập tam thành tuổi thọ của Hắc thằng Đại địa ngục, lấy tuổi thọ của trời Thời phân thành tuổi thọ của Chúng hợp Đại địa ngục, lấy tuổi thọ của trời Tri túc thành tuổi thọ của Hiệu khiêu Đại địa ngục, lấy tuổi thọ của trời Hóa lạc thành tuổi thọ của Đại hiệu khiêu Đại địa ngục, lấy tuổi thọ của trời Tha hóa tự tại thành tuổi thọ của Thiêu nhiệt Đại địa ngục nên biết cũng vậy.

Hữu tình của Cực thiêu nhiệt Đại địa ngục thọ nửa trung kiếp. Hữu tình của Vô gián Đại địa ngục thọ một trung kiếp.

Lại Hàn địa ngục đối với Đại địa ngục theo thứ lớp tuổi thọ so với nhau gần bằng một nửa.

Lại hữu tình thọ sanh ở Cận biên địa ngục và Độc nhất địa ngục tuổi thọ không nhất định.

Tuổi thọ của phi thiên cũng như trời Tam thập tam. Bằng sanh và ngã quỷ tuổi thọ không nhất định.

Lại hữu tình của trời Phạm chúng thọ mạng một kiếp là 20 trung kiếp. Hữu tình của trời Phạm thiên ích thọ mạng một kiếp là 40 trung kiếp. Hữu tình của trời Đại phạm thọ mạng một kiếp là 60 trung kiếp. Hữu tình của trời Thiểu quang thọ mạng hai kiếp là 80 trung kiếp. Từ đây trở lên, cõi trời Sắc giới còn lại thọ mạng so với nhau mỗi mỗi dần dần tăng gấp bội. Chỉ trừ Vô vân, nên biết trời kia thọ mạng giảm 3 kiếp. Không vô biên xứ thọ 20.000 kiếp. Thúc vô biên xứ thọ 40.000 kiếp. Vô sở hữu xứ thọ 60.000 kiếp. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thọ 80.000 kiếp.

Trừ Bắc câu-lô châu, tất cả xứ còn lại đều có



trường hợp chết yếu. Lại người, quý, bàng sanh thú khi chết có thân cận bã còn sót lại. Cõi trời và địa ngục thì thân và thức đều mất, không còn sót lại thân cận bã.

### **5. Thọ dụng của hữu tình kiến lập giới:**

Lược có 3 chủng: **a.** Thọ dụng khổ vui; **b.** Thọ dụng ăn uống; **c.** Thọ dụng dâm dục.

#### **a. Thọ dụng khổ vui:**

Hữu tình na-lạc-ca phần nhiều chịu nhiều sự khổ cùng cực do bị trừng phạt. Hữu tình bàng sanh phần nhiều chịu sự khổ do ăn nuốt lẫn nhau. Hữu tình ngã quý phần nhiều chịu sự khổ do rất đói khát. Hữu tình cõi nhân gian phần nhiều chịu sự khổ do thiếu thốn, mong cầu chủng chủng thứ. Hữu tình cõi trời phần nhiều chịu sự khổ do tướng suy hao và khi chết bị đọa xuống.

Lại ở trong Đẳng hoạt Đại địa ngục, hữu tình thọ nhiều sự khổ trị phạt. Đó là hữu tình kia nghiệp tăng thượng mà tụ tập cùng sanh nơi đây, mới có chủng chủng dụng cụ hành khổ thứ lớp phát sanh. Chúng lại giết hại lẫn nhau, bầm thân phơi nơi đất. Lúc ấy trong hư không phát ra tiếng lớn xướng lời

như vậy: “Các hữu tình kia phải trở lại Đẳng hoạt! Trở lại Đẳng hoạt!”. Thế rồi hữu tình kia bỗng nhiên tỉnh dậy, lại có dụng cụ hành khổ và giết hại tương tàn nhau như trước đã thuyết. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Đẳng hoạt Đại địa ngục.

Lại ở trong Hắc thằng Đại địa ngục, hữu tình thọ nhiều khổ trị phạt đau đớn. Đó là hữu tình ở đây phần nhiều bị ngục tốt của địa ngục ấy bắt trói, lấy dây đen xâu kết dính lại, hoặc căng ra làm bốn phương, hoặc làm tám phương. Chúng đã bị xâu kết dính lại, tùy theo chỗ của mình hoặc bị đục, hoặc bị đẽo, hoặc bị chặt, hoặc bị khoét. Do hết thấy chủng chủng nhân duyên như vậy trường thời thọ khổ, cho đến nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Hắc thằng Đại địa ngục.

Lại ở trong Chúng hợp Đại địa ngục, hữu tình phần nhiều chịu khổ trị phạt rất nặng. Đó là khi các hữu tình tụ tập, bấy giờ có ngục tốt của địa ngục ấy bắt trói, lừa ép vào núi lớn hai đầu dê sắt. Kia đã vào rồi hai đầu núi ép lại, khiến tất cả máu huyết

phun vọt ra. Như núi hai đầu dê sắt, thì núi hai đầu dê cái sắt, núi hai đầu ngựa sắt, núi hai đầu voi sắt, núi hai đầu sư tử sắt, núi hai đầu hổ sắt cũng vậy. Kế đến lại khiến hữu tình kia gom lại, bỏ vào trong cái máng sắt lớn và ép lại như ép mía, khiến máu huyết tuôn trào ra. Sau đó tiếp tục gom trở lại, bấy giờ có núi sắt lớn từ trên rơi xuống khiến hữu tình kia bị té nhào trên mặt đất bằng sắt, hoặc bị chặt, hoặc bị đâm, hoặc bị giã, hoặc bị chia cắt, khiến máu huyết tuôn chảy. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo ra từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Chúng hợp Đại địa ngục.

Lại ở trong Hiệus khiếu Đại địa ngục, hữu tình thọ nhiều trị phạt khổ rất nặng. Đó là hữu tình kia tìm cầu nhà cửa nên bị đưa vào trong nhà sắt lớn. Lửa kia vào rồi, liền nổi lửa lên thiêu đốt, thiêu đốt cực độ, thiêu đốt cực độ khắp. Do bị thiêu đốt, thống khổ bức thiết phát tiếng kêu gào. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Hiệus khiếu Đại địa ngục.

Lại ở trong Đại hiệus khiếu Đại địa ngục, hữu

tình thọ khổ nào có sự sai khác so với các địa ngục trước. Đó là nhà cửa trong đây như bào thai, cho nên địa ngục đây gọi là Đại hiệu khiếu.

Lại ở trong Thiêu nhiệt Đại địa ngục, hữu tình thọ nhiều khổ trị phạt rất nặng. Đó là các hữu tình bị ngục tốt của địa ngục đây bắt trói, đặt lên tấm vỉ sắt rộng vô lượng du-thiện-na để thiêu đốt, thiêu đốt cực độ, thiêu đốt cực độ khắp, nướng khô rồi lật qua lật lại khiến trong ngoài đều bị cháy đen. Lại như nướng cá, dùng cây chĩa ba bằng sắt thọc xuyên từ dưới lên trên đỉnh đầu rồi lật qua lật lại nướng, khiến các căn và các lỗ chân lông của hữu tình thủy đều phun lửa. Lại đặt hữu tình trên đất bằng sắt lớn đốt cháy, đốt cháy cực độ, đốt cháy cực độ khắp. Lại lật ngửa hoặc lật sấp đốt nóng, cực nóng, khắp cực thiêu nóng, rồi dùng chùy sắt lớn hoặc đánh, hoặc giã, khiến thân hình nát như thịt đập. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện tạo ra từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Thiêu nhiệt Đại địa ngục.

Lại ở trong Cực thiêu nhiệt Đại địa ngục, khổ nào hữu tình phải chịu có sự sai khác so với Thiêu

nhật địa ngục. Đó là ngục tốt lấy cây chia ba bằng sắt rất nóng, xuyên từ dưới thông lên đến hai bắp tay và đỉnh đầu. Do nhân duyên đây mắt, tai, mũi, miệng và các lỗ chân lông lửa phun ra dữ dội. Lại lấy lá đồng, lá sắt to lớn nung thật nóng, bọc khắp thân hữu tình. Lại lộn ngược hữu tình bỏ vào nồi sắt lớn đầy tràn nước tro đun nóng cực độ để hầm nấu. Nước sôi trào lên khiến hữu tình đây hoặc nổi hoặc chìm cuộn theo chiều nước sôi, máu thịt và các chi phần gân, tủy... đều nát nhừ, chỉ còn xương vụn. Ngục tốt lại tìm vớt ra đem đặt trên đất bằng sắt khiến da thịt và máu gân sanh lại như cũ, rồi đem bỏ lại trong nồi sắt... Còn lại như trong Thiêu nhật đại địa ngục đã nói. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Cực thiêu nhật Đại địa ngục.

Lại ở trong Vô gián Đại địa ngục, hữu tình chịu khổ trị phạt rất nặng. Đó là qua phương đông nhiều trăm du-thiện-na, trên mặt đất bằng sắt lớn rất nóng, nóng cực độ, nóng cực độ khắp, có lửa bùng cháy dữ dội bay đến hữu tình kia xuyên vào da thịt, bứt gân phá xương, hủy hoại tủy, khiến

thân hữu tình cháy rực như cây đuốc bằng mỡ, toàn thân đều thành ngọn lửa mạnh. Như ở phương đông thì phương nam, tây, bắc cũng lại như vậy. Do nhân duyên đây các hữu tình kia cùng ngọn lửa mạnh hòa tạp với nhau, chỉ thấy lửa từ bốn phương tụ lại cháy mạnh không dứt. Sự thống khổ phải chịu không phút tạm dừng, chỉ do nghe trong ấy vang tiếng khổ kêu gào thảm thiết mà biết là có chúng sanh. Lại dùng nia sắt tròn đầy tràn than rực lửa, cực nóng, cực nóng khắp đốt nướng hữu tình cháy thành tro. Lại đặt chúng trên đất bằng sắt nóng, bắt treo lên núi sắt cháy đỏ, lên rồi lại xuống, xuống rồi lại lên. Từ trong miệng kéo lưỡi căng ra, dùng trăm đinh sắt đóng vào cho đến không có một nếp nhăn gấp như căng da trâu. Lại bắt nằm ngửa trên đất bằng sắt nóng, lấy kèm sắt cháy đỏ kẹp miệng bắt hở ra, rồi lấy hòn sắt đỏ lớn rất nóng, nóng cực độ, nóng cực độ khắp bỏ vào trong miệng, tức thì miệng bốc cháy, qua yết hầu rồi thẳng tạt phủ theo đường dưới ra ngoài. Lại lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng đốt cháy miệng, qua yết hầu rồi đến tạt phủ theo đường dưới ra ngoài. Khổ nào còn lại như Cực nhiệt đại địa

ngục đã nói. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến nghiệp ác bất thiện đã tạo từ đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Đây gọi là Vô gián địa ngục, phần nhiều kẻ tạo nghiệp vô gián sẽ đến sanh trong đây. Đây chỉ lược nói những khổ cụ thô, ở trong đại địa ngục chẳng phải chỉ có vậy, còn có nhiều chủng chủng khổ cụ mà chẳng thể kể ra.

Lại ở trong Cận biên địa ngục, các loại hữu tình thọ khổ trị phạt rất nặng. Đó là trong tất cả các Đại địa ngục bốn hướng có bốn bức tường cao vây quanh bằng sắt, có bốn cửa ra vào. Hữu tình chạy ra theo bốn cửa bốn hướng. Bên ngoài mỗi một cửa có bốn khu vườn. Ban đầu là vườn tro nóng ngang đầu gối. Các hữu tình kia chạy ra vì tìm cầu nhà ở mà đến đây, dưới chân da thịt máu huyết khắp đều nát như, khi cất bước thì chân sanh trở lại như cũ. Kế vườn tro nóng không gián đoạn lại có đầm bùn phần xác chết. Các hữu tình vì cầu nhà ở nên từ cửa thành đi ra sập vào đầm này. Đầu chân đều chìm trong hố phần xác chết. Có các loại trùng nhiều chân gọi là nương-tri-tóa xuyên da vào thịt, cắt gân phá xương lấy tủy mà ăn. Kế đầm bùn phần xác chết không gián đoạn, lại có đao kiếm

chĩa mũi nhọn làm đường. Các hữu tình kia vì tìm cầu nhà ở từ thành kia đi đến đây, khi đặt chân xuống thì da thịt gân máu thấy đều bị chém nát như, khi cất chân lên liền lành lại như cũ. Kế đường đao kiếm không gián đoạn lại có rừng lá đao. Các hữu tình kia vì tìm cầu nhà ở nên từ cửa thành kia chạy ra, đến núp dưới bóng cây mát. Mới vừa ngồi xuống, gió liền thổi đao kiếm rơi xuống cắt chặt thân thể, khiến tất cả các chi phần thân thể văng đầy đất... có chó Hắc ly cắn xé mà ăn. Từ rừng lá đao không gián đoạn, có rừng cây lập-mạt-lê bằng sắt. Các hữu tình kia vì tìm cầu nhà ở chạy đến leo lên cây. Đương lên thì tất cả đầu lá nhọn thấy đều đâm xuống, khi muốn xuống thì tất cả đầu lá nhọn lại chĩa lên. Do nhân duyên dây lá sắt nhọn đâm xuyên thân, đâm khắp các chi phần. Bảy giờ liền có quạ mỏ bằng sắt to lớn đậu trên đầu, hoặc trên vai tìm kiếm mổ con người mất mà ăn. Từ rừng cây thiết-mạt-lê không gián đoạn lại có sông rộng lớn, đầy nước tro nóng sôi sùng sục. Các hữu tình kia vì tìm cầu nhà ở nên từ thành kia chạy ra liền rớt xuống sông này. Giống như lấy đậu bỏ vào nồi to, dùng lửa để nấu như, hữu tình cũng



vậy. Trong sông đây hữu tình theo nước sôi bốc lên trên, trôi lênh bênh khắp mặt sông rồi dạt vào hai bên bờ. Có các ngục tốt tay cầm gậy dây và lấy lưới lớn giăng ra ngang dọc khiến các hữu tình kia không lọt ra được, rồi ngục tốt khác dùng dây hoặc lưới vớt lên. Lại đặt hữu tình kia nằm ngửa trên mặt đất sắt nóng rộng lớn mà xét hỏi : “Nay các người muốn cầu gì?”. Hữu tình kia đáp rằng: “Chúng tôi nay chịu khổ cùng cực không còn biết gì, bị chùng chùng đói khổ bức bách”. Bấy giờ ngục tốt dùng kẽm sắt kẹp miệng, lấy hòn sắt cực nóng bỏ vào trong miệng, còn lại như trước đã nói. Nếu kia đáp rằng: “Chúng tôi nay bị khổ của khát bức bách”, bấy giờ ngục tốt liền lấy nước đồng sôi rót vào trong miệng. Do nhân duyên đây trường thời thọ khổ, cho đến tất cả nghiệp ác bất thiện đã tạo đời trước chưa tận hết thì chưa ra khỏi. Trong đây hoặc đường đao kiếm, hoặc đường đao, hoặc rừng lá đao, hoặc rừng thiết lạp-mạt-lê đều gọi chung làm một, cho nên nói có bốn vườn.

Lại hữu tình thọ sanh ở Hàn địa ngục thì chịu nhiều khổ cực lạnh.

Hữu tình thọ sanh trong Phóng da địa ngục,

bị tiếp xúc với sự cực lạnh rộng lớn của mặt đất nên tất cả thân phần thấy đều cuốn co lại giống như vết phỏng. Cho nên na-lạc-ca đây gọi là Phỏng da địa ngục.

Ở Phỏng vỡ địa ngục có sự sai khác, tức là giống như vết phỏng cương mủ phồng lên rồi bị vỡ ra, máu mủ tuôn chảy, vết thương co nhẵn lại. Cho nên địa ngục đây gọi là Phỏng vỡ.

Lại Hát-triết-hổ, Hách-hách-phàm, Hổ-hổ-phàm, ba địa ngục đây bởi âm thanh khổ hữu tình kia sai khác nên lấy đây lập tên.

Trong Sen xanh địa ngục, hữu tình ở đó bị tiếp xúc với cái lạnh cắt da của mặt đất, nên tất cả thân phần thấy đều xanh ứ, da bị nứt nẻ thành mảnh nhỏ hoặc năm hoặc sáu, nên địa ngục đây gọi là Sen xanh.

Trong Sen hồng địa ngục thì có sự sai khác, tức hữu tình kia đã vượt qua sự xanh bầm, sắc da biến hồng đỏ, da bị cắt ra hoặc mười hoặc nhiều mảnh, nên địa ngục đây gọi là Sen hồng.

Trong Sen hồng lớn địa ngục có sự sai khác. Đó là thân phần của hữu tình kia hồng đỏ sậm lại, da bị xé rách hoặc trăm hoặc nhiều mảnh, cho nên

địa ngục đây gọi là Sen hồng lớn.

Lại trong Độc nhất địa ngục, mỗi mỗi hữu hình ở nơi tự nghiệp của thân mình mà chiêu cảm sanh trong địa ngục đây, thọ nhiều chủng chủng đại khổ, như trong kinh, Ngài Kiết Tường hỏi và Thái Duyên Đâu Tử rộng nói. Cho nên địa ngục đây gọi là Độc nhất.

Lại ở loài bàng sanh thì giết hại ăn nuốt lẫn nhau, như các thú nhỏ sức yếu bị các thú mạnh giết hại. Do nhân duyên đây thọ chủng chủng khổ, không được tự tại. Lại chịu sự bức bách trói buộc, đánh đập bằng roi gậy. Lại bị người trời lấy làm vật dụng nuôi sống. Do nhân duyên đây thọ đầy đủ chủng chủng khổ não cùng cực.

Lại ở thú ngạ quỷ lược có 3 chủng: 1. Do bên ngoài chướng ngại ăn uống; 2. Do bên trong chướng ngại ăn uống; 3. Không bị chướng ngại ăn uống.

Sao gọi là do bên ngoài chướng ngại ăn uống? Các loài hữu tình có thói quen keo lẩn phẩm thượng, nên khi mất thân sanh trong loài ngạ quỷ, thường chịu cảnh đói khát. Da thịt máu tủy thấy đều khô kiệt giống như tro nóng. Đầu tóc rối bù, sắc mặt đen sạm, môi miệng khô cháy, thường lấy lưỡi liếm miệng

mặt. Sợ hãi đói khát, rong ruổi chạy khắp nơi, tìm đến ao suối. Nhưng lại bị hữu tình khác tay cầm dao gậy và lầy lưới dây giăng ra gìn giữ nên không đến được. Nếu có kẻ đủ mạnh vượt qua các chướng ngại đến được khe suối, thì nước lại biến thành mủ máu nên không thể uống. Hết thấy ngạ quỷ như vậy gọi là do bên ngoài chướng ngại ăn uống.

Sao gọi là do bên trong chướng ngại ăn uống? Có các hữu tình miệng nhỏ như cây kim, hoặc miệng như bó đuốc, hoặc cổ có cục bướu, bụng to. Do nhân duyên đây tuy có thức ăn uống mà không thể tự nhiên hoặc ăn hoặc uống. Hết thấy ngạ quỷ như vậy gọi là do bên trong chướng ngại ăn uống.

Sao gọi là không bị chướng ngại ăn uống? Có ngạ quỷ tên là Mãnh diệm mạn, thức ăn uống đưa đến miệng đều bị bốc cháy, do nhân duyên đây bị khổ đói khát không ngừng. Lại có ngạ quỷ tên là Ăn phần ướ, có một số ăn phần ướ, có một số ăn uống những thứ hôi thối như nhớp, tuy có thức ăn cao lương mỹ vị cũng không ăn được. Lại có một số tự cắt thân mình lấy thịt mà ăn, nếu có được thức ăn khác cũng không thể ăn được. Hết thấy loại ngạ quỷ như vậy gọi là không bị chướng ngại ăn uống.

Lại hữu tình thọ sanh trong loài người phần nhiều thọ khổ của sự thiếu thốn. Đó là: khổ thiếu thốn do đói khát sanh, khổ do những điều ham muốn mà không được toại, khổ thiếu thốn do thức ăn uống thô, khổ thiếu thốn do truy cầu bức bách, khổ do thời tiết thay đổi hoặc lạnh hoặc nóng, khổ thiếu thốn do không có nhà cửa che thân, khổ thiếu thốn do thời vận đen đui, khổ thiếu thốn do sự nghiệp gây dựng đều không có kết quả. Lại chịu khổ biến hoại của sanh, già, bệnh chết. Còn trong na-lạc-ca thì chết là vui, nên trong cõi này chẳng lập chết là khổ.

Lại, trong cõi trời không có các chi tiết khổ, mà có chết đọa khổ. Như trong kinh thuyết: “Có các thiên tử lúc sắp mạng chung thời có năm tướng hiện ra: 1. Y không có cấu nhiễm, nay có cấu nhiễm hiện; 2. Hoa cài đầu không héo, nay bị héo úa; 3. Nách chảy mồ hôi; 4. Thân thể hôi dơ; 5. Thiên tử và chúng chư thiên chẳng vui ngồi trên bản tòa. Khi thiên tử kia nằm trong rừng, thấy các thiên nữ cùng thiên tử khác vui chơi đùa giỡn, thấy vậy rồi sanh đại ưu khổ”.

Lại chịu khổ do lo sợ bị lăng miệt, khinh khi.

Vì có sao? Bởi khi có người thành tựu tụ phước rộng lớn và năm dục rộng lớn thời sẽ được sanh làm thiên tử. Các thiên tử bậc phước kia thấy rồi liền sanh lo sợ, do nhân duyên đây thọ đại ưu khổ.

Lại thọ khổ của sự đâm chém phá hoại xua đuổi tàn hại. Vì có sao? Do trời và phi thiên đánh giết lẫn nhau, cầm bốn loại binh khí là vàng, bạc, pha lê, lưu ly cùng nhau giao chiến. Bấy giờ chư thiên cùng với phi thiên, hoặc các chi phần bị cắt đoạn, hoặc bị chém đứt, hoặc lại đến chết. Nếu chi phần bị đứt hay thân bị đoạn liền lành lại như cũ, nếu phần đầu bị chặt đứt thì sẽ chết liền. Chư thiên và phi thiên xoay vần có thắng có thua, nhưng trời thắng nhiều hơn vì thế lực mạnh mẽ hơn. Nhưng cả hai nếu bị thua trận sẽ tự quay về cung của mình, đồng loại chẳng lại thăm hỏi an ủi, do nhân duyên đây liền ôm lòng ưu buồn. Nếu trời thắng, liền vào cung phi thiên hoan lạc cùng nữ phi thiên, do đây khởi đấu tranh với nhau. Nếu phi thiên thắng sẽ vào cung của chư thiên, vì cầu bốn chủng vị tô-đà mà sanh khởi đánh nhau.

Lại nên biết các phi thiên thuộc cõi trời, nhưng nhiều siểm cống, ôm lòng lừa dối huyễn hoặc, chẳng

như chư thiên là pháp khí thanh tịnh. Do nhân duyên đây có khi trong kinh thuyết là một cõi riêng. Phi thiên đây thật là chủng loại trời, nhưng do chẳng hành pháp chư thiên nên nói là phi thiên. Lại thiên tử có sức mạnh một phen phát giận, tức các thiên tử yếu liền bị đuổi ra khỏi cung mình.

Cho nên chư thiên thọ 3 chủng khổ, đó là: chết đọa khổ, lãng miệt khổ và đâm chém phá hoại xua đuổi tàn hại khổ.

Lại hữu tình cõi Sắc và cõi Vô sắc không có hết thảy khổ như thế, do hữu tình kia không phải là vật thọ khổ. Nhưng do thô trọng khổ, do có phiền não, do có chướng ngại, do đối với sống và chết không được tự tại mà nói kia có khổ.

Lại trong cõi Vô lậu, tất cả các khổ thô trọng đều vĩnh viễn đoạn dứt. Cho nên chỉ cõi đây là có nghĩa lạc thù thắng, nên biết tất cả cõi còn lại đều là khổ.

Lại ở trong 4 chủng địa ngục không có thọ vui. Như trong địa ngục, thì trong 3 chủng ngục quý cũng vậy. Trong các Đại lực quý, bàng sanh và người có các vật dụng bên ngoài đem lại sự vui, nhưng bị tướng tạp của các khổ.

Lại trong loài người, vui của Chuyển luân vương là tối thắng vi diệu. Khi Luân vương xuất hiện nơi đời, bảy báu tự nhiên xuất hiện, cho nên nói vua kia có đầy đủ bảy báu. Những gì là bảy? Đó là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu ma-ni báu, nữ báu, chủ kho tàng báu, chủ binh thần báu. Lúc bảy báu... xuất hiện, tướng nó thế nào? Tướng bảy báu đây hiện ra như kinh đã rộng thuyết. Nếu Chuyển luân vương cai trị bốn châu thì tất cả Tiểu vương đều kính ngưỡng uy đức mà quy thuận theo, mỗi vua tự nói rằng: “Thành ấp tỵ lạc đây là sở hữu của Đại vương. Duy nguyện Đại vương rủ lòng thương răn bảo, chúng tôi đều là kẻ tội tở của Người”. Bấy giờ Luân vương liền ban chiếu răn dạy: “Này các Tiểu vương, mỗi mỗi hãy ở đất nước của mình, đem pháp mà quan tâm giáo hóa, chớ dùng những điều phi pháp. Các vị chớ đối với đất nước, đối với gia đình mình mà hành hạnh phi pháp, hành hạnh không bình đẳng”. Nếu là Luân vương của vua ba châu thì trước phái sứ giả đi đến, về sau mới thuận theo việc mà giáo hóa. Nếu là Luân vương của hai châu, trước hưng binh thị uy, về sau mới thuận theo việc mà giáo hóa. Nếu là Luân vương của một



châu, phải tự mình đến kia dùng binh khí ra uy, về sau mới thuận theo việc mà giáo hóa.

Lại các chúng trời thọ phước lạc cõi trời rộng lớn: hình sắc thù diệu, có nhiều thứ vui thích, sống lâu ở trong cung điện của mình, trong ngoài thân đều thanh khiết, không có xú uế như nhớp.

Lại trong thân của người có nhiều bất tịnh như gân, xương, lá lách, thận, gan, tim... đủ thứ trần cấu. Chư thiên không có các bất tịnh này.

Lại các trời kia có bốn loại cung điện do vàng, bạc, pha lê, lưu ly tạo thành, chủng chủng họa tiết tơ lụa tô điểm trang nghiêm, chủng chủng đài các, chủng chủng lầu quán, chủng chủng tầng bậc, lớp lớp cửa lớn, chủng chủng màn lưới đều rất đáng yêu thích. Chủng chủng ma-ni lấy làm vật trang sức, ánh quang giáp vòng diệu chiếu lẫn nhau.

Lại có cây thức ăn, từ cây sanh ra bốn vị thức ăn tô-dà xanh, vàng, đỏ, trắng.

Lại có cây thức uống, từ đây sanh ra nước uống ngọt ngào thơm ngon...

Lại có cây xe, từ đây sanh ra chủng chủng cỗ xe vi diệu như xe nhỏ, xe lớn, xe vua đi, xe chở vật dụng...

Lại có cây y phục, từ đây sanh ra chủng chủng xiêm y kỳ diệu, xiêm y mịn màng, nhu nhuyễn, mềm mại, diệu sắc tinh khiết, tô điểm thêm những sắc màu...

Lại có cây trang sức, từ đây sanh ra chủng chủng đồ trang sức trang nghiêm kỳ diệu như ma-ni, ngọc bích, ngọc châu, vòng đeo tai, xuyên vàng và những vật trang sức tay chân... Hết thấy loại trang sức như thế đều lấy chủng chủng diệu bảo ma-ni để tô điểm thêm.

Lại có cây hương xoa, hoa cài đầu, từ đây sanh ra chủng chủng hương xoa, chủng chủng hương xông ướp, chủng chủng hoa cài đầu...

Lại có cây tên Đại-tập-hội tối thắng vi diệu. Thân cây này cao 100 du-thiện-na, gốc 50 du-thiện-na, cành nhánh lá che phủ 80 du-thiện-na, có đủ các loại hoa đua nở. Khi hoa nở, hương thơm thuận gió tỏa ngát 100 du-thiện-na, ngược gió tỏa ngát 50 du-thiện-na. Dưới cây này, trời Tam thập tam lấy năm dục vi diệu của cõi trời cùng nhau vui chơi suốt bốn tháng mưa.

Lại có cây âm nhạc ca múa cười hát, từ đây sanh ra chủng chủng khí cụ ca múa...

Lại có cây vật dụng, từ đây sanh ra chủng chủng vật dụng như đồ dùng ăn uống, nằm ngồi..

Lại khi chư thiên kia muốn thọ dụng, tùy theo ý muốn và nghiệp lực liền có vật tùy thích hiện trong tay. Các phi thiên thì tùy theo chỗ thích hợp thọ dụng chủng chủng cung điện phước lạc.

Lại Bắc câu-lô châu cũng có cây hình tướng như vậy, gọi là cây Như ý. Các người ở cõi này muốn vật dụng gì đều từ cây mà lấy dùng, chẳng cần phải nghĩ tưởng, tự nhiên trong tay xuất hiện những vật mà mình mong muốn. Lại có lúa thơm, lúa không thơm, chẳng trồng mà thu hoạch, không riêng của ai. Lại hữu tình đây không bị hệ thuộc lẫn nhau, quyết định thắng tiến.

Lại, trời Đế Thích có cung điện thù thắng rộng lớn hơn hết so với các cung điện khác. Ở đây có trăm lầu quán, mỗi mỗi lầu quán có trăm đài các, mỗi mỗi đài các có bảy phòng thất, mỗi mỗi phòng thất có bảy thiên nữ, mỗi mỗi thiên nữ có bảy hầu nữ.

Lại địa thế cõi trời đây bằng phẳng như bàn tay, không có cao thấp. Khi giày dép chạm xuống đất liền sanh an lạc, hạ chân xuống đất liền lún

cho đến đầu gối, dõ chân lên thì đất liền lại như cũ. Trong tất cả thời đều có hoa mạn-đà-la tự nhiên rải khắp trên đất, có gió vi diệu thổi hoa héo đi, đưa hoa mới đến.

Lại bốn mặt cung trời kia, mỗi mặt có đường rộng lớn, hình thể thù diệu, thanh tịnh đoan nghiêm, độ lượng ngay thẳng.

Lại ở bốn ngã có bốn cửa lớn, quy mô hoành tráng, sắc tướng kỳ diệu lạ thường, nhìn không biết chán, thật là thù diệu tuyệt vời. Có nhiều loại Dược-xoa diệu sắc khác nhau, thường canh giữ nơi đây.

Lại ở bốn mặt có bốn vườn thượng uyển: một tên là Hội xa, hai tên là Thô sáp, ba tên là Hòa tạp, bốn tên là Hỷ lâm. Bên ngoài của bốn vườn đây có bốn thặng địa cảnh tượng thù diệu, hình dáng tuyệt đẹp, đoan nghiêm không gì sánh. Góc cung đông bắc là chỗ chư thiên hội họp, gọi là Bạch thiện pháp, chư thiên vào đây tư duy xứng lượng quán sát diệu nghĩa. Bên vườn này có đá như ý, sắc đá trắng ngà, hình chất thù diệu, tướng khả quan, đẹp không gì sánh được.

Lại thân trời kia tự nhiên chiếu sáng dịu dàng. Nếu bóng tối xuất hiện thì biết ngày đã qua và ban

đêm đến, liền đối với năm đục thiên diệp của cõi trời tự nhiên lười biếng và muốn ngủ nghỉ, những loại chim khác cũng chẳng hót nữa. Do hết thấy tướng đây mà biết là ngày đêm.

Lại năm diệp đục của chúng cõi trời kia thật đáng vui thích, chỉ khiến phát khởi hỷ lạc. Các thiên chúng kia sống phóng dật buông thả trong ấy, hằng nghe chuông chuông âm thanh chiêng trống, ca hát nhảy múa, vui đùa nói chuyện. Mắt thường thấy chuông chuông sắc khả ý, mũi thường ngửi chuông chuông hương vi diệu, lưỡi thường nếm chuông chuông vị thơm ngon, thân thường xúc chuông chuông thiên nữ thù thắng. Hằng bị những thú vui đây dẫn dắt hầu hết thời gian.

Lại chư thiên kia thọ nhiều chuông diệp đục lạc như vậy, thường không tật bệnh cũng không già yếu, không chịu các thứ khổ thiếu thốn ở cõi người như trước đã thuyết.



## *Quyển 5*

- Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA**  
**Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA**  
**Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA**  
**Phần 2**

Lại nữa, ở Sắc giới, chư thiên sanh Sơ tinh lự địa thọ ly sanh hỷ lạc. Chư thiên sanh Đệ nhị tinh lự địa thọ định sanh hỷ lạc. Chư thiên sanh Đệ tam tinh lự địa thọ ly hỷ diệu lạc. Chư thiên sanh Đệ tứ tinh lự địa thọ xả niệm tịnh lạc, tịch tĩnh vô động. Chư thiên sanh Vô sắc giới thọ lạc cực tịch tĩnh giải thoát.

Lại do 6 chủng thù thắng, nên có khổ, vui thù thắng: 1. Hình dáng kích thước thù thắng; 2. Nhu nhuyễn thù thắng; 3. Duyên thù thắng; 4. Thời thù thắng; 5. Tâm thù thắng; 6. Sở y thù thắng.

Vì có sao? Như như kích thước thân dần dần tăng rộng lớn, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như chỗ nương tựa dần dần nhu nhuyễn, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như duyên khổ dần dần hưng thịnh mạnh mẽ có nhiều

sai biệt, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như thời phần dần dần lâu dài không gián đoạn, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như nội tâm không lực chọn lựa phân biệt dần dần tăng rộng, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng. Như như sở y khí cụ của khổ dần dần tăng thêm, như vậy như vậy khổ chuyển thù thắng.

Như nghĩa khổ tăng thêm mạnh mẽ như vậy, thì nghĩa lạc tăng thêm mạnh mẽ, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, vui có 2 chủng: 1. Vui do phi thánh tài sanh; 2. Vui do thánh tài sanh.

- Vui do phi thánh tài sanh: là vui do 4 chủng làm duyên nên được sanh: 1. Vật dụng đẹp ý; 2. Vật dụng do thân gây ra; 3. Vật dụng tốt lành; 4. Vật dụng giữ gìn.

Vật dụng đẹp ý: là xe cộ, áo quần, các thứ trang sức, ca vũ múa hát, hương xoa, hoa cài đầu, chuông chuông trân bảo thượng diệu, nhạc cụ, ánh sáng diệu chiếu, tô tở nam nữ, vô lượng kho tàng.

Vật dụng do thân gây ra: là các việc không suy nghĩ như đánh đập, đập ném, xoa ấn...

Vật dụng tốt lành: là những vật như cỏ kiết

tường, quả tần-loa, vỏ ốc đầy vò.

Vật dụng giữ gìn: là việc ăn uống.

- Vui do thánh tài sanh: là vui do 7 thánh tài làm duyên khiến sanh. Những gì là bảy? 1. Tín; 2. Giới; 3. Trì; 4. Quý; 5. Văn; 6. Xả; 7. Tuệ.

Lại nữa, các loại vui sanh khởi khác nhau do 15 chủng tướng thánh tài và phi thánh tài. Những gì là mười lăm?

1. Phi thánh tài sanh vui hay khởi ác hạnh. Thánh tài sanh vui hay sanh diệu hạnh.

2. Phi thánh tài sanh vui là hỷ lạc có tội. Thánh tài sanh vui là hỷ lạc vô tội.

3. Phi thánh tài sanh vui là chỗ nương nhỏ bé không trải khắp. Thánh tài sanh vui là chỗ nương rộng lớn trải khắp.

4. Phi thánh tài sanh vui không phải lúc nào cũng có, do nương ngoại duyên. Thánh tài sanh vui có ở tất cả thời, do nương nội duyên.

5. Phi thánh tài sanh vui không có ở tất cả địa, chỉ có ở Dục giới. Thánh tài sanh vui có ở tất cả địa, thông suốt hệ thuộc và không hệ thuộc ba cõi.

6. Phi thánh tài sanh vui không thể dẫn phát thánh tài và phi thánh tài ở đời sau. Thánh tài



sanh vui năng dẫn phát thánh tài và phi thánh tài ở đời sau.

7. Phi thánh tài sanh vui khi thọ dụng có biên bờ, có tận hết. Thánh tài sanh vui khi thọ dụng càng thêm sung mãn, tăng trưởng rộng lớn.

8. Phi thánh tài sanh vui bị người khác cướp đoạt: hoặc giặc, hoặc vua, hoặc oán địch, hoặc nước lửa. Thánh tài sanh vui không thể bị xâm đoạt.

9. Phi thánh tài sanh vui không thể giữ gìn từ đời này đến đời sau. Thánh tài sanh vui năng giữ gìn từ đời này đến đời sau.

10. Phi thánh tài sanh vui khi thọ dụng không khiến đầy đủ sung mãn. Thánh tài sanh vui khi thọ dụng thì rất ráo sung mãn.

11. Phi thánh tài sanh vui có sợ hãi, vì làm nơi nương tựa của sợ hãi đối với sanh đời sau. Thánh tài sanh vui không sợ hãi.

12. Phi thánh tài sanh vui có oán đối, vì là nơi nương tựa của đấu tranh kiện tụng vây bủa. Thánh tài sanh vui không oán đối.

13. Phi thánh tài sanh vui có tai hoạn, vì là nơi nương tựa của lão bệnh tử. Thánh tài sanh vui không tai hoạn.

14. Phi thánh tài sanh vui có thiêu não, vì tánh vui đây không chân thật, như ung, như tên độc, như bệnh, là nơi nương tựa của hư vọng điên đảo, là nơi nương tựa của chủng chủng nhiệt não sâu than ưu khổ. Thánh tài sanh vui không có nhiệt não.

15. Phi thánh tài sanh vui không thể đoạn khổ lớn đời sau, vì không thể đoạn tham, sân... vốn nương theo hai lậu hoặc. Thánh tài sanh vui năng đoạn khổ lớn đời sau.

Lại nữa, kể thọ dụng bên ngoài thì thọ dụng dụng trần. Bậc Thánh huệ mạng thì thọ dụng chánh pháp. Do 5 chủng tướng nên hai loại thọ dụng đây có sự sai khác. Cũng do đây nên nói bậc Thánh huệ mạng lấy huệ mạng thanh tịnh vô thượng làm sự sống của mình. Những gì là năm? 1. Bậc thọ dụng chánh pháp không nhiễm ô; 2. Bậc thọ dụng chánh pháp cực cứu cánh; 3. Bậc thọ dụng chánh pháp xác quyết một hướng; 4. Bậc thọ dụng chánh pháp không cùng chung với các bậc huệ mạng khác; 5. Bậc thọ dụng chánh pháp có lạc chân thật, hàng phục ma oán.

Trong đây, kể thọ dụng các dụng sở hữu dụng lạc

đều thuận theo xứ hỷ, nên tham ái phát sanh; thuận theo xứ ưu, nên sân khuể phát sanh; thuận theo xứ xả, nên xả không phân biệt chọn lựa phát sanh. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại từ xưa đến nay, các kẻ vui thích thọ dụng dục trần mê mải theo đó mà không hay biết là vô thường, nên bỏ dục trần này lại lấy dục trần khác, hoặc có lúc chẳng được gì. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại đang lúc thọ dụng, kẻ kia đối với các dục hoặc có lúc khởi hỷ ái, hoặc có lúc khởi ưu khuể. Lại dục kia cũng có lúc sanh hỷ, có lúc sanh ưu. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại các kẻ ly dục chưa có huệ mạng, đối với chủng chủng kiến thú tự khởi phân biệt tà thắng giải, nơi tâm mạnh mẽ chấp trước chủng chủng, hằng triển chuyển theo đuổi dục nhiễm. Tuy đã lìa dục mà lại hoàn thối thất khởi dục trở lại. Bậc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại kẻ thọ dục và người ly dục thế gian, sở

hữu dục lạc và lìa dục lạc đều chẳng phải chân thật, đều là chỗ triển chuyển theo đuổi của ma oán, như huyễn, như tiếng vang, như bóng, như ánh nắng, như chiêm bao, như huyễn thuật làm ra các đồ trang sức. Bạc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại kẻ ngu phu tham đắm vui các thọ dục và các kẻ đã ly dục thế gian, phạm chỗ thọ dụng giống như điên cuồng, như say loạn... Chưa thể chế ngự quân ma mà có thọ dụng, nên vui kia chẳng phải là chân thật, cũng không chế ngự được các việc ma. Bạc Thánh huệ mạng thọ dụng chánh pháp thì không như vậy.

Lại nữa, thân mà hữu tình ba cõi nương tựa đây, phải quán nó như thế nào? – Như ung nhọt nóng độc đang trương cứng.

Ở thân này khi thọ vui sanh, phải quán nó như thế nào? – Như ung nhọt nóng độc tạm thời được tiếp xúc lạnh.

Ở thân này khi thọ khổ sanh, phải quán nó như thế nào? – Như ung nhọt nóng độc tiếp xúc phải than nóng.

Ở thân này khi thọ không khổ không vui sanh,

phải quán như thế nào? – Như ung nhọt lia hai tiếp xúc của lạnh nóng, hiện diện ngay tự tánh nóng độc vốn sẵn có.

Cho nên Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Nên biết thọ vui do hoại khổ nên khổ. Thọ khổ do khổ khổ nên khổ. Thọ không khổ không vui do hành khổ nên khổ”.

Lại thuyết có hỷ có vị ái, có hỷ là vị ái, có hỷ thù thắng là vị ái. Hết thấy loại như vậy như kinh đã rộng thuyết, nên biết thuộc 2 giới là: giới đọa nhiếp và giới chẳng phải đọa nhiếp.

Lại Đức Bạc-Già-Phạm kiến lập lạc của Diệt thọ tướng là đệ nhất trong các lạc. Đây căn cứ vào trụ lạc, chẳng gọi là thọ vui.

Lại thuyết có 3 chủng lạc, đó là: lạc là dục tham, lạc là dục sân và lạc là dục si. Ba chủng lạc đây chỉ trong Vô lậu giới mới có được, cho nên lạc đây gọi là thường lạc, nhiếp thuộc Vô lậu giới.

**b. Thọ dụng ăn uống:**

Đó là các hữu tình trong ba cõi đã sanh, sẽ sanh nhờ thọ dụng ăn uống mà thọ mạng được tồn tại. Trong đây nên biết nhờ 3 chủng thực là xúc, ý tư và thức mà tất cả hữu tình trong ba cõi thọ

mạng được sống còn. Riêng 1 chủng đoạn thực khiến hữu tình ở Dục giới thọ mạng được sống còn.

Lại hữu tình thọ sanh ở địa ngục thì có đoạn thực vi tế, đó là trong tạng phủ có gió thổi vi tế, do nhân duyên dây hữu tình kia được sống lâu.

Lại trong ngạ quỷ, bàng sanh và người thì có đoạn thực thô, tức là cắt phân thành từng đoạn mà ăn.

Lại có thực vi tế, đó là hữu tình trụ ở các giai đoạn như yết-la-lam... và chư thiên Dục giới. Các hữu tình kia khi ăn, thức ăn chảy vào tất cả chi tiết trong thân rồi dần tiêu hóa, do đây không có phần dư tiết ra ngoài.

### *c. Thọ dụng dâm dục:*

Trong các địa ngục, hữu tình đều không có sự dâm. Vì cố sao? Do hữu tình kia trường thời không gián đoạn thọ chủng chủng khổ khốc liệt, cho nên nam đối với nữ chẳng khởi mong muốn, hoặc nữ đối với nam chẳng khởi mong muốn, hà huống cùng nhau giao hội.

Ở trong quỷ, bàng sanh và người, nương thân này thọ các tướng khổ vui lẫn tạp nên có dâm dục, nam nữ giao hội với nhau nên bất tịnh chảy ra.

Chư thiên ở Dục giới hành dâm dục không có bất tịnh, nhưng ở căn môn có hơi gió thoát ra, phiền não liền dứt. Trời Tứ đại vương chúng thì cùng nhau giao hội nhiệt não mới dứt. Như trời Tứ đại vương chúng, thì trời Tam thập tam cũng vậy. Trời Thời phân gặp gỡ ôm nhau nhiệt não liền dứt. Trời Tri túc nắm tay nhau nhiệt não liền dứt. Trời Hóa lạc quay nhìn mà cười nhiệt não liền dứt. Trời Tha hóa tự tại mắt ngắm nhìn nhau nhiệt não liền dứt.

Lại người ở ba châu là Nam thiệm-bộ, Tây ngu-hóa, Đông thắng-thần nhiếp thọ thê thiếp, kiến lập tục cưới vợ gả chồng. Người ở Bắc câu-lô châu không có ngã sở và không có nhiếp thọ, nên hữu tình ở châu này không nhiếp thọ thê thiếp, cũng không dựng vợ gả chồng.

Như người ở ba châu, thì Đại lực quỷ và chư thiên Dục giới cũng vậy, chỉ trừ trời Hóa lạc và trời Tha hóa tự tại.

Lại tất cả chư thiên Dục giới không nhập thai tạng người nữ. Như trời Tứ đại vương chúng hoặc ở trên vai cha mẹ, hoặc ở trong lồng ngực, như đứa trẻ 5 tuổi bỗng nhiên hóa hiện ra. Trời Tam thập

tam như đứa trẻ 6 tuổi. Trời Thời phân như đứa trẻ 7 tuổi. Trời Tri túc như đứa trẻ 8 tuổi. Trời Hóa lạc như đứa trẻ 9 tuổi. Trời Tha hóa tự tại như đứa trẻ 10 tuổi.

### **6. Sanh kiến lập giới:**

Đó là 3 chủng dục sanh:

Hoặc có chúng sanh hiện hưởng dục trần, do hiện tại hưởng các dục trần này nên phú quý tự tại. Bao gồm tất cả loài người và trời Tứ đại vương chúng cho đến trời Tri túc. Đây gọi là dục sanh thứ nhất.

Hoặc có chúng sanh biến hóa ra dục trần, do biến hóa ra các dục trần đây mà phú quý tự tại. Đó là trời Hóa lạc. Chư thiên của các trời này tự mình hóa làm các dục trần, chẳng phải do người khác hóa. Tự mình biến hóa làm các dục trần mà được phú quý tự tại. Đây gọi là dục sanh thứ hai.

Hoặc có chúng sanh do người khác hóa ra các dục trần, do đây được phú quý tự tại. Đó là trời Tha hóa tự tại. Chư thiên ở cõi này vì nhân duyên của mình mà năng biến hóa, cũng vì nhân duyên người khác mà năng biến hóa, cho nên đối với việc tự hóa hiện ra dục trần chẳng gì là lạ. Vì lấy dục



trần biến hóa của người khác mà được phú quý tự tại, nên nói cõi trời đây là Tha hóa tự tại. Chư thiên của cõi trời này chẳng phải chỉ thọ dụng dục trần do người khác hóa ra, mà cũng thọ dụng dục trần do mình tự hóa. Đây gọi là dục sanh thứ ba.

Lại có 3 chủng lạc sanh:

Hoặc có chúng sanh dụng ly sanh hỷ lạc huân ướp nơi thân, như chư thiên ở Sơ tinh lự địa. Đây gọi là lạc sanh thứ nhất.

Hoặc có chúng sanh dụng định sanh hỷ lạc huân ướp nơi thân, như chư thiên ở Đệ nhị tinh lự địa. Đây gọi là lạc sanh thứ hai.

Hoặc có chúng sanh dụng ly hỷ diệu lạc huân ướp nơi thân, như chư thiên ở Đệ tam tinh lự địa. Đây gọi là lạc sanh thứ ba.

**Hỏi:** Có sao kiến lập 3 chủng dục sanh và 3 chủng lạc sanh?

Đáp: Do 3 chủng cầu: 1. Cầu dục; 2. Cầu hữu; 3. Cầu phạm hạnh.

Nếu các Sa-môn hoặc Bà-la-môn rơi trong cầu dục, thì tất cả đều thuộc ba chủng dục sanh, chẳng có gì hơn.

Nếu các Sa-môn hoặc Bà-la-môn rơi trong cầu

hữu, phần lớn là cầu lạc, vì tham lạc vậy, thì tất cả đều thuộc ba chủng lạc sanh. Do các thế gian là sanh xứ tịch tĩnh bất khổ bất lạc, nên sự phát khởi truy cầu rất vi tế nhỏ nhiệm. Từ đây trở lên không kiến lập là sanh.

Nếu Sa-môn hoặc Bà-la-môn ở trong cầu phạm hạnh, thì tất cả đều là cầu cảnh giới Vô lậu.

Hoặc lại có loại người rơi trong cầu tà hạnh, khởi tà phân biệt cho là giải thoát, đó là cầu bất động của Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Nên biết đây là cầu phạm hạnh hữu thượng. Cầu phạm hạnh vô thượng là cầu cảnh giới Vô lậu.

### **7. Tự thể kiến lập giới:**

Đó là chúng sanh trong ba cõi do 4 chủng có được tự thể sai khác:

Hoặc có được tự thể do tự hại, không do người hại, đó là hữu tình của cõi trời Dục giới gọi là Du hý vọng niệm. Các chư thiên kia đắm trước chúng chúng vui chơi khoái lạc, hằng thường chìm đắm tương tục lâu trong ấy. Do chìm đắm lâu, nên quên mất nhớ nghĩ. Do quên mất nhớ nghĩ nên từ cõi

trời kia mà chết. Hoặc có côi trời gọi là Ý phần, các chư thiên kia có lúc đăm mắt nhìn nhau, do đây ý phần chuyển tăng thêm. Ý phần tăng thêm nên từ côi trời đây mà chết.

Hoặc có được tự thể do người khác hại, không tự hại. Đó là chúng sanh ở các giai đoạn yết-la-lam, át-bộ-đàm, bố-thi, kiện-nam và ở trong thai mẹ.

Hoặc có được tự thể cũng do tự hại, cũng do người hại. Đó là các chúng sanh kia ở thời kỳ đã sanh ra, các căn đầy đủ, các căn thành thực.

Hoặc có được tự thể chẳng phải tự hại, chẳng phải người hại. Đó là hết thảy loại như chư thiên ở Sắc giới và ở Vô sắc giới, tất cả địa ngục, quỷ tựa như địa ngục, sứ giả Như Lai, bậc trụ ở tối hậu thân, bậc ở Từ định, bậc ở Diệt định, bậc ở Vô tránh định, bồ-đặc-già-la ở xứ trung hữu...

### **8. Nhân, duyên, quả kiến lập giới:**

Lược có 4 chủng: **a.** Do tướng; **b.** Do chỗ nương; **c.** Do sai khác; **d.** Do kiến lập.

**a.** Do tướng:

Đó là nếu do đây làm dẫn đầu, đây làm kiến lập, đây hòa hợp, nên pháp kia hoặc sanh, hoặc

được, hoặc thành, hoặc trọn vẹn, hoặc tác dụng, nên nói đây là nhân của kia.

**Hỏi:** Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp sanh?

**Đáp:** Lấy tự chủng tử làm dẫn đầu. Trừ chủng tử y, còn lại hoặc nương hữu sắc, hoặc nương vô sắc và nghiệp làm kiến lập. Trợ bạn và sở duyên làm hòa hợp. Tùy chỗ thích hợp hoặc hệ thuộc Dục, hệ thuộc Sắc, hệ thuộc Vô sắc; hoặc không hệ thuộc Dục, không hệ thuộc Sắc, không hệ thuộc Vô sắc, mà các pháp được sanh.

**Hỏi:** Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp được?

**Đáp:** Chủng tánh Thanh văn, Độc giác, Như Lai làm dẫn đầu. Phần nội lực làm kiến lập. Phần ngoại lực làm hòa hợp, lia ràng buộc của phiền não, chứng đắc Niết-bàn.

Phần nội lực là phần thiện pháp bên trong như thiếu dục, tri túc, như lý tác ý... Các pháp như được thân người, sanh chỗ có bậc Thánh, các căn không khuyết, sự nghiệp không bị chướng ngại, đối với các thiện sanh sâu tịnh tín... tất cả như vậy cũng gọi là nội lực.

Phần ngoại lực là chư Phật hiện hữu nơi đời, tuyên thuyết diệu pháp, giáo pháp vẫn còn tồn tại, người trụ chánh pháp tùy thuận mà chuyển, người đầy đủ bi tín lấy làm thí chủ. Hết thấy pháp như vậy gọi là phần ngoại lực.

**Hỏi:** Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp thành?

**Đáp:** Sở tri, thắng giải, yêu thích làm dẫn đầu. Tông, nhân, thí dụ làm kiến lập. Không trái nhau, khéo biện luận phản bác làm hòa hợp. Cho nên nghĩa được lập thành.

**Hỏi:** Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp trọn vẹn?

**Đáp:** Trí công xảo làm dẫn đầu, thuận theo sự cần cù làm kiến lập, các công cụ trong nghề nghiệp công xảo làm hòa hợp, nghề nghiệp công xảo được trọn vẹn. Lại nữa, ái làm dẫn đầu, nương trụ ăn làm kiến lập, bốn thực làm hòa hợp nên hữu tình thọ sanh được an trụ sung mãn trọn vẹn.

**Hỏi:** Lấy gì làm dẫn đầu, gì làm kiến lập, gì hòa hợp nên pháp tác dụng?

**Đáp:** Tự chủng tử làm dẫn đầu, sanh đây làm kiến lập, duyên sanh đây làm hòa hợp. Tác dụng

của các pháp, mỗi pháp có nghiệp riêng có thể biết. Những gì gọi là tác dụng riêng của nghiệp? Như mắt lấy thấy làm nghiệp, cũng vậy các căn khác, mỗi căn tự tác dụng nghiệp riêng. Lại đất có tác dụng giữ gìn, nước có tác dụng rửa, lửa có tác dụng thiêu đốt, gió có tác dụng làm khô ráo. Hết thấy loại như vậy gọi là nghiệp riêng bên ngoài sai khác.

**b. Do chỗ nương:**

Có 15 chủng: 1. Lời nói; 2. Lãnh thọ; 3. Tập khí; 4. Chủng tử được tươi nhuần; 5. Diệt không gián đoạn; 6. Cảnh giới; 7. Căn; 8. Tác dụng; 9. Sĩ dụng; 10. Thấy chân thật; 11. Tùy thuận; 12. Công năng sai biệt; 13. Hòa hợp; 14. Chướng ngại; 15. Không chướng ngại.

**c. Do sai khác:** Bao gồm 10 nhân, 4 duyên và 5 quả.

Mười nhân: 1. Nhân tùy thuyết; 2. Nhân quán đãi; 3. Nhân dẫn dắt; 4. Nhân sanh khởi; 5. Nhân nhiếp thọ; 6. Nhân dẫn phát; 7. Nhân quyết định khác; 8. Nhân đồng sự; 9. Nhân trái nhau; 10. Nhân không trái nhau.

Bốn duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

Năm quả: 1. Quả dị thực; 2. Quả đẳng lưu; 3. Quả lia hệ thuộc; 4. Quả sĩ dụng; 5. Quả tăng thượng.

**d. Do kiến lập:**

- Mười nhân: Nhân chỗ nương là lời nói, nên kiến lập nhân tùy thuyết. Vì cố sao? Do ở nơi pháp hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và ở nơi pháp không hệ thuộc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới thì thiết kiến lập làm dẫn đầu, cho nên tương chuyển. Tưởng làm dẫn đầu nên lời nói chuyển. Lời nói chuyển nên tùy thấy, nghe, hay, biết mà phát khởi tất cả lời nói. Đó là do chỗ nương là lời nói đây mà kiến lập nhân tùy thuyết.

Nhân chỗ nương là lãnh thọ, nên kiến lập nhân quán đãi. Vì cố sao? Do các hữu tình có kẻ muốn cầu lạc hệ thuộc Dục giới, kia quán sát đối đãi đây, đối với đầy đủ các dục hoặc là cầu được, hoặc là tích tập, hoặc là thọ dụng. Các kẻ muốn cầu lạc hệ thuộc Sắc giới và hệ thuộc Vô sắc giới, kia quán sát đối đãi đây, ở nơi các duyên kia hoặc là cầu được, hoặc là thọ dụng. Các kẻ muốn cầu lạc không hệ thuộc Dục giới, kia quán sát đối đãi đây, ở nơi các duyên kia hoặc là cầu được, hoặc là thọ dụng. Các kẻ không muốn khổ, kia quán sát đối đãi đây, ở nơi duyên

sanh kia, ở nơi duyên đoạn kia hoặc là xa lìa, hoặc là cầu được, hoặc là thọ dụng. Đó là do chỗ nương lãnh thọ đây mà kiến lập nhân quán đãi.

Nhân chỗ nương là tập khí, nên kiến lập nhân dẫn dắt. Vì có sao? Do huân tập các hành nghiệp tịnh, bất tịnh trong ba cõi, hướng đến ái, không ái mà dẫn dắt tự thể ái, không ái. Lại tức do lực đây tăng thượng, nên vật bên ngoài có thanh, có suy. Đó là do chỗ nương tập khí các hành nghiệp tịnh bất tịnh đây mà kiến lập nhân dẫn dắt.

Nhân chỗ nương là chủng tử, nên kiến lập nhân sanh khởi. Vì có sao? Do các pháp hệ thuộc Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, mỗi mỗi từ tự chủng tử được sanh. Ái gọi là tác nhân khiến tươi nhuần, chủng tử là chỗ được tươi nhuần. Do các chủng tử được tươi nhuần này, nên trước mỗi mỗi dẫn dắt... tự thể riêng biệt sanh khởi. Như kinh nói: “Nghiệp là nhân chiêu cảm sanh. Ái là nhân sanh khởi”. Đó là do chỗ nương chủng tử được tươi nhuần đây mà kiến lập nhân sanh khởi.

Nhân chỗ nương là diệt không gián đoạn và nhân chỗ nương là cảnh giới, căn, tác dụng, sử dụng, thấy chân thật, mà kiến lập nhân nhiếp



thọ. Vì cố sao? Do các pháp hệ thuộc Dục giới là diệt không gián đoạn nhiếp thọ, cảnh giới nhiếp thọ, căn nhiếp thọ, tác dụng nhiếp thọ, sĩ dụng nhiếp thọ nên các hành được chuyển. Như các pháp hệ thuộc Dục giới, thì các pháp hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Nếu do thấy chân thật nhiếp thọ, thì các pháp không hệ thuộc chuyển. Đó là do chỗ nương là diệt không gián đoạn, cảnh giới, căn, tác dụng, sĩ dụng, thấy chân thật đây, mà kiến lập nhân nhiếp thọ.

Nhân chỗ nương là tùy thuận, nên kiến lập nhân dẫn phát. Vì cố sao? Do các pháp thiện hệ thuộc Dục giới, dẫn phát các pháp thiện hơn hệ thuộc Dục giới. Như vậy pháp thiện hệ thuộc Dục giới năng dẫn pháp thiện hệ thuộc và không hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới.

Như pháp thiện hệ thuộc Dục giới, thì pháp thiện hệ thuộc Sắc giới năng dẫn các pháp thiện hơn hệ thuộc Sắc giới và pháp thiện hệ thuộc Vô sắc giới. Pháp thiện không hệ thuộc cũng vậy.

Như pháp thiện hệ thuộc Sắc giới, thì pháp thiện hệ thuộc Vô sắc giới năng dẫn các pháp thiện hơn hệ thuộc Vô sắc giới và pháp thiện không

hệ thuộc cũng vậy.

Như pháp thiện hệ thuộc Vô sắc giới, thì pháp thiện không hệ thuộc năng dẫn các pháp thiện hơn không hệ thuộc và năng dẫn phát tác chứng vô vi.

Lại pháp bất thiện năng dẫn các pháp bất thiện hơn khác, đó là dục tham năng dẫn sân, si, mạn, kiến, nghi, thân hành ác, ngữ hành ác, ý hành ác. Như dục tham, thì sân, si, mạn, kiến, nghi tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Như vậy pháp vô ký năng dẫn pháp thiện, bất thiện, vô ký, như chủng tử a-lại-da thức thiện, bất thiện, vô ký.

Lại pháp vô ký năng dẫn pháp vô ký hơn, như đoạn thực năng dẫn hữu tình thọ sanh khiến trụ, khiến an ổn, sức lực tăng trưởng.

Như vậy, do chỗ nương là tùy thuận đây mà kiến lập nhân dẫn phát.

Nhân chỗ nương là công năng sai khác, nên kiến lập nhân quyết định khác. Sở dĩ vì sao? Do tự tánh công năng của các pháp hệ thuộc Dục giới có sự sai khác, nên năng sanh chủng chủng tự tánh công năng. Như pháp hệ thuộc Dục giới, thì pháp hệ thuộc và pháp không hệ thuộc Sắc, Vô sắc giới cũng vậy. Đó là do chỗ nương là công năng sai khác

đây mà kiến lập nhân quyết định khác.

Nhân chỗ nương là hòa hợp, nên kiến lập nhân đồng sự. Vì có sao? Căn yếu do sự thành tựu của tự sanh hòa hợp, nên pháp hệ thuộc Dục giới sanh. Như vậy, cho đến pháp hệ thuộc và pháp không hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới cũng thế. Như hòa hợp sanh, thì hòa hợp được, thành tựu, trọn vẹn, tác dụng cũng vậy. Đó là do chỗ nương là hòa hợp đây mà kiến lập nhân đồng sự.

Nhân chỗ nương là chướng ngại, nên kiến lập nhân trái nhau. Vì có sao? Do pháp hệ thuộc Dục giới sắp được sanh, nhưng hiện tiền bị chướng ngại nên chẳng được sanh. Như pháp hệ thuộc Dục giới, thì pháp hệ thuộc và pháp không hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới nên biết cũng vậy. Như với sanh, thì được, thành tựu, trọn vẹn, tác dụng cũng vậy. Đó là do chỗ nương là chướng ngại đây mà kiến lập nhân trái nhau.

Nhân chỗ nương là không chướng ngại, nên kiến lập nhân không trái nhau. Vì có sao? Do pháp hệ thuộc Dục giới sắp được sanh, nếu hiện tiền không gặp chướng ngại tức liền được sanh. Như pháp hệ thuộc Dục giới, thì pháp hệ thuộc và pháp

không hệ thuộc Sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Như với sanh, thì được, thành tựu, trọn vẹn, tác dụng cũng vậy. Đó là do chỗ nương là không chướng ngại đây mà kiến lập nhân không trái nhau.

- Bốn duyên:

Duyên chỗ nương là chủng tử, nên kiến lập nhân duyên.

Duyên chỗ nương là diệt không gián đoạn, nên kiến lập đẳng vô gián duyên.

Duyên chỗ nương là cảnh giới, nên kiến lập sở duyên duyên.

Duyên chỗ nương còn lại, nên kiến lập tăng thượng duyên.

- Năm quả:

Do duyên chỗ nương là thuận theo tập khí, nên kiến lập quả dị thực và quả đẳng lưu.

Do duyên chỗ nương là thấy chân thật, nên kiến lập quả lìa hệ buộc.

Do duyên chỗ nương là sử dụng, nên kiến lập quả sử dụng.

Do duyên chỗ nương còn lại, nên kiến lập quả tăng thượng.

Lại nữa, nghĩa thuận theo tăng ích là nghĩa

nhân. Nghĩa kiến lập là nghĩa duyên. Nghĩa thành tựu trọn vẹn là nghĩa quả.

Lại kiến lập nhân do 5 chủng tướng: 1. Nhân năng sanh; 2. Nhân phương tiện; 3. Nhân câu hữu; 4. Nhân diệt không gián đoạn; 5. Nhân diệt lâu xa.

Nhân năng sanh: là nhân sanh khởi.

Nhân phương tiện: là các nhân còn lại.

Nhân câu hữu: là một phần của nhân nhiếp thọ, như mắt đối với nhãn thức, thì các căn khác đối với thức còn lại cũng vậy.

Nhân diệt không gián đoạn: là nhân sanh khởi.

Nhân diệt lâu xa: là nhân dẫn dắt.

Lại kiến lập nhân có 5 chủng tướng: 1. Nhân khả ái; 2. Nhân không khả ái; 3. Nhân tăng trưởng; 4. Nhân lưu chuyển; 5. Nhân hoàn diệt.

Lại kiến lập nhân có 7 chủng tướng, đó là:

1. Pháp vô thường là nhân. Pháp không có thường năng làm nhân pháp, tức là hoặc làm nhân sanh, hoặc làm nhân được, hoặc làm nhân thành tựu, hoặc làm nhân trọn vẹn, hoặc làm nhân tác dụng.

2. Tuy pháp vô thường làm nhân của pháp vô thường, nhưng cũng cùng tánh khác làm nhân, cũng cùng tự tánh sau làm nhân, chẳng phải tức

ngay sát-na đây.

3. Tuy cùng tánh khác làm nhân và cùng với tự tánh sau làm nhân, nhưng đã sanh chưa diệt mới năng làm nhân, chẳng thể chưa sanh đã diệt.

4. Tuy đã sanh chưa diệt, nhưng được duyên khác mới năng làm nhân, không thể không được duyên khác.

5. Tuy được duyên khác nhưng biến hoại thay đổi thành khác mới năng làm nhân, chẳng thể chưa thay đổi biến khác.

6. Tuy thay đổi biến khác nhưng phải cùng công năng tương ưng mới năng làm nhân, chẳng thể mất công năng.

7. Tuy cùng công năng tương ưng, nhưng phải tương xứng tương thuận mới năng làm nhân, chẳng thể chẳng tương xứng tương thuận.

Do bảy chủng tướng như vậy, tùy theo chỗ thích hợp mà kiến lập các nhân.

## **B. Dùng tướng để thi thiết kiến lập ba địa:**

Ốt-Đà-Nam nói:

*Thế, sở duyên, hành tướng*

*Đẳng khởi cùng sai biệt,  
Quyết trạch và lưu chuyển  
Nên biết lược biện tướng.*

Nên biết tướng đây lược có 7 chủng: 1. Thể tánh; 2. Sở duyên; 3. Hành tướng; 4. Đẳng khởi; 5. Sai biệt; 6. Quyết trạch; 7. Lưu chuyển.

1. Tầm tứ thể tánh: Nếu không tìm tòi so lường sâu sở duyên thì tứ làm thể tánh. Nếu tìm tòi so lường sâu sở duyên thì tuệ là thể tánh.

2. Tầm tứ sở duyên: tức là nghĩa nương danh thân, cú thân, văn thân làm sở duyên.

3. Tầm tứ hành tướng: tức là nếu ở nơi sở duyên đây, tìm cầu hành tướng là tầm. Nếu ở nơi sở duyên đây, tứ sát hành tướng là tứ.

4. Tầm tứ đẳng khởi: tức là phát khởi lời nói.

5. Tầm tứ sai biệt: có 7 chủng, bao gồm: hữu tướng, vô tướng... cho đến không nhiễm ô, như trước đã nói.

6. Tầm tứ quyết trạch:

**Hỏi:** Nếu tầm tứ tức là phân biệt chẳng? Giả sử phân biệt tức là tầm tứ chẳng?

**Đáp:** Các tầm tứ ấy là phân biệt. Nhưng chỗ phân biệt chẳng phải là tầm tứ, đó là trí xuất thế.

Còn lại tất cả tâm, tâm pháp trong tam giới đều là phân biệt mà chẳng phải tầm tứ.

### 7. Tầm tứ lưu chuyển:

Tầm tứ về địa ngục, tức là tầm tứ như vậy: “Hành những gì? Xúc cái gì? Dẫn cái gì? Tương ưng cái gì? Cầu cái gì? Nghiệp gì chuyển?”

Như tầm tứ về địa ngục, thì tầm tứ về bàng sanh, ngã quý, người, trời Dục giới, trời Sơ tĩnh lự địa cũng vậy. Tức là tầm tứ: “Hành những gì? Xúc cái gì? Dẫn cái gì? Tương ưng cái gì? Cầu cái gì? Nghiệp gì chuyển?”

- Tầm tứ địa ngục: ở xứ đây chỉ hành buồn bã, xúc cảnh chẳng vui thích, dẫn phát khổ, tương ưng cùng ưu, thường cầu giải thoát, nghiệp tâm phiền nhiều chuyển.

- Tầm tứ ngã quý: như tầm tứ địa ngục, một hướng thọ khổ.

- Tầm tứ bàng sanh, loài người, đại lực quý: ở xứ đây phần nhiều hành buồn bã, phần ít hành vui sướng. Phần nhiều xúc cảnh chẳng yêu thích, phần ít xúc cảnh yêu thích. Phần nhiều dẫn khổ, phần ít dẫn vui. Phần nhiều tương ưng ưu, phần ít tương ưng hỷ. Phần nhiều cầu thoát khổ, phần ít cầu gặp



vui. Nghiệp tâm phiền nhiễu chuyển.

- Tâm tứ chư thiên Dục giới: ở xứ đây phần nhiều hành vui vẻ, phần ít hành buồn bã. Phần nhiều xúc cảnh yêu thích, phần ít xúc cảnh không yêu thích. Phần nhiều dẫn vui, phần ít dẫn khổ. Phần nhiều tương ưng hỷ, phần ít tương ưng ưu. Phần nhiều cầu gặp vui, phần ít cầu thoát khổ. Nghiệp tâm phiền nhiễu chuyển.

- Tâm tứ của trời Sơ tinh lự địa: ở xứ đây một hướng hành vui vẻ, một hướng xúc cảnh giới yêu thích bên trong, một hướng dẫn vui, một hướng tương ưng hỷ, chỉ cầu không lìa vui. Không có nghiệp tâm phiền nhiễu chuyển.

**C. Dùng như lý tác ý để thi thiết kiến lập ba địa:**

Ốt-Đà-Nam nói :

*Ý xứ cùng với sự,  
Cầu, thọ dụng, chánh hành,  
Hai tư lương Bồ-đề  
Phương tiện đến bờ kia.*

Nên biết kiến lập lược có 8 tướng: **1.** Do y xứ; **2.** Sự; **3.** Cầu; **4.** Thọ dụng; **5.** Chánh hành; **6.** Phương

tiện tư lương Thanh văn thừa; 7. Phương tiện tư lương Độc giác thừa; 8. Phương tiện dẫn phát Ba-la-mật-đa.

1. Tầm tứ như lý tác ý tương ưng y xứ: có 6 chủng y xứ: 1. Thời quyết định; 2. Thời ngừng nghỉ; 3. Thời tạo tác nghiệp; 4. Thời ly dục thế gian; 5. Thời ly dục xuất thế gian; 6. Thời nhiều ích hữu tình.

2. Tầm tứ như lý tác ý tương ưng sự: có 8 chủng sự: 1. Thành tựu phước do tác dụng của sự bố thí; 2. Thành tựu phước do tác dụng của sự trì giới; 3. Thành tựu phước do tác dụng của sự tu; 4. Thành tựu phước do tác dụng của sự nghe; 5. Thành tựu phước do tác dụng của sự tư; 6. Thành tựu các sự tu còn lại; 7. Thành tựu sự chọn lựa phân biệt; 8. Thành tựu sự nhiếp hộ nhiều ích hữu tình.

3. Tầm tứ như lý tác ý tương ưng cầu: như có người dùng như pháp và không hung bạo mà tìm cầu tài vật, không dùng phi pháp và hung bạo.

4. Tầm tứ như lý tác ý tương ưng thọ dụng: như có người tìm cầu tiền của, đã được nhưng chẳng nhiệm chẳng trụ, chẳng đắm chẳng buộc, chẳng buồn chẳng trước, cũng chẳng giữ gìn, thấy sâu quá hoạn, biết rõ xa lìa, ra khỏi mà thọ dụng.

5. Tâm tứ như lý tác ý tương ưng chánh hạnh: như có người rõ biết cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và bậc trưởng thượng là những người đáng cung kính cúng dường, lợi ích thừa sự; đối với tội đã gây ra trong đời này đời sau, thấy lo sợ lớn, nên làm phước hành thí, thọ trai trì giới.

6. Phương tiện tư lương Thanh văn thừa: đây sẽ rộng thuyết trong Thanh văn địa.

7. Phương tiện tư lương Độc giác thừa: đây sẽ rộng thuyết trong Độc giác địa.

8. Phương tiện dẫn phát Bát-nhã Ba-la-mật-đa: đây sẽ rộng thuyết trong Bồ-tát địa.

Lại nữa, thí chủ có 4 chủng tướng: 1. Có vui muốn; 2. Không phe phái; 3. Trừ thiếu thốn; 4. Đủ chánh trí.

Người đầy đủ Thi-la cũng có 4 tướng: 1. Có vui muốn; 2. Kết cầu đò; 3. Không hiện hành; 4. Đủ chánh trí.

Bậc thành tựu tu cũng có 4 tướng: 1. Dục giải thanh tịnh; 2. Dẫn nhiếp thanh tịnh; 3. Thắng giải định thanh tịnh; 4. Trí thanh tịnh.

Lại người thọ thí có 6 chủng: 1. Do thọ học mà thọ thí; 2. Do nuôi sống thân mạng mà thọ thí; 3.

Do nghèo thiếu mà thọ thí; 4. Do buông xả mà thọ thí; 5. Do ràng buộc mà thọ thí; 6. Do đấm trước mà thọ thí.

Lại nữa, có 8 chủng tổn não: 1. Tổn não do đói; 2. Tổn não do khát; 3. Tổn não do thức ăn thô; 4. Tổn não do mệt mỏi; 5. Tổn não do lạnh; 6. Tổn não do nóng; 7. Tổn não do chướng ngăn che; 8. Tổn não do chướng không ngăn che.

Lại có 6 chủng tổn não: 1. Câu sanh; 2. Điều mong muốn mà bị thiếu thốn; 3. Bức thiết; 4. Thời tiết thay đổi; 5. Dòng chảy lậu; 6. Buông bỏ sự nghiệp.

Lại có 6 chủng nhiếp ích: 1. Giữ gìn nhiếp ích; 2. Dũng kiện không tổn nhiếp ích; 3. Che chở hộ trì nhiếp ích; 4. Hương xoa nhiếp ích; 5. Y phục nhiếp ích; 6. Cộng trú nhiếp ích.

Lại có 4 chủng tướng không phải bạn lành: 1. Không bỏ tâm oán giận; 2. Kia không có sự yêu quý; 3. Thấy bạn được yêu thương liền tìm cách ngăn cản; 4. Dẫn dắt những việc chẳng nên làm. Trái với tướng đây là 4 tướng bạn lành.

Lại có 3 chủng dẫn nhiếp: 1. Dẫn nhiếp vật dụng nuôi thân; 2. Dẫn nhiếp có hỷ lạc; 3. Dẫn nhiếp là hỷ lạc.

Lại có 4 chủng cung cấp hầu hạ: 1. Cung cấp hầu hạ người không quen biết; 2. Cung cấp hầu hạ các thân hữu; 3. Cung cấp hầu hạ các bậc đáng tôn trọng; 4. Cung cấp hầu hạ các bậc đủ phước huệ.

Do 4 chủng cung cấp hầu hạ đây, nương bốn xứ, nên thành tựu được năm quả. Những gì là 4 xứ? 1. Xứ không nhiếp thọ; 2. Xứ không xâm nã; 3. Xứ cần nên cúng dường; 4. Xứ đồng phạm tùy chuyển.

Nương 4 xứ đây, năng chiêu cảm 5 quả: 1. Chiêu cảm giàu có lớn; 2. Tiếng khen truyền khắp; 3. Lìa các phiền nã; 4. Chúng đắc Niết-bàn; 5. Đến các xứ thiện.

Lại, bậc thông tuệ có 3 chủng tướng thông tuệ: 1. Ở nơi việc thiện thọ hành; 2. Ở nơi việc thiện đã được quyết chắc; 3. Ở nơi việc thiện đã được kiên cố bền chắc.

Lại có 3 tướng thông tuệ: 1. Thọ học tăng thượng giới; 2. Thọ học tăng thượng tâm; 3. Thọ học tăng thượng tuệ.



## Quyển 6

Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA

Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA

### Phần 3

**D. Dùng không như lý tác ý để thi thiết  
kiến lập ba địa:**

Ốt-Đà-Nam nói:

*Chấp trong nhân có quả,  
Hiển rõ, có khứ lai,  
Ngã, thường, nhân trước làm,  
Tự tại thấy, hại pháp,  
Biên không biên, kiêu loạn,  
Chấp không nhân, đoạn, không,  
Tối thắng, tịnh, kiệt tường.  
Do mười sáu dị luận.*

Do 16 chủng dị luận sai biệt hiển rõ không như lý tác ý. Những gì là mười sáu? 1. Luận trong nhân có quả; 2. Luận từ duyên mà được hiển rõ; 3. Luận thật có quá khứ, vị lai; 4. Luận kế chấp ngã;

5. Luận kế chấp thường; 6. Luận nhân tạo làm từ trước; 7. Luận kế chấp Tự tại thiên là đấng sáng tạo ra thế giới; 8. Luận giết hại... là chánh pháp; 9. Luận có biên không biên; 10. Luận kiêu loạn bất tử; 11. Luận kiến vô nhân; 12. Luận đoạn kiến; 13. Luận không kiến; 14. Luận vọng kế chấp tối thắng; 15. Luận vọng kế chấp thanh tịnh; 16. Luận vọng kế chấp kiết tường.

### 1. Phái luận trong nhân có quả:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Thường thường thời, hằng hằng thời, ở trong các nhân có đủ tánh quả”. Đây do hai nhóm ngoại đạo đã tạo ra kế chấp như thế.

**Hỏi :** Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế, kế chấp trong nhân có đủ tánh quả?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** Tức là người thầy đi trước của các ngoại đạo đã tạo ra giáo tạng hiển thị trong nhân trước có tánh quả. Người nghe theo thọ học giáo này lại truyền trao đến nay.

**Lý:** Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn có tánh

tâm tư, có tánh quán sát, trụ địa tâm tư, trụ địa tự biện, trụ địa dị sanh, trụ địa tùy tư duy quán sát hành. Kia tác nghĩ như vậy: “Nếu từ tánh kia, tánh đây được sanh. Tất cả thế gian cùng biết, cùng lập kia là nhân của đây, chẳng phải cái khác lập nên. Lại tìm cầu quả, chỉ lấy nhân đây, chẳng phải cái khác. Lại tức ở nhân kia gia công tạo làm các việc mong cầu, chẳng phải cái khác. Lại nếu quả kia tức từ kia sanh, chẳng từ cái khác sanh. Cho nên trong nhân đã có quả kia. Nếu chẳng phải vậy, nên lập tất cả là tất cả nhân, vì tìm cầu một quả nên lấy tất cả, nên ở tất cả gia công tạo làm, nên từ tất cả, tất cả quả sanh”. Như vậy vì thi thiết, vì cầu lấy, vì làm tạo quyết định, vì sanh, mà kẻ kia thấy trong nhân thường có tánh quả.

Bấy giờ nên gạn hỏi kia: Ông muốn thế nào, gì là tướng nhân? Gì là tướng quả? Hai tướng nhân và quả là khác hay không khác?

Nếu tướng không khác, tức là không có hai chủng nhân quả phân định rõ ràng. Vì hai chủng nhân và quả không khác nhau, mà ông nói trong nhân có quả thì không đúng đạo lý.

Nếu tướng có khác, ý ông thế nào? Trong nhân



có tánh quả, tánh quả đây là tướng chưa sanh, hay là tướng đã sanh?

Nếu là tướng chưa sanh thì ở trong nhân đây, do quả chưa sanh mà nói là có thì không đúng đạo lý.

Nếu là tướng đã sanh, tức thể quả đã sanh, lại từ nhân sanh thì không đúng đạo lý. Cho nên trong nhân chẳng phải trước đã có quả, nhưng cần yếu phải có nhân, đợi duyên mới sanh quả.

Lại pháp có tướng, ở trong pháp có tướng, do 5 chủng tướng mới có thể biết: 1. Ở nơi chốn nên có thể biết, như nước trong lu; 2. Ở nơi sở y nên có thể biết, như nhãn thức trong mắt; 3. Tức do tự tướng nên có thể biết, như do tự thể chẳng do so lường; 4. Tức do tự tạo tác nghiệp mà có thể biết; 5. Do nhân biến đổi mà quả thành biến đổi, hoặc do duyên biến đổi mà quả thành biến đổi.

Cho nên ngoại đạo kia nói: “Thường thường thời, hằng hằng thời trong nhân có quả” không đúng đạo lý. Do nhân duyên đây nên sự lập luận của kia là không như lý.

Tóm lại, vì tướng không khác, vì tướng khác, vì tướng chưa sanh, vì tướng đã sanh, nên biết luận trong nhân có quả đều không đúng đạo lý.

## 2. Phái luận từ duyên mà được hiển rõ:

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Tất cả các pháp bản tánh là có, từ các duyên mà được hiển rõ, chẳng phải từ duyên mà sanh”. Đây là kẻ luận trong nhân trước có quả và kẻ luận tướng âm thanh đã kế chấp như thế.

**Hỏi:** Nhân duyên nào kẻ luận trong nhân có quả thấy trong các nhân trước có tánh quả, từ các duyên mà được hiển rõ?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** như trước đã thuyết.

**Lý:** Như người có tánh tầm tư, có tánh quán sát, như trước đã rộng nói. Kia suy nghĩ như vậy: “Quả trước là có, lại từ nhân mà sanh thì chẳng phải đạo lý, nhưng không thể không dụng công mà có quả thành. Lại vì duyên gì mà dụng công, há chẳng phải chỉ vì hiển rõ quả ư?”. Kia vọng phân biệt như vậy rồi lập nên luận hiển rõ.

Bấy giờ nên gạn hỏi kia: Ông muốn thế nào? Là không có chướng duyên mà có chướng ngại, hay là có chướng duyên?

Nếu không chướng duyên mà có chướng ngại, tức là không duyên chướng ngại mà có chướng ngại,

thì không đúng đạo lý.

Nếu có chướng duyên mà bị chướng ngại, thì quả thuộc nhân, cứ sao quả bị chướng ngại mà nhân không bị chướng ngại? Bởi lẽ nhân và quả cùng có vậy. Cho nên đây không đúng đạo lý. Thí như bóng tối làm tối nước trong bình, thì cũng làm tối bình vậy. Nếu nói có chướng duyên cũng chướng cả nhân, thì lẽ phải hiển nhân quả đều bị chướng. Mà chỉ hiển trong nhân trước có tánh quả, không hiển nhân quả đều bị chướng, nên đây không đúng đạo lý.

Lại hỏi kia rằng: Vì tánh có là chướng duyên, hay tánh quả là chướng duyên?

Nếu tánh có là chướng duyên, mà chính tánh có đây lại thường không hiển rõ, nên đây không đúng đạo lý. Nhân cũng là có, sao không là chướng duyên?

Nếu nói tánh quả là chướng duyên, vậy thì một pháp vừa là nhân cũng vừa là quả. Như mầm là quả của hạt giống, cũng là nhân của thân. Vậy thì một pháp cũng vừa hiển, cũng vừa không hiển. Cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại nay hỏi ông, tùy ý ông đáp: Pháp gốc và hiển là khác hay không khác?

Nếu không khác tức pháp lẽ thường hiển. Hiển rồi lại hiển thì không đúng đạo lý.

Nếu nói khác thì hiển kia là không nhân hay là có nhân? Nếu nói không nhân, không nhân mà hiển thì không đúng đạo lý. Nếu nói có nhân, thì tánh quả có thể hiển, chẳng phải tánh nhân. Lấy nhân chẳng hiển mà lại năng hiển đối với quả thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì không chướng duyên, vì có chướng duyên, vì tướng có, vì tướng quả, vì hiển không khác, vì hiển khác, nên biết luận từ duyên mà hiển rõ đều không đúng đạo lý. Cho nên ông nói: “Nếu tánh pháp không tức là không tướng, nếu tánh pháp có tức là có tướng; tánh nếu là không chẳng thể hiển rõ, tánh nếu là có mới có thể hiển rõ”, thì không đúng đạo lý.

Nay Ta sẽ thuyết: Tuy là có mà không thể nắm lấy tướng, đó là do có mà ở xa, nên tuy có mà không thể nắm lấy. Lại do bốn chủng chướng nhân ngăn che nên không thể nắm lấy. Lại do cực vi tế nên không thể nắm lấy. Hoặc do tâm tán loạn nên không thể nắm lấy. Hoặc do căn bị tổn hoại nên không thể nắm lấy. Hoặc chưa đắc trí tương ưng

kia nên không thể nắm lấy.

Như luận nhân quả hiển rõ không đúng đạo lý, nên biết luận tướng âm thanh cũng không đúng đạo lý. Nhưng trong đây có sự sai khác ở chỗ luận sư ngoại âm thanh khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Tướng âm thanh thường trụ không sanh không diệt, nhưng do phát ra mới được hiển rõ”. Cho nên luận đây cũng như luận hiển rõ đều không đúng đạo lý.

### **3. Phái luận thật có quá khứ, vị lai:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn đối với kinh mà Như Lai thuyết, vì không chánh tư duy nên khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Có quá khứ, có vị lai, tướng thành tựu giống như hiện tại đây là thật có, chẳng phải giả”.

**Hỏi:** Nhân duyên nào kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

**Đáp:** Do giáo và lý.

Giáo: như trước đã thuyết. Lại đối với kinh mà Như Lai thuyết, không như lý phân biệt. Như trong kinh nói: “Tất cả có tức mười hai xứ. Mười hai xứ đây thật tướng là có”. Lại Đức Bạc-Già-

Phạm thuyết: “Có nghiệp quá khứ”. Lại thuyết: “Có sắc quá khứ, có sắc vị lai. Như sắc, thì từ thọ nói rộng cho đến thức cũng vậy”.

Lý: như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn có tánh tâm tư, có tánh quán sát, nói rộng như trước. Kia suy nghĩ như vậy: “Nếu pháp tự tướng an trụ, pháp đây chân thật là có. Nhưng pháp đây nếu vị lai không, bấy giờ lẽ chưa thọ tướng. Pháp đây nếu quá khứ không, bấy giờ lẽ phải mất tự tướng. Nếu như vậy thì tự tướng các pháp lẽ không thành tự. Lý đây cũng chẳng phải chân thật, cho nên không đúng lý”. Do tư duy đây nên kia lại khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Tánh tướng quá khứ, vị lai là thật có”.

Bấy giờ nên gạn hỏi kia: Ông muốn thế nào? Tướng quá khứ, vị lai và tướng hiện tại là một hay là khác?

Nếu nói là một tướng, thì kiến lập tướng ba đời không đúng đạo lý. Nếu nói là khác tướng, thì tánh tướng thật có không đúng đạo lý.

Lại ông nên nói ý muốn của mình: Rơi vào pháp ba đời là tướng thường, hay là tướng vô thường?

Nếu tướng thường thì rơi vào ba đời không đúng đạo lý. Nếu tướng vô thường mà ở trong ba đời hằng là thật có thì không đúng đạo lý.

Lại nay ta hỏi ông, tùy ý ông đáp: Đó là kế chấp pháp vị lai đến đời hiện tại ư? Đó là do vị lai chết rồi, ở hiện tại sanh ư? Đó là pháp trụ vị lai làm duyên sanh hiện tại ư? Đó là trước không nghiệp nay có nghiệp ư? Đó là trước tướng không viên mãn, nay tướng viên mãn ư? Đó là trước tướng khác, nay tướng khác ư? Đó là ở nơi vị lai có phần hiện tại ư?

Nếu nói pháp vị lai đến hiện tại, tức đây có phương hướng nơi chốn, lại cùng hiện tại không có sự sai khác, lại lẽ là thường, nên không đúng đạo lý.

Nếu nói pháp vị lai chết rồi, sanh hiện tại, tức là vị lai không sanh ở hiện nay. Pháp đời hiện tại xưa không có mà nay sanh. Lại vị lai chưa sanh mà nói chết. Tất cả điều trên đều không đúng đạo lý.

Nếu nói pháp trụ vị lai, lấy kia làm duyên sanh hiện tại thì pháp kia lẽ là thường. Lại lẽ trước không mà nay sanh, không phải pháp vị lai sanh, cho nên đây không đúng đạo lý.

Nếu trước không nghiệp dụng mà nay có

nghiệp dụng, tức là trước không mà nay có, liền có quá thất như trước đã nói, nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, nghiệp dụng đây và pháp gốc kia là có khác tướng, hay không khác tướng?

Nếu có tướng khác, tức là tướng nghiệp dụng đây không vị lai thì không đúng đạo lý.

Nếu có tướng không khác, tức là pháp xưa không nghiệp dụng mà nay có nghiệp dụng, thì không đúng đạo lý.

Như không nghiệp dụng có lỗi như vậy, thì tướng viên mãn, tướng khác, tướng vị lai có phần hiện tại nên biết cũng vậy. Sự sai khác ở đây là có lỗi tự tánh lẫn tạp nên không đúng đạo lý.

Như vị lai đến hiện tại như vậy, thì hiện tại đến quá khứ, tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng có các lỗi. Tức cũng như các nhân duyên đã kể chấp và các luận thuyết không đúng đạo lý đã nói ở trước.

Tóm lại, vì tự tướng, vì cộng tướng, vì đến, vì chết, vì là duyên sanh, vì nghiệp, vì tướng viên mãn, vì tướng khác, vì vị lai có phần, nên luận có thật thể quá khứ vị lai đều không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi, lại có người nạn rằng: Nếu quá khứ, vị lai là không, tại sao duyên không mà



có giác chuyển? Nếu nói duyên không mà có giác, tại sao không mắc lỗi trái lại với giáo, như nói “Tất cả hữu tức mười hai xứ”?

Ta nay hỏi ông, tùy ý ông đáp: Thế gian thủ cái giác “không” là khởi hay là không khởi?

Nếu không khởi, tức là năng thủ lấy vô ngã thì sự giác biết ấy như sừng thỏ, gái đá... đều lẽ là không. Đây không đúng đạo lý. Lại Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Các Thanh văn của ta không siểm, như điều Ta đã nói, lúc chánh tu hành, nếu có biết có, nếu không biết không”. Cho nên nói không khởi là không đúng đạo lý.

Nếu nói khởi, ý ông thế nào, thủ cái giác “không” đây là tác có hành hay là tác không hành?

Nếu là tác có hành, thì thủ cái giác “không” đây mà tác có hành thì không đúng đạo lý.

Nếu tác không hành, ý ông thế nào? Cái giác không hành này là duyên sự có mà chuyển, hay là duyên sự không mà chuyển?

Nếu duyên sự có mà chuyển, tức là giác của không hành đây mà duyên sự có chuyển, thì không đúng đạo lý.

Nếu duyên sự không mà chuyển, tức là không

duyên không giác thì không đúng đạo lý.

Lại tuy thuyết rằng: “Tất cả hữu tức mười hai xứ”, nhưng ở nơi pháp có, mật ý thuyết có tướng có; ở nơi pháp không, mật ý thuyết có tướng không. Vì sao? Nếu pháp có tướng năng giữ tướng có. Nếu pháp không tướng năng giữ tướng không. Cho nên đều gọi là pháp, đều gọi là có. Nếu khác đây, các bậc tu hành chỉ biết ở nơi có mà chẳng biết ở nơi không. Nên không phải là quán pháp sở tri không gián đoạn. Đây không đúng đạo lý.

Lại tuy thuyết rằng: “Có nghiệp quá khứ. Do nghiệp đây mà các hữu tình thọ nhận thọ có tổn hại, thọ nhận thọ không tổn hại”. Đây cũng nương tập khí kia mà mật ý giả nói là có. Tức là ở trong các hành, từng có nghiệp tịnh, bất tịnh hoặc sanh hoặc diệt. Do nhân duyên đây, các hành kia hoặc hơn, hoặc khác tương tục mà chuyển. Đây gọi là tập khí. Do tương tục nhiếp lấy tập khí đây mà quả yêu thích, không yêu thích sanh. Cho nên ta không có gì trái vượt, còn ông không đúng đạo lý.

Lại tuy thuyết rằng: “Có sắc quá khứ, có sắc vị lai, có sắc hiện tại, như thế cho đến thức cũng vậy”. Đây cũng nương 3 chủng hành tướng là: tướng

nhân, tự tướng và tướng quả, nên mật ý thuyết. Vì nương tướng nhân, nên mật ý thuyết có vị lai. Vì nương tự tướng, nên mật ý thuyết có hiện tại. Vì nương tướng quả, nên mật ý thuyết có quá khứ. Cho nên không có sự trái vượt.

Lại chẳng nên nói quá khứ, vị lai là tướng thật có. Vì cố sao?

Nên biết vị lai có 12 chủng tướng: 1. Tướng nhân được hiển bày; 2. Tướng thể chưa sanh; 3. Tướng chờ đợi các duyên; 4. Tướng chủng loại đã sanh; 5. Tướng pháp có thể sanh; 6. Tướng pháp không thể sanh; 7. Tướng tạp nhiễm chưa sanh; 8. Tướng thanh tịnh chưa sanh; 9. Tướng nên tìm cầu; 10. Tướng chẳng nên tìm cầu; 11. Tướng nên quán sát; 12. Tướng chẳng nên quán sát.

Nên biết hiện tại cũng có 12 chủng tướng: 1. Tướng quả được hiển bày; 2. Tướng thể đã sanh; 3. Tướng các duyên gặp gỡ tụ hội; 4. Tướng chủng loại đã sanh; 5. Tướng một sát-na; 6. Tướng pháp không sanh trở lại; 7. Tướng hiện tạp nhiễm; 8. Tướng hiện thanh tịnh; 9. Tướng có thể hỷ lạc; 10. Tướng không thể hỷ lạc; 11. Tướng nên quán sát; 12. Tướng không nên quán sát.

Nên biết quá khứ cũng có 12 chủng tướng: 1. Tướng nhân đã qua; 2. Tướng duyên đã qua; 3. Tướng quả đã qua; 4. Tướng thể đã hoại; 5. Tướng chủng loại đã diệt; 6. Tướng pháp không sanh trở lại; 7. Tướng tạp nhiễm ngừng dứt; 8. Tướng thanh tịnh ngừng dứt; 9. Tướng nên đóai luyến; 10. Tướng không nên đóai luyến; 11. Tướng nên quán sát; 12. Tướng không nên quán sát.

#### **4. Phái luận kế chấp ngã:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Có ngã, tát-đỏa, mạng, sanh, có dưỡng dục, số thủ thú... Như vậy hết thấy các đạo lý lẽ thật thường trụ”. Đây là các ngoại đạo đã kế chấp như vậy.

**Hỏi:** Cớ sao các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** như trước đã thuyết.

**Lý:** Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn có tánh tâm tư, có tánh quán sát, như trước nói rộng. Do hai nhân: 1. Vì không tư duy hiểu biết, vội cho là có hiểu biết tát-đỏa; 2. Vì trước đã có sự tư duy

hiểu biết mà có được sự tạo làm. Kia suy nghĩ như vậy: “Nếu không có ngã thì khi thấy năm sự việc, không nên khởi năm hiểu biết có ngã:

1. Khi thấy hình sắc rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết hình sắc, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa.

2. Khi thấy hành thuận theo khổ vui rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết thọ, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa thù thắng hay hạ liệt.

3. Khi thấy hành tương ưng lập danh, giả danh rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết tướng, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la, Phật trao cho đức tính khác nhau..

4. Khi thấy các hành tương ưng tịnh bất tịnh rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết hành, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa người ngu, người trí..

5. Khi thấy tùy theo từng cảnh giới thức chuyển rồi, chỉ nên khởi ở nơi hiểu biết tâm, không nên khởi ở nơi hiểu biết tát-đỏa “ta năng thấy tất cả”.

Do trước không tư duy hiểu biết như vậy, nên ở nơi năm sự việc trên cho là 5 chủng hiểu biết của tát-đỏa, không thể hiểu biết đó chỉ là các hành. Cho nên ngoại đạo kia trước không tư duy hiểu

biết, thấy các sự việc rồi liền khởi có hiểu biết tát-đỏa. Do vậy mà kẻ kia cho là nhất định biết có thật ngã.

Lại có kẻ tư duy như vậy: “Nếu không có ngã, chẳng thể ở trong các hành trước khởi tư duy hiểu biết mà có được sự tạo làm, như ta dùng mắt sẽ thấy các sắc, đang thấy các sắc, đã thấy các sắc; hoặc lại khởi tâm: ta sẽ không thấy... Hết thấy tác dụng như vậy đều do có hiểu biết ngã, hành làm tiền dẫn. Như ở nơi mắt thấy, thì ở nơi tai, mũi, lưỡi, thân, ý nên biết cũng vậy. Lại đối với việc tạo tác các nghiệp thiện, dừng dứt các nghiệp thiện, hay đối với việc tạo tác nghiệp bất thiện, dừng dứt nghiệp bất thiện, tất cả đều do suy nghĩ hiểu biết làm tiền dẫn mới có được tác dụng. Chẳng thể chỉ ở nơi các hành mà được hết thấy tác dụng như vậy, thì không đúng đạo lý”. Do tư duy hiểu biết như vậy, nên nói có ngã.

Nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Túc ở nơi các sự việc trông thấy mà khởi hiểu biết tát-đỏa, hay khác với các sự việc trông thấy mà khởi hiểu biết tát-đỏa?

Nếu ở nơi các sự việc trông thấy mà khởi hiểu

biết tát-đỏa, vậy ông không nên nói ở nơi sắc... kế chấp có tát-đỏa, kế chấp có ngã. Đây thật là hiểu biết diên đảo. Nếu khác với các sự việc trông thấy mà khởi hiểu biết tát-đỏa, tức là hoặc khởi ta có hình dáng kích thước, hoặc khởi có hơn kém, hoặc khởi Sát-đế-lợi... hoặc khởi ngu trí, hoặc khởi năng thủ cảnh giới sắc kia... thì không đúng đạo lý.

Lại, ông muốn thế nào, chỉ do tự thể pháp đây mà khởi hiểu biết tát-đỏa, hay cũng do thể pháp khác mà khởi hiểu biết tát-đỏa?

Nếu chỉ do tự thể pháp đây mà khởi hiểu biết tát-đỏa, thì ở nơi những điều trông thấy khởi hiểu biết ngã kia, không nên cho đó là hiểu biết diên đảo. Nếu do thể khác mà khởi hiểu biết tát-đỏa, tức là tất cả cảnh giới, mỗi một là nhân hiểu biết của tất cả cảnh giới. Đây không đúng đạo lý.

Lại, ông muốn thế nào, đối với vô tình số hiểu biết là hữu tình, đối với hữu tình số hiểu biết là vô tình, đối với hữu tình số còn lại hiểu biết hữu tình còn lại, có khởi như thế, hay là không khởi như thế?

Nếu có khởi, tức vô tình lẽ là hữu tình, hữu tình lẽ là vô tình, hữu tình còn lại lẽ là hữu tình

còn lại. Đây không đúng đạo lý. Nếu không khởi, thì không phải đã bác bỏ hiện lượng đấy ư? Đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, hiểu biết tát-đỏa đây là thủ lấy nghĩa hiện lượng, hay là thủ lấy nghĩa tử lượng?

Nếu thủ lấy nghĩa hiện lượng, thì chỉ có sắc uẩn thủ lấy nghĩa hiện lượng, còn ngã không phải nghĩa hiện lượng, cho nên không đúng đạo lý. Nếu thủ lấy nghĩa tử lượng, vậy như người ngu, trẻ nít chưa có khả năng tư duy so sánh, không thể tự nhiên khởi hiểu biết ngã.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Như việc làm của thế gian là lấy hiểu biết làm nhân, hay là lấy ngã làm nhân?

Nếu lấy hiểu biết làm nhân, bấy giờ chấp ta làm thì không đúng đạo lý. Nếu lấy ngã làm nhân, vẫn cần phải có tư duy hiểu biết làm trước mới có được tạo làm. Vậy nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, nhân tạo làm các việc là thường, hay vô thường?

Nếu vô thường, thì nhân tạo làm đây thế có sự biến đổi, ngay lúc ấy mà chấp ta có làm thì



không đúng đạo lý. Nếu là thường, tức thể không có sự biến đổi, không biến đổi mà có tạo làm thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, có sự tác động của ngã mới năng có làm tạo, hay không có tác động của ngã mà có làm tạo?

Nếu có tác động của ngã mới năng có làm tạo, đây tức thường làm tạo, không có việc làm tạo trở lại, đây không đúng đạo lý. Nếu không có tác động của ngã mà có làm tạo, tức không có tánh tác động mà có sự làm tạo thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, là có nhân nên ngã có sự tạo làm, hay là không nhân mà ngã có sự tạo làm?

Nếu có nhân, tức ngã đây lẽ phải do nhân khác thúc đẩy mới có tạo làm, điều này không đúng đạo lý. Nếu không nhân, thì lẽ ra ở tất cả thời làm tất cả việc. Đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, ngã đây nương tự mình mà năng có tạo làm, hay nương cái khác mà năng có tạo làm?

Nếu nương tự mình, tức ngã đây tự làm thành các việc tạp nhiễm khổ sanh lão bệnh tử... thì không

đúng đạo lý. Nếu nương cái khác mà kể chấp ta có làm thì không đúng đạo lý.

Lại ta nay hỏi ông, tùy ý ông đáp: Tức là ở nơi uẩn thi thiết có ngã, hay là ở trong các uẩn, hay ở ngoài các uẩn ở xứ khác, hay là không thuộc uẩn?

Nếu tức ở nơi uẩn thi thiết có ngã, thì ngã đây và uẩn không khác nhau, nhưng lại chấp rằng có ngã chắc thật thường trụ, thì không đúng đạo lý.

Nếu ở trong các uẩn, ngã đây là thường hay là vô thường?

Nếu ngã đây là thường, tức ngã thường trụ mà chịu sự tổn hại, ích lợi của khổ vui, thì không đúng đạo lý. Nếu không có sự tổn hại, ích lợi, nhưng lại khởi pháp, phi pháp, thì cũng không đúng đạo lý. Nếu không sanh khởi pháp, phi pháp, lẽ ra các uẩn thân rớt ráo không khởi. Lại lẽ không do dụng công mà ngã thường giải thoát.

Nếu ngã đây vô thường, lìa ngoài thể của uẩn có sanh có diệt tương tục lưu chuyển. Pháp đây không thể được, nên không đúng đạo lý. Lại ở nơi đây hoại diệt, về sau ở nơi khác không cần tạo làm mà tự có được là quá thất lớn, nên đây không đúng đạo lý.

Nếu ngoài uẩn ở xứ khác, thì chỗ kế chấp ngã của ông lẽ là vô vi, đây không đúng đạo lý.

Nếu không thuộc uẩn, tức ngã ở tất cả thời lẽ không có sự nhiễm ô. Lại ngã và thân chẳng nên có sự phụ thuộc tác động lẫn nhau. Cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, sự kế chấp ngã là tướng người thấy, hay là tướng người thấy?

Nếu ngã là tướng người thấy, tức là ở nơi cái thấy mà giả lập tướng người thấy, hay là li cái thấy mà riêng lập tướng người thấy? Nếu ở nơi cái thấy mà giả lập tướng người thấy, thì lẽ cái thấy phải là người thấy, có sao ông lại lập ngã là người thấy? Vì người thấy và cái thấy không có sự sai khác, cho nên đây không đúng đạo lý.

Nếu li cái thấy mà riêng lập tướng người thấy, thì pháp thấy kia là nghiệp thành của ngã, hay là công cụ giữ gìn của ngã?

Nếu là nghiệp thành của ngã, hoặc nói như chúng tử lẽ là vô thường, đây không đúng đạo lý. Hoặc nói như thợ làm đồ gốm, giả lập đàn ông. Ngã đây nên là vô thường, nên là giả lập, mà ông nói là thường là thật, cho nên đây không đúng đạo

lý. Hoặ nói như công cụ thần thông giả lập đàn ông. Ngã đây cũng nên vô thường giả lập, ở nơi các việc làm tùy ý tự tại. Đây cũng như trước không đúng đạo lý. Hoặ nói như đất, lẽ là vô thường. Lại chỗ kế chấp ngã không như đại địa hiển rõ nghiệp tác dụng, nên không đúng đạo lý. Tại vì sao? Ở thế gian, nghiệp tác dụng của đại địa thấy được rõ ràng, tức là gìn giữ vạn vật khiến không bị rơi xuống. Còn ngã không hiển rõ ràng nghiệp tác dụng. Hoặ nói như hư không, lẽ không thật có, vì chỉ ở nơi sắc không mà giả lập hư không, cho nên không đúng đạo lý. Hư không tuy là giả có, mà có nghiệp tác dụng phân minh thấy được. Chẳng phải như chỗ kế chấp ngã, cho nên đây không đúng đạo lý. Ở thế gian hư không tác nghiệp dụng phân minh có thể thấy được, tức là nương nơi hư không mà khởi được hết thủy nghiệp đến đi co duỗi. Cho nên cái thấy là nghiệp thành của ngã thì không đúng đạo lý.

Nếu là công cụ gìn giữ của ngã, hoặ nói như cái liềm, nếu lià ngoài cái liềm, vật khác cũng có tác dụng đoạn cắt. Như vậy lià ngoài cái thấy, ở nơi vật khác chẳng thể có được nghiệp dụng thấy.

Cho nên điều này không đúng đạo lý. Hoặc nói như lửa, thì sự kế chấp nơi ngã không đúng đạo lý. Vì cơ sao? Như lửa thế gian ngoài thiêu đốt vật khác, cũng tự thiêu đốt chính nó.

Nếu nói lia tướng người thấy riêng có ngã, thì tướng kế chấp ngã trái ngược với tất cả lượng, nên không đúng đạo lý.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Chỗ kế chấp ngã của ông là tương ứng với nhiệm tịnh mà có nhiệm tịnh, hay là không tương ứng với nhiệm tịnh mà có nhiệm tịnh?

Nếu ngã tương ứng với nhiệm tịnh mà có nhiệm tịnh, vậy thì ở trong các hành, tật bệnh tai hoạn xảy ra, chấm dứt, và các việc lợi ích cùng có được, tức các hành kia tuy không cần ngã mà tương ứng với nhiệm tịnh. Như đối với các vật bên ngoài thì bên trong thân cũng vậy, tuy không có ngã mà nghĩa nhiệm tịnh thành. Cho nên ông kế chấp cho là ngã thì không đúng đạo lý.

Nếu không tương ứng với nhiệm tịnh mà có nhiệm tịnh, tức lia tướng nhiệm tịnh mà ngã tự có nhiệm tịnh thì không đúng đạo lý.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Ông kế

chấp ngã là tương ứng tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển, hay là không cùng tương ứng tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển và dừng nghỉ?

Nếu cùng tương ứng tướng lưu chuyển mà có lưu chuyển và dừng nghỉ, vậy thì ở trong các hành có 5 chủng tướng lưu chuyển khá được: 1. Có nhân; 2. Có thể sanh; 3. Có thể diệt; 4. Triển chuyển sanh khởi tương tục; 5. Có biến đổi. Nếu trong các hành, tướng đây lưu chuyển có thể được, thì ở trong tác dụng lưu chuyển của thân, răng, sông, đèn... tuy không có ngã, các hành kia cũng có được sự lưu chuyển và dừng nghỉ, nào đợi kế chấp ngã.

Nếu chẳng cùng tương ứng tướng lưu chuyển kia mà có lưu chuyển và dừng nghỉ, thì kế chấp ngã không có tướng lưu chuyển, mà có lưu chuyển và dừng nghỉ thì không đúng đạo lý.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Ông kế chấp ngã có sự biến đổi là do cảnh giới mà sanh ra khổ vui, hoặc do tư nghiệp, hoặc do phiền não, tùy phiền não... mà nói là người thọ, người làm và người giải thoát, hay là chẳng do sự biến đổi của kia mà nói là người thọ...?

Nếu do sự biến đổi của kia, tức là các hành

đây là người thọ, người làm và người giải thoát, nào đợi kế chấp ngã. Giả sử là ngã thì ngã lẽ vô thường, cho nên không đúng đạo lý.

Nếu chẳng do sự biến đổi của kia, tức là ngã không biến đổi mà là người thọ, người làm và người giải thoát, thì không đúng đạo lý.

Lại nay ông hãy nói điều mình muốn, tức là chỉ ở nơi ngã mà nói là người làm, hay là cũng ở nơi pháp khác mà nói là người làm?

Nếu chỉ ở nơi ngã, thì người thế gian chẳng thể nói tác dụng của lửa là thiêu đốt, tác dụng của ánh sáng là chiếu soi.

Nếu cũng ở nơi pháp khác, tức là ở nơi các căn như thấy... đều nói là người làm, thì chỗ nào phân biệt là ngã? Cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại ông hãy nói điều mình muốn, tức là chỉ ở nơi ngã mà kiến lập ngã, hay là cũng ở nơi pháp khác mà kiến lập ngã?

Nếu chỉ ở nơi ngã thì người thế gian không nên ở nơi giả thuyết thân sĩ phu mà gọi là bạn lành Phật thọ ký...

Nếu cũng ở nơi pháp khác mà kiến lập ngã, thì ngã đây chỉ ở nơi các hành giả nói danh ngã,

nào đợi lại chấp có ngã riêng. Vì có sao? Các người thế gian chỉ ở nơi giả thuyết thân sĩ phu mà khởi tưởng hữu tình, nên lập danh hữu tình và nói mình người có sự sai biệt.

Lại ông muốn thế nào, kế chấp ngã kiến là thiện, hay là bất thiện?

Nếu là thiện, thì kẻ cực ngu si khởi sâu ngã kiến, không do phương tiện tự nhiên mà khởi. Điều này khiến chúng sanh sợ hãi giải thoát, lại thêm tăng trưởng các ác quá thất, nên không đúng đạo lý.

Nếu là bất thiện thì không nên nói là chánh và chẳng phải không điên đảo. Nếu là tà, là điên đảo, thì chỗ kế chấp của ngã thể là thật có thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, kiến của vô ngã là thiện, hay là bất thiện?

Nếu nói là thiện, thì đối với thật có ngã ở trên mà thấy không có ngã, việc đây tánh là thiện, chẳng phải vọng kế điên đảo, thì không đúng đạo lý.

Nếu nói là bất thiện, thì chỗ tuyên thuyết của tất cả trí giả như tinh chuyên thực hành các phương tiện khiến các chúng sanh không sợ giải thoát,



năng chóng chứng đắc quả bạch tịnh và như thật đối trị các ác quá thất, đều không đúng đạo lý.

Lại ý ông thế nào, tức là tánh ngã tự vọng kế có ngã, hay là do ngã kiến?

Nếu tức tánh ngã tự vọng tính có ngã, thì ở tất cả thời không có hiểu biết vô ngã. Nếu do ngã kiến thì tuy không thật ngã mà do lực của ngã kiến, ở trong các hành vọng cho là có ngã, điều này không đúng. Cho nên ông nhất định cho thật có ngã thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì bất giác làm tiền dẫn mà khởi hiểu biết kia; vì tư duy hiểu biết làm tiền dẫn, thấy có chỗ tạo tác; vì ở trong các uẩn, giả thi thiết; vì ở nơi tướng kia an lập là có; vì kiến lập tạp nhiễm và thanh tịnh; vì kiến lập lưu chuyển và dừng nghỉ; vì giả lập người thọ, người làm, người giải thoát; vì thi thiết có người làm; vì thi thiết nói thuyết; vì thi thiết kiến chấp có thật ngã, đều không đúng đạo lý.

Lại, nay ta sẽ thuyết *tướng ngã đệ nhất nghĩa*: Chỗ nói là ngã đó, tức chỉ ở nơi các pháp giả lập là có, chẳng phải thật có ngã. Nhưng tánh ngã đây chẳng thể nói cùng các pháp kia là khác hay không

khác. Chớ cho ngã đây là thể thật có, hoặc các pháp kia tức là tánh của tướng ngã. Lại ngã đây là tướng không thường, là tướng không hằng, là tướng không chắc chắn, là tướng biến hoại, là tướng pháp sanh khởi, là tướng lão bệnh tử, chỉ là tướng các pháp, chỉ là tướng khổ não. Cho nên Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Bí-sô nên biết, ở trong các pháp giả lập có ngã. Ngã đây không thường, không hằng, không thể bền chắc, là pháp biến hoại”.

Do 4 nhân, ở trong các hành giả thiết vay mượn có ngã: 1. Khiến thế gian dễ dàng nói năng bàn luận; 2. Muốn tùy thuận các thế gian; 3. Muốn đoạn trừ những sợ hãi cho là không có ngã; 4. Tuyên thuyết thành tựu công đức, thành tựu quá thất của mình của người, khiến khởi tâm tin hiểu rõ ràng. Cho nên kẻ luận chấp có ngã là không như lý.

### **5. Phái luận thường:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Ta và thế gian đều thật thường trụ, không phải được làm ra, không phải được hóa ra, chẳng thể bị tổn hại, sống nhóm họp với nhau, trụ như y-sư-ca”(tên một loài cỏ cứng

rắn, dụ cho cái ngã tánh cũng kiên trụ như vậy). Nếu kế chấp tiền tế, đó là kế thuyết tất cả thường, kế thuyết một phần thường. Nếu kế chấp hậu tế, đó là kế thuyết hữu tướng, kế thuyết vô tướng, kế thuyết phi tướng phi phi tướng. Lại có kế kế chấp các cực vi là thường trụ mà lập ra kế chấp như trên.

**Hỏi:** Cớ sao các ngoại đạo kia khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Ta và thế gian là thường trụ?”

**Đáp:** Nhân duyên kế chấp của kia như kinh đã rộng thuyết, tùy theo chỗ thích hợp mà biết tận tường.

Trong đây, kế kế chấp tiền tế hoặc nương thượng, trung, hạ tinh lự, vì khởi túc trụ tùy niệm duyên khởi bất thiện, nên đối với các hành quá khứ chỉ có nghĩ nhớ (ức niệm) mà không như thật biết, bèn kế chấp đời quá khứ làm tiền tế nên phát khởi thường kiến. Hoặc nương thiên nhãn, kế chấp đời hiện tại làm tiền tế, nên đối với các hành sát-na sanh diệt lưu chuyển mà không như thật biết. Lại thấy các thức tương tục lưu chuyển từ thế gian này đến thế gian kia không đoạn dứt, từ đó phát khởi thường kiến. Hoặc thấy Phạm vương tùy ý mà được thành lập, hoặc thấy bốn đại

chúng biến đổi, hoặc thấy các thức biến đổi, từ đó phát khởi thường kiến.

Kẻ kế chấp hậu tế tức là ở nơi tướng và thọ tuy thấy có sự sai biệt nhưng không thấy tự tướng sai biệt, cho nên phát khởi thường kiến, tức cho là “ta và thế gian đều thường trụ”.

Kẻ kế chấp cực vi là thường trụ thì nương tinh lự thế gian nên khởi kiến chấp như trên. Do kẻ đây không như thật biết duyên khởi, kế chấp “có” làm tiền dẫn, nên có quả nhóm họp sanh khởi; kế chấp “ly tán” làm tiền dẫn, nên có quả hoại diệt. Do nhân duyên đây, kẻ kia cho là từ tánh nhỏ nhiệm sanh quả thô, còn vật thô dần dần phân chia ra cho đến thành nhỏ nhiệm. Cho nên vật thô là vô thường, còn cực vi là thường.

Trong đây kẻ luận kế chấp tiền tế, hậu tế thường trụ cũng là tướng khác của luận kế chấp ngã. Kẻ luận ngã đã bị phá, nên biết tướng khác của luận ngã cũng đã phá xong.

Lại nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Niệm trụ ở quá khứ là thủ các uẩn, hay là thủ ngã?

Nếu là thủ uẩn thì chấp ngã và thế gian là thường không đúng đạo lý. Nếu là thủ ngã, thì sự

nghe nhớ các loại hữu tình ở quá khứ từng có tên gọi như vậy, từng sống ở kia như vậy, dòng tộc như vậy... cho đến nói rộng, thì không đúng đạo lý.

Lại ý ông thế nào, duyên cảnh sắc hiện tiền hòa hợp, lúc ấy nhãn thức khởi; ở nơi cảnh chẳng hiện chẳng hòa hợp, các thức còn lại là diệt hay là chuyển?

Nếu nói là diệt thì thức bị hoại diệt, mà kế chấp là thường thì không đúng đạo lý. Nếu nói là chuyển vậy thì do một cảnh giới, nương tất cả thời tất cả thức khởi thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, chỗ chấp ngã do tướng và thọ làm ra là có biến đổi, hay không có biến đổi?

Nếu nói có biến đổi, thì kế chấp cho là thế gian và ngã thường trụ không đúng đạo lý. Nếu nói không biến đổi, tức chỉ có một tướng, nhưng lại có chủng chủng tướng, lại có tướng nhỏ, tướng vô lượng, nên không đúng đạo lý. Lại thuần chỉ có lạc, cũng lại thuần có khổ, lại có khổ có lạc, có không khổ không lạc, nên không đúng đạo lý.

Lại nếu có kể kế chấp mạng tức là thân, tức kia kế chấp ngã là sắc. Nếu có kể kế chấp mạng khác thân, tức kia kế chấp ngã phi sắc. Nếu có kể kế chấp ngã khắp cả, không hai không khuyết, tức

kia kế chấp ngã cũng sắc cũng phi sắc. Nếu đối lại điều trên đây, tức là trong nghĩa đây, do câu khác văn khác mà khởi chấp, thì kia kế chấp ngã phi sắc chẳng phải phi sắc. Lại nếu kẻ chấp ít phần sắc, ít phần phi sắc thì kia kế chấp hữu biên. Nếu kẻ chấp vô lượng sắc, vô lượng phi sắc thì kia kế chấp có vô biên. Nếu kẻ lại chấp nghiêng lệch ít phần sắc, phần phi sắc vô lượng; hoặc phần sắc vô lượng, ít phần phi sắc, thì kia kế chấp cũng hữu biên cũng vô biên. Nếu có kẻ đối lại điều trên, thì chỉ do văn khác, chẳng do nghĩa khác mà khởi chấp, kia kế chấp phi hữu biên phi vô biên. Hoặc kẻ kế chấp ngã giải thoát, thì xa lìa hai chủng.

Lại với kẻ luận kế chấp cực vi thường trụ, nay xin hỏi ông, tùy ý ông đáp: Tức là do quán sát mà kế chấp cực vi là thường, hay không do quán sát?

Nếu không quán sát tức là lìa tuệ quán sát mà quyết định kế chấp thường, thì không đúng đạo lý. Nếu quán sát tức là trái với các sự so lường, vậy nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tánh các vi trần là do nhỏ nhiệm nên kế chấp kia là thường, hay là do khác với tướng của vật thô kia mà kế chấp kia là thường?

Nếu do nhỏ nhiệm thì lúc phân chia tức có sự tổn giảm, càng lúc càng yếu kém mà nói là thường thì không đúng đạo lý. Nếu do khác tướng, vậy thì cực vi vượt quá tướng của địa thủy hỏa phong, tướng chẳng đồng chủng loại với địa thủy hỏa phong mà nói năng sanh quả thuộc loại kia thì không đúng đạo lý. Lại cực vi kia không có tướng khác khác được, nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, từ các cực vi mà sanh khởi vật thô là không khác tướng, hay là khác tướng?

Nếu không khác tướng, tức cùng nhân kia không có sự sai khác, cũng nghĩa là thường, vậy thì quyết định không nhân quả, nên đây không đúng đạo lý.

Nếu khác tướng, ý ông thế nào? Tức là từ cực vi phân chia ra nên vật thô được sanh, hay là từ cực vi tụ tập?

Nếu từ cực vi phân chia, thì lẽ ra ở tất cả thời sanh tất cả quả, vậy thì quyết định không nhân quả, nên không đúng đạo lý.

Nếu từ cực vi tụ tập, ý ông thế nào, vật thô kia khi từ cực vi sanh là chẳng vượt quá kích thước của hình chất kia, hay là vượt quá kích thước của hình chất kia?

Nếu nói chẳng vượt quá kích thước của hình chất kia, vậy thì vật từ hình chất phân chia ra, lại sanh ra hình chất có thể phân chia vật, đây không đúng đạo lý.

Nếu nói quá kích thước của hình chất kia, tức các thể cực vi không thể phân chia nhỏ nữa, chẳng thể phân tách mà sanh ra vật thô, cũng là lẽ thường, cũng không đúng đạo lý. Nếu lại nói rằng có các cực vi xưa không có mà nay khởi, vậy thì kế chấp cực vi là thường cũng không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, các cực vi kia khởi tạo vật thô là giống như chủng tử, hay là giống như thợ làm đồ gốm?

Nếu nói như chủng tử, thì lẽ như thể chủng tử là vô thường. Nếu nói như thợ làm đồ gốm, thì các cực vi kia lẽ có khả năng suy nghĩ như thợ đồ gốm, thì không đúng đạo lý. Nếu không giống như chủng tử và thợ đồ gốm... vậy thì lấy thí dụ chẳng thể được vậy, cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại ý ông thế nào, các vật bên ngoài sanh khởi là do hữu tình, hay là không do hữu tình?

Nếu nói là do hữu tình, thì vật thô bên ngoài kia do hữu tình sanh, chỗ nương của vật tế chẳng



do hữu tình sanh, thì không đúng đạo lý. Ai lại tạo ra công năng cho vật kia?

Nếu nói không do hữu tình, vậy thì không có tác dụng mà vật bên ngoài sanh, thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì tùy niệm, các uẩn, hữu tình; vì do một cảnh giới, tất cả thức lưu chuyển không đoạn dứt; vì do tướng và thọ biến đổi, không biến đổi; nên biết luận thường kế chấp tiền tế, kế chấp hậu tế đều không đúng đạo lý.

Lại vì do quán sát, không quán sát, vì do cộng tướng, vì do tự tướng, vì do khởi tạo, vì chỗ dụng căn bản, nên biết luận cực vi là thường không đúng đạo lý.

Tóm lại luận kế chấp thường không như lý.

Ta nay sẽ thuyết *tướng thường trụ*: Nếu ở tất cả thời, tướng không biến đổi. Nếu ở tất cả chủng, tướng không biến đổi. Nếu tự nhiên, tướng không biến đổi. Nếu do cái khác, tướng không biến đổi. Lại tướng vô sanh, nên biết đây là tướng thường trụ vậy.



## **Quyển 7**

**Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA**

**Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA**

**Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA**

### **Phần 4**

#### **6. Phái luận nhân tạo làm từ trước:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Như kinh đã rộng thuyết, phạm tất cả thế gian, chỗ có bồ-đặc-già-la sĩ phu thọ nhận, tức là chỗ thọ nhận khổ hiện tại đều do tạo tác trong quá khứ làm nhân, tức là do tạo tác ác trong quá khứ làm nhân. Do tinh tấn bỏ nghiệp cũ, tức là do hiện pháp tự mình hành cực khổ hạnh, hiện tại nghiệp mới không tạo tác nhân khiến bị tổn hại, tức là chẳng tạo làm các nghiệp bất thiện. Như vậy về sau không trở lại hữu lậu, tức là một hướng tánh thiện, nên nói về sau vô lậu. Do vô lậu nên nghiệp tận, tức là các nghiệp ác tận. Do nghiệp tận nên khổ tận, tức là tận nhân đã tạo tác trong quá khứ và tận phương tiện hiện pháp chiêu tập khổ não. Do khổ tận nên chứng đắc

biên khổ, tức là chúng tận khổ do sanh tương tục trong các đời kế tiếp”. Đây là các nhóm ngoại đạo không ràng buộc, đã kế chấp như vậy.

**Hỏi:** Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** như trước đã thuyết.

**Lý:** Như người có tánh tầm tư, có tánh quán sát, nói rộng như trước. Do kẻ kia thấy ở trong hiện pháp, sĩ phu có tác dụng mà không có sự nhất định. Vì sao như thế? Kia thấy trong thế gian có người tuy phương tiện tạo làm các việc chân chánh mà gặp phải các khổ, có người tuy phương tiện tạo làm các việc tà mà gặp những điều vui sướng; nên kia suy nghĩ: “Nếu tác dụng của sĩ phu ở hiện pháp làm nhân cho quả kia, thì quả kia lẽ là điên đảo. Nhưng do kẻ kia thấy không bị điên đảo, cho nên biết quả kia đều do việc làm từ quá khứ làm nhân”. Do lý đây nên người kia khởi kiến như thế, lập luận như thế.

Bấy giờ nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, phương tiện hiện pháp chiêu tập các khổ là lấy việc làm từ trước làm nhân, hay lấy phương tiện hiện pháp?

Nếu lấy việc làm từ trước làm nhân, thì do siêng tinh tấn bỏ nghiệp cũ, hiện tại nghiệp mới không tạo ra nhân khiến bị tổn hại, như vậy về sau không trở lại hữu lậu... cho đến nói rộng, thì không đúng đạo lý.

Nếu lấy phương tiện hiện pháp làm nhân, thì câu nói của ông rằng chỗ có bổ-đặc-già-la sĩ phu thọ nhận đều do việc làm từ trước làm nhân, thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, phương tiện hiện pháp vì nhân tạo ra từ trước, vì nhân của sĩ phu tác dụng trong hiện pháp, nên biết luận nhân tạo làm từ trước đều không đúng đạo lý.

Ta nay sẽ thuyết *tướng nhân như thật*:

– Hoặc có các điều khổ, tất cả chỉ do việc làm từ trước làm nhân. Như có người do nghiệp của mình lực tăng thượng nên sanh trong các ác thú, hoặc sanh ở nhà bần cùng.

– Hoặc có khổ là do tạp nhân sanh. Như có người nhân làm việc cho một vua tà thì quả thu được không thể vui, mà trái lại chỉ thọ khổ. Như làm việc cho vua, thì các nghiệp do lời nói mua bán, do làm nông, do trộm cướp, do tổn hại hữu

tình... cũng vậy. Nếu người có phước thì thu được giàu sang sung sướng. Nếu người không phước, tuy dụng nhiều công sức mà quả không toại lòng.

– Hoặc lại có khổ chỉ thuần do nhân dụng công trong hiện tại mà được. Như làm một việc mới khiến dẫn phát các nghiệp khác, hoặc lắng nghe chánh pháp rồi giác ngộ quán sát, hoặc lại phát khởi nghiệp oai nghi phép tắc, hoặc lại phát khởi nghiệp tu học công xảo xứ... Hết thấy việc như vậy chỉ lấy tạo làm của sĩ phu ngay hiện tại làm nhân.

### **7. Phái luận Tự tại thiên là đáng sáng tạo:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Phàm ở thế gian, chỗ có bổ-đặc-già-la sĩ phu, hết thấy đều do nhân biến hóa của Tự tại thiên, hoặc do nhân biến hóa của những đáng khác”. Đây là kẻ luận thuyết nhân không bình đẳng như do Tự tại thiên... đã kể chấp như vậy.

**Hỏi:** Nhân duyên nào khởi kiến như thế, lập luận như thế?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** như trước đã thuyết.

Lý: Như có người có tánh tâm tư, có tánh quán sát, nói rộng như trước. Do kia hiện thấy ở trong nhân quả, hữu tình thế gian không được tùy chuyển theo ý muốn, nên có kế chấp đây. Vì sao? Hiện tại ở thời tạo tác nhân, thấy các hữu tình thế gian muốn tu tịnh nghiệp, nhưng không được như ý muốn, bèn trở lại làm ác. Đến khi ở quả ác rồi, lại mong cầu sanh trong thế giới thiện thú, nhưng không được như ý muốn, đọa vào ác thú... Muốn thọ vui mà không được như ý, ngược lại thọ các khổ. Do thấy các việc đây, nên kia tác tư duy: “Như vậy thế gian ắt có đấng là cha của mọi sự vật, sáng tạo ra, sanh ra và biến hóa ra. Đó là Tự tại thiên, hoặc những vị khác”.

Lúc bấy giờ nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào?

Ốt-Đà-Nam nói:

*Công năng, không thể tánh,  
Nhiếp, không nhiếp trái nhau,  
Có dụng và không dụng,  
Làm nhân thành quả thất.*

Tất cả công năng biến hóa của Tự tại thiên là

dụng phương tiện tạo tác làm nhân, hay là không nhân?

Nếu dụng phương tiện tạo tác làm nhân, tức chỉ có công năng biến hóa này dùng phương tiện đó làm nhân, chẳng phải thế gian khác, nên không đúng đạo lý. Nếu không nhân, duy chỉ có công năng đây không nhân mà có, thì chẳng phải vật thế gian, nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, Đại tự tại đây là nhiếp thuộc thế gian, hay là không nhiếp thuộc thế gian?

Nếu nói nhiếp thuộc thế gian, thì Đại tự tại đây đồng với pháp của thế gian mà lại năng biến ra khắp cả thế gian, thì không đúng đạo lý. Còn nếu không nhiếp thuộc thế gian, tức là giải thoát. Đã giải thoát mà nói là năng sanh thế gian thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, là có dụng nên biến sanh thế gian, hay là không có dụng?

Nếu có dụng, thì ở nơi dụng kia không được tự tại, mà ở nơi thế gian lại có tự tại thì không đúng đạo lý. Nếu không có dụng, tức là không có chỗ dụng mà sanh ra thế gian thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, sự sanh ra đây là chỉ

do Đại tự tại làm nhân, hay cũng lấy cái khác làm nhân?

Nếu chỉ lấy Đại tự tại làm nhân, vậy thì lúc có Đại tự tại tức lúc ấy có sự sanh ra, nếu lúc có sự sanh ra tức lúc ấy có Đại tự tại. Cho nên nói sự sanh ra lấy Đại tự tại làm nhân thì không đúng đạo lý.

Nếu cũng lấy cái khác làm nhân, tức là đây chỉ lấy dục lạc làm nhân, hay là ngoài dục lạc lại lấy cái khác làm nhân?

Nếu chỉ lấy dục lạc làm nhân, thì dục lạc đây chỉ lấy Đại tự tại làm nhân, hay cũng lấy cái khác làm nhân?

Nếu chỉ lấy Đại tự tại làm nhân, tức lúc ấy có dục lạc. Nếu lúc có dục lạc, tức lúc ấy ắt có Đại tự tại. Vậy thì từ vô thủy sự sanh ra lẽ là thường có. Đây không đúng đạo lý.

Nếu nói cũng lấy cái khác làm nhân, thì nhân đây chẳng thể đắc vậy, nên không đúng đạo lý. Lại đối với sự muốn kia không được tự tại, mà nói đối với vật thế gian có được tự tại thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì do công năng, vì nhiếp, không nhiếp, vì có dụng, không dụng, vì là tánh nhân,



nên biết luận Tự tại thiên... là đáng sáng tạo ra đều không đúng lý.

### **8. Phái luận giết hại là chánh pháp:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu trong việc cúng tế, trước dùng chú thuật, sau giết các sanh mạng, thì người cúng tế hoặc vật bị giết hại, hoặc những sự trợ giúp, tất cả đều được sanh lên cõi trời”.

**Hỏi:** Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

**Đáp:** Lý luận trái ngược đây là chỗ khởi của sự nịnh hót, dối trá, không do quán sát đạo lý mà kiến lập. Ở trong kiếp ác, sự tranh đấu phát khởi, các Bà-la-môn trái vượt giáo pháp Bà-la-môn xưa, họ muốn ăn thịt nên vọng khởi kế chấp trên.

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, phương chú thuật đây tự thể là pháp, hay tự thể là phi pháp?

Nếu tự thể là pháp, giả sử lìa việc sát sanh kia còn không thể tự cảm quả ái, hưởng chi năng chuyển việc sát sanh phi pháp lấy làm chánh pháp, thì không đúng đạo lý.

Nếu tự thể là phi pháp, thì quả của việc đây là chẳng đáng ưa thích. Đã như thế mà có thể chuyển xả quả của pháp chẳng đáng ưa thích khác, thì không đúng đạo lý.

Đã lập luận như vậy rồi, lại có lời bào chữa: “Nhuộc của thế gian chẳng thể làm hại những việc do công năng chú thuật nhiếp lấy. Nên biết phương chú thuật đây cũng lại như vậy”.

Bấy giờ nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, như phương chú thuật năng dứt độc bên ngoài, cũng năng dứt độc tham sân si bên trong, hay là không thể dứt được?

Nếu có khả năng đoạn dứt, tức là không nơi chốn, không thời gian, không có một người lặng dứt được tham sân si. Cho nên đây không đúng đạo lý. Nếu không có khả năng đoạn dứt, thì như ông trước đã nói phương chú thuật có khả năng dứt độc bên ngoài, cũng có khả năng dứt trừ nghiệp phi pháp thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, phương chú thuật đây là hành chuyển khắp, hay không hành chuyển khắp?

Nếu hành chuyển khắp, vậy thì sao không dùng người thân của mình để cúng tế trước? Cho

nên đây không đúng đạo lý. Nếu không hành chuyển khắp, thì công năng chú đây không thể xác định được, nên không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, công năng chú thuật đây là chỉ năng chuyển nhân, hay cũng năng chuyển quả?

Nếu chỉ chuyển nhân mà đối với quả không có khả năng chuyển, thì không đúng đạo lý. Nếu cũng chuyển quả, lẽ phải có sự chuyển biến, như tức khắc biến con dê thành diệu sắc khả ái, có lẽ gì bỏ thân dê rồi mới có được thân trời, cho nên đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, kẻ tạo ra chú thuật đây là có năng lực và lòng bi mẫn, hay là không chăng?

Nếu có năng lực và lòng bi mẫn thì kẻ kia là sát sanh mạng mà không thể vãng sanh về cõi trời, thì không đúng đạo lý. Nếu không có năng lực và lòng bi mẫn mà kẻ kia tạo ra chú có khả năng linh nghiệm làm được các việc khác, thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì do nhân, vì thí dụ, vì không xác định, vì không có khả năng chuyển quả, vì kẻ tạo ra chú thuật, nên biết luận giết hại là chánh pháp đều không đúng đạo lý.

Nay Ta sẽ thuyết *tướng phi pháp chân thật*: Nếu nghiệp tổn người mà không sửa trị được ở hiện tại, quá khứ, đây gọi là phi pháp. Lại nếu nghiệp mà các bậc tu đạo đều biết nghiệp đây chiêu cảm quả bất ái, lại nếu nghiệp mà tất cả bậc trí giả xác định là bất thiện, lại nếu nghiệp mà tự mình không muốn, lại nếu nghiệp do nhiễm tâm khởi, lại nếu nghiệp do chú thuật tà mới có linh nghiệm, lại nếu nghiệp tự tánh vô ký... các nghiệp như vậy đều là phi pháp.

### **9. Phái luận biên, không biên:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn nương các tĩnh lự thế gian, nên đối với thế gian trụ tướng có biên, hoặc trụ tướng không biên, hoặc trụ tướng có biên không biên, hoặc trụ tướng chẳng phải có biên chẳng phải không biên, như kinh đã nói rộng. Do đây khởi kiến như vậy, lập luận rằng thế gian có biên; thế gian không biên; thế gian cũng có biên cũng không biên; thế gian chẳng phải có biên chẳng phải không biên.

Nên biết sau đây sẽ nói nhân duyên và người năng kế chấp. Đó là có kẻ nương biên tế đoạn khi

tìm cầu biên của thế gian, nhớ nghĩ đến kiếp hoại nên đối với thế gian khởi tưởng có biên; hoặc nhớ nghĩ đến kiếp thành, đối với thế gian khởi tưởng không biên. Hoặc y cứ vào bờ cõi rộng tròn khi tìm cầu biên của thế gian, đi xuống dưới quá cõi Vô gián lại không thấy có biên tế; hoặc vượt qua Đệ tứ tinh lự cũng không thấy có biên tế; hoặc nương vào một bên của tất cả cõi cũng không thấy có biên tế, bèn đối với cõi trên, dưới, khởi tưởng có biên, đối với cõi ở một bên khởi tưởng không biên. Hoặc có kẻ đối ngược lại điều trên, chỉ nương văn khác mà nghĩa không khác, thì đối với thế gian khởi tưởng chẳng phải có biên, chẳng phải không biên.

Lúc ấy nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, trước từ kiếp hoại đến nay lại có thế gian sanh khởi, hay không sanh khởi?

Nếu nói có, thì thế gian có biên không đúng đạo lý. Nếu nói không, vậy thì không có thế gian mà lại nhớ nghĩ về biên thế gian, cũng không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì thế gian có, vì thế gian không, nên biết luận biên, không biên đều không đúng đạo lý.

### **10. Phái luận bất tử kiểu loạn:**

Đó là 4 chủng ngoại đạo bất tử kiểu loạn, như kinh đã rộng thuyết. Các ngoại đạo kia nếu thấy có người đến, hoặc nương đạo sanh tối thắng hỏi về thiện bất thiện; hoặc nương đạo quyết định thù thắng hỏi về khổ tập diệt đạo, liền tự xưng là bất tử loạn. Tùy theo chỗ, có người nương theo bất tử không loạn của Tịnh thiên mà cất vấn. Đối với sự cất vấn đây, ngoại đạo kia hoặc dùng lời kiểu loạn, hoặc vin dựa việc khác để tránh né, hoặc nương theo lời hỏi của người mà dùng lời chuyển.

Trong đây, kẻ bất tử kiểu loạn thứ nhất chưa khai mở hiểu biết. Kẻ bất tử kiểu loạn thứ hai ở nơi pháp đã chứng đắc khởi tăng thượng mạn. Kẻ bất tử kiểu loạn thứ ba đã khai mở hiểu biết mà chưa chắc chắn. Kẻ bất tử kiểu loạn thứ tư thì hạ liệt ngu độn.

Lại nữa, kẻ thứ nhất sợ hãi vọng ngữ và sợ hãi người khác biết mình vô trí, nên chẳng phân minh đáp rằng: “Ta không hiểu biết gì”.

Kẻ thứ hai đối với điều mà mình chứng đắc chưa được vô úy, nên sợ hãi khi bị người cất vấn, sợ

hãi vọng ngữ, sợ hãi tà kiến, nên nói chẳng phân minh: “Ta có sở chứng”.

Kẻ thứ ba sợ hãi tà kiến, sợ hãi vọng ngữ, sợ hãi khi có người nạn hỏi, nên chẳng phân minh nói: “Ta không chắc chắn”.

Ba loại ngoại đạo như vậy giả mượn việc khác dùng lời kiêu loạn để tránh né.

Kẻ thứ tư chỉ sợ bị người khác vấn nạn, đối với đạo sanh tối thắng và đạo quyết định thù thắng đều không thể liễu đạt, đối với văn tự thế gian cũng không khéo rõ biết, nên chẳng phân minh nói rằng: “Ta là ngu độn, không hiểu rõ một điều gì cả”. Loại đây chỉ hỏi ngược lại người, tùy theo ngôn từ của người mà chuyển, dùng để lừa dối người.

Nhân duyên phát khởi bốn luận đây và các loại ngoại đạo kế chấp, kể cả việc phá kiến chấp của bốn luận kiêu loạn, trong kinh đều đã thuyết. Do ngoại đạo kia nhiều sự sợ hãi, nương trụ theo kiến đây, nếu có người đến nạn hỏi, liền dùng lời siểm khúc để dối gạt họ. Nên biết kiến đây nhiếp thuộc ác kiến. Cho nên luận bất tử kiêu loạn đây không như lý.

### 11. Phái luận kiến không nhân:

Đó là kẻ nương nơi tĩnh lự và kẻ nương nơi tầm tư đã kế chấp luận đây. Nên biết hai nhóm ngoại đạo đây như kinh đã rộng thuyết.

**Hỏi:** Nhân duyên nào các ngoại đạo kia nương nơi tầm tư, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Ta và thế gian đều không nhân mà được sanh”?

**Đáp:** Lược mà nói, vì thấy không có sự tương tục làm tiền dẫn, lại thấy các sự việc trong ngoài có vô lượng sai biệt chủng chủng sanh khởi. Hoặc lại có lúc thấy các nhân duyên không có quả báo, tức là thấy thế gian không có nhân duyên; hoặc có lúc thấy tự nhiên gió thổi ào ạt, có lúc lại vắng lặng tịch nhiên; hoặc có lúc thấy tự nhiên nước sông ngập tràn mênh mông, có lúc lại ngừng chảy khô kiệt; hoặc có lúc cây cối xanh tươi trĩu quả, có lúc lại tàn héo... Do thấy tất cả điều ấy nên khởi kiến không có nhân, dẫn đến lập luận không có nhân.

Lúc ấy nên hỏi kia rằng: Ông trụ nhớ nghĩ vào những việc trước kia là niệm “không thể”, hay là niệm “có tự ngã”?

Nếu niệm “không thể”, thì pháp của “không thể” chưa từng xuyên xuyên tập quen, chưa từng



trải qua nhận biết mà có khả năng nhớ nghĩ được, thì không đúng đạo lý. Nếu niệm “có tự ngã”, là chấp trước không có ngã mà về sau có. Đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tất cả các vật trong ngoài thế gian chủng chủng sanh khởi hoặc tự nhiên sanh khởi, là không nhân hay là có nhân?

Nếu không nhân, như vậy chủng chủng sanh khởi, tự nhiên mà khởi, nhưng có lúc không sanh, thì không đúng đạo lý. Nếu có nhân, thì ông nói rằng ta và thế gian không nhân mà được sanh, là không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì niệm “không thể”, vì niệm “có tự ngã”, vì các vật trong ngoài không do nhân duyên mà chủng chủng khác nhau, vì do nhân duyên kia chủng chủng khác nhau, nên biết luận không nhân đều không đúng đạo lý.

## **12. Phái luận đoạn kiến:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Ta có thân sắc thô do bốn đại tạo thành, được gìn giữ chưa bị hư hoại. Lúc nào đó do mắc bệnh, hoặc bị ung nhọt, hoặc bị tên độc..

ta chết đi, về sau hoại diệt không còn. Lúc ấy ta bị đoạn diệt”. Cũng vậy, đối với chư thiên Dục giới, chư thiên Sắc giới hoặc Vô sắc giới, nhiếp thuộc Không vô biên xứ, cho đến nhiếp thuộc Phi tướng phi tướng xứ.. như kinh đã rộng thuyết. Đây là 7 loại luận thuyết đoạn kiến đã kể chấp như vậy.

**Hỏi:** Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến chấp như thế, lập luận như thế?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** như trước thuyết.

**Lý:** Như người có tánh tâm tư.. cho đến nói rộng, kia suy nghĩ như vậy: “Nếu ta chết rồi, về sau lại có thân, cho nên chẳng cần tạo tác nghiệp mà được quả dị thực”. Hoặc: “Nếu tất cả tánh thể của ta vĩnh viễn không có, lẽ sẽ không thọ nghiệp quả dị thực”. Quán sát hai chủng đây, lý đều chẳng thể được, cho nên khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Thân ta chết rồi sẽ đoạn dứt, hoại diệt không còn. Giống như gói đá, một khi bị bể rồi không thể hợp lại như cũ. Thân xác của ta, đạo lý cũng như vậy”.

Nay xin hỏi kia: Ông muốn thế nào, là uẩn bị đoạn diệt, hay là ngã bị đoạn diệt?

Nếu uẩn đoạn diệt, thì thể uẩn là vô thường,

nhân quả triển chuyển sanh khởi chẳng dứt, mà nói đoạn diệt đây không đúng đạo lý.

Nếu nói ngã đoạn diệt, thì ông trước đã nói “thân sắc thô do bốn đại tạo nên, có bệnh, có ung, có tên... chư thiên Dục giới, chư thiên Sắc giới, hoặc Vô sắc giới nhiếp thuộc Không vô biên xứ cho đến nhiếp thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ...” đều không đúng đạo lý.

Tóm lại, hoặc vì uẩn đoạn diệt, hoặc vì ngã đoạn diệt, nên biết luận đoạn kiến đều không đúng đạo lý.

### **13. Phái luận không kiến:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không có thí cho, không có ái dưỡng, không có tế tự, nói rộng cho đến thế gian không có chân A-la-hán”. Lại khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không có tất cả thể tướng các pháp”.

**Hỏi:** Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** như trước đã thuyết.

Lý: Như người có tánh tâm tư, cho đến nói rộng. Lại nương các tính lự thế gian, thấy các thí chủ ở thế gian một đời cho đến lúc mạng chung đều hành bố thí không ngừng, từ cõi này mạng chung rồi, lại sanh trong nhà hạ tiện bản cùng thiếu thốn. Thế nên kia tác nghĩ đây: “Nhất định không có thí cho, ái dưỡng, tế tự”.

Lại thấy có người trong một kiếp thường hành diệu hạnh, lúc mạng chung lại đọa nơi ác thú, sanh trong các địa ngục. Còn có người hành ác hạnh lại vãng sanh đến thiện thú, sanh lên cõi trời vui trong các thế giới. Kia tác nghĩ đây: “Quyết định không có diệu hạnh và ác hạnh, cũng không có hai nghiệp quả dị thực của diệu hạnh và ác hạnh”.

Lại thấy có người thuộc dòng Sát-đế-lợi, sau khi mạng chung sanh trong các dòng tộc Bà-la-môn, hoặc Phệ-xá, hoặc Thủ-đà-la. Hoặc có người dòng Bà-la-môn, sau khi mạng chung sanh trong các dòng tộc Sát-đế-lợi, hoặc Phệ-xá, hoặc Thủ-đà-la. Người dòng Phệ-xá, Thủ-đà-la... cũng lại như vậy. Cho nên kia tác nghĩ đây: “Quyết định không có Sát-đế-lợi trong thế gian đây từ dòng tộc Sát-đế-lợi ở thế gian kia đến, cũng không có Sát-đế-lợi”.

trong thế gian kia, từ dòng tộc Sát-đế-lợi ở thế gian này đi...”.

Lại quán thấy những người ly dục sanh vào cõi thấp.

Lại thấy mẹ mạng chung rồi trở lại sanh làm con gái, con gái mạng chung rồi trở lại làm mẹ. Cha chết làm con, con chết trở lại làm cha. Kể kia thấy cha và mẹ không quyết định, nên tác nghĩ như vậy: “Thế gian quyết định không có cha, không có mẹ”.

Lại người thân hoại mạng chung rồi sanh ở Vô tưởng, hoặc sanh ở Vô sắc, hoặc nhập Niết-bàn, nên tìm cầu chỗ sanh của kia chẳng thể thấy được. Kia tác nghĩ đây: “Quyết định không có chúng sanh hóa sanh, vì xứ sở kia không thể biết được”.

Lại nếu ở thân mình khởi tăng thượng mạn cho là đã đắc A-la-hán, lúc lâm chung thấy tướng sanh, kia bèn tác nghĩ đây: “Thế gian ắt không có chân thật A-la-hán”.

**Hỏi:** Nhân duyên nào mà khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không có thể tướng tất cả các pháp”?

**Đáp:** Đối với kinh điển thậm thâm Như Lai đã thuyết, pháp tương tự thậm thâm lìa ngôn thuyết, kia không thể như thật chánh giác liễu. Lại ở nơi

sự an lập pháp tướng, không như chánh lý tư duy nên khởi không kiến, kia bèn tác nghị: “Quyết định không có thể tướng các pháp”.

Nay xin hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, tức là có sự thọ nghiệp khi sống, có sự thọ nghiệp sau khi chết, hay tất cả đều là sự thọ nghiệp khi sống?

Nếu nói đều có, vậy thì như trước ông nói không có bố thí, không có ái dưỡng, không có tế tự, không có diêu hạnh, không có ác hạnh, không có nghiệp quả dị thực diêu hạnh ác hạnh, không thể gian đây, không thể gian kia thấy đều không đúng đạo lý.

Nếu nói không có sự thọ nghiệp sau khi chết, vậy thì có kẻ tạo tác chủng chủng hành nghiệp tịnh và bất tịnh, rồi kia mạng chung, lẽ đâu lúc còn sống kia thọ hết tất cả nghiệp quả dị thực tịnh và bất tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, nếu từ thai tạng của kia và từ chủng tử của kia mà được sanh ra, thì những kẻ kia là cha mẹ hay chẳng phải cha mẹ?

Nếu nói là cha mẹ, vậy thì như trước ông nói không cha không mẹ là không đúng đạo lý. Nếu nói kia chẳng phải cha mẹ, thì từ thai tạng kia và

từ chủng tử kia được sanh ra, mà nói kia chẳng phải cha, chẳng phải mẹ là không đúng đạo lý.

Nếu lúc làm cha mẹ, thì lúc đó không phải là thiếu nam, thiếu nữ. Nếu lúc còn là thiếu nam thiếu nữ, bấy giờ chẳng phải là cha mẹ. Nói vậy thì không mắc lỗi bất định.

Lại ông muốn thế nào, có chúng sanh thọ sanh ở cõi kia mà thiên nhãn không thấy đến, hay là không có?

Nếu nói là có, mà trước ông nói không có chúng sanh, thì không đúng đạo lý. Nếu nói là không, thì bác bỏ những người lìa dục tưởng, người lìa dục sắc, người lìa dục ba cõi. Đây không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tánh A-la-hán mà ở nơi kia khởi tăng thượng mạn là có, hay là không có?

Nếu nói có, thì trước đây ông nói thế gian nhất định không có chân thật A-la-hán, là không đúng đạo lý. Nếu nói không có, mà lại có người phát khởi tư duy bất chánh điên đảo tự cho mình là A-la-hán, do vậy mà thành chân thật A-la-hán, thì càng không đúng đạo lý.

Lại nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, tướng pháp viên thành thật, tướng pháp y tha khởi và

tướng pháp biến kế sở chấp là có, hay là không có?

Nếu nói có, mà ông nói không có thể tướng các pháp, thì không đúng đạo lý. Nếu nói là không, tức là không có điền đảo, cũng không có nhiễm tịnh, điều này không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì sự thọ nghiệp lúc sống, vì sự thọ nghiệp sau khi chết, vì chẳng phải không quyết định, vì có sanh xứ, vì có tăng thượng mạn, vì có ba chủng tướng, nên biết luận không kiến đều không đúng đạo lý.

#### **14. Phái luận vọng kế chấp tối thắng:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Bà-la-môn là chủng loại thù thắng hơn cả, Sát-đế-lợi... là chủng loại hạ liệt. Bà-la-môn là sắc loại da trắng sạch, chủng khác là sắc loại da đen ố. Chủng Bà-la-môn có thể được thanh tịnh, chủng loại khác không thể được thanh tịnh. Các Bà-la-môn là con Phạm vương, từ miệng, bụng Đại Phạm vương mà được sanh ra. Sanh ra từ Phạm, hóa ra từ Phạm, là con nối dõi của Phạm vương”. Đây là những Bà-la-môn trong kiếp đấu tranh đã kế chấp cho là như vậy.



**Hỏi:** Nhân duyên nào các Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** như trước đã thuyết.

**Lý:** Như có người có tánh tầm tư, cho đến nói rộng. Kể kia thấy trong thế gian có chân thật Bà-la-môn đầy đủ tánh giới, vì tham danh lợi và cung kính nên kế chấp luận cho là như vậy.

Nay xin hỏi kia: Ông muốn thế nào, chủng loại khác mới từ cha mẹ sanh ra, hay là Bà-la-môn cũng vậy?

Nếu chỉ có chủng loại khác, vậy thì thế gian hiện thấy các Bà-la-môn từ mẹ sanh ra, tức là ông đã phỉ báng việc hiện tại, cho nên không đúng đạo lý. Nếu Bà-la-môn cũng vậy, thì ông trước đã nói các Bà-la-môn là chủng loại thù thắng hơn cả, Sát-đế-lợi là chủng loại thấp... điều này không đúng đạo lý.

Như từ mẹ được sanh ra, thì làm nghiệp bất thiện, làm nghiệp thiện, tạo thân ngũ ý ác hạnh, tạo thân ngũ ý diệu hạnh, ở trong hiện pháp thọ quả ái, bất ái, ở đời sau sanh trong các thiện thú, hoặc sanh các ác thú... nên biết cũng vậy.

Hoặc ba xứ hiện tiền, là kia là đây, do kia do

đây nhập vào thai mẹ, từ đó sanh ra. Hoặc tập học các công xảo xứ thế gian, hoặc làm các sự nghiệp thiện, bất thiện, hoặc làm vua, hoặc làm thần dân... Hoặc nhảy bén, hoặc tăng tiến đầy đủ, hoặc vì vua xem xét ghi chép, hoặc làm chức cấp thị, hoặc không xem xét ghi chép... Hoặc là pháp già bệnh chết, hoặc không phải pháp già bệnh chết, hoặc tu phạm trụ nên sanh ở cõi Phạm thế, hoặc không phải như vậy. Hoặc tu pháp Bồ-đề phần, hoặc không tu tập. Hoặc ngộ Thanh văn Bồ-đề, hoặc Độc giác Bồ-đề, hoặc Vô thượng Bồ-đề, hoặc không như vậy... Tất cả đều không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tức là từ chủng loại sanh thù thắng hơn nên gọi là vượt hơn, hay là do giới, văn... thù thắng hơn mà gọi là vượt hơn?

Nếu từ chủng loại sanh thù thắng hơn mà gọi là vượt hơn, thì ông nói ở trong tế tự lấy giới, văn... thù thắng hơn, là không đúng đạo lý.

Nếu do giới, văn... thù thắng hơn mà gọi là vượt hơn, thì như ông đã nói ở trước rằng Bà-la-môn là chủng loại thù thắng hơn cả, còn lại là loại hạ tiện, không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì xuất sanh, vì tạo nghiệp, vì thọ

sanh, vì công xảo nghiệp xú, vì tăng thượng, vì kia xem xét ghi chép, vì phạm trụ, vì tu giác phần, vì chứng Bồ-đề, vì giới văn thù thắng hơn... nên biết luận vọng kế chấp tối thắng đều không đúng đạo lý.

### **15. Phái luận vọng kế chấp thanh tịnh:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu ta đắc giải thoát, tâm được tự tại, quán sát được tự tại, ở trong các ngũ dục của cõi trời vi diệu ta sẽ nhiếp thọ đấm trước bền chắc, du hí nô đùa khoái lạc, tùy ý thích thọ dụng. Đây gọi là hiện pháp niết-bàn thanh tịnh bậc nhất”.

Lại có ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có pháp lìa dục ác bất thiện được an trụ đầy đủ ở Sơ tinh lự, cho đến được an trụ đầy đủ ở Đệ tứ tinh lự, đây được gọi là hiện pháp niết-bàn thanh tịnh bậc nhất”.

Lại có ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có chúng sanh tắm rửa thân thể ở sông Tôn-đà-lợi-ca, thì các ác vốn có thấy đều được trừ diệt. Như tắm rửa thân thể trừ các ác nghiệp ở sông Tôn-đà-lợi-ca, thì tắm rửa thân thể ở sông

Bà-hồ-đà, sông Tát-phạt-để, sông Căng-già... để trừ diệt các ác nghiệp nên biết cũng vậy”.

Lại có ngoại đạo vọng kế chấp trì cầu giới cho là thanh tịnh, hoặc trì ngũ giới, hoặc trì mực đen giới, hoặc trì lộ hình giới, hoặc trì tro giới, hoặc trì tự hành khổ giới, hoặc trì phần uest giới... kế chấp cho đây là thanh tịnh.

Đây là những ngoại đạo chủ trương hiện pháp niết-bàn và ngoại đạo chủ trương nước thanh tịnh... đã vọng kế chấp cho là như vậy.

**Hỏi:** Nhân duyên nào các ngoại đạo kia khởi kiến như thế, lập luận như thế?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** như trước đã thuyết.

**Lý:** Như người có tánh tầm tư, cho đến nói rộng. Kể kia cho là có sự tự tại tùy ý, dục tự tại, quán hành tự tại, tiếng tốt thanh tịnh, nhưng lại không như thật biết tướng chân thật của sự tự tại. Lại như có người kế chấp: “Nếu tự hành khổ thân sẽ giải thoát khỏi các điều ác của thân, hoặc tạo tác các việc làm ác cũng sẽ giải thoát khỏi các tội ác kia”.

Nay xin hỏi kia: Ông muốn thế nào, nếu có

người đối với năm diệu dục mà thọ lạc chơi đùa là đã lìa dục tham, hay chưa lìa dục tham?

Nếu đã lìa dục tham, mà lại đối với năm diệu dục thế gian chơi đùa thọ lạc, thì không đúng đạo lý. Nếu chưa lìa dục tham, mà kế chấp tự cho là giải thoát thanh tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, các bậc đã đắc Sơ tĩnh lự cho đến an trụ đầy đủ Đệ tứ tĩnh lự là đã lìa tất cả dục tham, hay là chưa lìa tất cả dục tham?

Nếu nói đã lìa tất cả dục tham, mà chỉ an trụ đầy đủ cho đến Đệ tứ tĩnh lự, thì không đúng đạo lý. Nếu nói chưa lìa tất cả dục tham, mà tự kế chấp cho là đã đắc cứu cánh giải thoát thanh tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, do bên trong thanh tịnh mà cứu cánh thanh tịnh, hay do bên ngoài thanh tịnh mà được cứu cánh thanh tịnh?

Nếu do bên trong thanh tịnh mà cứu cánh thanh tịnh, nhưng lại kế chấp cho là tắm gội trong sông mà được thanh tịnh, thì không đúng đạo lý. Nếu do bên ngoài thanh tịnh mà cứu cánh thanh tịnh, vậy thì bên trong đủ tham sân si... tất cả cấu uế, chỉ riêng trừ cấu ở bên ngoài mà tự kế chấp cho

là được sạch tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, tức do chấp thọ vật tịnh mà được thanh tịnh, hay là chấp thọ vật bất tịnh mà được thanh tịnh?

Nếu do chấp thọ vật tịnh mà được thanh tịnh, vậy thì người thế gian đều biết chớ... là vật bất tịnh, mà ông lập kế chấp cho là trì cầu giới... được thanh tịnh, thì không đúng đạo lý. Nếu do chấp thọ vật bất tịnh mà được thanh tịnh, vậy thì tự thể là bất tịnh mà khiến vật khác được tịnh, thì không đúng đạo lý.

Lại ông muốn thế nào, các kẻ thọ cầu giới... là thân hành hạnh tà ác mà được thanh tịnh, hay là thân hành chánh diệu hạnh mà được thanh tịnh?

Nếu do hành hạnh tà ác, mà kế chấp cho là thanh tịnh, thì không đúng đạo lý. Nếu do hành chánh diệu hạnh, thì việc trì cầu giới... tức là hoang đường, mà lại kế chấp năng được thanh tịnh thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì ly dục không ly dục, vì ở trong ở ngoài, vì thọ tịnh bất tịnh, vì tà hạnh chánh hạnh, nên biết luận vọng kế chấp thanh tịnh đều không đúng đạo lý.

**16. Phái luận vọng kế chấp kiết tường:**

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu ở thế gian nhật thực, nguyệt thực, tinh tú vận hành sai lệch, thì việc mong muốn đều không thành tựu. Nếu tùy thuận theo nhật nguyệt tinh tú kia, thì điều mong muốn đều thành. Vì nghĩa đây nên phải tinh cần cúng dường nhật nguyệt tinh tú... đốt đèn, tụng chú, trưng bày cỗ tranh, quả tần-loa...”. Đây là những kẻ ngoại đạo xem tính ngày giờ đã tạo ra vọng kế chấp như vậy.

**Hỏi:** Nhân duyên nào ngoại đạo kia khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

**Đáp:** Do giáo và lý.

**Giáo:** như trước đã thuyết.

**Lý:** Như người có tánh tâm tư, cho đến nói rộng. Do kia thành tựu tinh lự thế gian, nên được thế gian gọi là A-la-hán. Có kẻ muốn được giàu sang phú quý, cầu mong được quả toại ý nên đến thỉnh hỏi. Nhưng kia không như thật biết đạo lý nghiệp quả tương ưng, đạo lý duyên sanh, chỉ thấy thế gian có nhật thực, nguyệt thực, tinh tú chuyển vận trên trời. Nhầm lúc quả báo nghiệp tịnh, bất

tịnh của chúng sanh thành thực, kẻ kia bèn nương đây vọng kế chấp cho là do nhật nguyệt... tạo thành. Lại vui tin việc đây nên kiến lập hiển nói.

Nay xin hỏi kia: Ông muốn thế nào, tất cả mọi việc trên thế gian hưng thịnh, suy giảm là do nhật thực, nguyệt thực, tinh tú... tạo ra, hay do nghiệp tịnh, bất tịnh tạo ra?

Nếu nói do nhật nguyệt, tinh tú tạo ra... vậy thì hiện thấy người tận hết thọ mạng, tùy theo nghiệp phước phi phước đã tạo mà cảm quả hưng thịnh suy giảm, khổ vui... sai khác, thì không đúng đạo lý. Nếu do nghiệp tịnh, bất tịnh tạo ra, mà tác kế chấp cho là do nhật nguyệt... tạo ra, thì không đúng đạo lý.

Tóm lại, vì nhật nguyệt... tạo ra, vì nghiệp tịnh bất tịnh tạo ra, nên biết luận vọng kế chấp kiết tường đều không đúng đạo lý.

Mười sáu chủng dị luận như vậy, do hai chủng môn là giáo và lý phát khởi quán sát. Vì đạo lý chân chánh thúc đẩy truy cầu quán sát, ở đây tất cả chủng dị luận trên đều không đúng lý.



## *Quyển 8*

### **Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA**

### **Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA**

### **Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA**

#### **Phần 5**

### **E. Dùng tạp nhiễm để thi thiết kiến lập ba địa:**

Nên biết có 3 chủng tạp nhiễm. Những gì là ba? **1.** Phiền não tạp nhiễm; **2.** Nghiệp tạp nhiễm; **3.** Sanh tạp nhiễm.

#### **E<sub>1</sub>. Phiền não tạp nhiễm:**

Ốt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh hoặc phân biệt  
Nhân, vị, cùng với môn,  
Phẩm thượng, điên đảo nhiếp  
Sai biệt, các quá hoạn.*

**1.** Vì tự tánh; **2.** Vì phân biệt; **3.** Vì nhân; **4.** Vì vị; **5.** Vì môn; **6.** Vì phẩm thượng; **7.** Vì điên đảo nhiếp; **8.** Vì sai biệt; **9.** Vì quá hoạn mà rõ biết được phiền não tạp nhiễm. Nay Ta sẽ giải thích.

### **1. Tự tánh phiền não:**

Đó là nếu khi pháp sanh, tướng kia tự nhiên khởi không tịch tĩnh. Do tướng kia khởi nên hành chuyển không tịch tĩnh tương tục. Đây gọi là tự tánh phiền não.

### **2. Phân biệt phiền não:**

Hoặc lập một chủng: do nghĩa phiền não tạp nhiễm.

Hoặc phân làm 2 chủng: kiến đạo sở đoạn, tu đạo sở đoạn.

Hoặc phân làm 3 chủng: hệ thuộc Dục, hệ thuộc Sắc và hệ thuộc Vô sắc.

Hoặc phân làm 4 chủng: hệ thuộc Dục ký, hệ thuộc Dục vô ký, hệ thuộc Sắc vô ký, hệ thuộc Vô sắc vô ký.

Hoặc phân làm 5 chủng: kiến khổ sở đoạn, kiến tập sở đoạn, kiến diệt sở đoạn, kiến đạo sở đoạn, tu đạo sở đoạn.

Hoặc phân làm 6 chủng: tham, khuể, mạn, vô minh, kiến, nghi.

Hoặc phân làm 7 chủng, đó là 7 chủng tùy miên: dục tham tùy miên, sân khuể tùy miên, có

tham tùy miên, mạn tùy miên, vô minh tùy miên, kiến tùy miên, nghi tùy miên.

Hoặc phân làm 8 chủng: tham, khuể, mạn, vô minh, nghi, kiến và 2 chủng thủ.

Hoặc phân làm 9 chủng, đó là 9 kiết: ái kiết, khuể kiết, mạn kiết, vô minh kiết, kiến kiết, thủ kiết, nghi kiết, tật đố kiết, keo lẩn kiết.

Hoặc phân làm 10 chủng: thân kiến, chấp biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tham, khuể, mạn, vô minh và nghi.

Hoặc phân biệt làm 128 phiền não bao gồm 10 phiền não ở trên, do mê chấp 12 chủng đế nên kiến lập phiền não.

Những gì gọi là 12 chủng đế? Đó là khổ đế, tập đế ở Dục giới; khổ đế, tập đế ở Sắc giới; khổ đế, tập đế ở Vô sắc giới. Quả biến trí kia tăng thượng ở Dục giới, biến trí kia hiển bày diệt đế, đạo đế. Quả biến trí kia tăng thượng ở Sắc giới, biến trí kia hiển bày diệt đế, đạo đế. Quả biến trí kia tăng thượng ở Vô sắc giới, biến trí kia hiển bày diệt đế, đạo đế. Đây là 12 chủng.

Trong đó, khổ đế, tập đế ở Dục giới và tăng thượng diệt đế, đạo đế ở Dục giới có đủ 10 phiền

não mê chấp.

Khổ đế, tập đế ở Sắc giới và tăng thượng diệt đế, đạo đế ở Sắc giới, trừ sân, còn lại đủ các phiền não mê chấp khác.

Như ở Sắc giới, thì ở Vô sắc giới cũng vậy.

Ở trong tu đối trị Dục giới có 6 phiền não mê chấp, đó là 10 phiền não trên trừ tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi.

Ở trong tu đối trị Sắc giới có 5 phiền não mê chấp, tức 6 phiền não mê chấp ở trên trừ sân.

Như ở trong tu đối trị Sắc giới, thì ở trong đối trị tu Vô sắc giới cũng vậy.

Như mê chấp, thì chương ngại cũng vậy.

Tát-ca-da kiến: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, tùy quán sát chấp 5 chủng thủ uẩn, dùng tuệ nhiệm ô phân biệt hoặc không phân biệt làm thế.

Chấp biên kiến: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, chấp 5 thủ uẩn là tánh ngã, tùy quán chấp là đoạn, là thường. Dùng tuệ nhiệm ô phân biệt hoặc không phân biệt làm thế.

Tà kiến: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý, bác bỏ nhân, bác bỏ quả, bác bỏ tác dụng, hủy hoại việc chân thật. Chỉ dụng tuệ nhiệm ô phân biệt làm thể.

Kiến thủ: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Lấy thân kiến, chấp biên kiến, tà kiến và sở y, sở duyên, sở nhân câu hữu với pháp tương ứng, so sánh với các kiến khác. Chấp tùy quán cho là tối, là thượng, là thắng diệu bậc nhất. Chỉ dụng tuệ nhiệm ô phân biệt làm thể.

Giới cấm thủ: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Ở nơi thấy kia mà tùy hành hoặc giới hoặc cấm và sở y, sở duyên, sở nhân câu hữu với các pháp tương ứng... Tùy quán hết thấy chấp là thanh tịnh, là giải thoát, là xuất ly. Chỉ dụng tuệ nhiệm ô phân biệt làm thể.

Tham: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm. Đối với cảnh giới khả ái trong và ngoài, dụng niệm trước hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt làm thể.

Khuê: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe

pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, đối với cảnh giới không khả ái trong và ngoài, dụng giận ghét hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt làm thể.

Mạn: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, đối với việc cao thấp hơn kém trong và ngoài, dụng cao cử hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt làm thể.

Vô minh: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Do hành chuyển theo thất niệm, đối với các việc đã nhận biết, dụng nhiễm ô vô tri hoặc phân biệt, hoặc không phân biệt làm thể.

Nghi: do thân cận kẻ bất thiện, lắng nghe pháp bất chánh, không như lý tác ý. Ở nơi các việc nhận biết, chỉ dụng phân biệt hiểu biết khác làm thể.

### **3. Nhân phiền não:**

Nên biết có 6 chủng: 1. Do sở y; 2. Do sở duyên; 3. Do thân cận; 4. Do tà giáo; 5. Do lớp lớp tập quen; 6. Do tác ý. Do sáu nhân đây, nên các phiền não được sanh khởi.

Do sở y: tức là tùy miên khiến các phiền não khởi.

Do sở duyên: tức là cảnh giới hiện tiền, thuận theo phiền não.

Do thân cận: tức là tùy học theo kẻ bất thiện.

Do tà giáo: tức là lắng nghe pháp bất chánh.

Do lớp lớp tập quen: tức là thế lực sâu dày của việc tập quen trong quá khứ.

Do tác ý: tức là do phát khởi tác ý không như lý, nên các phiền não sanh khởi.

#### **4. Vị phiền não:**

Nên biết lược có 7 chủng: 1. Vị tùy miên; 2. Vị triền; 3. Vị phân biệt khởi; 4. Vị câu sanh; 5. Vị nhuyến; 6. Vị trung; 7. Vị thượng.

Do 2 duyên là chỗ tùy miên của phiền não tùy miên: 1. Do chủng tử theo đuổi; 2. Do việc kia tăng thượng.

#### **5. Môn phiền não:**

Nên biết phiền não lược do 2 môn nào loạn, đó là: do môn triền và do môn tùy miên.

Môn triền nào loạn có 5 chủng: 1. Do không trụ tịch tĩnh; 2. Do chướng ngại thiện; 3. Do phát khởi ác

thú, ác hạnh; 4. Do nhiếp thọ pháp hạ tiện hèn kém ở hiện tại; 5. Do năng chiêu cảm các khổ như sanh...

Môn tùy miên não loạn: đó là cùng các triền tạo ra sở y và năng dẫn phát các khổ như sanh...

Lại do 7 môn, tất cả phiền não năng làm chướng ngại ở vị kiến và tu: 1. Vì tà hiểu biết; 2. Vì không hiểu biết; 3. Vì hiểu biết, không hiểu biết; 4. Vì mê chấp theo tà hiểu biết; 5. Vì chỗ nương của nhân kia; 6. Vì sợ sanh kia; 7. Vì nhậm vận hiện hành.

### **6. Tướng phiền não phẩm thượng:**

Đó là tướng mãnh lợi và tướng rất nặng nề. Tướng đây lược có 6 chủng: 1. Do phạm; 2. Do sanh; 3. Do tương tục; 4. Do sự; 5. Do khởi ác nghiệp; 6. Do rốt ráo.

Do phạm: tức là do phiền não triền đây nên hủy phạm tất cả sở hữu học xứ.

Do sanh: tức là do đây nên sanh ở trong khổ ác thú Dục giới.

Do tương tục: tức là kẻ hành tham không pháp Niết-bàn có các căn triền chuyển thành thực cho đến, thiếu niên, tráng niên.



Do sự: tức là duyên ruộng đáng tôn trọng mà khởi, hoặc duyên ruộng công đức mà khởi, hoặc duyên ruộng không nên hành mà khởi.

Do khởi ác nghiệp: tức là do phiền não triền đây, dụng tâm vui mừng hơn hờ tăng thượng, nên khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp.

Do rốt ráo: tức là tự tánh phiền não đây nhiếp thuộc phẩm thượng, đạo đối trị đoạn trừ đang ở vị phẩm nhuyển.

### **7. Diên đảo nhiếp của phiền não:**

Nên biết có 7 chủng: 1. Tưởng diên đảo; 2. Kiến diên đảo; 3. Tâm diên đảo; 4. Ở nơi thường, vô thường diên đảo; 5. Ở nơi khổ, lạc diên đảo; 6. Ở nơi tịnh, bất tịnh diên đảo; 7. Ở nơi ngã, vô ngã diên đảo.

Tưởng diên đảo: tức là ở nơi vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, mà khởi vọng tưởng phân biệt cho là thường, lạc, ngã, tịnh.

Kiến diên đảo: tức là ở nơi kia vọng tưởng phân biệt nhận chịu, có thể vui muốn, kiến lập chấp trước.

Tâm diên đảo: tức là ở trong sự chấp trước

kia, các phiền não tham... phát khởi.

Nên biết phiền não lược có 3 chủng: 1. Phiền não là căn bản điên đảo; 2. Phiền não là thể điên đảo; 3. Phiền não là đẳng lưu điên đảo. Căn bản điên đảo tức là vô minh. Thể điên đảo tức là thân kiến, một phần của chấp biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tham. Đẳng lưu điên đảo tức là tà kiến, một phần chấp biên kiến, khuể, mạn và nghi.

Trong đó thân kiến chính là ở nơi ngã, vô ngã điên đảo. Một phần chấp biên kiến chính là ở nơi thường, vô thường điên đảo. Kiến thủ chính là ở nơi tịnh, bất tịnh điên đảo. Giới cấm thủ chính là ở nơi khổ, lạc điên đảo. Tham gồm cả hai chủng là ở nơi tịnh bất tịnh điên đảo và ở nơi khổ lạc điên đảo.

### **8. Sai biệt phiền não:**

Nên biết phiền não có nhiều chủng sai biệt, đó là: kiết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, bạo lưu, ách, thủ, hệ, cái, chu ngọt, cấu, thường hại, tiền, sở hữu, căn, ác hạnh, lậu, quĩ, thiêu, não, có tranh, hỏa, cháy mạnh, trừ lâm, cùng chướng ngại.

Nên biết trong đây, khổ hòa hợp gọi là kiết. Do đây không thể tùy ý muốn hành thiện, gọi là

phược. Tất cả chủng tử thuộc thế gian theo đó triển chuyển tăng thượng, gọi là tùy miên. Tâm nhiễm điên đảo, gọi là tùy phiền não. Lốp lốp sanh khởi hiện hành, gọi là triền. Rất khó vượt qua, trôi nổi thuận theo dòng chảy, gọi là bạo lưu. Phương tiện tà hạnh, gọi là ách. Năng chấp thủ thân mình tương tục không ngừng, gọi là thủ. Khó có thể giải thoát, gọi là hệ. Che lấp nghĩa chân thật, gọi là cái. Làm hư hại ruộng lúa thiện, gọi là chu ngột. Tự tánh nhiễm ô, gọi là cấu. Thường hay làm hại, gọi là thường hại. Tướng không tịch tĩnh, đuổi theo xa lìa, gọi là tiễn. Năng nhiếp các sự việc nương tựa, gọi là sở hữu. Chỗ nương của bất thiện, gọi là căn. Tự tánh tà hạnh, gọi là ác hạnh. Tâm lưu động, gọi là lậu. Năng khiến thọ dụng không biết chán đủ, gọi là quý. Năng khiến chỗ muốn thích thường bị thiếu thốn, gọi là thiêu. Năng dẫn đến sự suy tổn, gọi là não. Năng làm nhân của đấu tranh kiện tụng, gọi là có tranh. Các củi thiện căn được tích tập bị thiêu đốt, nên gọi là hỏa. Như bệnh nóng sốt cao, gọi là cháy mạnh. Tự thân tích tập vô số như cây đại thọ, nên gọi là trù lâm. Năng khiến chúng sanh vui đắm chủng chủng diệu dục

trần, năng chướng ngại trong việc chứng đắc pháp xuất thế, gọi là cùng chướng ngại.

Các phiền não sai biệt như thế thấy, Đức Bạc-Già-Phạm tùy theo sự tăng trưởng của chủng chủng môn phiền não kia mà kiến lập.

Kiết có 9 chủng: ái kiết... như trước đã nói rộng.

Phược có 3 chủng: tham, sân và si.

Tùy miên có 7 chủng: dục tham tùy miên... như trước đã nói rộng.

Tùy phiền não có 3 chủng: tham, sân, si.

Triền có 8 chủng: không tầm, không quý, hôn trầm, thụ miên, trạo cử, ác tác, tật đố, keo lẩn.

Bạo lưu có 4 chủng: dục bạo lưu, hữu bạo lưu, kiến bạo lưu, vô minh bạo lưu.

Ách có 4 chủng: dục ách, hữu ách, kiến ách, vô minh ách.

Thủ có 4 chủng: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã ngữ thủ.

Hệ có 4 chủng: hệ do tham thân, hệ do sân thân, hệ do giới cấm thủ thân, hệ do chấp thủ cho thân đây thật có.

Cái có 5 chủng: tham dục cái, sân khuể cái, hôn

trầm thù miên cái, trạo cử ác tác cái, nghi cái.

Chu ngọt có 3 chủng: tham, sân, si.

Cấu, thường hại, tiền, sở hữu, ác hạnh có 3 chủng: tham, sân, si.

Căn có 3 chủng bất thiện căn: tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn.

Lậu có 3 chủng: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Quỹ có 3 chủng: tham, sân, si.

Thiêu, não, có tranh, hỏa, cháy mạnh, trừ lâm có 3 chủng: tham, sân, si.

Cùng chương ngại có 5 chủng: 1. Đoái luyến thân này; 2. Đoái luyến các dục; 3. Vui sống nơi các tướng tạp; 4. Khiếm khuyết trong việc thuận theo các sự dạy dẫn; 5. Được chút ít thiện liền sanh vui đủ.

### **9. Quá hoạn của phiền não:**

Nên biết có vô lượng. Đó là khi phiền não phát khởi, trước tiên tâm bị não loạn. Tiếp theo, ở nơi sở duyên phát khởi các sự điên đảo, khiến các tùy miên càng thêm vững chắc, khiến hành đẳng lưu tương tục chuyển. Năng dẫn đến hại mình, năng dẫn đến hại người, năng dẫn đến hại cả mình và người. Năng khiến hiện pháp sanh tội,

hậu pháp sanh tội, cả hai thời đều sanh tội. Năng khiến thân tâm thọ sanh ưu khổ. Năng dẫn sanh chủng chủng đại khổ. Năng khiến tương tục xa lìa lạc Niết-bàn. Năng khiến thối thất các thiện pháp thù thắng. Năng khiến tài bảo suy tổn tán thất. Năng khiến vào trong chúng không được vô úy, vì sợ hãi nên không uy nghiêm. Năng khiến danh xưng xấu ác lưu truyền khắp mười phương. Thường bị các bậc có trí quả trách, nên lúc lâm chung sanh buồn bã hối hận dày vò, khiến thân hoại rồi đọa các ác thú, sanh trong các địa ngục, khiến tự thân không thể chứng đắc nghĩa lợi ích thù thắng. Tất cả sự quá hoạn như vậy có vô lượng vô biên.

## **E<sub>2</sub>. Nghiệp tạp nhiễm:**

Ốt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh hoặc phân biệt  
 Nhân, vị, cùng với môn,  
 Phẩm tăng thượng, điền đảo  
 Sai biệt, các quá hoạn.*

**1.** Vì tự tánh; **2.** Vì phân biệt; **3.** Vì nhân; **4.** Vì vị; **5.** Vì môn; **6.** Vì phẩm thượng; **7.** Vì điền đảo; **8.**

Vì sai biệt; **9.** Vì quá hoạn mà có thể rõ biết được nghiệp tạp nhiễm. Nay Ta sẽ giải thích.

### **1. Tự tánh nghiệp:**

Đó là nếu khi pháp sanh, khởi tướng tạo tác. Vì kia sanh, nên thân hành, ngữ hành ở thời sau tạo tác chuyển. Đây gọi là tự tánh nghiệp.

### **2. Phân biệt nghiệp:**

Do 2 chủng tướng: **a.** Do tướng bổ-đặc-già-la sai khác; **b.** Do tướng pháp sai khác.

Lại 2 chủng đây, tức là 10 chủng nghiệp đạo thiện và bất thiện: 1. Sát sanh, là sát sanh; 2. Chướng cho mà lấy, là chướng cho mà lấy; 3. Dục tà hạnh, là dục tà hạnh; 4. Vọng ngữ, là vọng ngữ; 5. Ly gián ngữ, là ly gián ngữ; 6. Thô ác ngữ, là thô ác ngữ; 7. Ý ngữ, là ý ngữ; 8. Tham dục, là tham dục; 9. Sân khuể, là sân khuể; 10. Tà kiến, là tà kiến.

**a.** Do tướng bổ-đặc-già-la sai khác: đó là như kinh nói: “Những kẻ sát sanh...” cho đến nói rộng.

*Kẻ sát sanh* là câu chung. Bạo ác cùng cực: tức là vì tâm sát hại hiện tiền. Tay dính đầy máu: tức

là vì biến thành tướng giết hại thân mạng. Nắm giữ làm hại, sát hại cùng cực: tức là vì đoạn mạng kia, vì phân chia thân phần, vì kế sanh nhai. Không có tâm xấu hổ: tức là vì tự mình sanh tội. Không có tâm ai mẫn: tức là vì dẫn kia đến chỗ không có lòng yêu thương.

Có ngoại đạo xuất gia tên là Vô Hệ nói rằng: “Những chúng sanh ở trong khoảng 100 du-thiện-na, hoặc có luật nghi hoặc không luật nghi”. Để đối trị, nên nói lời rằng: “Khắp tất cả chỗ đều là hữu tình”. Ngoại đạo kia lại nói rằng: “Các vật bên ngoài như cây cỏ... cũng có sinh mạng vậy”. Để đối trị kia, nên nói: “Chỗ chúng sanh chân thật”. Đây tức hiển thị phước đức chân thật, xa lìa đối trị và hiển thị phước đức không thật, xa lìa đối trị. Như vậy các câu đã nói hiển thị gia hạnh sát hại. Cho đến các chỗ chúng sanh cực thấp bé nhiều vô kể như trứng kiến: hiển thị sự giết hại không có chọn lựa. Đối với việc sát sanh nếu chưa xa lìa: hiển thị gặp duyên có thể xa lìa. Cho đến chưa xa lìa thì trở lại gọi là kẻ sát sanh: tức tóm lược nghĩa các câu trên, đó là hiển thị tướng mạo sát sanh, hành động sát sanh, nhân duyên sát sanh và việc dụng



sát sanh sai khác.

Lại tóm lược nghĩa, đó là hiển thị sát sanh như thật, sát sanh sai khác, sát hại vật, gọi là kẻ sát sanh. Lại các câu đây hiển thị tướng bổ-đặc-già-la năng sát sanh, không phải hiển thị tướng pháp sát sanh.

Lại nữa, *kẻ chẳng cho mà lấy* là câu chung. Đối với sở hữu của người khác: tức là những vật như tiền của lúa gạo... thuộc sở hữu của người khác. Hoặc ở tụ lạc: tức là các vật kia ở trong tụ lạc, hoặc được gom lại, hoặc được chuyển đi. Hoặc ở nơi yên tĩnh vắng vẻ: tức là các vật kia ở chốn vắng vẻ yên tĩnh, hoặc sanh sản, hoặc được gom lại, hoặc được chuyển đi. Đây gọi là các vật có thể trộm cắp: tức là những vật không cho, không bỏ, không xả. Hoặc tự mình cầm lấy: tức là cầm giữ lấy cho là thuộc sở hữu của mình. *Chẳng cho mà lấy*: tức là kẻ kia lúc tài vật bị thiếu hụt, giữ lấy cho là của mình. *Chẳng cho mà vui*: tức là vui thọ hành sự nghiệp trộm cắp. Đối với vật không cho, không xả, không bỏ, mà lại sanh mong cầu: tức là cướp đoạt vật kia muốn lấy làm của mình. Nếu chủ vật kia, chẳng phải vật trước đã cho, như việc trả nợ: đây gọi là

không cho. Nếu chủ vật kia đối với vật bị lấy kia mà chẳng xả cho: đây gọi là không xả. Nếu chủ vật kia không thuận theo sự mong muốn thọ dụng của các chúng sanh mà bỏ: đây gọi là không bỏ. Tự mình hành động mà lấy: tức là vì chẳng cho mà lấy và vì chẳng cho mà vui. Tham lam mà lấy: tức là đối với các vật không cho, không xả, không bỏ, mà mong cầu. Không trong sạch mà lấy: tức là đối với vật tranh giành, bị người khác thắng, không trong sạch. Bất tịnh mà lấy: tức là tuy thắng hơn người nhưng vì cấu quá thất nhiễm ô. Có tội mà lấy: tức là vì năng nhiếp thọ quả phi ái ở hiện pháp, hậu pháp. Nếu chưa xa lìa đối với chẳng cho mà lấy: nên biết như trước đã thuyết trong “tướng sát sanh”. Các nghiệp đạo còn lại cũng vậy.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là do trộm cắp nên thành chẳng cho mà lấy. Hoặc ở chỗ đây dời qua chỗ khác, cố ý trộm cắp. Do trộm cắp nên mắc phải các lỗi lầm. Đây gọi là nghĩa tổng quát.

Lại trong đây chỉ hiển tướng bỏ-đặc-già-la chẳng cho mà lấy, không phải tướng pháp chẳng cho mà lấy. Nên biết nghiệp đạo còn lại cũng vậy.

Lại nữa, *kẻ dục tà hạnh* là câu chung. Việc thủ

hộ của các bậc cha mẹ...: tức là cha mẹ vẫn còn sống, đối với con gái mình, chưa về nhà chồng nên phải trông nom quán sát, không để cùng người khác làm việc xấu xa. Nếu cha mẹ qua đời, thì được người thân là anh chị em giữ gìn. Nếu không có anh chị em thì phải được một người thân khác thủ hộ. Nếu lại không có, thì tự bản thân vì sợ hoại đến gia phong nên cần phải tự giữ gìn. Hoặc kia có cô cậu, vì là cháu mình nên cần phải thủ hộ. Có trị phạt: tức là các quốc vương. Hoặc người hành theo luật pháp: tức người này dùng pháp trị phạt để thủ hộ. Có chướng ngại: tức là sự thủ hộ của người giữ cửa. Trong đây lược nêu rõ ba loại thủ hộ đối với người con gái chưa về nhà chồng: 1. Sự thủ hộ của những người chí thân, quyến thuộc đáng tôn trọng của mình; 2. Sự thủ hộ của quan, người thực thi luật pháp; 3. Sự thủ hộ của những người giữ cửa. Thê thiếp của người khác: tức là đã có chồng. Thuộc về người khác: tức là chưa đi lấy chồng, được sự thủ hộ của ba loại trên. Hoặc do hung trá: tức là tự mình đối gạt, làm việc tà hạnh. Hoặc do sức mạnh: tức là đối trước cha mẹ của kia, ngang nhiên dùng sức mạnh cưỡng bức. Hoặc do ẩn núp: tức là tương trộm

cước, không đối mặt với kia. Vui muốn hành hạnh tà dục: tức là hai bên cùng giao hội. Ở nơi việc đây, tâm dục không phải đạo lý mà hành tà hạnh: tức là ở nơi không phải đạo, không phải chỗ, không phải lúc, đối với thê thiếp của mình mà gây tội.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là lược hiển thị sở hành của kẻ kia, hoặc hành sai khác, hoặc ham muốn tà hạnh.

Lại nữa, *kẻ vọng ngữ* là câu chung. Hoặc vua: tức là nhà vua. Hoặc người thừa hành: tức là các nhà chức trách. Hoặc những người khác: tức là trưởng giả, cư sĩ. Hoặc nhiều người: tức là những người kia tụ tập. Hoặc tập trung đông đảo: tức là những người bốn phương tụ tập lại đông đảo. Hoặc đã biết: tức là lời nói theo những việc đã diễn ra trước kia. Hoặc đã thấy: tức là lời nói theo những việc diễn ra đã từng thấy. Hoặc do nhân của mình: tức là hoặc nhân sợ hãi, hoặc nhân đấm trước mùi vị. Như do nhân của mình, thì do nhân của người khác cũng vậy. Nhân sợ hãi: tức là do sợ bị giết, sợ bị trói, sợ bị trừng phạt, sợ bị cách chức, sợ bị đánh đập. Nhân đấm trước mùi vị: tức là bị mê đấm bởi tài vật trân bảo. Biết mà nói vọng ngữ:

tức là lời nói có ý che giấu.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là vì nương dựa, vì nói khác, vì nhân duyên, vì hoại tướng mà nói vọng ngữ.

Lại nữa, *kẻ nói lời ly gián* là câu chung. Hoặc vì phá hoại: tức là do ý vui muốn phá hoại. Nghe người kia nói rồi hướng đến người đây nói, nghe người đây nói rồi hướng đến người kia nói: tức là theo việc đã được nghe, phải nói thành trái, trái nói thành phải, dùng lời gây chia rẽ. Phá hoại sự hòa hợp: tức là hay vui muốn sanh khởi sự chia rẽ. Theo sự việc thích hợp mà gây chia rẽ: tức là năng khiến trái lìa, liền sanh vui vẻ. Vui thích hoại sự hòa hợp: tức là ở trong ý đã sanh vui thích gây ra sự chia rẽ, chuyển thành tâm nhiễm ô. Vui thích với sự chia rẽ: tức là đối với việc trái lìa chia rẽ liền sanh vui vẻ, chuyển thành tâm nhiễm ô. Hay nói lời ly gián: tức là hoặc không nghe, hoặc phương tiện khác.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là lược hiển thị ý vui ly gián, ly gián chưa hoại phương tiện, ly gián đã hoại phương tiện, ly gián tâm nhiễm ô và phương tiện khác.

Lại nữa, *kẻ nói lời thô ác* là câu chung. Trong

đây, lời nói nhiếp thuộc chi Thi-la, gọi là lời không nhiều động. Văn câu mượt mà, gọi là êm tai. Tăng thượng muốn hiểu, phát khởi không phải là giả ngụy, không phải là siểm mị, gọi là xứng tâm. Không nói thêm lên, nên lời tùy lúc khéo dẫn nghĩa lợi, gọi là khả ái. Hướng đến cung Niết-bàn, gọi là dẫn đầu. Văn câu tế nhị, gọi là mỹ diệu. Văn câu khéo giải thích, gọi là phân minh. Hiển nhiên nhưng có thú hướng, gọi là dễ có thể hiểu rõ. Nhiếp thọ chánh pháp, gọi là thí công sức. Lời nói phát khởi tâm lìa ái vị, gọi là không chỗ nương tựa. Không vượt quá độ lượng, gọi là không chán nghịch. Rộng lớn tương tục không ngừng, gọi là vô biên vô tận.

Lại, từ lời không nhiều động cho đến lời vô biên vô tận lược nhiếp làm 3 chủng lời nói: 1. Lời nói nhiếp thuộc Thi-la luật nghi, có 1 chủng; 2. Lời nói khiến tất cả hoan hỷ, bao gồm 3 chủng; 3. Lời nói thuyết pháp, bao gồm các lời còn lại. Lời nói thứ ba đây lại có 3 chủng: 1. Lời nói hướng đến sự viên mãn, đó là lời nói thứ nhất; 2. Lời nói văn từ viên mãn, đó là lời nói thứ hai; 3. Lời nói phương tiện viên mãn, đó là lời nói còn lại.

Lại ở đời vị lai có vui khả ái, gọi là lời nói khả

ái. Ở đời quá khứ có vui khả ái, gọi là lời nói khả lạc. Ở đời hiện tại lãnh thọ vui khả ái, gọi là lời nói khả hân và lời nói khả ý. Nên biết lời nói khiến tất cả hoan hỷ, gọi là lời nói khiến vô lượng chúng sanh khả ái, khả lạc, khả hân, khả ý. Lời nói thuyết pháp, gọi là lời nói tam-ma-hí-đa. Lời nói thuộc Thi-la, gọi là lời nói do vô hối, lần lượt năng dẫn đến tam-ma-địa. Trong đây, lời nói châm chích: tức là lời hủy nhục người khác, vì sân độc phát ra. Lời thô ác: tức là lời náo loạn người, vì phát sanh cảm xúc đau khổ. Các lời thô ác còn lại thì như trong phẩm bạch ở trước đã thuyết.

Lại nữa, *kẻ nói lời ý ngữ* là câu chung. Khi tà cử tội, có 5 chủng tà cử tội: 1. Vì cử tội không phải thời, gọi là lời nói phi thời; 2. Vì cử tội không thật, nên gọi là lời nói không thật; 3. Vì cử tội dẫn vô nghĩa, nên gọi là lời nói phi nghĩa; 4. Vì cử tội hung ác thô thiển, gọi là lời nói phi pháp; 5. Vì cử tội hợp với sân khúe, nên gọi là lời nói không tịch tĩnh.

Lại lúc tà thuyết pháp, không chánh tư duy sâu xa mà vọng tuyên thuyết, gọi lời nói không biết suy lường. Vì muốn vượt hơn người nghe mà tuyên thuyết, gọi là lời nói không tịch tịnh. Phi thời mà

thuyết, nghĩa thú trước sau không tương ứng với nhau, gọi là lời nói tạp loạn. Không đúng lý nhân mà tuyên thuyết, gọi là lời nói không có dạy dẫn. Dẫn lời không tương ứng với thí dụ so sánh, gọi là lời nói không có dụ. Hiển sự ướm nhiệm, gọi là lời nói không có pháp. Lại lúc ca múa, cười đùa và lúc xem múa hát, vui đùa, hát chèo... có dẫn lời nói vô nghĩa.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là hiển thị lời nói ý ngữ ở ba thời, như trước đã thuyết.

Lại nữa, *kẻ tham dục* là câu chung. Do lòng tham mãnh lợi: tức là đối với vật thuộc sở hữu của người, sanh lòng tham tăng thượng muốn vật kia là sở hữu của mình, phát khởi quyết định giữ lấy. Tài vật: tức là các thứ tài sản vật chất của thế gian. Cửa cải: tức là những vật dụng để dùng. Hai chủng đây đều gọi chung là vật. Phạm vật sở hữu của kia nhất định sẽ thuộc về ta: tức đây hiển rõ hành tướng tham dục sanh khởi.

Sau đây lược nghĩa, đó là hiển thị tự tánh tham dục, sở duyên tham dục và hành tướng tham dục.

Lại nữa, *kẻ có tâm sân khuể* là câu chung. Ác ý phân biệt: tức là đối với hữu tình khác, do lực sân khuể tăng thượng nên muốn làm tổn hại, phát



khởi quyết định chấp giữ ý tưởng này. Phải giết: tức là muốn làm phương hại thân của kẻ kia. Phải hại: tức là muốn tổn hại thân của kia. Phải làm suy tổn: tức là muốn khiến tài vật kia bị hao tổn. Kẻ kia phải tự chuốc lấy chủng chủng ưu não: tức là muốn khiến kia tự hao mất tài vật.

Sau đây lược nghĩa, đó là hiển thị tự tánh sân khuể, sở duyên sân khuể và hành tướng sân khuể.

Lại nữa, *kẻ tà kiến* là câu chung. Khởi kiến như vậy: tức là hiển nghĩa tự tâm của người kia vui thích nói lên điều muốn nói. Lập luận như vậy: tức đây hiển nghĩa sắp truyền trao cho người điều muốn nói. Không có thí cho, không có ái dưỡng, không có tế tự: phát khởi 3 chủng đây là do lỗi bác bỏ 3 chủng ý vui bố thí: 1. Ý vui tài vật; 2. Ý vui thanh tịnh; 3. Ý vui thờ cúng chư thiên. Cho việc cúng dường lửa cho chư thiên gọi là tế tự.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ việc tu giới sanh thiên và hiển lỗi bác bỏ việc bố thí phát sanh thiện, nói lời như vậy: Không có diệu hành, không có ác hành.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ 3 chủng quả năng trị, sở trị, sở đắc, nói lời như vậy: Không có hai nghiệp quả diệu hạnh, ác hạnh và dị thực.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ duyên y xứ lưu chuyển, nói lời như vậy: Không có đời này, không có đời khác.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ duyên y xứ của kia và lỗi bác bỏ duyên chủng tử của kia, nói lời như vậy: Không có mẹ, không có cha.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ lưu chuyển sĩ phu, nói lời như vậy: Không có hữu tình hóa sanh.

Lại vì hiển lỗi bác bỏ lưu chuyển đối trị hoàn diệt, nói lời như vậy: Thế gian không có chân thật A-la-hán... cho đến nói rộng.

Đã hướng đến tịch tĩnh phiền não, gọi là chánh chí. Đối với các hữu tình xa lìa tà hạnh, hành hạnh không điên đảo, gọi là chánh hạnh. Lúc ở nhân, gọi là thế gian đây. Khi ở quả, gọi là thế gian kia. Tự lực của sĩ phu làm ra, gọi là tự nhiên thông huệ: tức là thức thứ sáu. Đã chứng: tức là vì kiến đạo. Cụ túc: tức là vì tu đạo. Hiển thị: tức là đối với điều mình đã biết, vì người khác tuyên thuyết. Ta sanh đã tận... nên biết còn lại như điều đã phân biệt.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là hiển thị báng nhân báng quả, phỉ báng công dụng, phỉ báng sự chân thật. Công dụng: tức là công dụng gieo trồng,

công dụng gìn giữ, công dụng đến đi, hoặc công dụng nghiệp cảm sanh.

Lại có sự lược nghĩa khác, đó là hiển thị sự phỉ báng hoặc nhân, hoặc quả, hoặc duyên lưu chuyển, hoặc sī phu lưu chuyển và phỉ báng lưu chuyển đối trị hoàn diệt. Lại nên biết phỉ báng lưu chuyển tức là phỉ báng nhân, không phỉ báng tự tướng. Phỉ báng hoàn diệt nên biết tức là phỉ báng công đức kia, không phỉ báng bổ-đặc-già-la.

Lại nữa, ở trước đã thuyết tất cả phẩm bạch, nên biết Ta nay sẽ thuyết loại phẩm bạch khác:

- Phần Dục tà hạnh: *Các bậc phạm hạnh* là câu chung. Nên biết đây do 3 chủng thanh tịnh mà được thanh tịnh: 1. Thời phần thanh tịnh; 2. Niềm tin thanh tịnh; 3. Chánh hạnh thanh tịnh.

Hành đến khi tận hết thọ mạng: hành lâu dài, tức đây hiển thị thời phần thanh tịnh.

Dứt sạch sự tranh cãi nên gọi là thanh, không trái vượt nên gọi là tịnh. Hai đây chung hiển thị niềm tin thanh tịnh.

Vì không dùng thân ái nhiễm chạm vào người nữ, gọi là xa lìa sanh xú ứ. Không làm chuyện xấu xa, hai bên cùng giao hội, gọi là xa lìa dâm dục.

Không lấy tay hay phương tiện khác xúc chạm để xuất bất tịnh, gọi là không phải ái thấp hèn. Nguyên thọ trì phạm hạnh, gọi là xa lìa pháp tàn tệ. Như vậy gọi là đầy đủ chánh hạnh thanh tịnh.

Nên biết những điều đã nói ở trên chỉ là tóm lược nghĩa.

- Phần Vọng ngữ: Khả tín: tức là có thể giao phó. Có thể giao phó: tức là có thể phó thác gửi gắm. Nên có thể kiến lập: tức là ở trong các sự việc kia, xa lìa đấu tranh, cho nên có thể kiến lập là người làm chứng chân chánh. Không có hư dối: tức là ở trong sự ủy thác giao phó cũng không hư dối, không lường gạt.

Sau đây tóm lược nghĩa, đó là hiển thị 3 chủng nhiếp thọ: 1. Dục giải nhiếp thọ; 2. Bảo hộ giữ gìn nhiếp thọ; 3. Tác dụng nhiếp thọ.

**b. Do tướng pháp sai khác:**

Sao gọi là sát sanh? Tức là đối với chúng sanh khác, khởi vui muốn giết hại, phát khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với kẻ kia khởi phương tiện sát giết, cùng hành chuyển thân nghiệp sát giết rõ ràng.

Sao gọi là chẳng cho mà lấy? Tức là đối với vật thuộc sở hữu người khác mà khởi vui muốn lấy, khởi

tâm nhiễm ô. Hoặc đối với vật kia khởi phương tiện trộm, cùng hành chuyển thân nghiệp trộm rất ráo.

Sao gọi là dục tà hạnh? Tức là đối với những điều không nên làm, đó là không phải đạo, không phải chỗ, không phải thời, mà khởi thói quen gần gũi vui muốn, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người kia, phương tiện khởi dục tà hạnh, cùng hành chuyển thân nghiệp dục tà hạnh rất ráo.

Sao gọi là vọng ngữ? Đối với hữu tình khác khởi vui thích nói lời đậy che, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người kia khởi phương tiện ngụy chứng và hành chuyển ngữ nghiệp ngụy chứng rất ráo.

Sao gọi là ly gián ngữ? Tức là đối với hữu tình khác khởi vui muốn phá hoại, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc tức đối với người kia khởi phương tiện phá hoại, cùng hành chuyển ngữ nghiệp phá hoại rất ráo.

Sao gọi là thô ác ngữ? Tức là đối với hữu tình khác khởi vui muốn nói lời thô, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người kia, phương tiện khởi lời nói thô cùng hành chuyển ngữ nghiệp thô ngữ rất ráo.

Sao gọi là ý ngữ? Tức là khởi vui muốn nói thêu dệt, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc tức đối người kia khởi lời nói phương tiện không tương ứng và hành

chuyển ngữ nghiệp không tương ưng rất ráo.

Sao gọi là tham dục? Tức là đối với các sở hữu thuộc người khác, vui muốn chiếm lấy, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với sở hữu của người, khởi vui muốn quyết định phương tiện lấy làm của mình cùng hành chuyển ý nghiệp rất ráo.

Sao gọi là sân khuể? Tức là đối với người khởi vui muốn làm hại, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người khởi vui muốn hại, phương tiện quyết định cùng hành chuyển ý nghiệp rất ráo.

Sao gọi là tà kiến? Tức là vui muốn khởi phỉ báng, khởi tâm nhiễm ô. Hoặc đối với người kia vui muốn quyết định phương tiện cùng hành chuyển ý nghiệp rất ráo.

Sao gọi là lìa sát sanh? Tức là đối với việc sát sanh, khởi dục giải quá hoạn và khởi tâm thiện thù thắng. Hoặc đối với người kia khởi dứt bỏ phương tiện và dứt bỏ rất ráo thân nghiệp hành chuyển sát sanh.

Như lìa sát sanh, thì lìa chẳng cho mà lấy cho đến lìa tà kiến nên biết cũng vậy. Trong đây có sự sai khác, đó là đối với việc chẳng cho mà lấy khởi dục giải quá hoạn, cho đến đối với tà kiến khởi dục

giải quá hoạn, khởi tâm thiện thù thắng. Hoặc đối với người kia khởi dứt bỏ phương tiện và dứt bỏ rốt ráo ý nghiệp hành chuyển tà kiến.

Như vậy 10 nghiệp đạo tóm lược thành 3 chủng, đó là thân nghiệp, ngữ nghiệp và ý nghiệp. Nếu mở rộng 3 chủng đây sẽ thành 10 chủng.

### 3. Nhân nghiệp:

Nên biết có 12 chủng tướng: 1. Tham; 2. Sân; 3. Si; 4. Do tự mình; 5. Do người khác; 6. Tùy chuyển theo người; 7. Vị yêu thích; 8. Hãi sợ; 9. Làm tổn hại; 10. Vui đùa; 11. Pháp tướng; 12. Tà kiến.

### 4. Vị nghiệp:

Nên biết lược thuyết có 5 chủng tướng: **a.** Vị hạ; **b.** Vị trung; **c.** Vị thượng; **d.** Vị sanh; **e.** Vị tập khí.

**a.** Do nghiệp bất thiện ở vị hạ, nên sanh trong bàng sanh. Những gì gọi là nghiệp bất thiện ở vị hạ? Tức là lấy tham, sân, si phẩm hạ làm nhân duyên.

Do nghiệp thiện ở vị hạ, nên sanh trong cõi người. Những gì gọi là nghiệp thiện ở vị hạ? Tức là lấy không tham, không sân, không si phẩm hạ làm nhân duyên.

**b.** Do nghiệp bất thiện ở vị trung, nên sanh trong ngạ quỷ. Những gì gọi là nghiệp bất thiện vị trung? Tức là lấy tham, sân, si phẩm trung làm nhân duyên.

Do nghiệp thiện ở vị trung, nên sanh trong cõi trời Dục giới. Những gì gọi là nghiệp thiện ở vị trung? Tức là lấy không tham, không sân, không si phẩm trung làm nhân duyên.

**c.** Do nghiệp bất thiện ở vị thượng, nên sanh trong địa ngục. Những gì gọi là nghiệp bất thiện vị thượng? Tức là lấy tham, sân, si phẩm thượng làm nhân duyên.

Do nghiệp thiện ở vị thượng, nên sanh trong cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới. Những gì gọi là nghiệp thiện ở vị thượng? Tức là lấy không tham, không sân, không si phẩm thượng làm nhân duyên.

**d.** Những gì là nghiệp ở vị sanh? Tức là nghiệp đã sanh, chưa diệt, đang hiện tại tiền.

**e.** Những gì là nghiệp ở vị tập khí? Tức là nghiệp đã sanh, đã diệt, không hiện tiền.



## Quyển 9

### Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐÌA

### Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐÌA

### Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐÌA

### Phần 6

#### 5. Môn nghiệp:

Đây lược có 2 chủng: **a.** Môn cho quả; **b.** Môn tổn hại, lợi ích.

**a. Môn cho quả** có 5 chủng: 1. Cho quả dị thực; 2. Cho quả đẳng lưu; 3. Cho quả tăng thượng; 4. Cho quả ở hiện pháp; 5. Cho quả tăng thượng khác.

1. Cho quả dị thực: vì gần gũi tập quen, tập quen nhiều việc sát sanh, nên thọ quả dị thực trong na-lạc-ca. Như đối với việc sát sanh, thì đối với nghiệp đạo bất thiện khác cũng vậy. Đây gọi là cho quả dị thực.

2. Cho quả đẳng lưu: nếu kia được ra khỏi địa ngục rồi, sanh trở lại trong chúng đồng phạm nhân gian, nhưng thọ mạng ngắn ngủi, tiền của thiếu thốn, vợ không trinh lương, chịu nhiều sự phỉ báng, bạn bè chia lìa, nghe những lời trái ý, lời nói không

uy nghiêm, tham tăng trưởng mãnh lợi, sân tăng trưởng mãnh lợi, si tăng trưởng mãnh lợi. Đây gọi là cho quả đẳng lưu.

3. Cho quả tăng thượng: vì gần gũi tập quen, lực tập quen nhiều nghiệp bất thiện tăng thượng, nên phần ngoài chiêu cảm sắc quang mờ nhạt, yếu kém. Quả không thật đầy đủ, quả nhiều mục nát, quả nhiều biến đổi, quả nhiều rơi rụng, quả không ngon ngọt, quả không thường hằng, quả không sung túc, quả không tiện nghi, không có quả thật. Nên biết nghiệp thiện thì trái với tướng trên.

4. Cho quả hiện pháp: do 2 nhân duyên tạo nghiệp thiện và bất thiện cho quả ở hiện pháp: 1. Do dục giải; 2. Do sự việc.

- Do dục giải lại có 8 chủng: 1. Dục giải có luyện tiếc; 2. Dục giải không luyện tiếc; 3. Dục giải tổn não; 4. Dục giải từ bi; 5. Dục giải ghét hại; 6. Dục giải tịnh tín; 7. Dục giải không biết ân; 8. Dục giải biết ân.

Sao gọi là dục giải có luyện tiếc tạo nghiệp bất thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người vì dục giải lực tăng thượng, đái luyện thân này, đái luyện tài vật, đái luyện các hữu, tạo nghiệp bất thiện.

Sao gọi là dục giải không luyến tiếc tạo nghiệp thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người vì dục giải tăng thượng, không đoái luyến thân này, không đoái luyến tài vật, không đoái luyến các hữu, tạo tác nghiệp thiện.

Sao gọi là dục giải tổn não tạo nghiệp bất thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với hữu tình bổ đặc-già-la khác dùng dục giải tổn não phẩm tăng thượng, tạo tác nghiệp bất thiện.

Sao gọi là dục giải từ bi tạo nghiệp thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với hữu tình bổ đặc-già-la khác, dụng dục giải từ bi phẩm tăng thượng, tạo tác nghiệp thiện.

Sao gọi là dục giải ghét hại tạo nghiệp bất thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với Phật Pháp Tăng, hoặc đối với một việc, một xứ đáng tôn trọng khác, lại dụng dục giải ghét hại phẩm tăng thượng, tạo tác nghiệp bất thiện.

Sao gọi là dục giải tịnh tín tạo nghiệp thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với Phật Pháp Tăng... dùng dục giải tịnh tín phẩm tăng thượng tạo tác thiện nghiệp.

Sao gọi là dục giải quên ân tạo nghiệp bất

thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có người đối với cha mẹ, hoặc đối với một việc, một nơi có ân, mà lại dùng dục giải bội ân, dục giải khi đối, dục giải bạo ác phẩm tăng thượng tạo nghiệp bất thiện.

Sao gọi là dục giải biết ân tạo nghiệp thiện, thọ quả trong hiện pháp? Như có một người đối với cha mẹ... dụng dục giải biết ân, dục giải báo ân phẩm tăng thượng tạo tác nghiệp thiện.

- Do sự việc: tức là nếu tạo làm nghiệp bất thiện thuộc năm vô gián và các nghiệp đồng phạm năm vô gián cũng thọ quả ở hiện pháp.

Năm nghiệp vô gián: 1. Giết hại mẹ; 2. Giết hại cha; 3. Giết hại A-la-hán; 4. Phá Tăng; 5. Có ác tâm làm thân Phật ra máu.

Các nghiệp đồng phạm vô gián: như có người đối với A-la-hán ni và đối với mẹ mà hành hạnh ược nhiệm. Hoặc đánh thân tối hậu của Bồ-tát. Hoặc đối với thiên miếu ở ngã tư đường, bày ra các việc giết tế lưu hành không dứt. Hoặc đối với việc thân hữu xưa rất tín nhiệm gởi gắm phó thác, mà khi đối tổn hại. Hoặc đối với người đang gặp khổ bần cùng thiếu thốn, không có chỗ nương tựa, vì kia làm chỗ nương tựa, đã thí cho được vô úy rồi, sau

bội phản gia hại. Hoặc làm việc bức não, hoặc cướp đoạt Sa-môn, hoặc phá hoại linh miếu... Tất cả nghiệp như vậy gọi là đồng phạm vô gián.

Hoặc các nghiệp thiện do sự tôn trọng, thọ quả trong hiện pháp. Như có người, mẹ không chánh tín, kia liền khuyến tấn khai hóa dẫn dắt an đặt mẹ ở nơi đầy đủ chánh tín.

Như đối với mẹ không chánh tín, an đặt trong đầy đủ lòng tín, thì đối với người phạm giới, an đặt trong đầy đủ giới; đối với người keo lẩn, an đặt trong đầy đủ xả; đối với người ác tuệ, an đặt trong đầy đủ tuệ, nên biết cũng vậy. Như đối với mẹ, thì đối với cha cũng vậy.

Hoặc đối với người từ định Từ khởi, nên cúng dường thừa sự. Như đối với người từ định Từ khởi, thì đối với người từ Vô tránh định, Diệt tận định, quả Dự lưu, quả A-la-hán... nên cúng dường thừa sự cũng vậy.

Lại tự mình đối với chỗ Phật phải cúng dường thừa sự. Như đối với chỗ Phật, thì đối với chỗ Tăng hữu học, vô học nên biết cũng vậy.

Nếu đối với các sự việc tôn trọng trên mà làm ngược lại, đó là nhân duyên tổn hại, phát khởi nghiệp bất thiện thọ quả trong hiện pháp.

5. Cho quả tăng thượng khác: tức là cũng do nghiệp thọ quả ở hiện pháp, nên những vương đô thành ấp mà Như Lai cư trú, không bị bệnh tật tai họa giáng xuống. Nhờ thần lực Phật nên vô lượng chúng sanh cũng không bị bệnh tật, không có tai họa, an vui sinh sống. Thần lực của Thế Tôn như vậy, thì Chuyển luân thánh vương và Bồ-tát trụ định Từ nên biết cũng vậy. Nếu các Bồ Tát dùng tâm đại bi, quán sát tất cả chúng sanh ở trong nghiệp đạo bị bần cùng khốn khổ bức nã, nên dùng thức uống ăn, tài bảo, kho tàng để cấp thí khiến họ đều sung túc. Do nhân duyên đây, các chúng sanh kia được an vui sinh sống. Hết thấy loại như vậy là nghiệp thọ quả ở hiện pháp, do lực tăng thượng của người khác sanh ra.

**b. Môn tổn hại, lợi ích:** tức là các hữu tình tạo làm mười nghiệp đạo bất thiện, y cứ vào đây kiến lập 8 môn tổn hại. Những gì là tám? 1. Tổn hại chúng sanh; 2. Tổn hại tài vật; 3. Tổn hại thân thể; 4. Tổn hại do chúng cứ hư ngụy; 5. Tổn hại trợ bạn; 6. Tổn hại do nói rõ quá thất; 7. Tổn hại do dẫn phát phóng dật; 8. Tổn hại do dẫn phát sợ hãi.

Trái với tướng đây tức là các hữu tình tạo làm

mười nghiệp đạo thiện, y cứ vào đây kiến lập 8 môn lợi ích.

### **6. Phẩm tăng thượng của nghiệp:**

Đó là nghiệp mãnh lợi cực nặng. Nên biết do 6 chủng tướng khiến thành nghiệp đây: 1. Do gia hạnh; 2. Do xuyên xuyên tập quen; 3. Do tự tánh; 4. Do sự việc; 5. Do một loại sở trị; 6. Do sự tổn hại sở trị.

Do gia hạnh: như có người do tham, sân, si triển rất mãnh lợi và không tham, không sân, không si rất mãnh lợi làm gia hạnh phát khởi các nghiệp.

Do xuyên xuyên tập quen: như có người ở trong đêm dài sanh tử gần gũi tập quen, nhiều tập quen nghiệp thiện, hoặc bất thiện.

Do tự tánh: tức là ở trong ý ngữ, thì lời nói thô ác là đại trọng tội. Ở trong lời nói thô ác, thì lời nói ly gián là đại trọng tội. Ở trong lời nói ly gián, thì vọng ngữ là đại trọng tội. Ở trong dục tà hạnh, thì chẳng cho mà lấy là đại trọng tội. Ở trong chẳng cho mà lấy, thì sát sanh là đại trọng tội. Ở trong tham dục, thì sân khuể là đại trọng tội. Ở trong sân khuể, thì tà kiến là đại trọng tội. Lại ở trong tánh thí, thì tánh giới vô tội là thù thắng hơn cả. Ở trong

tánh giới, thì tánh tu vô tội là thù thắng hơn cả. Ở trong tánh văn, thì tánh tư vô tội là thù thắng hơn cả... Hết thấy như vậy gọi là do tự tánh.

Do sự việc: như có người đối với Phật Pháp Tăng, hoặc đối với một việc, một nơi đáng tôn trọng, làm tổn hại hay làm lợi ích. Đây gọi là nghiệp tôn trọng xử sự.

Do một loại sở tri: như có người một hướng thọ hành các nghiệp bất thiện, cho đến thọ mạng tận dứt cũng không một lúc hành thiện.

Do tổn hại sở tri: như có người hành đối trị đoạn các nghiệp bất thiện, hành các nghiệp thiện ly dục thanh tịnh.

## **7. Diên đảo của nghiệp:**

Nên biết đây có 3 chủng: **a.** Tác dụng diên đảo; **b.** Chấp thọ diên đảo; **c.** Hỷ lạc diên đảo.

**a. Tác dụng diên đảo:** như có người đối với chúng sanh tìm cách muốn sát hại, nhưng lại giết lầm một người khác. Nên biết trong đây tuy có sự sát sanh mà không tội sát sanh, nhưng có tội sanh khởi thuộc chủng loại sát sanh, tương tự đồng phạm sát sanh. Hoặc không giết lầm chúng sanh khác, nhưng đối với



các vật vô tình, dùng thêm dao gậy cho là “ta sát sanh”. Nên biết trong đây không có sát sanh, không tội sát sanh, nhưng có tội sanh khởi thuộc chủng loại sát sanh, tương tự đồng phạm sát sanh.

Như nghiệp đạo sát sanh, thì tất cả nghiệp đạo khác như chẳng cho mà lấy... tùy chỗ thích hợp nên biết cũng có tác dụng điên đảo.

**b. Chấp thọ điên đảo:** như có người khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Không thí, không thọ... nói rộng cho đến tất cả tà kiến”. Kẻ kia khởi kế chấp đây: “Rốt ráo không có người giết và vật bị giết... cho đến không có kẻ ỷ ngữ. Cũng không thí cho, thọ trì trai giới, thọ giới tu phước. Do nhân duyên đây, không có tội cũng không có phước”.

Lại như có người khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “Nếu có chúng sanh ghét phạm, ghét chư thiên, ghét Bà-la-môn, hoặc ghét kẻ ác, chỉ thích giết hại. Nhân duyên sát hại kia chỉ có phước chứ không có tội”.

Lại có kẻ chẳng cho mà lấy cho đến ỷ ngữ cũng khởi kiến: “Duy chỉ thu được phước đức, không có phi phước”.

**c. Hỷ lạc điên đảo:** như có người hiện tiền

hành nghiệp đạo bất thiện, theo thói chơi đùa, lấy làm vui thích vô cùng.

### **8. Sai biệt của nghiệp:**

Đó là có nghiệp tạo tác, có nghiệp không tạo tác. Có nghiệp tăng trưởng, có nghiệp không tăng trưởng. Có nghiệp tư duy, có nghiệp không tư duy. Có nghiệp thuận định thọ, nghiệp thuận bất định thọ. Nghiệp dị thực đã chín, nghiệp dị thực chưa chín. Nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký. Nghiệp nhiếp thuộc luật nghi, nghiệp nhiếp thuộc bất luật nghi, nghiệp nhiếp thuộc phi luật nghi phi bất luật nghi. Nghiệp tánh thí, nghiệp tánh giới, nghiệp tánh tu. Nghiệp phước, nghiệp phi phước, nghiệp bất động. Nghiệp thuận thọ lạc, nghiệp thuận thọ khổ, nghiệp thuận thọ không khổ không lạc. Nghiệp thuận thọ hiện pháp, nghiệp thuận thọ sanh, nghiệp thuận thọ về sau. Nghiệp quá khứ, nghiệp vị lai, nghiệp hiện tại. Nghiệp hệ thuộc Dục, nghiệp hệ thuộc Sắc, nghiệp hệ thuộc Vô sắc. Nghiệp học, nghiệp vô học, nghiệp phi học phi vô học. Nghiệp kiến sở đoạn, nghiệp tu sở đoạn, nghiệp không đoạn. Nghiệp hắc dị thực hắc,

nghiệp bạch dị thực bạch, nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch. Nghiệp không có dị thực, không phải hắc, không phải bạch, năng tận các nghiệp. Nghiệp quanh co, nghiệp uest, nghiệp trực, nghiệp thanh tịnh, nghiệp tịch tĩnh.

Nghiệp tạo tác: tức là hoặc nghiệp tư duy, hoặc đã tư duy rồi mới khởi chuyển thân nghiệp ngữ nghiệp.

Nghiệp không tạo tác: tức là hoặc nghiệp không do tư duy, hoặc đã không tư duy không khởi chuyển thân nghiệp ngữ nghiệp.

Nghiệp tăng trưởng: tức là trừ ra 10 chủng nghiệp sau. Những gì là mười? 1. Nghiệp do làm trong mộng寐; 2. Nghiệp do vô tri mà làm; 3. Nghiệp do không cố ý tư duy mà làm; 4. Nghiệp do không có lợi, không cân nhắc mà làm; 5. Nghiệp do cuồng loạn mà làm; 6. Nghiệp do thất niệm mà làm; 7. Nghiệp do không vui muốn mà làm; 8. Nghiệp do tự tánh vô ký mà làm; 9. Nghiệp do hối tiếc sự việc đã gây ra tổn hại; 10. Nghiệp đối trị sự tổn hại.

Trừ mười chủng nghiệp đây, thì các nghiệp còn lại đều gọi là nghiệp tăng trưởng.

Nghiệp không tăng trưởng: tức là mười chủng

nghiệp đã nói ở trên.

Nghiệp do cố tư duy: tức là nghiệp sau khi đã cố ý suy nghĩ rồi, hoặc tạo tác nghiệp, hoặc tăng trưởng.

Nghiệp không cố ý tư duy: tức là nghiệp không do cố ý suy nghĩ mà làm.

Nghiệp thuận định thọ: tức là nghiệp đã cố ý suy nghĩ rồi, hoặc làm, hoặc khiến tăng trưởng.

Nghiệp thuận bất định thọ: tức là nghiệp đã cố ý suy nghĩ rồi, tuy tạo tác mà không khiến tăng trưởng.

Nghiệp dị thực đã chín: tức là nghiệp đã cho quả.

Nghiệp dị thực chưa chín: tức là nghiệp chưa cho quả.

Nghiệp thiện: tức là nghiệp do không tham, không sân, không si làm nhân duyên.

Nghiệp bất thiện: tức là nghiệp do tham, sân, si làm nhân duyên.

Nghiệp vô ký: tức là nghiệp chẳng phải do không tham không sân không si làm nhân duyên, cũng chẳng phải do tham sân si làm nhân duyên.

Nghiệp nhiếp thuộc luật nghi: tức là nghiệp

niếp thuộc Biệt giải thoát luật nghi, hoặc nghiệp nhiếp thuộc tĩnh lự đấng chí quả đoạn luật nghi, hoặc nghiệp nhiếp thuộc vô lậu luật nghi.

Nghiệp nhiếp thuộc bất luật nghi: tức là các nghiệp nhiếp thuộc 12 chủng loại bất luật nghi. Những gì là 12 loại bất luật nghi? 1. Giết dê; 2. Mua bán gà; 3. Mua bán heo; 4. Bắt chim; 5. Giăng lưới bắt thỏ; 6. Trộm cướp; 7. Bắt nghêu sò, làm chả; 8. Cai ngục; 9. Gièm pha; 10. Xét xử án; 11. Huấn luyện voi; 12. Trù yểm rồng.

Nghiệp nhiếp thuộc phi luật nghi phi bất luật nghi: tức là trừ ra 3 chủng nghiệp luật nghi và nghiệp thuộc 12 chủng loại bất luật nghi. Tất cả nghiệp thiện, bất thiện và vô ký còn lại.

Nghiệp tánh thí: tức là hoặc nhân duyên, hoặc đấng khởi, hoặc y xứ, hoặc tự tánh.

- Nhân duyên: tức là lấy không tham, không sân, không si làm nhân duyên.

- Đấng khởi: tức là không tham, không sân, không si đồng hành. Năng xả vật được thí. Năng tư duy khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp.

- Y xứ: tức là lấy vật đem thí và người thọ thí làm chỗ nương tựa.

- Tự tánh: tức là thân nghiệp ngữ nghiệp đã phát khởi tư duy, năng xả bỏ vật thí.

Nghiệp tánh giới: như nghiệp tánh thí.

- Nhân duyên và đẳng khởi của nghiệp tánh giới cũng như trước.

- Tự tánh: tức là thân nghiệp, ngữ nghiệp nhiếp thuộc luật nghi.

- Y xứ: tức là vật loại hữu tình, phi hữu tình.

Nghiệp tánh tu: như nghiệp tánh thí.

- Nhân duyên: tức là nhân duyên tam-ma-địa, đó là không tham, không sân, không si.

- Đẳng khởi: tức là tam-ma-địa kia câu hành dẫn phát định Tư.

- Tự tánh: tức là tam-ma-địa.

- Y xứ: tức là mười phương hữu tình giới không khổ không vui... Lại người tu đầy đủ thí giới, sở hữu tướng mạo như đã nói ở các xứ khác.

Nghiệp phước: tức là nghiệp dị thực năng cảm thiện thú và nghiệp thuận thọ thiện ở trong năm thú.

Nghiệp phi phước: tức là nghiệp dị thực năng cảm ác thú và nghiệp thuận thọ bất thiện ở trong năm thú.

Nghiệp bất động: tức là nghiệp dị thực cảm Sắc giới, Vô sắc giới, và nghiệp thuận thọ thiện ở Sắc giới, Vô sắc giới.

Nghiệp thuận thọ lạc: tức là nghiệp phước và nghiệp bất động thuận thọ ba tinh lự.

Nghiệp thuận thọ khổ: tức là nghiệp phi phước.

Nghiệp thuận thọ không khổ không lạc: tức là nghiệp dị thực A-lại-da thức, năng cảm tất cả xứ và nghiệp bất động Đệ tứ tinh lự trở lên.

Nghiệp thuận thọ hiện pháp: tức là nghiệp năng cảm quả ở hiện pháp.

Nghiệp thuận thọ sanh: tức là nghiệp năng cảm quả sanh không gián đoạn.

Nghiệp thuận thọ về sau: tức là nghiệp năng cảm quả sanh về sau.

Nghiệp quá khứ: tức là nghiệp trụ ở vị tập khí, hoặc đã cho quả, hoặc chưa cho quả.

Nghiệp vị lai: tức là nghiệp chưa sanh chưa diệt.

Nghiệp hiện tại: tức là nghiệp đã tạo tác đã tư duy nhưng chưa diệt.

Nghiệp hệ thuộc Dục: tức là nghiệp năng cảm dị thực Dục giới, đọa vào Dục giới.

Nghiệp hệ thuộc Sắc: tức là nghiệp năng cảm dị thực Sắc giới, đọa vào Sắc giới.

Nghiệp hệ thuộc Vô sắc: tức là nghiệp năng cảm dị thực Vô sắc giới, đọa vào Vô sắc giới.

Nghiệp học: tức là chỗ có các nghiệp thiện, hoặc dị sanh, hoặc không phải dị sanh tương tục tiếp nối học.

Nghiệp vô học: tức là chỗ có các nghiệp thiện tương tục tiếp nối trong vô học.

Nghiệp phi học phi vô học: tức là trừ ra hai chủng học và vô học ở trước, chỗ có nghiệp tương tục tiếp nối trong bất thiện vô ký còn lại.

Nghiệp kiến sở đoạn: tức là nghiệp bất thiện thọ ác thú.

Nghiệp tu sở đoạn: tức là nghiệp thiện, bất thiện, vô ký thọ thiện thú.

Nghiệp không đoạn: tức là các nghiệp vô lậu thế, xuất thế.

Nghiệp hắc dị thực hắc: tức là nghiệp phi phước.

Nghiệp bạch dị thực bạch: tức là nghiệp bất động.

Nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch: tức là nghiệp phước, có nghiệp bất thiện làm oán đối. Do



lúc sở hữu nghiệp phước mà chưa đoạn trừ nghiệp phi phước, nên kiến lập nghiệp đây.

Nghiệp không có dị thực, không phải hắc, không phải bạch, năng tận các nghiệp: tức là các nghiệp vô lậu xuất thế gian. Nghiệp đây đối trị đoạn ba nghiệp trên.

Nghiệp quanh co: tức là nghiệp thiện, bất thiện của các ngoại đạo.

Nghiệp uest: cũng tức là nghiệp quanh co, cũng gọi là nghiệp xấu. Lại có nghiệp uest tức là pháp dị sanh ở trong thánh giáo, như: kẻ kiến chấp điên đảo, kẻ trụ kiến thủ của mình, kẻ tà quyết định, kẻ hiểu biết do dự, kẻ sở hữu nghiệp thiện bất thiện.

Nghiệp trước: tức là nghiệp quanh co và nghiệp uest, cũng gọi là nghiệp dơ bẩn. Lại có nghiệp trước là pháp dị sanh ở trong thánh giáo, như: kẻ không quyết định, kẻ hiểu biết do dự, kẻ có sở hữu nghiệp thiện bất thiện.

Lại có sự sai khác, tức là chỉ ở trong pháp ngoại đạo mới có ba nghiệp sau: do nghĩa hành tà giải, cho nên gọi là nghiệp quanh co. Do nghĩa lấy đây làm chỗ nương tựa, nên chướng ngại các công đức phát khởi, gọi là nghiệp uest. Do nghĩa năng

chương ngại trong việc thông đạt chân như, cho nên gọi là nghiệp trước.

Nghiệp thanh tịnh: tức là pháp dị sanh ở trong thánh giáo, như: người chánh quyết định, người hiểu biết không do dự, người sở hữu nghiệp thiện.

Nghiệp tịch tĩnh: tức là những bậc trụ pháp đây không phải dị sanh, sở hữu nghiệp học, vô học của tất cả thánh giả.

### **9. Quá hoạn của nghiệp:**

Lược thuyết thì mỗi một nghiệp có 7 quá hoạn: 1. Năng tự hại mình; 2. Năng làm hại người; 3. Năng làm hại cả mình và người; 4. Sanh tội ở hiện pháp; 5. Sanh tội ở hậu pháp; 6. Sanh tội ở hậu pháp và hiện pháp; 7. Thân tâm kia thọ sanh ưu khổ.

Như lấy ví dụ kẻ sát sanh, do sát sanh làm nhân:

Sao gọi là năng tự hại mình? Là phát khởi phương tiện làm hại sanh mạng, nhưng việc kia chẳng năng tổn hại người khác. Do nhân duyên đây bèn tự mình bị hại: hoặc bị trói buộc, hoặc gặp sự thối thất, hoặc bị chê trách.

Sao gọi là năng làm hại người? Là do kẻ kia phát khởi phương tiện năng tổn hại mạng người. Do nhân duyên đây, tự mình chẳng bị hại cho đến chẳng bị chê trách.

Sao gọi là năng làm hại cả mình và người? Là do kẻ kia khởi phương tiện năng tổn hại người. Do nhân duyên đây, trở lại bị người hại, hoặc bị trói buộc, cho đến bị chê trách.

Sao gọi là sanh tội ở hiện pháp? Như năng tự làm hại mình.

Sao gọi là sanh tội ở hậu pháp? Như năng làm hại người.

Sao gọi là sanh tội ở hiện pháp và ở hậu pháp? Như năng làm hại cả mình và người.

Sao gọi là thân tâm kia thọ sanh ưu khổ? Tức là phát khởi phương tiện làm hại sanh mạng, mà không thể thành 6 chủng quá thất. Lại cũng không thể trọn thành rốt ráo việc muốn sát giết. Bởi kia không gặp được nhân duyên thuận lợi để thực hiện ý muốn, nên thân tâm thọ sanh ưu khổ.

Lại có 10 chủng quá hoạn y cứ vào phạm Thi-la, nên biết như kinh đã rộng thuyết. Lại có 4 chủng nghiệp đạo bất thiện và lấy việc uống các

loại rượu làm nghiệp đạo thứ năm. Y cứ vào sự hủy phạm 5 học xứ của thiện nam tử, Đức Bạc-Già-Phạm đã nói nhiều quá hoạn, như *Kinh Xiển-Địa-Ca* đã nói rộng.

### **E<sub>3</sub>. Sao gọi là sanh tạp nhiễm:**

Do 4 chủng tướng: **1.** Do sai biệt; **2.** Do gian khổ; **3.** Do bất định; **4.** Do lưu chuyển.

#### **1. Do sai biệt:**

Đây lại có 5 chủng: 1. Giới sai biệt; 2. Cõi thú sai biệt; 3. Xứ sở sai biệt; 4. Thắng sanh sai biệt; 5. Tự thân thể gian sai biệt.

Giới sai biệt: tức là sự sanh ở Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới sai biệt.

Thú sai biệt: tức là 4 cách sanh ở 5 thú sai biệt.

Xứ sai biệt: tức là trong cõi Dục có 36 xứ sanh sai biệt. Ở trong cõi Sắc có 18 xứ sanh sai biệt. Trong cõi Vô sắc có 4 xứ sanh sai biệt. Như vậy tổng cộng có 58 cõi sanh.

Thắng sanh sai biệt: tức là người ở trong Dục giới có 3 chủng thắng sanh:

- Thắng sanh sanh hắc: như có người sanh

vào nhà đồ tể, hoặc nhà xem tướng, hoặc nhà làm xe, hoặc nhà làm tre trúc, hoặc sanh vào nhà bần cùng hạ tiện, hoặc sanh vào nhà thiếu thốn tài vật ăn uống... Như vậy gọi là kẻ thiếu phước đức trong loài người.

- Thắng sanh sanh bạch: như có người sanh vào nhà phú quý giàu sang dòng Sát-đế-lợi, hoặc sanh vào nhà phú quý giàu sang dòng Bà-la-môn, hoặc sanh vào nhà phú quý giàu sang đại trưởng giả, hoặc sanh vào các nhà hào tộc đại phú quý khác, nhà có rất nhiều tài vật kho báu... Như vậy gọi là kẻ có phước đức thù thắng trong loài người.

- Thắng sanh sanh không phải hắc không phải bạch: như có người sanh vào nhà không thuộc trong hai nhà trước.

Lại trong cõi trời Dục cũng có 3 chủng thắng sanh: 1. Sanh phi thiên; 2. Nương phần đất mà sanh; 3. Nương cung điện trong hư không mà sanh.

Lại trong cõi Sắc có 3 chủng thắng sanh: 1. Sanh của trời Vô tướng; 2. Sanh của trời Hữu tướng; 3. Sanh của trời Tịnh cư.

Lại trong cõi Vô sắc có 3 thắng sanh: 1. Sanh của cõi trời Vô lượng tướng; 2. Sanh của cõi trời Vô sở hữu

tưởng; 3. Sanh của cõi trời Phi tướng phi phi tướng.

Tự thân thế gian sai biệt: tức là ở trong mười phương vô lượng thế giới, có vô lượng hữu tình, nên cũng có vô lượng sự sanh sai biệt.

## **2. Do gian khổ:**

Như Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Các ông trường thời rong ruổi trong sanh tử, máu trong thân chảy ra nhiều hơn nước bốn biển lớn. Vì sao? Các ông trong đêm dài sanh tử, hoặc sanh đồng phận trong loài voi, ngựa, lừa, trâu, dê, gà, hươu... Ở trong các loài kia, thân thể các ông đã từng bị bầm chật chất chồng, máu các ông chảy tràn. Như trong chúng đồng phận với voi... thì sanh trong người cũng vậy. Lại nữa, các ông trong đêm dài sanh tử từng tan hoại vô lượng cha mẹ, anh em, chị em, thân tộc, lại thêm tan hoại chủng chủng tài bảo, các vật nuôi thân, nên nước mắt nước mũi các ông tuôn chảy cũng nhiều như máu. Như số lượng máu, nước mắt, nước mũi nhiều vô kể, nên biết sữa các ông uống lượng cũng như vậy”. Hết thấy loại như vậy, nên biết sự vất vả cay đắng khốn khổ của sanh có vô lượng sai biệt.

### 3. Do bất định:

Như Đức Bạc-Già-Phạm thuyết: “Giả sử lấy tất cả gốc thân cành lá cỏ cây có ở đại địa, chẻ ra thành nhiều thẻ lượng bằng bốn ngón tay, để tính đếm số cha mẹ mà các ông trong đêm dài sanh tử triển chuyển trải qua. Chúng sanh như vậy từng làm mẹ ta, trong dòng sanh tử ta cũng từng làm mẹ họ. Chúng sanh như vậy từng làm cha ta, trong dòng sanh tử ta cũng từng làm cha họ. Tính đếm như vậy, các thẻ chóng có thể tận hết, mà không thể nói hết hạn lượng cha mẹ triển chuyển qua lại trong sanh tử”.

Lại thuyết rằng: “Hữu tình các ông tự quán sát đêm dài sanh tử xoay vần, thành tựu ưu khổ nặng nề bậc nhất, nay được cứu cánh. Các ông nên biết, Ta cũng đã từng thống khổ như vậy. Như khổ thì vui cũng vậy”.

Lại thuyết rằng: “Ta xem khắp đại địa, chưa xứ sở nào mà các ông trong đêm dài sanh tử chưa đến, chưa từng trải qua hết thọ lượng sanh tử ở các xứ sở đây”.

Lại thuyết rằng: “Ta xem thấy hữu tình thế gian chẳng dễ tránh được đêm dài sanh tử lưu

chuyển, hoặc làm cha, hoặc làm mẹ, hoặc làm anh em, chị em, hoặc Quý phạm sư, hoặc Thân giáo sư, hoặc các bậc tôn trọng khác”.

Lại thuyết rằng: “Giả sử có người gom gọn xương cốt cùng những chi phần không bị hoại nát của thân thọ lãnh trong một kiếp của một bồ-đặc-già-la, thì số lượng tích tụ này cao hơn thành Vương Xá, rộng lớn như một quả núi”.

#### 4. Do lưu chuyển:

Sở hữu duyên khởi của tự thân gọi là lưu chuyển. Sao gọi là duyên khởi?

Ốt-Đà-Nam nói :

*Thế, môn, nghĩa sai biệt,  
Thứ lớp, khó giải thích,  
Tánh duyên, phân biệt duyên,  
Nhiếp các kinh là sau.*

**a.** Vì thế; **b.** Vì môn; **c.** Vì nghĩa; **d.** Vì sai biệt; **e.** Vì thứ lớp; **f.** Vì khó giải thích; **g.** Vì tánh duyên; **h.** Vì phân biệt duyên; **i.** Vì các kinh nhiếp, nên rõ biết duyên khởi.

**a.** Sao gọi là thế duyên khởi? Nếu lược thuyết



thì do 3 chủng tướng kiến lập: 1. Từ tiền tế, trung tế sanh; 2. Từ trung tế, hậu tế sanh; 3. Từ trung tế sanh rồi, hoặc thú hướng lưu chuyển, hoặc thú hướng đến cứu cánh thanh tịnh.

Sao gọi là từ tiền tế, trung tế sanh; trung tế sanh rồi lại thú hướng lưu chuyển? Như có người không rõ được tiền tế, bị vô minh nhiếp lấy. Do vô minh làm duyên, nên nghiệp thân ngũ ý tạo tác, hoặc tăng trưởng tùy theo phước, hoặc phi phước, hoặc bất động. Do đây đến lúc mạng chung, nghiệp tùy theo thức đã tạo lưu chuyển không dứt năng làm hậu hữu, nên nhân thức tương tục tiếp nối. Khi thức đây sắp sanh quả, lại được kết hợp bởi tham ái trong ngoài chánh hiện tại tiền. Lấy tham ái đây làm trợ bạn, nên từ tiền tế kia xả mạng rồi, ở đời hiện tại tự thể được sanh. Ở trong thai mẹ, lấy nhân thức làm duyên, do đây trước sau thứ lớp quả thức tương tục tiếp nối mà sanh, cho đến thành các vị yết-la-lam... sai khác mà chuyển. Ở trong thai mẹ, quả thức tương tục tiếp nối cùng với danh sắc cho đến lão tử dần dần tăng trưởng. Bấy giờ chiêu cảm sự sanh, thọ nghiệp danh sắc cùng với quả dị thực. Lại dị thực thức đây, tức nương nơi

danh sắc mà chuyển. Vì phải nương giá sáu y xứ mà chuyển, cho nên kinh nói “danh sắc duyên thức”. Câu hữu y căn gọi là sắc, đẳng vô gián diệt y căn gọi là danh. Tùy theo chỗ thích hợp, danh sắc làm sở y sáu thức. Vì nương tựa danh sắc kia cho đến mạng chung, các thức lưu chuyển. Lại năm sắc căn, hoặc căn sở y đại chủng, hoặc căn xứ sở, hoặc căn năng sanh đại chủng, gọi là sắc. Còn lại gọi là danh. Do thức chấp thọ các căn rơi vào pháp tương tục mới có được lưu chuyển, cho nên hai chủng đây nương vào thức tương tục không đoạn dứt. Do đạo lý đây, ở đời hiện tại thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức giống như đám cỏ lau, cho đến mạng chung nương tựa nối nhau mà chuyển. Như vậy gọi là từ tiền tế, các hành duyên khởi trung tế sanh, trung tế sanh rồi lưu chuyển không dứt.

Nên biết, trong đây nương loài thai sanh nên nói thứ lớp lưu chuyển. Hoặc loài noãn sanh, thấp sanh, thì trừ ở thai mẹ, còn lại như trước đã thuyết. Hoặc hữu tình ở trong tụ Hữu sắc có sự sai khác so với trước, tức là hữu tình thọ hóa sanh ở Dục giới, Sắc giới, các căn quyết định viên mãn mà sanh. Hoặc ở Vô sắc giới có sự sai khác so với loài trước,

tức lấy danh làm chỗ nương và chủng tử sắc làm chỗ nương mà thức được sanh khởi. Lấy thức làm chỗ nương, nên danh và chủng tử sắc chuyển. Theo đây, chủng tử sắc tuy đã đoạn dứt, nhưng về sau lại được sanh. Lại do nghiệp phước nên sanh trong người, trời Dục giới, do nghiệp phi phước sanh vào đường ác thú, do nghiệp bất động nên sanh hoặc Sắc giới, hoặc Vô sắc giới.

Sao gọi là bất sanh? Do bất sanh nên thú hưởng cứu cánh thanh tịnh.

Sao gọi là từ trung tế, các hành duyên khởi hậu tế sanh? Trung tế bổ-đặc-già-la đã sanh, trước thọ 2 chủng quả nghiệp là: thọ quả dị thực bên trong và thọ quả tăng thượng do cảnh giới sanh ra.

Bổ-đặc-già-la đây vì nghe pháp bất chánh, hoặc vì trước đã thường xuyên tập, nên ngu si đối với hai quả trên. Do ngu si đối với quả dị thực bên trong, nên không như thật biết sự sanh khổ hậu hữu. Do mê hậu hữu, hậu tế vô minh lực tăng thượng, nên như trước ở nơi các hành hoặc tạo tác, hoặc tăng trưởng. Do đây tạo tác nghiệp mới, nên thức đây gọi là thức tùy theo nghiệp. Tức ở trong hiện pháp, vô minh làm duyên sanh hành, hành làm duyên sanh

thức. Thức đây ở trong hiện pháp gọi là nhân thức. Về sau năng nhiếp thọ sanh quả thức.

Lại tổng y tất cả thức gọi là sáu thức thân. Lại tức thức đây là chỗ triển chuyển theo đuổi của chủng tử danh sắc hậu hữu. Chủng tử danh sắc đây là chỗ triển chuyển theo đuổi của chủng tử sáu xứ hậu hữu. Chủng tử sáu xứ đây là chỗ triển chuyển theo đuổi của chủng tử xúc hậu hữu. Chủng tử xúc đây là chỗ triển chuyển theo đuổi của chủng tử thọ hậu hữu.

Như vậy gọi chung là ở trung tế dẫn nhân hậu hữu. Do đây năng dẫn thức cho đến thọ một thân mới.

Kể kia do trước đã ngu si đối với quả dị thực dẫn hậu hữu rồi, lại do ngu si thứ hai đối với quả cảnh giới sanh thọ, cho nên duyên cảnh giới thọ phát khởi ái. Do ái đây hoặc phát cầu dục, hoặc phát cầu hữu, hoặc chấp dục thủ, hoặc chấp kiến thủ, giới thủ và ngã ngữ thủ. Do ái thủ đây hòa hợp tươi nhuận, khiến dẫn nhân trước chuyển, gọi là hữu. Tức là nhiếp thuộc nhân sanh hậu hữu. Từ đây không gián đoạn cho đến mạng chung rồi, tùy theo trước dẫn nhân dẫn dắt thức... thọ là rốt sau,

nên các hành đây sanh, hoặc từ từ, hoặc tức thời.

Như vậy ở trong hiện pháp vô minh xúc sanh thọ, thọ làm duyên sanh ái, ái làm duyên sanh thủ, thủ làm duyên sanh hữu, hữu làm duyên sanh sanh, sanh làm duyên sanh các khổ lão bệnh tử... sai biệt. Hoặc ở nơi thứ lớp sanh xứ đã hiển bày ở trước, hoặc sự triển chuyển theo đuổi của chủng tử, nên ở trung tế vô minh duyên hành... thọ duyên ái... làm nhân duyên, nên hậu tế các hành sanh.

Lại có người trước đã tích tập tư lương, tức là ở trong hiện pháp từ lời người mà được nghe chánh pháp, nên đối với hai quả của các hành, hoặc đối với nhân kia, diệt kia, thú đến diệt hành kia, như lý tác ý. Do như lý tác ý đây làm duyên nên chánh kiến sanh. Từ đây thứ lớp đắc trí kiến thanh tịnh học, vô học. Do trí kiến đây, nên vô minh và ái vĩnh viễn đoạn không sót thừa. Do đoạn đây, nên không như thật biết sở duyên kia, vô minh xúc sanh ra thọ cũng lại vĩnh viễn đoạn. Do đoạn đây, nên vĩnh viễn lìa vô minh, ở trong hiện pháp chứng tuệ giải thoát. Nếu ở nơi vô minh xúc sở sanh thọ có tâm sanh khởi tương ưng tham ái, tức nơi tâm kia năng lìa trói buộc, cho nên tham ái vĩnh viễn

diệt, ở trong hiện pháp chứng tâm giải thoát. Nếu vô minh kia không vĩnh viễn đoạn, tức nương thức... cuối cùng là thọ, hậu tế các hành sẽ được sanh khởi. Do vô minh diệt, nên không sanh khởi trở lại, chứng đắc pháp vô sanh. Cho nên thuyết rằng: Vô minh diệt nên hành diệt, thứ lớp cho đến dị thực sanh xúc diệt, đây diệt nên dị thực sanh thọ diệt. Ở trong hiện pháp vô minh diệt nên vô minh xúc diệt, vô minh xúc diệt nên vô minh xúc sanh thọ diệt, vô minh xúc sanh thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên như trước đắc pháp vô sanh. Do đây nên thuyết các hành thủ... cho đến cuối cùng là lão vĩnh viễn diệt.

Như vậy, ở trong hiện pháp các hành không chuyển. Do không chuyển, nên ở trong hiện pháp, ở trong Hữu dư y giới chứng đắc hiện pháp Niết-bàn. Lúc bấy giờ kia duy chỉ còn thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức thanh tịnh. Cho đến thân có thức thường thọ lãnh lìa sự trói buộc của thọ, không chịu sự trói buộc của thọ. Thân có thức đây cho đến do nghiệp trước dẫn dắt thọ lượng, hằng trụ tương tục tiếp nối. Nếu thọ lượng tận, bèn xả thức chấp trì nơi thân. Mạng căn đây diệt rồi, cho đến về sau cũng vĩnh viễn diệt không sót thừa,

trộn không thành thực trở lại. Lại nữa, thức đây và tất cả thọ nhậm vận diệt. Nhân duyên còn lại trước đã diệt, nên không tương tục trở lại, vĩnh viễn diệt không sót thừa. Đây gọi là Vô dư y Niết-bàn giới, xứ cứu cánh tịch tĩnh, cũng gọi là người cầu hướng đến Niết-bàn, ở chỗ Thế Tôn ở, phạm hạnh đã lập, cứu cánh Niết-bàn.

Như vậy đã thuyết do 3 chủng tướng kiến lập duyên khởi, đó là: từ tiền tế, trung tế sanh; từ trung tế, hậu tế sanh; lại ở trung tế hoặc lưu chuyển, hoặc thanh tịnh. Đây gọi là thể tánh duyên khởi.

**b. Sao gọi là môn duyên khởi?** Nương 8 môn khiến duyên khởi lưu chuyển: 1. Môn nội thức sanh; 2. Môn lúa bên ngoài thành thực; 3. Môn sanh tử của hữu tình thế gian; 4. Môn khí thế gian thành hoại; 5. Môn thức ăn giữ gìn; 6. Môn tự mình tạo làm nghiệp thế lực tăng thượng, quả ái phi ái sở đắc theo nghiệp thọ dụng; 7. Môn uy thế; 8. Môn thanh tịnh.

**c. Sao gọi là nghĩa duyên khởi?** Nghĩa hữu tình chia lìa là nghĩa duyên khởi. Ở nơi hữu tình chia lìa, lại nghĩa vô thường là nghĩa duyên khởi. Ở nơi vô thường, lại nghĩa tạm trụ là nghĩa duyên khởi. Ở nơi tạm trụ, lại nghĩa nương người khác là

nghĩa duyên khởi. Ở nơi nương người khác, nghĩa tác dụng chia lìa là nghĩa duyên khởi. Ở nơi tác dụng chia lìa, lại nghĩa nhân quả tương tục tiếp nối không đoạn diệt là nghĩa duyên khởi. Ở nơi nhân quả tương tục tiếp nối không đoạn diệt, lại nghĩa nhân quả chuyển tương tự là nghĩa duyên khởi. Ở nơi nhân quả chuyển tương tự, lại nghĩa tự mình tạo làm nghiệp là nghĩa duyên khởi.

**Hỏi:** Vì hiển nghĩa nào mà kiến lập duyên khởi?

**Đáp:** Vì hiển rõ nghĩa nhân duyên nhiếp lấy thanh tịnh và nhiễm ô.

**d.** *Sao gọi là sai biệt của duyên khởi?* Tức là không hiểu biết đối với tiền tế... như kinh đã nói rộng.

Sao gọi là không hiểu biết đối với tiền tế? Đối với các hành quá khứ, phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Ta ở quá khứ là từng có chăng? Là từng không chăng? Đã từng có thể tánh nào, từng thuộc chủng loại nào?”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với hậu tế? Đối với các hành vị lai, phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Ta ở vị lai là sẽ có ư?



Là sẽ không ư? Sẽ có thể tánh nào? Sẽ thuộc chủng loại nào?”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với tiền hậu tế? Ở bên trong khởi do dự không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Những gì là ta? Ta là những gì? Nay hữu tình đây từ đâu đến đây? Ở đây chết rồi sẽ đi đến đâu?”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với bên trong? Đối với các hành riêng biệt phát khởi không như lý tác ý, chỗ không hiểu biết như: “Kia là ta”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với bên ngoài? Đối với các hành bên ngoài phi hữu tình số, phát khởi không như lý tác ý, chỗ không hiểu biết như: “Là vật của ta”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với trong ngoài? Đối với các hành tương tục khác, phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Đây là người oán, là người thân, là người giữa oán và thân”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với nghiệp? Đối với các nghiệp phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Đây có tác giả”. Đây

thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với dị thực? Đối với quả dị thực nhiếp lấy các hành, phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết như: “Đây có thọ giả”. Đây thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với nghiệp dị thực? Đối với nghiệp và quả, phát khởi phân biệt không như lý, cũng thuộc không hiểu biết.

Sao gọi là không hiểu biết đối với Phật? Đối với Phật Bồ-đề, chỗ không hiểu biết do không tư duy, hoặc do tà tư duy, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi hoặc, hoặc do hủy báng.

Sao gọi là không hiểu biết đối với Pháp? Đối với chánh pháp tánh thiện thuyết, chỗ không hiểu biết do không tư duy, hoặc do tà tư duy, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi hoặc, hoặc do phỉ báng.

Sao gọi là không hiểu biết đối với Tăng? Đối với chánh hạnh của Tăng, chỗ không hiểu biết do không tư duy, hoặc do tà tư duy, hoặc do phóng dật, hoặc do nghi hoặc, hoặc do phỉ báng.

Sao gọi là không hiểu biết đối với khổ? Đối với khổ là tánh khổ, chỗ không hiểu biết do không tư duy, hoặc do tà tư duy, hoặc do phóng dật, hoặc

do nghi hoặc, hoặc do hủy báng.

Như không hiểu biết đối với khổ, thì không hiểu biết đối với tập, diệt, đạo cũng vậy.

Sao gọi là không hiểu biết đối với nhân? Tức là phát khởi phân biệt không như lý, chỗ không hiểu biết hoặc do kế chấp vô nhân, hoặc do kế chấp Tự tại thiên, Phạm thế, tánh sĩ phu, trung gian... nhân không bình đẳng.

Như không hiểu biết đối với nhân, thì không hiểu biết đối với nhân sanh các hành cũng vậy.

Lại kia vô tội nên gọi là thiện. Có tội nên gọi là bất thiện. Có lợi ích nên gọi là nên tu tập. Không lợi ích nên gọi là không nên tu tập. Hắc nên gọi là có tội. Bạch nên gọi là vô tội. Tạp nên gọi là có phân chia.

Sao gọi là không hiểu biết đối với như thật thông đạt sáu xúc xứ? Tức là chỗ không hiểu biết của kẻ tăng thượng mạn, vì đối với những điều đã chứng tư duy điên đảo.

Như vậy đã lược thuyết 19 chủng không hiểu biết.

Lại có 7 chủng không hiểu biết khác: 1. Ngu thế; 2. Ngu sự; 3. Ngu di chuyển; 4. Ngu tối thắng;

5. Ngu chân thật; 6. Ngu nhiễm tịnh; 7. Ngu tăng thượng mạn.

Sao nói là 19 chủng trước và 7 chủng sau có sự tương quan lẫn nhau?

- Ba không hiểu biết đầu tiên nhiếp không hiểu biết thứ nhất.

- Ba không hiểu biết kế tiếp nhiếp không hiểu biết thứ hai.

- Ba không hiểu biết kế tiếp nhiếp không hiểu biết thứ ba.

- Ba không hiểu biết tiếp theo nhiếp không hiểu biết thứ tư.

- Bốn không hiểu biết kế tiếp nhiếp không hiểu biết thứ năm.

- Hai không hiểu biết tiếp theo nhiếp không hiểu biết thứ sáu.

- Không hiểu biết rốt sau nhiếp không hiểu biết thứ bảy.

Lại có 5 chủng ngu: 1. Ngu nghĩa; 2. Ngu kiến; 3. Ngu phóng dật; 4. Ngu chân thật nghĩa; 5. Ngu tăng thượng mạn.

Sao gọi là 19 chủng trước và 5 chủng ngu sau có sự tương quan nhiếp lẫn nhau?

- Sáu chủng không hiểu biết đầu tiên, hai chủng không hiểu biết đối với nhân, nhân sanh các hành, nhiếp thuộc ngu kiến.

- Ba chủng không hiểu biết đối với nghiệp, dị thực, nghiệp dị thực nhiếp thuộc ngu phóng dật.

- Bảy chủng không hiểu biết đối với Phật... cho đến không hiểu biết đối với đạo đế, nhiếp ngu chân thật nghĩa.

- Một chủng không hiểu biết sau cùng nhiếp thuộc ngu tăng thượng mạn.

- Tất cả không hiểu biết đều nhiếp thuộc ngu nghĩa.

*- Vô minh:*

Có 6 chủng sai biệt là: vô tri, vô kiến, không có hiện quán, hắc ám, ngu si và vô minh ám, thứ tự đi theo 7 chủng không hiểu biết đã nói ở trước. Đối với 2 chủng không hiểu biết cuối hợp chung làm một. Một sau cùng đây khởi vô minh hắc ám. Lại có sự sai khác, tức là sở tri văn, tư, tu chỗ thành tựu ba tuệ sai biệt. Tức sở tri đây có phẩm hạ, trung, thượng sai biệt, nên nói 3 chủng sau. Như vậy vì sở tri sai biệt và vì tự tánh sai biệt, nên kiến lập 6 chủng sai biệt.

*-Hành:*

Sao gọi là thân hành? Là thân nghiệp hoặc ở Dục giới, hoặc ở Sắc giới. Nếu ở cõi dưới, gọi là nghiệp phước, nghiệp phi phước. Nếu ở cõi trên, gọi là nghiệp bất động.

Sao gọi là ngữ hành? Là ngữ nghiệp hoặc ở Dục giới, hoặc ở Sắc giới. Nếu ở cõi dưới, gọi là nghiệp phước, nghiệp phi phước. Nếu ở cõi trên, gọi là nghiệp bất động.

Sao gọi là ý hành? Là ý nghiệp nếu ở tại Dục giới, gọi là nghiệp phước, nghiệp phi phước. Ở tại Sắc giới và Vô sắc giới chỉ gọi là nghiệp bất động.

*-Thức:*

Sao gọi là nhãn thức? Thức ở đương lai nương vào căn mắt, nhận biết rõ cảnh sắc. Là chủng tử thức mà các hành nghiệp phước, phi phước và bất động huân tập và phát triển. Chủng tử kia lại tiếp tục sanh quả thức.

Như nhãn thức, nhĩ thức cho đến ý thức nên biết cũng thế. Do sở y và cảnh giới, chỗ khởi liễu biệt có sự sai khác. Thức đây ở Dục giới thì đầy đủ 6 chủng, ở Sắc giới chỉ có 4 chủng, ở Vô sắc giới chỉ có 1 chủng.

*-Uẩn:*

Sao gọi là thọ uẩn? Tất cả chủng loại lãnh nạp.

Sao gọi là tướng uẩn? Tất cả chủng loại liễu biệt cảnh tượng.

Sao gọi là hành uẩn? Tất cả chủng loại nghiệp tác ý do tâm tạo.

Sao gọi là thức uẩn? Tất cả chủng loại liễu biệt.

Các uẩn như vậy đều thông cả ba cõi.

*-Giới:*

Sao gọi là 4 đại chủng? Đó là địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Bốn đại chủng đây đều thông cả hai cõi Dục và Sắc.

Sao gọi là 4 đại chủng tạo sắc? Đó là 10 sắc xứ và pháp xứ nhiếp lấy sắc. Dục giới đầy đủ 10 sắc xứ và pháp giới nhiếp lấy giả sắc. Sắc giới có 8 sắc xứ và pháp xứ nhiếp lấy sắc, nhưng chẳng phải tất cả. Đây cũng có 2 chủng, tức là: chủng tử thức nhiếp thọ lấy chủng tử danh sắc và chủng tử thức kia sanh quả danh sắc.

*-Xứ:*

Sao gọi là nhân xứ? Tức là nhân thức sở y tịnh sắc. Do đây đối với sắc hoặc đã thấy, hoặc hiện thấy, hoặc sẽ thấy.

Như nhãn xứ, nhĩ xứ cho đến ý xứ tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng thế. Đối với tất cả xứ nên nói nghiệp dụng của ba thời sai biệt. Đây cũng có 2 chủng, đó là: chủng tử danh sắc nhiếp thọ lấy chủng tử của 6 xứ và chủng tử danh sắc sanh quả 6 xứ.

Năm xứ ở tại Dục giới, Sắc giới. Xứ thứ sáu thông cả ba giới.

*-Xúc:*

Sao gọi là nhãn xúc? Tức là nghĩa ba yếu tố căn, cảnh và thức hòa hợp sanh, năng thủ cảnh giới tịnh diệu.

Như vậy, các xúc còn lại tùy theo cảnh riêng mà biết được tướng ấy. Đây lại có 2 chủng, đó là: chủng tử 6 xứ nhiếp thọ lấy chủng tử xúc và chủng tử 6 xứ kia sanh quả xúc.

Dục giới có đầy đủ 6 chủng xúc. Sắc giới có 4 chủng xúc. Vô sắc giới có 1 chủng xúc.

*-Thọ:*

Sao gọi là thọ lạc? Các căn thuận cảnh giới lạc làm duyên, nên sanh thọ vui vẻ hoan duyệt, do thọ nhiếp lấy.

Sao gọi là thọ khổ? Các căn thuận cảnh giới



khổ làm duyên, nên sanh thọ không vui vẻ hoan duyệt, do thọ nhiếp lấy.

Sao gọi là thọ không khổ không lạc? Các căn thuận cảnh giới không khổ không lạc làm duyên, nên sanh thọ không phải vui vẻ hoan duyệt, không phải không vui vẻ hoan duyệt, do thọ nhiếp lấy.

Dục giới có cả 3 thọ. Sắc giới có 2 thọ. Từ Đệ tứ tinh lự trở lên cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ chỉ có thọ thứ ba là không khổ không lạc. Đây cũng có 2 chủng, đó là: chủng tử xúc nhiếp thọ chủng tử thọ và chủng tử xúc kia sanh quả thọ.



## *Quyển 10*

### **Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA**

### **Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA**

### **Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA**

### **Phần 7**

*-Ái:*

Sao gọi là Dục ái? Tức là do các hành Dục giới làm duyên sanh ra. Đối với hành Dục giới, nhiệm ô và mong cầu. Do đây năng sanh quả khổ ở Dục giới.

Sao gọi là Sắc ái? Tức là do các hành Sắc giới làm duyên sanh ra. Đối với các hành Sắc giới, nhiệm ô và mong cầu. Do đây năng sanh quả khổ ở Sắc giới.

Sao gọi là Vô sắc ái? Tức là các hành Vô sắc giới làm duyên sanh ra. Đối với hành Vô sắc giới, nhiệm ô và mong cầu. Do đây năng sanh quả khổ Vô sắc giới.

*-Thủ:*

Sao gọi là dục thủ? Sở hữu dục tham ở trong các dục.

Sao gọi là kiến thủ? Sở hữu dục tham ở trong

các kiến, trừ tát-ca-da kiến.

Sao gọi là giới cấm thủ? Sở hữu dục tham do tà nguyện, phát khởi giới cấm.

Sao gọi là ngã ngữ thủ? Sở hữu dục tham ở trong tát-ca-da kiến.

Một thủ đầu năng sanh quả khổ Dục giới. Các thủ còn lại sanh quả khổ thông cả ba giới.

*-Hữu:*

Sao gọi là Dục hữu? Gốc hữu, nghiệp hữu, tử hữu, trung hữu, sanh hữu, na-lạc-ca hữu, bàng sanh hữu, ngã quý hữu, người hữu, trời Dục giới hữu, gọi chung là Dục hữu. Đây trước do sự tạo tác của các hành phiền não nhiếp thọ, huân ướp phát khởi.

Sao gọi là Sắc hữu? Trừ na-lạc-ca hữu, bàng sanh hữu, ngã quý hữu, người hữu, còn lại là Sắc hữu.

Sao gọi là Vô sắc hữu? Lại trừ trung hữu, còn lại là Vô sắc hữu.

**Hỏi:** Nương vào nghĩa nào mà kiến lập 7 hữu, đó là: na-lạc-ca hữu, bàng sanh hữu, ngã quý hữu, người hữu, trời hữu, nghiệp hữu, trung hữu?

**Đáp:** Vì nương 3 chủng sở tác: 1. Năng dẫn hữu, có một; 2. Hướng đến hữu, có một; 3. Thọ dụng quả hữu, có năm.

*-Sanh:*

Sao gọi là sanh? Lúc mới thác sanh ở 2 loại là thai sanh và noãn sanh.

Sao gọi là đẵng sanh? Tức nường nơi bào thai kia, thân phần viên mãn, nhưng chưa đến lúc ra ngoài.

Sao gọi là thú? Từ kia được sanh ra ngoài.

Sao gọi là khởi? Đã được sanh ra ngoài rồi, tiếp tục tăng trưởng.

Sao gọi là xuất hiện? Đối với 2 dạng sanh là thấp sanh và hóa sanh, thân phần tăng trưởng mau chóng.

Sao gọi là uẩn đắc? Tức ở trong các vị sanh kia, nắm thủ uẩn chuyển.

Sao gọi là giới đắc? Tức là tánh mà nhân duyên các uẩn kia nhiếp lấy.

Sao gọi là xứ đắc? Tức là tánh mà duyên khác các uẩn kia nhiếp lấy.

Sao gọi là các uẩn sanh khởi? Các uẩn kia ngày ngày được thức uống ăn nuôi dưỡng lớn lên.

Sao gọi là mạng căn xuất hiện? Các uẩn kia vì thọ lực khác nên được trụ tương tục.

Sau đây lược nghĩa sanh, đó là: hoặc tự tánh

sanh, hoặc vị sanh xứ, hoặc sự sanh, hoặc nhân duyên nhiếp lấy, hoặc nhậm trì dẫn dắt, hoặc nương tựa giữ gìn câu sanh. Đây gọi là lược nghĩa của sanh.

*-Lão:*

Sao gọi là suy? Nương vào sự suy yếu nên thân kia run rẩy.

Sao gọi là lão? Màu tóc suy giảm biến đổi.

Sao gọi là nhiếp? Lớp da thân thể dần dần nhăn nheo.

Sao gọi là thực? Nhiệt huyết suy giảm, không còn sức lực để thọ dụng dục trần.

Sao gọi là khí lực bị tổn hoại? Tánh nhiều tật bệnh, không có đủ sức lực để làm các sự nghiệp.

Sao gọi là thân có đốm đen? Dung sắc bị tổn giảm, vết nám xuất hiện.

Sao gọi là lưng còng, hơi thở hỗn hển gấp gáp? Đây là biểu hiện oai nghi khi đi đứng của thân hình. Do lưng còng nên hơi thở hỗn hển nặng nề, ho sù sụ.

Sao gọi là hình mạo cúi ra phía trước? Đây là biểu hiện oai nghi khi ngồi của thân hình, thân cong đầu cúi thấp.

Sao gọi là nương tựa vào gậy? Đây là biểu hiện

oai nghi khi đứng của thân hình, phải nương dựa vào sức cây gậy.

Sao gọi là hôn muội? Đây là biểu hiện oai nghi khi nằm của thân hình, ngủ nghỉ hay bị mê.

Sao gọi là gầy yếu? Tức là do cách nằm đây, nên không đủ sức bật dậy nhanh chóng.

Sao gọi là tổn giảm? Trí nhớ, sự minh mẫn bị giảm sút.

Sao gọi là suy thoái? Trí tuệ nhớ nghĩ suy kém, cho đến không thể thực hành thiện pháp.

Sao gọi là các căn già? Tức thân thể yếu kém.

Sao gọi là công dụng bị phá hoại? Người kia ở nơi cảnh không còn sáng suốt tinh anh.

Sao gọi là các hành mục nát? Kia lúc sắp chết.

Sao gọi là thân hình hư hoại mục nát? Thọ mạng sắp tận, thân hình sắp hoại, đối với các sự nghiệp không còn khả năng thực hiện.

Sau đây lược nghĩa lão, đó là: nương vào sự biến hoại, râu tóc biến hoại, đầy đủ vui thích biến hoại, nhiệt huyết biến hoại, không bệnh biến hoại, sắc tướng biến hoại, oai nghi biến hoại, các căn không sắc biến hoại, các căn có sắc biến hoại, thời khắc đã qua, thọ mạng sắp tận.

*-Tử:*

Sao gọi là những hữu tình? Hữu tình na-lạc-ca...

Sao gọi là chủng loại? Tất cả hữu tình kia.

Sao gọi là chung? Các hữu tình xả chi phần thân thể mà chết.

Sao gọi là tận? Các hữu tình thân phần phân rã mà chết.

Sao gọi là hoại? Thức lìa thân.

Sao gọi là một? Các sắc căn diệt.

Sao gọi là xả thọ? Hơi thở sắp tận.

Sao gọi là xả hơi ấm? Ở giai đoạn không còn động đậy, xả bỏ các uẩn.

Sao gọi là mạng căn tàn diệt? Vào lúc chết.

Sao gọi là chết? Gặp duyên tai họa, không đúng lúc mà chết.

Sao gọi là thời vận tận hết? Mới chết chưa lâu. Lại nghiệp tử ma cũng gọi là thời vận tận hết.

Sau đây lược nghĩa tử, đó là: hoặc chết, hoặc pháp chết, hoặc chết sai biệt, hoặc giai đoạn sau khi chết.

Như vậy gọi là sai biệt của duyên khởi.

*e. Sao gọi là thứ lớp duyên khởi?*

**Hỏi:** Nhân duyên nào các chi hữu vô minh...

được nói thứ lớp như vậy?

Đáp: Các kẻ ngu si, trước ngu si ở nơi nhận biết các sự việc. Kế đến, ở nơi các sự việc kia mà phát khởi tà hạnh. Do tà hạnh đây, khiến tâm điên đảo. Do tâm điên đảo, nên kiết sanh tương tục. Do kiết sanh tương tục, nên các căn đầy đủ. Do các căn đầy đủ, nên có hai sự thọ dụng cảnh: hoặc đắm trước, hoặc mong cầu. Do mong cầu, nên lúc mới tìm kiếm, phiền não nảy sinh. Do phiền não nảy sinh, nên phát khởi nghiệp hậu hữu ái và hậu hữu phi ái. Do nghiệp lực sanh khởi và phát triển ở trong năm thú sanh tử, nên có quả sanh khổ. Có quả sanh khổ rồi, nên có hết thảy lão, tử khổ. Tức là nội thân biến đổi dẫn dắt lão tử khổ, cùng với cảnh giới biến đổi dẫn dắt ưu thán khổ, nhiệt não khổ. Cho nên Thế Tôn đã nói thứ lớp 12 chi như vậy.

Lại có thứ lớp 12 chi khác, đó là nương 2 chủng duyên kiến lập thứ lớp duyên khởi: 1. Duyên nội thân; 2. Duyên cảnh giới thọ dụng.

Duyên nội thân nhiếp thuộc sáu chi trước. Duyên cảnh giới thọ dụng nhiếp thuộc sáu chi sau.

Trước đối với nội thân khởi ngu chấp ngã... Do không thể liễu các nghiệp dẫn dắt quả khổ dị thực



đây, phát khởi các nghiệp. Nghiệp đã phát khởi, tức theo nghiệp kia khởi nhiều tâm tư. Do nghiệp được thức làm trợ bạn, năng cảm 3 chủng quả khổ đương lai: 1. Quả khổ nhiếp thuộc căn khởi; 2. Quả khổ nhiếp thuộc căn viên mãn; 3. Quả khổ nhiếp thuộc cảnh giới thọ dụng. Trong đây đầu tiên là danh sắc, sau cùng là xúc.

Nếu ở trong hiện pháp, nương xúc làm duyên cho thọ phát khởi ái, lại vì duyên cảnh giới thọ dụng, nên rộng khởi truy cầu. Hoặc do môn sự nghiệp, hoặc do môn lợi dưỡng, hoặc do môn giới cấm, hoặc do môn giải thoát mà phát khởi cầu dục, cầu nội thân, cầu tà giải thoát. Do cầu như vậy, khiến sự sanh khởi phiền não cùng nghiệp trước kia dẫn dắt quả sanh trong năm thú sanh tử. Đã được sanh rồi, lại bị lão tử triển chuyển theo đuổi.

Lại có thứ lớp 12 chi khác, đó là do 3 chủng tụ hữu tình: 1. Tụ hữu tình vui xuất thế thanh tịnh; 2. Tụ hữu tình vui thế gian; 3. Tụ hữu tình vui đắm cảnh giới.

- Tụ hữu tình ban đầu diệt các duyên khởi, tăng thêm phẩm bạch tịnh.

- Tụ hữu tình thứ hai không như thật biết đạo

lý các đế. Hoặc trụ chánh niệm, hoặc tạo tác nghiệp phước, hoặc tạo tác tu hữu lậu, dẫn dắt nghiệp bất động. Hoặc không trụ chánh niệm phát khởi nghiệp phi phước, hoặc tâm tương tục hồi hận dẫn dắt, hoặc tâm không tương tục hồi hận dẫn dắt, lại thêm hoan hỷ. Kia như trước đối với thứ lớp sanh xứ thượng, trung, hạ năng cảm ba chủng quả khổ đương lai, đầu tiên là danh sắc, sau cùng là xúc.

- Tu hữu tình thứ ba nương cảnh thọ dụng hiện tại mà sanh thọ. Ở trong hiện pháp, thứ lớp khởi 6 chi sau, đầu tiên là thọ, sau cùng là lão tử.

**Hỏi:** Nhân duyên nào trong thứ lớp nghịch duyên khởi, lão tử ở vị trí đầu tiên của các duyên khởi?

**Đáp:** Nương vào đạo lý đế để tuyên thuyết, lấy sanh và lão tử để hiển khổ đế. Như Thế Tôn nói: “Danh sắc mới diệt là pháp đứng đầu”.

**Hỏi:** Cớ sao không nói các vô minh diệt là pháp đứng đầu?

**Đáp:** Nương vào tâm giải thoát mà thi thiết kiến lập. Do kia chủng tử khổ ở trong hiện pháp và quả khổ ở đương lai không sanh mà chỉ có diệt, nên nói danh sắc làm tiền dẫn, thọ là rốt sau, được

diệt rất ráo.

Lại ở trong hiện pháp, lúc lãnh thọ các thọ, ái và tùy miên vĩnh viễn được nhổ tận gốc không còn sanh khởi, nên gọi là diệt. Do ái và tùy miên diệt làm tiền dẫn, nên các chi khác cũng diệt.

Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là tuyên thuyết thứ lớp duyên khởi.

*f. Giải thích tên duyên khởi?*

**Hỏi:** Cố sao duyên khởi lại được gọi là duyên khởi?

**Đáp:** Do phiền não hệ phược ở trong các cõi luân luân sanh khởi, cho nên gọi là duyên khởi. Đây chỉ nương chữ mà giải thích tên.

Lại nương vào nghĩa các duyên nhanh chóng tàn diệt lại nối tiếp hòa hợp sanh, nên gọi là duyên khởi. Đây nương vào nghĩa sát-na để giải thích.

Lại không lìa bỏ các duyên quá khứ, nương vào sự tương tục của chính các duyên mà được sanh khởi, nên được gọi là duyên khởi. Như thuyết: “Đây có nên kia có, đây sanh nên kia sanh, chẳng phải khác”. Do nương vào nghĩa đây mà giải thích tên.

Lại lớp lớp duyên tàn diệt, lại tương tục sanh khởi, nên gọi là duyên khởi. Đây nương vào nghĩa

luôn luôn hoại và luôn luôn diệt mà giải thích tên.

Lại ở đời quá khứ giác tánh duyên tương tục khởi, nên gọi là duyên khởi. Như Thế Tôn nói: “Ta đã giác ngộ nên chánh khởi tuyên thuyết”. Tức tên gọi đây được triển chuyển truyền nói lại cho nhau, nên gọi là duyên khởi.

*g. Sao gọi là tánh duyên của duyên khởi?*

**Hỏi:** Vô minh đối với hành làm chủng duyên gì?

**Đáp:** Đối với các hành sắc làm tăng thượng duyên. Đối với các hành vô sắc làm 3 duyên, đó là: đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên.

Như vậy các duyên khác, tùy theo chỗ thích hợp làm duyên nhiều ít sai khác nên biết. Tức là chi hữu sắc đối với chi hữu sắc làm một duyên là tăng thượng duyên, chi hữu sắc đối với chi vô sắc làm 2 duyên, đó là: sở duyên duyên và tăng thượng duyên.

Hoặc chi vô sắc đối với chi hữu sắc chỉ làm một duyên, nhưng đối với chi vô sắc làm 3 duyên, đó là: đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên.

**Hỏi:** Cớ sao các chi tương vọng lẫn nhau mà không có nhân duyên ư?

Đáp: Bởi nhân duyên tức là chỗ hiển duyên chúng tử tự thể.

**Hỏi:** Nếu các chi tương vọng mà không có nhân duyên, cố sao nói rằng: “Nương thể tánh nhân quả mà kiến lập duyên khởi”?

Đáp: Nương vào tăng thượng duyên nhiếp lấy nhân dẫn phát, nhân dẫn dắt và nhân sanh khởi, nên gọi là nhân.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi nhiếp thuộc nhân dẫn dắt?

Đáp: Từ vô minh cho đến thọ.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi nhiếp thuộc nhân sanh khởi?

Đáp: Từ ái cho đến hữu.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi nhiếp thuộc quả của nhân sanh khởi và quả của nhân dẫn dắt?

Đáp: Thức... cho đến thọ ở trong hiện pháp và hậu pháp, các chi nhiếp thuộc vị sanh lão tử.

**Hỏi:** Nếu nói vô minh lấy không như lý tác ý làm nhân, vậy nhân duyên nào ở trong giáo lý duyên khởi không được nói đến đầu tiên?

Đáp: Bởi không như lý tác ý kia chỉ là nhân không gián đoạn, không phải nhân tạp nhiễm. Vì sao? Chỉ có kẻ ngu mới khởi không như lý tác ý. Nhưng trong đây chỉ nương nhân tạp nhiễm mà

nói giáo lý duyên khởi. Tự tánh vô minh là nhiễm ô, còn tự tánh của không như lý tác ý không phải là nhiễm ô. Cho nên kia không thể làm nhiễm ô vô minh, mà ngược lại chỉ do lực vô minh làm cho nhiễm ô. Lại nghiệp sanh tạp nhiễm do lực phiền não huân tập phát triển. Đây là nhân đầu tiên của nghiệp này, gọi là duyên khởi đầu tiên. Cho nên không thuyết không như lý tác ý là đầu tiên.

**Hỏi:** Có sao không nói: “Tự thể làm duyên của tự thể”?

Đáp: Do tự thể kia, nếu không có được duyên khác thì đối với tự thể tạp nhiễm không thể tăng trưởng, cũng không bị tổn giảm, cho nên không nói.

**Hỏi:** Do nhân duyên nào hành phước, hành bất động là do công lực của chánh tư duy chọn lựa mà khởi, nhưng sao lại nói: “Dụng vô minh làm duyên”?

Đáp: Do không liễu đạt nhân khổ thế tục làm duyên, nên sanh khởi hành phi phước. Do không liễu đạt nhân khổ thắng nghĩa làm duyên, nên sanh hành phước và hành bất động. Cho nên cũng nói: “Kia lấy vô minh làm duyên”.

**Hỏi:** Như trong kinh thuyết: “Các nghiệp lấy tham sân si làm duyên”, có sao trong đây chỉ nói

lấy si làm duyên?

**Đáp:** Trong đây thông cả duyên nghiệp phước, nghiệp phi phước và nghiệp bất động, còn duyên tham sân si chỉ sanh khởi nghiệp phi phước.

**Hỏi:** Thân nghiệp và ngũ nghiệp do tư mà được phát khởi, vậy thì hành cũng làm duyên hành, có sao chỉ nói: “Vô minh duyên hành”?

**Đáp:** Đây chỉ nương vào duyên phát khởi tất cả hành mà thuyết, và nương duyên tư duy sanh thiện, nhiễm ô mà nói.

**Hỏi:** Thức cũng lấy danh sắc làm duyên, có sao trong đây chỉ nói: “Hành làm duyên”?

**Đáp:** Hành là duyên của thức tạp nhiễm, năng dẫn, năng sanh quả hậu hữu; không phải như danh sắc, chỉ là duyên sở y, sở duyên sanh khởi.

**Hỏi:** Danh sắc cũng do đại chủng tạo ra và do xúc sanh ra, có sao chỉ nói: “Thức làm duyên”?

**Đáp:** Thức năng làm nhân thì kia mới được sanh. Kia đã sanh rồi, nếu lúc đang sanh, đại chủng và xúc có thể cùng kia làm nhân kiến lập.

**Hỏi:** Như trong kinh thuyết: “Sáu giới làm duyên được nhập thai mẹ”, có sao trong đây chỉ nói: “Thức giới làm duyên”?

**Đáp:** Nếu có thức giới thì quyết định ở trong thai mẹ, tinh huyết đại chủng, bụng, căn môn không bị khiếm khuyết. Lại thức giới trội hơn, lại nương tất cả sanh, tất cả thời có sanh mà nói.

**Hỏi:** Sáu xứ cũng lấy thức ăn uống làm duyên, có sao trong đây chỉ nói: “Danh sắc làm duyên”?

**Đáp:** Trong đây nói danh sắc, bởi lẽ đây làm nhân khiến kia sanh. Kia đã sanh rồi, cũng lấy thức ăn uống làm nhân giữ gìn.

**Hỏi:** Xúc lấy ba hòa hợp làm duyên, có sao trong đây chỉ nói: “Sáu xứ làm duyên”?

**Đáp:** Nếu có sáu xứ thì nhất định có hai duyên còn lại, không thể thiếu được. Lại sáu xứ thù thắng hơn vì nhiếp lấy cả hai chủng.

**Hỏi:** Hoặc tự mình bức bách, hoặc bị người khác bức bách, hoặc thời gian biến đổi, hoặc nghiệp trước dẫn dắt, đều khiến thọ được sanh, có sao trong đây chỉ hiển “Xúc làm duyên của thọ”?

**Đáp:** Bởi vì xúc là nhân gần thọ nhất. Do xúc dẫn dắt duyên khác mà sanh ra thọ, cũng từ xúc mà được sanh, nên không thể lìa xúc. Cho nên chỉ thuyết nghiêng về xúc.

**Hỏi:** Trong kinh cũng thuyết: “Vô minh làm



duyên sanh ái, thuận cảnh giới ái cũng được làm duyên”, cơ sao trong đây chỉ nói: “Thọ làm duyên”?

**Đáp:** Do lực của thọ, nên đối với cảnh tương tự hoặc cầu hòa hợp, hoặc cầu xa lìa. Do lực ngu si, nên ở nơi các tướng thọ khởi rồi diệt tận mà không như thật biết. Do đây không thể chế ngự được tâm.

**Hỏi:** Do tùy miên chưa đoạn, thuận các pháp kia, thủ được sanh, cơ sao trong đây chỉ nói: “Ái làm duyên của thủ”?

**Đáp:** Do hy vọng sanh nên trong lúc truy cầu năng phát khởi tùy miên và năng dẫn phát pháp thuận theo kia.

**Hỏi:** Trước đã nói: “Vô minh làm duyên khiến phát khởi nghiệp hữu”, cơ sao nay nói: “Thủ làm duyên hữu”?

**Đáp:** Do lực của thủ nên khiến nghiệp kia, ở sanh xứ kia, năng dẫn quả thức, danh sắc...

**Hỏi:** Sanh cũng lấy tinh huyết... làm duyên, cơ sao trong đây chỉ nói: “Hữu làm duyên sanh”?

**Đáp:** Do có hữu thì nhất định có duyên khác, không thể thiếu. Lại hữu vượt trội hơn nên chỉ thuyết hữu làm duyên.

**Hỏi:** Lão tử cũng do hành xa, không bỏ các

việc không quân bình, bị người bức bách... làm duyên, cơ sao trong đây chỉ nói: “Sanh làm duyên lão tử”?

**Đáp:** Do các duyên kia đều lấy sanh làm căn bản. Cho dù thiếu các duyên kia, nhưng chỉ cần có sanh làm duyên, nhất định có lão tử.

**Hỏi:** Mười hai chi đây, bao nhiêu là đạo phiền não, bao nhiêu là đạo nghiệp, bao nhiêu là đạo khổ?

**Đáp:** Ba là đạo phiền não, hai là đạo nghiệp, còn lại là đạo khổ.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi là nhân? Bao nhiêu chi là quả? Bao nhiêu thông cả nhân và quả?

**Đáp:** Chi đầu tiên là nhân, chi sau cùng là quả, các chi còn lại thông cả nhân và quả. Có cách trả lời khác, đó là ba chi chỉ là nhân, hai chi chỉ là quả, nên biết các chi còn lại cũng là nhân, cũng là quả.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi là tướng riêng? Bao nhiêu chi là tướng tạp?

**Đáp:** Ba chi là tướng riêng, hành... là tướng tạp.

**Hỏi:** Cơ sao hành có tướng tạp?

**Đáp:** Do 2 chủng nên nói như vậy, tức là: năng dẫn quả ái, phi ái và năng sanh vào các cõi sai khác.

**Hỏi:** Cơ sao thức và danh sắc, sáu xứ có một phần tướng tạp?

Đáp: Do 3 chủng nên nói như vậy, đó là: nương lúc tạp nhiễm, nương lúc thấm nhuần và nương lúc chuyển.

**Hỏi:** Cớ sao thức cho đến thọ và lão tử có tướng tạp?

Đáp: Do 2 chủng mà nói như vậy, tức là: riêng hiển tướng khổ và hiển dẫn sanh sai biệt.

**h.** Sao gọi là phân biệt duyên của duyên khởi?

Ở trong duyên khởi, sao gọi là nghĩa luôn thoảng qua? –Nghĩa liền sanh chẳng trụ.

Sao gọi là nghĩa hòa hợp? –Nghĩa các duyên tụ tập.

Sao gọi là nghĩa khởi? –Nghĩa các duyên hòa hợp dẫn nhiếp cái mới mới sanh.

Sao gọi là duyên khởi? Sao gọi là duyên sanh? –Pháp tánh các hành sanh khởi, gọi là duyên khởi. Tức lúc kia sanh rồi, gọi là duyên sanh.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi nhiếp thuộc khổ đế và hiện pháp là khổ?

Đáp: Hai chi, đó là sanh và lão tử.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi nhiếp thuộc khổ đế và đương lai là khổ?

Đáp: Tánh chủng tử của thức cho đến thọ.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi nhiếp thuộc tập đế?

**Đáp:** Các chi còn lại.

**Hỏi:** Vô minh và hành làm duyên câu hữu, làm duyên không gián đoạn diệt, hay làm duyên lâu dài diệt?

**Đáp:** Nên biết làm đủ cả 3 duyên. Đó là: do không hiểu biết nên ở trong các pháp thuận theo các hành là duyên câu hữu chướng che, làm các việc khác nhau khiến phát khởi các hành. Lại do ác kiến phóng dật đồng hành với không hiểu biết là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt phát khởi các hành. Lại do không hiểu biết làm duyên dẫn phát lâu dài diệt. Do đây kiến lập thuận theo kia sẽ sanh tương tục ở đương lai.

**Hỏi:** Sao gọi là các hành đối với thức làm 3 chủng duyên?

**Đáp:** Do năng huân ướp phát triển chủng tử kia là duyên câu hữu. Kế đến nhờ thế lực kia mà chuyển là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt. Do kia nên đương lai quả được sanh là duyên dẫn phát lâu dài diệt.

Như hành đối với thức làm thành ba duyên như vậy, thì thức vọng đối với danh sắc, danh sắc

vọng đối với sáu xứ, sáu xứ vọng đối với xúc, xúc vọng đối với thọ nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Sao gọi là thọ đối với ái làm 3 chủng duyên?

**Đáp:** Nên biết do thọ kia nên phát khởi vui đắm là duyên câu hữu. Từ đây không gián đoạn, do thế lực của thọ nên khởi truy cầu... tác dụng hành chuyển là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt. Do đây kiến lập ở đương lai khó thể vượt khỏi sự tương tục tiếp nối của kia là duyên dẫn phát lâu dài diệt.

**Hỏi:** Sao gọi là ái đối với thủ làm 3 chủng duyên?

**Đáp:** Do đồng hành với dục tham nên ở trong các pháp thuận theo thủ. An lập vui muốn là duyên câu hữu. Do nương thế lực của ái mà chuyển là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt. Do đây kiến lập ở đương lai khó thể giải thoát vượt khỏi sự tương tục tiếp nối của kia, là duyên dẫn phát lâu dài diệt.

**Hỏi:** Sao gọi là thủ đối với hữu làm 3 chủng duyên?

**Đáp:** Do cùng có với kia tạo thành nghiệp năng chiêu cảm quả hưởng đến các thú là duyên câu hữu. Lại do thế lực của thủ nên năng dẫn

thức... sanh ở xứ kia kia là duyên sanh khởi không gián đoạn diệt. Lại công năng dẫn phát của cội kia là duyên dẫn phát lâu dài diệt.

**Hỏi:** Sao gọi là hữu đối với sanh làm 3 chủng duyên?

**Đáp:** Do huân ướp phát triển chủng tử kia là duyên cội hữu. Do nương thế lực của hữu tùy chuyển không gián đoạn là duyên sanh khởi. Tuy lâu dài diệt mà quả chuyển là duyên dẫn phát.

Như hữu đối với sanh, thì sanh làm duyên của lão tử cũng vậy.

Lại nữa, kiến lập chi hữu có 2 chủng: 1. Kiến lập phần trội hơn, đó là thủ nghiệp lấy thọ nghiệp, như trước đã thuyết; 2. Kiến lập toàn phần, đó là chỗ có chủng tử nghiệp và thức cho đến thọ. Thủ nghiệp lấy thọ kiến lập là hữu.

**Hỏi:** Các chi hữu đây chỉ theo thứ lớp làm duyên với hành cho đến lão tử, hay lại có nghiệp chủng khác?

**Đáp:** Tức nghiệp dụng đây và chỗ có nghiệp dụng ở trong cảnh sở hành riêng biệt tùy chỗ thích hợp của từng chi. Nên biết đây gọi là nghiệp dụng thứ hai.

**Hỏi:** Vô minh chỉ cùng với hành làm duyên, hay cũng cùng với chi khác làm duyên?

**Đáp:** Vô minh cho đến cùng với lão tử làm duyên. Trước đã nói vô minh chỉ cùng với hành làm duyên, tức chỉ thuyết nghĩa duyên cận sát. Như vậy cùng với cái khác làm duyên đều nên biết tường tận.

Lại nữa, chi sau không phải là duyên của chi trước. Vì có sao? Như muốn đoạn chi sau, cần tác dụng công đoạn chi trước, thì chi sau cũng theo đó mà đoạn. Chẳng phải vì đoạn chi trước, mà tác dụng công đoạn chi sau. Cho nên nên biết chỉ có chi trước làm duyên của chi sau.

**Hỏi:** Sao gọi là “đây có nên kia có”?

**Đáp:** Do nghĩa duyên chưa đoạn, cái khác liên sanh.

**Hỏi:** Sao gọi là “đây sanh nên kia sanh”?

**Đáp:** Do nghĩa duyên vô thường, nên cái khác được sanh.

**Hỏi:** Có sao nói: “Có sanh nên có lão tử, cần yếu phải do sanh làm duyên mới có lão tử. Như vậy cho đến vô minh đối với hành”?

**Đáp:** Do đạo lý lời dạy đây hiển rõ nghĩa duyên tác dụng không thật, nên cái khác được sanh.

**Hỏi:** Cớ sao nói: “Có sanh nên có lão tử, không phải lìa sanh làm duyên mà có lão tử. Như vậy cho đến vô minh đối với hành” ?

**Đáp:** Do đạo lý lời dạy đây hiển rõ nghĩa từ duyên tương tục của chính mình, tức từ tương tục đây mà cái khác được sanh.

**Hỏi:** Nếu vô minh làm duyên cho pháp, pháp kia là hành ư? Giả sử đó là hành, thì vô minh kia làm duyên ư?

**Đáp:** Nên tác bốn câu. Hoặc hành mà không phải vô minh làm duyên, đó là thân ngũ ý hành vô lậu, vô phú và vô ký. Hoặc pháp vô minh là duyên mà không phải là hành, đó là trừ hành nhiếp lấy chi hữu. Các chi hữu còn lại hoặc có pháp cũng vô minh làm duyên cũng là hành, đó là thân ngũ ý hành phước, phi phước và bất động. Trừ các tướng như vậy là câu thứ tư.

**Hỏi:** Nếu hành làm duyên thì kia cũng có thức ư? Giả sử đó là thức thì hành làm duyên ư?

**Đáp:** Nên tác bốn câu. Hoặc hành làm duyên mà không phải thức, đó là trừ thức, những chi hữu còn lại. Hoặc có là thức không phải hành làm duyên, đó là thức vô lậu, thức vô phú và thức vô ký,



trừ dị thực sanh. Hoặ hành cũng là thức cũng là duyên, đó là chủng tử thức và quả thức hậu hữu. Trừ các tướng như vậy là câu thứ tư.

Nương đạo lý đây, cho đến xúc duyên thọ tùy theo chỗ thích hợp đều tác bốn câu.

**Hỏi:** Nếu thọ làm duyên, tức đều là ái ư? Giả sử là ái, tức đều có thọ làm duyên ư?

**Đáp:** Nên tác bốn câu. Hoặ có ái không phải do thọ làm duyên, đó là ái mong cầu thắng giải thoát và nương thiện mà xả ái khác. Hoặ có thọ làm duyên mà không phải là ái, đó là trừ vô minh xúc sanh ra thọ làm duyên, pháp sanh chi hữu còn lại. Hoặ có thọ làm duyên cũng là ái, đó là vô minh xúc sanh ra thọ làm duyên, sanh ái nhiễm ô. Trừ các tướng như vậy là câu thứ tư.

**Hỏi:** Nếu ái làm duyên đều là thủ ư? Giả sử là thủ đều có ái làm duyên ư?

**Đáp:** Nên biết trong đây là thuận câu sau, tức là sở hữu thủ đều có ái làm duyên. Hoặ ái làm duyên mà không phải là thủ, đó là trừ thủ, chi hữu còn lại và duyên thiện ái sanh các thiện pháp như siêng tinh tấn...

**Hỏi:** Nếu thủ làm duyên thì đều là hữu ư? Giả

sử là hữu, thì đều có thủ làm duyên ư?

Đáp: Cũng nên tác thuận với câu sau, đó là chỗ có hữu đều do thủ làm duyên. Hoặc thủ làm duyên mà không phải là hữu, đó là trừ hữu, các chi hữu còn lại.

**Hỏi:** Nếu hữu làm duyên, đều là sanh ư? Giả sử là sanh, thì đều có hữu làm duyên ư?

Đáp: Các sở hữu sanh đều do hữu làm duyên. Hoặc hữu làm duyên mà không phải là sanh, đó là trừ sanh, chi hữu còn lại, cuối cùng là lão tử.

**Hỏi:** Nếu sanh làm duyên, đều là lão tử ư? Giả sử là lão tử đều do sanh làm duyên ư?

Đáp: Các sở hữu lão tử đều do sanh làm duyên. Hoặc sanh làm duyên mà không phải là lão tử, đó là tật bệnh, oán ghét mà gặp nhau, yêu thương mà phải chia lìa, cầu mà không được và sự phát khởi chủng nghiệp não sâu thân ưu khổ.

**Hỏi:** Các chi hữu đây, bao nhiêu chi làm chướng ngại hơn cả đối với chánh kiến nhiếp thuộc đạo chi?

Đáp: Vô minh và do kia phát khởi ý hành, có một phần năng làm chướng ngại hơn cả. Như đối với chánh kiến, thì đối với chánh tư duy và chánh

ting tấn nên biết cũng vậy. Nếu chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thì lấy thân hành, ngữ hành và một phần hữu là chướng ngại hơn cả. Nếu chánh niệm, chánh định thì lấy chi hữu còn lại làm chướng ngại hơn cả.

**Hỏi:** Các chi hữu đây, bao nhiêu chỉ nhiếp phẩm tạp nhiễm, bao nhiêu thông cả phẩm tạp nhiễm và thanh tịnh?

**Đáp:** Có 4 chi nhiếp phẩm tạp nhiễm. Các chi còn lại thông cả phẩm tạp nhiễm và thanh tịnh.

**Hỏi:** Sao nói là chi sanh thông cả hai phẩm?

**Đáp:** Nếu sanh xứ ác thú và xứ có nạn, chỉ toàn phẩm tạp nhiễm. Nếu sanh trong loài người hay cõi trời, hay ở các xứ không có nạn, thì thông cả hai phẩm nhiễm tịnh. Nên biết chi còn lại tùy theo chỗ thích hợp đều thông cả hai phẩm.

**Hỏi:** Những gì do vô minh không có nên hành cũng không có? Những gì do vô minh diệt nên hành diệt?

**Đáp:** Có 3 chủng vô minh là phát khởi, triền và tùy miên, do vô minh này diệt, nên vô minh kia diệt. Do vô minh kia diệt, nên hành cũng diệt theo.

**Hỏi:** Những gì do hành không có, nên thức

cũng không có? Những gì do hành diệt, nên thức cũng diệt?

Đáp: Tức là các hành ở trong tương tục của chính các hành, đã tạo tác, đã diệt và chưa khởi đối trị. Lại do có ý hành nên khởi thân ngữ hành. Do đây có nên kia có, do kia không nên thức duyên kia cũng không. Đây nếu diệt hoàn toàn, nên biết thức cũng diệt theo.

**Hỏi:** Những thức nào không có, nên danh sắc cũng không có? Những thức nào diệt, nên danh sắc cũng diệt?

Đáp: Chủng tử thức không có, nên quả thức không có. Đây đều diệt nên danh sắc đều diệt. Như đạo lý thức đối với danh sắc, thì các chi còn lại cho đến thọ, tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Như đạo lý vô minh duyên hành, thì đạo lý ái duyên thủ, thủ duyên hữu nên biết cũng vậy.

Như đạo lý hành duyên thức, thì đạo lý hữu duyên sanh nên biết cũng vậy. Như đạo lý thức duyên danh sắc, thì đạo lý sanh duyên lão tử nên biết cũng vậy.

**Hỏi:** Những thọ nào không có nên ái cũng không có? Những thọ nào diệt nên ái cũng diệt?

Đáp: Như đạo lý hành duyên thức, nên biết ở đây cũng vậy.

**Hỏi:** Như trước đã thuyết 8 môn duyên khởi, bao nhiêu môn được hiển bởi 12 chi duyên khởi? Bao nhiêu môn không được hiển?

Đáp: Ba môn được hiển bởi 12 chi. Trong đó 2 môn được hiển một phần và 1 môn được hiển toàn phần. Các môn còn lại không được hiển.

Những gì là 2 môn được hiển một phần? Đó là môn nội thức sanh và môn tự nghiệp tạo ra.

Những gì là một môn được hiển toàn phần? Đó là môn hữu tình thế gian chuyển.

**Hỏi:** Nếu không như thật biết đạo lý duyên khởi, có bao nhiêu chủng quá hoạn?

Đáp: Có 5 chủng quá hoạn. Đó là: khởi ngã kiến và năng phát khởi kiến câu hành tiền tế. Như kiến câu hành tiền tế, thì kiến câu hành hậu tế và kiến câu hành tiền hậu tế cũng vậy. Lại ở nơi kiến kia chấp kiên cố, chấp mãnh lợi, có thủ, có mong cầu, có sợ hãi, nên ở trong hiện pháp không Bát-niết-bàn. Đây gọi là 5 quá hoạn.

**Hỏi:** Nếu như thật biết đạo lý duyên khởi, có bao nhiêu chủng thắng lợi?

Đáp: Ngược lại với 5 quá thất trước, nên biết thắng lợi cũng có 5 chủng.

Lại nữa, trong 12 chi duyên khởi, bao nhiêu chi là thật có? – Bao gồm 9 chi.

Bao nhiêu chi không thật có? – Là các chi còn lại.

Bao nhiêu chi có 1 sự làm tự tánh? – Bao gồm 5 chi.

Bao nhiêu không phải một sự làm tự tánh? – Là các chi còn lại.

Bao nhiêu là nhân sở tri chướng? – Là một.

Bao nhiêu năng sanh khổ? – Bao gồm 5.

Bao nhiêu khổ trong thai tạng? – Bao gồm 5.

Bao nhiêu chi là khổ? – Bao gồm 2.

Bao nhiêu là phần nhân? – Sáu chi trước là vô minh cho đến xúc, cùng với ái, thủ, hữu là phần nhân.

Bao nhiêu là phần quả? – Hai chi sau là phần quả.

Bao nhiêu là phần tạp lẫn nhân quả? – Các chi còn lại. Vì sao? Bởi có 2 chủng thọ gọi là phần tạp: 1. Hậu pháp, lấy xúc làm duyên cho nhân thọ; 2. Ở hiện pháp cùng với ái làm duyên cho quả thọ. Hai tạp đây gọi là xúc duyên thọ.

Lại nữa, bao nhiêu chi năng sanh cảnh giới ái, phi ái? Bao nhiêu chi năng sanh quả tự thể? – Sáu chi trước năng sanh quả cảnh giới ái, phi ái. Ba chi sau năng sanh quả tự thể. Một chi đồng sanh hai quả.

Lại nữa, bao nhiêu chi đồng hành thọ lạc? – Trừ 2 chi, các chi còn lại.

Bao nhiêu chi đồng hành thọ khổ? – Tức kia và một trong số 2 chi đã trừ ra.

Bao nhiêu chi đồng hành thọ không khổ không lạc? – Như đạo lý thọ lạc.

Bao nhiêu không đồng hành với thọ? – Một trong số hai chi đã trừ ra.

Lại nữa, bao nhiêu chi nhiếp thuộc hoại khổ? – Chi đồng hành với thọ lạc.

Bao nhiêu chi nhiếp thuộc khổ khổ? – Chi đồng hành với thọ khổ và một phần chi không đồng hành với thọ.

Bao nhiêu chi nhiếp thuộc hành khổ? – Sở hữu chi khổ khổ và hoại khổ, cũng là chi hành khổ. Hoặc có chi nhiếp thuộc hành khổ, không phải với hai khổ còn lại, đó là chi đồng hành với thọ không khổ không lạc và một chi không đồng

hành với thọ.

**Hỏi:** Ở nơi tất cả sanh xứ và trong Tam-ma-bát-đê, tất cả chi đều được hiện hành ư?

**Đáp:** Không thể được. Tức trong cõi trời Vô tướng và Diệt tận định. Trong Vô tướng định chi sắc khá được, không phải chi vô sắc. Nếu sanh ở Vô sắc giới, thì chi vô sắc khá được, không phải chi hữu sắc.

**Hỏi:** Có sự việc nương chi được lìa chi không?

**Đáp:** Có. Tức là nương chi của địa trên, lìa chi địa dưới. Đây chỉ được một phần, không phải hoàn toàn, chỉ là tạm thời, không phải rốt ráo.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi nhiễm ô? Bao nhiêu chi không nhiễm ô?

**Đáp:** Ba chi nhiễm ô, còn lại thông cả hai chủng. Nếu phân biệt riêng thiện không nhiễm ô, vô phú và vô ký, phải phân làm hai chủng.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi thuộc hệ thuộc Dục giới?

**Đáp:** Tất cả chi vì hòa hợp nên khởi hết thấy.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi thuộc hệ thuộc Sắc giới?

**Đáp:** Một phần của tất cả.

**Hỏi:** Sao gọi là nên biết kia có lão?

**Đáp:** Các hành kia có tánh khổ hoại hư bại.



Như hệ thuộc Sắc giới, nên biết hệ thuộc Vô sắc giới cũng vậy.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi là học?

**Đáp:** Không có.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi là vô học?

**Đáp:** Cũng không có.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi là phi học, phi vô học?

**Đáp:** Tất cả.

**Hỏi:** Sở hữu chi thiện hữu lậu, cố sao chi kia không phải là học?

**Đáp:** Vì rơi vào lưu chuyển. Nếu học thuộc sở hữu pháp thiện hữu lậu, thì học kia ắt trái với lưu chuyển và dụng minh làm duyên, nên không phải chi.

**Hỏi:** Quả Dự lưu đã đoạn bao nhiêu chi?

**Đáp:** Một phần của tất cả, không đoạn hoàn toàn. Như quả Dự lưu, thì quả Nhất lai cũng vậy.

**Hỏi:** Quả Bất hoàn đã đoạn bao nhiêu chi?

**Đáp:** Tất cả chi thuộc Dục giới. Chi Sắc giới và Vô sắc giới thì không nhất định.

**Hỏi:** A-la-hán đã đoạn bao nhiêu chi?

**Đáp:** Tất cả chi thuộc ba cõi.

**h. Sao gọi là các kinh nhiếp duyên khởi?**

**Ở trong các kinh khác nhau, do bao nhiêu**

chúng đạo lý ngôn thuyết nói về duyên khởi? Lược thuyết do 6 chủng đạo lý ngôn thuyết: 1. Do thuyết thuận thứ lớp; 2. Do thuyết nghịch thứ lớp; 3. Do thuyết một phần chi; 4. Do thuyết toàn phần chi; 5. Do thuyết phẩm hắc; 6. Do thuyết phẩm bạch.

**Hỏi:** Như Thế Tôn nói “duyen khởi thẳm sâu”, nghĩa thẳm sâu đây như thế nào?

**Đáp:** Do 10 chủng tướng nên biết nghĩa duyên khởi rất thẳm sâu. Đó là nương vào nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã mà nói.

Nương nghĩa vô thường, tức là từ tự chủng tử mà sanh, cũng chờ đợi duyên khác. Lại từ tự chủng tử và từ duyên khác sanh, nhưng tự chủng tử và duyên khác đối với sự sanh đây không tác, không dụng, cũng không chuyển vận. Lại tánh của hai công năng đây không phải là không thật có. Lại các chi hữu, tuy từ vô thủy đến nay tướng các chi thành tựu, nhưng sát-na sát-na tướng mới mới chuyển. Lại chi duyên khởi sát-na sát-na chóng diệt, nhưng hiển hiện như dừng đứng sự vận động.

Nương nghĩa khổ, tức là chi duyên khởi chỉ có một vị tướng khổ, mà hiển hiện gần như ba chủng tướng.

Nương nghĩa không, tức là chi duyên khởi tuy là hữu tình, tác giả, thọ giả, nhưng hiển hiện tự như không là.

Nương nghĩa vô ngã, tức là chi duyên khởi tuy không tự tại, thật tướng không, vô ngã, nhưng hiển hiện tướng tự như có ngã.

Nương thắng nghĩa đế, tức là tự tánh các pháp không thể thuyết, nhưng lại khả thuyết tự tánh các pháp.

**Hỏi:** Dụng bao nhiêu trí để biết duyên khởi?

**Đáp:** Dụng 2 trí, đó là: trí pháp trụ và trí chân thật.

Sao gọi là dụng trí pháp trụ? Như Phật đã thi thiết khai thị, nên hiểu biết không điên đảo.

Sao gọi là trí chân thật? Như người học kiến tích quán nghĩa thâm sâu.

**Hỏi:** Như Thế Tôn nói: “Các duyên khởi đây, không phải ta làm ra, cũng không phải người khác làm ra. Vì sao? Hoặc Phật xuất thế hoặc không xuất thế, pháp tánh, pháp trụ, pháp giới an trụ”. Sao gọi là pháp tánh? Sao gọi là pháp trụ? Sao gọi là pháp giới?

**Đáp:** Tức là các duyên khởi từ đời vô thủy đến

nay, lý tánh đã thành tựu, đây gọi là pháp tánh. Tánh thành tựu, dùng văn câu không điên đảo để an lập, đây gọi pháp trụ. Do pháp trụ đây lấy pháp tánh kia làm nhân, cho nên gọi là pháp giới.

**Hỏi:** Như kinh nói: “Sanh nếu không, không xứ không vị, sanh có thể là có”. Nếu tất cả chủng, sanh không phải là có, thì sanh duyên lão tử cũng nên không có. Cớ sao trong đây thuyết tự tánh kia duyên tự tánh?

**Đáp:** Vì ở nơi tự chủng tử mà quả được sanh nên nói như vậy. Nghĩa là chi thức cho đến chi thọ, vì đây là chủng tử sanh, nên theo nghĩa nói là sanh. Do đây có, nên ở thời sau tức có chi quả, gọi là có duyên sanh. Như vậy chi còn lại tùy theo chỗ thích hợp như kinh đã thuyết.

**Hỏi:** Như trên đã nói tất cả chi không thể xoay ngược trở lại làm duyên cho nhau, cớ sao kiến lập danh sắc và thức xoay vần làm duyên lẫn nhau?

**Đáp:** Tức ở trong hiện pháp dụng danh sắc làm duyên. Danh sắc ở trong hậu pháp trở lại dụng thức làm duyên. Vì sao? Lấy giai đoạn tương tục ở trong thai mẹ để nói làm duyên lẫn nhau. Do thức làm duyên, nên ở trong bụng mẹ, các tinh huyết

sắc gọi là nhiếp lấy thọ, hòa hợp cộng thành tánh yết-la-lam. Tức danh sắc đây làm duyên, trở lại khiến thức kia được trụ trong thai người mẹ.

**Hỏi:** Cớ sao khi Bồ-tát quán phẩm hắc chỉ đến chi thức, chuyển ý trở lại. Sao không đến các chi khác?

**Đáp:** Do hai chi đây xoay vần làm duyên lẫn nhau. Như thức duyên danh sắc, và danh sắc cũng duyên thức. Cho nên quán tâm đến thức thì hoàn chuyển trở lại. Ở trong các chi khác không có đạo lý hoàn chuyển như vậy. Chỉ có ở đây mới hiển thị đạo lý xoay vần làm duyên lẫn nhau, cho nên gọi là hoàn chuyển. Ở trong phẩm hoàn diệt, danh sắc không phải là nhân hoàn diệt của hậu hữu thức. Do nhân duyên đây nên quán sát trở lại.

**Hỏi:** Nhân duyên nào nói chi duyên khởi không phải tự tác, không phải tha tác, không phải tự tha tác, cũng không phải không nhân mà sanh?

**Đáp:** Vì người sanh chẳng phải có, vì không duyên tác dụng, vì lực của duyên sanh ra.

**Hỏi:** Ở trong duyên khởi, những gì là mầm khổ? Những gì thủ giữ nuôi dưỡng mầm khổ? Những gì là cây khổ?

Đáp: Vô minh, hành duyên dẫn dắt thức cho đến thọ, đây là mầm khổ. Thọ duyên dẫn dắt ái cho đến hữu, đây là nhân tố thủ giữ nuôi dưỡng mầm khổ. Sanh và lão tử là cây khổ.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi duyên khởi nên biết như than nóng?

Đáp: Thức cho đến thọ.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi nhuần thấm?

Đáp: Vô minh, hành, ái, thủ, hữu.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi như ngọn lửa?

Đáp: Sanh, lão, tử.

**Hỏi:** Nhân duyên nào ở trong giáo lý duyên khởi, phẩm hắc được gọi là tăng ích?

Đáp: Vì tất cả chi hữu thuận là đại khổ tụ tập, làm duyên sanh quả sau. Lại vì các chi hữu, chi trước trước làm duyên, chi sau sau thuận theo đó khởi.

**Hỏi:** Nhân duyên nào ở trong giáo lý duyên khởi, phẩm bạch được gọi là tổn giảm?

Đáp: Do tất cả chi trước trước vĩnh viễn đoạn trừ, nên chi sau sau cũng diệt theo. Lại là nhân tổn giảm của tụ thuận đại khổ.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi duyên khởi, gọi là nhân pháp hữu?

**Đáp:** Bao gồm 7 chi trước.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi duyên khởi, gọi là nhân khổ hữu?

**Đáp:** Năm chi còn lại.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi đoạn diệt là chỗ hiển lậu tận?

**Đáp:** Ba chi.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi đoạn diệt là chỗ hiển duyên tận?

**Đáp:** Tức 3 đây, vì là duyên của chi khác.

**Hỏi:** Bao nhiêu chi đoạn diệt là chỗ hiển thọ tận?

**Đáp:** Một chi, tức là do phiền não đã đoạn, khi sở y diệt, tất cả thọ đều vĩnh viễn diệt.

**Hỏi:** Nhân duyên nào nương duyên khởi kiến lập 77 trí?

**Đáp:** Vì hiển bày có nhân trí tạp nhiễm. Lại vì hiển ở nơi tự tương tục tiếp nối đã tự tạo tác trí tạp nhiễm. Lại vì hiển các chi tiền tế từ thời vô thủy. Lại vì hiển các chi hậu tế, bao gồm nghĩa tạp nhiễm, hoàn diệt. Lại vì hiển nghĩa biết khắp. Các tuệ hữu lậu không nhiếp thuộc chi. Ở mỗi một chi đều tạo 7 trí. Tất cả nên biết tổng có 77 trí.

**Hỏi:** Nhân duyên nào ở trong duyên khởi kiến lập 44 trí?

**Đáp:** Vì hiển bày ở mỗi một chi, nương bốn thánh đế mà quán sát đạo lý, cho nên tổng có 44 trí. Lại nếu sanh ở Dục giới, nương thân Dục giới, hoặc mắt hoặc tai dẫn phát địa trên. Do đây thấy sắc, nghe thanh của tự địa địa dưới. Lại nương thân đây khởi ý ba cõi và ý không hệ buộc hiện tại tiền. Nếu sanh ở Sắc giới, Vô sắc giới, trừ địa dưới thì tất cả hiện bày như ở Dục giới.

Lại nữa, 3 chủng tạp nhiễm đây bao gồm: phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sanh tạp nhiễm. Nếu muốn đoạn trừ cần phải tu 6 chủng hiện quán. Những gì là sáu? Đó là: tư hiện quán, tín hiện quán, giới hiện quán, hiện quán trí để hiện quán, hiện quán biên trí để hiện quán và cứu cánh hiện quán.





## **Quyển 11**

### **Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA**

#### **Phần 1**

Như vậy đã thuyết ba địa Có tâm có tứ địa,  
Không tâm chỉ có tứ địa, Không tâm không tứ địa.  
Nay sẽ thuyết về Tam-ma-hí-đa địa.

Sao gọi là *Tam-ma-hí-đa địa*? Ốt-Đà-Nam nói:

*Nêu chung, cùng an lập,  
Tác ý, tướng, sai biệt,  
Nhiếp tông yếu các kinh  
Các nghĩa tạp sau rốt.*

Nếu lược thuyết Tam-ma-hí-đa địa, nên biết:

**A.** Vì nêu chung; **B.** Vì an lập; **C.** Vì tác ý sai biệt; **D.** Vì tướng sai biệt; **E.** Vì lược nhiếp tông yếu các kinh... kiến lập nên địa này.

#### **A. Nêu chung:**

Trong địa đây lược có 4 chủng: **1.** Tĩnh lự; **2.** Giải thoát; **3.** Đăng trì; **4.** Đăng chí.

**1. Tĩnh lực:** đó là bốn tĩnh lực: 1. Từ ly sanh Có tâm có tứ tĩnh lực; 2. Từ định sanh Không tâm không tứ tĩnh lực; 3. Ly hỷ tĩnh lực; 4. Xả niệm thanh tịnh tĩnh lực.

**2. Giải thoát:** đó là tám giải thoát: 1. Hữu sắc, quán các sắc giải thoát; 2. Nội vô sắc tưởng, quán ngoại các sắc giải thoát; 3. Tịnh giải thoát, thân tác chứng trụ đầy đủ giải thoát; 4. Không vô biên xứ giải thoát; 5. Thức vô biên xứ giải thoát; 6. Vô sở hữu xứ giải thoát; 7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát; 8. Diệt thọ tưởng, thân tác chứng trụ đầy đủ giải thoát.

**3. Đăng trì:** đó là ba tam-ma-địa: 1. Không tam-ma-địa; 2. Vô nguyện tam-ma-địa; 3. Vô tướng tam-ma-địa.

Lại có 3 chủng: 1. Có tâm có tứ tam-ma-địa; 2. Không tâm chỉ có tứ tam-ma-địa; 3. Không tâm không tứ tam-ma-địa.

Lại có 3 chủng: 1. Đại tam-ma-địa; 2. Tiểu tam-ma-địa; 3. Vô lượng tam-ma-địa.

Lại có 2 chủng: 1. Tu một phần tam-ma-địa; 2.

Tu đầy đủ phần tam-ma-địa.

Lại có 3 chủng: 1. Hỷ câu hành tam-ma-địa; 2. Lạc câu hành tam-ma-địa; 3. Xả câu hành tam-ma-địa.

Lại có 4 chủng: bốn tu vô lượng định.

Lại có 5 chủng: năm thánh trí tam-ma-địa.

Lại có 5 chủng: năm chi thánh tam-ma-địa.

Lại có nhân, có đầy đủ, chánh tam-ma-địa của bậc Thánh.

Lại có Kim cương dụ tam-ma-địa.

Lại có hữu học, vô học, phi hữu học, phi vô học tam-ma-địa.

**4. Đăng chí:** đó là năm Hiện kiến tam-ma-bát-đề, tám Thắng xứ tam-ma-bát-đề, mười Biến xứ tam-ma-bát-đề, bốn Vô sắc tam-ma-bát-đề, Vô tướng tam-ma-bát-đề, Diệt tận định tam-ma-bát-đề.

## **B. An lập:**

Tức là chỉ hết thấy đây gọi là Đăng dẫn địa, chẳng phải tâm tánh nhất cảnh ở Dục giới. Do hết thấy định đây được dẫn bởi vô hối, hoan hỷ và an lạc, còn Dục giới thì chẳng vậy. Trong các cõi không

phải Dục giới, ở nơi pháp hoàn toàn không chánh quán sát sâu xa.

Lại nữa, ở trong Sơ tinh lự nói là ly sanh hỷ. Do chúng trụ đây, đoạn trừ 5 pháp, đó là: dục dẫn hỷ, dục dẫn ưu, bất thiện dẫn hỷ, bất thiện dẫn ưu, bất thiện dẫn xả. Lại tu tập viên mãn 5 pháp, đó là: hoan, hỷ, an, lạc, và tam-ma-địa.

Dục dẫn hỷ: Đối với năm diệu dục, hoặc lúc mới được, hoặc lúc đã được đang thọ dụng, hoặc thấy hoặc nghe, hoặc đã từng lãnh thọ; do các duyên đây nhớ nghĩ lại nên sanh hoan hỷ.

Dục dẫn ưu: Đối với năm diệu dục, hoặc mong cầu mà không toại lòng, hoặc đã thọ dụng mà sau đó không được lại nữa, hoặc được rồi liền mất; do các duyên đây sanh nhiều ưu não.

Bất thiện dẫn hỷ: như có người vui thích với hành nghiệp sát sanh cho đến tà kiến.

Bất thiện dẫn ưu: Như có người ưu khổ với hành nghiệp sát sanh cho đến tà kiến.

Bất thiện dẫn xả: Như có người là vua hoặc đồng bậc với vua, hoặc tể quan hoặc đồng bậc với quan... tự không vui thích làm các ác nghiệp như sát giết... Nhưng thuộc hạ làm các ác nghiệp mà họ

không ngăn cấm, cũng không an trụ trong Tỳ-nại-da. Do phóng xả đây nên theo đuổi tạo các ác nghiệp. Kia ở nơi các nghiệp đây, hiện tiền lãnh thọ hiểu biết, không phải không hiện tiền, lại ở nơi buông xả, xem soi tìm cầu phương tiện làm ác. Lại ở nơi các ác đấm trước không đoạn dứt, dẫn phát buông xả. Lại lúc bất thiện hiện tiền phát sanh triển chuyển, thì phát khởi thọ trung dung, tức là không phải khổ không phải vui.

Hoan: từ bản lai hạnh thanh tịnh, tu quán hành thanh tịnh làm tư lương địa, vô hối làm tiền dẫn, ý an ổn thích duyệt, tâm tánh hân hoan dững mãnh.

Hỷ: chánh tu tập, phương tiện làm tiền dẫn, thích duyệt vui mừng sâu, tâm tánh hân hoan dững mãnh.

An: lìa thô trọng, tánh thân tâm nhẹ nhàng vui thích.

Lạc: do tâm nhẹ nhàng vui thích như vậy, nên thân tâm được vui không tổn hại và vui giải thoát. Vì dụng tánh lìa phẩm thô trọng của các phiền não, nên ở nơi các phiền não được giải thoát.

Tam-ma-địa: ở nơi sở duyên chánh quán sát

sâu, tâm tánh nhất cảnh.

Đức Thế Tôn ở nơi phương tiện vô lậu, trước thuyết về tam-ma-địa, sau thuyết về giải thoát. Tức là do khéo thành tựu tròn đầy lực tam-ma-địa, ở nơi các phiền não tâm vĩnh viễn giải thoát.

Hoặc ở nơi phương tiện hữu lậu, trước thuyết về giải thoát, sau thuyết về tam-ma-địa. Tức là do chứng quả tác ý phương tiện cứu cánh, nên đoạn phiền não rồi, mới đắc căn bản tam-ma-địa.

Hoặc đồng thời thuyết tam-ma-địa cùng với giải thoát. Tức là ở nơi tác ý phương tiện cứu cánh đây cùng với đạo không gián đoạn khác trong tam-ma-địa. Vì tam-ma-địa và giải thoát đồng thời có.

Lại nữa, lược có 5 cái là chướng ngại của các tinh lự và đẳng chí. Đó là khi sắp chứng được cảnh giới kia, có 5 cái năng làm chướng ngại. Những gì là năm? **1.** Tham dục cái; **2.** Sân khuể cái; **3.** Hôn trầm, thù miên cái; **4.** Trạo cử, ác tác cái; **5.** Nghi cái.

**1. Tham dục cái:** Tức đối với năm diệu dục, theo đuổi tướng diệu hảo, muốn thấy muốn nghe cho đến muốn xúc chạm. Hoặc tùy nhớ nghĩ đến

các tướng diệu hảo đã lãnh thọ trước kia, nhớ nghĩ truy cầu luyện tiếc.

**Hỏi:** Tham dục cái đây lấy gì làm thức ăn?

Đáp: Có tướng diệu hảo và nơi tướng diệu hảo kia tư duy bất chánh, nhiều tập quen; lấy đây làm thức ăn.

Tướng diệu hảo, tức là tướng vi diệu thù thắng bậc nhất của các dục. Nếu ở nơi dục đây năng xa lìa tâm nhiễm, thì ở nơi các sự hạ liệt khác cũng được lìa nhiễm, như chế phục được sức mạnh thì sức yếu còn lại cũng tự bị khuất phục. Hiển rõ việc ấy thế nào? Đó là trên thân người nữ có 8 chỗ nhiếp lấy tướng diệu hảo khả ái, do 8 chỗ này khiến người nam bị người nữ trói cột. Đó là: ca, múa, cười, liếc mắt, dung mạo đẹp đẽ, tới lui, xúc chạm êm dịu, tiết lễ. Do nhân duyên đây, sở hữu tham dục chưa sanh khiến sanh, sanh rồi khiến tăng trưởng; cho nên gọi là thức ăn. Vì ở nơi tướng kia tư duy bất chánh, nên tham dục chưa sanh khiến sanh, lại vì nhiều tập quen khiến tham dục tăng trưởng bội phần.

**Hỏi:** Cái gì không phải là thức ăn của tham dục cái?

Đáp: Có tướng bất tịnh và ở nơi tướng kia như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải thức ăn. Hiển rõ việc ấy thế nào? Đó là quán thân đây có chủng chủng bất tịnh, đầy rẫy tạp uế, gọi là quán tướng bất tịnh của nội thân. Lại quán bên ngoài thân chủng chủng bất tịnh, tức là quán tướng xanh, trương phình... gọi là quán tướng bất tịnh của ngoại thân. Do quán hai tướng bất tịnh đây, tham dục chưa sanh khiến không sanh, sanh rồi năng đoạn. Cho nên nói đây không phải là thức ăn. Vì ở nơi tướng kia như lý tác ý, nên tham dục được ngăn chặn khiến không sanh khởi, lại vì nhiều tu tập, khiến tham dục sanh rồi cũng năng đoạn.

**2. Sân khuể cái:** Hoặc nhân đồng phạm hạnh nêu những lỗi phạm, hoặc nhân nhớ đến những việc làm không lợi ích trước kia, hiện tướng nóng giận, tâm sanh giận dữ tức tối. Hoặc muốn gây tạo những việc không nhiều ích, đối với hành vi sẽ làm kia hiện tướng nóng giận, nhiều suy nghĩ quán sát, tâm sanh giận dữ tức tối.

**Hỏi:** Sân khuể cái lấy gì làm thức ăn?

Đáp: Có tánh sân khuể, có tướng sân khuể, và



ở nơi tướng kia tư duy bất chánh, nhiều tập quen; lấy đây làm thức ăn. Nương vào các việc không nhiều ích nên tâm sanh não hại, gọi là tánh sân khuể. Việc không nhiều ích gọi là tướng sân khuể. Ở nơi 9 việc não hại mà tác ý bất chánh, gọi là tư duy bất chánh. Hết thấy việc như vậy, đều gọi là thức ăn của sân khuể.

**Hỏi:** Cái gì không phải là thức ăn của sân khuể cái?

**Đáp:** Có nhân từ, hiền thiện và ở nơi tướng kia như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải là thức ăn. Lại từ thiện đây là tướng hằng muốn làm an lạc cho người, nhiếp thuộc lực tu. Do lực tư trạch nhiếp lấy tác ý, điều phục 9 việc não hại khiến năng đoạn trừ sân khuể cái, nên trong kinh nói đây không phải là thức ăn.

**3. Hôn trầm cái:** Hoặc nhân hủy hoại tịnh giới... cho đến không thực hành ngay cả một hạnh thiện. Không giữ gìn căn môn, ăn không biết lượng. Không siêng tinh tấn, không giảm bớt hôn trầm mê muội... Không trụ chánh biết mà tạo tác các việc. Ở nơi pháp tu đoạn cũng không siêng gia

hạnh. Tùy thuận sanh khởi tất cả phiền não. Thân tâm hôn muội, tánh không có khả năng nhẫn chịu.

**Thùy miên cái:** Tâm rất mê muội, yếu kém. Lại thuận theo đó sanh khởi phiền não, hủy hoại gia hạnh đoạn, là tánh hôn trầm. Tâm rất mê muội yếu kém là tánh thùy miên. Cho nên hai tánh đây hợp chung thành một cái. Lại tánh hôn muội, không có khả năng kham nhẫn gọi là hôn trầm. Tâm tánh rất yếu kém, gọi là thùy miên. Do hôn trầm đây, lúc các phiền não và tùy phiền não sanh, không sót lại cận duyên nào khác. Còn như thùy miên, các phiền não và tùy phiền não khác hoặc gặp có thể sanh, hoặc gặp không sanh. Nếu sanh hôn muội thì nhất định thùy miên cũng khởi.

**Hỏi:** Hôn trầm thùy miên cái lấy gì làm thức ăn?

**Đáp:** Có tướng hắc ám và ở nơi tướng kia tư duy bất chánh, nhiều tập quen; lấy đây làm thức ăn.

**Hỏi:** Cái gì không phải là thức ăn của hôn trầm thùy miên cái?

**Đáp:** Có tướng quang minh và ở nơi tướng kia

như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải là thức ăn.

Quang minh có 3 chủng: 1. Quang minh trị bóng tối; 2. Quang minh pháp; 3. Quang minh nương thân.

Quang minh trị bóng tối, có 3 chủng: 1. Vào ban đêm, như ánh sáng của trăng sao...; 2. Vào ban ngày, như ánh sáng mặt trời; 3. Cả ngày và đêm, như ánh sáng của lửa, châu báu...

Quang minh pháp: như có người tùy theo sự lãnh thọ, sự tư duy, sự xúc chạm mà quán sát các pháp, hoặc lại tu tập niệm Phật...

Quang minh nương thân: tức là như có hữu tình thân tự nhiên phát ánh sáng.

Nên biết quang minh ban đầu đối trị 3 chủng bóng tối: 1. Đối trị bóng tối ban đêm; 2. Đối trị bóng tối của mây; 3. Đối trị bóng tối do ngăn che, như hang động, nhà cửa...

Quang minh pháp năng trị 3 chủng hắc ám, đó là: không như thật biết các pháp; ở quá khứ, vị lai, hiện tại sanh nhiều nghi hoặc; đối với Phật, Pháp, Tăng... cũng lại như vậy. Trong đây vô minh và nghi đều gọi là hắc ám. Lại chứng quán sát

năng trị hắc ám hôn trầm, thù miên, dụng đây có thể hiển rõ tánh các pháp.

**4. Trạo cử cái:** Do nhân tâm tư thân thuộc, tâm tư đất nước, tâm tư bất tử... hoặc tùy nhớ nghĩ đến các hành động đã trải qua, cười đùa, vui vẻ... nên tâm sanh tháo động tánh nhảy nhót.

**Ác tác cái:** Vì nhân tâm tư thân thuộc... sanh tâm hối tiếc. Như tâm tư: “Duyên nào ta lìa xa thân thuộc? Duyên nào ta không đến nơi ấy? Duyên nào đi khỏi chốn như vậy mà đến nơi đây, ăn thức ăn như vậy, uống thức uống như vậy, áo quần giường nằm chỉ được như vậy, cho đến thuốc trị bệnh và các vật nuôi thân chỉ được như vậy? Do duyên nào xưa ta xuất gia khi còn niên thiếu trẻ khỏe, sao không đợi đến lúc già yếu?”. Hoặc vì nhân nhớ nghĩ các việc cười đùa, vui vẻ, hành động đã từng trải qua trong quá khứ, sanh tâm hối tiếc. Như tâm tư: “Ta lẽ ra nên thọ dụng những việc vui chơi ca hát, tụ tập bạn bè giao du... vì duyên nào mà lại cương quyết xuất gia, chia lìa thân quyến bè bạn, khiến người thân khóc lóc buồn thương?”. Do chúng

chúng nhân duyên như vậy thấy, nên sanh tâm ưu buồn luyến tiếc. Đây là ác tác hối tiếc thứ nhất.

Trạo cử trước và ác tác đây hợp chung thành một cái.

Lại đối với việc nên làm, không nên làm, tùy theo chỗ thích hợp, hoặc đã từng làm, hoặc chưa từng làm, do đây tâm sanh hối tiếc. Như “Trước kia đáng lẽ ta nên làm như vậy mà không làm; không nên làm như vậy mà lại làm”. Tuy loại trừ ác tác trước do hối tiếc sanh, vẫn chưa thể xả bỏ sự trói buộc của ác tác sau. Đây là ác tác hối tiếc thứ hai.

Về sau tâm buồn não luyến tiếc trở lại sanh, tương tục chẳng dứt. Đây cũng là ác tác hối tiếc, nhưng lại là một chủng loại khác thuộc ác tác.

Thứ tự hai chủng ác tác phi xứ sanh khởi trước và ác tác sau, tuy cùng với trạo cử không giống nhau, nhưng tương tháo động nhảy nhót của trạo cử được xếp ngang với tương ưu buồn luyến tiếc của ác tác. Cho nên trạo cử và ác tác được thuyết chung làm một cái.

**Hỏi:** Trạo cử, ác tác cái lấy gì làm thức ăn?

**Đáp:** Ở nơi tầm tư thân thuộc cho đến ở nơi các việc cười đùa, vui vẻ, hành động đã trải qua, tư

duy bất chánh, nhiều tập quen tương như vậy; lấy đây làm thức ăn.

Tâm tư thân thuộc: nhân thân thuộc hoặc hưng thịnh, hoặc suy giảm, hoặc ly tán, hoặc hòa hợp, phát khởi tâm vui mừng, lo âu, sanh tính toán nghi ngại...

Tâm tư đất nước: nhân tướng đất nước hoặc thịnh, hoặc suy... như trước đã thuyết.

Tâm tư bất tử: nhân giai đoạn thiếu niên và già suy tạo làm các việc, hoặc làm việc lợi người, nên phát khởi vui sướng, buồn bã, tâm sanh tính toán nghi ngại...

Cười: có người hoặc nhân lúc mở đầu cuộc nói chuyện, nhân lúc tóm lại cuộc nói chuyện mà cười lộ răng, tụ họp vui vẻ nói chuyện bi bô.

Chơi: các trò chơi như song lục, súc sắc...; hoặc có các trò vui chơi hoan lạc khác như thọ dụng qua lại, thọ dụng cảnh giới, thọ các khoái lạc; hoặc do cùng một chỗ, hoặc nhân hý luận, trụ vui vẻ.

Hành động: là tướng cầm nắm tay, nắm tóc... hoặc xúc chạm một thân phần, hoặc ôm, hoặc hôn, hoặc quay liếc nhìn nhau, hoặc làm các việc khác.

**Hỏi:** Cái gì không phải là thức ăn của trạo cử,

ác tác cái?

Đáp: Có Xa-ma-tha và ở nơi tướng kia như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải là thức ăn.

Xa-ma-tha: là 9 chủng trụ tâm và các pháp nhiếp thuộc phẩm Xa-ma-tha. Ở nơi pháp đáng nhằm chán họa hoạn hoặc suy, hoặc thịnh, của mình, của người, tâm sanh nhằm chán xa lìa, sợ hãi chán ghét, an trụ tịch tĩnh.

**5. Nghi cái:** Ở nơi thầy, ở nơi pháp, ở nơi học, ở nơi sự dạy bảo và ở nơi chúng đắc, sanh nghi ngờ. Do ôm tâm nghi hoặc như vậy, chẳng thể dũng mãnh phương tiện chánh đoạn, thú nhập tịch tĩnh. Lại ở đời quá khứ, vị lai, hiện tại và khổ đế... sanh sanh nghi hoặc, tâm ôm hai phần, mê mờ không hiểu rõ, nghi ngờ do dự.

**Hỏi:** Nghi cái lấy gì làm thức ăn?

Đáp: Có quá khứ, vị lai, hiện tại và ở nơi tướng kia tư duy bất chánh, nhiều tập quen; lấy đây làm thức ăn. Như tác tư duy sau: “Ta ở quá khứ là có hay là không...”, nói rộng như trên.

Tư duy bất chánh: tức là tư duy những điều không thể tư duy. Những điều không thể tư duy:

tức là tư duy ngã, tư duy hữu tình, tư duy thế gian.

Nếu ở nơi tự thân mình, nương đời sai khác mà tư duy tướng ngã, gọi là tư duy ngã. Nếu ở nơi người khác, thì gọi là tư duy hữu tình.

Nếu ở nơi hữu tình thế gian và khí thế gian mà tư duy, thì gọi là tư duy thế gian. Như tư duy thế gian là thường, hoặc thế gian là vô thường, hoặc thế gian cũng thường cũng vô thường, hoặc thế gian không phải thường không phải vô thường.

**Hỏi:** Cái gì không phải là thức ăn của nghi cái?

**Đáp:** Có duyên duyên khởi và ở nơi tướng kia như lý tác ý, nhiều tu tập; lấy đây không phải là thức ăn. Vì quán thấy kia chỉ có pháp và chỉ có nhân pháp, chỉ có khổ và chỉ có nhân khổ, lại thấy tất cả sở hữu tư duy bất chánh đều là duyên vô minh, nên ở nơi cảnh ba đời chưa sanh khiến chẳng sanh, đã sanh khiến đoạn. Nếu điều không như lý mà tác ý mạnh mẽ, nếu điều như lý mà không tác ý, đều gọi là tư duy bất chánh. Nếu chỗ đây xứng hợp đạo lý, nên biết chỗ đây gọi là như lý. Như ở trong bóng tối tác tướng quang minh, nương phương tiện đây tức là như lý tác ý, không phải không như



lý. Ở nơi chỗ khác, sẽ có như lý tác ý khác.

Lại nữa, ở Sơ tinh lự có đầy đủ 5 chi: 1. Tâm; 2. Tứ; 3. Hỷ; 4. Lạc; 5. Tâm tánh nhất cảnh.

Đệ nhị tinh lự có 4 chi: 1. Nội tịnh; 2. Hỷ; 3. Lạc; 4. Tâm tánh nhất cảnh.

Đệ tam tinh lự có 5 chi: 1. Xả; 2. Niệm; 3. Chánh tri; 4. Lạc; 5. Tâm tánh nhất cảnh.

Đệ tứ tinh lự có 4 chi: 1. Xả thanh tịnh; 2. Niệm thanh tịnh; 3. Thọ không khổ không lạc; 4. Tâm tánh nhất cảnh.

Ở trong Sơ tinh lự, tâm tứ là sở duyên của thủ. Tam-ma-địa là sở y của thủ. Hỷ là cảnh giới của thọ. Lạc là diệt trừ thô trọng.

Ở trong Đệ nhị tinh lự, nội tịnh là sở duyên của thủ. Tam-ma-địa là sở y của kia. Còn lại như trước đã thuyết.

Ở trong Đệ tam tinh lự, xả, niệm, chánh tri là sở duyên của thủ. Tam-ma-địa là sở y của thủ. Còn lại như trước đã thuyết.

Ở trong Đệ tứ tinh lự, xả tịnh, niệm tịnh là sở duyên của thủ. Tam-ma-địa là sở y của thủ. Còn lại như trước đã thuyết.

Trong các tinh lự tuy có pháp khác, nhưng vì

các pháp nêu trên trội hơn, lại vì người tu định ân trọng, nên lập làm chi riêng.

**Hỏi:** Vì nhân duyên nào trong sơ tĩnh lược có tâm có tứ?

**Đáp:** Do kia năng nhàm chán họa hoạn Dục giới, bèn nhập Sơ tĩnh lược. Ở Sơ tĩnh lược chưa thể quán lỗi tâm tứ. Ở Đệ nhị tĩnh lược năng quán lỗi tâm tứ, cho nên nói là tâm tứ tịch tĩnh.

Như ở Đệ nhị tĩnh lược, vì thấy lỗi tâm tứ nên gọi là tâm tứ tịch tĩnh, thì ở Đệ tam tĩnh lược, vì thấy lỗi của hỷ nên gọi là hỷ tịch tĩnh và ở Đệ tứ tĩnh lược, vì thấy lỗi của lạc nên gọi là lạc tịch tĩnh, xả niệm thanh tịnh. Đây là sự khác biệt.

Lại nữa, các tĩnh lược đây có các tên gọi sai khác. Hoặc có tên là Tăng thượng tâm, vì tâm thanh tịnh lược tăng thượng chánh thẩm lược.

Hoặc có tên là Lạc trú, vì trong đây cực thọ lạc. Vì cố sao? Bởi lẽ nương các tĩnh lược nên lãnh thọ hỷ lạc, an lạc, xả lạc, thân tâm lạc. Lại vì người đắc định, trong các tĩnh lược lớp lớp nhập và xuất luôn lãnh thọ trụ an lạc trong hiện pháp. Vì ở trong định đây, hiện tiền lãnh thọ lạc trú hiện pháp, từ đây khởi rồi nói lời như vậy: “Ta đã lãnh

thọ lạc trú như thế như thế...”. Ở định Vô sắc không thọ như vậy, cho nên không nói Vô sắc định kia là lạc trú, nhưng từ định đây khởi rồi cũng phải chân chánh tuyên nói như vậy. Vì cố sao? Nếu có Bí-sô a-lan-nhã tìm đến vị kia và hỏi, nếu vị kia không trả lời sẽ bị người hỏi chê trách: “Bí-sô a-lan-nhã đây làm sao được gọi là a-lan-nhã? Nay ta hỏi ông ấy đã vượt qua Sắc, Vô sắc tịch tĩnh giải thoát chưa, mà ông ta không thể nhớ”. Cho nên nói nhập Vô sắc định kia không phải là lạc trú.

Hoặc lại có tên là Niết-bàn từng phần, cũng có tên là Niết-bàn sai khác. Vì chỉ đoạn một phần các phiền não, vì không phải nhất định, nên tên là Niết-bàn từng phần. Vì không phải rốt ráo Niết-bàn, nên tên là Niết-bàn sai khác.

Lại bốn tĩnh lự đây cũng được đặt tên là Ra khỏi các thọ. Đó là ở Sơ tĩnh lự xuất ly căn ưu, ở Đệ nhị tĩnh lự xuất ly căn khổ, ở Đệ tam tĩnh lự xuất ly căn hỷ, ở Đệ tứ tĩnh lự xuất ly căn lạc, ở trong Vô tướng xuất ly căn xả.

Như Đức Bạc-Già-Phạm trong *Kinh Vô Đạo* nói lời như vậy: “Này Bí-sô, căn ưu sanh rồi, phải như thật rõ biết nó đang sanh ở vị nào, tức ở nơi

vị dây dùng phương tiện đoạn. Nếu bị gốc ưu gián đoạn tâm tương tục, bấy giờ phải chân thật rõ biết.

Lại phải như thật biết nhân, duyên, chỗ nương, hoặc tướng, hoặc hành của nó. Sao gọi là biết nhân? Đó là rõ biết chủng tử dây tương tục. Sao gọi là biết duyên? Đó là rõ biết chủng tử dây không nhiếp lấy sở y và trợ bạn. Sao gọi là biết chỗ nương? Đó là biết gốc ưu nương gá sự việc dây mà được sanh, tức là năng phát sanh tướng của gốc ưu và chủng tử vô tri. Sao gọi là biết tướng? Đó là rõ biết dây là hành tướng buồn lo. Sao gọi là biết hành? Đó là rõ biết hành của sự năng phát dây tức là tư tương ưng với không như lý tác ý.

Đã biết như vậy rồi, ở trong xuất ly phải chế ngự giữ gìn tâm cẩn mật. Sao gọi là chế ngự giữ gìn? Tức là ở nơi hành nhiệm ô, ngăn chặn, thâm nhiếp tâm; ở nơi tư duy tu, giữ gìn an trụ bền vững.

Lại ở nơi sự việc dây, tận diệt không sót thừa cho đến rốt ráo. Tức là đối với việc tận diệt tùy miên và tận diệt các triền, tinh lực thế gian chỉ năng dần xả phẩm thô trọng của hai loại kia, mà chưa thể nhổ bật chủng tử của nó. Nếu khác với

điều này, tức chúng tử kia vĩnh viễn được nhổ sạch, về sau chẳng sanh trở lại. Vô lậu tinh lự thì hai chủng đều xả. Như vậy đối với các chủng khác tùy theo đó mà biết”.

**Hỏi:** Căn cứ những tướng nào để rõ biết căn ưu?

**Đáp:** Hoặc tướng nhiễm ô, hoặc dục xuất ly câu hành tướng thiện.

**Căn khổ:** hoặc do sức tăng thượng của tự thân, hoặc do sức tăng thượng của lao nhọc, hoặc do sức tăng thượng của lửa cháy, hoặc do sức tăng thượng của người bức bách... Các bậc ly dục vẫn còn sanh khởi.

**Căn hỷ ở trong Đệ nhị tinh lự,** tức nhiếp thuộc Đệ nhị tinh lự địa.

**Căn lạc ở trong Đệ tam tinh lự,** tức nhiếp thuộc Đệ tam tinh lự địa.

**Hỏi:** Cớ sao nói là ở Sơ tinh lự chưa đoạn căn khổ?

**Đáp:** Bởi phẩm thô trọng của kia vẫn còn chưa đoạn.

**Hỏi:** Duyên nào người sanh ở Sơ tinh lự, căn khổ chưa đoạn mà không hiện hành?

Đáp: Do trợ bạn và các khổ nhiếp thuộc căn ưu đã đoạn. Nếu như ở Sơ tinh lự đã đoạn căn khổ, vậy thì lúc hành giả nhập Sơ tinh lự và Đệ nhị tinh lự trụ sở tác thọ lẽ không có sự sai khác, bởi có cùng hỷ lạc. Nhưng trong kinh thuyết: “Do ra khỏi các thọ mà tinh lự có sự sai khác”. Lại đây lẽ không tâm tứ tịch tinh và sở tác đoạn diệt thô trọng có sự sai khác. Như vậy, các căn còn lại vì phẩm thô trọng đoạn thứ lớp, nên các tinh lự trên đoạn có sự sai khác. Lại vô tướng, trong kinh thuyết là tâm vô tướng định. Ở trong định đây, căn xả vĩnh viễn diệt, nhưng chỉ hại được tùy miên, vì phẩm thô trọng của kia đoạn không sót thừa, còn triển hiện tại không diệt. Vì cơ sao? Vì trụ ở Vô tướng định ắt có thọ. Ở trong định đây dung chứa ba thọ là hỷ, lạc và xả. Nơi các thọ kia không có tùy miên, chỉ vì phiền não đoạn nên gọi là đoạn. Phẩm thô trọng kia gọi là tùy miên. Lại gốc xả đây từ xứ nào cho đến xứ nào? Phải biết bắt đầu từ Đệ tứ tinh lự cho đến Hữu đẳng.

Lại nữa, nên biết xuất ly năm căn đây (từ Sơ tinh lự xuất ly căn ưu cho đến ở Vô tướng xuất ly căn xả) và năm chủng thuận xuất ly giới kia triển

chuyển nhiếp lẫn nhau.

Trong đây, do xuất ly dục, khuể, hại theo thứ lớp tức là nói ở Sơ tinh lự xuất ly căn ưu, ở Đệ nhị tinh lự xuất ly căn khổ, ở Đệ tam tinh lự xuất ly căn hỷ. Do xuất ly sắc, tức là nói ở Đệ tứ tinh lự xuất ly căn lạc. Do tát-ca-da diệt, tức là nói ở Vô sắc giới xuất ly tất cả căn xả.

Nói thuận xuất ly có những nghĩa gì? Tức là vì trụ đây có thể xuất ly, nên gọi là thuận xuất ly, không phải nói do đây xuất ly khỏi kia. Vì người ly dục nên nói giới đây.

**Hỏi:** Các dục, khuể, hại quyết định đoạn cùng một lúc, duyên nào kiến lập xuất ly riêng?

**Đáp:** Các xuất ly kia tuy đoạn cùng một lúc, nhưng vì tu đối trị có sự sai khác, nên thuyết ba chủng xuất ly có sự sai khác. Đối trị có sự sai khác đó là bất tịnh, từ, bi. Như thứ lớp ấy, hoặc có khi chỉ tu bất tịnh mà xuất ly tất cả; hoặc chỉ tu từ, xuất ly tất cả; hoặc chỉ tu bi, xuất ly tất cả. Cho nên thuyết riêng ba chủng xuất ly. Vượt trên đây chỉ có một loại đối trị, nên xuất ly sau không có sai khác.

Sao gọi là người thấy mãnh lợi... đều tùy niệm

dục? Tức là vì tác ý quán sát, tác ý ở nơi sự việc thù thắng, vì tác ý dụng công mãnh lợi. Sao gọi là tâm không thú nhập ở trong các dục? Vì ở nơi các dục kia không thấy công đức thù thắng. Sao gọi là không đẹp? Vì ở nơi các dục kia vui thích chẳng sanh. Sao gọi là không trụ? Vì ở nơi các dục kia, không thấy vui thọ dụng là vui sướng. Sao gọi là không có hiểu sâu? Vì ở nơi các dục kia không vui giữ lấy tướng không như lý. Sao gọi là ủ dột? Vì tuy phóng thả mà không thư thái. Sao gọi là tan hoại? Vì thủ lấy cảnh rồi tâm, rồi lại buông bỏ. Sao gọi là không thư thái? Vì ở nơi sở duyên, tuy cưỡng ép khiến trụ mà không vui thích. Sao gọi là thấy trụ nơi xả? Vì hành vị bình đẳng, ở trong các vị bình đẳng tâm rong ruổi quán sát. Những gì gọi là yếm? Do ở nơi dục kia thấy sâu quá hoạn, lấy quay lưng buông bỏ làm tánh. Đây lại có 3 chủng, đó là: vì vô thường, vì khổ, vì pháp biến hoại. Những gì là ghét? Do ở nơi dục kia, vừa mới thấy quá hoạn, liền quay lưng buông bỏ làm tánh. Những gì là nghịch? Do ở nơi dục kia, trong lúc thấy quá hoạn, quay lưng buông bỏ làm tánh. Những gì là quay lưng? Do ở nơi dục kia, về sau thấy quá hoạn, quay



lưng buông bỏ làm tánh.

Trái với tướng trên là tác ý thú nhập ly dục, vì thấy công đức thù thắng của ly dục. Sao gọi là đẹp? Vì ở nơi ly dục sanh tín thanh tịnh mà chứng thuận. Sao gọi là trụ? Vì ở nơi sở duyên không bị lưu tán. Sao gọi là hiểu sâu? Vì ở nơi ly dục, hành nhiệm ô không chuyển; ở nơi các phiền não được lìa hệ; ở nơi hành quay lưng buông bỏ (như yếm, ghét...) lúc đang lưu chuyển, tâm không bị ngăn ngại; lại ở nơi xả, không dụng công.

Sao gọi là tâm khéo thệ? Vì trụ phương tiện tác ý cứu cánh. Sao gọi là khéo tu? Vì khéo tu tập tác ý khác. Nên biết trong đây thuyết vị đoạn trừ và vị đạo phương tiện đoạn trừ. Giải, vì giải thoát khỏi các triền. Thoát, vì giải thoát khỏi tướng sở duyên. Lìa hệ, vì giải thoát khỏi tùy miên duyên theo các dục khiến sanh các lậu, tức là trừ dục tham, phiền não còn lại ở trong Dục giới. Tổn thiếu, tức là vì nhân cầm binh khí dao gậy... gây tạo ác hạnh sai khác, ở nơi các ác hạnh đây, hoặc gây tạo, hoặc tăng trưởng, nên sanh trong các ác thú. Thiêu đốt, vì nhân đây ăn uống, ái dục thiêu đốt thân tâm. Nã, vì nhân đây nếu sự việc biến hoại,

bền sanh sâu thán ưu khổ não. Ở nơi kia giải thoát, vượt khỏi, lìa hệ, tức là như thứ lớp trước đã nói, vì giải thoát khỏi các triền, sở duyên và tùy miên.

Sao gọi là trọn không lãnh nạp các thọ duyên kia? Tức là nơi tùy niệm cảnh giới các dục sắp được, đang được, các thọ nhiễm ô không hiện hành trở lại, sở y thân không trụ các hoặc nhiễm ô, như hoa sen hồng nước không thể bám.

Lại có 6 chủng thuận xuất ly giới. Như kinh đã rộng thuyết: “Ta đã tu từ, cho đến ta đã lìa các ngã mạn, nhưng ta vẫn còn bị tên độc nghi hoặc khiến tâm phiền muộn rối loạn”. Cho nên từ... đối với khuể, hại... không phải là chánh đối trị.

Nên biết vì xả tà chấp như vậy mà kiến lập giới đây. Trong đây vì ly dục đối trị khuể, hại, không vui, tham có sự sai khác, cho nên kiến lập bốn tướng đối trị dẫn đầu. Vì quán sát thánh trụ đặc đạo lý, kiến lập chủng thứ năm là vô tướng. Vì quán sát rốt ráo chánh đạo lý, kiến lập chủng thứ sáu.

Từ đối trị khuể, vì không tổn hành chuyển. Bi đối trị hại, vì trừ khổ của người nên vui thù thắng hành chuyển. Hỷ đối trị không vui, vì vui đối với

việc của người nên tùy hỷ hành chuyển. Xả đối trị cả tham và khuể, vì xả hành chuyển. Vô tướng đối trị tất cả các tướng, vì trái ngược tướng. Nếu là ngã mạn thì ở nơi giải thoát và chỗ chứng của tự thân, quyết định không có nghi hoặc, cho nên là ngã mạn đây là đối trị của nghi hoặc.

Các xuất ly đây vì nhất định có thể xuất ly tất cả pháp tu bất thiện như khuể... nên tất cả quá thất của khuể... làm sao có thể hiện hành!

Lại trong năm chủng thuận xuất ly giới trước, bốn chủng đầu nhiếp thuộc thiên trụ, chủng thứ năm nhiếp thuộc thánh trụ. Nay sáu chủng thuận xuất ly giới đây, bốn chủng trước nhiếp thuộc phạm trụ, hai chủng thứ năm và thứ sáu nhiếp thuộc thánh trụ.

Lại nữa, vì năng vượt qua các quá thất của khuể... nên gọi là xuất ly. Vào lúc xuất ly, có thể nương tựa cây nhờ, cho nên gọi là y. Thế Tôn thuyết lược có 4 chủng y: 1. Pháp là chỗ y, không phải số thủ thú; 2. Nghĩa là chỗ y, không phải văn; 3. Kinh liễu nghĩa là chỗ y, không phải bất liễu nghĩa; 4. Trí là chỗ y, không phải thức.

Nhân nào kiến lập 4 chủng y đây? Do có 4

chủng bồ-đặc-già-la sai khác:

1. Nhân bồ-đặc-già-la có sự siểm trá sai khác, nên kiến lập y thứ nhất.

2. Nhân bồ-đặc-già-la thuận thế gian sai khác, nên kiến lập y thứ hai.

3. Nhân bồ-đặc-già-la trụ tự kiến thủ sai khác, nên kiến lập y thứ ba.

4. Nhân bồ-đặc-già-la cho nghe là trên hết, nên kiến lập y thứ tư.

Nhân bồ-đặc-già-la siểm trá sai khác nên nói pháp là chỗ y, không phải số thủ thú. Cần yếu phải cùng bồ-đặc-già-la kia bàn luận phân biệt quyết trạch mới chứng chánh trí, không chỉ thấy kia hiện oai nghi mà thôi. Ở đây lại có sự sai khác, tức là Phật tuyên thuyết bồ-đặc-già-la và các pháp, duy pháp là chỗ y, không phải số thủ thú. Vì không nên chấp vào ngôn từ thế tục, nên pháp lại chia làm 2 chủng là văn và nghĩa, duy nghĩa là chỗ y, không phải văn. Vì cơ sao? Vì không chỉ ở nơi nghe mà cho là cứu cánh, cần yếu phải ở nơi nghĩa tư duy thọ lượng quán sát sâu xa nghĩa lý. Kinh Phật thuyết hoặc có liễu nghĩa, hoặc có bất liễu nghĩa, nên khi quán sát nghĩa thì kinh liễu nghĩa là chỗ

y, không phải bất liễu nghĩa. Bởi lẽ Thế Tôn hoặc có lúc tuyên thuyết nương thức hướng đến phước, bất động là đi đến thiện thú; hoặc có lúc tuyên thuyết trí bốn thánh đế là hướng đến Niết-bàn. Vào lúc tu tùy pháp hành pháp, duy trí là chỗ y, không phải thức.

Lược ở 4 thời có lỗi lầm, không lỗi lầm, mà kiến lập 4 loại bổ-đặc-già-la: 1. Thời được nghe pháp; 2. Thời nhậm trì; 3. Thời quán sát nghĩa; 4. Thời tu tùy pháp hành pháp. Vì nương bốn thời đây mà kiến lập bốn y.

### **C. Tác ý sai biệt:**

Đã thuyết an lập, nên biết ở trong hết thủy tĩnh lự đây, tác ý và sở duyên là 2 chủng sai biệt.

Tác ý sai biệt: đó là 7 chủng tác ý căn bản và 40 tác ý khác.

Bảy chủng tác ý căn bản: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viễn ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý gia hạnh cứu cánh; 7. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh.

Bốn mươi tác ý khác: 1. Tác ý duyên pháp; 2. Tác ý duyên nghĩa; 3. Tác ý duyên thân; 4. Tác ý

duyên thọ; 5. Tác ý duyên tâm; 6. Tác ý duyên pháp; 7. Tác ý thắng giải; 8. Tác ý chân thật; 9. Tác ý hữu học; 10. Tác ý vô học; 11. Tác ý phi học phi vô học; 12. Tác ý biến tri; 13. Tác ý chánh đoạn; 14. Tác ý đã đoạn; 15. Tác ý sở duyên ảnh tượng có phân biệt; 16. Tác ý sở duyên ảnh tượng không phân biệt; 17. Tác ý sở duyên biên tế của sự; 18. Tác ý sở duyên việc làm thành xong; 19. Tác ý thắng giải tư trạch; 20. Tác ý tịch tĩnh; 21. Tác ý tu một phần; 22. Tác ý tu đầy đủ phần; 23. Tác ý không gián đoạn; 24. Tác ý ân trọng; 25. Tác ý tùy thuận; 26. Tác ý đối trị; 27. Tác ý thuận thanh tịnh; 28. Tác ý thuận quán sát; 29. Tác ý chuyển vận lực khích lệ; 30. Tác ý chuyển vận có gián đoạn; 31. Tác ý chuyển vận có dụng công; 32. Tác ý chuyển vận tự nhiên; 33. Tác ý tư trạch; 34. Tác ý nội nhiếp; 35. Tác ý tịnh chướng; 36. Tác ý y chỉ thành biện sở hành thanh tịnh; 37. Tác ý do người khác kiến lập; 38. Tác ý nội tăng thượng thủ; 39. Tác ý rộng lớn; 40. Tác ý biến hành.

Tác ý duyên pháp: là tác ý tương ưng tuệ do văn mà thành.

Tác ý duyên nghĩa: là tác ý tương ưng tuệ do tư

và tu mà thành.

Tác ý duyên thân, thọ, tâm, pháp: là tác ý của người tu niệm trụ, như lý tư duy thân, thọ, tâm, pháp.

Tác ý thắng giải: là tác ý của người tu tinh lự, tùy theo chỗ muốn tăng ích các sự tướng.

Tác ý chân thật: là dụng tự tướng, cộng tướng và tướng chân như, tác ý như lý tư duy các pháp.

Tác ý hữu học lược có 2 chủng: 1. Tự tánh; 2. Ở tương tục. Tự tánh là tác ý vô lậu của bậc hữu học. Ở tương tục là tác ý tất cả thiện của bậc hữu học.

Tác ý vô học: như tác ý hữu học.

Tác ý phi học phi vô học: là tác ý của tất cả thế gian.

Tác ý biến tri: tác ý đây biết khắp sở duyên mà không đoạn hoặc.

Tác ý chánh đoạn: tác ý đây đồng làm hai việc biết khắp và đoạn hoặc.

Tác ý đã đoạn: sở hữu tác ý sau khi đoạn phiền não.

Tác ý sở duyên ảnh tượng có phân biệt: tác ý đây tu duyên phân biệt thể cảnh Tỳ-bát-xá-na.

Tác ý sở duyên ảnh tượng không phân biệt: tác ý đây tu duyên phân biệt thể cảnh Xa-ma-tha.

Tác ý sở duyên biên tế của sự: tác ý đây rõ biết sở duyên biên tế của tất cả thân thọ tâm pháp, quá đây lại không có thân thọ tâm pháp.

Tác ý sở duyên việc làm thành xong: là tác ý “Ta tư duy như đây như đây, hoặc ta tư duy như thế như thế. Phải có như đây như đây, phải làm xong như thế như thế”; và tác ý sở duyên thanh tịnh.

Tác ý thắng giải tư trạch: tác ý đây hoặc đầu tiên tư trạch các pháp, hoặc lấy Xa-ma-tha làm dẫn đầu.

Tác ý tịch tĩnh: tác ý đây hoặc đầu tiên nội tâm an trú, hoặc lấy Tỳ-bát-xá-na làm dẫn đầu.

Tác ý tu một phần: tác ý đây tùy tu một phần hoặc Xa-ma-tha, hoặc Tỳ-bát-xá-na.

Tác ý tu đầy đủ phần: tác ý đây song tu cả hai phần.

Tác ý không gián đoạn: tác ý tương tục ở tất cả thời, không gián không đoạn mà chuyển.

Tác ý ân trọng: là phương tiện gia hạnh không trì trệ chậm chạp.

Trong đây, do tác ý thắng giải tư trạch, nên



tịnh tu trí kiến. Do tác ý tịch tĩnh, nên sanh trưởng khinh an. Do tác ý tu một phần, tu đủ phần, nên ở nơi các cái tâm đặc giải thoát. Do tác ý ân trọng, không gián đoạn, nên ở trong các kết tâm đặc giải thoát. Lại do tác ý không gián đoạn, nên xả thân mạng trọn không luống uổng. Do tác ý ân trọng, nên nhanh chóng chứng thông tuệ.

Tác ý tùy thuận: tác ý đây nhằm chán hủy hoại sở duyên, thuận đoạn phiền não.

Tác ý đối trị: tác ý đây chánh xả các hoặc, nắm giữ đoạn, khiến tương tục xa lìa các phiền não.

Tác ý thuận thanh tịnh: tác ý đây tu sáu tùy niệm, hoặc lại tư duy một sự việc tốt đẹp nào đó.

Tác ý thuận quán sát: tác ý đây quán sát các phiền não đã đoạn và chưa đoạn, hoặc lại quán sát các điều tự thân đã chứng và đạo lý các pháp trước kia đã quán.

Tác ý nỗ lực chuyển vận: sở hữu tác ý của người mới tu nghiệp mà chưa thu được tác ý.

Tác ý chuyển vận có gián đoạn: sở hữu tác ý của người tu nghiệp đã đắc tác ý, nhưng trì trệ chậm chạp đối với tu gia hạnh ở bậc cao hơn.

Tác ý chuyển vận có dụng công: sở hữu tác ý của người đã đồng mãnh tinh tấn, tu gia hạnh không trì hoãn chậm chạp.

Tác ý chuyển vận tự nhiên: là tác ý quyết định ở 4 thời: 1. Thời đắc tác ý; 2. Thời chánh nhập, đã nhập định căn bản; 3. Thời tu quán sát; 4. Thời chánh đắc, đã đắc A-la-hán.

Tác ý tư trạch: tác ý phẩm Tỳ-bát-xá-na.

Tác ý nội nhiếp: tác ý phẩm Xa-ma-tha.

Tác ý tịnh chương: tác ý đây buông xả các lậu, vĩnh viễn khử bỏ thô trọng.

Tác ý nương chánh thành biện sở hành thanh tịnh: tác ý đây nương lìa tất cả thô trọng của thân, tuy hành theo tất cả cảnh giới sở duyên, mà các phiền não chẳng hiện hành trở lại.

Tác ý do người khác kiến lập: sở hữu tác ý của các Thanh văn, vì chủ yếu được nghe âm thanh từ người khác, cho đến bên trong như lý tác ý.

Tác ý nội tăng thượng thủ: sở hữu tác ý của các Độc giác và chư Bồ-tát, vì không phải từ thầy mà được giác ngộ.

Tác ý rộng lớn: sở hữu tác ý của các Bồ-tát, vì khéo biết rõ lỗi lầm của sanh tử, nên phương tiện

xuất ly, phát hoàng thệ nguyện hướng đến Đại bồ-đề.

Tác ý biến hành: tác ý tương ưng trí hiện kiến tất cả không chướng ngại của chư Phật Thế Tôn. Hoặc sở hữu tác ý của các Bồ-tát phương tiện thiện xảo ở khắp ba thừa và năm minh xứ.

Trong đây 7 tác ý trước và 40 tác ý sau có sự tương nhiếp lẫn nhau.

Tác ý liễu tướng nhiếp tác ý duyên pháp, duyên nghĩa. Sáu tác ý còn lại chỉ nhiếp tác ý duyên nghĩa.

Khấp ở 7 tác ý nhiếp tác ý duyên 4 chủng cảnh là thân, thọ, tâm, pháp.

Tác ý liễu tướng, thắng giải, quả gia hạnh cứu cánh thông nhiếp tác ý thắng giải và chân thật. Tác ý quán sát chỉ nhiếp tác ý thắng giải. Ba tác ý còn lại chỉ nhiếp tác ý chân thật. Đây chỉ nói trong phạm vi các môn trước (từ tác ý duyên pháp cho đến tác ý duyên nghĩa). Nếu nói trong phạm vi các môn khác (từ tác ý hữu học cho đến tác ý biến hành), thì 7 chủng tác ý đều nhiếp 2 chủng là tác ý hữu học và phi học phi vô học. Cũng nhiếp tác ý vô học, đó là tác ý liễu tướng của thanh tịnh địa và tác ý quả gia hạnh cứu cánh.

Tác ý liễu tướng, thắng giải, quán sát nhiếp tác ý biến tri. Ba tác ý tiếp theo nhiếp tác ý chánh đoạn. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý đã đoạn.

Tác ý quán sát chỉ nhiếp tác ý sở duyên ảnh tượng có phân biệt. Sáu tác ý còn lại thông nhiếp cả hai chủng là tác ý sở duyên biên tế sự (nhiếp khắp tất cả) và tác ý sở duyên việc làm trọn xong. Chung quy môn ban đầu (tác ý sở duyên biên tế sự) nhiếp thuộc khắp tất cả tác ý, môn thứ hai (tác ý sở duyên việc làm thành xong) chỉ nhiếp thuộc tác ý quả gia hạnh cứu cánh.

Ở trong tác ý thắng giải tư trạch, nếu tư trạch làm đầu thì đều không nhiếp thuộc tác ý nào, nếu Xa-ma-tha làm tiền dẫn thì nhiếp thuộc khắp tất cả tác ý.

Trong tác ý tịch tĩnh, nếu tâm an trụ bên trong làm đầu thì không nhiếp thuộc tác ý nào, nếu lấy Tỳ-bát-xá-na làm tiền dẫn thì nhiếp thuộc khắp tất cả tác ý.

Sáu tác ý trước thông nhiếp tác ý tu một phần và đầy đủ phần. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh chỉ nhiếp tác ý tu đủ phần.

Khắp tất cả 7 tác ý nhiếp tác ý không gián đoạn, tác ý ân trọng.

Hai tác ý đầu là liễu tướng và thắng giải nhiếp tác ý tùy thuận. Hai tác ý là viễn ly, gia hạnh cứu cánh và một phần tác ý nhiếp lạc nhiếp tác ý đối trị. Chỉ một phần tác ý nhiếp lạc nhiếp tác ý thuận thanh tịnh. Duy tác ý quán sát nhiếp tác ý thuận quán sát đang đoạn, chưa đoạn. Đây chung quy là nương đoạn đối trị mà thuyết. Nếu nương điều khác, tùy theo chỗ thích hợp mà thuyết. Không tác ý nào nhiếp tác ý lực khích lệ chuyển vận. Cho đến tác ý nhiếp lạc nhiếp tác ý có gián đoạn chuyển vận, tác ý có dụng công chuyển vận. Hai tác ý là gia hạnh cứu cánh và quả gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý tự nhiên chuyển vận.

Tác ý liễu tướng nhiếp tác ý tư trạch. Tác ý thắng giải nhiếp tác ý nội nhiếp. Tác ý viễn ly, nhiếp lạc, quán sát, gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý tịnh chướng. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý nương thành biện sở hành thanh tịnh.

Tất cả tác ý nhiếp tác ý do người khác kiến lập và tác ý nội tăng thượng thủ. Không tác ý nào nhiếp tác ý rộng lớn.

Tác ý quả gia hạnh cứu cánh nhiếp tác ý biến hành thứ nhất. Tất cả tác ý nhiếp tác ý biến hành thứ hai.

Lại, tác ý liễu tướng nếu nhiếp tác ý do người khác kiến lập, thì quyết định lấy lắng nghe âm thanh của người và bên trong như lý tác ý làm duyên; nếu nhiếp tác ý nội tạng thượng thủ, chỉ tư lương trước làm duyên. Tác ý còn lại, trước trước sau sau triển chuyển làm duyên cho nhau.

#### **D. Các tướng sai biệt:**

Sao gọi là sở duyên sai biệt? Tức là các tướng sai biệt. Những gì là tướng? Lược có 4 chủng: **1.** Tướng sở duyên; **2.** Tướng nhân duyên; **3.** Tướng nên xa lìa; **4.** Tướng nên tu tập.

**1. Tướng sở duyên:** là tướng thể phân biệt của sự sở tri.

**2. Tướng nhân duyên:** là tư lương định.

**3. Tướng nên xa lìa:** lại có 4 chủng: **a.** Tướng trầm; **b.** Tướng trạo; **c.** Tướng loạn; **d.** Tướng trước.

a. *Tướng trầm*: Không giữ gìn căn môn; ăn không biết lượng; đầu đêm sau đêm không thường tỉnh thức; không trụ chánh biết siêng tu quán hành. Tánh hành si mê, đăm trước ngủ nghỉ, không có tuệ nhạy bén, đồng hành với ác tác. Chuyên tâm quán dục, không từng tu tập chánh Xa-ma-tha. Ở nơi Xa-ma-tha chưa là thuần thiện, nếu một hướng tư duy tướng Xa-ma-tha thì tâm hôn ám. Ở nơi các cảnh giới thù thắng, không vui phan duyên.

b. *Tướng trạo*: Không giữ gìn căn môn... nói rộng như bốn chủng tướng trên. Là tánh hành tham, vui không tịch tĩn, không tâm chán lìa, không tuệ nhạy bén, đồng hành cao cử thái quá. Chuyên tâm quán dục, không từng tu pháp cử. Ở nơi pháp cử chưa thuần thiện, chỉ tu một hướng. Do ở nơi chủng chủng chỉ thuận theo pháp trạo, tâm động loạn nhớ nghĩ đến người thân, họ hàng, làng xóm.

c. *Tướng loạn*: Không giữ gìn căn môn... nói rộng như bốn chủng tướng trước. Là tánh độn căn, nhiều ham cầu, nhiều tính toán, nhiều các sự nghiệp. Tánh hành tầm tư, không có tuệ nhạy bén, không tâm chán lìa, không tu xa lìa. Ở nơi các

cảnh giới thù thắng, không vui phan duyên. Gần gũi mơ hồ, phương tiện bị gián đoạn khuyết hở, không thể quán sát rõ biết sâu xa tướng loạn, tướng không loạn.

**d. Tướng trước:** Không giữ gìn căn môn... nói rộng như bốn chủng tướng trước. Là tánh động căn, tánh hành ái, tánh nhiều phiền não. Không như lý tư duy, không thấy quá hoạn. Lại ở nơi tăng thượng không thấy ra khỏi xa lìa.

**4. Tướng nên tu tập:** vì đối trị 4 chủng tướng trầm, trạo, loạn, trước đã nói trên.

Lại có 32 tướng: 1. Tướng tự tâm; 2. Tướng bên ngoài; 3. Tướng sở y; 4. Tướng sở hành; 5. Tướng tác ý; 6. Tướng tâm khởi; 7. Tướng an trụ; 8. Tướng tự tướng; 9. Tướng cộng tướng; 10. Tướng thô; 11. Tướng tinh; 12. Tướng lãnh nạp; 13. Tướng phân biệt; 14. Tướng câu hành; 15. Tướng nhiễm ô; 16. Tướng không nhiễm ô; 17. Tướng chánh phương tiện; 18. Tướng tà phương tiện; 19. Tướng quang minh; 20. Tướng quán sát; 21. Tướng hiền thiện định; 22. Tướng chỉ; 23. Tướng cử; 24. Tướng quán; 25. Tướng xả; 26. Tướng nhập định; 27. Tướng



trụ định; 28. Tướng xuất định; 29. Tướng tăng; 30. Tướng giảm; 31. Tướng phương tiện; 32. Tướng dẫn phát.

Tướng tự tâm: Vì có Bí-sô trước bị phiền não nhiễm ô tâm, liền ở nơi tự tâm khéo léo giữ lấy tướng như vậy như vậy, tâm có nhiễm ô hoặc không nhiễm ô. Do phương tiện đây, tâm rơi vào xứ trầm. Hoặc do phương tiện đây, tâm không rơi vào xứ trầm. Nói trầm, tức là bốn tướng trầm, trạo, loạn, trước, cho đến tướng của tâm bị ngăn ngại đấm trước, hoặc lại ở nơi kia tâm bị nhiễm ô.

Tướng bên ngoài: Ở nơi kia tâm đã bị nhiễm ô. Rõ biết tự tâm bị nhiễm ô rồi, liền giữ lấy tướng bên ngoài, như tướng quang minh, hoặc tướng tịnh diệu, hoặc lại tướng khác. Vì muốn trừ khiến các phiền não, khiến hoặc kia không hiện hành.

Tướng sở y: là tướng thể phân biệt, tức là tướng tất cả tự thân nhiếp lấy năm uẩn, kể cả chủng tử.

Tướng sở hành: là tướng thể phân biệt, tư duy cảnh giới sắc cho đến pháp.

Tướng tác ý: vì năng sanh tác ý. Ở nơi cảnh giới kia sanh, nên thức sanh khởi tác tư duy đây:

“Nay tâm ta đây do tác ý nên ở cảnh giới chuyển, không phải không tác ý”. Điều tư duy đây gọi là tướng tác ý.

Tướng tâm khởi: như thứ lớp tướng trước đã thuyết ở trên là một tướng. Tướng thứ hai tức là tướng tâm duyên hành, duyên danh sắc. Điều tư duy đây gọi là tướng tâm khởi.

Tướng an trụ: là 4 thức trụ, tức là thức tùy theo sắc trụ... như kinh đã rộng thuyết. Điều tư duy đây gọi là tướng an trụ.

Tướng tự tướng: là tự tướng tự loại, hoặc tự tướng mỗi loại riêng. Điều tư duy đây gọi là tướng tự tướng.

Tướng cộng tướng: là cộng tướng các hành, hoặc cộng tướng hữu lậu, hoặc cộng tướng của tất cả pháp. Điều tư duy đây gọi là tướng cộng tướng.

Tướng thô: tức là quán tất cả tướng thô của địa dưới.

Tướng tinh: tức là quán sở hành tất cả tịnh tướng của địa trên.

Tướng lãnh nạp: tướng của sự hồi tưởng các hành đã từng trải qua trong quá khứ.

Tướng phân biệt: tướng tư duy các hành vị lai.

Tướng câu hành: tướng phân biệt các hành hiện tại.

Tướng nhiễm ô: ở nơi tâm có tham, tư duy tướng tâm có tham, cho đến ở nơi tâm bất thiện giải thoát, tư duy tướng tâm bất thiện giải thoát.

Tướng không nhiễm ô: trái với tướng trên, nên biết tức là tướng không nhiễm ô, trong đây đã xuất ly nơi đoạn. Không tu phương tiện, tức là quán có tham... Tu phương tiện, tức là quán lược phần dưới. Tâm có tham, tức là tâm tương ưng tham, hoặc lại tùy triển chuyển theo đuổi phẩm thô trọng kia. Như vậy do triển và tùy miên, tất cả tâm bị nhiễm ô, tùy chỗ thích hợp đều nên rõ biết. Vì dụng năng đối trị triển và tùy miên, nên thành không nhiễm ô.

Tướng chánh phương tiện: tức là tướng của sự tư duy nhân duyên phẩm bạch tịnh.

Tướng tà phương tiện: tức là tướng của sự tư duy nhân duyên phẩm nhiễm ô. Tức là vì tư duy không trụ giữ gìn căn môn như vậy như vậy, cho đến vì không trụ chánh biết. Tức như vậy như vậy tướng tâm bị nhiễm ô.

Tướng quang minh: như có người vì muốn đối

trị ám, nên ân trọng khẩn thiết khéo nắm giữ, cực khéo tư duy tướng pháp quang minh. Như đối với phương dưới thì phương trên cũng vậy. Như vậy, vì đối trị tất cả tướng ám mà kiến lập tướng đây.

Tướng quán sát: Bí-sô ân cần khẩn thiết, khéo nắm giữ tướng mà quán sát. Đứng quán sát đối với ngôi, tức là lấy pháp đang nắm giữ (năng thủ) ở hiện tại, quán sát pháp được nắm giữ (sở thủ) ở vị lai. Ngôi quán sát đối với nắm, tức là lấy pháp đang nắm giữ (năng thủ) ở hiện tại, quán pháp được nắm giữ (sở thủ) ở quá khứ. Hoặc pháp ở hành sau, quán sát pháp hành trước, tức là lấy pháp năng thủ sau sau, quán năng thủ trước trước. Đây chỉ lược hiển hai chủng quán pháp sở thủ, năng thủ.

Tướng hiền thiện định: là tướng của sự tư duy tướng xanh, tương phình... vì muốn đối trị dục tham. Cớ sao tướng đây thuyết là hiền thiện? Trong các phiền não, tham là trội hơn cả. Ở trong các tham, dục tham là trội hơn cả, vì năng sanh các khổ. Tướng đây là sở duyên đối trị của kia nên gọi là hiền thiện.

Tướng chỉ: là tướng của sự tư duy ảnh tượng

không phân biệt.

Tướng cử: là tướng của sự sách phát tâm thủ một cảnh tướng tịnh diệu, hoặc tướng quang minh.

Tướng quán: tướng của văn, tư, tu tuệ tư duy các pháp.

Tướng xả: tướng của tâm đã được bình đẳng, ở nơi các phẩm thiện tăng thượng xả.

Tướng nhập định: tức là vì tướng nhân duyên, sở duyên, nên tu tập mà nhập tam-ma-địa. Hoặc lại đã đắc mà hiện tại tiền.

Tướng trụ định: tức là ở nơi các tướng khéo léo mà thủ. Do khéo thủ, nên tùy theo chỗ muốn mà an trụ định. Lại ở nơi định đây đắc pháp không thối.

Tướng xuất định: là tướng thể phân biệt không nhiếp lầy bất định địa.

Tướng tăng: là tướng của sự tư duy định khinh an bội tăng rộng lớn.

Tướng giảm: là tướng của sự tư duy định khinh an thối giảm hẹp nhỏ.

Tướng phương tiện: là tướng hai đường, hoặc hướng đến tăng trưởng rộng lớn, hoặc hướng đến thối giảm hẹp nhỏ.

Tướng dẫn phát: tướng năng dẫn phát lược các đạo nghĩa rộng lớn của văn câu, hoặc tướng vô tranh, vô ngại, diệu nguyện trí... hoặc tướng nương tam-ma-địa các lực vô úy khác có công đức rất thù thắng và tướng trí tuệ năng thông đạt cú nghĩa thẳm sâu vi diệu.

Lại nữa, các tướng như vậy nhiếp thuộc trong 4 tướng căn bản đã nói ở trước, đó là: tướng sở duyên, tướng nhân duyên, tướng nên xa lìa, tướng nên tu tập.

Tướng sở duyên nhiếp đầy đủ tất cả. Tướng nhân duyên cũng vậy. Vì trước và sau làm nhân duyên cho nhau, vì khiến về sau đặc sáng sạch thanh tịnh. Tất cả chủng riêng của tướng chánh phương tiện đều là tướng nhân duyên. Như tướng chánh phương tiện, thì tướng tà phương tiện cũng vậy. Một là tướng phẩm bạch. Hai là tướng phẩm hắc. Ở nơi tướng nhiễm ô, chỉ nên xa lìa. Ở nơi các tướng còn lại, chỉ nên tu tập. Ở mọi thời mọi lúc đều nên tu tập như vậy.



## *Quyển 12*

### **Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA**

#### **Phần 2**

Lại nữa, sao gọi là tu tập tác ý các tướng sở duyên? Tức là ở nơi các tướng kia kia, tác ý tư duy. Vì dùng tư duy có thể làm 4 việc, đó là: tu tập tác ý như thế; lại năng tránh xa sở tri phiền não của kia; lại năng luyện tác ý đây cùng tác ý khác, khiến về sau sanh khởi triển chuyển càng thêm sáng sạch; lại tức khi tu tập tác ý đây, nhằm chán hoại diệt sở duyên, xả các phiền não, giữ gìn sự đoạn diệt, khiến tương tục xa lìa các phiền não. Tu tập như thế gọi là tác ý các tướng sở duyên.

Lại nữa, do 4 nhân duyên, nhập Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đẳng: 1. Lực nhân; 2. Lực phương tiện; 3. Lực thuyết; 4. Lực dạy trao.

Sao gọi là lực nhân? Tức là đã từng gần gũi nhập các tĩnh lự.

Sao gọi là lực phương tiện? Tức là tuy không gần gũi nhập các tĩnh lự, nhưng do lực luôn tu tập không gián đoạn, năng nhập các định.

Sao gọi là lực thuyết? Ở nơi pháp các tĩnh lự tăng thượng duyên, nghe nhiều, gìn giữ cho đến nói rộng. Tức nương pháp đây, một mình ở chốn yên tĩnh, lìa các phóng dật, đồng mãnh tĩnh tấn tự sách tấn mình, trụ tùy pháp hành pháp. Do đây năng nhập các tĩnh lự định.

Sao gọi là lực dạy trao? Tức là ở nơi Thân giáo sư, hoặc Quĩ phạm sư, hoặc theo một vị Tôn trưởng khác, được dạy trao về Sơ tĩnh lự... không điên đảo, tiếp thu thuận theo. Từ đây quán sát tỉ mỉ thăm sâu, tác ý tư duy năng nhập tĩnh lự cùng các định khác.

Như vậy hiển thị 4 bậc quán hành: 1. Bậc đầy đủ lực nhân; 2. Bậc có lực phương tiện; 3. Bậc lợi căn; 4. Bậc độ căn.

Lại nữa, có 4 loại người đắc tĩnh lự: 1. Kẻ ái thượng tĩnh lự; 2. Kẻ kiến thượng tĩnh lự; 3. Kẻ mạn thượng tĩnh lự; 4. Kẻ nghi thượng tĩnh lự.

Sao gọi là kẻ ái thượng tĩnh lự? Như có người trước từng nghe công đức của các tĩnh lự định, mà không nghe phương tiện xuất ly khỏi kia, nên đối với định kia chỉ một hướng thấy công đức thù thắng, đồng mãnh tĩnh cần. Do nhân duyên đây, nhập Sơ



tĩnh lự hoặc các định còn lại. Nhập như vậy rồi, về sau sanh ái vị.

Sao gọi là kẻ kiến thượng tĩnh lự? Như có người từ sự dạy bảo của thầy, hoặc từ thầy khác được nghe: “Các thế gian thấy đều là thường... Nương phương tiện như vậy, nhập Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đẳng, năng đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly”. Kia nương kiến đây, dũng mãnh tinh cần tu tập, nên nhập Sơ tĩnh lự hoặc các định còn lại. Đã nhập như vậy, có khả năng tự nhớ nghĩ nhiều kiếp quá khứ, bèn sanh kiến đây: “Ta và thế gian đều là thường...”. Từ định đây khởi rồi, chấp kiên cố không xả. Lại ở thời sau, tư lự thâm sâu, quán sát tỉ mỉ thâm sâu, nên đắc thanh tịnh giải thoát xuất ly.

Sao gọi là kẻ mạn thượng tĩnh lự? Như có người nghe danh các bậc Tôn trưởng đã nhập Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đẳng. Nghe việc đây rồi bèn sanh kiêu mạn: “Kia có thể nhập các tĩnh lự định, ta vì duyên gì mà chẳng nhập được?”. Kia do nương mạn đây, dũng mãnh tinh cần, nhập Sơ tĩnh lự và các định còn lại. Nhập như vậy rồi về sau sanh kiêu mạn. Hoặc nhập định rồi tác tư duy đây: “Chỉ có ta năng nhập được tĩnh lự như vậy, người khác chẳng thể nhập”. Kia

nương mạn đây, lại ở thời sau nơi các tĩnh lự tư lự thẳm sâu, quán sát tỉ mỉ thẳm sâu.

Sao gọi là kẻ nghi thượng tĩnh lự? Như có người tánh ám độn, xưa từng vui tập hành Xa-ma-tha, do đây nhập các tĩnh lự hoặc các định còn lại. Như vậy nhập rồi, vì muốn đắc những điều chưa đắc, lại đối với thượng định phương tiện siêng tu, nơi bốn thánh đế siêng tu hiện quán. Bởi tánh ám độn nên không thể nhanh chóng chứng hiện quán thánh đế. Do nhân duyên đây, ở nơi các sở chứng khác liền sanh nghi hoặc. Nương nghi hoặc đây, lại ở nơi thắng tiến, tư lự thẳm sâu, quán sát tỉ mỉ thẳm sâu.

Lại nữa, sao gọi là các tĩnh lự định tương ưng ái vị? Có kẻ độn căn, hoặc vì hành tham, hoặc vì hành nhiều phiền não. Kia chỉ được nghe sở hữu công đức của Sơ tĩnh lự... nói rộng như ái thượng tĩnh lự. Đối với việc xuất ly các thượng định chẳng thể rõ biết, nên sanh ái vị đoái luyến đắm trước, trụ kiên cố. Ở đây nói đến sở ái vị tức là đã ra khỏi. Còn nói năng ái vị tức là đang chánh nhập.

Sao gọi là các tĩnh lự định thanh tịnh? Có người tánh trung căn, hoặc tánh lợi căn, hành phiền não hoặc hành trần mông. Kia từ người được

nghe quá hoạn của ái vị Sơ tinh lự... cùng cách thức xuất ly thượng định. Do đây đồng mãnh tinh tấn nhập Sơ tinh lự, hoặc các định còn lại. Nhập như vậy rồi, liền năng tư duy quá hoạn của các định, đối với việc xuất ly các thượng định cũng năng rõ biết, nên chẳng sanh ái vị.

Sao gọi là các tinh lự định vô lậu? Như có người hành tùy tín, hoặc hành tùy pháp, hoặc hành trần mông, lúc trước đã nhập hiện quán bốn thánh đế, hoặc lại đang chánh phương tiện tu hiện quán. Kia do hành trạng tướng trước, nhập Sơ tinh lự hoặc các định còn lại. Nay ở nơi hành đây, trạng đây, tướng đây không tư duy trở lại, nhưng đối với các pháp sắc cho đến thức, tư duy các hành như bệnh, như ung... Nơi pháp hữu vi, tâm sanh chán ghét, sợ hãi, chế phục. Đối với cam lồ giới, buộc niệm tư duy. Như vậy mới có thể nhập định vô lậu.

Lại nữa, sao gọi là thuận phần thối định? Có kẻ độn căn, dục giải hạ liệt, vì siêng tinh tấn nên nhập Sơ tinh lự hoặc các định còn lại. Ở nơi hỷ, nơi lạc, nơi công đức thù thắng không thể kham nhẫn, nên từ tinh lự mà bị lui sụt. Như như tạm nhập các định khác nhau, như vậy như vậy trở lại thối thất,

cho đến chưa thể khéo léo điều luyện các căn.

Sao gọi là thuận phần trụ định? Có người tánh trung căn, hoặc tánh lợi căn, kia chỉ được nghe công đức của các định... nói rộng như tương ưng ái vị đã thuyết ở trước. Nơi định đã đắc, chỉ sanh ái vị mà không thể thăng tiến, cũng không thối giảm.

Sao gọi là thuận phần thắng định? Có người được nghe phương tiện xuất ly định kia, nên nơi định đã đắc không sanh vui đủ, chẳng sanh ái vị, lại muốn cầu vị thù thắng. Do nhân duyên đây liền được thăng tiến.

Sao gọi là thuận phần quyết trạch định? Do người kia thấy sâu quá hoạn của tất cả thân, nên năng nhập vô lậu. Lại, các vô lậu gọi là phần quyết trạch vì cực cứu cánh. Thí như những vật ở thế gian như bình ngọc... đã khéo tuyển chọn, gọi là quyết trạch, từ đây về sau không thể tuyển chọn nữa. Đây cũng như vậy, vì quá đây lại không thể giản trạch hơn nữa, nên gọi là phần quyết trạch.

Lại nữa, sao gọi là không gián đoạn nhập các đẳng chí? Như có người đắc Sơ tĩnh lự cho đến Hữu đẳng, nhưng chưa viên mãn thanh tịnh sáng sạch. Trước thuận thứ lớp nhập cho đến Hữu đẳng, về

sau nghịch thứ lớp nhập cho đến Sơ tinh lự.

Sao gọi là siêu vượt nhập các đẳng chí? Như có người ở Sơ tinh lự cho đến Hữu đẳng đã đắc viên mãn sáng sạch. Từ Sơ tinh lự không gián đoạn vượt nhập Đệ tam tinh lự. Đệ tam tinh lự không gián đoạn vượt nhập Không vô biên xứ. Không xứ không gián đoạn vượt nhập Vô sở hữu xứ.. cho đến nói rộng. Nghịch thứ lớp vượt cũng vậy. Lấy cực xa nhất cũng không thể vượt quá Đệ tam đẳng chí, chỉ trừ chư Như Lai và chư Đại Bồ-tát đã xuất Đệ nhị a-tăng-xí-da, các bậc đây tùy ý muốn mà nhập các định.

Sao gọi là huân tu tinh lự? Như có người đã đắc bốn chủng tinh lự hữu lậu cùng với vô lậu. Vì ở nơi đẳng chí đã thu được tự tại, vì thọ quả đẳng chí tự tại, nên trường thời tương tục nhập các tinh lự hữu lậu, vô lậu, lại thêm sự xen tạp nhau cho đến hữu lậu không gián đoạn, vô lậu hiện tiền, vô lậu không gián đoạn, trở lại nhập hữu lậu. Nên biết ngang đây tức là thành tựu sự huân tu. Nếu ở chỗ này, lúc này, việc này, muốn nhập các định, liền ở chỗ đây, lúc đây, việc đây năng nhập các định. Đây gọi là ở nơi các đẳng chí đã thu được tự

tại. Quả đẳng chí tự tại tức là ở hiện pháp lạc trú, triển chuyển càng thêm tịnh sáng, lại vì do đây đắc đạo bất thối. Lại tịnh tu trị đạo năng dẫn phẩm công đức thù thắng của giải thoát, thắng xứ cùng biến xứ... Nếu có mạng chung mà còn thủ dư tàn, do nhân duyên đây liền nhập cõi Tịnh cư.

Do tu các tĩnh lự phẩm nhuộm, trung, thượng có sự sai khác, nên ở tất cả xứ thọ ba quả địa, như trong Có tâm có tứ địa đã rộng phân biệt. Vì tu tập Không tâm chỉ tứ tam-ma-địa, nên sanh làm Đại phạm.

Do lực huân tu phẩm nhuộm, trung, thượng, thắng thượng, cực thượng, nên sanh ở năm cõi trời Tịnh cư. Nên biết, vì nhân tu tĩnh lự định thanh tịnh nên sanh tĩnh lự địa, chẳng phải do tập gần gũi những pháp tương ưng ái vị. Nếu đã sanh cõi kia rồi mà khởi ái vị, tức liền thối mất. Nếu tu thanh tịnh, sanh trở lại cõi kia, hoặc sanh định dưới, hoặc tiến lên định trên. Trước ở nơi này tu đắc định rồi, sau sanh sang cõi kia. Vì cơ sao? Vì chẳng phải chưa ly dục mà sanh được vào cõi kia, vì chẳng phải các dị sanh chưa tu đắc định mà có thể ly dục. Lại chẳng phải trong chốn này và ở cõi

kia nhập các đẳng chí mà lạc có sai khác, chỉ do sở y của thân mà có sai biệt.

### **E. Nhiếp tông yếu các kinh:**

Đã thuyết tướng tu tập tác ý sai khác. Sao gọi là nhiếp tông yếu các kinh? – Tức là tám giải thoát... như kinh đã rộng thuyết.

#### **1. Giải thoát:**

Như trước đã thuyết, từ Hữu sắc quán các sắc... cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ là 7 giải thoát đầu, vì ở nơi đã giải thoát sanh thắng giải, nên gọi là giải thoát. Giải thoát thứ 8 là Diệt thọ tướng, vì xả bỏ tướng thọ nên gọi là giải thoát.

Sao gọi là Hữu sắc quán các sắc? Tức là đã sanh ở Dục giới, đã ly dục Dục giới nhưng chưa ly dục Sắc giới. Vì người kia đối với giải thoát như vậy đã được giải thoát, tức ở nơi các sắc Dục giới, lấy tướng có ánh sáng tác ý tư duy mà sanh thắng giải. Do 2 nhân duyên gọi là hữu sắc, đó là: vì sanh ở Dục giới, vì đặc định Sắc giới, lại vì phát khởi thắng giải ở nơi tướng có ánh sáng.

**Hỏi:** Quán các sắc là quán những sắc nào? Lại

dụng hành nào để quán?

Đáp: Các sắc Dục giới. Đó là các sắc ít hoặc tốt hoặc xấu, hoặc liệt hoặc thắng, mà các thắng xứ chế phục. Cũng vậy đối với sắc nhiều, cho đến nói rộng.

Cớ sao tu tập quán hành như vậy? Vì tịnh tu trị, phương tiện năng dẫn các công đức tối thắng.

Những gì gọi là công đức tối thắng? Đó là thắng xứ, biến xứ, các thánh thần thông, vô trính, nguyện trí, vô ngại giải... Tuy trước ở nơi các sắc Dục giới kia đã đắc ly dục, nhưng ở nơi sắc kia vẫn chưa thể chứng đắc thắng giải tự tại. Vì muốn chứng đắc, nên lớp lớp tư duy thắng giải ở nơi sắc kia.

Sao gọi là Nội vô sắc tướng quán ngoại các sắc? Tức là sanh ở Dục giới rồi, ly dục Sắc giới, nhưng định Vô sắc giới không hiện tại tiền. Lại không tư duy tướng sáng của tướng kia, chỉ ở nơi sắc bên ngoài mà phát khởi thắng giải. Nếu ở nơi sắc đây đã được ly dục, thì nói kia là ngoại. Do hai nhân duyên được gọi là nội vô sắc tướng, đó là: đã chứng đắc vô sắc đẳng chí, vì tự mình rõ biết đã đắc định đây, vì bên trong không tư duy tướng quang minh. Còn lại như trước đã thuyết.

Sao gọi là Tịnh giải thoát, thân tác chứng trụ



đầy đủ? Như có người đã đốt xả niệm viên mãn thanh tịnh sáng sạch, lấy đây làm chỗ nương tu tập thánh hạnh thanh tịnh viên mãn, gọi là tịnh giải thoát. Vì cố sao? Vì 3 nhân duyên, đó là: vì đã vượt qua các khổ lạc; vì đã tịch tĩnh tất cả động loạn; vì đã khéo mài giũa tâm sáng sạch. Thân tác chứng, vì tất cả bậc Hiền Thánh phần nhiều đều an trụ ở trong các trụ đây.

Sao gọi là Không vô biên xứ giải thoát? Như có người ở nơi Không xứ đã đắc ly dục, tức tư duy thắng giải ở nơi hư không.

Sao gọi là Thức vô biên xứ giải thoát? Như có người ở nơi Thức xứ đã đắc ly dục, tức tư duy thắng giải ở nơi thức đây.

Sao gọi là Vô sở hữu xứ giải thoát? Như có người đã đắc Vô sở hữu xứ, tư duy thắng giải ở nơi Thức vô biên xứ.

Hữu danh giải thoát lại không tác thắng giải ở các xứ khác, cho đến tưởng khắp ở nơi xứ có thể sanh, tức ở nơi xứ ấy mà tác thắng giải.

Lại nữa, trước đã tu trị tác ý thắng giải, về sau mới năng khởi thắng tri thắng kiến, nên gọi là Thắng xứ. Thắng đây nên biết có 5 chủng, đó là:

1. Hình dáng mất đi sự thấp hèn hạ liệt, nên gọi là thắng. Như người có sự nghiệp công xảo vượt hơn, thì mất đi sự thấp kém trong lòng người khác.

2. Chế phục sự yếu kém, nên gọi là thắng. Như có người dùng sức mạnh của mình để hàng phục những người yếu kém.

3. Năng phủ che cái khác, nên gọi là thắng. Như bình, bồn, chậu... ngăn che các vật trong nó. Hoặc sự ẩn chướng của các thần thông, chú thuật, thảo dược.

4. Chán hoại sở duyên, nên gọi là thắng. Tức là nhàm chán hoại diệt các cảnh giới, xả các phiền não.

5. Tự tại xoay chuyển, nên gọi là thắng. Như các vị vua ở thế gian, tùy theo ý muốn mà phân xử thần dân, tội tớ. Trong đây, ý hiển bày thắng phủ che và thắng tự tại.

Trước trong giải thoát, thắng giải tự tại. Nay ở thắng xứ, chế phục tự tại.

Quán sắc ít: là các sắc vật dụng... của hữu tình.  
Quán sắc nhiều: là các sắc như cung điện, nhà cửa...  
Quán sắc tốt: là hiển sắc mỹ diệu, vì thuần tịnh diệu. Trái với tướng đây gọi là sắc xấu. Quán sắc liệt: là sắc không khả ý thanh hương vị xúc. Trái

với tướng đây, nên biết tức là sắc thắng. Bốn hiển sắc đây nhiếp thuộc hữu tình, tư cụ, cung điện...

Nói thắng tri, tức là lớp lớp ẩn che sở duyên thắng giải. Có tướng như vậy, tức là có tướng chế phục vậy.

Lại nữa, do các biến xứ ở nơi sự việc thắng giải sanh thắng giải khắp, nên gọi là biến xứ.

Nói không hai: vì các bậc Hiền Thánh không có hai tướng sai khác là ngã và ngã sở. Nói vô lượng: vì khắp ở tất cả.

Cớ sao biến xứ chung quy chỉ kiến lập theo hai xứ là sắc và xúc? Do hai chủng đây cùng thân mình, thân người, thường tương tục khắp hữu sắc giới. Sắc căn như mắt... chỉ thuộc thân mình. Hai trần là hương và vị không có ở khắp tất cả. Nghe thanh thì lại có gián đoạn, cho nên không nói.

Như vậy các biến xứ định hữu sắc, sắc giới làm biên sau. Ở trong vô sắc, không biến khắp tất cả, nên lập là biến xứ. Sở hành cảnh của thức vì biến khắp tất cả, nên cũng lập là biến xứ.

Lại nữa, người tu quán hành trước tư duy thắng giải ở nơi sở duyên, kế đến năng chế phục. Tức được tự tại trong việc chế phục rồi, về sau nơi sự chế phục

đây khắp ở tất cả xứ, như mong muốn mà phát khởi thắng giải. Cho nên có ba thứ lớp như vậy.

Do tám sắc biến xứ thiện thanh tịnh, năng dẫn phát thắng giải thần thông của bậc Hiền Thánh và chuyển biến thần thông nơi các sự việc. Như điều đã thắng giải, tùy theo đó mà sự biến chuyển đều có thể thành tựu. Lại năng biến ra các vật như vàng, bạc... có thể sử dụng.

Do thức biến xứ thiện thanh tịnh, nên năng dẫn phát các công đức thù thắng vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải..

Do không biến xứ thiện thanh tịnh, nên tùy theo ý muốn đều chuyển thành không.

Ví như thợ vàng, thợ sắt, thợ gốm ở thế gian, ban đầu trộn bùn đất chưa khéo điêu luyện, thì ở đây vị giải thoát cũng vậy. Như đã khéo điêu luyện thì vị thắng xứ cũng vậy. Như đã điêu luyện rồi, tùy ý muốn mà chuyển biến, thì vị biến xứ cũng vậy.

## 2. Đẳng trì:

Đó là 3 tam-ma-địa: **a.** Không tam-ma-địa; **b.** Vô tướng tam-ma-địa; **c.** Vô nguyện tam-ma-địa.

**a.** Sao gọi là Không tam-ma-địa? Tức là xa lìa

hữu tình, mạng, dưỡng dục, số thủ thú... tâm trụ một duyên.

Nên biết tánh không lược có 4 chủng: 1. Quán sát không, tức là quán sát các pháp không vô thường, lạc, cho đến không vô ngã, ngã sở...; 2. Quả kia không, tức là tâm bất động giải thoát, không vô hết thấy phiền não như tham...; 3. Nội không, tức là ở nơi tự thân không vô tất cả kiến chấp hẹp hòi như kế chấp ngã, ngã sở cùng với ngã mạn...; 4. Ngoại không, tức là ở nơi năm dục không vô dục ái, như nói: “Ta đã vượt qua tất cả tướng hữu sắc, ở nơi ngoại không, thân tác chứng trụ đầy đủ...” cho đến nói rộng. Trong đây, tướng duyên diệu dục gọi là tướng sắc, tướng đây sở khởi đoạn tham dục nên nói là ngoại không.

Lại người tu hành, do quả kia không, hoặc có lúc tác ý tư duy ngoại không, hoặc có lúc tác ý tư duy nội không. Do quán sát không, hoặc có lúc tư duy nội ngoại tánh không. Do lược đây, nên tâm đều chứng đắc lãnh hội tánh không. Giả sử lại ở nơi nội ngoại tánh không đây chẳng chứng đắc lãnh hội, nên khởi tác ý tư duy vô động.

Nói vô động tức là tướng vô thường, hoặc tướng

khổ. Nếu tư duy như vậy liền chẳng bị ngã mạn... làm động loạn. Do kia không bị kế chấp ngã, ngã mạn... cho đến nói rộng tâm không bị động loạn, liền ở nơi hai không đây, tâm đều chứng đắc lãnh hội.

**b.** Sao gọi là tâm Vô nguyện tam-ma-địa? Ở nơi năm thủ uẩn, tư duy vô thường hoặc tư duy khổ, tâm trụ một duyên.

**c.** Sao gọi là tâm Vô tướng tam-ma-địa? Ở nơi các thủ uẩn kia diệt, tư duy tịch tĩnh, tâm trụ một duyên. Như kinh nói: “Tâm Vô tướng tam-ma-địa không thấp không cao...” cho đến nói rộng.

Sao gọi là không thấp không cao? Vì không tương ưng với hai tướng thuận và nghịch. Lại có 2 nhân duyên nhập Vô tướng định: 1. Vì không tư duy tất cả tướng; 2. Vì chánh tư duy vô tướng giới. Vì không tư duy tất cả tướng, nên nơi các tướng kia chẳng chán chẳng hoại, chỉ không gia hạnh tác ý tư duy, nên gọi là không thấp. Vì chánh tư duy vô tướng giới, nên nơi vô tướng kia không kiên cố chấp trước, nên gọi là không cao.

Tam-ma-địa đây lược có 2 chủng: 1. Phương tiện; 2. Quả phương tiện.

Nói phương tiện: do lớp lớp sách tấn nỗ lực, tư

trạch an lập, nơi các tướng kia chưa thể giải thoát. Do thức tùy tướng, ở trong thời thời tâm bị nhiễu loạn, kia lại lớp lớp tự sách tấn khích lệ, tư trạch an lập, mới năng thủ quả tùy tướng giải thoát. Vì ở nơi giải thoát đây lại giải thoát, không cần sách tấn khích lệ mà tự tư trạch an trụ, nên gọi là cực thiện giải thoát. Nếu luôn sách tấn khích lệ, tư trạch an trụ mới được trụ, thì tuy gọi là giải thoát mà chẳng phải thiện giải thoát.

Lại nên hiểu rõ quả và hiểu rõ công đức: chính là vì rốt ráo đoạn phiền não và rốt ráo lạc trú trong hiện pháp.

Lại nên hiểu rõ hai chủng diệt và đạo, tùy theo thứ lớp đây gọi là hiểu rõ quả và hiểu rõ công đức.

Lại nên hiểu rõ hiện quán đế và quả A-la-hán. Ở trong vị kiến đạo, gọi là hiểu rõ quả. Ở quả A-la-hán, gọi là hiểu rõ công đức. Nếu ở xứ đây không có vật kia, do đạo lý đây quán kia là không, nên gọi là tánh không. Tức sở quán không chẳng thể hy cầu nguyện muốn, nên gọi là vô nguyện. Quán đây xa lìa tất cả hành tướng, nên gọi là vô tướng.

Các chỗ khác thì trước tuyên thuyết vô thường nên khổ, khổ nên vô ngã, sau mới thuyết không,

cớ gì trong đây trước thuyết tánh không? Tức là nếu không vô ngã, quán vô thường khổ thì trọn không thanh tịnh. Cần yếu trước an trụ tướng vô ngã, từ đây không gián đoạn mới đắc vô nguyện. Cho nên trong kinh nói: “Các tướng vô thường nường tướng vô ngã mà được an trụ...” cho đến rộng thuyết. Vị kia ở nơi vô thường quán vô ngã rồi, không sanh khởi mong cầu, chỉ nguyện vô tướng, chuyên cầu xuất ly, nên đây không gián đoạn tuyên thuyết vô tướng.

Lại có 3 chủng: **a.** Có tâm có tứ tam-ma-địa; **b.** Không tâm chỉ có tứ tam-ma-địa; **c.** Không tâm không tứ tam-ma-địa.

**a.** Sao gọi là Có tâm có tứ tam-ma-địa? Tức là tam-ma-địa chỉ tương ứng tâm tứ.

**b.** Sao gọi là Không tâm chỉ có tứ tam-ma-địa? Tức là tam-ma-địa chỉ tương ứng tứ. Tu Đại phạm rồi, làm Đại phạm vương.

**c.** Sao gọi là Không tâm không tứ tam-ma-địa? Tức là tam-ma-địa đều không tương ứng với hai chủng tâm tứ. Vì tu tập tam-ma-địa đây, sanh lên các địa trên cho đến Hữu đẳng, chỉ trừ các tam-ma-địa vô lậu.



Sao gọi là tướng Không tầm không tứ tam-ma-địa? Ở nơi tầm tứ tâm sanh buông xả, duy chỉ có một vị là tác thắng giải sở duyên bên trong, lại chỉ có một vị là bình đẳng hiển hiện.

Lại có 3 chủng: **a.** Đại tam-ma-địa; **b.** Tiểu tam-ma-địa; **c.** Vô lượng tam-ma-địa.

**a.** Sao gọi là Đại tam-ma-địa? Hoặc do sở duyên nên lớn, vì quán sắc nhiều, chẳng phải vì quán các sắc không ngần không mé. Hoặc do tác ý nên lớn, vì tín phẩm thượng, dục phẩm thượng, thắng giải phẩm thượng, chẳng phải vì tín, dục, thắng giải không ngần không mé.

**b.** Sao gọi là Tiểu tam-ma-địa? Hoặc do sở duyên nên nhỏ, vì quán sắc ít. Hoặc do tác ý nên nhỏ, vì tín nhỏ, dục nhỏ, thắng giải nhỏ.

**c.** Sao gọi là Vô lượng tam-ma-địa? Hoặc do sở duyên nên vô lượng, vì quán các sắc vô lượng không ngần không mé. Hoặc do vì tác ý nên vô lượng, vì tín, dục, thắng giải vô lượng không ngần không mé. Trong đây tâm Đại tam-ma-địa tức là ngồi dưới gốc cây, quán tưởng các thiên quang mà sanh thắng giải... cho đến nói rộng. Tâm vô lượng tam-ma-địa tức là bốn vô lượng.

Sao gọi là ngồi dưới gốc cây, quán tưởng các thiên quang mà sanh thắng giải? Tức là ở Dục giới đã sanh khởi rất nhàm chán cực độ rồi, đắc Sơ tinh lự. Vì khiến định đây được thiện thanh tịnh, nên tu tập thêm phương tiện. Lại nghe nói thân của chư thiên có quang minh bao quanh, liền tư duy thân tướng quang minh kia khắp cả gốc cây cho đến ngàn mé của đất đai, biển lớn, nên phát sanh thắng giải. Do càng về sau tam-ma-địa triển chuyển thăng tiến có sự sai khác, nên sự sanh khởi cũng có sai khác.

Sao gọi là tác ý được thành tựu chỉ hai? Tức là tùy giới hạn phần thắng giải mà thi thiết tác ý.

Sao gọi là lấy tác ý chỉ hai làm duyên, tu thành tựu chỉ hai? Tức là do lực tác ý đây, thi thiết sở tu định có sai khác, viên mãn thanh tịnh, chuyển thêm thù thắng.

Sao gọi là lấy tu chỉ hai làm duyên, hành thành tựu chỉ hai? Tức là như như thiện tu định chuyển thêm thù thắng, như vậy như vậy thi thiết sự cảm sanh có sai biệt.

Sao gọi là lấy hành chỉ hai làm duyên, kiến lập bổ-đặc-già-la chỉ hai? Do nhân duyên đây, hữu

tình cảm sanh có sự cao thấp, thắng liệt sai khác.

**Hỏi:** Quang minh của chư thiên ở Sơ tinh lự và Đệ nhị tinh lự có gì sai khác?

Đáp: Như ngọc mặt-ni bên ngoài có quang minh, trong không có quang minh. Thân của chư thiên ở Sơ tinh lự cũng vậy, bên ngoài phóng quang minh nhưng bên trong không như vậy.

Thí như đèn sáng, bên ngoài phát quang minh, bên trong tự chiếu soi. Thân của chư thiên ở Đệ nhị tinh lự cũng như vậy, hoặc bên trong, hoặc bên ngoài đều phát quang minh. Cho nên kinh thuyết từ địa này trở lên chỉ có một chủng thân, ở địa dưới thì không như vậy.

Sao gọi là kiến lập bốn vô lượng định? Vì các hữu tình có 3 phẩm: 1. Không khổ không vui; 2. Có khổ; 3. Có vui. Như thứ tự trên, vì muốn cho vui, vì khiến lìa khổ, vì muốn khiến vĩnh viễn không lìa vui.

Đối với ba loại hữu tình như vậy, vì tác ý có bốn chủng, nên thứ tự kiến lập 4 chủng: từ, bi, hỷ, xả. Đó là vì tác ý ban vui, nương đây kiến lập từ. Vì tác ý trừ khổ, nương đây kiến lập bi. Vì tác ý tùy hỷ, không lìa vui, nương đây kiến lập hỷ. Tức ở ba

tác ý trên, muốn khiến hữu tình kia không bị lôi cuốn vào tác ý nhiễm ô không vui, không bị lôi cuốn vào tác ý nhiễm ô sân khuể, không bị lôi cuốn vào tác ý nhiễm ô tham dục, nên kiến lập xả.

Trong kinh nói: “Lấy tâm câu từ...” cho đến nói rộng.

Vì hiện tiền làm nhiều ích, gọi là câu từ. Vì tướng làm nhiều ích, gọi là từ bạn lành. Tướng làm nhiều ích đây lược có 2 chủng: 1. Muốn làm việc lợi ích; 2. Muốn khiến an lạc. Hai chủng tướng đây là chỗ hiển thị của cả bốn vô lượng. Vì xa lìa ý vui ác, gọi là không oán. Vì hiện tiền lìa đấu tranh, cãi vã, gọi là không thù. Vì xa lìa việc làm không nhiều ích, gọi là không não hại. Vì sở duyên rộng lớn, gọi là rộng. Vì tư duy rất nhiều về các việc lợi ích an lạc, gọi là lớn. Vì quả vô lượng, như bốn sông lớn có các dòng chảy xen lẫn nhau, gọi là vô lượng. Vì rất thành thực, gọi là khéo tu tập.

Nếu có người hỏi rằng: “Tâm câu từ... có những tướng gì?”.

Lúc ấy nên thứ tự đáp rằng: “Thắng giải biến mãn, đầy đủ mà trụ”. Thắng giải biến mãn tức là nghĩa ý lạc thắng giải tăng thượng tràn đầy rộng

khấp. Đầy đủ, tức là vì viên mãn thanh tịnh sáng sủa. Trụ, tức là vì tu tập quán hành, ngày đêm chuyên chú, thời thời chuyên chú.

**Hỏi:** Như kinh nói: “Khéo tu tập từ, cực ở nơi biến tịnh...” cho đến nói rộng. Đây có mật ý gì?

**Đáp:** Trong tất cả lạc, thì lạc ở Đệ tam tĩnh lự là thù thắng hơn cả. Ưc niệm (nhớ lại) lạc đây, tu tập từ tâm, từ là tối đệ nhất, nên nói tu từ cực ở nơi biến tịnh.

Ưc niệm Không xứ, tu tập bi tâm, bi là tối đệ nhất. Dụng tu tâm bi, vui muốn trừ khổ. Trong Vô sắc giới xa lìa các khổ, đoạn trừ hoại diệt hết thấy khổ, vì khổ kia đều không. Cho nên ước niệm Không vô biên xứ, tu bi đẳng chí, tác niệm như vậy: “Phải khiến tất cả hữu tình có khổ đều về nương nơi không còn khổ”.

Tu hỷ định, tức là thường ước niệm Thức vô biên xứ, vui mừng khi các hữu tình được an vui, tác nghĩ như vậy: “Phải khiến tất cả loại hữu tình thọ vô lượng vui”. Như Thức xứ, thức không có hạn lượng, cho nên ước niệm Thức vô biên xứ thì tu tập hỷ định là tối đệ nhất.

Tu xả định, tức là thường ước niệm Vô sở hữu xứ,

tác niệm như vậy: “Vô sở hữu xứ, tâm vô lậu địa là biên sau cùng, xả cũng là tối đệ nhất. Như Bí-sô A-la-hán hiện hành trong tất cả vị khổ, lạc, bất khổ bất lạc, đều không nhiễm ô. Phải khiến tất cả các loại hữu tình chứng đắc xả như vậy”. Cho nên ức niệm Vô sở hữu xứ, thì tu tập định xả là tối đệ nhất.

Tất cả như vậy đều là hành của bậc Thánh. Chỉ các bậc Thánh năng tu tập, cho nên kinh thuyết: “Đồng hành giác phần”.

Lại có 2 chủng: **a.** Tu một phần tam-ma-địa; **b.** Tu đầy đủ phần tam-ma-địa.

**a.** Sao gọi là tu một phần tam-ma-địa? Ở trong đây, hoặc chỉ tác ý tư duy tướng quang minh, hoặc chỉ tác ý tư duy tướng sắc mà nhập nơi định. Hai chủng như vậy, tùy theo thứ lớp hoặc liễu quang minh, hoặc thấy các sắc.

**b.** Sao gọi là tu đầy đủ phần tam-ma-địa? Tức đều tư duy cả hai tướng mà nhập nơi định, cũng liễu quang minh, cũng thấy các sắc.

Như vậy khi tu tập quang minh định, sẽ có 11 chủng chướng định sai biệt, chỗ gọi là nghi... như kinh đã rộng thuyết.

**Hỏi:** Làm chướng những gì?

Đáp: Làm chướng ngại tướng tam-ma-địa.

Tướng có 2 chủng, đó là: tướng sở duyên và tướng nhân duyên. Nếu dụng tướng kia làm chỗ nương, thì an trụ tam-ma-địa. Nếu thối thất tướng kia, liền không thể trụ. Dưới đây là 11 chủng chướng ngại định:

1. Vì ở nơi sự hiển hiện tướng sắc, quang minh mà không khéo biết, liền có nghi hoặc.

2. Vì phương tiện chậm chạp, hoặc không tác ý. Như ở nơi các sắc không muốn thấy, hoặc nhắm mắt, hoặc xoay mặt lại... người quán hành đây ở trong các sắc không muốn tác ý cũng lại như vậy.

3. Vì không khéo giữ gìn căn môn... nên thân thô trọng.

4 và 5. Nhiều thói quen ngủ nghỉ. Hoặc tu tập nhiều tỉnh thức thì càng thêm hôn trầm thùy miên, không thấy các sắc, giả sử có thấy được cũng không viên mãn. Có hai sự việc đây là do dụng công quá nhiều lực kích động tư duy, dũng mãnh tinh tấn thái quá. Do sách tấn kích lệ thái quá, nên trở lại cực hạ liệt.

6. Người kia chỉ suy nghĩ tìm cầu tướng quang minh. Sự nghĩ cầu tướng quang minh đây cùng với

thấy sắc nếu đồng thời sanh, tức mong một mà được hai, liền sanh vui mừng nhảy nhót, như người phát hiện một lúc hai kho tàng giấu kín.

7. Khắp ở các phương, bỗng nhiên lại thấy sắc không lành, liền sanh sợ hãi lớn.

8. Người kia hoặc lúc đi, hoặc lúc đứng phát khởi chủng chủng tướng tạp loại thế gian. Tướng bên ngoài như vậy là chướng nạn cho định.

9. Lại nhân sự tu tập định, tự sanh cao cử cho mình là vượt hơn, người khác là yếu kém. Như vậy cũng được gọi là chủng chủng tướng.

10. Nếu luận bàn nhiều, hoặc tâm tư lâu khiến thân mỏi mệt, tâm không định được. Như vậy nhiều lời là chướng nạn cho định.

11. Nếu lúc từ định sanh tướng quang minh và thấy sắc, bèn xả tu tác ý tương tục bên trong, mong muốn quán sát kỹ lưỡng các sắc bên ngoài. Cho nên cực tư duy quán sát là chướng nạn cho định.

Như vậy, các chướng nạn tùy theo chỗ mà chướng ngại tướng sở duyên cảnh và tướng nhân duyên của tam-ma-địa. Do gặp phải chướng ngại đây làm thối thất tướng sở duyên và tướng nhân duyên, như thứ lớp hai tướng cùng diệt mất.



Lại có 3 chủng: **a.** Hỷ câu hành tam-ma-địa; **b.** Lạc câu hành tam-ma-địa; **c.** Xả câu hành tam-ma-địa.

**a.** Sao gọi là hỷ câu hành tam-ma-địa? Đó là các tam-ma-địa của Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự.

**b.** Sao gọi là lạc câu hành tam-ma-địa? Đó là các tam-ma-địa của Đệ tam tĩnh lự.

**c.** Sao gọi là xả câu hành tam-ma-địa? Đó là các tam-ma-địa từ Đệ tứ tĩnh lự trở lên.

Lại có 4 chủng tu định:

**a.** Sao gọi là tu định được hiện pháp lạc trú? Là sở hữu tu định trong bốn chủng hiện pháp lạc trú của đạo phương tiện và sở hữu tu định chưa viên mãn thanh tịnh sáng sạch của các địa căn bản. Là sự hiển thị tu tập chưa từng đắc định. Cho nên Thế Tôn nói đạo phương tiện Sơ tĩnh lự trước.

**b.** Sao gọi là tu định được trí kiến? Như các Bí-sô nơi tướng quang minh ân cần chân thành quán sát tỉ mỉ thăm sâu và nắm giữ như vậy, như kinh đã nói rộng.

Nên biết sở hữu tu định trong đạo phương tiện đây, năng phát thiên nhãn trước. Trong đây, thiên nhãn năng chiếu năng quán các cảnh sắc,

nên gọi là kiến; năng biết các cõi trời có tên gọi như vậy, chủng loại như vậy, cho đến nói rộng như *Kinh Thắng Thiên*. Đây gọi là trí.

c. Sao gọi là tu định sanh tuệ phân biệt? Là sở hữu tu định trong đạo phương tiện của hiện quán để hướng quả Dự lưu, hoặc là tu tập các vô ngại giải.

d. Sao gọi là tu định là tận các lậu? Là sở hữu tu định trong đạo phương tiện quả A-la-hán.

Lại có 5 chủng: đó là năm thánh trí tam-ma-địa. Sao gọi là năm thánh trí tam-ma-địa? Đó là “Tam-ma-địa của ta đây là thánh, vô nhiễm, vô chấp...” như kinh đã rộng thuyết. Trong đây thị hiện 5 hành tướng trí: 1. Trí tự thể; 2. Trí bổ-đặc-già-la; 3. Trí thanh tịnh; 4. Trí quả; 5. Trí của tướng nhập xuất định.

Thánh, vì thiện nên gọi là thánh. Lại vì vô lậu, nên gọi là thánh.

Vô nhiễm, vì hiển thánh tánh thiện.

Vô chấp, vì hiển thánh tánh vô lậu đó.

Không phải chỗ của phàm phu thân cận, vì đó là chỗ chư Phật và Thánh đệ tử thân cận.

Là điều các bậc thông tuệ khen ngợi, vì kia xưng khen tán thán.

Là chỗ các bậc thông tuệ đồng phạm hạnh thường không chê trách, tức là tất cả thời đều xưng khen. Chẳng phải như Sơ lĩnh lự... thế gian, vì tu phương tiện rời xa địa dưới, trước dùng tướng tĩnh để xưng khen. Vì tu phương tiện hướng đến địa trên, về sau dùng tướng thô để lại chê bỏ.

Tịch tĩnh, vì sở trị phiền não vĩnh viễn tịch tĩnh.

Vi diệu, vì không ái vị tự địa phiền não.

Đắc đạo an ổn, vì chứng đắc đạo không thoái chuyển.

Chứng tâm nhất hướng, vì đã đắc Không tâm không tứ địa.

Hiện tại an lạc, vì năng được hiện pháp lạc trú.

Sau vui dị thực, vì dẫn phát cái vui Vô dư y Niết-bàn.

Chánh niệm mà nhập, vì khéo thủ tướng năng nhập tam-ma-địa không bị quên mất.

Chánh niệm mà xuất, vì khéo thủ tướng năng xuất tam-ma-địa không bị quên mất.

Lại có 5 chủng: đó là năm chi Thánh tam-ma-địa. Sao gọi là năm chi Thánh tam-ma-địa? Các Bí-sô trong thân đây ly sanh hỷ lạc... như kinh đã rộng thuyết.

Ly sanh hỷ lạc, tức là hỷ lạc nhiếp thuộc Sơ tinh lự địa.

Sở thắm nhuần, tức là sự thắm nhuần do hỷ đem lại.

Khấp thắm nhuần, tức là sự thắm nhuần do lạc đem lại.

Khấp sung mãn, tức là vị tác ý gia hạnh cứu cánh.

Khấp vui thích, tức là các vị tác ý ở trước. Do trong vị kia cũng có hỷ lạc đôi lúc gián đoạn, nhưng không trụ lâu, cũng chẳng viên mãn.

Ở trong thân đây không có chút phần nào mà không sung mãn, tức là ở vị tác ý quả gia hạnh cứu cánh. Thí như người có tuệ thông minh năng tầm gọi, hoặc đệ tử của kia, nên biết ở đây dụ cho người tu quán hành. Đồ dùng bằng đồng, đồ dùng bằng đất, đồ dùng bằng vỏ ốc, dụ cho ly dục sanh hỷ lạc nên dạy trao dạy răn. Tầm gọi tinh tế nhẹ nhàng dụ cho năng thuận theo kia mà xuất ly tầm... Nước tưới rót, nên biết dụ cho đạo thanh tịnh ở nơi tâm. Tầm gọi chà xát dụ cho ở nơi thân. Được sạch sẽ dụ cho hỷ hòa hợp. Sự sạch sẽ đi theo dụ cho lạc hòa hợp. Khấp trong ngoài, dụ cho hỷ lạc hòa hợp

không hở, không gián đoạn. Không mạnh mẽ, dụ cho không tán động. Không yếu mềm, dụ cho không nhiệm ô, cũng không vị ái. Lại ở dụ thứ hai có sự sai khác. Núi dụ cho ở nơi vô tâm tứ định. Đỉnh nhọn dụ cho vô tâm vô tứ ở đệ nhị tinh lự, ở nơi cảnh sở duyên chỉ một vị thắng giải. Suối dụ cho chi thanh tịnh bên trong... Trục nước tức là nước chảy ra một bên. Các dải nước tức là nước phun trào ra. Hai ví dụ đây, theo thứ lớp hiển bày lời nói hỷ lạc thấm nhuần... như trước đã giải thích. Không gì chẳng sung mãn, nên biết dụ cho sự tương ứng không gián đoạn. Lại ở dụ thứ ba có sự sai khác. Như hoa sen xanh... vui của sự lìa hỷ, nên biết pháp tương ứng kia và chỗ thân nương cũng vậy. Nước dụ cho ly hỷ vô tâm tứ định, hỷ phát vui mừng hơn hở. Do không có kia, dụ cho thai tạng của hoa còn chìm trong nước. Lại dụ thứ tư có sự sai khác. Tâm thanh tịnh, tức là tương ứng với xả niệm thanh tịnh, vì vượt qua các tai họa của địa dưới. Sáng sạch tức là tánh thiện, không ái vị tự địa phiền não. Cố sao lại lấy trưởng giả làm dụ? Kia làm việc có sự quán xét tổng quát, không phóng dật, tư duy quán sát so sánh cân nhắc, ở nơi sự tăng giảm

không gì chẳng biết. Bậc chứng đắc thanh tịnh đệ tứ tinh lự cũng lại như vậy, phàm có hành động đều quán xét viên mãn, không các phóng dật. Ở nơi tất cả nghĩa, không gì chẳng rõ biết, tâm tánh linh động mẫn tiệp. Tám kinh, chín kinh lấy làm dụ, do vì kiên cố, kín đáo, hiển thị đầu chân đều được che kín, muỗi mòng chẳng thể xâm tổn. Nếu có hai lỗ sau sẽ dễ bị muỗi mòng xâm tổn, đó là: vì quần áo mỏng manh và vì có chỗ lộ ra. Nay hiển thị không có hai lỗ lầm này. Định đây cũng vậy, tâm thanh tịnh sáng sạch trùm khắp, tất cả tán động không thể xâm tổn. Kham nhẫn lạnh nóng, cho đến bị mắng chửi thô ác và ở trong thân thọ chủng chủng khổ. Lại dụ thứ năm có sự sai khác. Ở nơi tướng sở quán, ân cần chân thành... nên biết như trước đã giải thích, tức là quán sát sâu các hành ba đời. Lại quán sát đối với *năng quán sát*. Đây là nghĩa tổng quát.

Những gì gọi là Thánh tam-ma-địa? Sao gọi là kiến lập năm chi sai biệt? Tức là sở hữu tâm tánh nhất cảnh của bậc Thánh Hiền trong bốn tinh lự và ở nơi an lập quán sát tỉ mỉ thăm sâu, như vậy gọi là Thánh tam-ma-địa. Nương nơi bốn chủng

hiện pháp lạc trú, kiến lập bốn chi. Vì nương quán sát sâu pháp duyên khởi, lại vì đoạn trừ kết phược, nên kiến lập chi thứ năm. Nên biết vì hai duyên như vậy kiến lập năm chi.

Lại có nhân, có đầy đủ chánh tam-ma-địa của bậc Thánh. Sao gọi là có nhân, có đầy đủ chánh tam-ma-địa của bậc Thánh? Nên biết vì thiện và vì vô lậu nên gọi là Thánh.

Nhân của định đây bao gồm 5 đạo chi: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng.

Đầy đủ có 3 chủng, đó là: chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Trong đây, Đức Bạc-Già-Phạm thuyết chung bảy đạo chi trước và chánh tam-ma-địa của bậc Thánh là nhân, là đầy đủ. Tùy theo chỗ thích hợp nên biết có sự sai biệt. Vì nghĩa thứ lớp tiền dẫn, nên lập năm chi là nhân. Vì nghĩa tư trợ ở nơi tam-ma-địa, nên lập ba chi là đầy đủ.

Sao nói là nên biết nghĩa thứ lớp tiền dẫn từ chánh kiến cho đến chánh mạng? Tức là trước rõ biết thế gian có chân thật A-la-hán chánh hạnh chánh chí. Liên ở nơi xuất ly sanh sâu vui muốn,

thu được chánh kiến.

Lại tư duy: Làm gì để ra khỏi sự bức bách của nhà cửa, gia đình... cho đến nói rộng, gọi là chánh tư duy. Từ đây xuất gia, thọ học Thi-la, tu trị tịnh mạng; đây gọi là chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng.

Nếu ở nơi chánh kiến... đây, đối với năm sở đối trị là tà kiến... vẫn chưa thể đoạn, bấy giờ nên quay lại. Vì muốn đoạn trừ pháp sở trị kia, nương năm thiện pháp đầu, từ người nghe âm, triển chuyển khiến phát sanh văn tuệ chánh kiến. Lại vì tu tập đạo tư lương, nên phương tiện quán sát. Kế nương văn tuệ mà phát sanh tư tuệ. Lại nương tư tuệ phát sanh tu tuệ. Do chánh kiến đây, nên ở nơi các tà kiến như thật rõ biết đây là tà kiến, nơi các chánh kiến như thật rõ biết đây là chánh kiến... cho đến chánh mạng. Như thật biết rồi, vì muốn đoạn trừ tà kiến... cùng vì viên mãn chánh kiến... nên phát siêng tinh tấn, gọi là chánh tinh tấn. Nếu do đây năng đoạn pháp sở trị, tập pháp năng trị khiến đến viên mãn, gọi là chánh niệm. Niệm đây tức là một phần tam-ma-địa, nên cũng nói là chánh tam-ma-địa.



Nếu trong lúc này, xả tà kiến... khiến chẳng sanh trở lại, tu chánh kiến... khiến đắc viên mãn, tức trong đạo phương tiện như vậy cũng năng xả bỏ tinh tấn tà niệm, cũng năng tu viên mãn tinh tấn chánh niệm.

Nếu trong lúc này năng đoạn trừ, năng viên mãn các pháp kia, tức ở lúc ấy chánh tam-ma-địa của bậc Thánh cũng được viên mãn. Trong đây do tuệ làm dẫn đầu, trước tự an xứ nơi tầng thượng giới. Kế đến nghe âm của người, như lý tác ý và tầng thượng giới học cùng làm chỗ y nương, nơi đạo phương tiện phát sanh tầng thượng tâm học và tầng thượng tuệ học. Trong đây, chánh niệm gọi là tầng thượng tâm học; chánh kiến, chánh tinh tấn gọi là tầng thượng tuệ học. Khi tu chánh tam-ma-địa của bậc Thánh, ba học như vậy đều được viên mãn.

Lại có Kim cương dụ tam-ma-địa. Sao gọi là Kim cương dụ tam-ma-địa? Tức là biên học tam-ma-địa cuối cùng. Tam-ma-địa đây vì tối đệ nhất, vì tối tôn thắng, vì rất kiên cố, vì trên, không có phiền não nào năng phá hoại chế phục, lại năng phá hoại chế phục tất cả phiền não. Cho nên

định đây gọi là Kim cương dụ. Thí như kim cương tánh rất bền chắc, hết thủy mặt-ni không thể xuyên hoại, mà kim cương kia năng xuyên hoại tất cả bảo mặt-ni. Định đây cũng vậy, nên lấy kim cương để làm dụ.

### 3. Đẳng chí:

Sao gọi là năm *Hiện kiến tam-ma-bát-đề*? Các Bí-sô ở nơi thân này... như kinh đã rộng thuyết. Bậc đã kiến đế tu đẳng chí đây, cho nên gọi là Hiện kiến đẳng chí.

Đây chính là các phiền não tu đạo sở đoạn, chế phục đối trị, đoạn diệt đối trị và quán sát đoạn, nên biết sau đây lược chung tánh thể.

Quán bất tịnh ban đầu, lấy phương tiện niệm trụ làm chỗ nương. Vì muốn khiến dục tham không hiện hành, quán sát trong thân có chủng chủng thứ bất tịnh.

Quán bất tịnh thứ hai, tức lấy niệm trụ làm chỗ nương, cho đến quán sát tướng xương khô. Vì khiến tham kia không hiện hành, quán sát thân đây có chủng chủng thứ bất tịnh. Nên biết ngang đây gọi là quán sát đầy đủ tất cả bất tịnh.

Người tối cực thông đạt thì quán phẩm loại thứ lớp của tướng xanh bầm, trương sinh... nghĩa vượt quá bình thường. Quán bất tịnh đầu quán sát trong thân hiện tiền an trú chủng chủng bất tịnh. Quán bất tịnh sau thông đạt pháp tánh. Quán sát thân này, có pháp như vậy, có tánh như vậy, cho đến nói rộng.

Người quán thức lưu chuyển, quán sát thức đây sanh diệt tương tục. Hoặc quán sanh thân triển chuyển tương tục, tức là quán sát thô hành duyên thức.. Hoặc quán sát-na triển chuyển tương tục, tức là quán sát vi tế. Hoặc có tâm tham, lìa tâm tham... các phẩm loại sai biệt. Ngày đêm thấm thoát trải qua, rồi sát-na, rồi lập-phược, rồi ni-hô-lật-đa... trong khoảng thời gian đó, không phải một mà có nhiều vô số chủng chủng tâm thức sanh diệt sai khác.

Người quán sát hữu học chưa ly dục đều trụ hai đời. Người đã ly dục chỉ trụ đời khác. Quả A-la-hán đều không chỗ trụ.

Như vậy gọi là quán sát nơi đoạn.

Lại Thắng xứ đẳng chí và Biến xứ đẳng chí như trước đã thuyết.

Lại sao gọi là *Vô tướng tam-ma-bát-đề*? Tức là

đã ly dục biến tịnh, chưa ly dục cõi trên, vĩnh viễn xuất ly tướng tác ý làm tiền dẫn, các tâm tâm pháp diệt.

**Hỏi:** Dụng phương tiện nào để nhập đẳng chí đây?

**Đáp:** Quán tướng như bệnh, như ung, như tên, nhập Đệ tứ tĩnh lự. Tu tướng bối (đối lập) tác ý. Nơi chỗ sanh khởi chủng chủng tướng tác ý, an trụ nhằm chán lìa bỏ. Duy chỉ vô tướng là tịch tĩnh vi diệu, gìn giữ tâm an trụ ở vô tướng. Như vậy dần dần thứ lớp lìa các sở duyên, tâm liền tịch diệt. Sanh ở trong đây cũng nhập cũng khởi. Nếu sanh ở kia chỉ nhập mà không khởi. Đây tướng nếu sanh, liền theo kia diệt mất.

Lại sao gọi là *Diệt tận tam-ma-bát-đê*? Tức là đã ly dục Vô sở hữu xứ, tạm an trụ tướng tác ý làm tiền dẫn, các tâm tâm pháp diệt.

**Hỏi:** Dụng phương tiện nào để nhập đẳng chí đây?

**Đáp:** Nếu các Thánh giả đã ly dục Vô sở hữu xứ, hoặc nương tướng phi tướng phi phi tướng xứ mà nhập nơi định, hoặc nương tướng diệt tận mà nhập nơi định.

Nương tướng phi tướng phi phi tướng xứ mà nhập định, tức là ở hai định đây tâm yếm xả sâu. Sở duyên thú hướng đến Phi tướng phi phi tướng xứ, vì đều diệt tận, tâm liền tịch diệt.

Nương tướng diệt tận mà nhập định cũng lại như vậy. Khi sắp muốn thú nhập Diệt tận định, phải có sự thực hành nhiều hai pháp, đó là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là Xa-ma-tha? Sao gọi là Tỳ-bát-xá-na? Sao gọi là có sự thực hành nhiều hai pháp đây? Trong đây, tám định thứ lớp gọi là Xa-ma-tha, sở hữu thánh tuệ gọi là Tỳ-bát-xá-na. Hai pháp đây nếu tùy khuyết một chủng, tức không thể nhập Diệt tận đẳng chí. Cần yếu đầy đủ cả hai chủng đây mới năng thú nhập, nên phải thực hành nhiều hai pháp.

**Hỏi:** Khi nhập Diệt định, sao gọi ba chủng hành là thân hành, ngữ hành và ý hành thứ lớp diệt?

**Đáp:** Đây có 2 chủng, đó là: thời hành và thời trụ. Nếu ở thời hành cũng khởi ngôn thuyết, ở Sơ tĩnh lự có tác dụng này, vì có ngữ hành vậy. Nếu ở thời trụ, thứ lớp lự định từ Đệ nhị tĩnh lự trở lên,

ba chủng hành kia thứ lớp diệt. Nên biết thời xuất, do nghịch thứ lớp nên thứ lớp mà khởi.

**Hỏi:** Trong Diệt tận định, các tâm tâm pháp thấy đều diệt tận. Sao gọi là thức không lìa thân?

**Đáp:** Do các sắc căn không biến hoại, có năng chấp trì chuyển thức, chủng tử A-lại-da thức không diệt tận. Về sau, pháp kia từ đây mà được sanh khởi.

**Hỏi:** Lúc nhập Diệt tận định, không có phân biệt “ta đang nhập định, ta đang xuất định”. Lúc đang tại định, vì tâm tịch diệt, xa lìa gia hạnh. Lúc sắp xuất định, vì tâm diệt trước, cũng không có tác ý. Như thế sao gọi là năng nhập? Sao gọi là năng xuất?

**Đáp:** Vì trước nơi tâm đã khéo tu trị. Nếu có các hành, các trạng, các tướng năng nhập nơi định, năng xuất nơi định, thì ở kia tu tập, cực nhiều tu tập. Do tu tập nên nhậm vận năng nhập, nhậm vận năng xuất.

**Hỏi:** Sao nói khi xuất Diệt định, xúc 3 chủng xúc: 1. Xúc bất động; 2. Xúc vô sở hữu; 3. Xúc vô tướng?

**Đáp:** Khi xuất định, phần nhiều do 3 cảnh mà xuất nơi định: 1. Do có cảnh; 2. Do cảnh cảnh; 3. Do diệt cảnh. Do ba cảnh đây nên khi xuất định,

lần lượt theo thứ lớp ấy mà xúc ba chủng xúc.

Lúc duyên nơi có cảnh mà xuất định, không có ngã mạn nhiều động nơi tâm, tức là “đây là ta” mà sanh khởi ngã mạn. Hoặc kế chấp “vị lai ta sẽ có”, cho đến nói rộng. Cho nên nói là xúc cái xúc bất động.

Lúc duyên nơi cảnh cảnh mà xuất định, không có tham sở hữu, không có sân sở hữu, không có si sở hữu. Cho nên nói là xúc cái xúc vô sở hữu.

Lúc duyên nơi diệt cảnh mà xuất định, vì không tư duy tất cả tướng, duyên vô tướng giới, cho nên nói xúc cái xúc vô tướng.

Như vậy đã thuyết tĩnh lự, giải thoát, đẳng trì, đẳng chí.



## Quyển 13

### Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

#### Phần 3

Lại nữa, như Đức Thế Tôn dạy: *“Bí-sô các ông, nên vui xứ không nhàn, siêng tu quán hành, nội tâm an trụ chánh Xa-ma-tha”*.

Đó là năng xa lìa tham trước ngoại cụ, hoặc ở xứ không nhàn, hoặc ngồi dưới gốc cây, buộc niệm hiện tiền... cho đến nói rộng, gọi là vui xứ không nhàn. Nên biết đây hiển thân xa lìa. Nếu bên trong năng trụ chín chủng trụ tâm, gọi là nội tâm an trụ chánh Xa-ma-tha. Nên biết đây hiển tâm xa lìa. Nếu vui ở xứ không nhàn, liền năng dẫn phát nội tâm an trụ chánh Xa-ma-tha. Nếu nội tâm an trụ chánh Xa-ma-tha, liền năng dẫn phát Tỳ-bát-xá-na. Nếu khéo tu tập Tỳ-bát-xá-na rồi, tức năng dẫn phát ở trong các pháp như thật hiểu rõ.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn dạy: *“Bí-sô các ông ở nơi tam-ma-địa phải siêng tu tập vô lượng, thường ủy, an trụ chánh niệm”*.



Đó là trước nêu chung về tam-ma-địa. Đã siêng năng tu tập rồi, về sau dùng ba việc khác nhau hiển tu tướng.

Vô lượng, tức là bốn vô lượng. Thường ủy, tức là thường có thực hành và phó thác vào tất cả thực hành, nên gọi thường ủy. An trụ chánh niệm, tức là hiển tâm an trụ ở bốn niệm trụ.

Cớ sao lại nói ba chủng tu tướng đây? Vì nương 2 chủng viên mãn: 1. Thế gian viên mãn; 2. Xuất thế gian viên mãn. Vì tu vô lượng liền năng dẫn phát thế gian viên mãn. Vì tu chánh niệm sẽ năng dẫn phát xuất thế gian viên mãn. Vì tu thường ủy thì chóng thông đạt cả hai chủng trên. Do nhân duyên đây, nên nói ở trong hai xứ chỉ thuyết ba chủng tu tướng.

Lại vô lượng, hiển đạo Xa-ma-tha. Trụ chánh niệm, hiển đạo Tỳ-bát-xá-na. Thường ủy, hiển hai chủng đây nhanh chóng hướng đến chứng đạo.

Lại vô lượng, hiển hướng đến hành phước đức. Trụ chánh niệm, hướng đến hành Niết-bàn. Thường ủy, hiển hướng đến chóng viên mãn hai chủng hành. Trước khéo tu tập Xa-ma-tha rồi, về sau mới năng song hành với Tỳ-bát-xá-na. Vì tu hai chủng

tam-ma-địa đây, như thật giác liễu cảnh giới sở tri.

Lại nữa, như Đức Thế Tôn dạy: “*Người tu tinh lự, hoặc có đẳng trì thiện xảo, không phải đẳng chí thiện xảo...*” như kinh đã nói rộng.

Ốt-Đà-Nam tụng:

Sao gọi là đẳng trì thiện xảo? Vì thiện xảo ở nơi Không, Vô tướng, Vô nguyện tam-ma-địa.

Sao gọi là không phải đẳng chí thiện xảo? Vì không thiện xảo ở nơi thắng xứ, biến xứ, diệt tận... đẳng chí.

Sao gọi là đẳng chí thiện xảo, không phải đẳng trì thiện xảo? Tức là ở nơi 10 chủng biến xứ đẳng chí và vô tướng đẳng chí, hoặc nhập, hoặc xuất đều được thiện xảo, không phải ở ba tam-ma-địa mà được thiện xảo.

Sao gọi là cả hai đều thiện xảo? Vì ở nơi đẳng trì và đẳng chí đều được thiện xảo.

Sao gọi là cả hai đều không thiện xảo? Vì ở nơi đẳng trì và đẳng chí đều không thiện xảo. Như ở trước đã thuyết đẳng trì, đẳng chí, tùy chỗ thích hợp phải khéo kiến lập.

Sao gọi là đẳng trì thiện xảo, không phải đẳng chí thiện xảo? Tức là ở nơi danh cú văn thân đẳng

trì, khéo biết sai biệt, không phải khéo biết ở nơi các hành, trạng, tướng, năng nhập đẳng chí sai biệt.

Sao gọi là đẳng chí thiện xảo, không phải đẳng trì thiện xảo? Như có người khéo biết các hành, trạng, tướng năng nhập một trong số các đẳng chí nào đó, hiện tiền cũng năng nhập, mà không khéo biết tướng danh cú văn thân sai biệt của tam-ma-địa đây. Cũng không thể biết chính mình đã được nhập đẳng trì sai biệt như vậy như vậy. Có chư Bồ-tát, tuy năng đắc nhập hoặc trăm hoặc ngàn các tam-ma-địa, mà không rõ biết danh cú văn thân của các tam-ma-địa kia, cũng không thể biết chính mình đã đắc nhập đẳng trì sai biệt như vậy như vậy. Cho đến chưa từng được nghe từ chư Phật và chưa từng được nghe chư Bồ-tát đã đắc cứu cánh bậc nhất, hoặc tự mình chưa từng chứng đắc cứu cánh bậc nhất.

Sao gọi là trụ? Tức là khéo giữ lấy các hành trạng tướng năng nhập tam-ma-địa. Vì khéo giữ lấy kia, nên theo ý muốn mà năng trụ nơi định, ở nơi tam-ma-địa không trở lại thối thất. Như vậy hoặc trụ nơi định hoặc không thối thất, cả hai đều gọi là trụ.

Sao gọi là xuất? Như có người ở nơi các hành

trạng tướng năng nhập định, chẳng trở lại tư duy. Ở nơi phân biệt tướng thể bất định địa, tác ý tư duy pháp không đồng loại nhiếp thuộc định địa, xuất ly tam-ma-địa. Hoặc vì nhân tùy theo việc làm, hoặc vì nhân việc làm nhất định, hoặc vì nhân việc làm được giao ước mà xuất nơi định; hoặc lại vì muốn chuyển nhập định khác, do nhân duyên đây, nên xuất tam-ma-địa.

Nhân tùy theo việc làm: tức là nhân làm các nghiệp như tu sửa y bát..

Nhân việc làm nhất định: tức là nhân làm các nghiệp như ăn uống, phụng sự sư trưởng..

Nhân việc làm được giao ước: tức là có người trước đã lập giao ước, hoặc hứa làm một việc nào đó cho người.

Sao gọi là hành? Tức là như sở duyên tạo nên chủng chủng hành khiến nhập nơi định, như hành thô, hành tinh, hành bệnh, hành ung, hành tên, hành vô thường.. Hoặc sở hữu các hành ở trong tam-ma-địa nào đó.

Sao gọi là trạng? Đối với các định, khi sắp muốn nhập liền có tướng trạng định đây khởi trước. Do tướng trạng đây, nên kia tự mình rõ biết: “Ta ở

nơi tướng định như vậy như vậy chẳng lâu sẽ nhập, hoặc lại đang nhập”. Vị thầy dạy bảo người kia, nương tướng trạng đây mà rõ biết kia chẳng lâu sẽ nhập tướng định như vậy như vậy.

Sao gọi là tướng? Đó là 2 chủng tướng: 1. Tướng sở duyên; 2. Tướng nhân duyên.

Tướng sở duyên: là thể phân biệt, do duyên đây năng nhập các định.

Tướng nhân duyên: là tư lương định, do nhân duyên đây năng nhập các định. Tức là thuận theo sự dạy răn dạy trao về định, tích tập tư lương sở hành các định. Tu tâm yếm hoạn đồng hành với dục. Ở nơi loạn, không loạn liễu tri tử mĩ thẩm sâu. Cũng không bị sự bức nã, hoặc do người làm, hoặc do phi nhân làm, hoặc do âm thanh làm, hoặc do dụng công làm.

Sao gọi là điều thiện? Hoặc tam-ma-địa đây vẫn còn bị sự câu chấp của hữu hành, như nước bị giữ lại. Hoặc bị câu chấp của pháp tánh, không tịch tĩnh, không diệu, không phải đạo an ổn, cũng chưa chứng đắc tâm tánh một hướng. Tam-ma-địa đây không được gọi là điều thiện, không tùy theo chỗ vui mà trụ an ổn. Trái với tướng đây gọi là điều thiện.

Sao gọi là bị sự câu chấp của hữu hành? Tức là vì thế nguyện đồng hành với tư, vì chế phục ngoại duyên, giữ gìn tâm nơi định. Lại ở nơi tác ý phải do dụng công mới có thể chuyển vận, khiến nội tâm không bị lưu tán ở bên ngoài, cho nên nói “như nước bị giữ lại”.

Sao gọi là bị sự câu chấp của pháp tánh? Tức là quán địa dưới là pháp tánh thô, quán địa trên là pháp tánh tinh.

Sao gọi là tịch tĩnh, vi diệu, đặc đạo an ổn và năng chứng đặc tâm tánh một hương? Như trong *năm thánh trí tam-ma-địa* đã lược giải thích.

Sao gọi là sở hành? Tức là sở hành cảnh giới tam-ma-địa. Vì chỉ biết được ngang định đã đặc, quá đây trở lên không thể biết. Như sơ tĩnh lự không thể quán thấy đệ nhị tĩnh lự. Như vậy vượt qua căn, vượt qua số thủ thú cũng chẳng thể biết.

Sao gọi là dẫn phát? Tức là năng tóm lược nghĩa rộng của văn câu và năng thành tựu trọn vẹn các công đức thù thắng.

Sao gọi là ái bình đẳng? Bao gồm tâm, quý, ái, kính, tín, chánh tư duy, chánh niệm, chánh tri, hộ căn, hộ giới và vô hối... Lạc là rốt sau, bởi lẽ thuận

theo lạc dây, tâm đắc định. Trái với tướng dây gọi là ái không bình đẳng.

Sao gọi là ái bình đẳng cũng không bình đẳng? Như có người ở nơi tầm quý... ít phần thành tựu, ít phần không thành tựu, như đầy đủ tầm, quý mà không có ái, kính... cho đến nói rộng.

Sao gọi là tăng? Ở nơi định đã đắc, lại triển chuyển tăng trưởng.

Sao gọi là giảm? Ở nơi định đã đắc, trở lại thối thất.

Sao gọi là phương tiện? Tức là hướng đến hai đạo kia.

Lại chỉ, cử, xả, nên biết tướng dây như trước đã phân biệt đầy đủ.

Lại nữa, như trong kinh nói về sự phân biệt tinh lự: *“Có người tinh lự đang lúc hưng thịnh thì chính là suy giảm...”* cho đến nói rộng.

Trong đây nên biết hai thời kỳ điên đảo có bốn hành chuyển. Đó là ở tam-ma-địa hoặc lúc thối đạo, hoặc lúc thắng tiến. Lúc hướng đến thối và thối đều gọi là suy giảm. Lúc hướng đến đạo thắng tiến và thắng tiến đều gọi là hưng thịnh.

Sao gọi là nên biết lúc ở nơi tam-ma-địa tiến

điên đảo? Như có người cho là: “Nay ta thối thất ly sanh hỷ lạc, nay ta thối thất thắng tam-ma-địa”. Việc ấy thế nào? Tức là người thực hành tinh lự kia, vì chuyên cần tu tập, vì tâm thú đến tịch tĩnh, vì hành tùy xả. Từ sơ tinh lự đắc nhập ở phần cận sát với đệ nhị tinh lự, nhưng đối với việc đây không khéo rõ biết. Trong giai đoạn đây, hỷ lạc sơ tinh lự địa đã qua, nhưng vẫn chưa thể đắc sở hữu hỷ lạc trong đệ nhị tinh lự địa. Do đây tác niệm: “Nay ta thối thất ly sanh hỷ lạc”, nên từ định kia tâm trở lại thối thất. Nên biết kẻ tu tinh lự như vậy tâm bị điên đảo.

Sao gọi là lúc ở nơi tam-ma-địa thối điên đảo? Như có người đắc sơ tinh lự, vì cầu Niết-bàn nên tích tập tư lương. Kia đã đắc sở tu tư lương viên mãn đối với Niết-bàn. Do nhân duyên đây, hoặc do dụng công, hoặc lại nhậm vận, hiện tiền khởi tướng tác ý như thế như thế. Do tướng tác ý như vậy, ở trong các sắc cho đến thức rõ biết như bệnh... cho đến vô ngã, nên từ đây nhân định thế gian không gián đoạn sanh khởi hỷ lạc không hiện hành trở lại, bèn nghĩ rằng: “Nay ta thối thất lợi ích do định sanh và chỗ y chỉ”. Do tướng tác ý như vậy, nên từ định kia trở lại thối thất tâm. Như vậy nên biết kẻ tu tinh lự



ở tam-ma-địa mà bị thối thất diên đảo.

Sao gọi là ở nơi tam-ma-địa thối thất không diên đảo? Như có người đã đắc sơ tĩnh lự, bèn sanh vui đủ chẳng cầu thắng tiến, chỉ khởi ái vị. Do khởi dục đồng hành với tướng tác ý như vậy, liền bị thối thất cận định Dục giới. Kia ở nơi sự suy thối đây năng rõ biết là suy. Do nhân duyên đây, nên biết không diên đảo.

Lại vì sở đắc tĩnh lự định nên tự khen mình chê người: “Ta mới có thể đắc tĩnh lự định đây, người khác chẳng thể đắc”. Do khởi dục đồng hành với tướng tác ý như vậy, sở hữu triền cái chuyển tăng trưởng, chuyển sâu dày, liền từ định kia hoàn thối. Kia ở nơi sự suy thối đây năng khéo biết là suy.

Lại lấy việc sở đắc các tĩnh lự định mà khoe khoang với người khác như quốc vương, đại thần... vì muốn họ phải cúng dường cho mình. Cho nên từ định khởi rồi tầm tư việc đây. Do dục đồng hành với tướng tác ý như vậy, sở hữu triền cái chuyển tăng trưởng, chuyển sâu dày, còn lại như trước thuyết. Như vậy nên biết người đắc tĩnh lự, ở nơi tam-ma-địa thối thất không diên đảo.

Tướng không diên đảo thứ hai, nên biết ngược

lại với tướng không diên đảo ban đầu. Hai sự không diên đảo đây, cũng nên biết tướng của nó ở hai thời kỳ. Do nương theo hai sự diên đảo và hai sự không diên đảo như vậy mà an lập bốn hành chuyển.

Lại nữa, như trong kinh nói về sự phân biệt bốn kiếm hành định: *“Do bốn chủng tướng, kiếm hành tất cả tam-ma-địa... Tức đẳng trì đây là thuận phần thối, cho đến đẳng trì đây là thuận phần quyết trạch”*.

Sao gọi là kiếm hành? Tức đây là phân liệt, đây là phân thắng, đây là phân thù thắng, đây là phân tối thắng. Thứ lớp đây lại như thế nào? Đó là người tu định, từ sơ tĩnh lực hoàn thối xuất rồi, đối với các tĩnh lực không vui nhập trở lại, cũng chẳng tư duy hành trạng tướng đây. Nhưng các tướng tác ý đồng hành với dục lớp lớp hiện tiền, như trước đã thuyết, nên từ kia khởi rồi tùy nhớ nghĩ ái vị. Bấy giờ người tu tĩnh lực nên tự mình kiếm hành: *“Tam-ma-địa của ta nay thành thối liệt”*.

Lại có người tu định, từ sơ tĩnh lực hoàn thối xuất rồi, được nghe giáo pháp thuận theo định đây, đó là các hành trạng tướng sơ tĩnh lực. Nhờ đó ân cần chân thành hướng đến, khéo giữ lấy tướng đây

khiến trụ kiên cố định đã chắc, không bị quên mất. Như vậy vì tùy nhớ nghĩ pháp thuận định, thành phần thuận an trụ. Bây giờ nên tự kiểm hành: “Tam-ma-địa của ta đã thành thắng. Tam-ma-địa của ta đã được an trụ, không phải thối, không phải tiến, không phải hướng đến quyết trạch”.

Lại có người tu định, từ sơ tĩnh lực hoàn thối xuất rồi, được nghe pháp dạy trao thuận đệ nhị tĩnh lực. Đã được nghe rồi, các tướng tác ý đồng hành với đạo đệ nhị tĩnh lực lớp lớp hiện tiền. Bây giờ nên tự kiểm hành: “Tam-ma-địa của ta đã trở nên thù thắng, không phải thối, không phải trụ, chỉ là thắng tiến, không phải hướng đến quyết trạch”.

Lại có người tu định, từ sơ tĩnh lực hoàn thối xuất rồi, nghe giáo pháp tương ứng với tướng khổ đế... Đã được nghe rồi, tướng tác ý đồng hành với khổ đế... thuận phần quyết trạch lớp lớp hiện tiền. Bây giờ, kia tự kiểm hành: “Tam-ma-địa của ta đã trở nên tối thắng, không phải thối, không phải trụ, cũng không phải thắng tiến, mà hướng đến quyết trạch”.

Lại nữa, như kinh nói: “*Có mắt có sắc cho đến có ý có pháp, các Bí-sô ở nơi các pháp đây, hoặc*

*thật hoặc có, đều không lãnh thọ. Tưởng còn không thọ, hà hướng vô tưởng”.*

Ý đây như thế nào? Đó là các Bí-sô an trụ đầy đủ ở sơ tinh lự. Do nhân duyên đây, nhằm chán tột cùng nhãn sắc cho đến ý pháp. Do tưởng chán hoại uy thế lẩn đoạt, nên ở nơi mắt không có tưởng mắt mà có tưởng ấy, cho đến ở nơi pháp không có tưởng pháp mà có tưởng ấy.

Sao gọi là có tưởng? Tức là ở nơi mắt... tác ý tư duy là khổ, là tập, hoặc là bệnh... Vì kia ở nơi các pháp không thọ tự tướng, như vậy cho đến vô sở hữu xứ. Trong đây đang nói về tác ý vô lậu.

Sao gọi là không thọ vô tưởng? Vì không tư duy tất cả tướng, ở trong tận diệt tư duy tịch tĩnh. Trong đây ý nói “liã các tướng tướng gọi là vô tưởng”. Lại nói “người an trụ ở Diệt tận định, tất cả các tướng đều chẳng sanh khởi”.

Lại nữa, như trong kinh nói về *bốn chủng hướng đến đạo*.

Sao gọi là tinh tọa, ở nơi các pháp tư duy giản trạch? Đó là có Bí-sô thứ nhất đã đắc sơ tinh lự... mà chưa kiến đế. Do nghe chánh pháp và đa văn mà năng tinh tọa. Nương tam-ma-địa phát khởi

hiện quán nơi pháp khổ đế... Hành giả như vậy nương tăng thượng tâm, tu tăng thượng tuệ.

Lại có Bí-sô thứ hai như thật biết khổ cho đến biết đạo, mà chưa chứng đắc sơ tinh lục... Vị kia liền tĩnh tọa tư duy các pháp. Hành giả như vậy nương tăng thượng tuệ, tu tăng thượng tâm.

Lại hành giả thứ ba gọi là đều đắc cả hai là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, vì tập chuyển song song.

Lại hành giả thứ tư trước đã chứng đắc sơ tinh lục... nhưng chưa lắng nghe chánh pháp, chưa tập đa văn. Về sau từ bậc đại sư, hoặc những bậc tôn sư khác nghe pháp được kiến đế, hoặc lại được nghe pháp đoạn kiết dư tàn. Do đây nhập chân hiện quán đế, hoặc lại chứng đắc quả A-la-hán. Vị kia chứng đắc hỷ duyệt đại thiện do xuất ly đem lại. Do năng chế phục các tâm trạo cử, trở lại tĩnh tọa. Tĩnh tọa như vậy rồi, tâm an trụ tinh lục đẳng chí.

Như vậy, chủng hướng đến đạo thứ nhất dẫn kiến đạo. Chủng hướng đến đạo thứ hai, thứ ba dẫn tu đạo. Chủng hướng đến đạo thứ tư dẫn cả hai là kiến đạo và tu đạo.

Lại nữa, như trong kinh nói: *“Có bốn loại thanh tịnh thù thắng. Nếu cầu thanh tịnh, đây*

*thật là thù thắng hơn cả, cho nên gọi là thanh tịnh thù thắng”.*

Sao gọi là thanh tịnh? Sở đắc, sở chứng, sở dẫn giới... hoặc viên mãn, hoặc nhiếp thọ. Đây gọi là thanh tịnh. Sao gọi là thù thắng? Phát siêng tinh tấn, điều gì chưa viên mãn khiến viên mãn. Đây gọi là thù thắng.

Sao gọi là viên mãn Thi-la? Nếu có người tuy trụ đầy đủ giới, cũng năng thủ hộ Biệt giải thoát luật nghi, nhưng ở trong quỹ tắc và sở hành chưa thể đầy đủ, chưa ở nơi tội nhỏ thấy sâu sợ hãi. Đây gọi là Thi-la chưa viên mãn. Nếu đối cả thấy đều đầy đủ thì gọi là viên mãn, cũng gọi là viên mãn Thi-la. Sao gọi là nhiếp thọ Thi-la? Nếu trường thời xuyên xuyên tu tập, khéo gìn giữ căn môn... nói rộng cho đến ở nơi Thi-la nhiếp thành tự thể, an trụ tự tánh, như vậy gọi là nhiếp thọ Thi-la.

Sao gọi là viên mãn Tam-ma-địa? Hoặc đã đắc quả gia hạnh cứu cánh, hoặc đệ tứ tĩnh lự, thì được gọi là viên mãn. Ở các vị thấp hơn đều gọi là chưa viên mãn. Sao gọi là nhiếp thọ tam-ma-địa? Sở đắc tam-ma-địa của kia thời sau thanh tịnh, lại tam-ma-địa không bị sự câu chấp của hữu hành... cho

đến nói rộng.

Sao gọi là viên mãn kiến? Tức là từ người được nghe chánh pháp, như lý tác ý nên chánh kiến được sanh. Do chánh kiến đây, tuy năng biết khổ cho đến biết đạo, nhưng nếu chưa như thật thì vẫn không được gọi là viên mãn chánh kiến. Nếu năng ở kia như thật rõ biết, bấy giờ mới gọi là viên mãn chánh kiến. Sao gọi là nhiếp thọ kiến? Ở thời sau, các lậu vĩnh viễn tận, cho đến nói rộng.

Sao gọi là viên mãn giải thoát? Nếu do hữu học trí kiến được giải thoát tham... thì chưa được gọi là viên mãn. Nếu do vô học trí kiến được giải thoát tham... thì mới gọi là viên mãn. Sao gọi là nhiếp thọ giải thoát? Tức là hoặc đi hoặc đứng, thường chẳng thối thất lạc trú hiện pháp. Như vậy gọi là nhiếp thọ giải thoát.

Lại nữa, như kinh nói: *“Bí-sô hành tâm thanh tịnh, ở mỗi thời gian nên chánh tác ý tư duy năm tướng, cho đến nói rộng phương tiện siêng tu tăng thượng tâm, thì được gọi là hành tâm thanh tịnh”*.

Sở hữu tầm tư các ác bất thiện như tầm tư dục, tầm tư thân thuộc xóm làng... đều năng làm chướng ngại các hành đây.

Lược có ba chủng bổ-đặc-già-la, vì hành tâm tư phẩm hạ, trung, thượng sai khác, nên có các chương sai khác.

Bổ-đặc-già-la thứ nhất do chánh tư duy tương khác, khiến tâm tư kia không hiện hành trở lại.

Bổ-đặc-già-la thứ hai do thấy sâu quá hoạn của tâm tư, hoặc vì không nhớ nghĩ, không tư duy, khiến tâm tư kia không hiện hành trở lại. Sao gọi là không nhớ nghĩ, không tư duy? Vì tâm khéo an trụ bên trong...

Bổ-đặc-già-la thứ ba không phải như bổ-đặc-già-la ban đầu có khả năng khiến tất cả tâm tư kia chẳng hiện hành. Cần yếu phải phương tiện khiến hành tâm tư mỏng dần cho đến ngừng nghĩ. Tho đã dừng rồi, dần dần phải chế phục. Nếu ở nơi đường tâm tư, sở duyên tâm tư, vẫn còn chưa thể sanh sâu chán ghét sợ hãi, thì phải lấy tâm đồng hành yếm hoạn, nhiều lực tư duy. Ở nơi tâm đồng hành tâm tư kia, điều luyện chế phục.

Ba chủng bổ-đặc-già-la như vậy phân làm năm chủng.

Lại nữa, trong *Kinh Rửa Bụi*, Đức Phật Thế Tôn dạy: “*Phải như cách thức tinh luyện vàng ròng*



để điều luyện tâm”... cho đến nói rộng.

Sao gọi là nên biết tất cả nghĩa như vậy? Đó là tinh luyện vàng lược có 3 giai đoạn: 1. Điều luyện trừ cấu; 2. Điều luyện nhiếp thọ; 3. Điều luyện điều nhu.

Điều luyện trừ cấu, tức là từ trong quặng vàng dần dần trừ bỏ đi những cấu to, cấu vừa, rồi đến cấu nhỏ. Cuối cùng chỉ còn lại thuần cát vàng tinh sạch.

Điều luyện nhiếp thọ, tức là đối với vàng kia cẩn thận nấu chảy.

Điều luyện điều nhu, tức là đã nấu chảy rồi lại tiếp tục tinh luyện, sửa lại tỉ mỉ những lỗi xấu như tỳ vết, đường nứt... Như quặng vàng bên trong có vàng sống (cát vàng tinh sạch), thì người hành vị chủng tánh bên trong tâm tịnh nên biết cũng vậy, đó là người kham năng chứng Bát-niết-bàn.

**Hỏi:** Từ vị nào mà gọi là người hành tâm tịnh?

**Đáp:** Từ vị được tâm tịnh tín cầu xuất gia. Ở vị tại gia và xuất gia có ba chủng cấu uế thô, trung và tế. Vị tại gia do 2 chướng khiến chướng thể xuất gia: 1. Nghiệp bất thiện, tức là thân ngữ thường vui an trú nơi ác hành. 2. Ác tà kiến, tức là chê bai thế gian không có chân thật A-la-hán chánh hạnh

chánh chí. Đây đối với vị đã được tâm tịnh tín trước, năng làm chướng ngại.

Tâm tư dục chướng người xuất gia, khiến tâm không thể sanh hỷ lạc... Tâm tư thân thuộc chướng người hỷ lạc, khiến không thể thường tu thiện pháp. Vì đoạn kia, thường tu thiện pháp chóng đắc viên mãn, tâm thuần tịnh, có tâm có tứ, như cát vàng tinh sạch. Đây gọi là điều luyện trừ cấu tâm, giống như vàng sống, nhưng chưa nấu chảy.

Nếu lại có người năng dừng nghỉ tâm tư, cho đến an trụ đầy đủ đệ tứ tĩnh lự. Đây gọi là điều luyện nhiếp thọ tâm. Vì năng nhiếp thọ Không tâm không tứ tam-ma-địa, giống như vàng đãi sạch đã được nấu chảy.

Nếu tam-ma-địa không bị sự câu chấp của hữu hành, cho đến nói rộng, đây gọi là điều luyện điều nhu tâm. Vì ở nơi pháp thân thông, tùy theo ý muốn có thể chuyển biến, giống như vàng sống kia đã được tinh luyện, sửa lại tỉ mỉ những lỗi xấu tỳ vết, đường nứt...

Lại nữa, như kinh nói: “*Nên tác ý tư duy ở nơi ba tướng...*” cho đến nói rộng.

Đó là ở từng thời kỳ, nên tác ý tư duy tướng

Xa-ma-tha sai khác... Không nên chỉ một hướng muốn đối trị trầm, trạo, loạn, trước.

Nếu có người ở nơi chỉ, cử, xả mà chưa thường xuyên tu tập, tức là chỉ một hướng tu tướng trầm trạo. Người tu như vậy, nên biết trụ ở vị đạo phương tiện. Nếu ở thời gian tư duy tướng xả, như vậy ở vị đạo thành tựu viên mãn.

Cũng do tu một hướng đây, đối với pháp duyên khởi và trong thánh đế không tư trạch, nên tâm không chánh định, không tận các lậu. Ở trong các đế nếu chưa hiện quán, chẳng thể hiện quán; nếu đã hiện quán, thì chẳng đắc lậu tận.

Chủng thứ nhất và thứ hai là đạo năng thành xong tam-ma-địa. Chủng thứ ba là đạo nương tam-ma-địa để tận các lậu. Trong đây lược hiển yếu nghĩa, tùy theo từng thời kỳ mà tác ý tư duy khắp tất cả.

Lại nữa, có 4 chánh pháp nhiếp trì thánh giáo. Những gì là bốn? 1. Xa lìa; 2. Tu tập; 3. Quả tu; 4. Ở trong thánh giáo không có trái tranh.

Xa lìa: tức là ở núi rừng, gốc cây, tịnh thất không nhàn.

Tu tập: tức là sống ở nơi kia, siêng tu hai pháp

là Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na.

Quả tu: Sao gọi là đã tu tập Xa-ma-tha, nương Tỳ-bát-xá-na mà được giải thoát? Như có người trước đã đắc sơ tinh lục cho đến đệ tứ tinh lục, vị kia nương tam-ma-địa đây như thật biết khổ cho đến biết đạo. Vị kia tức nương Tỳ-bát-xá-na đây, nơi các phiền não kiến sở đoạn, tâm đắc giải thoát.

Sao gọi là đã tu tập Tỳ-bát-xá-na, nương Xa-ma-tha tâm đắc giải thoát? Như có người như thật biết khổ cho đến biết đạo, vị kia nương tăng thượng tuệ như vậy phát sanh tinh lục. Tức do Xa-ma-tha như vậy, ở trong các phiền não tu sở đoạn, tâm đắc giải thoát.

Như vậy tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na rồi, ở trong các cõi mà được giải thoát. Vì đoạn các hành kiến đạo sở đoạn, gọi là đoạn giới. Vì đoạn các hành tu đạo sở đoạn, gọi là ly dục giới. Vì tất cả hữu chấp đều vĩnh viễn diệt, gọi là diệt giới. Đây gọi là quả tu.

Ở trong thánh giáo không trái tranh: đó là đại sư và các đệ tử, hoặc nghĩa, hoặc câu văn, ở nơi văn, câu, nghĩa đều bình đẳng hòa hợp, tùy thuận lẫn nhau. Chẳng phải như thi thiết kiến giải của

dị đạo, có chủng chủng kiến giải chẳng phải một, sai biệt chẳng đồng.

Ví như cú thứ nhất gọi là tiên cú. Nếu lấy cú đây hỏi đối với cú một đầu tiên, tức cũng lấy cú đây mà hỏi đối với cú thứ hai. Giả sử ở cú một đầu tiên nương uẩn mà hỏi, ở cú thứ hai lại nương pháp khác mà hỏi, liền không được gọi là cùng cú thứ nhất bình đẳng hòa hợp, qua lại thuận theo nhau.

## Thứ 7. PHI TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

Như vậy đã thuyết Tam-ma-hí-đa địa. Sao gọi là *Phi tam-ma-hí-đa địa*? Nên biết tướng địa đây lược có 12 chủng:

1. Hoặc vì có tự tánh bất định, gọi là phi định địa. Đó là năm thức thân.

2. Hoặc vì thiếu đi sự khinh an, gọi là phi định địa. Đó là các tâm, tâm pháp hệ thuộc Dục giới. Các tâm, tâm pháp kia tuy cũng có tâm tánh nhất cảnh, nhưng vì không có khinh an âm thầm nhuần chuyển, nên không gọi là định.

3. Hoặc vì có sự chẳng phát khởi hướng đến, gọi là phi định địa. Đó là kẻ thọ dục, ở trong các dục thường thọ dụng sanh nhiễm trước sâu dầy.

4. Hoặc vì rất tán loạn, gọi là phi định địa. Đó là người mới tu định, nơi tâm lưu tán theo năm diêu dục.

5. Hoặc vì tụ hội yếu ớt, gọi là phi định địa. Đó là người mới tu định, nội tâm yếu ớt, có hôn trầm thụy miên che lấp.

6. Hoặc vì chưa chứng đắc, gọi là phi định địa. Đó là người mới tu định, tuy không tán loạn và sự tụ hội yếu ớt xoay vần nhiều não tâm, nhưng do vẫn còn chưa đắc các tác ý, nên các tâm tâm pháp không được gọi là định.

7. Hoặc vì chưa viên mãn, gọi là phi định địa. Đó là tuy đắc tác ý, nhưng chưa chứng đắc gia hạnh cứu cánh và quả gia hạnh cứu cánh, nên không gọi là định.

8. Hoặc vì có tạp nhiễm ô, gọi là phi định địa. Đó là tuy chứng đắc tác ý quả gia hạnh cứu cánh, nhưng bị chũng chũng hoặc như ái vị... nhiễm ô tâm.

9. Hoặc vì không tự tại, gọi là phi định địa. Đó là tuy đã đắc tác ý quả gia hạnh cứu cánh, tâm

cũng không bị phiền não nhiễm ô, nhưng ở nơi các tướng nhập, trụ, xuất định chưa được tự tại theo ý muốn, còn rít rắm khó khăn.

10. Hoặc vì không thanh tịnh, gọi là phi định địa. Đó là tuy được tự tại tùy theo chỗ muốn, không rít rắm không khó khăn, nhưng vì chỉ tu đặc định thế gian, chưa thể vĩnh viễn diệt trừ phiền não tùy miên, các tâm tâm pháp chưa gọi là định.

11. Hoặc vì xuất ra, gọi là phi định địa. Đó là sở đặc định tuy không thối thất, nhưng vì xuất định nên không gọi là định.

12. Hoặc vì thối thất, gọi là phi định địa. Đó là vì thối thất sở đặc tam-ma-địa, nên không gọi là định.

## Thứ 8. HỮU TÂM ĐỊA

## Thứ 9. VÔ TÂM ĐỊA

Như vậy đã thuyết Phi tam-ma-hí-đa địa.

Sao gọi là *Hữu tâm địa*? Sao gọi là *Vô tâm địa*? Tướng hai địa đây đều do 5 môn: 1. Do môn

địa thi thiết kiến lập; 2. Do môn tâm loạn, không loạn kiến lập; 3. Do môn sanh, không sanh kiến lập; 4. Do môn phân vị kiến lập; 5. Do môn đệ nhất nghĩa kiến lập.

### **1. Do môn địa thi thiết kiến lập:**

Đó là Năm thức thân tương ưng địa, Ý địa, Có tâm có tứ địa, Không tâm chỉ tứ địa. Bốn địa đây chỉ một hướng là Hữu tâm địa.

Trong Không tâm không tứ địa, trừ Vô tướng định bao gồm Vô tướng sanh và Diệt tận định, còn lại một hướng là Hữu tâm địa.

Hoặc Vô tướng định, hoặc Vô tướng sanh và Diệt tận định, đây là Vô tâm địa.

### **2. Do môn tâm loạn, không loạn kiến lập:**

Đó là bốn sự điên đảo khiến nơi tâm điên đảo, gọi là tâm loạn. Nếu bốn điên đảo này khiến tâm không điên đảo, gọi là tâm không loạn.

Tâm loạn cũng gọi là vô tâm, vì tánh thất thường tan hoại. Như thế gian thấy có kẻ tâm bị cuồng loạn, liền nói người này không có tâm, bởi tâm cuồng loạn đánh mất bản tánh. Trong môn



đây, các tâm loạn điên đảo gọi là Vô tâm địa, nếu tâm không loạn gọi là Hữu tâm địa.

### **3. Do môn sanh, không sanh kiến lập:**

Đó là 8 nhân duyên khiến tâm hoặc sanh, hoặc lại chẳng sanh, bao gồm: vì căn bị hư hoại, vì cảnh không hiện tiền, vì khuyết tác ý, vì chưa đắc, vì trái nhau, vì đã đoạn, vì đã diệt, vì đã sanh, cho nên tâm không được sanh. Trái với các nhân duyên đây, tâm liền được sanh.

Trong đây hoặc nhân duyên sanh đầy đủ, tâm liền được sanh, gọi là Hữu tâm địa. Hoặc vì gặp nhân duyên tâm chẳng sanh, tâm liền không sanh, gọi là Vô tâm địa.

### **4. Do môn phân vị kiến lập:**

Đó là trừ 6 vị, nên biết còn lại gọi là Hữu tâm địa. Những gì là sáu? Đó là: vị vô tâm thù miên, vị vô tâm phiền muộn, vị Vô tướng định, vị Vô tướng sanh, vị Diệt tận định và vị Vô dư y Niết-bàn giới. Sáu vị như vậy gọi là Vô tâm địa.

### **5. Do môn đệ nhất nghĩa kiến lập:**

Đó là chỉ ở trong Vô dư y Niết-bàn giới mới là

Vô tâm địa. Vì có sao? Vì ở trong cõi giới đây, A-lại-da thức vĩnh viễn diệt. Các vị còn lại tuy chuyển thức diệt gọi là Vô tâm địa, nhưng A-lại-da thức chưa vĩnh viễn diệt tận, nên đối với đệ nhất nghĩa không phải là Vô tâm địa.

## Thứ 10. VĂN SỞ THÀNH ĐỊA

### Phần 1

Như vậy đã thuyết hai địa là Hữu tâm địa và Vô tâm địa.

Sao gọi là *Văn sở thành địa*? Nếu nói lược tức là ở nơi năm minh xứ có vô lượng danh, cú, văn, thân sai biệt. Giác tuệ làm tiền dẫn, lắng nghe, lãnh thọ, đọc tụng, nhớ nghĩ. Lại ở trong nghĩa nương theo danh thân, cú thân, văn thân, hiểu biết không điên đảo. Như vậy gọi là Văn sở thành địa.

Những gì gọi là 5 minh xứ? Đó là: **A.** Nội minh xứ; **B.** Ý phương minh xứ; **C.** Nhân minh xứ; **D.** Thanh minh xứ; **E.** Công nghiệp minh xứ.

**A. Nội minh xứ:**

Nếu nói tóm lược thì do 4 chủng tướng: **1.** Do tướng sự thi thiết kiến lập; **2.** Do tướng tướng sai khác thi thiết kiến lập; **3.** Do tướng nhiếp nghĩa thánh giáo; **4.** Do tướng chỗ Phật dạy cần nên biết.

**1. Do tướng sự thi thiết kiến lập:**

Đó là 3 chủng sự tổng nhiếp tất cả lời dạy của chư Phật: **1.** Sự Tố-đát-lãm (Kinh); **2.** Sự Tỳ-nại-da (Luật); **3.** Sự Ma-đát-lý-ca (Luận). Ba sự như vậy trong phần Nhiếp sự sẽ phân biệt rộng.

**2. Do tướng tướng sai khác thi thiết kiến lập:**

Ốt-Đà-Nam nói:

*Cú, mê hoặc, hý luận,  
Trụ, chân thật, tịnh, diệu,  
Tịch tĩnh, tánh, đạo lý,  
Giả thi thiết, hiện quán.*

Sao gọi là Cú? Đó là 6 nội xứ, vô lượng cảnh giới, vô lượng phương sở, vô lượng thời phần.

Lại có 2 tánh không: **1.** Bồ-đặc-già-la tánh

không; 2. Pháp tánh không.

Lại có 2 tánh vô ngã: 1. Bỏ-đặc-già-la tánh vô ngã; 2. Pháp tánh vô ngã.

Lại có quán hành xa lìa hai biên: 1. Xa lìa biên tăng ích; 2. Xa lìa biên tổn giảm.

Lại có 3 giới: 1. Dục giới; 2. Sắc giới; 3. Vô sắc giới.

Lại có 3 giới: 1. Tiểu thiên thế giới; 2. Trung thiên thế giới; 3. Tam thiên đại thiên thế giới.

Lại có 3 thọ: 1. Thọ khổ; 2. Thọ lạc; 3. Thọ không khổ không lạc.

Lại có 3 đời: 1. Quá khứ; 2. Hiện tại; 3. Vị lai.

Lại có 3 bảo: 1. Phật bảo; 2. Pháp bảo; 3. Tăng bảo.

Lại có 3 pháp: 1. Pháp thiện; 2. Pháp bất thiện; 3. Pháp vô ký.

Lại có 3 chủng tự tánh: 1. Tự tánh biến kế sở chấp; 2. Tự tánh y tha khởi; 3. Tự tánh viên thành thật.

Lại có 3 tánh vô tánh: 1. Tánh tương vô tánh; 2. Tánh sanh vô tánh; 3. Tánh thắng nghĩa vô tánh.

Lại có 3 tạp nhiễm: 1. Phiền não tạp nhiễm; 2. Nghiệp tạp nhiễm; 3. Sanh tạp nhiễm.

Lại có 4 chúng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia, 3. Chúng Ô-ba-sách-ca (cận sự nam); 4. Chúng phi nhân.

Lại có 4 thánh đế: 1. Khổ thánh đế; 2. Tập thánh đế; 3. Diệt thánh đế; 4. Đạo thánh đế.

Lại có 4 quả Sa-môn: 1. Quả Dự lưu; 2. Quả Nhất lai; 3. Quả Bất hoàn; 4. Quả tối thắng A-la-hán.

Lại có 4 chủng chân thật: 1. Sự chân thật thành tựu thế gian; 2. Sự chân thật thành tựu đạo lý; 3. Sự chân thật sở hành của trí do phiền não chướng thanh tịnh; 4. Sự chân thật sở hành của trí do sở tri chướng thanh tịnh.

Lại có 4 tầm tư: 1. Tầm tư danh; 2. Tầm tư sự; 3. Tầm tư giả lập tự tánh; 4. Tầm tư giả lập sai biệt.

Lại có 4 như thật biến trí: 1. Tầm tư danh dẫn phát như thật biến trí; 2. Tầm tư sự dẫn phát như thật biến trí; 3. Tầm tư giả lập tự tánh dẫn phát như thật biến trí; 4. Tầm tư giả lập sai biệt dẫn phát như thật biến trí.

Lại có 5 sự Phương quảng Đại thừa: 1. Tướng; 2. Danh; 3. Phân biệt; 4. Chân như; 5. Chánh trí.

Lại có 5 tướng Đại bồ-đề: 1. Vì tự tánh; 2. Vì công

năng; 3. Vì phương tiện; 4. Vì chuyển; 5. Vì hoàn.

Lại có 5 chủng Đại thừa: 1. Chủng tử; 2. Thú nhập; 3. Thú lớp; 4. Chánh hành; 5. Quả chánh hành. Đó là phát tâm ban đầu, bi mẫn thương xót hữu tình, Ba-la-mật-đa, nhiếp việc chúng sanh, mình người tương tục thành thực.

Lại có 5 tướng vô lượng: 1. Tướng hữu tình giới vô lượng; 2. Tướng thế giới vô lượng; 3. Tướng pháp giới vô lượng; 4. Tướng sở điều phục giới vô lượng; 5. Tướng phương tiện điều phục giới vô lượng.

Lại có nghĩa *tùy đến* chân thật, đó là ở trong tất cả pháp vô lượng, như thật *tùy đến* khắp và ở nơi trí kia.

Lại có thứ lớp 9 đẳng chí: đó là sơ tĩnh lự đẳng chí, cho đến diệt thọ tướng đẳng chí.

Lại có 37 pháp Bồ-đề phần: đó là bốn niệm trụ, bốn chánh đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy giác chi, tám đạo chi.

Lại có uy đức thắng giải bất tư nghì vô chướng ngại trí, ba mươi hai tướng Đại sĩ phu, tám mươi chủng tướng tùy hình, bốn chủng nhất thiết tướng thanh tịnh, mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm trụ, ba pháp bất hộ, đại bi, vô vong thất, diệu trí bạt trừ

tất cả tướng tập khí..

Lại có rất nhiều các công đức thắng diệu, đó là: vô lượng, giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô trính, nguyện trí, vô ngại giải, sáu thần thông..

Các cú như vậy, tóm lược chỉ có 2 cú, đó là cú được nói trong Thanh văn thừa và cú được nói trong Đại thừa.

Sao gọi là mê hoặc? Là 4 điên đảo: 1. Ở nơi vô thường, điên đảo kế chấp cho là thường; 2. Ở nơi khổ, điên đảo kế chấp cho là vui; 3. Ở nơi bất tịnh, điên đảo kế chấp cho là tịnh; 4. Ở nơi vô ngã điên đảo kế chấp cho là ngã.

Sao gọi là hý luận? Là các uẩn của tất cả phiền não và tạp phiền não.

Sao gọi là trụ? Là bốn thức trụ hoặc bảy thức trụ.

Sao gọi là chân thật? Là chân như và bốn thánh đế.

Sao gọi là tịnh? Là 3 tánh thanh tịnh: 1. Tánh tự thể thanh tịnh; 2. Tánh cảnh giới thanh tịnh; 3. Tánh phần vị thanh tịnh.

Sao gọi là diệu? Là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, gọi là tối vi diệu, vì thuộc trong số thi

thiết tối đệ nhất.

Sao gọi là tịch tĩnh? Là từ muốn thiện pháp cho đến tất cả pháp Bồ-đề phần và sở đắc quả, đều gọi là tịch tĩnh.

Sao gọi là tánh? Là tướng thể của các pháp, hoặc tự tướng, hoặc cộng tướng, hoặc tướng giả lập, hoặc tướng nhân, hoặc tướng quả...

Sao gọi là đạo lý? Là các duyên khởi và bốn đạo lý.

Sao gọi là giả thi thiết? Là chỉ ở nơi pháp giả lập bổ-đặc-già-la và ở nơi tướng chỉ có giả lập các pháp.

Sao gọi là hiện quán? Là sáu chủng tử hiện quán, như Có tâm có tứ địa đã thuyết.

Lại nữa, Ôt-Đà-Nam nói:

*Phương sở, vị, phân biệt,  
Tác, chấp trì, tăng, giảm,  
Tối, ngôn, sở giác, thượng,  
Xa lìa, chuyển, tàng hộ.*

Sao gọi là phương sở? Là sắc uẩn.

Sao gọi là vị? Là thọ uẩn.

Sao gọi là phân biệt? Là tưởng uẩn.



Sao gọi là tác? Là hành uẩn.

Sao gọi là chấp trì? Là thức uẩn.

Sao gọi là tăng? Có 2 chủng: 1. Phiền não tăng; 2. Nghiệp tăng. Như tăng có hai chủng, nên biết giảm cũng vậy.

Sao gọi là tối? Là vô minh và nghi.

Sao gọi là ngôn? Là mười hai phần giáo của chư Như lai, gọi là ngôn.

Sao gọi là sở giác? Là nghĩa được nói của vô số âm thanh kia kia, gọi là sở giác.

Sao gọi là thượng? Là bốn quả Sa-môn.

Sao gọi là xa lìa? Là 5 chủng xa lìa: 1. Xa lìa ác hạnh; 2. Xa lìa dục; 3. Xa lìa vật dụng; 4. Xa lìa sự loạn động; 5. Xa lìa phiền não.

Sao gọi là chuyển? Là năm thú ba cõi.

Sao gọi là tàng hộ? Tức là luyến tiếc quá khứ, hy vọng mong muốn vị lai, dấn trước hiện tại.

Lại nữa, Ốt-Đà-Nam nói:

*Tư trạch cùng hiện hành,  
Tùy miên và tương tục  
Các tướng nhiếp, tương ưng,  
Thuyết, trụ giữ, thứ lớp.*

Sao gọi là tư trạch? Đó là một hành thuận cú trước, thuận cú sau, tứ cú, vô sự cú.

Lại có pháp có sắc, pháp không sắc; pháp có thấy, pháp không thấy; pháp có đối, pháp không đối; pháp hữu lậu, pháp vô lậu; pháp hữu vi, pháp vô vi; pháp có tranh, pháp không tranh; pháp có đấm mùi vị, pháp không đấm mùi vị; pháp nương mê say đấm luyến, pháp nương xuất ly; pháp thế gian, pháp xuất thế gian; pháp có hệ thuộc, pháp không hệ thuộc; pháp nội, pháp ngoại; pháp thô, pháp tế; pháp liệt, pháp thắng; pháp xa, pháp gần; pháp có sở duyên, pháp không sở duyên; pháp tương ứng, pháp không tương ứng; pháp có hành, pháp không hành; pháp hữu y, pháp vô y; pháp nhân, pháp không phải nhân; pháp quả, pháp chẳng phải quả; pháp dị thực, pháp chẳng phải dị thực; pháp có nhân, pháp không phải có nhân; pháp có quả, pháp không phải có quả; pháp có dị thực, pháp không có dị thực; pháp có chấp thọ, pháp không chấp thọ; pháp đại chủng tạo, pháp không phải đại chủng tạo; pháp đồng phạm, pháp đồng phạm kia; pháp hữu thượng, pháp vô thượng.

Lại có pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện

tại; pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký; pháp hệ thuộc Dục, pháp hệ thuộc Sắc, pháp hệ thuộc Vô sắc; pháp học, pháp vô học, pháp phi học phi vô học; pháp kiến sở đoạn, pháp tu sở đoạn, pháp không có đoạn.

Lại có 4 duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

Lại có 4 y: 1. Pháp là chỗ y, chẳng phải bổ-đặc-già-la; 2. Nghĩa là chỗ y, chẳng phải văn; 3. Kinh liễu nghĩa là chỗ y, chẳng phải kinh bất liễu nghĩa; 4. Trí là chỗ y, chẳng phải thức.

Lại có pháp bốn vô lượng, pháp bốn niệm trụ, pháp bốn chánh đoạn, pháp bốn thần túc, pháp năm căn, pháp năm lực, pháp bảy giác chi, pháp tám thánh đạo chi, pháp bốn hành tích, pháp bốn pháp tích, pháp Xa-ma-tha, pháp Tỳ-bát-xá-na, pháp tăng thượng giới, pháp tăng thượng tâm, pháp tăng thượng tuệ, pháp giải thoát, pháp thắng xứ, pháp biến xứ. Hết thấy pháp như thế có vô lượng vô biên, phải nên tư trạch.

Sao gọi là hiện hành? Là các phiền não triền.

Sao gọi là thù miên? Là các phiền não tùy miên.

Sao gọi là tương thuộc? Là sáu nội xứ trong thân, nên biết triển chuyển hệ thuộc xoay vần lẫn nhau. Lại nếu pháp đây năng dẫn pháp kia, nên biết đây kia xoay vần hệ thuộc lẫn nhau. Lại các căn, cảnh, nên biết năng thủ, sở thủ xoay vần hệ thuộc lẫn nhau.

Sao gọi là nhiếp? Là 16 chủng nhiếp: 1. Nhiếp giới; 2. Nhiếp tướng; 3. Nhiếp chủng loại; 4. Nhiếp phần vị; 5. Nhiếp không lìa nhau; 6. Nhiếp thời; 7. Nhiếp phương; 8. Nhiếp một phần; 9. Nhiếp đầy đủ phần; 10. Nhiếp thắng nghĩa; 11. Nhiếp uẩn; 12. Nhiếp giới; 13. Nhiếp xứ; 14. Nhiếp duyên khởi; 15. Nhiếp xứ phi xứ; 16. Nhiếp căn.

Sao gọi là tương ứng? Nên biết tướng đây lược có 5 chủng: 1. Tương ứng cùng với tha tánh, không phải tự tánh; 2. Ở trong tha tánh, tương ứng với không trái nhau, không phải trái nhau; 3. Ở trong không trái nhau, phẩm duyên, trung, thượng cùng tương ứng với phẩm duyên, trung, thượng của chính nó, không phải phẩm khác; 4. Ở trong phẩm duyên, trung, thượng, tương ứng đồng thời, chẳng phải khác thời; 5. Ở trong đồng thời, tương ứng cùng địa, chẳng phải khác địa.

Sao gọi là thuyết? Là 4 chủng ngôn thuyết: 1. Ngôn thuyết của kiến; 2. Ngôn thuyết của văn; 3. Ngôn thuyết của giác; 4. Ngôn thuyết của tri.

Sao gọi là trụ giữ? Là 4 thực: 1. Đoạn thực; 2. Xúc thực; 3. Ý tư thực; 4. Thức thực.

Sao gọi là thứ lớp? Đó là 6 chủng thứ lớp: 1. Lưu chuyển thứ lớp; 2. Sở tác thành tựu thứ lớp; 3. Tuyên thuyết thứ lớp; 4. Sanh khởi thứ lớp; 5. Hiện quán thứ lớp; 6. Đẳng chí thứ lớp.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Sở tác và sở duyên  
Cùng Du-già, chỉ, quán  
Tác ý cùng dạy trao,  
Đức, Bồ-đề, thánh giáo.*

Sao gọi là sở tác? Là 8 chủng sở tác: 1. Diệt trừ y chỉ; 2. Chuyển y chỉ; 3. Biết khắp sở duyên; 4. Hỷ lạc sở duyên; 5. Đắc quả; 6. Ly dục; 7. Chuyển căn; 8. Dẫn phát thần thông.

Sao gọi là sở duyên? Là 4 chủng sở duyên: 1. Sở duyên biến mãn; 2. Sở duyên tịnh hành; 3. Sở duyên thiện xảo; 4. Sở duyên tịnh phiền não.

Sao gọi là Du-già? Hoặc 4 chủng, hoặc 9 chủng.

Bốn chủng Du-già: 1. Tín; 2. Dục; 3. Tấn; 4. Phương tiện.

Chín chủng Du-già: 1. Đạo thế gian; 2. Đạo xuất thế gian; 3. Đạo phương tiện; 4. Đạo không gián đoạn; 5. Đạo giải thoát; 6. Đạo thắng tiến; 7. Đạo phẩm nhuyễn; 8. Đạo phẩm trung; 9. Đạo phẩm thượng.

Sao gọi là chỉ? Là 9 chủng tâm trụ.

Sao gọi là quán? Là hoặc 3 quán sự, hoặc 4 quán hành, hoặc 6 quán sở duyên sự sai biệt.

Ba quán sự: 1. Quán hữu tướng; 2. Quán tầm cầu; 3. Quán tứ sát.

Bốn quán hành: 1. Ở trong các pháp, quán hành giản trạch; 2. Quán hành cực giản trạch; 3. Quán hành khắp tầm tư; 4. Quán hành khắp tứ sát.

Sáu quán sở duyên sự sai biệt: 1. Quán sở duyên nghĩa; 2. Quán sở duyên sự; 3. Quán sở duyên tướng; 4. Quán sở duyên phẩm; 5. Quán sở duyên thời; 6. Quán sở duyên đạo lý.

Sao gọi là tác ý? Là 7 chủng tác ý. Hết thấy tướng đây như trước đã thuyết.

Sao gọi là dạy trao? Là 5 chủng dạy trao: 1. Dạy trao giáo; 2. Dạy trao chúng; 3. Dạy trao thứ lớp; 4. Dạy trao không diên đảo; 5. Dạy trao thần biến.

Sao gọi là đức? Đó là vô lượng giải thoát... như trong *Cú đã thuyết*.

Sao gọi là Bồ-đề? Là 3 chủng Bồ-đề: 1. Thanh văn Bồ-đề; 2. Độc giác Bồ-đề; 3. A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

Sao gọi là Thánh giáo? Tức là truyền dạy để làm nơi quy về. Chế lập học xứ. Xây dựng việc giảng nói, lắng nghe. Kiến lập thầy trò. Luận thí, luận giới, luận sanh thiên. Chê trách mùi vị của ái dục. Bảo cho biết quá thất của dục. Hiển nói pháp tạp nhiễm và thanh tịnh. Dạy dẫn xuất ly cùng với viễn ly. Xưng khen công đức. Cho đến nói rộng vô lượng vô biên pháp phẩm thanh tịnh.

### **3. Do tướng nhiếp nghĩa thánh giáo:**

Trong đây có pháp năng tu tập, tức là đối với các thiện pháp chuyên chí thực hành, tương tục thực hành, siêng tu phương tiện.

Có pháp sở tu tập: tức là sở hữu các thiện pháp.

Có pháp có quá hoạn: tức là pháp nên biết khắp.

Có pháp có nhiễm ô: tức là pháp chẳng nên đắm trước, nên chế phục và đoạn trừ.

Có pháp chương ngại: tức là pháp trái nghịch hiện quán cứu cánh.

Có pháp tùy thuận: tức là pháp tùy thuận hiện quán cứu cánh.

Có pháp nhiếp thuộc chân như: tức là pháp nên giác ngộ.

Có pháp nhiếp thuộc đức thù thắng: tức là pháp nên dẫn phát.

Có pháp tùy thuận thế gian: tức là pháp nên tu tập, nên đoạn trừ và đoạn rồi hiện hành.

Có pháp đặc cứu cánh: tức là pháp nên chứng đắc tự nghĩa cứu cánh.

#### **4. Do tướng Phật dạy cần nên biết:**

Nên biết trong đây, tất cả hữu tình có 3 chủng trụ, đó là: trụ mỗi ngày, trụ thọ tận và trụ sanh khởi triển chuyển thiện pháp khả ái.

Trụ thứ nhất là do thức ăn lực tăng thượng.

Trụ thứ hai là do mạng hành lực tăng thượng.

Trụ thứ ba là do đối với các thiện pháp, không phóng dật lực tăng thượng.

Ở trong các pháp bất thiện và vô ký, cũng có pháp tương tự không phóng dật, như trong việc sát



sanh và trong oai nghi công xảo... quán xét kỹ lưỡng mới có hành động. Ở trong thiện pháp có pháp không phóng dật, tức vì ở trong hiện pháp cho đến năng đắc Bát-niết-bàn và vì ở trong hậu pháp sanh đến thiện thú, có rất nhiều điều cần phải làm.

Lại nữa, nương vào hữu tình thế gian và khí thế gian có 2 chủng pháp năng nhiếp tất cả sự hý luận: 1. Pháp năng thủ; 2. Pháp sở y, sở thủ của kia.

Lại các thế gian lược có 2 chủng tạp nhiễm căn bản, năng dẫn tạp nhiễm vô nghĩa, không lợi ích: 1. Đối với sự chân thật không hành hiểu biết chân chánh; 2. Kia trước tiên mong cầu những điều vô nghĩa.

Lại ngoài chánh pháp, hoặc các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, lược có 2 chủng tạp nhiễm căn bản: 1. Vì thân kiến lược tăng thượng, tìm cầu ngã là thường; 2. Tìm cầu ngã là đoạn.

Lại các hữu tình lược có 2 chủng các khổ căn bản: 1. Ở nơi pháp hữu lậu đồng hành với hỷ ái, có các sự mong muốn; 2. Ở nơi pháp phi lý dẫn dắt đồng hành chán lìa, có các sự mong muốn.

Lại có 2 chủng pháp dạy trao dạy răn, thầy và đệ tử trái nhau: 1. Các đệ tử chẳng thể kham nhẫn

lãnh thọ những lời dạy bảo; 2. Thầy có sở kiến diên đảo, tập hành tà hạnh.

Trái với tướng đây tức là hai pháp phẩm bạch.

Lại có 27 pháp có thể trái vượt cảnh giới chánh hạnh thế gian, xuất thế gian. Tức là đối với những điều phi pháp tăng thượng do mình tạo tác, sanh quả bất khả ái, không quay lại suy xét tội đã làm, không biết hổ thẹn. Đối với việc suy thối trong hiện pháp như bị người khác trói giết... không quay lại suy xét tội đã làm, không có hổ thẹn. Trái với tướng đây nên biết tức là hai pháp phẩm bạch.

Lại có 2 chủng kiến lập không diên đảo, năng khiến hành giả ít dụng công lực mà an trụ nơi phạm hạnh, trọn không uống phí: 1. Lập học xứ chân chánh: nếu có sự trái vượt liền mắc phải tội lớn, nếu không trái vượt sẽ sanh phước lớn; 2. Chánh lập xuất ly, chân thành khiến người đã trái vượt chóng trở lại ra khỏi và xa lìa.

Lại có 2 pháp năng khiến người làm được lợi mình người: 1. Người sống hạnh viễn ly, tâm thường an định lạc trú hiện pháp; 2. Người sống ở nơi huyền não, có người đến cầu pháp thời thời vì

người kia mà thuyết, năng khiến chánh pháp tương tục cứu trụ.

Lại có 2 pháp năng khiến hữu tình, bên ngoài nghe âm thanh của người, bên trong chánh tác ý. Vì hai nhân duyên khiến ở trong hiện pháp nhập hiện quán đế, hoặc ở đời đương lai các căn thành thực: 1. Đối với nhân sanh pháp, chánh thông đạt nhân; 2. Đối với những điều Như Lai đã thuyết, có sự thẩm sâu tương tự thẩm sâu kinh tương ứng với không, tất cả duyên tánh duyên khởi, thuận theo đó tác ý lớp lớp tư duy.

Lại có 2 pháp năng khiến bổ-đặc-già-la các căn thành thực, nhanh chóng chứng thông tuệ: 1. Đối với sự dạy trao dạy răn, xa lìa đối nghịch; 2. Chán lìa làm tiền dẫn, thân ngữ ý hành lìa những việc cợt đùa vui chơi.

Lại có 2 pháp khiến ở một nơi cùng với đồng phạm hạnh, triển chuyển đều được trụ an lạc: 1. Kham nhẫn khi bị người bức nã; 2. Tự mình không bức bách đối với người.

Lại có 2 pháp khiến ở một nơi cùng với đồng phạm hạnh, những sự tranh cãi chưa sanh thì ngăn ngừa khiến không sanh; nếu đã sanh, khiến nhanh

chóng dứt trừ, không đấu tranh, không kiện tụng, không tranh cãi không ganh đua: 1. Triển chuyển xoay vần khởi từ tâm; 2. Bình đẳng thọ dụng pháp tiền của.

Lại có 2 pháp nhanh chóng khiến tâm trụ, đắc tam-ma-địa thanh tịnh phạm hạnh: 1. Vì nhớ nghĩ, gìn giữ việc làm lời nói dài lâu lực tăng thượng. Nếu có chỗ vi phạm liền như pháp hối trừ. Nếu không có lỗi phạm, liền sanh hoan hỷ. Đêm ngày tùy học không phế bỏ. 2. Ở nơi tất cả sự nghiệp thân ngữ ý, năng chánh rõ biết lực tăng thượng, nên đối với các quá thất trọn không vi phạm. Do nhân duyên đây cũng không ưu hối, tùy sanh hoan hỷ, nói rộng cho đến giải thoát tri kiến.

Lại có 2 pháp năng vượt các khổ, đó là năng siêu vượt các khổ ác thú và năng siêu vượt sanh tử đại khổ: 1. Vì thấy sâu các quá hoạn hiện pháp đương lai, xa lìa ác hành; 2. Tâm thường an định, tinh cần tu tập pháp Bồ-đề phần.

Lại có 2 pháp năng khiến người tu đoạn sống hạnh xa lìa được trụ an lạc: 1. Ở các cảnh giới chẳng sanh tạp nhiễm, không bị các ác tầm tư nhiễu loạn tâm; 2. Phạm việc ăn uống chỉ vì lợi

ích, vừa đủ lượng tiêu hóa, năng thuận theo đó mà ngăn dút, khiến thân điều hòa thích hợp.

Lại có 2 pháp khiến các Bí-sô tu phẩm thiện... không để thời gian trôi qua hư luống: 1. Đối với các căn cảnh, chánh siêng tu phương tiện, nghiên cứu pháp tướng; 2. Biết thời, biết lượng, ít tập ngủ nghỉ.

Lại có 2 pháp năng hoại tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học: 1. Kiến lập tà học, trái vượt chánh học và ôm lòng do dự; 2. Tăng thêm tà kiến tổn giảm quyết định. Trái với tướng đây nên biết là hai pháp phẩm bạch.

Lại có 2 pháp năng khiến bổ-đặc-già-la đã tích tập tư lương Bồ-đề mà chưa nhập hiện quán, chóng nhập hiện quán: 1. Tư duy sự suy thoái, hưng thịnh của mình, người ở hiện tại và quá khứ; 2. Siêng tu hành đế nhiếp lấy tác ý không điên đảo.

Lại có 2 pháp khiến người quán hành lìa cấu phạm hạnh, chóng đắc viên mãn cho đến tối cực cứu cánh: 1. Tu hiện quán đế; 2. Về sau siêng tu phương tiện ly dục, ở nơi các đẳng chí không các ái vị, lìa các chướng nạn.

Lại có 2 pháp khiến người quán hành chóng

năng dẫn phát tất cả đức thù thắng thế gian, xuất thế gian: 1. Chín tướng tâm trụ; 2. Do sáu chủng sự, dùng tâm chánh định phân biệt lựa chọn các pháp, như Thanh văn địa sẽ rộng phân biệt.

Lại người quán hành có 2 chủng tịnh: 1. Tác ý tịnh; 2. Sở y tịnh. Ở trong ba đời xa lìa ngu si, trí thanh tịnh, gọi là tác ý tịnh. Là các pháp phiền não phẩm thô trọng của ba cõi, gọi là sở y tịnh.

Lại có 2 pháp các A-la-hán tâm thiện giải thoát tự chứng bên trong: 1. Ở trong hiện pháp, nhân khổ vĩnh viễn tận; 2. Do đây làm tiền dẫn, ở đời đương lai khổ rốt ráo chẳng sanh.



## Quyển 14

### Thứ 10. VĂN SỞ THÀNH ĐỊA

#### Phần 2

Như vậy đã thuyết 2 chủng Phật dạy cần nên biết. Lại thuyết 3 chủng, đó là do nương 10 tướng, 3 môn, 3 chủng và 3 căn mà các hữu tình phát khởi tà hạnh, năng khiến hữu tình đọa các ác thú.

Mười tướng: 1. Hoại sanh mạng; 2. Hoại tài vật; 3. Hoại thê thiếp; 4. Hoại thật nghĩa; 5. Hoại bạn tốt; 6. Hoại điều xưng khen tốt đẹp; 7. Hoại các sự nghiệp hành vi. Ý có 3 điều vẫn đục: 1. Nhận lãnh tài vật của người, muốn lấy làm sở hữu của mình; 2. Muốn khiến người gặp phải những việc không tốt đẹp; 3. Sở hữu ác kiến phỉ báng điều chân thật.

Ba chủng: 1. Tọa làm của thân; 2. Tọa làm của ngữ; 3. Tọa tác của ý.

Ba môn: 1. Môn tác nghiệp hủy hoại; 2. Môn ý lạc hủy hoại; 3. Môn phương tiện hủy hoại.

Ở trong 10 tướng, 7 chủng trước là tác nghiệp

hủy hoại; 2 chủng kế tiếp là ý lạc hủy hoại; chủng cuối cùng là phương tiện hủy hoại, đó là sở hữu ác kiến. Vì ác kiến đây, tất cả thẹn hổ, từ bi, xa lìa các hành ác ắt đều bị hủy hoại, không có hổ thẹn, không có từ bi, rộng tạo các ác.

Ba căn: 1. Tướng lợi ích mình; 2. Tướng tổn hại người; 3. Tướng điên đảo đối với người. Đó là đối với phi pháp khởi tướng cho là pháp, đối với việc chẳng nên làm khởi tướng nên làm và chấp giữ kiên cố hiện hành.

Lại có 3 pháp năng khiến hữu tình không giữ gìn các căn: 1. Ở trong y chỉ có chủng tử tà pháp; 2. Ở nơi các cảnh giới, giữ lấy tướng bất chánh; 3. Ở chỗ kín đáo, tư duy bất chánh. Ba chủng như vậy nên biết tức là dục tham, sân khuể và hại.

Nương 4 xứ, phát sanh 3 chủng tâm tư bất chánh: 1. Đối với xứ là bốn chủng pháp phẩm bạch (như lợi ích cho bản thân mình...) vì muốn đạt được, hoặc vì không muốn mất, nên sanh tâm tư dục. 2. Đối với xứ là hai phẩm hữu tình oán và trung dung, muốn làm chướng ngại kia, sanh tâm tư khuể. 3. Đối với xứ là phẩm hữu tình thân hữu, sanh tâm tư hại. Việc ấy thế nào? Nếu lúc phẩm thân hữu vi phạm,



đối với kia không khởi muốn trừng phạt hoàn toàn, chỉ muốn dùng trị phạt răn đe nhẹ. Trái với tướng đây, tùy theo thứ tự là sở hữu phẩm bạch.

Lược có 4 loại chủng tử nội pháp, nhiếp khắp tất cả chủng tử các pháp: 1. Chủng tử thế gian; 2. Chủng tử xuất thế gian; 3. Chủng tử không thanh tịnh; 4. Chủng tử thanh tịnh. Chủng tử thế gian tức là chủng tử các hành hệ buộc Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Chủng tử xuất thế gian tức là chủng tử thanh tịnh năng chứng ba thừa và quả ba thừa, tám thánh đạo... Chủng tử không thanh tịnh tức là chủng tử các hành hệ buộc Dục giới. Chủng tử thanh tịnh lại có 2 chủng: thế gian thanh tịnh và xuất thế gian thanh tịnh. Chủng tử các hành hệ thuộc Sắc, Vô sắc, gọi là thế gian thanh tịnh. Chủng tử năng chứng ba thừa và quả ba thừa, tám thánh đạo chi... gọi là xuất thế gian thanh tịnh.

Lại có 3 chủng làm nhân sanh khởi nhân pháp hữu lậu. Nếu ở trong đây không như lý tu phương tiện, sẽ năng sanh các khổ. Nếu năng như lý tu phương tiện, thì nơi nhân, nơi khổ, năng biết năng đoạn: 1. Đối với pháp hệ thuộc Dục giới, nhiễm ô mong cầu; 2. Đối với pháp hệ thuộc Sắc giới, nhiễm

ô mong cầu; 3. Đối với pháp hệ thuộc Vô sắc giới, nhiệm ô mong cầu.

Lại có 3 chủng làm đường dẫn đến các phiền não, khiến các hữu tình lưu chuyển trong sanh tử. Đó là: đối với dục thù thắng, phát ý mong cầu, gọi là con đường dẫn đến phiền não thứ nhất. Ở trong tự thể thù thắng Sắc giới, Vô sắc giới, phát ý mong cầu, gọi là con đường dẫn đến phiền não thứ hai. Đối với tà giải thoát, phát ý mong cầu, gọi là con đường dẫn đến phiền não thứ ba.

Lại có 3 chủng các loại hữu tình lấy dục là phương tiện tác nghiệp căn bản: 1. Được dục thù thắng; 2. Được tự thể thù thắng; 3. Chứng đạo giải thoát thù thắng.

Lại có 3 chủng các loại hữu tình ở trong ba cõi nhiếp thọ uy thế của các hành tự thể: 1. Uy thế dẫn dắt; 2. Uy thế năng được; 3. Uy thế thành tựu viên mãn. Uy thế dẫn dắt tức là nghiệp của sự năng dẫn dắt. Uy thế năng được tức là kiện-đạt-phước đang hiện tại tiền. Uy thế thành tựu viên mãn tức là trụ ở đây, thọ các nghiệp dị thực tịnh, bất tịnh.

Lại có 3 chủng uẩn vô minh, do nhân duyên đây các loại hữu tình trụ vô minh năng sanh tự thể

ba đời sai biệt: 1. Không biết đối với đời quá khứ tiền tế năng sanh tự thể hiện tại; 2. Không biết đối với đời hiện tại tiền tế năng sanh tự thể vị lai; 3. Không biết đối với đời vị lai tiền tế, tức là ở vị lai năng sanh tự thể đương lai sau và sau nữa.

Lại có 3 chủng tai họa sanh tử của các dị sanh cùng bậc thánh chưa rõ ráo. Nếu đối với kia sanh nhầm chán hãi sợ sâu, nên nhanh chóng đoạn trừ ba chủng kiêu mạn, phóng dật, tu tập phương tiện hiện pháp Niết-bàn: 1. Không bệnh mà bị suy thoái; 2. Thiếu niên mà bị suy thoái; 3. Thọ mạng mà bị suy thoái. Bậc trí phải quán sát vị lai có ba việc như vậy nhất định trải qua.

Lại có 3 loại nơi chốn làm chỗ nương của các hữu tình, do tham sân si phược sai biệt, năng trói buộc các loài hữu tình trong lao ngục sanh tử đại khổ: 1. Năng nhiều ích; 2. Năng tổn hại; 3. Bình đẳng xa lìa hai chủng.

Lại có 3 xứ sanh các khổ, nhiếp khắp các khổ của hữu tình: 1. Hội hợp sanh khổ; 2. Trái nghịch chia lìa sanh khổ; 3. Bình đẳng tương tục khổ. Thứ nhất, vì vị hòa hợp bị tổn hại nên khổ. Thứ hai, vì vị nhiều ích bị biến hoại nên khổ. Thứ ba, vì ở nơi

tất cả vị chuyển chuyển tương tục nên khổ, đây nhiếp thuộc thô trọng do các hành sanh, chỉ có các bậc Hiền Thánh giác ngộ là khổ, chẳng phải các dị sanh có thể hiểu được.

Lại có 3 chủng pháp tâm cao cử, năng trái hại người tu phương tiện muốn cầu chứng quả Sa-môn thuộc chi quả Dự lưu, năng chướng Sa-môn khiến chẳng chứng đắc: 1. Lấy mình để so sánh với người, cho là “ta hơn” nên tâm sanh cao cử; 2. Lấy mình để so sánh với người, cho là “ta bằng” nên tâm sanh cao cử; 3. Lấy mình để so sánh với người, cho là “ta kém” nên tâm sanh cao cử.

Lại nên biết có 3 loại chủng tử năng sanh tất cả các hành: 1. Đã cho quả; 2. Chưa cho quả; 3. Quả đang hiện tiền.

Lại có 3 chủng xứ sở y của các hành ngôn thuyết: 1. Quá khứ; 2. Vị lai; 3. Hiện tại.

Lại có 3 tướng năng nhiếp tất cả tự tướng sắc pháp, đó là: tác dụng của hiển sắc, hình sắc, an lập sắc của nhãn thức nắm giữ; ở nơi tự xứ sở của mình, chướng ngại sắc khác; đi đứng an lập sắc của căn. Tất cả cảnh giới sắc, nên biết tổng có 10 sắc và sắc định địa. Nếu đắc tịnh định, đó là sở hữu

các sắc của người tu phương tiện dẫn phát biến hóa. Nên biết đây là cảnh giới của tâm biến hóa bên trong, cũng là quả của tâm biến hóa chưa viên mãn.

Lại có 3 chủng tâm bị các phiền não theo đuổi: 1. Tâm của các dị sanh; 2. Tâm của bậc học chưa thành tựu viên mãn; 3. Tâm của bậc học đã thành tựu viên mãn.

Lại có 3 loại người lắng nghe pháp: 1. Ở nơi pháp, nơi nghĩa, chẳng thể thọ trì; 2. Chỉ có thể lãnh thọ, không thể nhậm trì; 3. Có thể thọ, có thể nhậm trì.

Lại có 3 pháp, đó là bậc tu hành quán thân ngũ ý tánh vô thường, quán thú nhập dẫn đầu: 1. Hơi thở vào ra; 2. Tâm tứ; 3. Tướng tư.

Lại có 3 chủng tôn quý hơn cả đáng thọ sự cúng dường: 1. Tuổi tác tăng thượng; 2. Dòng tộc tăng thượng; 3. Công đức tăng thượng.

Lại có 3 chủng nhân trụ định, bất định; hai chủng là nhân định, một chủng là nhân bất định: 1. Nhân định ác thú, đó là nghiệp vô gián; 2. Nhân định thiện thú Niết-bàn, đó là pháp vô lậu hữu vi; 3. Nhân bất định, đó là pháp còn lại.

Lại có 3 pháp, vì khiến Thánh giáo được cứu

trụ cần triển khai việc cử tội: 1. Hiện thấy thân ngữ hiện hành vi phạm học xứ; 2. Được nghe từ người khác nói; 3. Lấy tướng khác để so sánh nên rõ biết.

Lại chư Như Lai tự nói đầy đủ ba hạng người không hộ trì đức, vì hiển rõ các thầy ngoại đạo bên trong ôm lòng ác, tự xưng nhất thiết trí mà thật chẳng phải là bậc nhất thiết trí. Lại muốn khiến kia ở chỗ Như Lai phát khởi tất cả trí tín chân thật.

Lại có 3 chủng tà chấp sanh khởi thiêu đốt nhiều não hữu tình: 1. Tham ái thiêu não; 2. Sầu ưu thiêu não; 3. Điền đảo thiêu não.

Lại có 3 loại lửa, tuy thật không phải lửa mà giả lập danh lửa. Vì giáo hóa hữu tình vui nơi sự việc bất chánh, cho việc thờ lửa bên ngoài có được phước, nên dạy bảo cho biết 3 việc thờ lửa không hư dối: 1. Cha mẹ; 2. Vợ con; 3. Bậc chân thật phước điền đáng cúng dường.

Lại có 3 chủng, vì những người vui muốn sống tăng thượng, nên thuyết đạo lý sống tăng thượng chân thật: 1. Bố thí, được tiền của giàu sang rộng lớn; 2. Trì giới, được đến các cõi thiện; 3. Tu định,

xa lìa thọ khổ, được sanh trong thế giới thuần vui, không có não hại.

Lại có 3 chủng dục thấp kém, trung dung, thù thắng của những người thọ dục, vì vui kia được sanh do sự quán đãi các dục: 1. Các dục nương duyên, sức dụng công nhiều, đó là sở hữu các dục trụ ở cảnh giới hiện tiền; 2. Các dục nương tâm, sức dụng công ít, đó là sở hữu các dục của cõi trời Hóa lạc; 3. Các dục nương tâm, sức dụng công rất ít, đó là sở hữu các dục của cõi trời Tha hóa.

Lại có 3 chủng vui siêu vượt các dục thấp kém, trung dung, thù thắng: 1. Hỷ có tầm tứ; 2. Hỷ không có tầm tứ; 3. Lạc của sự lìa hỷ.

Lại có 3 loại giác ngộ sở tri, năng khiến xuất ly các khổ ba thừa: 1. Chủng loại từ người được nghe âm thanh; 2. Chủng loại bên trong chánh tư duy; 3. Chủng loại trường thời tu tập chỉ quán.

Lại có 3 chủng loại giác ngộ sở tri: 1. Chủng loại đầy đủ phước; 2. Chủng loại không đầy đủ phước; 3. Chủng loại hoàn toàn không phước.

Lại có 3 chủng việc nên làm, bậc tu quán hành vì ba việc đây lực tăng thượng tu tập tất cả thiện pháp: 1. Đã vĩnh viễn đoạn các phiền não

kiến đạo sở đoạn, chứng quả Dự lưu; 2. Đã vĩnh viễn đoạn các phiền não tu đạo sở đoạn rồi, thứ lớp chứng đắc quả Nhất lai, Bất hoàn, A-la-hán; 3. Đã chứng đắc A-la-hán rồi, lạc trú hiện pháp.

Lại do 3 phần chiếu rõ tất cả cảnh quả sở tri lực tăng thượng, nên kiến lập 3 nhãn: 1. Nhục nhãn, năng chiếu soi các sắc hiển lộ, không có chướng ngại, có thể thấy được; 2. Thiên nhãn, năng chiếu soi các sắc hiển lộ, không hiển lộ, có chướng ngại, không chướng ngại, có thể thấy; 3. Tuệ nhãn, năng chiếu soi sở hữu các pháp hoặc sắc hoặc phi sắc.

Lại có 3 pháp năng trừ hại phiền não oán địch hiện hành: 1. Tín thuận bạn lành; 2. Chẳng cùng các chúng tại gia, xuất gia chung sống; 3. Bên trong chánh tác ý, giác ngộ đạo lý sở tri chân thật.

Lại có 3 chủng phương tiện chánh dạy răn, năng triển chuyển chứng các sở chứng về sau và đắc Niết-bàn: 1. Phương tiện chánh dạy răn Thi-la; 2. Phương tiện chánh dạy răn tâm trụ; 3. Phương tiện chánh dạy răn giác ngộ đạo lý sở tri chân thật. Như phương tiện chánh dạy răn có ba chủng, thì việc luôn luôn tu tập phương tiện chánh dạy răn nên biết cũng vậy.



Lại lúc hiện tiền tu tập phương tiện chánh dạy răn, do 3 chủng pháp mà được trụ an ổn: 1. Không, vô nguyện, vô tướng, diệt tận đẳng chí; 2. Bốn tinh lự; 3. Bốn vô lượng.

Lại lược có 3 chủng tâm tánh nhất cảnh năng khiến chứng đắc trí kiến như thật: 1. Ở trong ý lời có chủng chủng hành tướng sở duyên, có sai biệt hành tướng sở duyên; 2. Ý lời không gián đoạn, có chủng chủng hành tướng sở duyên, có sai biệt hành tướng sở duyên; 3. Siêu vượt ý lời, chuyên chú một cảnh, không có chủng chủng hành tướng sở duyên, không có sai biệt hành tướng sở duyên.

Lại có 3 xứ, đối với xứ hữu tình ác tà (vọng chấp tự cho là tôn quý hơn cả) và đối với xứ hữu tình trung dung, năng khéo nhiếp thọ, giáo hóa, dẫn dắt khiến nhập Thánh giáo: 1. Sở hữu thân thông tối thắng; 2. Đối với người có các hành nhiễm tịnh thì ngăn chặn, khai mở; 3. Tuyên thuyết diệu pháp chánh dạy chánh răn.

Lại vì muốn đoạn trừ chấp tịnh lạc hư vọng của ngoại đạo lấy nước bên ngoài để tạm trừ cấu bên ngoài, tự cho là đã đắc thanh tịnh bậc nhất nên khởi tà mạn, do đây kiến lập 3 đệ nhất nghĩa

là: tịnh xứ, bất tịnh xứ, nhân sanh siêu vượt.

Lại vì muốn đoạn trừ tà chấp của các ngoại đạo, kia trì giới tịch mặc tạm dứt lời nói, tự cho là đã đắc chân thật tịch tĩnh, cũng vì hiển phát tịch mặc không điên đảo, nên kiến lập 3 chủng tịch mặc chân thật: hai nghiệp thân, ngũ nhiếp thuộc giới bậc Thánh yêu thích, và tâm vô lậu.

Lại có 3 pháp năng khiến người ở chốn viễn ly đoạn trừ tâm tư bất chánh hiện hành. Đó là: vì người chê hủy, tự mình chê hủy, thối thất lợi lớn lực tăng thượng; phát khởi tâm quý cùng ái kính. Lại nương đạo và đạo quả có ba chủng tối thắng vô thượng là: trí vô thường, trí khổ và trí vô ngã. Bốn chủng hành tịch: lạc chóng thông tất cả thế gian, xuất thế gian, hữu học, vô học thời giải thoát, bất động tâm giải thoát tối thắng vô thượng. Người tu quán hành trước đắc trí ở trên, do trí đây nên đoạn phiền não, kế đến tu hành tịch. Đã tu hành tịch, nên tâm đắc giải thoát.

Lại có 3 minh. Kiến lập 3 minh đây vì có Samôn hoặc Bà-la-môn tánh vô minh ngu si, tà chấp đối với tiền tế, trung tế, hậu tế; đối với hai biên đoạn, thường; đối với hiện pháp Niết-bàn.

Như vậy đã thuyết ba chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến nói về bốn chủng.

Có 4 pháp năng nhiếp tất cả sở tri và trí. Đó là: thân cùng văn-tư-tu tăng thượng niệm trụ lấy làm y chỉ, thân duyên cảnh tuệ. Như thân và thân duyên cảnh tuệ, nên biết thọ, tâm, pháp và thọ, tâm, pháp duyên cảnh tuệ cũng vậy.

Lại có sự sai khác, đó là 4 chủng phược chuyển: 1. Chấp thủ phược; 2. Lãnh thọ phược; 3. Liễu biệt phược; 4. Chấp trước phược. Nên biết tâm ở nơi thân, do chấp thủ phược trói buộc; ở nơi thọ, do bên trong lãnh thọ phược trói buộc; ở nơi tướng cảnh giới như sắc... do liễu biệt phược trói buộc; ở nơi thân do phiền não tham sân... lớn nhỏ chấp trước phược trói buộc. Vì đối trị bốn chủng phược như vậy, nên lập bốn niệm trụ.

Lại có 4 chủng dục tinh cần làm tiên dẫn, quán sát quá hoạn cùng đối trị lấy làm y chỉ, năng đoạn các pháp bất thiện hiện hành và đoạn sự trói buộc của kia, năng đắc thiện pháp và năng tăng trưởng thiện pháp.

Lại có 4 chủng làm cho muốn trụ tâm, làm cho người tu phương tiện đắc định thù thắng, tâm trụ

như ý năng sanh trưởng môn: 1. Dục vui xuất ly; 2. Thọ trì, đọc tụng, hối lỗi, tinh tấn; 3. Tâm năng thủ tướng hiền thiện định; 4. Trụ xứ không nhân, quán sát các pháp.

Lại có 4 chủng tâm định tâm trụ: 1. Tâm trụ có tâm có tứ có hỷ; 2. Tâm trụ không tầm không tứ có hỷ; 3. Tâm trụ không tầm không tứ ly hỷ; 4. Tâm trụ xả niệm thanh tịnh vượt qua tất cả khổ lạc.

Lại có 4 chủng sở tri chân thật, vì hai phẩm nhiễm ô và thanh tịnh khác nhau, nên kiến lập bốn chủng. Nếu người năng liễu tri, khéo liễu tri, năng đoạn tất cả phiền não kiến tu sở đoạn: 1. Quả chân thật của phẩm nhiễm ô; 2. Nhân chân thật của phẩm nhiễm ô; 3. Quả chân thật của phẩm thanh tịnh; 4. Nhân chân thật của phẩm thanh tịnh.

Lại có 4 chủng tướng làm tiền dẫn hý luận phược: 1. Ở trong dục nhỏ, tướng làm tiền dẫn hý luận phược; 2. Ở trong sắc lớn, tướng làm tiền dẫn hý luận phược; 3. Ở vô lượng, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, tướng làm tiền dẫn hý luận phược; 4. Ở Vô sở hữu xứ, tướng làm tiền dẫn hý luận phược.

Lại có 4 pháp khéo tu tập năng sanh phược lớn, năng hướng đến ly dục, năng đối trị khuể hại,

không vui, dục tham đối với các hữu tình. Đó là: Từ, Bi, Hỷ và Xả.

Lại có 4 pháp vượt qua Sắc giới khiến thành phần xa: 1. Không xứ; 2. Thức xứ; 3. Vô sở hữu xứ; 4. Phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại có 4 chủng vì khiến hành giả siêng tu thánh giải thoát khỏi các dục, nhậm trì pháp thù thắng, giải thoát chóng được viên mãn, cũng vì đoạn trừ bốn ái lực tăng thượng: 1. Ít có mong cầu y phục, ăn uống và ngọc cụ; 2. Không tạo tác, không loạn động, không để thời gian trôi qua lãng phí; 3. Chuyên cần tu phương tiện, tâm lìa tán loạn; 4. Vui đoạn phiền não, vui tu chánh đạo.

Lại có 4 chủng quả của đạo tu tập đoạn các phiền não: 1. Đoạn phiền não kiến sở đoạn; 2. Đoạn hạ phần kiết phẩm thượng và phẩm trung tu sở đoạn; 3. Tức đây đoạn không sót thừa; 4. Đoạn thượng phần kiết không sót thừa.

Lại có 4 chủng chứng chi Dự lưu, năng khiến hành giả ở nơi thánh giáo Phật và trong thiện thú rớt ráo không động. Đó là: đối với bậc Đại sư giác ngộ chân thật, sanh tâm thanh tịnh không động chuyển. Như đối với Đại sư, thì ở nơi pháp đã chứng

và ở chỗ hành giả tu chứng pháp nên biết cũng vậy. Ba chủng như vậy gọi là tâm thanh tịnh. Một chủng thứ tư gọi là sắc thanh tịnh, vì nhiếp thuộc giới bậc Thánh yêu thích. Ba chủng trước khiến ở nơi Thánh giáo không bị dao động. Một chủng sau cùng khiến ở trong thiện thú không bị dao động.

Lại có 4 chủng chứng chi Dự lưu: 1. Đối với thuyết pháp sư và giáo thọ sư, năng khéo phụng sự không vi phạm; 2. Không điên đảo lắng nghe thầy nói pháp và dạy bảo pháp; 3. Nơi pháp đã nghe, năng chánh tư duy và khéo thông đạt; 4. Thành tựu trọn vẹn việc tu tập.

Lại có 4 trí nhiếp tất cả trí: 1. Trí ở trong các pháp năng hiện thấy, chỉ vô lậu; 2. Trí ở trong các pháp không phải hiện thấy, một hướng vô lậu; 3. Trí thế gian, hoặc do như lý dẫn, hoặc do không như lý dẫn, hoặc do không phải như lý không phải không như lý dẫn, một hướng hữu lậu; 4. Trí tha tâm sai biệt, thông cả hữu lậu và vô lậu.

Lại có 4 chủng năng thủ trí chân thật, ở nơi phẩm chuyển, hoàn có thể tận các lậu: 1. Trí chân thật nơi quả phẩm chuyển; 2. Trí chân thật nơi nhân phẩm chuyển; 3. Trí chân thật nơi quả phẩm

hoàn; 4. Trí chân thật nơi nhân phẩm hoàn.

Lại có 4 pháp năng khiến người có tín đoạn trừ phiền não, tu tập phương tiện chân chánh: 1. Tinh tấn dụng công, ân trọng tương tục; 2. Hành niệm chánh biết; 3. Xa-ma-tha; 4. Tỳ-bát-xá-na.

Lại có 4 chủng năng thông đạt pháp, năng tận dấu vết sở y của thượng phần lậu. Đó là: vì đắc thánh đạo, tu tuệ hữu lậu. Đã đắc đạo nên các phiền não bị tổn giảm cùng các sự việc tổn giảm không sót thừa. Cho đến vĩnh viễn đoạn trừ các sự phiền não. Như đạo đã chứng đắc, càng tăng thêm sự tu tập.

Lại có 4 pháp triển chuyển tương ưng, hoặc có hành có duyên hòa hợp mà chuyển, hoặc cùng một duyên mà chuyển. Đó là: thọ, tưởng, hành, thức.

Lại có 4 hộ năng khiến người đã nhập thánh giáo chư Phật lại thêm vui thích thánh giáo: 1. Hộ mạng; 2. Hộ lực; 3. Hộ tâm phiền não; 4. Hộ phương tiện chân chánh.

Lại có 4 chủng năng được chánh kiến, nương vào nghĩa thực hành không điên đảo. Do 3 chủng trước thời hành thanh tịnh. Do 1 chủng sau thời trụ thanh tịnh. Đó là: giữ gìn căn môn; đối với

cảnh giới, không thuận cũng không trái; vì giữ gìn căn môn, nhớ nghĩ lực tăng thượng, hành chánh trí; người trụ viễn ly, tâm không nhiễm ô, chuyên chú một duyên.

Lại do 4 hành nên biết năng chứng minh và giải thoát: do niệm, nhãn, tuệ, năng chứng minh. Lại do thân năng chứng bất động và thời giải thoát.

Lại có 4 pháp năng làm chỗ nương tựa rộng lớn cho các sở tạo sắc sanh khởi chủng chủng sai biệt: 1. Tánh cứng rắn; 2. Tánh ẩm ướt; 3. Tánh ấm áp; 4. Tánh chuyển động như thể nhẹ...

Lại có 4 pháp năng giữ gìn các loại hữu tình đã sanh khiến được trụ lâu, năng mang đến lợi ích cho kẻ tìm cầu hữu. Tướng đây sẽ phân biệt rộng trong phần *Nhiếp sự*.

Lại có 4 chủng dấu vết sở y của các thức lưu chuyển trong sanh tử. Đó là: ở nơi các sắc, bởi do tham ái, thấy rồi thú hưởng, thủ là sở duyên, sở y cảnh giới kiến lập câu hữu. Như ở nơi sắc, thì ở nơi thọ, tưởng, hành nên biết cũng vậy.

Lại có Bí-sô vì hiện pháp đái luyện thân mạng làm chỗ nương, nên đối với y phục, ăn uống, ngọa cụ sanh ái luyện mong cầu. Vì hậu pháp đái



luyện thân mạng làm chỗ nương, nên đối với hậu hữu sanh ái luyện mong cầu. Vì ngu si đối với Niết-bàn làm chỗ nương, nên đối với vô hữu sanh ái luyện mong cầu. Như vậy lược có 4 chủng ái luyện mong cầu, đó là: ái luyện y phục, ái luyện ăn uống, ái luyện ngoạ cụ và ái luyện hữu, vô hữu.

Lại có 4 pháp năng khiến hữu tình hiện hành gây tạo những việc không nên làm: 1. Thuận theo các sự việc khả ái; 2. Trái nghịch với các sự việc không khả ái; 3. Sợ hãi kẻ cường địch, nơi tâm điên đảo; 4. Ngu đối với hiện pháp và quả hậu pháp.

Lại có 4 chủng đối đáp bàn luận những điều thỉnh hỏi, năng dứt trừ những điều nghi hoặc, năng khai tỏ những điều chưa khai tỏ, lại năng giữ gìn lực quyết trạch thù thắng: 1. Đối với tướng pháp chân thật, nên trả lời một hướng dứt khoát. 2. Đối với nghiệp quả dị thực của các hữu tình, nên trả lời bằng cách phân biệt; 3. Đối với lời nói ẩn ý, tối nghĩa, chẳng phải hỏi một hướng, nên trả lời bằng cách cật vấn; 4. Đối với sự việc không như lý, nên trả lời bằng cách gác qua một bên. Như loại câu hỏi đây, trả lời thế nào? Để trả lời câu hỏi của kia, nói rằng: “Phật Thế Tôn đối với sự việc ấy không trả lời”.

Lại có 4 chủng huệ xả, hoặc thanh tịnh, hoặc không thanh tịnh. Ba chủng thanh tịnh là: chỉ có tự thân mình đầy đủ giới kiến, hoặc chỉ có người đầy đủ giới kiến, hoặc lại có mình và người đầy đủ giới kiến. Một chủng không thanh tịnh là: mình và người đều không đầy đủ giới kiến. Người thanh tịnh sẽ sanh cõi thiện, tài sản của cải sung mãn. Người không thanh tịnh sẽ sanh cõi ác, tài sản của cải thiếu thốn.

Lại có 4 chủng phương tiện nhiếp chúng, năng chánh thâm nhiếp giáo hóa tất cả đại chúng: 1. Phương tiện nhiếp ích; 2. Phương tiện nhiếp thọ; 3. Phương tiện dẫn đạo; 4. Phương tiện tu trị.

Lại có 4 chủng từ nghiệp sanh khởi các loại hữu tình, ở những cõi kia sanh y chỉ môn: 1. Do nghiệp và vô trứng; 2. Do nghiệp và thai; 3. Do nghiệp và sự ẩm ướt; 4. Chỉ do nghiệp.

Lại hữu tình thọ sanh nơi các cõi kia có 4 chủng chết: 1. Do tự mình nên chết, đó là hữu tình thọ sanh trong cõi trời Hý vọng ý phần; 2. Do người nên chết, đó là các hữu tình trụ trong thai mẹ ở các giai đoạn yết-la-lam, át-bộ-đàm, bế-thi, kiện-nam; 3. Do mình và người nên chết, đó là hữu

tình còn lại ở Dục giới; 4. Không phải do mình và người nên chết, đó là sở hữu hữu tình ở Sắc giới, Vô sắc giới, trên cùng là Hữu đảnh.

Lại có 4 thanh tịnh đạo: 1. Không phải căn dụng công viên mãn, cũng không phải hỷ lạc viên mãn; 2. Căn dụng công viên mãn, không phải hỷ lạc viên mãn; 3. Hỷ lạc viên mãn, không phải căn dụng công viên mãn; 4. Hỷ lạc viên mãn, căn dụng công viên mãn.

Lại có 4 thanh tịnh đạo: 1. Xoay lưng với pháp ác thuyết và Tỳ-nại-da; 2. Hướng đến pháp thiện thuyết và Tỳ-nại-da; 3. Tư lương đạo; 4. Thanh tịnh đạo. Trong đây chủng ban đầu, đó là như có người đối với kiến chấp ngoại đạo và các hành dẫn khổ bức thiết vô nghĩa, tâm không vui thích cũng không nhẫn thọ. Chủng thứ hai, đó là như có người ở trong các thiện xảo như uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ, phi xứ..., tâm vui thích, cũng có khả năng nhẫn thọ, lại năng kham nhẫn khổ lạnh nóng... Chủng thứ ba, đó là các tư lương thiện như thanh tịnh thi-la, giữ gìn căn môn... nhiếp lấy chánh pháp. Chủng thứ tư, đó là như có người hành Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, đoạn trừ các phiền não, hiện pháp lạc trú.

Lại có 4 chủng phương tiện tăng thượng tâm học: 1. Người chưa ly dục, khiến đắc quả Bất hoàn; 2. Hoặc quả Bất hoàn, nương vị chí định, cầu hiện pháp lạc trú; 3. Khiến người đoạn các ác pháp và đi đến thiện thú; 4. Khiến tự mình đoạn các phiền não, được sự quyết trạch thù thắng.

Lại có 2 nghiệp, 4 tướng sai biệt. Đó là: nghiệp nhiếp thuộc chuyển có ba sự sai biệt, nghiệp nhiếp thuộc hoàn lập chung một chủng. Nên biết nghiệp ban đầu một hướng năng cảm quả không khả ái, dị thực ở các ác thú. Nghiệp thứ hai chỉ một hướng năng cảm quả vui khả ái, dị thực ở Sắc giới và Vô sắc giới. Nghiệp thứ ba năng cảm quả ái, phi ái, dị thực ở cõi trời, người Dục giới. Nghiệp thứ tư năng đoạn ba nghiệp trước.

Lại có 4 chủng các loại hữu tình siêng năng tăng thượng: 1. Vui mà không phải lợi ích; 2. Lợi ích mà không phải vui; 3. Cũng vui, cũng lợi ích; 4. Không phải vui, không phải lợi ích.

Lại có 4 môn khởi các phiền não, năng khiến hữu tình hòa hợp không lìa các khổ: 1. Môn nhiễm trước các dục; 2. Môn nhiễm trước sắc, vô sắc đẳng chí; 3. Môn các kiến chấp của ngoại đạo; 4. Môn vô

trí của người trụ trong pháp này mà chưa đắc nhãn. Lại tu Thánh đạo, khiến nhanh chóng lìa khỏi sự trói buộc của bốn môn sanh khởi các khổ đây. Như năng khiến hữu tình hòa hợp cùng với khổ, thì năng khiến thuận dòng chảy giữ lấy nghiệp hậu hữu, khó thể giải thoát, nên biết cũng vậy.

Lại nên biết có 4 chủng nhiếp khắp tất cả bồ-đặc-già-la: 1. Di sanh; 2. Bậc hữu học chưa ly dục; 3. Bậc hữu học đã ly dục; 4. Tất cả bậc vô học vượt qua thân kiến.

Lại có 4 chủng bồ-đặc-già-la: 1. Tự mình trụ luật nghi mà không thể vì người tuyên thuyết chánh pháp; 2. Tự mình không trụ luật nghi, mà năng vì người tuyên thuyết chánh pháp; 3. Điều năng làm cả hai; 4. Điều không thể làm cả hai.

Lại có 4 chủng bồ-đặc-già-la: 1. Dòng tộc thấp hèn, hiện hành pháp bạch; 2. Dòng tộc tôn quý, hiện hành pháp ác; 3. Dòng tộc thấp hèn, hiện hành pháp ác; 4. Dòng tộc tôn quý, hiện hành pháp bạch. Trong đây chủng ban đầu có khổ ở hiện pháp, chẳng phải ở hậu pháp. Chủng thứ hai, có khổ hậu pháp, chẳng phải ở hiện pháp. Chủng thứ ba, cả hai đời đều khổ. Chủng thứ tư, cả hai đời đều vui.

Lại có 4 chủng bổ-đặc-già-la: 1. Tự mình chuốc lấy khổ, không phải do người mà sanh khởi phi phước. Đó là kẻ thọ giới tự hành khổ của ngoại đạo; 2. Khổ do người đem đến, chẳng do mình tự chuốc lấy mà sanh khởi phi phước. Đó là kẻ không tùy theo luật nghi; 3. Khổ do mình tự chuốc lấy và do người mang đến, mà sanh khởi phi phước, đó là quốc vương và chủ cúng tế ngựa...; 4. Không tự chuốc lấy khổ, cũng không do người mang đến, mà sanh khởi đại phước, đó là bậc an trụ tinh lự và bổ-đặc-già-la là các ác.

Lại lược có 4 chủng lời nói có lỗi: 1. Lời không thật; 2. Lời chia rẽ; 3. Lời hủy diệt đạo đức; 4. Lời vô nghĩa. Trái với tướng đây nên biết là 4 chủng lời nói có đức.

Lại có 4 chủng vọng ngữ, chẳng phải lời của bậc Thánh: 1. Ở nơi thấy, diên đảo nói không thấy; 2. Ở nơi nghe, diên đảo nói không nghe; 3. Ở nơi biết, diên đảo nói không biết; 4. Ở nơi hiểu, diên đảo nói không hiểu. Trái với tướng đây nên biết là lời nói chân thật của bậc Hiền Thánh.

Như vậy đã thuyết bốn chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến thuyết năm chủng.

Đó là 5 chủng tụ tụ tánh hành nhiếp thuộc dục tham phẩm thô trọng, đuổi theo lưu chuyển tạp nhiễm: 1. Tụ tụ tánh hành sở y sở duyên; 2. Tụ tụ tánh hành năng lãnh nạp; 3. Tụ tụ tánh hành năng phân biệt ngôn thuyết, phần vị, chấp lấy tướng các pháp; 4. Tụ tụ tánh hành năng tác dụng; 5. Tụ tụ tánh hành năng liễu biệt.

Trái với năm tướng đây tức là tụ tụ tánh hành nhiếp thuộc ly dục tham phẩm thô trọng, tùy chuyển theo hoàn diệt thanh tịnh.

Lại có 5 chủng cảnh giới yêu thích của người thọ dục, các kẻ vui với sự dục thường truy cầu, thường thọ dụng, những người xoay lưng với dục thì quán sát chân chánh. Đó là: sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nên biết trong đây, nương vào sự truy cầu, sự tầm tư, sự nhiễm trước các dục, nên biết có 4 chủng vui thích ái luyến: 1. Sự vui thích ái luyến các dục vị lai, tức là truy cầu; 2. Sự vui thích ái luyến các dục quá khứ, tức là tầm tư; 3. Sự vui thích ái luyến các dục hiện tại, tức là nhiễm trước. Đây lại có 2 chủng: 1. Sự việc được vui thích ái luyến; 2. Thọ lãnh cảm giác từ kia sanh khởi.

Lại có 5 chủng tụ thể mà hữu tình có được do

thọ lãnh quả của nghiệp ái, phi ái dị thực: 1. Cõi trời; 2. Cõi người; 3. Cõi địa ngục; 4. Cõi bàng sanh; 5. Cõi ngạ quỷ.

Lại có 5 chủng nhân hành làm mất lợi dưỡng, cũng là nhân hành trái với Niết-bàn. Đó là: hoặc ở xứ đây thọ dụng lợi dưỡng, hoặc từ người mà được, hoặc vật có được, hoặc hành động để được, hoặc được như vậy... nơi các điều trên, tâm sanh lẫn tiếc.

Lại có 5 pháp khiến người tu hành, trước hủy tịnh giới đa văn, về sau làm tổn hại thiện ách Chỉ Quán. Đó là: ở trong các dục, tâm sanh ái nhiễm. Đối với những bậc dạy trao, dạy răn, giác ngộ khai tỏ nhớ nghĩ, mà tâm sanh sân khuể. Chưa thọ giới, khiến không thể thọ. Nếu trước đã thọ đã đắc, về sau cũng khiến xả bỏ. Hoặc vùi sâu vào việc đắm trước hôn trầm ngủ nghỉ, hằng không tịch tĩnh, nhiễm ô hối tiếc, thường ôm lòng nghi hoặc. Đối với pháp được nghe, không có khả năng lãnh thọ. Tuy ban đầu có lãnh thọ, sau muốn tìm nhớ lại cũng quên mất. Tuy không quên mất, cũng không hiểu chính xác.

Lại có 2 chủng hạ phần: kiến đạo là hạ phần của tu đạo; Dục giới là hạ phần của Sắc giới và Vô



sắc giới. Theo phạm vi của hai chủng hạ phần đây, nói 5 hạ phần kiết sử: Nương theo hạ phần ban đầu, nói thân kiến, giới cấm thủ, nghi. Nương theo hạ phần thứ hai, nói tham dục và sân khuể.

Lại có 2 chủng thượng phần, đó là Sắc giới và Vô sắc giới. Nương hai chủng thượng phần đây, nói 5 thượng phần kiết sử: Hoặc có kiết sử không sai khác, đó là tham sắc và tham vô sắc. Hoặc có kiết sử có sai khác, tức là trạo của người ái thượng tinh lự, mạn của người mạn thượng tinh lự, vô minh của người vô minh thượng tinh lự.

Lại kể chấp giữ không tín kính đối với 5 bậc, tâm không điều nhu, không thể sanh trưởng các thiện căn bản: 1. Không có sự kính tín đối với bậc Đại sư thuyết chánh pháp, như thuyết về tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học; 2. Đối với bậc chánh giác ngộ khai tỏ; 3. Đối với bậc chánh dạy trao; 4. Đối với bậc chánh dạy răn; 5. Đối với đồng phạm hạnh.

Lại có 5 chủng làm chướng ngại trong việc chánh tinh tấn đoạn trừ phiền não: 1. Đắm trước đẳng chí và sanh; 2. Đắm trước lợi dưỡng cung kính; 3. Phóng dật; 4. Ác tuệ; 5. Tâm hạ liệt, hoặc

tăng thượng mạn.

Lại có bổ-đặc-già-la không thể kham nhẫn, nên đối với người oán địch khởi 5 chủng tà hạnh. Đó là: kẻ không thể kham nhẫn đây, đối với người oán địch, trước khởi tâm sân, ý thích oán hiềm. Đối với bạn bè thân thích của kia, vui muốn phá hoại. Thường muốn khiến người oán kia phát sanh ưu khổ. Rộng làm các việc không nhiều ích. Tự mình hủy hoại thanh tịnh thi-la đã thọ, do đó thân ngữ ý hành nhiều ác hạnh. Bởi 5 chủng ác hạnh đây, nên năng cảm đời sau trở lại trong 2 chủng đẳng lưu quá hoạn: một chủng là hiện pháp đẳng lưu quá hoạn, một chủng là hậu pháp dị thực quá hoạn. Đó là trong đời này có nhiều oán địch, bạn bè thân thích chống trái chia lìa. Bởi làm người khác phát khởi chủng chủng ưu khổ, nên những việc không khả ái hằng hiện tại tiền. Đến khi lâm chung, sanh nhiều ưu não hối hận. Sau khi thân hoại mạng chung, đọa vào ác thú.

Trái với tướng đây tức là người năng kham nhẫn, đối với kẻ oán địch phát khởi năm chủng chánh hạnh, do đây chiêu cảm các việc lợi ích thù thắng khác nhau, như chỗ thích hợp đều nên biết rõ.

Lại có 5 pháp năng sanh tất cả ưu khổ ở hiện pháp và hậu pháp: 1. Quyến thuộc thân thích bị diệt vong; 2. Tài sản có được vô cơ bị hao tán mất mát; 3. Bệnh tật duyên thân. Ba pháp đây năng sanh ưu khổ ở hiện pháp. 4. Hủy phạm Thi-la; 5. Các ác tà kiến và hủy báng hết thấy. Hai pháp đây năng sanh ưu khổ ở hậu pháp.

Trái với năm tướng đây, nên biết có năm pháp năng sanh hỷ lạc ở hiện pháp và hậu pháp.

Lại bậc A-la-hán tuy hiện truy cầu tài vật để nuôi dưỡng thân, cũng thường thọ dụng, mà năng vượt qua 3 chủng tà truy cầu và 2 chủng tà thọ dụng. Đó là: năng vượt qua sát sanh, trộm cắp, vọng ngữ dẫn dắt 3 tà truy cầu. Cũng năng vượt qua 2 thọ dụng tà là: tích chứa và thê thiếp.

Lại người tu đoạn thành tựu 5 pháp, tùy theo chỗ muốn đối với các phẩm thiện tu hành phương tiện, cũng năng nhanh chóng chứng thông tuệ rất ráo: 1. Đối với pháp tu đoạn, vui muốn sâu xa, như điều đã được dạy bảo mà phụng hành; 2. Đối với điều mình đã có, như thật diễn bày; 3. Thân lực an vui mạnh mẽ; 4. Tu tập phương tiện tương tục không gián đoạn, tâm đồng mãnh sắc bén; 5. Thành tựu

trí tuệ, thông đạt tướng chỉ, cử, xả, thời phần.

Lại có 5 chủng năng giải thoát viên mãn, nhằm chán xa lìa pháp sở đối trị. Đó là ở trong các pháp, có người lấy 3 chủng ngu làm y chỉ, phát khởi 3 điên đảo. Ba chủng ngu: 1. Ngu thời tiết; 2. Ngu phần vị; 3. Ngu tự tánh. Ba điên đảo: 1. Ở nơi vô thường, điên đảo kế chấp cho là thường; 2. Ở nơi khổ, điên đảo kế chấp cho là vui; 3. Ở nơi vô ngã, điên đảo kế chấp cho là ngã. Lại thêm thói quen mưu cầu lợi dưỡng và hy vọng thọ mạng.

Vì đối trị 5 pháp sở trị như vậy, nên khởi 5 tướng thủ: 1. Ở nơi các hành, thủ tướng vô thường; 2. Cũng thủ tướng khổ; 3. Ở trong các pháp, thủ tướng vô ngã; 4. Ở trong ăn uống, thủ tướng ghét bỏ nhằm chán; 5. Ở nơi mạng căn, thủ tướng chết yểu.

Lại có 5 chủng môn tăng trưởng chánh tâm giải thoát của hai loại hành giả tu định, tu trí thù thắng. Hành giả tu định thù thắng, tức là nhân việc lắng nghe lời dạy về thánh đế, nương đây chánh hiểu nghĩa pháp. Như nhân việc lắng nghe, thì nhân dùng âm thanh lớn để đọc tụng kinh điển; nhân vì người khác khai tỏ xiển dương diệu nghĩa; ở chốn không nhân, tư duy quán sát tỉ mỉ

thăm sâu, chánh hiểu pháp nghĩa, nên biết cũng vậy. Hành giả tu trí thù thắng, tức là ở nơi pháp đối trị tham dục nhiều loạn phẩm thượng, tư duy suy nghĩ không điên đảo.

Lại có 5 chủng, hành giả tu quán được đầy đủ ý lạc, phương tiện... Đó là: đối với Bồ-đề Niết-bàn, khởi tín hiểu sâu xa, gọi là ý lạc đầy đủ. Không gián đoạn ân trọng tu tập chánh trí, thực hành pháp Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gọi là phương tiện đầy đủ.

Lại có 5 pháp khiến các hữu tình thọ lãnh quả của nghiệp ái, phi ái dị thực, thân tâm phiền não, nhiếp đủ các khổ. Đó là: khổ, lạc, ưu, hỷ, xả.

Lại do thành tựu ý lạc và phương tiện thấy đều đầy đủ không thối chuyển như trên đã thuyết, hành giả tu quán kham năng chứng thánh đế hiện quán, cũng khéo an trụ các phẩm thiện thù thắng.

Lại có 5 chủng sanh sai biệt của bậc học ly dục Dục giới chưa tận trừ kiết dư tàn: 1. Trụ trung hữu, liền năng cứu cánh đắc Bát-niết-bàn; 2. Ở sơ tinh lự, vừa mới thọ sanh, đắc Bát-niết-bàn; 3. Sau khi thọ sanh rồi, dụng công lực ít, thánh đạo hiện tiền, đắc Bát-niết-bàn; 4. Dụng công lực nhiều, thánh đạo hiện tiền, đắc Bát-niết-bàn; 5. Hoặc ở

ngăn mé của côi Sắc cho đến côi Sắc cứu cánh, đắc Bát-niết-bàn; hoặc ở ngăn mé côi Vô sắc cho đến Hữu đẳng, mới năng cứu cánh đắc Bát-niết-bàn.

Lại có 5 chủng sanh địa sai khác của quả tạp tu đệ tứ tinh lự, đắc Bát hoàn: 1. Sanh địa của quả tinh lự phẩm hạ; 2. Sanh địa của quả tinh lự phẩm trung; 3. Sanh địa của quả tinh lự phẩm thượng; 4. Sanh địa của quả tinh lự phẩm thắng thượng; 5. Sanh địa của quả tinh lự phẩm cực thượng.

Lại có 5 chủng, hành giả tu quán tác ý quán sát, năng khiến chắc chắn rốt ráo vĩnh viễn đoạn phiền não ba côi. Đó là: tuy nhớ nghĩ sâu, phân biệt tư duy tướng dục nhưng chẳng thú nhập trong các dục, tâm nhậm vận nơi xa. Ở nơi tướng ly dục, xuất nhĩ tư duy, liền năng nhậm vận khiến tâm thú nhập. Như đối với tướng dục, ly dục như vậy, thì đối với tướng khuể, không khuể, tướng hại, không hại, tướng sanh Sắc đẳng chí, tướng sanh Vô sắc đẳng chí và tướng Niết-bàn cũng vậy.

Đã thuyết năm chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến thuyết sáu chủng.

Đó là nương 6 tướng, tuyên thuyết 8 chủng sự sai biệt của hữu tình, vì khiến chúng sanh rơi vào

kiến chấp ngã, hữu tình, mạng giả... thú nhập vô ngã. Tám chủng sự sai biệt: 1. Sự sở y của ngã sai biệt; 2. Sự cảnh giới sai biệt; 3. Sự tự tánh sai biệt; 4. Sự nhân thọ dụng sai biệt; 5. Sự thọ dụng sai biệt; 6. Sự tùy thuyết sai biệt; 7. Sự tác dụng sai biệt; 8. Sự hy vọng sai biệt. Ở trong hết thấy sự sai biệt như vậy, hành giả tu quán chưa khéo thành thực cho là có ngã. Nương nhãn căn ở nơi sắc cảnh... do chủng chủng thọ dụng xúc và thọ, có tên như vậy, chủng tộc như vậy, họ như vậy, ăn như vậy... nên ở nơi mình, ở nơi người, theo đó khởi lời nói, tạo làm tất cả việc pháp, phi pháp. Đối với việc khả ái thì hy vọng hòa hợp, muốn tăng thêm lâu dài. Đối với việc phi ái thì mong muốn không hòa hợp, tổn giảm, chẳng trụ lâu dài. Nếu ở trong các sự việc sai biệt như vậy, hành giả tu quán đã khéo thành thực, bấy giờ tất cả kế chấp hư vọng đều chẳng sanh.

Lại đối với việc học chân thật, có 6 sự khinh miệt năng khiến thiện pháp hoặc chưa đắc mà thối thất, hoặc đã đắc mà vẫn thối thất, xả bỏ thánh giáo Phật, cho đến niềm tin nhỏ cũng đều thối thất. Đó là: đối với Phật Pháp Tăng bảo, tăng

thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Do bợn ác, nên đối với tăng thượng tâm, tuệ, khiến bị dạy trao dạy rắn tà quái. Do ác ngữ, hoàn toàn không được gì. Kia do tà quái và hoàn toàn không được gì như vậy, thối thất tất cả sở hữu thiện pháp. Trái với tướng đây nên biết là sáu pháp phẩm bạch.

Lại tâm của hữu tình đồng hành với không như lý tác ý, đối với sắc cảnh... có 6 chủng xứ sở y của tham phần vị bình đẳng. Như xứ sở y của tham phần vị bình đẳng như vậy, thì xứ sở y của sân phần vị không bình đẳng và xứ sở y của si phần vị không phải bình đẳng không phải không bình đẳng, nên biết cũng vậy.

Lại có 6 chủng tối cực thanh tịnh, tự chuyển sở y, cứu cánh bậc nhất, không gián đoạn, không khuyết hở, không nhiễm ô, hằng trụ bình đẳng. Đó là: hoặc đi hoặc đứng, ở nơi mắt nhận biết sắc, cho đến ở nơi nhận biết pháp, hằng trụ bình đẳng.

Lại có 6 pháp, đó là các sắc căn và xứ sở y, tùy chỗ thích hợp là chỗ y nương không chướng ngại, dẫn đạo an trụ trưởng dưỡng, ở những nơi sanh ra tự tại mà chuyển. Đó là: 4 đại chủng, không giới,



thức giới. Thức giới như vậy, năng ở hiện tại tích tập giữ gìn nghiệp phước, phi phước; năng dẫn quả ái, phi ái ở đương lai; cũng năng chấp thọ giữ gìn năm chủng sắc căn mà thức nương tựa và xứ sở y khiến không bị thối rữa. Lại do lực thức sanh tự tại ở hiện pháp và về sau, khiến các hữu tình ở trong nghiệp thiện, bất thiện, vô ký sai biệt mà chuyển.

Lại có 3 xứ khiến hành giả tu tập khó có thể vượt qua: 1. Vượt qua dục tham, khuể hại, không vui nhiếp lấy cõi thấp; 2. Vượt qua tất cả hành tướng hiện hành; 3. Vượt qua hữu đảnh. Để vượt qua 3 xứ khó vượt đây, nên biết có 6 chủng vô thượng dùng để đối trị: Bốn vô lượng là đối trị đầu tiên. Tâm Vô tướng tam-ma-địa là đối trị thứ hai. Vĩnh viễn tận ngã mạn là đối trị thứ ba. Vì vĩnh viễn trừ diệt pháp sở trị như vậy, nên các tam-ma-địa thấy đều thành tựu viên mãn. Vì khéo tu đối trị, tổn hại sở trị, khiến kia chắc chắn không hiện hành trở lại. Người đã đoạn ngã mạn, trọn chẳng ở nơi ngã kia mà cho là cứu cánh hay không cứu cánh, hay tận những nghi hoặc trói buộc nhiều loạn nơi tâm như vậy. Nên biết người có nghi hoặc, tất không lìa ngã mạn. Nếu lìa ngã mạn, tất không

có sự nghi hoặc.

Lại có 6 chủng xứ tranh cãi căn bản: 1. Triển chuyển chống trái nhau, gây tạo những việc không vừa ý; 2. Che giấu các việc ác; 3. Ở trong hết thảy loại, vì thọ lợi dưỡng, lấy làm của riêng; 4. Đối với y phục... lại thêm tướng lừa dối; 5. Trái vượt học xứ; 6. Ở nơi pháp, ở nơi nghĩa, diên đảo chấp trước.

Lại có 6 pháp năng đoạn trừ tranh cãi căn bản như vậy. Tức là: thân khẩu ý nghiệp phát xuất từ tâm từ, năng đoạn tranh thứ nhất và thứ hai. Cùng thọ lợi dưỡng, năng đoạn tranh thứ ba và thứ tư. Cùng hưởng đến Thi-la, năng đoạn tranh thứ năm. Cùng hưởng đến chánh kiến, năng đoạn tranh thứ sáu.

Lại có 6 pháp năng nhiếp uy đức và cứu cánh của tất cả các bậc tu hành. Đó là: thân cảnh, thiên nhĩ, túc trụ, tha tâm, sanh tử trí thông năng nhiếp tất cả oai đức; lậu tận trí thông năng nhiếp cứu cánh.

Lại bổ-đặc-già-la đối với thánh đế chưa đắc hiện quán, lược có 6 chủng năng chướng pháp hiện quán đế. Đó là: vì ba chủng ngu si lực tăng thượng, nên khởi ba diên đảo mưu cầu lợi dưỡng, mong cầu thọ mạng, như trước đã thuyết. Trong đây có sự sai khác, tức là đối với các pháp thuận theo thấy ác,

nghe ác, nói ác, phân biệt ác, lại sanh vui muốn các việc thấy ác, nghe ác, nói ác, phân biệt ác. Các sự vui muốn như vậy, đối với dị sanh chưa đặc hiện quán thánh đế, năng khiến tâm dao động trôi nổi, cực làm chướng ngại. Đối với các bậc Thánh thì không bị dao động. Cho nên nói dị sanh đây ở trong phần sáng suốt, nhưng không phải trong phần giải thoát thành thực. Vì đối trị pháp năng chướng ngại như vậy, nên biết 6 chủng tướng thủ chân chánh: đó là 5 chủng tướng thủ như trước đã thuyết, và tướng thủ “tất cả thế gian không đáng vui”.

Lại có 2 chủng tùy niệm đầy đủ, 6 sự thực hành sai biệt, năng khiến các bậc tu hành tâm bị trì trệ thì được sách tấn khiến sanh hoan hỷ. Đó là: 3 chủng thực hành tùy niệm quy y đầy đủ và 3 chủng thực hành tùy niệm chứng đầy đủ. Nếu thực hành tùy niệm đối với Phật Pháp Tăng, gọi là tùy niệm quy y. Nếu thực hành tùy niệm đối với hành hương đến Niết-bàn, hành hương đến tiền tài, hành hương đến sanh thiên, gọi là tùy niệm chứng.

Lại trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có 6 pháp được lập là vô thượng, không cùng chung với tất cả ngoại đạo. Đó là: được gặp bậc Đại sư, được

nghe chánh pháp, thu được tâm tịnh tín, theo học tất cả sở hữu học xứ. Đối với bậc Đại sư, phát khởi thực hành tùy niệm “là Phật Thế Tôn, là bậc Chánh đẳng giác, năng thuyết tất cả pháp...” cho đến nói rộng. Lại đối với bậc Đại sư, dùng thân hành, ngữ hành để thừa sự cúng dường.

Lại có 6 pháp năng khiến hành giả tu quán vì đoạn tận tham ái, quyết định chứng biết “ta nay vẫn còn tham ái, không phải không tham ái”. Tức là ở nơi cảnh sắc cho đến cảnh pháp, tâm bị thâu nhiếp trói buộc.

Lại vì 6 nhân duyên nên biết các nghiệp là chỗ nương tựa y cứ, không phải chủng tánh dòng tộc là chỗ nương tựa y cứ. Đó là: bổ-đặc-già-la chủng tánh hạ liệt, sanh bất thiện, đi vào các ác thú; cũng sanh nghiệp thiện, đi vào các thiện thú; cũng ở hiện pháp năng Bát-niết-bàn. Bổ-đặc-già-la chủng tánh tôn quý cũng có 3 chủng như vậy.

Đã thuyết sáu chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến lại thuyết bảy chủng.

Đó là có 7 pháp năng ở nơi các đế như thật hiểu rõ, viên mãn giải thoát. Phẩm Tỳ-bát-xá-na có 3: 1. Trạch pháp; 2. Tinh tấn; 3. Hỷ. Phẩm Xa-

ma-tha cũng có 3: 1. An ổn; 2. Tam-ma-địa; 3. Xả. Pháp thứ bảy là Niệm, thông cả hai phẩm.

Lại vì căn, vì quả, vì giải thoát, kiến lập 7 chủng bổ-đặc-già-la. Ở trong hương đạo, vì nương độn căn và lợi căn, kiến lập bổ-đặc-già-la tùy tín hành và tùy pháp hành. Ở trong quả đạo, tức hai chủng đây gọi là bổ-đặc-già-la tín giải thoát. Vì kiến diên đảo chướng định giải thoát, không phải phiền não chướng giải thoát, kiến lập bổ-đặc-già-la thân chứng. Vì phiền não chướng giải thoát, không phải chướng định giải thoát, kiến lập bổ-đặc-già-la tuệ giải thoát. Vì định chướng và phiền não chướng cùng giải thoát, kiến lập bổ-đặc-già-la câu phân giải thoát.

Lại ở nơi 3 nhân duyên, do 7 chủng hành mà hành giả tu tâm đắc nội định, tâm chánh hướng một duyên. Đó là: nhân duyên thú nhập, an trụ, nhiếp thọ.

Nếu người thế gian có chánh kiến, hiểu biết tin chắc có các hành thí... lấy đây làm chỗ nương, nên rõ biết cuộc sống tại gia bức bách, có các hành nhiệm trần... Do đây dẫn dắt suy nghĩ chân chánh đến “xuất ly”, gọi là nhân duyên thú nhập. Đã thú

nhập rồi, thọ trì chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, gọi là nhân duyên an trụ. Lại ở nơi nhân duyên thú nhập, nhân duyên an trụ, cùng về sau trong phương tiện tác ý tùy hành, sở hữu chánh tinh tấn, chánh niệm, gọi là nhân duyên nhiếp thọ.

Lại người thế gian ham cầu tài sản là vì được vui. Tuy được cái vui chứa nhóm các tài sản thế gian, mà chưa thể được cái vui sanh khởi do 7 chủng thánh tài đem lại: 1. Vui do thanh tịnh đồng hành với tín; 2. Vui phát khởi do sanh vào các thiện thú; 3. Vui sanh khởi do tự mình đoái luyến những điều tốt đẹp; 4. Vui sanh khởi do tự mình không hành các ác, không sanh truy hối; 5. Vui sanh khởi do đối với pháp, đối với nghĩa, đồng hành với hiểu chân chánh; 6. Vui sanh khởi do tiền của đời sau không bị thiếu thốn; 7. Vui sanh khởi do như thật giác ngộ thắng nghĩa đế. Tất cả cái vui vô tội như vậy có vô lượng vô biên. Những người vui cầu chứa nhóm tài sản thế gian đều không thể có được. Dù hiện pháp được tiền của không thiếu thốn, mà chỉ được cái vui vọng tưởng, có tội.

Lại có 7 chủng sức mạnh của phẩm ma hoặc: 1. Oán ghét thánh giáo; 2. Hiện hành năng đến ác

thú, ác hạnh; 3. Vui tích tập các pháp chướng ngại mà không đoái hoài đến những sự tốt đẹp; 4. Vui tích tập các pháp chướng ngại mà không đoái hoài đến sự phỉ báng của người; 5. Đối với thiện bất thiện, có tội không tội, hoặc liệt hoặc thắng, hoặc hắc hoặc bạch và phân biệt rộng trong pháp duyên khởi không thể hiểu rõ; 6. Tâm keo lẩn, cấu uế, tích tập đầy đủ; 7. Trí tuệ hẹp kém, ngu si tăng trưởng rộng lớn. Nếu năng hàng phục bảy chủng sức mạnh của ma hoặc như vậy, nên biết tức là bảy sức mạnh trong pháp luật của bậc thánh, như tín..

Lại có 7 chủng pháp sở trị đối với pháp đệ nhất nghĩa Niết-bàn, năng khiến chánh pháp suy thối mất. Bảy pháp như vậy nhiếp thuộc 3 sự suy tổn: 1. Thọ dụng suy tổn; 2. Tăng thượng ý lạc suy tổn; 3. Phương tiện suy tổn.

Đối với y phục... vui cầu tốt đẹp, lại vui muốn cầu nhiều và phát khởi thọ dụng chủng chủng kia, gọi là thọ dụng suy tổn. Đối với đạo và đạo quả Niết-bàn, tâm không tin hiểu, gọi là tăng thượng ý lạc bị suy tổn. Giải đãi, thất niệm, tâm loạn, ác tuệ, gọi là phương tiện suy tổn. Thọ dụng suy tổn là phẩm loại tham bất thiện căn. Ý lạc, phương

tiện suy tổn là phẩm loại si bất thiện căn.

Trái với tướng đây nên biết tức là bảy pháp phẩm bạch.

Lại có 7 chủng pháp đệ nhất nghĩa thuận pháp phẩm Niết-bàn, năng khiến chánh pháp không bị suy thối, trụ thế lâu dài: 1. Văn sở thành tuệ; 2. Tư sở thành tuệ; 3. Tu sở thành tuệ; 4. Chẳng bị duyên ác xâm tổn y chỉ; 5. Cầu pháp tài chân chánh; 6. Không tăng thượng mạn; 7. Đối với bồ-đặc-già-la nên cúng dường, không nên cúng dường, năng khéo chọn lựa phân biệt đây nên cúng dường, đây không nên cúng dường.

Trong đây, do văn tuệ nên đối với nghĩa chưa rõ năng chánh hiểu rõ. Do tư tuệ nên đối với nghĩa chưa khéo quyết định, năng khéo tư duy. Do tu tuệ, nên đoạn các phiền não. Do không bị duyên ác làm xâm tổn y chỉ, nên kham năng tu đoạn. Do cầu pháp tài chân chánh, nên nhanh chóng chứng thông tuệ. Do không tăng thượng mạn, nên đối với những điều đã chứng ở phẩm hạ không sanh vui đủ. Do năng khéo chọn lựa phân biệt bồ-đặc-già-la, nên đối với những người đại phước trí thế tục không vui thân cận, cũng không cúng dường, chỉ vui muốn



thân cận cúng dường những bậc thiếu dục.

Lại có 7 chủng xứ sở là nơi các loại hữu tình thọ sanh. Ở xứ thọ sanh, các thức của hữu tình hiện tiền tương tục an trụ trong ba cõi, ngoại trừ hữu tình ở ác thú, ở cõi Vô tướng và ở cõi Phi tướng phi phi tướng xứ. Bởi hữu tình trong ác thú chán ngán cực độ, nên không lập thức trụ. Hữu tình trong cõi Vô tướng, vì một hướng chuyển thức không hiện hành, nên không lập thức trụ. Hữu tình cõi Phi tướng phi phi tướng xứ, vì hành và không hành không nhất định, nên không lập thức trụ.

Vì thân khác loại, gọi là chủng chủng thân. Vì tướng khác loại, gọi là chủng chủng tướng. Nên biết trái với tướng đây gọi là một chủng loại thân, một chủng loại tướng. Từ cõi trời Phạm thế trở xuống có thân hình khác loại, bởi thân hình khi sanh ra có chủng chủng sắc tướng sai biệt. Khi mới thọ sanh trong cõi trời Phạm thế, tất cả thiên chúng cõi Phạm kia đều nghĩ rằng: “Chúng ta đây đều do Đại Phạm sanh ra” Bấy giờ Phạm vương cũng tác nghĩ rằng: “Các Phạm chúng đều do ta sanh ra”. Như vậy kia tướng rằng: “Không có loài nào khác cả”. Từ tinh lự thứ hai trở lên, vì tất cả

thân chư thiên đều có ánh sáng chiếu khắp, nên gọi là một chủng thân. Thiên chúng ở cõi trời Quang âm trước hay sau khi sanh, do thấy ở cõi Phạm thế lửa dữ thiêu đốt, bấy giờ liền có tướng sợ hoặc không sợ, cho nên ở kia có tướng khác loại.

Lại các hữu tình có 7 chủng thô trọng nhiếp khắp tất cả phẩm phiền não thô trọng. Đó là: phẩm tham, sân thô trọng ở cõi thấp; phẩm tham thô trọng của cõi trung, cõi thù diệu; phẩm mạn, vô minh, kiến, nghi thô trọng của cõi thấp, cõi trung và cõi thù diệu.

Lại ở trong ác thuyết pháp luật của ngoại đạo, nên biết có 7 chủng lỗi lầm: 1. Lỗi lầm của sự hiểu biết; 2. Lỗi lầm của hành; 3. Lỗi lầm của y chỉ; 4. Lỗi lầm của tư duy; 5. Lỗi lầm của sự dụng công; 6. Lỗi lầm của tăng thượng tâm; 7. Lỗi lầm của tăng thượng tuệ.

Các ngoại đạo kia đối với pháp ít lắng nghe, ít thọ trì, vì thường thuận theo bốn sự điên đảo. Phạm có lời luận bàn, chỉ vì hủy báng người, vì thoát khỏi nạn vẩn, vì giành phần thắng, nên chỗ sanh hiểu biết đều có lỗi lầm. Vì cấm giới thọ trì đều nhiếp thọ tà mạng, tà hạnh, vì không thể

khiến mình xuất ly, nên cũng có lỗi lầm. Vì ở chỗ thầy bạn chỉ tuyên nói đạo điên đảo, nên cũng có lỗi lầm. Vì sở hữu tư duy chỉ cầu tà xuất ly, tâm bị tổn hoại, nên cũng có lỗi lầm. Vì sở hữu dụng công xa lìa phương tiện, nên cũng có lỗi lầm. Vì tăng thượng tâm của kia nhiếp thuộc vọng niệm, ái, mạn cùng với vô minh, nghi thượng tinh lự, nên cũng có lỗi lầm. Vì tăng thượng tuệ của kia bị 62 kiến chấp làm tổn hoại, nên cũng có lỗi lầm.

Trái với tướng đây, nên biết trong thiện thuyết pháp luật có bảy chủng không lỗi lầm.

Lại có 7 pháp khiến việc vi phạm tranh cãi của các Bí-sô được dừng dứt. Ngoài ra như trong phần *Nhiếp sự* sẽ thuyết. Nên biết trong đây có 7 sự việc vi phạm tranh cãi: 1. Việc vi phạm tranh cãi do khai ngộ hiện tiền; 2. Việc vi phạm tranh cãi do thất niệm, khai ngộ quá khứ; 3. Việc vi phạm tranh cãi do khai ngộ không tự tại; 4. Việc vi phạm tranh cãi do tầm tư; 5. Việc vi phạm tranh cãi do quyết định, chọn lựa; 6. Việc vi phạm tranh cãi do tự hối; 7. Việc vi phạm tranh cãi do nhân nhục hổ thẹn, kiến lập hai chúng xoay vần cử tội.

## Quyển 15

### Thứ 10. VĂN SỞ THÀNH ĐỊA

#### Phần 3

Như vậy đã thuyết bảy chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến lại thuyết tám chủng.

Đó là 8 chi nhiếp thuộc thánh đạo có 3 chủng pháp tu, khiến các Bí-sô rất ráo đoạn kiết sử: 1. Tu giới; 2. Tu định; 3. Tu tuệ. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, gọi là *tu giới*. Chánh niệm, chánh định, gọi là *tu định*. Chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, gọi là *tu tuệ*.

Lại do chánh phương tiện và quả lực tăng thượng, kiến lập 8 chủng bổ-đặc-già-la phẩm thanh tịnh, đó là bậc hành bốn hướng và bậc trụ bốn quả.

Lại có 2 chủng thí và 8 tướng sai biệt: thí có quá thất và thí không quá thất. Bảy tướng thí này gọi là có quá thất: 1. Có bố thí nhưng bị giải đãi làm tổn hại, nên có quá thất; 2. Có bố thí mà không tùy muốn, nên có quá thất. Như có kẻ nhiễm tâm, vì sợ hãi nghèo cùng, mong cầu phước lạc mà hành bố thí; 3. Có bố thí do luyện tiếc quá khứ, nên có quá

thất; 4. Có bố thí mong cầu vị lai, nên có quá thất; 5. Có bố thí mà lỗi khinh mạn, nên có quá thất; 6. Có bố thí hy cầu vui giàu sang, nên có quá thất; 7. Có bố thí cầu người nghe biết đến, nên có quá thất.

Một chủng thí sau gọi là không quá thất, đó là vì hồi hướng Niết-bàn. Vì lấy bố thí làm tư lương cho Niết-bàn kia, nên tâm không nhiễm ô với quả được tiền của nhiều hay sanh đến thiện thú do hành hạnh bố thí.

Lại có bổ-đặc-già-la nương 4 xứ: 1. Nương xứ khát thực; 2. Nương xứ sở tác; 3. Nương xứ du hành; 4. Nương xứ giới không bình đẳng. Ở trong 8 lúc khác nhau, thú nhập giải đãi, không phát siêng tinh tấn: 1. Lúc ăn nhiều thức ăn ngon, thân thể nặng nề; 2. Lúc ăn thức ăn dở, thân yếu ớt trì trệ; 3. Lúc sắp muốn làm việc, tiếc giữ sức lực; 4. Lúc đã làm việc, thân thể mỏi mệt; 5. Lúc sắp muốn du hành, tiếc giữ sức lực; 6. Lúc đã đi bộ trên đoạn đường dài, thân thể mỏi mệt; 7. Lúc đang bị bệnh, khổ sở trối buộc quá nhiều; 8. Lúc bệnh đã lành, lo sợ bị tái phát.

Nên biết bổ-đặc-già-la như vậy thuộc loại giải đãi, không phải loại tinh tấn. Loại bổ-đặc-già-la

giải đãi đây, khi chưa gặp giải đãi nương tựa thì có ít phần tương trợ tinh tấn, nếu gặp phải rồi nhanh chóng phát sanh sự giải đãi. Cho nên gọi là chủng loại giải đãi.

Trái với tướng trên, tức là có bổ-đặc-già-la nương bốn xứ, ở trong tám lúc khác nhau, phát khởi siêng năng tinh tấn. Nên biết loại bổ-đặc-già-la như vậy năng điều phục giải đãi, thuộc loại siêng tinh tấn. Tuy gặp giải đãi nương tựa, cũng năng phát lòng chuyên tâm tinh tấn, hà huống không gặp. Cho nên gọi là loại siêng tinh tấn.

Lại có 8 chủng chánh nguyện nhiếp lấy nhân sanh khả ái, hay khiến ở trong các dục, vui sanh tăng thượng. Người không cầu vĩnh viễn lìa tất cả dục, sẽ sanh 8 chủng sanh xứ khả ái. Đó là: nguyện trong cõi người chủng loại thấp kém tu hai sự nghiệp phước thí, giới nhỏ; nguyện vui trong cõi chủng loại tôn quý tu hai sự nghiệp phước thí, giới lớn: Tứ đại thiên vương, Tam thập tam thiên, Dạ-ma thiên, Đổ-sử-đa thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên.

Lại vì 4 nhân duyên, Như Lai kiến lập 4 chúng cõi người và vì 3 nhân duyên, kiến lập 4 chúng cõi trời: Vì tối tăng thượng, vì thế gian cùng tin theo

là phước điền, vì thọ dụng tài sản của cải không do người khác, vì xả bỏ tất cả tài sản của cải thế gian. Do bốn duyên đây ở trong cõi người kiến lập bốn chúng. Vì nương ngằn mé đất địa, vì ngằn mé Dục giới, vì ngằn mé ngũ hành, do ba duyên đây ở trong cõi trời kiến lập bốn chúng.

Lại ở thế gian, lúc 3 xứ chuyển, thế gian hằng thường tiếp xúc 8 pháp sở xúc. Ba xứ: 1. Xứ vui muốn; 2. Xứ công dụng; 3. Xứ các duyên. Khi xứ vui muốn chuyển, hoặc tiếp xúc với lợi, hoặc tiếp xúc không phải lợi. Khi xứ công dụng chuyển, hoặc vừa ý, hoặc không vừa ý người khác, sau lưng tiếp xúc với sự khen chê, trước mặt tiếp xúc với sự khen chê. Khi xứ các duyên chuyển, hoặc do đời trước, hoặc do hiện pháp mà có các duyên khổ vui, tiếp xúc với sự khổ vui ấy.

Lại có 8 thắng giải năng dẫn Bất hoàn, hoặc các thánh thần thông A-la-hán và trụ tối thắng: 1. Thắng giải chưa hàng phục được nội sắc tướng, ngoài không nhiễm ô sắc; 2. Thắng giải đã hàng phục nội sắc tướng; 3. Thắng giải tịnh và bất tịnh chẳng phải hai sắc, xả đệ nhất. Vì ba giải thoát đây, nên ở nơi tất cả sắc được tự tại, liền có thể

dẫn phát các thánh thần thông, các thần thông đây chẳng cùng với tất cả dị sanh chung có. 4. Thắng giải Không vô biên; 5. Thắng giải Thức vô biên; 6. Thắng giải Vô sở hữu; 7. Thắng giải Phi tướng phi phi tướng; 8. Thắng giải tâm nhậm vận vi tế. Năm thắng giải đây vì thứ lớp khéo tu trì, năng dẫn trụ tối thắng là Diệt tướng thọ đẳng chí.

Lại hoặc quán các sắc, hoặc như sở quán ở trong ba chủng giải thoát đầu mà tu tập, đó là ba giải thoát đạo phương tiện nhiếp lấy ba thắng xứ. Trong đây quán ngoại các sắc hoặc nhỏ hoặc lớn, hoặc xấu hoặc đẹp, hoặc hơn hoặc kém, đó là quán sở hành phi tam-ma-địa sắc hiện có được. Do duyên tác ý sở hành tam-ma-địa không phải chủng chủng hiện tiền, nên gọi là thắng. Ở trong sở hành tam-ma-địa, hành Xa-ma-tha gọi là tri, hành Tỳ-bát-xá-na gọi là kiến. Như nơi sở hành tam-ma-địa hoặc tri hoặc kiến, như nơi sắc kia đã tầm tư, đã rõ biết phân biệt, thì nơi sở hành phi tam-ma-địa có sở tướng bên ngoài, quán các sắc cũng vậy.

Như vậy đã thuyết tám chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến lại thuyết chín chủng. Đó là chín kiết, như phần *Nhiếp sự* sẽ rộng kiến lập.



Lại có 9 chủng xứ sanh mà hữu tình thọ sanh cùng cư ngụ xứ kia trong ba cõi. Trừ các ác thú, vì đây là xứ đáng nhàm chán, như trước đã thuyết.

Như vậy đã thuyết chín chủng Phật dạy cần nên biết. Kế đến lại thuyết mười chủng. Đó là mười biến xứ, nên biết tức là sở tác thành tựu của các giải thoát. Giải thoát, thắng xứ, biến xứ khác, như phần *Nhiếp sự* sẽ rộng phân biệt.

Lại có 10 chi vô học nên biết nhiếp thuộc năm uẩn vô học: 1. Giới uẩn; 2. Định uẩn; 3. Tuệ uẩn; 4. Giải thoát uẩn; 5. Giải thoát tri kiến uẩn.

Như vậy đã thuyết mười chủng Phật dạy cần nên biết. Trước đã thuyết các chủng Phật dạy cần nên biết... cho đến đây, tất cả như vậy đều nhiếp thuộc Nội minh xứ.

### **B. Y phương minh xứ:**

Nên biết minh đây lược có 4 chủng: 1. Khéo léo đối với tướng bệnh; 2. Khéo léo đối với nguyên nhân bệnh; 3. Đối với bệnh đã sanh, khéo léo đoạn trừ bệnh; 4. Đối với bệnh đã được trừ lành, phương tiện khéo léo khiến về sau không sanh.

Như vậy rộng phân biệt nghĩa khéo léo, nên

biết như kinh đã thuyết.

Như vậy đã thuyết Y phương minh xứ.

### **C. Nhân minh xứ:**

Ở trong nghĩa, quán sát các sự sở hữu. Việc đây thế nào? Ôt-Đà-Nam nói :

*Luận thể, luận xứ sở,  
Luận cú, luận trang nghiêm,  
Luận thua, luận xuất ly,  
Luận nhiều sở tác pháp.*

Nên biết trong đây lược có 7 chủng: **1.** Luận tánh thể; **2.** Luận xứ sở; **3.** Luận sở y; **4.** Luận trang nghiêm; **5.** Luận rơi vào chỗ thua cuộc; **6.** Luận xuất ly; **7.** Luận nhiều sở tác pháp.

**1. Luận tánh thể:** Có 6 chủng: **a.** Ngôn luận; **b.** Thượng luận; **c.** Tranh luận; **d.** Hủy báng luận; **e.** Thuận chánh luận; **f.** Dạy dẫn luận.

**a. Ngôn luận:** tất cả ngôn thuyết, ngôn âm, ngôn từ, gọi là ngôn luận.

**b. Thượng luận:** là sở hữu ngôn luận tùy theo sự nghe của thế gian.

c. *Tranh luận*: Nếu nương các dục mà phát khởi: Hoặc mình nhiếp lấy các dục, bị người khác xâm đoạt. Hoặc người nhiếp lấy các dục, bị mình xâm đoạt. Hoặc các dục mà hữu tình yêu thích thâm nhiếp, thì lại xâm đoạt lẫn nhau, hay muốn xâm đoạt. Hoặc các dục không nhiếp thọ, đó là nhiếp thuộc ca múa, cười đùa, hoặc nhiếp thuộc ca kỹ, nô bộc, hoặc là coi xem, hoặc là thọ dụng. Ở trong các sự dục như thế, kẻ chưa ly dục, kẻ bị tham Dục giới nhiễm ô, vì nhân chấp trước kiên cố, vì nhân chấp đắm trói buộc, vì nhân đam mê chơi đùa, vì nhân tham ái, nên phát khởi giận dữ chống trái chia lìa. Người vui thích đấu tranh thì dấy khởi chủng chủng tranh luận, dấy khởi sự tranh luận oán hại, cho nên gọi là tranh luận.

Nếu nương theo ác hành mà phát khởi: Hoặc mình tạo tác thân ngữ ác hành bị người chê trách. Hoặc người tạo tác thân ngữ ác hành, mình hành chê trách. Hoặc hữu tình ưa thích gây tạo thân ngữ ác hành, thì chê trách lẫn nhau. Trong tất cả hành gây tạo ác hạnh như vậy, kẻ mong gây tạo chưa gây tạo các ác hạnh, kẻ chưa lìa tham sân si Dục giới, kẻ bị tham sân si nặng nề cố chấp che giấu, vì nhân

chấp trước kiên cố, vì nhân chấp đấm trói buộc, vì nhân đam mê chơi đùa, vì nhân tham ái, lại thêm cấu giận nóng nảy lẫn nhau, ôm tâm nhiễm ô, chống trái chia lìa. Người vui thích đấu tranh thì dấy khởi chủng chủng tranh luận, dấy khởi sự tranh luận oán hại, cho nên gọi là tranh luận.

Nếu nương các kiến mà sanh khởi: Đó là thân kiến, đoạn kiến, vô nhân kiến, nhân bất bình đẳng kiến, thường kiến, giữa nhiều loại kiến, chủng chủng tà kiến và vô lượng các loại ác kiến khác. Ở trong các kiến chấp như vậy, hoặc mình nhiếp lấy, bị người ngăn cấm đoạn trừ. Hoặc người nhiếp lấy, mình hành ngăn cấm đoạn trừ. Hoặc hữu tình yêu thích nhiếp lấy, người đang ngăn cấm đoạn trừ, hoặc đã ngăn cấm đoạn trừ, hoặc muốn nhiếp thọ tà kiến chưa nhiếp thọ. Do nhân duyên đây, người chưa ly dục như trước nói rộng, cho đến dấy khởi chủng chủng tranh luận, dấy khởi tranh luận oán hại, cho nên gọi là tranh luận.

**d. *Hủy báng luận*:** Là sở hữu ngôn luận của kẻ ôm lòng phát khởi oán giận nóng nảy, dùng tâm nhiễm ô phẩn phát uy thế. Đó là do thô ác dẫn dắt, hoặc do không khiêm nhường dẫn dắt, hoặc

do ý ngôn dẫn dắt. Cho đến trong ác thuyết pháp luật, vì các hữu tình tuyên nói pháp kia, nghiên cứu quyết trạch, dạy trao dạy răn. Hết thấy luận như vậy gọi là hủy báng luận.

e. *Thuận chánh luận*: Ở trong thiện thuyết pháp luật, vì các hữu tình tuyên thuyết chánh pháp, nghiên cứu quyết trạch, dạy trao dạy răn. Vì đoạn tất cả nghi hoặc của hữu tình, vì đạt đến các cú nghĩa thâm sâu, vì khiến trí kiến rốt ráo thanh tịnh, thuận theo chánh hành, thuận theo giải thoát, cho nên luận đây gọi là thuận chánh luận.

f. *Dạy dẫn luận*: Là sở hữu ngôn luận dạy bổ-đặc-già-la tu tập tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Người tâm chưa định khiến tâm được định, người tâm đã định khiến được giải thoát. Vì khiến kia giác ngộ trí chân thật, vì khiến kia khai mở hiểu rõ trí chân thật, cho nên luận đây gọi là dạy dẫn luận.

**Hỏi**: Trong sáu luận đây, bao nhiêu luận chân thật năng dẫn nghĩa lợi cần phải tu tập? Bao nhiêu luận không chân thật năng dẫn vô nghĩa cần phải xa lìa?

**Đáp**: Hai luận sau cùng là chân là thật, năng

dẫn nghĩa lợi, nên tu tập. Hai luận giữa không chân không thật, năng dẫn vô nghĩa, nên xa lìa. Hai luận đầu cần phải phân biệt.

**2. Luận xứ sở:** Nên biết luận đây cũng có 6 chủng: 1. Ở nơi vương gia; 2. Ở nơi nhà thi hành luật pháp; 3. Ở trong đại chúng; 4. Ở trước bậc hiền triết; 5. Ở trước Sa-môn, Bà-la-môn khéo hiểu pháp nghĩa; 6. Ở trước bậc vui thích pháp nghĩa.

**3. Luận sở y:** Nên biết luận đây có 10 chủng. Đó là: nghĩa được thành lập, có 2 chủng; pháp năng thành lập, có 8 chủng.

– Nghĩa được thành lập do 2 chủng: do tự tánh và do sai biệt.

Do tự tánh thành lập: tức là có lập là có, không lập là không.

Do sai biệt thành lập: tức là hữu thượng lập hữu thượng, vô thượng lập vô thượng, thường lập là thường, vô thường lập vô thường. Như vậy hữu sắc vô sắc, có thấy không thấy, có đối không đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi... vô lượng môn sai biệt. Nên biết đây gọi là do sai biệt thành lập.

– Pháp năng thành lập có 8 chủng: **a.** Lập tông; **b.** Biện nhân; **c.** Dẫn dụ; **d.** Đồng loại; **e.** Dị loại; **f.** Hiện lượng; **g.** Tỷ lượng; **h.** Chánh giáo.

**a. Lập tông:**

Tức là nương 2 chủng nghĩa được thành lập, thâm nhiếp lãnh thọ mỗi loại riêng biệt trong phẩm loại mình tin theo. Hoặc thâm nhiếp lãnh thọ luận tông, đó là hoặc tự biện tài, hoặc khinh miệt người, hoặc từ người nghe, hoặc chân thật giác. Hoặc vì thành lập tông mình, hoặc vì phá hoại tông người, hoặc vì chế phục người, hoặc vì khuất phục người, hoặc vì bi mẫn người mà kiến lập nghĩa tông.

**b. Biện nhân:**

Vì thành tựu nghĩa tông được lập, nương sự dẫn dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng cùng với chánh giáo, kiến lập ngôn luận đạo lý thuận ích.

**c. Dẫn dụ:**

Cũng vì thành tựu nghĩa tông được lập, nương nơi các pháp thế gian thường hay trao đổi mà có lời nói so sánh làm cho dễ hiểu.

**d. Đồng loại:**

Tức là tùy theo sở hữu pháp đang có, đem so

sánh với pháp khác, tướng triển chuyển ít phần giống nhau. Đây lại có 5 chủng: 1. Tướng trạng giống nhau; 2. Tự thể giống nhau; 3. Nghiệp dụng giống nhau; 4. Pháp môn giống nhau; 5. Nhân quả giống nhau.

Tướng trạng giống nhau: tức là ở hiện tại, hoặc do trước đã thấy, tướng trạng tương quan lẫn nhau, triển chuyển giống nhau.

Tự thể giống nhau: tức là kia triển chuyển có tướng giống nhau.

Nghiệp dụng giống nhau: tức là kia triển chuyển có tác dụng giống nhau.

Pháp môn giống nhau: tức là kia triển chuyển có pháp môn giống nhau. Như vô thường cùng với pháp khổ, khổ cùng với pháp vô ngã, vô ngã cùng với pháp sanh, pháp sanh cùng với pháp lão, pháp lão cùng với pháp tử. Như vậy hữu sắc vô sắc, có thấy không thấy, có đối không đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi... hết thấy vô lượng loại pháp môn như vậy triển chuyển giống nhau.

Nhân quả giống nhau: tức là kia triển chuyển hoặc nhân, hoặc quả, năng thành, sở thành triển chuyển giống nhau.



Tất cả như vậy gọi là đồng loại.

**e. Dị loại:**

Tức là sở hữu pháp này so với pháp còn lại, tướng triển chuyển chút phần cũng không giống nhau. Đây cũng có 5 chủng, nên biết trái với năm tướng trên.

**f. Hiện lượng:**

Có 3 chủng: 1. Không phải không hiện thấy được; 2. Không phải đã suy nghĩ, nên suy nghĩ; 3. Không phải cảnh giới thác loạn.

– Hiện lượng không phải không hiện thấy, có 4 chủng. Đó là: các căn không bị hư hoại, tác ý hiện tiền, vì tương ưng sanh; vì vượt quá sanh; vì không chướng ngại; vì không phải quá xa.

Tương ưng sanh: tức là các căn Dục giới ở cảnh Dục giới, các căn địa trên ở cảnh địa trên đã sanh, đã sanh hết thủy, hoặc sanh, hoặc khởi. Đây gọi là tương ưng sanh.

Vượt quá sanh: tức là các căn địa trên ở cảnh địa dưới, đã sanh... như trước đã thuyết. Đây gọi là vượt quá sanh.

Không chướng ngại: có 4 chủng: 1. Không bị che chướng làm ngăn ngại; 2. Không bị ẩn chướng

làm ngăn ngại; 3. Không bị lấn át chướng làm ngăn ngại; 4. Không bị hoặc chướng làm ngăn ngại. Che chướng làm ngăn ngại, đó là sự che chướng của hắc ám, vô minh ám, sắc ám không trong tịnh. Ẩn chướng làm ngăn ngại, tức là sự ẩn chướng của sức được thảo, hoặc sức chú thuật, hoặc sức thần thông. Lấn át chướng làm ngăn ngại, tức là vật nhỏ bé bị các vật to lớn lấn át, cho nên không thể hiện được, như vị thuốc ở trong thức uống ăn, hoặc như dầu lông... hết thấy dạng loại như vậy có vô lượng vô biên. Lại như ánh sáng nhỏ bị ánh sáng mạnh hơn lấn đoạt, nên ánh sáng nhỏ hơn không hiện hữu, như ánh sáng mặt trời lấn đoạt ánh sáng trăng sao, lại như ánh sáng mặt trăng lấn đoạt ánh sáng của các vì sao... Lại như năng trị lấn đoạt sở trị, khiến sở trị kia không thể hiện hữu. Đó là tác ý bất tịnh lấn đoạt tương tịnh; tác ý vô thường, khổ, vô ngã lấn đoạt tương thường, lạc, ngã; tác ý vô tướng lấn đoạt tất cả nhóm tướng. Hoặc chướng làm ngăn ngại, tức là sự tạo làm của huyễn hóa, hoặc sắc tướng thù thắng, hoặc tương tự như vậy, hoặc sự tạo làm bên trong như hoa mắt, hôn mộng, muội say, phóng dật, hoặc lại điên

cuồng. Đây gọi là hoặc chướng. Nếu không bị bốn chướng đây làm ngăn ngại, thì được gọi là không chướng ngại.

Không phải quá xa: tức là không phải 3 chủng xứ quá xa: 1. Xứ quá xa; 2. Thời quá xa; 3. Tổn giảm quá xa.

Tất cả như thế gọi chung là không phải không hiện thấy được, vì không phải không hiển hiện, gọi là hiện lượng.

– Hiện lượng không phải đã suy nghĩ, nên suy nghĩ, có 2 chủng: 1. Vừa nắm lấy liền thành cảnh sở y của thủ; 2. Kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ.

Vừa nắm lấy liền thành cảnh sở y của thủ: tức là nếu cảnh năng tạo tác vừa mới nắm lấy liền thành chỗ nương tựa của thủ. Ví như lương y trao thuốc cho bệnh nhân, sắc hương vị xúc thấy đều viên mãn, có thể lực lớn, thành thực uy đức. Nên biết thuốc sắc hương vị xúc đây, vừa mới nắm lấy liền thành chỗ nương tựa của thủ là chỗ uy đức thế lực lớn của thuốc. Bệnh nếu chưa lành gọi là nên suy nghĩ. Nếu bệnh đã lành gọi là đã suy nghĩ. Hết thấy loại như vậy gọi là vừa mới nắm lấy liền thành cảnh sở y của thủ.

Kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ: tức là nếu cảnh năng làm chỗ y nương của thủ kiến lập cảnh giới, như thầy Du-già ở nơi địa, tư duy thủy, hỏa, phong giới. Nếu trụ ở địa, tư duy thủy, tức trụ tướng địa chuyển thành tướng thủy. Nếu trụ ở địa, tư duy hỏa phong, tức trụ tướng địa chuyển thành tướng hỏa phong. Trong đây, tướng địa tức là kiến lập cảnh giới của thủ, địa là kiến lập cảnh giới sở y của thủ. Như trụ ở địa, thì trụ ở thủy hỏa phong, tùy theo chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Đây gọi là kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ. Trong đây kiến lập cảnh giới cảnh sở y của thủ, chẳng phải đã suy nghĩ, chẳng phải nên suy nghĩ. Các giới như địa... hiểu nếu chưa thành, gọi là nên suy nghĩ. Hiểu nếu thành tựu, gọi là đã suy nghĩ.

Như vậy gọi là hiện lượng không phải đã suy nghĩ, nên suy nghĩ.

– Hiện lượng không phải cảnh giới thác loạn: hoặc 5 chủng, hoặc 7 chủng.

Năm chủng bao gồm không phải 5 chủng cảnh giới thác loạn. Những gì là năm? 1. Tướng thác loạn; 2. Số thác loạn; 3. Hình thác loạn; 4. Hiện thác loạn; 5. Nghiệp thác loạn.

Tướng thác loạn: tức là ở nơi không phải tướng kia mà khởi tướng tướng kia. Như hươu khát nước, thấy bóng nắng khởi tướng cho là nước.

Số thác loạn: tức là ở nơi số ít mà khởi tăng thượng mạn cho là số nhiều. Như người bị hoa mắt, ở nơi một mặt trăng mà thấy nhiều bóng mặt trăng.

Hình thác loạn: tức là ở nơi hình sắc này mà tăng thượng mạn khởi cho là hình sắc khác. Như ở nơi lửa quay tròn mà tăng thượng mạn cho là hình bánh xe.

Hiển thác loạn: tức là ở nơi sự hiển sắc này mà tăng thượng mạn khởi cho là hiển sắc kia. Như bệnh ca-mạt-la làm tổn hoại căn mắt, ở nơi sắc không phải vàng mà thấy hết thấy tướng vàng.

Nghiệp thác loạn: tức là ở nơi sự việc không nghiệp mà tăng thượng mạn khởi có nghiệp. Như người chạy, thấy cây hai bên đường cũng chạy.

Bảy chủng: đó là không phải 7 chủng cảnh giới thác loạn. Những gì là bảy? Tức là 5 chủng thác loạn ở trước cộng thêm 2 chủng biến hành thác loạn, tổng cộng là 7 chủng. Những gì là hai? Tâm thác loạn và kiến thác loạn.

Tâm thác loạn: tức là ở nơi 5 chủng nghĩa

thác loạn kia, tâm sanh vui vẻ.

Kiến thác loạn: tức là ở nơi 5 chủng nghĩa thác loạn mà lãnh thọ, tuyên nói rõ ràng, sanh tướng tốt lành, chấp chặt không buông xả.

Nếu không thuộc cảnh giới thác loạn như vậy, gọi là hiện lượng.

**Hỏi:** Hiện lượng như vậy sở hữu những gì?

Đáp: Nếu nói lược thì có 4 chủng sở hữu: 1. Hiện lượng sắc căn; 2. Hiện lượng ý thọ; 3. Hiện lượng thể gian; 4. Hiện lượng thanh tịnh.

Hiện lượng sắc căn: tức là sở hành cảnh giới của năm sắc căn, như hiện lượng tướng thể đã thuyết ở trước.

Hiện lượng ý thọ: tức là sở hành cảnh giới của ý căn, như hiện lượng tướng thể đã thuyết ở trước.

Hiện lượng thể gian: tức là hai chủng trên nhưng thuyết gộp chung làm một, là hiện lượng thể gian.

Hiện lượng thanh tịnh: hiện lượng các sở hữu thể gian cũng được gọi là hiện lượng thanh tịnh. Hoặc có hiện lượng thanh tịnh, nhưng không phải hiện lượng thể gian, đó là trí xuất thế. Ở nơi cảnh sở hành, có biết là có, không biết là không, hữu

thượng biết là hữu thượng, vô thượng biết là vô thượng. Hết thấy loại như vậy, gọi là hiện lượng thanh tịnh chẳng cùng với thế gian.

**g. Tỷ lượng:**

Tức là sở hữu cảnh giới đã suy nghĩ, nên suy nghĩ, cùng với sự tư duy chọn lọc. Đây lại có 5 chủng: 1. Tỷ lượng tướng; 2. Tỷ lượng thể; 3. Tỷ lượng nghiệp; 4. Tỷ lượng pháp; 5. Tỷ lượng nhân quả.

– Tỷ lượng tướng: tùy theo sở hữu tướng trạng tương quan phụ thuộc lẫn nhau, hoặc do hiện tiền thấy được, hoặc do suy đoán ở nơi cảnh giới đã hiện ra trước. Như trước thấy cờ, suy biết ở đó có xe. Trước thấy khói, suy biết đó có lửa. Như vậy lấy vua suy ra nước. Lấy chồng suy ra vợ. Lấy sừng trâu suy biết có trâu. Lấy da dẻ mịn màng, tóc đen bóng bèn, dung sắc đẹp đẽ, không điềm tĩnh, suy biết là thiếu niên. Lấy tướng da nhăn, tóc bạc suy biết là già. Lấy chấp tự tướng, suy biết là kẻ thế tục. Lấy vui thấy bậc thánh, vui nghe chánh pháp, xa lìa xan tham, suy biết là bậc chánh tín. Lấy khéo tư duy điều nên tư duy, khéo nói điều cần nên nói, khéo làm điều phải làm, suy biết là bậc thông minh. Lấy từ bi, ái ngữ, đồng mãn vui thú, năng khéo giải

thích nghĩa thú sâu xa, suy biết là Bồ-tát. Lấy trao động lăng xăng, hý luận, ca múa, nô đùa... suy biết là kẻ chưa ly dục. Lấy các uy nghi hằng thường tịch tĩnh, suy biết là người đã ly dục. Lấy đầy đủ diệu tướng hảo của Như Lai, trí tuệ tịch tĩnh, chánh hạnh thần thông, suy biết là Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác đầy đủ nhất thiết trí. Lấy lúc già, thấy sở hữu tướng trạng ấu niên của kia, mà suy biết là kia. Hết thấy loại như vậy gọi là tỷ lượng tướng.

– Tỷ lượng thể: vì hiện thấy tánh tự thể của kia, suy biết thể không hiện thấy của vật loại kia. Hoặc hiện thấy một phần tự thể kia, suy biết phần loại còn lại của kia. Như lấy hiện tại suy biết quá khứ, hoặc lấy quá khứ suy biết vị lai, hoặc lấy sự việc gần ở hiện tại suy ra xa, hoặc lấy hiện tại suy ra vị lai. Lại như những việc ăn uống, y phục, trang sức, xe cộ... xem thấy một phần tướng của được mất, suy biết tất cả. Lại thấy một phần thành thực, suy ra phần thành thực khác. Hết thấy loại như vậy gọi là tỷ lượng thể.

– Tỷ lượng nghiệp: lấy tác dụng suy ra sở y nghiệp. Như thấy vật ở xa không lay động, có chim đậu trên đó, do hết thấy sự đây suy biết đó là gốc



cây. Nếu cũng sự việc như thế mà có lay động, suy biết là người. Nếu thấy vết chân rộng lớn, suy biết là voi. Nếu thấy thân trườn trên đường đi, suy biết là rắn. Nếu nghe tiếng hí, suy biết là ngựa. Nếu nghe tiếng rống, suy biết là sư tử. Nếu nghe tiếng gào, suy biết trâu chúa. Thấy so với mắt, nghe so với tai, hương so với mũi, nếm so với lưỡi, xúc so với thân, thức so với ý. Trong nước thấy có chướng ngại, suy biết có đất. Nếu thấy xứ đây cỏ cây tươi nhuần, hoa lá xanh tốt, suy biết có nước. Nếu thấy tro nóng, suy biết có lửa. Nếu thấy rừng cây xao động, suy biết có gió. Nếu thấy người mắt nhắm, cầm gậy dò hỏi người, đi vấp té, lạc mất đường... các việc như vậy, suy biết là người mù. Nói lớn tiếng, nghiêng tai nghe, suy biết là điếc. Chánh tín, thông tuệ, ly dục, chưa ly dục, Bồ-tát, Như Lai, tất cả như vậy lấy nghiệp để so sánh, nên biết như trước.

– Tỷ lượng pháp: lấy pháp gần nhau, tương quan phụ thuộc lẫn nhau, so sánh suy ra các pháp gần nhau khác, tương quan phụ thuộc lẫn nhau. Như lấy pháp thuộc vô thường, suy biết có khổ. Lấy pháp thuộc khổ, suy ra không, vô ngã. Lấy pháp thuộc sanh, suy ra có pháp lão. Lấy pháp

thuộc lão suy ra pháp chết. Lấy pháp thuộc hữu sắc, có thấy, có đối, suy ra có nơi chốn và có hình chất. Lấy pháp thuộc hữu lậu suy ra biết có khổ, thuộc vô lậu suy biết không khổ; thuộc hữu vi, suy biết pháp của sanh, trụ, dị, diệt; thuộc vô vi, suy biết không sanh, trụ, dị, diệt. Hết thấy loại như vậy gọi là tỷ lượng pháp.

– Tỷ lượng nhân quả: lấy tướng nhân quả triển chuyển so sánh với nhau. Như thấy có đi, suy ra đến phương khác; thấy đến phương khác, suy ra trước có đi. Nếu thấy có người như pháp thờ vua, suy ra biết đang thọ bổng lộc, tước vị to lớn; thấy có lộc vị to lớn, suy ra biết trước như pháp thờ vua. Nếu thấy có người tạo tác nghiệp thiện, suy biết ắt sẽ thu được giàu sang; thấy người tiền của giàu sang, suy biết trước đã tạo tác nghiệp thiện. Nếu trước thấy tu tập thiện hạnh, ác hạnh, suy biết sẽ có sự hưng thịnh, tổn giảm; thấy có sự hưng thịnh, tổn giảm, suy biết trước tạo làm thiện hạnh, ác hạnh. Nếu thấy ăn uống đầy đủ suy biết no nê; thấy có sự no nê, suy biết có uống ăn đầy đủ. Nếu thấy có người ăn uống không điều hòa, suy biết người đó sẽ có bệnh; hiện thấy có bệnh, suy ra biết

là người ăn uống không điều hòa. Nếu thấy có người tinh lự, suy biết ly dục; thấy người ly dục, suy biết có tinh lự. Nếu thấy người tu đạo, suy ra biết sẽ thành tựu chứng quả Sa-môn; thấy có người chứng quả Sa-môn, suy biết tu đạo. Hết thấy loại như vậy nên biết gọi chung là tỷ lượng nhân quả.

Tất cả như vậy gọi là tỷ lượng.

**h. Chánh giáo lượng:**

Đó là ngôn giáo sở thuyết của bậc nhất thiết trí, hoặc từ người kia được nghe, hoặc theo pháp của kia. Đây có 3 chủng: 1. Không trái với thánh ngôn; 2. Năng trị tạp nhiễm; 3. Không trái pháp tướng.

Không trái với thánh ngôn: là những lời dạy của Thánh đệ tử, hoặc kinh giáo Phật thuyết, triển chuyển lưu bố đến nay, không trái với chánh pháp, không lia chánh nghĩa.

Năng trị tạp nhiễm: tức là theo pháp đây khéo tu tập, năng vĩnh viễn điều phục tất cả phiền não tham sân si... và tùy phiền não.

Không trái với pháp tướng: ngược lại với trái pháp tướng, nên biết tức là không trái pháp tướng.

Những gì gọi là trái pháp tướng? Như ở nơi không tướng lại thêm là có tướng, như chấp có

ngã, hữu tình, mạng, sanh... hết thấy loại như vậy. Hoặc thường hoặc đoạn, hoặc hữu sắc hoặc vô sắc... hết thấy loại như vậy.

Hoặc ở nơi tướng lại giảm làm không tướng. Hoặc ở nơi quyết định mà lập là bất định. Như tất cả hành đều là vô thường, tất cả hữu lậu đều là tánh khổ, tất cả pháp đều không, vô ngã, mà lại vọng kiến lập một phần là thường, một phần vô thường, một phần là khổ, một phần không phải khổ, một phần có ngã, một phần vô ngã. Đối với pháp Đức Phật đã chế lập, không thể ghi nhớ mà lại tìm cầu phân biệt ghi nhớ, cho là có thể ghi nhớ hoặc an lập ghi nhớ.

Hoặc ở nơi bất định mà kiến lập là định. Như chấp tất cả thọ lạc đều là chỗ tùy miên của tham, tất cả thọ khổ đều là chỗ tùy miên của sân, tất cả thọ không khổ không lạc đều là chỗ tùy miên của si, tất cả thọ lạc đều là hữu lậu, tất cả lạc cùng với suy nghĩ cố tạo nghiệp, một hướng quyết định thọ khổ dị thực... Hết thấy loại như vậy.

Hoặc ở trong pháp có tướng, không tướng sai khác mà kiến lập sai khác, có tướng sai khác mà lập là không sai khác. Như ở nơi tướng hữu vi

không có sự sai khác, ở trong vô vi cũng lại kiến lập; ở nơi pháp vô vi tướng không sai khác, ở trong pháp hữu vi cũng lại kiến lập. Ở nơi hữu vi vô vi như vậy, thì ở nơi hữu sắc vô sắc, có thấy không thấy, có đối không đối, hữu lậu vô lậu... tùy theo chỗ thích hợp đều nên rõ biết.

Lại ở nơi có tướng, không như chánh lý lập tướng nhân quả. Như lập diệu hạnh chiêu cảm quả bất ái, lập các ác hạnh chiêu cảm quả khả ái. Kế chấp cho là trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da tích tập các tà hạnh, năng được thanh tịnh; trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da tu hành chánh hạnh, cho là tạp nhiễm. Ở nơi tướng không thật, đem giả ngôn thuyết lập tướng chân thật; ở nơi tướng chân thật, đem giả ngôn thuyết mà an lập chủng chủng. Ở trong tất cả pháp lừa dối, mà kiến lập lời nói, thuyết đệ nhất nghĩa. Hết thấy loại như vậy gọi là trái pháp tướng.

Trái với tướng trên, tức là không trái pháp tướng, đây gọi là chánh giáo.

**Hỏi:** Nếu tự tướng tất cả pháp thành tự, mỗi mỗi đã tự an lập ở trong pháp tánh, vì nhân duyên gì kiến lập hai chủng nghĩa được thành lập?

Đáp: Vì muốn khiến người sanh *tin hiểu*, chẳng phải khiến sanh *thành tướng* các pháp tánh.

**Hỏi:** Vì muốn thành tựu nghĩa được thành lập, có sao trước lập tông?

Đáp: Vì trước hiển nghĩa tông mà mình yêu thích.

**Hỏi:** Có sao kể đến biện nhân?

Đáp: Vì muốn khai hiển quyết định đạo lý nương theo sự việc hiện thấy, vì khiến người nhiếp thọ sở lập nghĩa tông.

**Hỏi:** Có sao kể đến dẫn dụ?

Đáp: Vì muốn nương tựa vào sự việc hiện thấy hiển thị năng thành đạo lý.

**Hỏi:** Có sao sau thuyết đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng, chánh giáo?

Đáp: Vì muốn khai thị trí trái nhau, không trái nhau của hai chủng nhân và dụ.

Lại trái nhau do 2 nhân duyên: 1. Vì không quyết định; 2. Vì đồng sở thành. Trái nhau, tức là ở nơi việc thành tựu nghĩa tông được lập, không thể lấy làm cái để so lường, nên không được gọi là lượng.

Không trái nhau cũng do 2 nhân duyên: 1. Vì

quyết định; 2. Vì khác sở thành. Không trái nhau, tức là ở nơi việc thành tựu nghĩa tông được lập, có thể dùng để so lường, nên gọi là lượng.

Tất cả những điều trên gọi là luận sở y.

**4. Luận trang nghiêm:** Luận đây lược có 5 chủng: **a.** Khéo đối với tông mình, người; **b.** Lời nói đầy đủ viên mãn; **c.** Vô úy; **d.** Đôn hậu trang nghiêm; **e.** Ứng cúng.

**a. Khéo ở nơi tông mình, người:** Như có người hoặc ở trong pháp Tỳ-nại-da đây sanh sâu vui thích, tức ở nơi tông chỉ của luận này đọc tụng thọ trì, lắng nghe tư duy, tu hành thuần thực, đã thuần thiện, đã tuyên thuyết, đã được sáng tỏ. Hoặc kia ở nơi pháp Tỳ-nại-da không vui không thích, nhưng vẫn ở nơi tông chỉ của luận kia đọc tụng thọ trì, nghe nghĩ thuần thực, mà chẳng tu hành. Tuy nhiên cũng đã thuần thiện, đã tuyên nói, đã được sáng tỏ. Đây gọi là khéo ở nơi tông mình người.

**b. Lời nói đầy đủ viên mãn:** Phạm có tuyên nói đều phải dùng âm thanh, chẳng thể không dùng âm thanh. Những gì là âm thanh? Đó là đầy đủ 5 đức tính thì được gọi là âm thanh: 1. Không

thô xấu; 2. Dễ dàng; 3. Mạnh mẽ trong sáng; 4. Tương ứng; 5. Nghĩa thiện.

Không thô xấu: tức là không dùng những ngôn từ địa phương thô thiển.

Dễ dàng: tức là nếu có tuyên nói đều dùng ngôn từ thông dụng của thế gian.

Mạnh mẽ trong sáng: tức là nương nghĩa mà kiến lập ngôn từ, năng thành tựu nghĩa kia, thiện xảo diệu khéo mạnh mẽ.

Tương ứng: tức là nghĩa pháp trước sau phù hợp với nhau, không phân tán rời rạc.

Nghĩa thiện: tức là năng dẫn phát sanh thù thắng, định thù thắng không có điên đảo.

Lại luận âm thanh đây, do 9 chủng lời nói được đầy đủ viên mãn: 1. Không tạp loạn; 2. Không thô ác; 3. Biện biệt phân minh; 4. Có hạn lượng; 5. Tương ứng với nghĩa; 6. Đúng thời; 7. Xác quyết; 8. Hiển rõ; 9. Tương tục.

Tất cả tướng như vậy gọi chung là lời nói đầy đủ viên mãn.

**c. Vô úy:** Như có người đối giữa chúng đông người, chúng tạp, chúng loạn, chúng chấp, chúng chân thật, chúng thiện lành... nơi tâm không hạ



liệt lo sợ, thân không toát mồ hôi, sắc mặt không lo sợ, phát âm không ngượng nghịu, lời nói không khiếp nhược. Người thuyết như vậy gọi là vô úy.

**d. Đôn hậu uy nghiêm:** Như có người đờ đùng thời mới thuyết mà không vội bạo. Đây gọi là đôn hậu uy nghiêm.

**e. Ứng cúng:** Như có người tánh điều nhu lành thiện, không xúc não người, trọn chẳng trái vượt các bậc điều nhu hiền thiện. Tùy thuận theo tâm người mà khởi lời nói đúng thời, đúng việc, như thật năng dẫn nghĩa lợi, ngôn từ nhu nhuyễn như đối với bạn lành. Đây gọi là ứng cúng.

Nếu có người nương 5 điều trang nghiêm của luận đây mà phát khởi ngôn luận, nên biết có 27 chủng khen ngợi tán thán công đức. Những gì là 27 chủng? 1. Được mọi người kính trọng; 2. Lời nói được tín thọ; 3. Ở trong đại chúng không sợ hãi; 4. Ở nơi tông chỉ của người, nhạy bén tinh tế biết được những kẽ hở; 5. Ở nơi tông chỉ của mình, biết rõ công đức thù thắng; 6. Không có kiến chấp nhỏ hẹp, đối với luận đã thọ lãnh không có phe phái; 7. Ở nơi chánh pháp và Tỳ-nại-da của mình, không thể bị dẫn đoạt; 8. Đối với sở thuyết của người, chóng

năng liễu ngộ; 9. Đối với sở thuyết của người, chóng năng lãnh thọ; 10. Đối với sở thuyết của người, chóng năng đối đáp; 11. Ngôn ngữ đầy đủ đức khiến mọi người đều vui thích; 12. Luận đầy sáng tỏ khá dễ tin hiểu; 13. Năng khéo léo tuyên nói giải thích nghĩa cú văn tự; 14. Khiến thân không mệt mỏi; 15. Khiến tâm không mệt mỏi; 16. Lời nói không lặp bấp rít rắm; 17. Biện tài vô tận; 18. Thân không trì trệ; 19. Không quên mất niệm; 20. Tâm không bị tổn não; 21. Yết hầu không bị tổn hại; 22. Phạm sự việc nói ra phân minh dễ hiểu; 23. Khéo hộ tự tâm khiến không phần nộ; 24. Khéo thuận tâm người khiến không nóng giận; 25. Khiến kẻ đối luận tâm sanh tịnh tín; 26. Phạm có hành động không lấy oán đối; 27. Danh xưng rộng lớn, tiếng lưu bố khắp mười phương, thế gian đều truyền tụng.

Đại pháp sư đây thuộc trong hàng những bậc Đại sư. Như kẻ thọ dục đem hết thủy báu vật mặt-ni, chân châu, lưu ly... để bên cạnh những báu vật như vòng xuyên để tự trang nghiêm cho mình, khiến uy đức thêm sáng rõ, quang minh soi chiếu khắp nơi. Cũng vậy, bậc luận giả dùng 27 chủng xưng tán công đức đặt bên cạnh 5 chủng luận trang

nghiêm này, lấy đây tự trang nghiêm khiến uy đức thêm sáng rõ, quang minh soi chiếu khắp. Cho nên gọi là luận trang nghiêm.

Đây gọi là luận trang nghiêm.

**5. Luận rơi vào thua cuộc:** Có 3 chủng: **a.** Xả bỏ lời nói; **b.** Lời nói chịu khuất; **c.** Lời nói lỗi.

**a. Xả bỏ lời nói:** Tức là người lập luận dụng 13 chủng từ để tạ với người đối luận, xả bỏ luận đã nói. Những gì gọi là 13 chủng từ? Đó là người lập luận nói rõ với người đối luận rằng: Luận của tôi bất thiện. Luận của ông là thiện. Tôi quán bất thiện. Ông quán thiện. Luận của tôi không có lý. Luận của ông có lý. Luận của tôi không đủ khả năng. Luận của ông có đủ khả năng. Luận của tôi bị bẻ gãy. Luận của ông được thành lập. Biện tài của tôi rốt chỉ đến đây, quá đây trở lên phải khéo suy nghĩ so lường mới vì ông nói. Vả lại, bỏ qua sự việc này, tôi không nói lại.

Dụng 13 chủng từ như vậy để tạ đối với người đối luận, xả bỏ luận đã nói. Vì xả bỏ luận đã nói, nên biết luận mình bị phá. Vì bị người thắng, rơi phía sau người, bị người kia khuất phục. Cho nên

xả bỏ lời nói gọi là rơi vào chỗ thua cuộc.

**b. Lời nói chịu khuất:** Người lập luận bị người đối luận khuất phục, hoặc giả mượn sự việc khác phương tiện mà thối lui, hoặc dẫn lời bên ngoài, hoặc biểu hiện sự phát giận, hoặc biểu hiện sự sân khúe, hoặc biểu hiện sự kiêu mạn, hoặc biểu hiện sự che giấu, hoặc biểu hiện sự não hại, hoặc biểu hiện sự không thể kham nhẫn, hoặc biểu hiện sự bất tín, hoặc lại im lặng, hoặc lại buồn bã, hoặc rút vai cúi mặt, hoặc đối lời trầm tư.

Giả mượn sự việc khác phương tiện mà thối lui: tức là xả luận đã kiến lập trước, lại mượn tông chỉ khác. Xả bỏ nhân, dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo lượng trước đã kiến lập, liền mượn nhân cho đến chánh giáo khác.

Dẫn lời bên ngoài: tức là xả bỏ các nội dung của luận đã kiến lập, mà nói đến các vấn đề khác như ăn uống, vua quan, đạo tặc, đường sá, ca hát, dơ bẩn... giả mượn duyên bên ngoài để xả bỏ những vấn đề căn bản đã lập, tránh đi sự vấp nạn của người.

Biểu hiện sự phát giận: tức là dùng những lời thô ác không nhường nhịn để xua đuổi người đối luận.

Biểu hiện sự sân khuê: tức là dùng những lời oán trách, trả thù đối với người đối luận.

Biểu hiện sự kiêu mạn: tức là dùng lời nói của hạng người ti tiện để hủy báng người đối luận.

Biểu hiện sự che giấu: tức là dùng lời nói để phôi bày những điều xấu ác mà người che giấu, để nêu cử người đối luận.

Biểu hiện sự nảo hại: tức là dùng lời nói bạo ngược để mắng chửi người đối luận.

Biểu hiện sự không thể kham nhẫn: tức là dùng lời nói oán ghét để khủng bố người đối luận.

Biểu hiện sự bất tín: tức là dùng lời nói hủy hoại công hạnh để bài báng người đối luận.

Hoặc im lặng: tức là ngữ nghiệp lặng dứt. Hoặc buồn bã: tức là ý nghiệp buồn nảo.

Hoặc rút vai cúi mặt: tức là thân nghiệp nghiêm nghị mà héo hon, ủ rũ, tiều tụy.

Hoặc đốid lời, trầm tư: tức là biện tài đều cạn kiệt.

Do 13 chủng sự việc đây, nên biết là lời nói chịu khuất phục. Hai loại trước là loại vọng ngôn, kiêu loạn; bảy loại giữa phát khởi tà hành; bốn loại sau cùng là kế chấp hành. Đây gọi là lời nói

chịu khuất, rơi vào chỗ thua cuộc.

**c. Lời nói lỗi:** Tức là người lập luận bị rơi vào 9 chủng lời nói nhiễm ô quá thất, nên gọi là lời nói có lỗi lầm. Những gì là chín? 1. Tạp loạn; 2. Thô kém; 3. Không biện biệt rõ; 4. Không có hạn lượng; 5. Tương ứng phi nghĩa; 6. Không đúng thời; 7. Không xác quyết; 8. Không hiển rõ; 9. Không tương tục.

Tạp loạn: tức là xả bỏ những vấn đề đang luận, dùng lời nói khác xen vào.

Thô kém: tức là phát giận cáu bẳn và bực bội nóng nảy.

Không biện biệt rõ: tức là hoặc pháp hoặc nghĩa, đại chúng và người đối luận không thể lãnh ngộ.

Không có hạn lượng: tức là nghĩa được nói đến có ngôn từ nặng nề trùng lặp, hoặc lại giảm bớt.

Tương ứng phi nghĩa, nên biết đây có 10 chủng: 1. Vô nghĩa; 2. Trái nghĩa; 3. Tổn hại lý; 4. Cùng ngang sở thành; 5. Chiêu tập quá khó; 6. Không được nghĩa lợi; 7. Nghĩa không có thứ tự; 8. Nghĩa không quyết định; 9. Thành lập năng thành; 10. Thuận theo những điều không xứng lý, các luận tà ác.

Không đúng thời: tức là những điều nên nói, trước sau không có thứ tự.

Không xác quyết: tức là kiến lập rồi lại hủy bỏ, hủy bỏ rồi lại lập, thay đổi mau chóng, khó có thể rõ biết.

Không hiển rõ: tức là lời chê trách khinh thường, chưa lãnh hội mà trả lời; trước dùng điển ngữ, sau dùng tục ngữ; hoặc trước dùng tục ngữ, sau dùng điển ngữ.

Không tương tục: tức là ở khoảng giữa ngôn từ bị đứt đoạn.

Phạm có luận bàn, nếu phạm vào 9 lỗi đây gọi là lời nói lỗi, rơi vào chỗ thua cuộc.

**6. Luận xuất ly:** Người lập luận trước nên lấy 3 chủng quan sát để quán sát gốc luận, rồi mới hưng khởi hoặc không hưng khởi ngôn luận, gọi là luận xuất ly.

Ba chủng quán sát: **a.** Quán sát được mất; **b.** Quán sát thời chúng; **c.** Quán sát thiện xảo và không thiện xảo.

**a. Quán sát được mất:** Đó là người lập luận, lúc chuẩn bị hưng khởi gốc luận, trước nên quán sát: “Luận mà ta lập sẽ không làm tổn mình, sẽ không làm tổn người, sẽ không làm tổn cả hai

chứ? Không sanh tội ở hiện pháp, không sanh tội ở hậu pháp, không sanh tội ở hiện pháp và hậu pháp chứ? Không khiến thân tâm dấy khởi các khổ nhiều loạn chứ? Không khiến do đây mà phát khởi việc cầm nắm dao gậy, đấu tranh kiện tụng, siểm cuống vọng ngữ chứ? Sẽ không có chủng chủng ác bất thiện pháp sanh trưởng chứ? Chẳng phải không có sự lợi ích an lạc hoặc cho mình hoặc cho người và cho nhiều người chứ? Chẳng phải không thương xót các thế gian chứ? Chẳng do nguyên nhân đây chư thiên, người đời không được nghĩa lợi, không được an lạc chứ?”. Người lập luận kia lúc quán sát như vậy, nếu tự biết rõ luận mình lập đây năng tự tổn mình, cho đến trời người không được nghĩa lợi, cũng không được an lạc, liền tự tư duy khích lệ không nên lập luận. Ngược lại, sau khi quán sát tự biết rõ việc kiến lập luận của mình không làm tổn mình, cho đến năng dẫn nghĩa lợi trời người cùng với an lạc, bèn tự tư duy gắng sức lập chánh luận. Đây gọi là luận xuất ly tướng tạo, không tạo thứ nhất.

**b. Quán sát thời chúng:**

Người lập luận lúc mới hưng khởi gốc luận, nên



khéo quán sát: “Chúng hội hiện tiền có chấp nhỏ hẹp hay không chấp nhỏ hẹp? Là hiền chánh hay không hiền lương chân chánh? Là có thiện xảo hay là không có thiện xảo?”.

Lúc quán như vậy, nếu rõ biết chúng hội chỉ có hạng chấp nhỏ hẹp, chẳng phải không chấp nhỏ hẹp; chỉ có hạng không hiền lương chân chánh, không có hiền lương chân chánh; chỉ có hạng không thiện xảo, không có thiện xảo. Liên tự tư duy: “Không nên lập luận ở trong chúng đây”.

Nếu rõ biết chúng hội đây không hạng người chấp nhỏ hẹp, không phải có chấp nhỏ hẹp; chỉ hạng có hiền lương chân chánh, không có không hiền lương chân chánh; chỉ có hạng người thiện xảo, không có không thiện xảo. Liên tự tư duy khích lệ: “Phải nên lập luận trong chúng đây”. Đây gọi là luận xuất ly tướng tạo, không tạo thứ hai.

**c. Quán sát thiện xảo, không thiện xảo:** Tức là người lập luận lúc chuẩn bị hưng khởi gốc luận, nên tự quán sát thiện cùng với bất thiện: “Ta ở nơi luận thể tánh, luận xứ sở, luận sở y, luận trang nghiêm, luận rơi vào chỗ thua và luận xuất ly, là thiện xảo hay không được thiện xảo? Ta có đủ

năng lực để kiến lập luận mình và bẻ gãy luận người chẳng? Lúc luận bàn bị thua, ta năng thoát khỏi chẳng?”. Lúc quán như vậy, nếu tự rõ biết mình không đủ thiện xảo, chẳng phải thiện xảo, không đủ năng lực, chẳng phải có năng lực, liền tự tư duy: “Không nên lập luận cùng với các luận giả khác”. Nếu tự rõ biết mình có đủ thiện xảo, chẳng phải không thiện xảo, có đủ năng lực, chẳng phải không đủ năng lực, liền tự suy nghĩ khích lệ: “Cần phải lập luận với các luận giả khác”. Đây gọi là luận sự xuất ly tướng tạo, không tạo thứ ba.

**7. Luận nhiều sở tác pháp:** Đây có 3 chủng ở nơi luận được lập có nhiều sở tác pháp: **a.** Khéo đối với tông mình, tông người; **b.** Đồng mãnh vô úy; **c.** Biện tài không cạn kiệt.

**Hỏi:** Ba pháp như vậy ở nơi luận được lập, có sao gọi là có nhiều sở tác?

**Đáp:** Vì khéo rõ biết tông mình người, nên ở nơi tất cả pháp năng khởi đàm luận. Vì đồng mãnh vô úy, nên ở trong tất cả chúng năng khởi đàm luận. Vì biện tài không cạn kiệt, nên tùy theo sự vấn nạn đều khéo đáp trả. Cho nên, ba pháp đây

đối với chỗ lập luận có nhiều sở tác.

Như vậy đã thuyết Nhân minh xứ.

#### **D. Thanh minh xứ:**

Nên biết xứ đây lược có 6 tướng: **1.** Tướng pháp thi thiết kiến lập; **2.** Tướng nghĩa thi thiết kiến lập; **3.** Tướng bổ-đặc-già-la thi thiết kiến lập; **4.** Tướng thời thi thiết kiến lập; **5.** Tướng số thi thiết kiến lập; **6.** Tướng xứ sở, căn tài thi thiết kiến lập.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Pháp, nghĩa, số thủ thú,*

*Thời, số, cùng xứ sở,*

*Hoặc sở y căn tài,*

*Đây lược tướng Thanh minh.*

**1. Pháp thi thiết kiến lập:** Danh thân, cú thân, văn thân cùng âm thanh tương ứng 5 đức tính: 1. Không thô xấu; 2. Dễ dàng; 3. Mạnh mẽ trong sáng; 4. Tương ứng; 5. Nghĩa thiện.

**2. Nghĩa thi thiết kiến lập:** Lược có 10 chủng: 1. Căn kiến lập; 2. Đại chủng kiến lập; 3. Nghiệp kiến lập; 4. Tâm cầu kiến lập; 5. Phi pháp kiến

lập; 6. Pháp kiến lập; 7. Hưng thịnh kiến lập; 8. Suy tổn kiến lập; 9. Thọ dụng kiến lập; 10. Phòng giữ kiến lập.

Ốt-Đà-Nam nói :

*Nhãn thấy và địa thấy  
Thân thấy và tâm cầu,  
Phi pháp, pháp, hưng thịnh,  
Suy tổn, thọ dụng, phòng.*

Căn kiến lập: là nghĩa thấy, nghĩa nghe, nghĩa ngửi, nghĩa nếm, nghĩa xúc, nghĩa biết.

Đại chủng kiến lập: là nghĩa nương giữ, nghĩa tươi nhuận, nghĩa chiếu soi, nghĩa động lay...

Nghiệp kiến lập: là nghĩa đến đi, nghĩa tuyên thuyết, nghĩa suy nghĩ, nhớ niệm, quán sát, hiểu biết...

Tâm cầu kiến lập: là nghĩa tìm cầu, truy xét.

Phi pháp kiến lập: là nghĩa sát sanh, trộm cắp...

Pháp kiến lập: là nghĩa thí, giới...

Hưng thịnh kiến lập: là nghĩa chứng đắc hỷ duyệt.

Suy tổn kiến lập: là nghĩa phá hoại, sợ hãi, ưu buồn...

Thọ dụng kiến lập: là nghĩa ăn uống, che chướng, gìn giữ, thọ hành...

Phòng giữ kiến lập: là nghĩa nuôi dưỡng đầy đủ, sung túc.

Lại lược nói có 6 chủng nghĩa: 1. Nghĩa tự tánh; 2. Nghĩa nhân; 3. Nghĩa quả; 4. Nghĩa tác dụng; 5. Nghĩa tương ứng sai biệt; 6. Nghĩa chuyển.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Tự tánh, cùng nhân, quả,  
Tác dụng, tương ứng, chuyển.*

**3. Bồ-đặc-già-la thi thiết kiến lập:** Kiến lập tướng âm thanh nam, nữ, phi nam, phi nữ sai khác. Hoặc lại kiến lập tướng thanh của bậc hạ sĩ, trung sĩ, thượng sĩ sai khác.

**4. Thời thi thiết kiến lập:** Có 3 tướng âm thanh thời sai khác: 1. Quá khứ, quá khứ thù thắng; 2. Vị lai, vị lai thù thắng; 3. Hiện tại, hiện tại thù thắng.

**5. Số thi thiết kiến lập:** Có 3 tướng âm thanh số sai khác: số một, số hai và số nhiều.

**6. Xứ sở, căn tài thi thiết kiến lập:** Nên biết xứ sở lược có 5 chủng: 1. Tương tục; 2. Danh hiệu; 3. Tổng lược; 4. Ích lợi của kia; 5. Tuyên thuyết. Hoặc giới, tụng... gọi là căn tài. Hai chủng như vậy gọi chung là kiến lập xứ sở, căn tài.

Như vậy đã thuyết Thanh minh xứ.

### **E. Công nghiệp minh xứ:**

Ở nơi 12 xứ, lược nói sở hữu diệu trí những nghề nghiệp công xảo, gọi là công nghiệp minh xứ. Những gì là 12 công nghiệp xứ? Đó là công nghiệp doanh nông, công nghiệp thương mại, công nghiệp việc vua, công nghiệp tính toán, sổ sách, đo lường, in ấn, công nghiệp xem tướng, công nghiệp chú thuật, công nghiệp xây dựng, công nghiệp sanh thành, công nghiệp phòng tà, công nghiệp hòa hợp, công nghiệp thành thực, công nghiệp âm nhạc.



## Quyển 16

### Thứ 11. TƯ SỞ THÀNH ĐỊA

#### Phần 1

Như vậy đã thuyết Văn sở thành địa. Sao gọi là *Tư sở thành địa*? Nếu nói lược thì do 3 chủng tướng: **A.** Do tự tánh thanh tịnh; **B.** Do tư trạch sở tri; **C.** Do tư trạch các pháp.

#### **A. Tự tánh thanh tịnh:**

Do 9 chủng tướng: 1. Như có người một mình ở chốn không nhà, tư duy quán xét thẳm sâu, như điều đã được nghe, như điều đã thấu đạt, suy xét đạo lý các pháp; 2. Xa lìa tất cả điều không nên tư duy và tư duy tỉ mỉ thẳm sâu điều nên tư duy; 3. Năng khéo rõ biết cách thuyết bằng im lặng và thuyết bằng tiếng lớn; 4. Phạm điều tư duy chỉ nương nơi nghĩa, không nương nơi văn; 5. Đối với pháp chỉ sanh tín giải ít phần, tức ở nơi ít phần pháp ấy dùng tuệ quán sát; 6. Bền bỉ tư duy; 7. An trụ tư duy; 8. Tương tục tư duy; 9. Đối với điều đã

tư duy năng khéo rớt ráo, trọn không giữa đường nhằm chán, sợ hãi, thối chí, khuất phục. Do 9 tướng đây gọi là thanh tịnh thiện tịnh tư duy.

### **B. Tư trạch sở tri:**

Đó là khéo tư duy chọn lọc nghĩa được quán sát.

Những gì gọi là nghĩa được quán sát? Tức là ở nơi pháp có, rõ biết tướng có; ở nơi pháp không phải có, rõ biết tướng không. Như vậy gọi là nghĩa được quán sát.

**1. Quán sát pháp có:** Nên biết pháp đây lược có 5 chủng: **a.** Pháp có tự tướng; **b.** Pháp có cộng tướng; **c.** Pháp có giả tướng; **d.** Pháp có tướng nhân; **e.** Pháp có tướng quả.

**a. Những gì gọi là pháp có tự tướng?** Nên biết pháp đây lược có 3 chủng: 1. Có tướng thắng nghĩa; 2. Có tướng tướng trạng; 3. Có tướng hiện tại.

Có tướng thắng nghĩa: tức là trong các pháp, nghĩa là lời nói; là sở hành cảnh giới của trí xuất thế gian; là tướng phi an lập.

Có tướng tướng trạng: do nương 4 chủng quán sát tướng trạng: 1. Ở xứ ấy có được tên như vậy; 2.



Ở xứ ấy có được sự việc như vậy; 3. Tên gọi đây, sự việc đây, không phải không được xác định; trong đây không được xác định là vì nguyên nhân mê loạn, hoặc vì vô thường; 4. Tên gọi đây, sự việc đây tùy chuyển không bị ngăn ngại, không phải hoặc ở xứ đây tùy chuyển, hoặc ở xứ đây thối hoàn.

Có tướng hiện tại: tức là nếu đã sanh và tánh nhân quả.

Tất cả như vậy hợp chung làm một, gọi là pháp có tự tướng.

**b. Những gì gọi là pháp có cộng tướng?** Nên biết tướng đây lại có 5 chủng: 1. Cộng tướng chủng loại; 2. Cộng tướng do thành tựu sở tác; 3. Cộng tướng của tất cả hành; 4. Cộng tướng của tất cả hữu lậu; 5. Cộng tướng của tất cả pháp.

Cộng tướng chủng loại: tức là mỗi chủng loại riêng biệt như sắc, thọ, tưởng, hành, thức hợp chung làm một, gọi là cộng tướng chủng loại.

Cộng tướng do thành tựu sở tác: tức là pháp thiện hữu lậu, đối với sự chiêu cảm quả ái, do năng thành xong việc làm cộng tướng, gọi là cộng tướng. Pháp thiện hữu lậu đối với sự chiêu cảm quả ái như vậy, thì pháp bất thiện đối với sự chiêu cảm quả phi

ái; niệm trụ, chánh thắng, thân túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, các pháp trợ Bồ-đề phân đối với sự chiêu cảm đặc Bồ-đề, do năng thành xong việc làm cộng tướng gọi là cộng tướng, nên biết cũng vậy.

Cộng tướng của tất cả hành: tức là tướng của tất cả hành tánh vô thường.

Cộng tướng của tất cả hữu lậu: tức là tướng hành hữu lậu tánh đều là khổ.

Cộng tướng tất cả pháp: tức là tướng của tất cả pháp, tánh không, vô ngã.

Tất cả như vậy hợp chung làm một, gọi là pháp có cộng tướng.

*c. Những gì gọi là pháp có giả tướng? Đó là nếu ở xứ đây lược có 6 chủng ngôn luận sanh khởi, nên biết xứ đây gọi là có giả tướng. Những gì gọi là 6 chủng ngôn luận? 1. Ngôn luận tương ưng có chủ; 2. Ngôn luận xa lìa đây kia; 3. Ngôn luận chúng cộng thi thiết; 4. Ngôn luận các pháp tụ tập; 5. Ngôn luận không khắp tất cả; 6. Ngôn luận không phải thường.*

- Ngôn luận tương ưng có chủ: là các ngôn luận phối hợp với chủ mới hiểu được tướng ấy, không thể không có chủ. Như nói khi sanh, sanh

của ai đây? Đợi có chủ mới phát khởi ngôn luận đây: Đó là sanh của sắc, sanh của thọ, tưởng, hành, thức. Không phải như lúc đã có sắc sanh mà nói sắc của ai đây, đây không cần đợi có chủ mới phát khởi ngôn luận. Sanh như vậy, thì lão, trụ, vô thường... tâm không tương ưng hành, tùy chỗ thích hợp phải nên biết tường tận. Đây gọi là ngôn luận tương ưng có chủ. Nếu ở xứ đây khởi ngôn luận đây, nên biết xứ đây là có giả tướng.

- Ngôn luận xa lìa đây kia: tức là các ngôn luận không phải lấy đây để hiển đây, cũng không phải lấy kia để hiển kia. Đây gọi là ngôn luận xa lìa đây kia.

Ngôn luận lấy đây hiển đây: là ngôn luận ở nơi xứ thật tướng chuyển, cũng ở nơi xứ giả tướng chuyển.

Ngôn luận lấy kia hiển kia: cũng là ngôn luận ở nơi xứ thật tướng chuyển, cũng ở nơi xứ giả tướng chuyển.

Ngôn luận không phải lấy đây hiển đây, cũng không phải lấy kia hiển kia: là ngôn luận một hướng ở nơi xứ giả tướng chuyển.

Sao gọi ngôn luận lấy đây hiển đây là ở nơi xứ

thật tướng chuyển? Như nói sự rắn chắc của đất.

Sao gọi ngôn luận lấy đây hiển đây là ở nơi xứ giả tướng chuyển? Như nói sự tròn của đá.

Như sự rắn chắc của đất, sự tròn của đá, thì sự ẩm ướt của nước, sự giọt của dầu, sự ấm của lửa, sự cháy bùng của ngọn lửa, sự lay động của gió, sự khua của gió lốc, nên biết cũng vậy.

Sao gọi là ngôn luận lấy kia hiển kia, ở nơi xứ thật tướng chuyển? Như nói nhận biết của mắt, cảm xúc của thân... hết thấy như vậy.

Sao gọi ngôn luận lấy kia hiển kia là ở nơi xứ giả tướng chuyển? Như nói sự uống ăn, xe cộ, y phục, đồ trang sức... là những tên gọi mà Phật dùng chỉ các đức tính khác nhau.

Sao gọi ngôn luận không phải lấy đây hiển đây, cũng không phải lấy kia hiển kia là một hương ở nơi xứ giả tướng chuyển? Như nói cửa của nhà, tường của nhà, miệng của bình, bụng của hũ, xe của quân, cây của rừng, ba của mười, mười của một trăm... Hết thấy loại như vậy gọi là ngôn luận xa lìa đây kia.

- Ngôn luận chúng cộng thi thiết: đó là ở nơi ngôn thuyết giả lập ngôn luận tự tánh của 6 chủng

tướng trạng: 1. Tướng trạng sự; 2. Tướng trạng sở thức; 3. Tướng trạng tịnh diệu; 4. Tướng trạng nhiều ích; 5. Tướng trạng ngôn thuyết; 6. Tướng trạng tà hành.

Tướng trạng sự: tức là sở thủ của thức.

Tướng trạng sở thức: tức là sở thủ của tác ý, năng khởi nơi thức.

Tướng trạng tịnh diệu: tức là sở thủ của xúc.

Tướng trạng nhiều ích: tức là sở thủ của thọ.

Tướng trạng ngôn thuyết: tức là sở thủ của tưởng.

Tướng trạng tà hành: tức là sở thủ của tư.

- Ngôn luận các pháp tụ tập: tức là ngôn luận ở nơi nhiều sự việc hòa hợp lại kiến lập tự tánh. Như ở nơi nội sắc, thọ, tưởng, hành, thức kiến lập chủng chủng ngôn luận như ngã...; ở nơi ngoại sắc, thanh, hương, vị, xúc hòa hợp khác nhau, kiến lập chủng chủng ngôn luận như nhà, cửa, bình, y phục, xe cộ, quân đội, rừng cây...

- Ngôn luận không khắp tất cả: tức là các ngôn luận có chỗ tùy chuyển, có chỗ không dùng. Như ở nơi nhà cửa thì có ngôn luận về nhà cửa. Ở nơi nhà cửa thì có chỗ tùy chuyển, nhưng ở nơi

thôn xóm, tụ lạc, đình làng, quốc gia... thì có chỗ không dùng. Ở nơi bồn, bình có ngôn luận về bồn, bình. Ở nơi bồn, bình thì có chỗ tùy chuyển, nhưng ở nơi dụng cụ... thì có chỗ không dùng. Ở nơi quân đội có ngôn luận quân đội, có chỗ tùy chuyển, nhưng ở nơi những loại khác như nam, nữ, trẻ nhỏ, thiếu niên... thì có chỗ không dùng. Ở nơi rừng có ngôn luận rừng, có chỗ tùy chuyển, nhưng ở nơi cái khác như gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa, quả... thì có chỗ không dùng.

- Ngôn luận không phải thường: do 4 chủng tướng nên biết: 1. Do phá hoại; 2. Do không phá hoại; 3. Do gia hạnh; 4. Do biến đổi.

Do phá hoại: tức là bình lọ bị vỡ rồi, xả bỏ ngôn luận bình lọ, thay vào đó sanh ngôn luận là miếng, mảnh.

Do không phá hoại: tức là chủng chủng vật cùng hòa hợp, hoặc dạng viên, hoặc dạng bột. Lúc bấy giờ xả bỏ ngôn luận chủng chủng tạp vật, thay vào đó là ngôn luận viên, bột.

Do gia hạnh: tức là có một miếng vàng, qua giai đoạn gia hạnh tạo thành các đồ trang sức như vòng đeo tay. Bấy giờ xả bỏ ngôn luận miếng vàng,

thay vào đó là ngôn luận vòng đeo tay...

Do biến đổi: tức là thức uống ăn đến lúc biến đổi, bấy giờ xả bỏ ngôn luận thức uống ăn, thay vào đó là ngôn luận phần, tiểu...

Tất cả loại như vậy gọi là ngôn luận không phải thường. Tùy các sự vật, phát khởi sáu chủng ngôn luận như vậy, nên biết vật này đều là giả có.

Đây gọi là pháp có giả tướng.

**d. Những gì gọi là pháp có tướng nhân?** Nên biết nhân đây lược có 5 chủng: 1. Nhân khả ái; 2. Nhân không khả ái; 3. Nhân trưởng dưỡng; 4. Nhân lưu chuyển; 5. Nhân hoàn diệt.

Nhân khả ái: là pháp thiện hữu lậu.

Nhân không khả ái: là pháp bất thiện.

Nhân trưởng dưỡng: trước kia sanh khởi pháp thiện, bất thiện, vô ký. Do tu tập, khéo tu tập, nhiều tu tập, năng khiến về sau sanh pháp thiện, bất thiện, vô ký triển chuyển tăng thêm mạnh mẽ, gọi là nhân trưởng dưỡng.

Nhân lưu chuyển: do chủng tử đây, do huân tập đây, do trợ bạn đây mà pháp kia lưu chuyển. Đây đối với pháp kia, gọi là nhân lưu chuyển.

Nhân hoàn diệt: tức là các hành hoàn diệt, tạp

niễm hoàn diệt. Sở hữu tất cả đạo năng tịch tĩnh, năng Bát-niết-bàn, năng hướng đến Bồ-đề và tư lương kia, bao gồm cả phương tiện, năng sanh, năng trọn vẹn, gọi là nhân hoàn diệt. Như vậy gọi chung là pháp có tướng nhân. Nếu rộng phân biệt, nên biết tướng đây như trong tư duy nhân quả.

*e. Những gì gọi là pháp có tướng quả?* Đó là từ 5 nhân kia hoặc sanh, hoặc được, hoặc thành tựu, hoặc trọn vẹn, hoặc dụng chuyển. Nên biết đây gọi là pháp có tướng quả.

**2. Quán sát pháp không:** Nên biết tướng đây cũng có 5 chủng: **a.** Chưa sanh không; **b.** Đã diệt không; **c.** Hỗ tương không; **d.** Thắng nghĩa không; **e.** Rốt ráo không.

Chưa sanh không: là các hành vị lai.

Đã diệt không: là các hành quá khứ.

Hỗ tương không: là các pháp khác, do tướng còn lại, hoặc tánh xa lìa, hoặc tánh chẳng phải có. Hoặc các pháp còn lại cùng các pháp khác, tánh không hòa hợp.

Thắng nghĩa không: do tự tánh ngôn thuyết của thế tục giả đặt tánh để an lập ngôn luận.



Rốt ráo không: là các loại rốt ráo không có như cô gái đá...

### **3. Quán sát năm chủng tánh có và năm chủng tánh không:**

- Năm chủng tánh có: **a.** Tướng viên thành thật, tánh có; **b.** Tướng y tha khởi, tánh có; **c.** Tướng biến kế sở chấp, tánh có; **d.** Tướng sai biệt, tánh có; **e.** Tướng không thể thuyết, tánh có.

Tướng viên thành thật: là tướng thắng nghĩa.

Tướng y tha khởi: là tướng của tướng duyên sanh.

Tướng biến kế sở chấp: là tướng giả thi thiết.

Tướng sai biệt: là tướng không hai, tướng sanh, tướng lão, tướng trụ, tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã, tướng sự, tướng sở thức, tướng sở thủ, tướng tịnh diệu, tướng nhiều ích, tướng của tướng ngôn thuyết, tướng của tướng tà hành...

Tướng không thể thuyết: do 4 chủng không thể thuyết, nên gọi là tướng không thể thuyết.

1. Vì không, nên không thể thuyết. Đó là có bổ-đặc-già-la đối với các uẩn kia, không thể tuyên nói là khác hay không khác.

2. Vì thẳm sâu nên không thể thuyết. Đó là pháp tánh lìa lời, không thể nghĩ bàn, như pháp thân Như Lai không thể nghĩ bàn, cảnh giới chư Phật Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không... không thể tuyên thuyết.

3. Vì năng dẫn vô nghĩa nên không thể thuyết. Đó là các pháp không thể năng dẫn phát pháp nghĩa phạm hạnh. Chư Phật Thế Tôn tuy chứng, mà không thể thuyết.

4. Vì sự an lập của pháp tướng pháp nhĩ nên không thể thuyết. Chỗ gọi là chân như, so với các hành... không thể tuyên thuyết tánh khác hay không khác.

- Năm chủng tánh không: **a.** Tướng thắng nghĩa, tánh không; **b.** Tướng tự y, tánh không; **c.** Tất cánh tự tướng, tánh không; **d.** Tướng không sai biệt, tánh không; **e.** Tướng có thể thuyết, tánh không.

### **C. Tư trạch các pháp:**

Nên biết đây có 2 chủng: **1.** Tư trạch nghĩa Tố-đát-lãm (Kinh); **2.** Tư trạch nghĩa Già-tha (Kệ tụng).

Tư trạch nghĩa Tố-đát-lãm, như trong *Nhiếp*

sự và trong *Bồ-tát tạng*, phần *Dạy trao* sẽ rộng thuyết.

Tư trạch nghĩa Già-tha lại có 3 chủng: **1.** Kiến lập thắng nghĩa Già-tha; **2.** Kiến lập ý thú nghĩa Già-tha; **3.** Kiến lập thể nghĩa Già-tha.

### **1. Kiến lập thắng nghĩa Già-tha:**

Như kinh thuyết:

*Đều không có chủ thể  
Và tác giả, thọ giả  
Các pháp cũng vô dụng  
Dụng chuyển chẳng phải không*

*Chỉ mười hai hữu chi  
Uẩn, xứ, giới lưu chuyển  
Xét kỹ tất cả đây  
Chúng sanh chẳng thể được*

*Ở trong và ở ngoài  
Tất cả đây đều không  
Kẻ năng tu không đó  
Cũng thường không sở hữu*

*Ngã, ngã thật không có  
Do điên đảo vọng chấp  
Ngã, hữu tình đều không  
Chỉ có pháp hữu nhân*

*Các hành đều sát-na  
Còn không trụ hướng dụng  
Tức thuyết kia sanh khởi  
Là dụng, là tác giả*

*Mắt không thể thấy sắc  
Tai không thể nghe tiếng  
Mũi không thể ngửi hương  
Lưỡi không thể nếm vị*

*Thân không thể cảm xúc  
Ý không thể biết pháp  
Ở đây cũng không thể  
Nắm giữ cùng sai khiến*

*Pháp không thể sanh khác  
Cũng không thể tự sanh  
Các duyên có nên sanh  
Không cũ, mới, mới có*

*Pháp không thể diệt khác  
Cũng không thể tự diệt  
Các duyên có nên sanh  
Sanh rồi tự nhiên diệt*

*Lấy hai phẩm làm nương  
Bèn khá đắc sanh đây  
Nơi cảnh hằng phóng dật  
Lại nữa tà thắng tiến*

*Cuốn trôi theo ngu si  
Đuổi theo tà thắng tiến  
Bị tham ái dẫn dắt  
Nơi cảnh thường phóng dật*

*Do các pháp có nhân  
Các khổ cũng như vậy  
Vì hai hoặc căn bản  
Mười hai chi phân hai*

*Không thể tự tác dụng  
Cũng không do người tạo  
Không ngoài đây năng tạo  
Mà tác dụng chẳng không*

*Không trong cũng không ngoài  
Không phải giữa hai chủng  
Bởi hành đây chưa sanh  
Đúng thời mới có được*

*Giả các hành đã sanh  
Do đây nên không được  
Vị lai không có tướng  
Quá khứ khá phân biệt*

*Phân biệt đều từng trải  
Chưa từng cũng phân biệt  
Hành tuy không đầu mối  
Nhưng đầu có thể được*

*Các sắc như đống bọt  
Các thọ là bọt nổi  
Các tướng đồng bóng nắng  
Các hành tựa cây chuối*

*Các thức như việc huyễn  
Sở thuyết “ngày một gân”  
Các hành đồng lúc sanh  
Cũng đồng lúc trụ diệt.*

*Si chẳng thể tự si  
Cũng chẳng thể si kia  
Chẳng ngoài, năng có si  
Mà si chẳng phải không*

*Vì tư duy bất chánh  
Các ngu si được sanh  
Tư duy bất chánh đây  
Chẳng phải không ngu khởi*

*Phước, phi phước, bất động  
Hành có ba, nên biết  
Lại có ba chủng nghiệp  
Tất cả không hòa hợp*

*Hiện tại chóng hoại diệt  
Quá khứ không chỗ trụ  
Vị lai nương các duyên  
Nhưng tâm lại rong ruổi*

*Hết thấy cùng theo nhau  
Không tương ứng cũng vậy  
Chẳng hết thấy tất cả  
Mà nói tâm tùy chuyển*

Nơi đây chẳng không dứt  
Tương tợ, không tương tợ  
Bởi thuận theo ngã kiến  
Dụng thế tục chẳng không

Nếu nơi sắc thân hoại  
Tên “thân” cũng diệt theo  
Nói đời nay, đời sau  
Tự làm tự thọ quả

Vì trước sau sai khác  
Vì tự nhân quả nhiếp  
Tác giả cùng thọ giả  
Đồng, dị không thể thuyết

Đạo “nhân” không thể dứt  
Hòa hợp, tác dụng chuyển  
Từ tự nhân sanh khởi  
Và nhiếp thọ sở tác

Vui hý luận làm nhân  
Hoặc nghiệp tịnh bất tịnh  
Các chủng tử dị thực  
Cùng quả ái phi ái



*Nương các chủng dị thực  
Mà sanh khởi ngã kiến  
Bên trong tự chứng biết  
Không sắc không thể thấy*

*Phàm phu không hiểu biết  
Chấp đây làm nội ngã  
Vì ngã kiến làm nương  
Khởi nhiều thứ vọng kiến*

*Chung vì chấp tự chủng  
Vì trợ bạn tập trước  
Vì thuận theo lắng nghe  
Phát sanh nơi ngã kiến*

*Tham ái cùng với duyên  
Mà sanh khởi nội ngã  
Do nhiếp thọ hy vọng  
Tập nhiễm theo bên ngoài*

*Thế gian thật đáng sợ  
Ngu si nên giữ lâu  
Trước khởi ái tàng rồi  
Do đây hướng hý luận*

Chỗ ái tàng của kia  
Hiền Thánh biết là khổ  
Khổ bức bách kẻ ngu  
Không sát-na tạm dừng

Bất bình đẳng cột tâm  
Gom góp các khổ kia  
Gom góp là kẻ ngu  
Chấp ngã, duyên khổ vui

Những người ngu cố chấp  
Như voi lún bùn sâu  
Bởi si nên tăng thương  
Hành khắp, gây tạo khắp

Đất chia nhiều dòng nước  
Thế gian dòng nước dữ  
Lửa, gió, mặt trời không làm kiệt  
Chỉ trừ hành Chánh pháp

Nơi khổ chấp ngã thọ  
Khổ lạc biết rõ khổ  
Phân biệt đây khởi kiến  
Từ kia sanh, sanh kia

Ý hằng thời nhiễm ô  
Các hoặc đồng sanh diệt  
Nếu giải thoát các hoặc  
Không trước cũng không sau

Không phải kia sanh rồi  
Sau ý tịnh mà sanh  
Kia trước không nhiễm ô  
Nói giải thoát các hoặc

Cái có nhiễm ô đó  
Tánh rớt ráo thanh tịnh  
Đã không có sở tịnh  
Sao đặc có năng tịnh?

Vì các chủng tử diệt  
Vì các phiền não tận  
Tức nơi đây vô nhiễm  
Hiện thị hai sai biệt

Vì tự nội sở chứng  
Vì chỉ các khổ tận  
Vì dứt hẳn hý luận  
Tất cả không hý luận

*Chúng sanh gọi tương tục  
Và trong tướng pháp tướng  
Không sanh tử lưu chuyển  
Cũng không Bát-niết-bàn.*

Trong đây nương theo thắng nghĩa vô ngã của bồ-đặc-già-la để tuyên nói về thắng nghĩa Già-tha.

Vì muốn đối trị hai biên chấp tăng ích và tổn giảm, ở nơi nhiếp thọ nói là chủ thể, ở nơi các nghiệp dụng nói là tác giả, ở nơi các quả báo nói là thọ giả. Nửa kệ tụng *Đều không có chủ thể; Và tác giả, thọ giả* như vậy, tức ngăn chặn trừ bỏ sự phân biệt của ngã đối với tự nghĩa.

*Các pháp cũng vô dụng*, tức là ngăn chặn trừ bỏ sự phân biệt của ngã đối với pháp. Do đây xa lìa biên chấp tăng ích.

*Dụng chuyển chẳng phải không*, hiển thị tánh của pháp là có. Do đây xa lìa kế chấp biên tổn giảm. Dụng có 3 chủng: 1. Dụng của chủ thể; 2. Dụng của tác giả; 3. Dụng của thọ giả. Nhân vì dụng đây mà giả lập chủ thể, tác giả và thọ giả.

Tuy nói các pháp, mà chưa tuyên thuyết những gì là pháp, nên kế đến tụng rằng: *Chỉ có mười hai chi... nửa kệ tụng*. Như thứ lớp hữu chi, các uẩn... lưu

chuyển. Đây hiển thị không nắm giữ nhiều loại ngã vi tế, liền năng đối trị chấp về chủ tế, tác giả và thọ giả. Nhân sắc làm duyên, sanh quả là nhân thức, không có người thọ riêng. Trong đây hiển thị tức mười tám giới nói là tánh thọ giả.

Tuy nói đây không chủ, nhưng chưa tuyên thuyết những gì là không có chủ. Vì muốn hiển thị điều này, nên kế lại nói: *Xét kỹ tất cả đây; Chúng sanh chẳng thể được*. Nói xét kỹ, tức là do nương ba lượng để quán sát hiển rõ điều kia. Chúng sanh nếu là không, sao nói kiến lập thành tựu trong ngoài? Để trả lời nghi vấn đây, kế đến thuyết rằng: *Ở trong và ở ngoài; Tất cả đây đều không*. Điều này hiển thị trong, ngoài chỉ là giả kiến lập.

Sao nói kiến lập thành tựu hai chủng là năng quán và sở quán? Đó là kế đến thuyết rằng: *Kẻ năng tu không đó; Cũng thường không sở hữu*.

Sao nói là kiến lập thành tựu hai chủng là thánh giả và dị sanh? Đó là kế thuyết rằng: *Ngã, ngã thật không có; Do điên đảo vọng chấp*. Đây hiển ngã của thánh giả và dị sanh quyết định không có tánh ngã chân thật, chỉ do điên đảo vọng kế chấp là có.

Sao nói kiến lập thành tựu kia đây? Đó là kế đến thuyết rằng: *Ngã, hữu tình đều không.*

Sao nói là kiến lập thành tựu nhiễm tịnh? Đó là kế thuyết rằng: *Chỉ có pháp hữu nhân.* Kẻ nhiễm kẻ tịnh đều không thể có được.

Tuy đã thuyết các pháp đều không có tác dụng, mà chưa tuyên thuyết vô dụng thế nào? Đó là kế đến thuyết rằng: *Các hành đều sát-na; Còn không trụ hướng dụng.* Như trước đã thuyết thì sự dụng chuyển chẳng phải không.

Sao nói là vô dụng mà có dụng chuyển? Đó là kế đến thuyết rằng: *Tức thuyết kia sanh khởi; Là dụng là tác giả.* Vì quả nên gọi là dụng, vì nhân nên gọi là tác giả. Kia sanh khởi, tức là hiển thị từ các xứ, các thức được sanh. Kia được sanh, vì không phải là nhân... mà kia được thành tựu.

Như trước đã thuyết các pháp vô dụng, ở đây lại hiển vô dụng lược có 7 chủng: 1. Không có dụng tác dụng, đó là mắt không thể thấy sắc...; 2. Không có dụng tùy chuyển, đó là không có khả năng giữ gìn và sai khiến; như thứ lớp ấy thì chủ thể, tác giả đều không có được, nên không có thể tùy chuyển động tác dụng; 3. Không có dụng sanh khác, tức là

pháp không thể sanh cái khác; 4. Không có dụng tự sanh, tức là cũng không thể tự sanh; 5. Không có dụng di chuyển, tức là các duyên có nên sanh, chẳng phải do cái cũ, cái mới, mới được có; 6. Không có dụng diệt khác, tức là pháp không thể diệt cái khác; 7. Không có dụng tự bị diệt, tức là cũng không thể tự diệt.

**Hỏi:** Như các duyên có nên sanh, vậy thì các duyên có nên diệt ư?

**Đáp:** *Các duyên có nên sanh; Sanh rồi tự nhiên diệt.* Như trước đã thuyết có pháp hữu nhân, muốn hiển thị người tại gia và người xuất gia có pháp có nhân tự tánh tạp nhiễm. Cho nên kể đến thuyết rằng: *Lấy hai phẩm làm nương; Liền khác đặc sanh đây.* Hai kệ tụng đây hiển thị có pháp có nhân vô minh, ái.

Kế tiếp năm kệ tụng sau, từ câu *Do các pháp có nhân* cho đến câu *Nhưng đâu có thể được*, hiển thị nhân và thời phần sở y sai khác của phẩm tạp nhiễm. Trong đây các pháp có nhân, đó là vô minh cho đến thọ. Các khổ có nhân, đó là ái cho đến lão tử. Lời đây hiển thị ba chủng tạp nhiễm là phiền não, nghiệp và sanh. *Vì hai hoặc căn bản*, hiển thị

phiền não tạp nhiễm. Duy giữ lấy phiền não tạp nhiễm tối thắng. Nhưng nói: *Không thể tự tác dụng...* lại riêng chú trọng hiển thị nghĩa nghiệp tạp nhiễm, vì chỗ tạo tác của kia có sự sai biệt, vì quả dị thực kia không thể nghĩ bàn. *Không thể tự tác dụng*, vì phải đợi sự trợ bạn của thiện hoặc ác khác dẫn dắt. *Cũng không do người tạo*, vì phải đợi công dụng của tự mình mà được thành tựu trọn vẹn. *Không ngoài đây năng tạo*, vì cần yếu đợi nhân trước sanh sai biệt, mới có sở tác.

Trong kệ tụng: *Không trong cũng không ngoài...* tức là hiển thị nương vị lai không sanh tạp nhiễm, nương các hành hiện tại, quá khứ năng sanh tạp nhiễm. *Giả các hành đã sanh*, tức do tướng đây không có phân biệt, vì vị lai không có tướng, nên không phân biệt như đây như vậy, vì đương lai nhất định không thể biết. Nếu không đúng như vậy, phân biệt các loại khác nhau, hoặc thời có thể được. Nếu ở quá khứ, tức có thể phân biệt như đây như vậy, vì từng có tướng mạo có thể phân biệt, chẳng phải chỉ có *từng trải qua* mới có thể phân biệt. Chưa từng trải qua, tuy không phân biệt rõ ràng nắm giữ tướng mạo, nhưng tùy theo chủng loại cũng có thể phân



biệt. Đây hiển thị nương hành hiện tại, phân biệt làm nhân sanh các tạp nhiễm.

*Hành tuy không đầu mối; Nhưng đầu có thể được*, đây hiển thị thời phần tạp nhiễm sai biệt, vì từ thời vô thủy đến nay thường triển chuyển theo đuổi, vì sát-na sát-na mới sanh khởi. Từ đây về sau hiển phẩm thanh tịnh. Vì lúc như thật quán, đặc thanh tịnh; hoặc vì tự tướng, tức là quán sát như đồng bọt...; hoặc vì cộng tướng, tức là quán sở hữu cộng tướng của hữu vi đồng sanh, trụ, diệt; hoặc vì thế tục và thắng nghĩa đế, tức là *Tuy không có kẻ si; Chẳng phải không ngu si*. Vì thế tục đế do các duyên sanh nên thuyết ngu si năng si.

Lại nữa, hiển thị *chẳng phải kẻ không ngu*, mà khởi tư duy bất chánh. Cho nên kia là ngu si sở si. Lại do thế tục tuyên nói các thức theo đuổi các hành như phước... Nếu theo thắng nghĩa, thì không có sự theo đuổi.

Lại ba pháp nên biết tức là quá khứ, vị lai, hiện tại. Ba chủng nghiệp tức là nghiệp thân, khẩu... *Tất cả chẳng hòa hợp*, tức là vì xoay vần không hòa hợp. Sở dĩ vì sao? *Hiện tại chóng hoại diệt; Quá khứ không chỗ trụ; Vị lai nương các duyên; Nhưng*

*tâm lại rong ruổi*. Nếu kia cùng đây lại xoay vần tương ứng với nhau, như hành phước... nhưng không có sự hòa hợp. Đạo lý tâm tương ứng với kia cũng vậy. Như thế sao nói có thật tánh rong ruổi? Điều này thế nào? Đó là tâm cùng các hành kia hoặc tương ứng, hoặc không tương ứng. Không phải như đây với kia, hoặc có lúc không tương ứng, hoặc có lúc không phải không tương ứng. Lại chẳng phải tất cả tâm, hoặc tương ứng, hoặc không tương ứng. Như vậy nếu nương thắng nghĩa, tâm có thật tánh rong ruổi không thành tựu được. Cho nên, nay sẽ hiển thị nương thế tục mà nói sở hữu nhân duyên của tâm rong ruổi.

*Nơi đây chảy không dứt*, tức trong kệ tụng đây hiển thị thế tục đế, không phải không có tác dụng, cùng với tùy chuyển. Lại nương thắng nghĩa thì không có tác giả và thọ giả. Nương thế tục, nên được nói đến là tự tạo tác và tự thọ dụng.

Lại tác giả, thọ giả, hoặc là đồng, hoặc là khác đều không thể thuyết. Vì hiển nghĩa đây, nên kể đến nói kệ tụng: *Vì trước sau sai khác...* Như vậy vì thắng nghĩa thì không có chủ thể, tác giả, thọ giả, chỉ có nhân quả. Ở nơi tướng nhân quả, giải

thích thông suốt những nghi nan.

Tiếp theo năm kệ tụng sau, từ câu *Đạo “nhân” không thể dứt* cho đến câu *Phát sanh nơi ngã kiến*, hiển thị ở nơi đây khởi ngã chấp điên đảo.

Kệ tụng thứ nhất hiển thị tuy không có ngã mà có hậu hữu không bị tuyệt dứt. Lại các nhân quả, chẳng phải liền một lúc có, chẳng phải từ hết thấy tất cả được sanh. Lại con đường nhân đây không có tuyệt dứt được.

Trong bốn kệ tụng, như thứ lớp giải thích bốn điều nghi nan đây. Kệ tụng thứ hai hiển thị tướng nhân quả. Ba kệ tụng sau hiển thị ở trong các nhân quả, vô ngã mà khởi ngã điên đảo.

Trong bốn kệ tụng đây, hiển thị cảnh sở duyên của kia, chỗ y nương của kia, nhân của kia, quả của kia. Kệ tụng đầu hiển thị cảnh sở duyên kia. Tự bên trong sở chứng, bởi vô sắc khó thấy, khó có thể tầm tư, cho nên gọi là vô sắc. Kinh nói tướng sắc chính là vì tầm tư. Khó nói cho người, nên không thể thấy. Kệ tụng thứ hai, hiển thị chỗ y nương của kia và quả của kia. Phạm phu là chỗ nương, các kiến là quả. Kệ tụng thứ ba, hiển thị nhân kia đồng sanh ngã kiến, bởi sự sanh khởi của

kế chấp chung tự chủng tùy miên, các ngoại đạo... phân biệt ngã kiến; bởi sự sanh khởi của thói quen trước... Kiến chấp ngoại đạo đây chủ yếu vì lớp lớp tập quen, vì tư duy bất chánh, lại vì thuận theo người lắng nghe pháp bất chánh, mà được sanh trưởng. Trong đây hiển thị do các lỗi lầm của tác ý nương vào sở duyên, phân biệt ngã kiến mới được sanh khởi.

Kế đến năm kệ tụng sau, từ câu *Tham ái cùng với duyên* cho đến câu *Hành khắp, gây tạo khắp*, hiển thị ngã kiến của kia, do tập nên thứ lớp phát sanh khổ. Lại tức khổ đây cùng với ngã kiến là nhân duyên hai khổ. Lại năng chướng ngại đối với sự giải thoát.

Trong đây kệ tụng ban đầu hiển thị nơi nhóm tập. Kệ tụng thứ hai, thứ ba hiển thị A-lại-da thức mà hành khổ nhiếp lấy. Ái tàng đây rồi, lại hướng đến hý luận, đó là “Ta sẽ có, không phải sẽ có...”. Nói ái tàng, tức vì nhiếp làm thể của mình. Lại khổ đây ở tất cả thời hằng thường triển chuyển đuổi theo *không sát-na tạm dừng*. Kệ tụng thứ tư hiển thị khổ đây là năng kế chấp ngã và duyên khổ vui. Kệ tụng thứ năm hiển thị kế chấp ngã, vì

do ngu si nên chướng ngại sự giải thoát. Nói tăng thượng, tức là vì so với hai khổ khác. Nói hành khắp, tức là vì triển chuyển đuổi theo các thọ. Gây tạo khắp, tức là vì khắp thiện, ác, vô ký.

Kế đến hai kệ tụng sau, từ câu *Đất chia nhiều dòng nước* cho đến *Từ kia sanh, sanh kia*, hiển thị hành khổ mà A-lại-da thức nhiếp cộng với cái khác tương tự. Lại hiển một việc khác, chỉ hành theo chánh pháp mới làm cho tận dứt các dòng chảy rất bạo ác ở thế gian. Nói các dòng chảy, thí như sáu căn, năm thú, ba cõi. Nói hành pháp, hiển thị hiểu rõ giải thoát biến tri và phục biến tri. Hiểu rõ phục biến tri, tức là rõ biết khổ, cũng là rõ biết “ta thọ khổ, thọ lạc, đều nương nơi khổ”. Lại phân biệt đây, năng khởi các kiến. Từ kia được sanh, cũng năng sanh kia, đây hiển thị đã hiểu rõ phục biến tri.

Sáu kệ tụng còn lại, hiển thị hiểu rõ giải thoát biến tri, đó là *Ý hằng thời nhiễm ô; Các hoặc đồng sanh diệt; Nếu giải thoát các hoặc; Không trước cũng không sau*. Không phải trước, vì hằng luôn đồng sanh cùng các phiền não. Không phải sau, vì cùng hoặc kia đồng thời diệt. Lại hiển thị

tướng của giải thoát, đó là không phải kia sanh rồi, sau mới thanh tịnh, riêng có ý thanh tịnh khác sanh. Tức là kia từ trước đến nay vốn không nhiễm ô, nên gọi là giải thoát. Vì thành nghĩa đây, nên lại có lời tụng rằng: *Cái có nhiễm ô đó; Tánh rớt ráo thanh tịnh.*

Lại nữa, hiển thị 2 chủng giải thoát, đó là: giải thoát phiền não và giải thoát sự. *Vì các chủng tử diệt; Và các phiền não tận*, hai lời tụng này hiển thị giải thoát phiền não. *Tức nơi đây vô nhiễm*, hiển thị giải thoát sự. Như trong kinh nói: “Bí-sô nên biết, nếu ở mất tham dục đoạn hẳn, như vậy mất đây cũng sẽ vĩnh viễn đoạn dứt...” cho đến nói rộng.

Như vậy đã hiển thị hữu dư y giải thoát rồi, kế sẽ hiển thị vô dư y giải thoát. *Vì tự nội sở chứng*, hiển thị vì kia không thể nghĩ bàn. *Vì chỉ các khổ tận*, để khiến trừ hư vọng kế chấp, chỉ chấp tánh không. Như vậy nói hữu dư y vĩnh viễn tịch diệt. Nói là tịch diệt, chẳng phải hoàn toàn tánh không. Không hý luận, tức là tánh giải thoát này chỉ tự bên trong sở chứng, hoặc khác, không khác, chết rồi về sau sẽ có hoặc sẽ không... tất cả hý luận chẳng thể nói đến.

Vì hiển thị bổ-đặc-già-la và pháp đều không lưu chuyển sanh tử hoặc Bát-niết-bàn, cho nên lại tụng kệ rằng: *Chúng sanh gọi tương tục; Và trong tướng pháp tướng; Không sanh tử lưu chuyển; Cũng không Bát-Niết-bàn.*

## 2. Kiến lập ý thú nghĩa Già-tha:

Như kinh thuyết: “Một thời, Đại Phạm thiên vương Sách-Ha là chủ của thế giới, đi đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ chân Phật rồi lui ngồi một bên, dùng Già-tha vi diệu mà tán thán thỉnh cầu:

Nơi học đến cứu cánh  
 Khéo đoạn các lưới nghi  
 Nay thỉnh cầu việc học  
 Vì tôi dạy tu học.

( Phật dạy:)

– Đại Tiên, khéo lắng nghe  
 Học lược có ba chủng  
 Tăng thượng giới, tâm, tuệ  
 Nơi kia cần tu học.

Nên viên mãn sáu chi

*Thành tựu bốn lạc trú  
Bốn, mỗi một bốn hành  
Trí tuệ thường thanh tịnh*

*Đâu khéo trụ căn bản  
Kế tâm vui tịch tĩnh  
Sau thánh kiến, ác kiến  
Tương ứng, không tương ứng*

*Trước tịnh, lạc tĩnh lự  
Cùng nơi để thiện xảo  
Tức ở trong các đế  
Nên sanh, xa, tăng trưởng*

*Ở trong các học xứ  
Có bốn cõi, ba xứ  
Hai cõi nên xa lìa  
Hai cõi nên chứng đắc*

*Hai an trụ hai chủng  
Một năng hướng Niết-bàn  
Dần kế làm nhân duyên  
Thuần tập mà tu tập*



Trước tiên lia làm ác  
Rốt sau lạc thanh mãn  
Các học đây đứng đầu  
Nơi học đây thông duệ

Do đây tu tịnh trí  
Tịnh sanh, lạc thanh mãn  
Các học đây là giữa  
Nơi học đây thông duệ

Từ đây tâm giải thoát  
Diệt hẳn các hý luận  
Các học đây là trên  
Nơi học đây thông duệ

Nếu hành hướng bất tịnh  
Cũng hướng nơi thiện thú  
Hành đây nói là đầu  
Nên biết đây chẳng cùng

Nếu hành hướng thanh tịnh  
Chẳng phải cỡi cứu cánh  
Hành đây nói là giữa  
Nên biết cũng chẳng cùng

Nếu hành hướng thanh tịnh  
Ở các cõi cứu cánh  
Hành đây nói là trên  
Nên biết đây tất cùng

Hoặc hữu học, vô học  
Nên biết đều thông duệ  
Hoặc hữu học, vô học  
Nên biết đều ngu phu

Nếu xả bỏ nhiếp thọ  
Cũng đoạn trừ thô trọng  
Cùng hiện kiến sở tri  
Tức thọ trì ba học

Hoặc có duyên, không duyên  
Cũng hiển hiện thô, tế  
Do thọ trì xa lìa  
Phát lời ngộ dẫn dắt

Học đầu chỉ có một  
Học thứ hai hai chủng  
Học thứ ba đủ ba  
Người tuệ đều vượt qua

*Không hủy hoại Thi-la  
Nơi học, nguyện năng thuận  
Không chê bần quĩ phạm  
Ở năm xứ, xa lìa*

*Nếu xuất ly không phạm  
Không làm ác, làm ác  
Nơi học kia tâm cầu  
Cùng siêng tu hạnh kia*

*Trọn không có xả bỏ  
Mạng khó cũng không tổn  
Thường trụ trong chánh hạnh  
Thuận Tỳ-nại-da chuyển*

*Nguyện tu trị làm đầu  
Cũng tu trị tịnh mạng  
Đều xa lìa hai biên  
Cũng xả bỏ tà nguyện*

*Nơi các pháp chương ngại  
Trọn không lòng đấm nhiễm  
Loạn tâm pháp mới sanh  
Tâm phải chóng xa lìa*

*Không chìm quá, nổi quá  
Hằng khéo trụ chánh niệm  
Căn bản quyến thuộc tịnh  
Mà tu hành phạm hạnh*

*Cần phát siêng tinh tấn  
Thường kiên cố dũng mãnh  
Hằng tu không phóng dật  
Khéo an trụ năm chi*

*Giấu điều thiện của mình  
Cũng phát lộ các ác  
Được các y phục thấy  
Xấu đẹp đều hoan hỷ*

*Ít thuận với việc đời  
Thô xấu cũng tùy chuyển  
Thọ công đức Đâu-đà  
Là tịch lià phiền não*

*Phải đầy đủ oai nghi  
Nên lượng mà nhiếp thọ  
Trọn không có hành động  
Trá hiện tướng oai nghi*

*Không tự khoe thật đức  
Cũng chẳng khiến người khen  
Tuy có sự mong cầu  
Mà chẳng hiện dị tướng*

*Câu xin từ nơi người  
Trọn không cưỡng bức não  
Như pháp mà thu được  
Được rồi không khinh chê*

*Không tham đắm lợi dưỡng  
Cùng mong người cung kính  
Cũng không chấp các kiến  
Tăng ích và tổn giảm*

*Không thuận theo thế gian  
Văn, chú thuật vô nghĩa  
Cũng chẳng vui tích chứa  
Nhiều y, bát vô nghĩa*

*Sợ thêm lớn phiền não  
Không tập nhiễm cư gia  
Vì tịnh tu trí tuệ  
Nên thân cận Hiền Thánh*

*Không nuôi chứa bạn bè  
Sợ ưu bỉ phát loạn  
Hay sanh khổ phiền não  
Mới phát, tâm xa lìa*

*Không thọ nơi tín thí  
Sợ ung nhọt gia hại  
Nơi chánh pháp Như Lai  
Từng không có xả bỏ*

*Đối người trong tiếm phạm  
An vui không gây tạo  
Thường xét lỗi lầm mình  
Biết rồi sớm phát lồ*

*Nếu phạm điều ngăn cấm  
Phải như pháp ra khỏi  
Trong công việc nên làm  
Năng đồng mãnh tự làm*

*Nơi Phật và đệ tử  
Oai đức cùng ngôn giáo  
Tất cả đều tín thọ  
Thấy tội lớn không chê*

Nơi pháp thật thâm sâu  
Chỗ không thể suy lường  
Năng xả ý thấy trước  
Không chấp chặt tự kiến

Thường vui sống xa lìa  
Cùng biên tế ngoại cụ  
Hằng tu tập thiện pháp  
Bền tinh tấn dững mãi

Không có dục, sanh dục  
Không oán ghét, oán ghét  
Lìa thù miên, thù miên  
Lúc không ở tịch tĩnh

Lìa làm ác, làm ác  
Không lo toan, lo toan  
Hằng thời tất cả chúng  
Thành tựu chánh phương tiện

Dẫn phát cùng giác ngộ  
Và sở kết hòa hợp  
Có tướng, hoặc gần gũi  
Cũng nhiều chúng hỷ lạc

*Xâm bức, cực gần gũi  
Gọi phân biệt hư vọng  
Hay sanh nơi dục tham  
Người trí phải xa lìa*

*Các dục khiến không no  
Chúng nhiều sự cộng hữu  
Là nhân duyên phi pháp  
Hay tăng trưởng tham ái*

*Hiền Thánh nên xa lìa  
Chóng hướng đến hoại diệt  
Vin dựa nơi các duyên  
Lỗi nguy do nương tựa*

*Các dục như xương khô  
Cũng như đồng thịt bằm  
Tợ như bó thuốc cỏ  
Giống như hầm lửa lớn*

*Ví như loài rắn độc  
Cũng như thấy chiêm bao  
Như mượn vật trang sức  
Như cây ngay quả chín*



*Biết các dục như vậy  
 Đều không nên say đắm  
 Phải lắng nghe chánh pháp  
 Thường tư duy tu tập*

*Trước quán thấy thô tĩnh  
 Kế nhất hướng tu tập  
 Xả phiền não thô trọng  
 Nơi đoạn, sanh hân lạc*

*Nơi các tướng, quán sát  
 Đắc gia hạnh cứu cánh  
 Năng lìa dục Dục giới  
 Và lìa dục Sắc giới*

*Nhập hiện quán chân đế  
 Năng lìa tất cả dục  
 Hiện pháp chứng Niết-bàn  
 Cùng vĩnh tận dư y.*

*Nơi học đến cứu cánh; Khéo đoạn các lưới  
 nghi; Nay thỉnh cầu sở học; Vì tôi dạy tu học.  
 Trong kệ tụng này, Đại Phạm thiên vương trước*

tiên tán thán Đức Thế Tôn, sau Ngài mới phát lời thưa thỉnh. Tán thán Đức Thế Tôn, tức là nơi tất cả sở học đã đạt cứu cánh bậc nhất, đây nương đức bất cộng, hạnh tự lợi viên mãn mà nói. Lại năng khéo đoạn trừ tất cả lưới nghi sanh khởi, đây nương đức bất cộng, hạnh lợi tha viên mãn mà nói. Mới phát lời thỉnh hỏi: Những gì là học? Học có bao nhiêu chủng? Tại sao cần phải tu học học xứ kia? Đức Thế Tôn ý muốn khích lệ sách tấn chúng sanh giải đãi, sợ hãi đối với sự thực hành pháp quá nhiều, nên nhiếp chung tất cả chỉ có ba học.

Kế đến dạy rằng: *Đại Tiên khéo lắng nghe; Học lược có ba chủng; Tăng thượng giới, tâm, tuệ; Nơi kia phải tu học.* Trong đây hiển thị nương giới, tâm và tuệ. Nếu người tán loạn, vì khiến không tán loạn, nên phương tiện vì kia thuyết tăng thượng giới học. Người tâm chưa định, vì khiến tâm được định, nên phương tiện vì kia thuyết tăng thượng tâm học. Người tâm đã được định mà chưa giải thoát, vì khiến giải thoát, nên phương tiện vì kia thuyết tăng thượng tuệ học. Do nhân duyên đây, tất cả sự thực hành của các bậc tu hành đều đạt đến rốt ráo. Đây hiển thị Đức Thế Tôn mật ý

tuyên thuyết: *Tất cả các học không gì chẳng nhiếp trong ba học này.*

Lại hiển thị ở trong các học, vì nương phương tiện đây, nên sở học được thành tựu trọn vẹn. Cho nên kể đến thuyết rằng: *Nên viên mãn sáu chi; Thành tựu bốn lạc trú; Bốn, mỗi một bốn hành; Trí tuệ thường thanh tịnh.*

Trong kệ tụng đây, theo thứ lớp hiển thị phương tiện thành tựu trọn vẹn ba học. *Nên viên mãn sáu chi*, tức nên nương vào phương tiện tăng thượng giới học mà tu học. Những gì là 6 chi? 1. An trụ Thi-la thanh tịnh; 2. Giữ gìn phòng hộ Biệt giải thoát luật nghi; 3. Viên mãn quỹ tắc; 4. Viên mãn sở hành; 5. Đối với các tội nhỏ, cảm thấy hãi sợ lớn; 6. Thọ học học xứ.

Sáu chi như vậy hiển thị 4 chủng Thi-la thanh tịnh. An trụ Thi-la thanh tịnh là chỗ nương căn bản. Giữ gìn phòng hộ Biệt giải thoát luật nghi, hiển thị sự xuất ly Thi-la thanh tịnh, tức vì cầu giải thoát mà xuất ly. Quỹ tắc và sở hành đều viên mãn, hai đây hiển thị không chê hủy Thi-la thanh tịnh. Đối với các tội nhỏ cảm thấy hãi sợ lớn, hiển thị không khuyết phạm Thi-la thanh tịnh. Thọ học học

xứ, hiển thị Thi-la thanh tịnh không điên đảo. Như vậy vì tăng thượng giới học làm chỗ y nương các phương tiện khác, nên sáu chi cực viên mãn.

*Thành tựu bốn lạc trú*, hiển thị phương tiện tăng thượng tâm học. Bốn chủng tĩnh lự gọi là bốn tâm trú, vì hiện pháp lạc trú nên gọi là lạc. *Bốn, mỗi một bốn hành; Trí tuệ thường thanh tịnh*, đây nương tăng thượng tuệ học mà thuyết. Ở trong bốn thánh đế là khổ, tập, diệt, đạo, mỗi một đế đều có bốn hành, tức vô thường.. tăng thượng tuệ học, vì là chỗ hiển của trí thanh tịnh này.

*Đầu khéo trụ căn bản; Kế tâm lạc tịch tĩnh; Sau thánh kiến, ác kiến; Tương ưng, không tương ưng*. Kệ tụng đây hiển thị thứ lớp sanh khởi ba tăng thượng học. Căn bản, tức là tăng thượng giới, vì hai chủng sau từ pháp học đầu tiên mà được lưu xuất. Đã đầy đủ Thi-la, thứ lớp tu tập vô hối... năng đắc tâm lạc định tĩnh của học thứ hai. Tâm đắc định, đó là vì thấy như thật, nên năng đắc học thứ ba, thành tựu thánh kiến, xa lìa ác kiến.

*Trước tịnh, lạc tĩnh lự; Cùng với đế thiện xảo; Tức ở trong các đế; Nên sanh, xa, tăng trưởng*. Kệ tụng đây hiển thị thứ lớp ba học thanh tịnh có sự

khác nhau. Trước tịnh là học đầu tiên. Lạc tĩnh lự là học thứ hai. Nơi để thiện xảo là học thứ ba. Lại ở trong để thiện xảo như vậy, nên sanh đó là đạo đế, vì nên sanh khởi; nên xa đó là khổ, tập đế, vì nên xa lìa; nên tăng trưởng đó là diệt đế, thứ lớp phiền não phẩm hạ, trung, thượng, lớp lớp dần dần được đoạn dứt, vì tăng trưởng diệt vậy.

*Ở trong các học xứ; Có bốn cõi ba xứ; Hai cõi nên xa lìa; Hai cõi nên chứng đắc.* Kệ tụng đây hiển thị ở nơi học xứ tăng thượng giới, tâm, tuệ, do sự tư duy học tập có thành tựu, có thất bại, nên tùy theo chỗ thích hợp mà chiêu cảm quả báo ở bốn cõi sai khác. Đó là sở hữu cõi thiện nhiếp thuộc người, trời Dục giới, là quả có được do sự thành tựu tăng thượng giới học. Sở hữu cõi ác nhiếp thuộc các cõi khác ở Dục giới, gọi là quả có được do sự thất bại của tăng thượng giới. Sở hữu cõi thượng nhiếp thuộc cõi trời Sắc giới và Vô sắc giới, gọi là quả có được của tăng thượng tâm. Cõi Niết-bàn không nhiếp thuộc ba cõi, thì gọi là quả có được của tăng thượng tuệ. Trong các cõi như vậy, nên xa lìa hai cõi trước là cõi thiện và cõi ác; nên chứng hai cõi sau là cõi thượng và cõi Niết-bàn. Lời đây hiển thị

chỗ đặc của hai đạo thế gian và xuất thế gian.

*Hai an trụ hai chủng; Một năng hướng Niết-bàn; Dân kế là nhân duyên; Thuần tạp mà tu tập.*  
 Ở trong kệ tụng đây hiển thị đầu tiên là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm. Kế đến tăng thượng tâm học năng làm nhân duyên khiến an trụ tăng thượng tuệ học. Hiển thị ở khoảng trung gian, tăng thượng tuệ tịch tĩnh, tăng thượng giới học được luật nghi bảo hộ, năng làm nhân duyên khiến an trụ hai chủng. Hiển thị tối thượng có một chủng, năng làm nhân duyên an trụ Niết-bàn. Nên biết trong đây hiển thị tu tập, tùy chỗ thích hợp hoặc riêng hoặc chung.

*Trước tiên là làm ác; Rốt sau lạc thành mãn; Các học đây đứng đầu; Nơi học đây thông duệ.* Kệ tụng đây hiển thị do tăng thượng giới học, dụng vô hối... dần dần thứ lớp tu tập là nhân chuyển về sau.

*Do đây tu tịnh trí; Tịnh sanh, lạc trọn đủ; Các học đây là giữa; Nơi học đây thông duệ.* Kệ tụng đây hiển thị do tăng thượng tâm học, tu thành tựu trí tuệ, thiện căn tối thắng dần dần thứ lớp sanh, làm nhân học tối thượng.

*Từ tâm đây giải thoát; Diệt hẳn các hý luận;*

*Các học đây là trên; Nơi học đây thông duệ. Kệ tụng đây hiển thị do tăng thượng tuệ học, năng là nhân cho quả Niết-bàn tối thắng.*

*Nếu hành hướng bất tịnh; Cũng hướng nơi thiện thú; Nói hành đây làm đầu; Nên biết đây chẳng cùng. Kệ tụng đây hiển thị tăng thượng giới học. Nếu hủy phạm, là nhân ác thú. Nếu có thể thực hành, là nhân thiện thú. Đây thì không cùng chung, vì lìa hai học sau cũng có thể thành tựu.*

*Nếu hành hướng thanh tịnh; Chẳng các thú cứu cánh; Hành đây nói là giữa; Nên biết cũng chẳng cùng. Kệ tụng đây hiển thị ở khoảng giữa học hạnh ly dục Dục giới, vì đặc thanh tịnh, gọi là hướng thanh tịnh. Nhưng chưa thể tận dứt xa lìa dục cõi trên, cũng chưa vĩnh viễn nhổ bật tùy miên của dục, nên không được gọi là ở trong các cõi đặc cứu cánh thanh tịnh. Đây không lìa loại trước, nhưng lìa tối thượng cũng có thể thành tựu trọn vẹn, cho nên gọi là không cùng chung.*

*Nếu hành hướng thanh tịnh; Ở các thú cứu cánh; Hành đây nói là trên; Nên biết đây tất cùng. Kệ tụng đây hiển thị học hạnh tối thượng, vì đối với các dục ba cõi đều xa lìa, vì cũng năng vĩnh*

viên trừ bỏ tùy miên của đục trong các cõi thật là rốt ráo. Vì chẳng thể lìa hai chủng học trước để riêng thành tựu trọn vẹn, nên gọi là tất cùng chung.

*Hoặc hữu học vô học; Nên biết đều thông tuệ.* Nửa kệ tụng đầu hiển thị tướng người hiểu biết ba học sâu xa thông suốt, vì chỉ có chánh học, vì không tà học. *Hoặc hữu học vô học; Nên biết đều ngu phu.* Nửa kệ tụng sau hiển thị tướng của ngu phu ở trong ba học, vì có tà học, vì không chánh học.

*Hoặc xả bỏ nhiếp thọ; Cũng đoạn trừ thô trọng; Và hiện kiến sở tri; Tức thọ trì ba học.* Kệ tụng đây hiển thị hoặc vì năng xả bỏ sự nhiếp thọ gia đình thân thuộc... hoặc vì năng đoạn trừ các chướng thô trọng tam-ma-địa, hoặc năng hiện kiến tướng lý sở tri của bốn thánh đế, nên ba học thứ lớp thành tựu viên mãn.

*Hoặc có duyên, không duyên; Cùng hiển hiện tế thô.* Nửa kệ tụng đầu hiển hai học sau và học đầu tiên, như thứ lớp ấy có duyên, không duyên, tế, thô sai khác. *Do thọ trì xa lìa; Phát lời ngộ dẫn dắt.* Nửa kệ tụng sau hiển thị đầu, giữa và sau, như thứ lớp ấy nói về nhân duyên dẫn phát. Tức là vì nguyện dẫn dắt, vì thâm tâm xa lìa dẫn dắt, vì từ



người được nghe, bên trong chánh tư duy dẫn dắt.

*Học đầu chỉ có một; Học thứ hai hai chủng; Học thứ ba đủ ba; Người tuệ đều vượt qua.* Kệ tụng đây hiển thị học ban đầu không cùng chung với học khác. Học giữa không lìa học đầu. Học cuối không lìa hai học trước. Siêu vượt tất cả kia, nên biết vô học là bậc A-la-hán.

*Không hủy hoại Thi-la; Nơi học nguyện năng thuận; Không chê bàn quỹ phạm; Nơi năm xứ, xa lìa.* Kệ tụng đây hiển thị thọ trì tướng giới, không hủy hoại Thi-la. Nơi học, tức là an trụ tịnh giới. Nguyện năng thuận, tức là thủ hộ Biệt giải thoát luật nghi. Không chê bàn quỹ phạm, tức là không phạm quỹ tắc. Ở năm xứ, xa lìa, tức là sở hành không phạm. Lược có 5 chỗ mà các Bí-sô không nên đi đến, đó là: cung vua, nhà đồ tể, nhà bán rượu, nhà ca kỹ, nhà chiêm-dà-la và yết-si-na. Nhà đồ tể là nhà giết mổ, do truyền bá khắp sự giết mổ nên thành tội cực trọng, tạo nhiều ác nghiệp giết hại.

*Nếu xuất ly không phạm; Không làm ác, làm ác.* Nửa kệ tụng đây hiển thị ở nơi các tội nhỏ thấy hãi sợ lớn. Đối với việc xuất ly cũng không làm ác. Đối với việc làm ác cũng không phạm. *Nơi học kia*

*tâm cầu; Cùng siêng tu hạnh kia.* Nửa kệ tụng đây hiển thị thọ học học xứ.

*Trọn không có xả bỏ; Mạng khó cũng không tổn; Thường trụ trong chánh hạnh; Thuận Tỳ-nại-da chuyển.* Kệ tụng đây bốn câu thứ lớp hiển thị tánh thường hành giới, tánh giới kiên cố, tánh hằng thực hành, tánh hằng tùy chuyển.

*Nguyện tu trị làm đầu; Cũng tu trị tịnh mạng.* Nửa kệ tụng đầu hiển thị quỹ phạm và mạng thanh tịnh. Do nương theo các quỹ phạm, trước phát thệ nguyện, sau mới tu hành, cho nên gọi là nguyện. *Đều xa lìa hai biên; Cũng xả bỏ tà nguyện.* Nửa kệ tụng sau hiển thị xa lìa hai biên là biên vui muốn thọ dụng tự khổ hạnh và xả bỏ tà nguyện sanh lên cõi trời, nên Thi-la được thanh tịnh.

*Nơi các pháp chướng ngại; Trọn không lòng đắm nhiễm; Loạn tâm pháp mới sanh; Tìm, phải chóng xa lìa.* Kệ tụng đây hiển thị đối với việc không thủ hộ căn môn và chướng ngại trong pháp học thanh tịnh, không cho là công đức và không đắm nhiễm. Ở nơi các pháp bất thiện như tâm, dục, khuể... nhiều loạn ý, nếu tạm thời sanh, liền trừ khiến, khiến sự học được thanh tịnh.

*Không chìm quá, nổi quá; Hăng khéo trụ chánh niệm; Căn bản quyển thuộc tịnh; Mà tu hành phạm hạnh. Kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa việc làm ác hèn hạ, vì xa lìa làm ác phi xứ, vì xa lìa sự thất niệm, ở thời phương tiện và thời cứu cánh, tu hành phạm hạnh đều được thanh tịnh.*



## Quyển 17

### Thứ 11. TỬ SỞ THÀNH ĐỊA

#### Phần 2

*Cần phát siêng tinh tấn; Thường kiên cố dũng mãnh; Hằng tu chẳng phóng dật; Khéo an trụ năm chi.* Kệ tụng đây hiển thị vì mặc giáp phương tiện, tinh tấn không thối chuyển, vì tu tập năm chi không phóng dật, cho nên sự tu học đạt đến thanh tịnh thù thắng. Năm chi không phóng dật, tức là các sự tạo tác trước kia cùng với sự thực hành ở quá khứ, vị lai, hiện tại.

*Giấu điều thiện của mình; Cũng phát lộ các ác; Được các y phục thầy; Xấu đẹp đều hoan hỷ; Ít thuận với việc đời; Thô xấu cũng tùy chuyển; Thọ công đức Đâu-đà; Là tịch là phiền nã.* Trong hai kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa nhân quyến thuộc, tham muốn, nhiều muốn không biết đủ, và vì xa lìa nhân muốn nhiều không biết đủ chướng ngại sự học thanh tịnh, cho nên sự tu học được thanh tịnh.

*Phải đầy đủ oai nghi; Nên lượng mà nhiếp*

thọ; Trợn không có hành động; Trá hiện tướng oai nghi. Kệ tụng đây hiển thị vì đầy đủ oai nghi, vì không đối trước người đối trá hiện tướng, vì nhiếp thọ vật khéo biết lượng, vì tu phạm hạnh, gìn giữ thọ mạng mà có sự thọ lãnh. Do đây sự học được thanh tịnh.

*Không tự khoe thật đức; Cũng chẳng khiến người khen; Tuy có sự mong cầu; Mà chẳng hiện dị tướng; Cầu xin từ nơi người; Trợn không cưỡng bức nã; Như pháp mà thu được; Được rồi không khinh chê.* Trong hai kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa các việc như nói lời thêu dệt, hiện tướng đối trá, dùng uy thế để bức bách, đem chỗ lợi đã được chiêu lấy lợi; do đây sự tu học triển chuyển thanh tịnh thù thắng.

*Không tham đắm lợi dưỡng; Cùng mong người cung kính; Cũng không chấp các kiến; Tăng ích và tổn giảm.* Kệ tụng đây hiển thị vì không đắm trước lợi dưỡng cung kính, vì không chấp trước năm chủng ác kiến, nên khiến sự tu học triển chuyển thanh tịnh thù thắng.

*Không thuận theo thế gian; Văn chú thuật vô nghĩa; Cũng chẳng vui tích chứa; Nhiều y, bát vô*

*ngĩa*. Kệ tụng đây hiển thị không chấp trước các nhân ác kiến tà luận của ngoại đạo, vì dụng đây sẽ năng chướng ngại trong việc giải thoát thủ uẩn. Sự chế tác các văn chú thuật của ngoại đạo gọi là thuận theo thế gian. Vì nhân tích chứa y bát thanh tịnh mà xa lìa nhân đấm trước lợi dưỡng cung kính, cho nên sự tu học được thanh tịnh.

*Sợ thêm lớn phiền não; Không tập nhiệm cư gia; Vì tịnh tu trí tuệ; Nên thân cận Hiền Thánh.* Kệ tụng đây hiển thị xa lìa nhân sở trị, vì thân cận nhân năng trị, khiến sự tu học được thanh tịnh.

*Không nuôi chứa bạn bè; Sợ ưu bi phát loạn; Hay sanh khổ phiền não; Mới phát, tâm xa lìa.* Kệ tụng đây hiển thị nếu gần gũi cuộc sống gia đình, khiến phát sanh ưu bi tán loạn, tăng trưởng các phiền não, năng làm nhân sanh các khổ. Vì gần gũi kia, năng sanh các khổ. Lúc phiền não mới sanh khởi, tầm liền trừ bỏ. Như vậy hiển thị nhân đối trị.

*Không thọ nơi tín thí; Sợ ung nhọt gia hại; Đối chánh pháp Như Lai; Từng không có xả bỏ.* Kệ tụng đây hiển thị không tham đắm lợi dưỡng cung kính, không chấp kiên cố các ác tà kiến, không hư

uống thọ dụng của tín thí, không hủy báng chánh pháp. Cũng năng xa lìa tham trước các dục đời sau và năng xa lìa sanh khởi các nhân ác kiến. Do vậy sự tu học triển chuyển thanh tịnh thù thắng.

*Đối người không tiếm phạm; An vui không gây tạo; Thường xét lỗi lầm mình; Biết rồi sớm phát lồ.* Kệ tụng đây hiển thị xa lìa tác ý truy tìm lỗi lầm của người khác. Đối với các thiện pháp mình đã làm, không bị tán loạn, thường sanh hoan hỷ. Đối với lỗi lầm của mình, như thật rõ biết, phát lồ hối trừ, lìa tăng thượng mạn. Do nhân duyên đây, sự tu học được thanh tịnh.

*Nếu phạm điều ngăn cấm; Phải như pháp ra khỏi; Trong công việc nên làm; Năng dũng mãnh tự làm.* Kệ tụng đây hiển thị ra khỏi lỗi đã phạm và năng xa lìa tâm ham thích tham thọ người khác cung phụng hầu hạ. Do nhân duyên đây, sự học được thanh tịnh.

*Đối Phật và đệ tử; Oai đức cùng ngôn giáo; Tất cả đều tín thọ; Thấy tội lớn chẳng chê.* Kệ tụng đây hiển thị tín viên mãn, vì thấy tội lớn đối với việc phỉ báng, do đây sự tu học được thanh tịnh.

*Nơi pháp thật thâm sâu; Chỗ không thể suy*

*lượng; Hay xả ý thầy trước; Không chấp chặt tự kiến.* Kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa chấp chặt kiến thủ của mình, nên học được thanh tịnh thù thắng.

*Thường vui sống xa lìa; Cùng biên tế ngoại cụ; Hằng tu tập thiện pháp; Bền tinh tấn dũng mãnh.* Kệ tụng đây hiển thị vì hoặc thân hoặc tâm đều xa lìa, vì tu tập thuận định, vì xa lìa tất cả tâm tư bất thiện, vì thuần tu các thiện pháp bạch tịnh, vì không bị trầm trạo của các tùy phiền não làm chướng ngại, vì năng khéo viên mãn chánh gia hạnh. Do đây phương tiện tăng thượng tâm học triển chuyển thù thắng.

*Không có dục, sanh dục; Không oán ghét, oán ghét; Lìa thù miên, thù miên; Lúc không ở tịch tĩnh; Lìa ác tác, ác tác; Không lo toan, lo toan; Hằng thời tất cả chúng; Thành tựu chánh phương tiện.* Trong hai kệ tụng đây hiển thị vì xa lìa tham dục, sân khuể, hôn trầm, thù miên, trạo cử, ác tác và nghi cái. Vì đối với các thiện pháp sanh khởi vui muốn, vì ở trong các dục rất nhàm chán. Vì tu gia hạnh phương tiện các phẩm thiện, có khả năng kham nhiệm. Vì tâm an tĩnh, nhưng có thói quen thù miên, hoặc tâm bị chìm đắm, hoặc tâm lo



toan, phải tác ý tư duy tướng tịnh diệu. Vì lúc du hành, không an trú trong chỗ yên tĩnh. Vì đối với lỗi phạm trước liền sanh ưu hối, đối với chỗ không phạm thì không ưu hối. Vì về sau sanh hy lự thù thắng. Vì phương tiện ân trọng, gián đoạn chân chánh. Do đây tăng thượng tâm học chuyển được thanh tịnh.

*Dẫn phát cùng giác ngộ; Và sở kết hòa hợp; Có tướng, hoặc gần gũi; Cũng nhiều chủng hỷ lạc; Xâm búc, cực gần gũi; Gọi phân biệt hư vọng; Hay sanh nơi dục tham; Người trí phải xa lìa.* Trong hai kệ tụng đây hiển thị tám chủng phân biệt hư vọng năng sanh sở hữu tham ái của sự dâm dục, từ phương tiện đầu tiên thứ lớp sanh khởi cho đến rốt ráo. Vì xa lìa các việc trên, nên sự tu học được thanh tịnh thù thắng.

Phân biệt dẫn phát, tức là sở hữu phân biệt đối với các sự khả ái, năng dẫn phát tâm tương ưng với tư duy bất chánh.

Phân biệt nhận biết, tức là ở trong các sự khả ái kia, phân biệt tương ưng với sự tham triền.

Phân biệt sở kết hòa hợp, tức là sở hữu phân biệt ở trong sự khả ái kia.

Phân biệt có tướng, tức là sở hữu phân biệt ở trong các sự khả ái kia, chấp thủ chủng chủng tướng trạng tịnh diệu.

Phân biệt gần gũi, tức là ở trong các sự việc khả ái mà mình đã được, sở hữu phân biệt tương ứng với sự phẩn khích.

Phân biệt vui thích, tức là sở hữu phân biệt ở trong các sự việc đã được kia, chủng chủng thọ dụng, mong muốn, yêu thích, chủng chủng môn chuyển.

Phân biệt xâm bức, tức là sở hữu phân biệt lúc hai căn giao hội. Phân biệt cực gần gũi, tức là sở hữu phân biệt lúc xuất bất tịnh.

*Các dục khiến không no; Chúng nhiều sự cộng hữu; Là nhân duyên phi pháp; Hay tăng trưởng tham ái; Hiền Thánh nên xa lìa; Chóng hướng đến hoại diệt; Vin dựa nơi các duyên; Lỗi nguy do nương tựa.* Trong hai kệ tụng đây hiển thị thứ lớp tám chủng quá hoạn của các dục ở hiện pháp, hậu pháp. Nếu năng quán thấy, tức có phương tiện đoạn trừ dục ái.

*Các dục như xương khô; Cũng như đồng thít bằm; Tợ như bó đuốc cỏ; Giống như hầm lửa lớn;*

*Vì như loài rắn độc; Cũng như thấy chiêm bao;  
Như mượn vật trang sức; Như cây ngay quả chín;  
Biết các dục như vậy; Điều không nên say đắm.*  
Trong đây rộng dẫn như trước đã thuyết, các dục khiến không no... ở trong các dục có tám chủng quá hoạn. Tất cả thế gian hợp thành thí dụ, hiển thị quá hoạn của các dục rất sâu nặng.

Lại vì hiển thị ở trong các dục có đầy đủ các quá hoạn phân minh rõ ràng như vậy, nào có bậc trí giả lại vui đắm với các dục kia?

Lại các dục kia vì như xương khô, nên khiến không no đủ; vì như đóng thịt bầm, nên mọi người đều có; vì giống như bó thuốc cỏ đang cháy, cực thiêu nã, nên là nhân duyên phi pháp; vì như hầm lửa lớn, sanh khát ái, nên tăng trưởng tham ái; vì như rắn độc, nên Hiền Thánh xa lìa; vì như thấy chiêm bao, nên mau chóng hoại diệt; vì như giả mượn đủ các thứ để trang sức, nên vin dựa các duyên; vì như cây cao quả chín thối rữa, nên là chỗ cho nguy vong phóng dật nương tựa.

*Phải lắng nghe chánh pháp; Thường tư duy,  
tu tập; Trước quán thấy thô tịnh; Kế nhất hướng tu  
tập; Xả phiền não thô trọng; Nơi đoạn, sanh hân*

*lạc; Nơi các tướng, quán sát; Đắc gia hạnh cứu cánh; Năng lìa dục Dục giới; Và lìa dục Sắc giới; Nhập hiện quán chân đế; Năng lìa tất cả dục; Hiện pháp chứng Niết-bàn; Cùng vĩnh tận dư y.* Trong đây hiển thị do nương bảy chủng tác ý là liễu tướng... nên đạo thế gian và xuất thế gian đều được thanh tịnh, chứng hai quả Niết-bàn là Hữu dư y và Vô dư y. Do đây tăng thượng tuệ học đắc cứu cánh thanh tịnh.

Lắng nghe chánh pháp, thường tư duy, hiển thị tác ý liễu tướng.

Thường tu tập, hiển thị tác ý thắng giải.

Vì phát khởi thắng giải mà tu tập, trước quán thấy thô tĩn, hiển thị tác ý viễn ly.

Một hướng tu tập... hiển thị tác ý nhiếp lạc.

Ở nơi các tướng quan sát, hiển thị tác ý quán sát.

Gia hạnh cứu cánh, hiển thị tác ý gia hạnh cứu cánh.

Năng lìa dục Dục giới và lìa dục Sắc giới, nhập chân đế hiện quán, năng lìa tất cả dục... hiển thị tác ý quả gia hạnh cứu cánh thế gian, xuất thế gian.

### 3. Kiến lập thể nghĩa Già-tha:

Như tụng nói:

*Nơi các sở hữu thân, ngữ, ý,  
Chớ làm tất cả ác thế gian  
Do niệm chánh tri lìa các dục  
Chớ gần năng dẫn khổ vô nghĩa.*

Nay trong kệ tụng đây, từ ác tức là các ác hạnh. Nơi tất cả chủng, tất cả nhân duyên, tất cả nơi chốn, sở hữu các ác hạnh đều không nên làm.

Sao nói là ở tất cả chủng, không làm ác? Vì thân ngữ ý không gây tạo các việc ác.

Sao nói là ở tất cả nhân duyên, không làm ác? Vì trọn không gây tạo các ác do tham sân si sanh khởi.

Sao nói là ở tất cả nơi chốn, không làm ác? Vì nương vào sự việc của các hữu tình và sự việc của phi hữu tình, mà không gây tạo các việc ác.

Sao nói là do niệm chánh tri, xa lìa các dục? Đó là đoạn trừ sự dục và đoạn trừ phiền não dục.

- Đoạn trừ sự dục: Như có một người ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da sở chứng của chư Như Lai, được tín thanh tịnh, rõ biết cuộc sống gia đình bức

bách giống như lao ngục, nên suy nghĩ cầu việc xuất ly. Nói rộng cho đến do tâm chánh tín, nên xả bỏ xa lìa pháp tại gia, thú nhập pháp xuất gia, nhưng đối với dục tham vẫn còn chưa lìa hẳn. Như vậy gọi là đoạn trừ sự dục.

- Đoạn trừ phiền não dục: Người kia đã xuất gia, vì muốn khiến dục tham được đoạn trừ không sót thừa, nên đi đến đồng hoang núi rừng, an cư ở bờ hoang vắng vẻ, hoặc an cư nơi a-lan-nhã, cho đến hoặc an cư ở tịnh thất không nhà. Nơi sự dục phát khởi tất cả dục phiền não, nhiếp lấy tham do phân biệt hư vọng sanh ra, vì đối trị tham kia nên tu bốn niệm trụ.

Hoặc lại ra khỏi những chốn ấy, sống gần tụ lạc thôn ấp thì khéo phòng hộ thân, khéo giữ gìn các căn, khéo trụ chánh niệm khi đi vào tụ lạc, hay từ thôn ấp trở về. Tất cả hành vi đến, đi, tiến, dừng hằng trụ chánh biết. Vì thoát khỏi sự ngu ngốc và các mỗi mê, người kia ở trong bốn niệm trụ đây khéo an trú chánh niệm làm y chỉ. Vì muốn vĩnh viễn đoạn tùy miên của dục tham, nên tu tập đối trị.

Lại vì lấy trụ chánh biết làm y chỉ, xa lìa các

triền cái, thân tâm điều hòa khoan khoái, có chỗ kham năng phương tiện mạnh mẽ, tu đoạn tịch tĩnh.

Người kia vì niệm và chánh biết làm y chỉ như vậy, liền năng chứng đắc đoạn trừ phiền não dục, xa lìa các dục, cho đến an trụ đầy đủ ở sơ tĩnh lự. Như vậy đối với các biên hành thọ dụng dục lạc, các pháp dị sanh tánh cấu uế thấp kém, tức có khả năng hoặc đoạn, hoặc chánh biết.

Sao nói là dẫn khổ vô nghĩa? Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn tự hành khổ hạnh, ở trong hiện pháp dùng chủng chủng khổ để tự bức bách mình, thiêu não giáp khắp. Lại tự cho là “nay ta ở hiện pháp bị khổ sở bức não, phải giải thoát khỏi các khổ đây”. Tuy cầu mong việc đây mà lại tự hành hạ bức ngặt mình, cho nên đối với việc giải thoát khỏi khổ, kia trọn không thể thực hiện được, mà lại chiêu tập thêm khổ não lớn. Như vậy gọi là dẫn phát khổ vô nghĩa.

Các Thánh đệ tử năng khéo liễu tri đối với biên thọ dụng tự hành khổ hạnh, năng dẫn phát khổ vô nghĩa phi thánh như vậy, phải nhanh chóng tránh xa, không thân cận, không gần gũi cũng

không thừa sự.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Sao gọi là lược biện? Các hữu tình có 2 chủng viên mãn: 1. Tăng thượng sanh viên mãn; 2. Quyết định thù thắng viên mãn. Tăng thượng sanh viên mãn tức là đến cõi thiện. Quyết định thù thắng viên mãn tức là ái tận dứt, ly dục, tịch tịnh Niết-bàn. Ở nơi hai viên mãn đây và chướng ngại, năng chứng đắc, năng đoạn trừ. Đây gọi là nghĩa lược.

Hoặc ở tất cả chủng, tất cả nhân duyên, tất cả nơi chốn đều không làm ác hạnh. Do đây năng đoạn trừ các chướng ngại của tăng thượng sanh viên mãn, cũng năng chứng đắc tăng thượng sanh viên mãn.

Hoặc ở biên hành thọ dụng dục lạc và ở biên thọ dụng tự khổ hạnh, quyết định xa lìa. Do đây năng đoạn trừ các chướng ngại của quyết định thù thắng viên mãn, cũng năng chứng đắc quyết định thù thắng viên mãn. Nên biết đây gọi là lược nghĩa của phần này.

*Tướng chúng sanh “nên nói”*

*Nương “nên nói” an trụ*



*Không rõ biết “nên nói”  
Nên chiêu tập sanh tử*

*Nếu rõ biết “nên nói”  
Với người nói không lo  
Do không có điều này,  
Người không nên chê luận*

*Nếu so bằng, hơn, kém,  
Kia liền nổi tranh luận  
Ở ba chủng không động  
Bằng, hơn, kém đều không*

*Đoạn danh sắc, ái, mạn,  
Không trước khỏi tịch tĩnh  
Không nào mong chẳng thấy  
Đây kia cõi trời người.*

Trong bốn kệ tụng đây, kệ đầu nói *nên nói*, tức là tất cả pháp hữu vi. Sở dĩ vì sao? Các pháp hữu vi đều nhiếp thuộc ba chủng ngôn sự. Nay trong nghĩa đây nói năm diệu dục lấy làm *nên nói*.

Lại năm diệu dục đây, các Sa-môn hoặc Bà-la-môn dùng lời nói để cầu xin từ thí chủ, nên gọi là

nên nói. Lại ở nơi năm diệu dục, các vua dùng lời nói sai khiến người hầu hạ để thọ dụng, do nhân duyên đây cũng gọi là nên nói.

Lại các kẻ thọ dụng ở nơi năm diệu dục đây, không thể tự nhiên khéo biết quá hoạn của chúng. Chỉ trừ chư Phật và đệ tử Phật vì họ tuyên thuyết quá hoạn, kia mới đủ khả năng rõ biết. Do nhân duyên đây, cũng gọi là nên nói.

Các kẻ thọ dụng ở trong các dục không chánh tư duy, mà lại giữ lấy tướng đây, cũng giữ lấy vị ngọt của nó. Do đó ở nơi dục kia bèn sanh ái nhiễm, thọ dụng, đắm thích, cho đến nắm giữ bền chắc. Lại ở nơi các dục mà không như thật biết có các quá hoạn, tức không biết các dục đây vô thường, hư ngụy, trống rỗng, không thật có, là pháp bại hoại. Giống như việc huyễn hóa làm cuồng loạn ngu phu, rất ít các ái vị, nhiều các quá hoạn. Cũng không như thật biết rõ các dục ít ái vị nhiều quá hoạn như vậy để mà ra khỏi. Nếu đối dục tham kia điều phục cho đến vượt qua, thì gọi là ra khỏi xa lìa. Nhưng các kẻ kia đã không thấy quá hoạn, không biết xuất ly, mà lại thọ dụng các dục. Do nhân duyên đây liền khởi sâu vui đắm đối với các sự

sanh, là sở hữu căn bản các hành ở Dục giới. Lại khi lấy sự tạo tác “sanh” làm sở hữu nghiệp căn bản rồi, thọ sanh ở Dục giới, sanh rồi chết đi, sanh rồi diệt mất.

*Tưởng chúng sanh “nên nói”; Nương “nên nói” an trụ; Chẳng rõ biết “nên nói”; Nên chiêu tập sanh tử là nghĩa như vậy.*

Nếu được gặp bậc Thiện sĩ, được nghe chánh pháp, như lý tác ý, thì ở nơi các dục như thật rõ biết ra khỏi quá hoạn của nó. Tức là thấy được các dục vô thường, hư ngụy, nói rộng cho đến vượt qua dục tham. Kia ở trong chánh pháp Tỳ-nại-da sở chứng của chư Như Lai, được tín thanh tịnh, nên đối với các dục thấy sâu quá hoạn. Lại triển chuyển tăng thêm, bèn năng xả bỏ xa lìa, hoặc ít hoặc nhiều, tài bảo kho tàng, quyến thuộc, tùy tùng.. Dụng tâm chánh tín, lìa bỏ pháp gia đình, hướng đến không nhà, vĩnh viễn diệt trừ tất cả chỗ gọi sanh, lão, bệnh, tử..

Như vậy xuất gia, không mong cầu gì, tu hành phạm hạnh. Người kia không khởi nguyện như: “Do sự trì giới tinh tấn tu hành phạm hạnh này, ta sẽ sanh thiên, hoặc một cõi trời nào khác”. Kia

không tà nguyện như vậy, nên tự mình không thấy, không sợ, không lo lắng trước sự bàn luận chê trách của người. Người khác cũng không nên chê trách, bàn luận oán đối trách cứ bảo rằng: “Hiền thủ! Ông nay vì sao đang lúc tuổi trẻ khỏe mạnh mà lại xả bỏ các diệu dụng, chẳng theo ý nguyện của người thân, lại vọng cầu các dụng đợi thời mà phát thế tu phạm hạnh?”. Vì vậy nên nói: *Nếu rõ biết “nên nói”; Đối người nói không lo; Do không có điều này; Người không nên chê trách.*

Đáy tức là thành tựu Thi-la thanh tịnh và kiến thanh tịnh. Vì cố sao? Do kiến điên đảo nên phát khởi mạn. Vì chấp giữ mạn nên cùng với Sa-môn, Bà-la-môn khác dấy khởi tranh luận. Do nhân duyên đây, nên nói *kiến là căn bản của sự tranh luận.*

Có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, nương kiến căn bản của sự tranh luận cho là bằng, hơn, kém, mà tâm hiện khởi cao cử. Y chỉ vào ba chủng mạn là “ta hơn, ta bằng, ta kém”, rồi lập mình là hơn, hoặc bằng, hoặc kém. Do nhân duyên đây, tiến đến chỗ cùng với Sa-môn, Bà-la-môn khác luân phiên tranh luận với nhau.

Nếu là bậc Thánh đệ tử thì không bị ngã, ngã sở, ngã mạn làm lay động, cho đến cũng không bị dấy động bởi tướng “ta chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng”. Liễu tri các hành đều là các duyên sanh, ở nơi các hành chỉ thấy là tánh pháp. Còn chẳng lấy mình là hơn, bằng, kém để so sánh đối với người, hưởng lại khởi kiến mạn mà nổi tranh luận!

Bậc Thánh đệ tử kia, tùy theo mỗi xứ khác nhau mà hiển dương tông mình, chiết phục luận người. Nhưng đối với các pháp chỉ thấy là pháp tánh, duyên nơi từ bi, đó là “ta phải làm thế nào để kia có thể lãnh hội một câu diệu nghĩa mà ta đã thuyết”. Người chánh tu hành như vậy như vậy, khiến đem dài thu được nghĩa lợi ích an lạc lớn, cũng khiến chánh pháp Như Lai cứu trụ. Không nương theo kiến, mạn và nhân duyên lợi dưỡng cung kính mà dấy khởi tranh luận. Cũng chẳng vì mong cầu các diệu dụng hiện pháp như vậy mà thệ tu phạm hạnh.

Do vị kia tu phạm hạnh như vậy, xa lìa tà nguyện và các tà kiến, xả bỏ tham cầu lợi dưỡng cung kính. Đối với tất cả chúng đều được thanh

tĩnh, oai quang rực rỡ, không đâu chẳng soi thấu. Chư thiên, loài người đều cùng xưng khen, không nên có sự chê trách luận bàn. Lại năng vượt qua sanh, lão, bệnh, tử. Như vậy nên nói: *Nếu so bằng, hơn, kém; Kia liền nổi tranh luận; Nơi ba chủng không động; Bằng, hơn, kém đều không.*

Nói danh sắc, tức là năm thủ uẩn. Nếu có người đối với năm thủ uẩn kia quán thấy là khổ, sẽ được hiện quán đế lý. Ở nơi năm thủ uẩn lúc đã tận thấy là khổ, thì ý vui thích đối với sở hữu tham ái của năm thủ uẩn đều được đoạn trừ, nhưng không phải tùy miên được đoạn. Nếu người kia như đạo đã chứng đắc lại triển chuyển nỗ lực tu tập, đoạn diệt không sót thừa ngã mạn, thành A-la-hán, các lậu vĩnh viễn tận. Do đã chứng đắc quả A-la-hán, tâm khéo giải thoát, liền đối với tự thân và các vật dụng của thân, triển và tùy miên thấy đều vĩnh viễn đoạn dứt, lìa ái, lìa kiêu, lìa các phóng dật. Vị kia lìa ái lìa kiêu lìa phóng dật như vậy, gọi là khổi tịch tĩnh, không có phiền não, cũng không có hy vọng.

Sao gọi là khổi tịch tĩnh? Khổi gọi là ái. Vì có sao? Như khổi ở thế gian là tướng trước tiên của

lửa, năng tổn hại căn mắt, khiến bị nhiễu loạn, không an ổn mà trụ. Ái cũng như vậy, là tướng trước tiên của lửa tham sân si, năng tổn hại mắt tuệ, khiến tâm tương tục bị nhiễu loạn, năng dẫn phát tâm tư vô nghĩa. Người kia ở nơi ái đây đã đoạn đã biết, cho đến khiến ái ấy ở đời đương lai thành pháp không sanh, nên gọi là khói tịch tĩnh. Kia đã đắc khói tịch tĩnh như vậy, nên xa lìa sự đấm trước. Tuy vẫn truy cầu đầy đủ các vật duyên nuôi mạng, không phải không truy cầu, nhưng năng giải thoát khỏi sự truy cầu tham ái, nên sự cầu không bị nhiễm ô.

Sao gọi là không phiền não? Khi người kia hiện tiền truy cầu như vậy, hoặc người tự thí, hoặc khuyến khích người khác thí. Khi thí ân trọng, không phải không ân trọng, thí tịnh mà không thô, thí nhiều mà không ít, thí nhanh mà không chậm; đối với những điều ấy đều không ái vị. Đối với vật đã được, thọ dụng không nhiễm trước, không sanh đấm trước keo lẩn cho đến chấp trước kiên cố. Như vậy khi thọ dụng các vật dụng nuôi thân, không bị sự tham não làm thiêu đốt não hại.

Nếu thí chủ kia không thể tự thí, hoặc ngăn

cản sự thí của người khác. Giả sử có vật thí mà khi thí không ân trọng, không biểu hiện ân trọng, cho đến thí chậm chạp mà không nhanh chóng, cũng không vì thế mà sanh hiềm hận. Do nhân duyên đây không sanh khuể não.

Lại đối với vật đã được, lúc thọ dụng không lo buồn, không nghĩ ngại, không tâm tổn hại và tâm sân khuể. Như vậy chẳng bị sự sân não làm thiêu đốt não hại.

Lại đối với vật đã được, hoặc tinh hoặc thô, lúc thọ dụng thấy sâu quá hoạn, khéo biết ra khỏi, an trụ chánh niệm, xa lìa ngu si. Như vậy không bị sự si não làm thiêu đốt não hại.

Sao gọi là không mong? Mong gọi là hy vọng, tâm bị hệ buộc. Có kẻ không hãi sợ, ôm lòng tham muốn đi đến nhà thế gian, đó là những nhà gia thế Sát-đế-lợi, hoặc nhà tôn quý hào phú Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ... Kia suy nghĩ: “Ta từ những chỗ kia sẽ thu được thức uống ăn thượng diệu, cho đến tài bảo, các tợa cụ, thuốc trị bệnh cùng tạp vật dùng để nuôi thân”. Đối với tài vật, truy cầu và thọ dụng như vậy đều không nên hy vọng.

Lại, người kia hằng thường an trụ tướng chết.



Đó là qua phần đêm lại vào phần ngày, qua phần ngày trở lại phần đêm, trong khoảng thời gian đó, ta có vô lượng nhân duyên có thể bị chết, như kinh đã rộng thuyết, như trúng gió cho đến bị phi nhân khủng bố. Do nhân duyên đây, những sự truy cầu, những sự thọ dụng cùng những tài vật có được, đối với thọ mạng đây cũng không hy vọng.

Như vậy vì không dám trước, khởi tịch tĩnh, không thiêu não, không hy vọng, nên ở trong trời, người, Đế thích, Tự tại thế chủ... đều chẳng thể thấy sở hữu nhân. Trong các nhân quả của trời, người, cũng không thể thấy. Lại ở bốn châu đây, trời người thế gian và các cõi khác đều không thể thấy. Lại ở thế giới đây, trời người thế gian và các cõi khác đều chẳng thể thấy. Như vậy nên nói: *Đoạn danh sắc, ái, mạn; Không trước khởi tịch tĩnh; Không não, mong, chẳng thấy; Đây kia cõi trời người.*

Lại nữa, trong kệ tụng thứ nhất hiển thị các dục đời thời thuộc dục tà hạnh và quả tà hạnh. Trong kệ tụng thứ hai hiển thị xả dục xứng với chánh đạo lý, tịnh tu phạm hạnh, nhưng bị chê trách luận bàn là không hợp đạo lý và dục đời

thời. Như kệ tụng thứ hai thì kệ tụng thứ ba cũng vậy. Trong kệ tụng thứ tư, Thế Tôn hiển thị pháp chúng đắc hiện tiền, mạnh mẽ xa lìa vĩnh viễn cho đến bậc trí giả tự bên trong chúng đắc.

Lại nữa, kệ tụng thứ nhất tuyên nói các dục đây là tướng nên nói, hiển thị dục đợi thời, do các dục kia chẳng phải lúc vừa cần đến tức liền được toại ý. Tóm yếu là dụng lời nói làm đầu, về sau mới truy cầu thọ dụng. Lại hiển thị đối với các dục, kia vì trụ nơi tướng không hiểu biết rõ ràng, nên phát khởi tà hạnh, cùng chiêu lấy quả báo tà hạnh trong sanh tử.

Kệ tụng thứ hai hiển thị vì năng rõ biết các dục, vì xa lìa tà nguyện, vì tịnh tu phạm hạnh, vì xa lìa tà kiến, vì xa lìa kiến, ngã mạn căn bản, vì xa lìa đắm trước lợi dưỡng cung kính, nên xả bỏ các dục, xứng hợp với chánh đạo lý. Do nhân duyên đây, sự chê trách luận bàn của người không hợp đạo lý. Lại hiển các dục đây là tánh đợi thời. Vì sao? Nếu có người ở đời trước không tạo phước, đời nay tuy có dụng công, nhưng với những việc họ vui thích cũng cảm quả không toại lòng. Hoặc chỉ làm phước ở đời hiện tại, thì ngay trong đời này, đối

với những việc mà họ vui thích cũng không hòa hợp. Do nhân duyên đây, việc toại ý về sau mới thành tựu trọn vẹn. Bởi thế nên các dục được gọi là đợi thời.

Kệ tụng thứ tư hiển thị đoạn phiền não kiến sở đoạn, tức ở hiện tại chứng Sa-môn và quả Sa-môn thứ nhất. Lại vì đoạn phiền não tu sở đoạn, tức ở hiện tại chứng Sa-môn và quả Sa-môn sau. Vì đoạn tham ái, vì đoạn ngã mạn, như vậy hiển thị pháp sở chứng hiện tại. Lại vì lìa đắm trước, vì khổi thanh tịnh, hiển thị lìa hẳn sự thiêu đốt mạnh mẽ, cho đến tận bên trong chứng đắc của bậc trí giả. Người kia đã đắc pháp “tự nội sở chứng” như vậy.

Sao gọi là khiến người phải được rõ biết? Do tướng biểu hiện là không thiêu não, không sự hi vọng.

Trong đây, ba kệ tụng trước hiển thị Thế Tôn vì chư thiên nói: “Bí-sô chẳng thể hiển dương đại nghĩa thánh giáo Như Lai, mà riêng Ta năng thuyết”. Lúc nói lời đây, chúng kia đã lãnh hội tỏ ngộ, tâm lắng miệt đối với Bí-sô và tâm kiêu mạn ở nơi tự thân đều được trừ diệt. Kệ tụng thứ tư rộng hiển đại nghĩa thánh giáo Như Lai.

Bị dục tham ngăn che  
Tâm tôi thiêu đốt khắp  
Chỉ Đại tiên thương xót  
Dạy tôi khiến tịch tĩnh

*– Do ông tướng điên đảo  
Khiến tâm thiêu đốt khắp  
Cho nên thường xa lìa  
Tướng diệu tịnh dẫn tham*

*Ông phải tu bất tịnh  
Thường định ở một cảnh  
Làm lửa tham chóng diệt  
Phải luôn luôn tưới tẩm*

*Quán các hành không diệu  
Là khổ, là vô ngã  
Cũng buộc niệm nơi thân  
Nhiều tu tập chán lìa*

*Tu tập nơi vô tướng  
Hoại mạn và tùy miên  
Do nơi mạn hiện quán  
Sẽ chứng ngăn mé khổ.*

Sao gọi là tướng điên đảo? Đó là đối với cảnh bất tịnh, xả tướng bất tịnh, tư duy bất chánh, thủ lấy tướng tịnh diệu và thủ lấy tùy hảo.

Sao gọi là xa lìa tướng tịnh diệu dẫn tham? Như có người thấy các cô gái dung sắc khả ái nên sanh khởi yêu thích, liền nhiếp giữ các căn, không duyên theo sự nhớ nghĩ.

Sao gọi là thường định ở một cảnh, tu tập bất tịnh? Như có người trước dùng phương tiện thiện xảo thủ tướng Hiền thiện tam-ma-địa, đó là tướng xanh bầm, tương sinh... cho đến tướng xương trắng, hoặc tướng xương nát. Ở nơi cảnh giới khả ái hiện đang được, tức dụng tướng đây buộc niệm tư duy. Như sự thủ tướng đã thực hành ở trước, sau cũng hành như vậy. Lại ở nơi nội thân của mình, hoặc của người, quán sát chủng chủng bất tịnh tràn đầy. Đó là quán nơi thân đây có tóc, có móng, cho đến phần tiểu... chủng chủng bất tịnh.

Sao gọi là quán sát các hành không phải diệu, lấy đây làm khổ? Như có người tác tư duy như vậy: "Ta đã thấy chút ít dung sắc khả ái của người con gái nên sanh yêu thích rồi, lại tiếp tục sanh tham ái mong muốn thọ dụng. Đây tức là tập đế, là nhân

của các khổ. Do vì sanh đây, nên chủng chủng nhiều nã như lão, tử, sầu, thán, ưu khổ... cũng từ đây được sanh”.

Sao gọi là quán sát các hành không phải diệu, lấy đây làm vô ngã? Như có người tác tư duy như vậy: “Ở nơi thân hình ta và nơi thân hình người nữ đều không có ngã và hữu tình. Vậy ai hay thọ dụng? Ai được thọ dụng? Chỉ là các hành, chỉ là các pháp từ các duyên sanh”.

Sao gọi là buộc niệm nơi thân, nhiều tu chán lìa? Như có người tánh thuộc chủng loại dục tham mạnh mẽ hưng thịnh. Do thuộc loại dục tham mạnh mẽ hưng thịnh đây, nên tuy nhiếp các căn, mà vẫn bị tham dục tổn hoại nơi tâm. Tuy tác ý tư duy bất tịnh, khổ và vô ngã, mà cũng bị dục tham tổn hoại nơi tâm. Do nhân duyên đây, người kia nương bất tịnh, hoặc khổ, hoặc vô ngã, tùy thời tác ý tư duy nhằm chán, hủy hoại, trái nghịch, chẳng thuận. Ở nơi thân niệm trụ, buộc niệm tại tiền, thân cận tu tập, hoặc nhiều tu tập.

Vì người kia trụ nhiều hành như vậy, liền năng đoạn dứt dục tham mạnh mẽ hưng thịnh đây. Hoặc nhiếp các căn, cũng không bị dục tham

tổn hoại nơi tâm. Hoặc lại tác ý tư duy bất tịnh, khổ và vô ngã, cũng chẳng bị dục tham tổn hoại nơi tâm. Kia hành tu tập như vậy, chỉ hiện hành đoạn các dục tham triền, không phải đoạn tùy miên.

Lại dục tham triền và tùy miên đây, tóm lược ở 2 chủng bổ-đặc-già-la tương tục khá đặc: 1. Ở dị sanh tương tục khá đặc; 2. Ở hữu học tương tục khá đặc.

Trong thân hữu học cũng có một phần không đặc, tuy đối với tham cõi dưới đã vĩnh viễn đoạn, đã được an ổn, nhưng đối với tham cõi trên vì chưa đoạn, nên chưa được an ổn.

Trong thân vô học, sở hữu dục tham cõi trung và cõi diệu mà còn không đặc, hà hướng của cõi thấp kém. Vì bậc vô học đã đoạn tham cõi dưới và tham cõi trên, nên ở tất cả phần đã được an ổn.

Một phần hữu học đã biết rõ dục đây nhưng chưa lìa dục tham, về sau trụ nơi vô học sanh tâm vui thích xa lìa, vì thấy công đức tịch tĩnh của Bát-niết-bàn. Cũng vì không trở lại tư duy tất cả tướng, vì thường chánh tư duy vô tướng giới, vì siêng tu học vô tướng định. Lại vì ở đây nhiều tu tập, nên

vĩnh viễn đoạn trừ ba cõi, tu đoạn trừ ngã mạn. Do đoạn trừ đây, nên gọi là vô học. Đã lìa dục của ba cõi, đoạn trừ tham của cõi trên và cõi dưới, đã được an ổn vì tất cả nhân khổ đều được xả bỏ xa lìa, chúng đắc ngần mé các khổ. Như vậy nên nói: *Tu tập nơi vô tướng; Hoại mạn và tùy miên; Do bốn mạn hiện quán; Sẽ chúng ngần mé khổ.*

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết ở trên. Đó là hiển thị tham dục do đây mà sanh, do đây tịch tĩnh và kia tịch tĩnh.

Tham dục do đây mà sanh: tức là do 5 nhân: 1. Do tưởng tịnh diệu; 2. Do vui hân lạc; 3. Do tưởng hữu tình; 4. Do tham mạnh mẽ hưng thịnh; 5. Do tùy miên còn sót thừa chưa tận hết.

Tham dục sanh rồi, do đây tịch tĩnh: tức là do 5 nhân: 1. Do tác ý tư duy bất tịnh; 2. Do tác ý tư duy khổ; 3. Do tác ý tư duy vô ngã; 4. Do buộc niệm, tu nhiều chán lìa; 5. Do tùy miên vĩnh viễn diệt không sót thừa.

Kia tịch tĩnh: Tịch tĩnh đây lược có 2 chủng: 1. Hiện hành tịch tĩnh; 2. Vĩnh viễn đoạn tùy miên, đương lai không sanh khởi. Do bốn chủng nhân duyên tịch tĩnh trước, nên thành chủng tịch



tĩnh đầu tiên. Do chủng nhân duyên tịch tĩnh thứ năm, nên thành chủng tịch tĩnh thứ hai.

Nên biết đây gọi là nghĩa tóm lược.

Sao gọi Bí-sô nhiều sở trụ  
 Vượt năm bạo lưu sẽ vượt sáu?  
 Sao gọi người định năng qua rộng  
 Dục ái mà chưa được cái phao?

*– Thân khinh an, tâm khéo giải thoát,  
 Không tác, buộc niệm, không khuynh động,  
 Liễu pháp, tu tập vô tâm định,  
 Lỗi phần, ái, hôn trầm, giải thoát*

*Như vậy Bí-sô nhiều sở trụ  
 Vượt năm bạo lưu sẽ vượt sáu  
 Như vậy người định năng qua rộng  
 Dục ái mà chưa được cái phao.*

Đây là kệ tụng của thiên nữ thỉnh hỏi. Bạo lưu có sáu: đó là bạo lưu của mắt năng thấy các sắc, cho đến bạo lưu của ý năng rõ biết các pháp.

Thánh đệ tử Phật, bậc hữu học đã kiến tích, nơi mắt nhận biết sắc thuận theo hỷ, không trụ

nơi ái; nơi mắt nhận biết sắc thuận theo ưu, không trụ nơi khuể; nơi mắt nhận biết sắc thuận theo xả, thì lớp lớp tư trạch, an trụ nơi xả. Giả sử phiền não kia đã sanh, hoặc dục tham triền, hoặc sân khuể triền, hoặc ngu si triền; do ba thân làm duyên là hỷ thân, ưu thân và xả thân, mà kia không dấn trước kiên cố cho đến nhả ra. Do nhân duyên đây, các phiền não triền thuộc ba thân chẳng thể hiện hành, trụ nơi khinh an.

Như vậy gọi là được thân khinh an. Nhưng chưa thể được tâm khéo giải thoát, bởi phiền não tùy miên vẫn chưa vĩnh viễn đoạn. Ở thời sau, lại năng vĩnh viễn đoạn tùy miên thuộc ba thân, tức nơi các phiền não thuộc kia đã xa lìa tùy phược. Như vậy được gọi là ở nơi ba thân, chỗ của tham sân si, tâm khéo giải thoát.

Như nơi mắt nhận biết sắc, cho đến nơi thân nhận biết xúc nên biết cũng vậy. Như vậy đã đoạn năm hạ phần kiết, vượt qua năm bạo lưu, đó là vượt qua bạo lưu của mắt năng thấy các sắc, cho đến vượt qua bạo lưu của thân năng biết các xúc.

Như vậy đã vượt qua năm bạo lưu, còn lại bạo lưu thứ sáu là ý cần phải vượt qua. Lại tu không tạo

tác, không động lay, buộc niệm.

Không tạo tác: đối với Niết-bàn, sanh tâm nguyện vui muốn, không bị ngã mạn làm khuynh động, không tư duy cũng không tạo tác. Lại không bị kế chấp: “Đương lai ngã, ngã sở sẽ có, cho đến ta sẽ phi tướng, phi phi tướng...” làm khuynh động, không tư duy cũng không tạo tác.

Không động lay: tức là không bị thượng phần các kiết kia cột trói nhiều loạn tâm. Không động lay, không biến chuyển, cũng không hối cải chuyển đổi. Lại tùy nơi một trong số các định tịch tĩnh, không sanh ái vị luyến mộ, đấm trước kiên cố.

Buộc niệm: vì đoạn thượng phần các kiết kia, nơi nội thân trụ quán theo thân, như vậy cho đến nói rộng niệm trụ.

Do tu không tạo tác như thế, nên đoạn các sanh ái. Do tu không động lay như thế, nên đoạn các định ái. Người kia xa lìa tất cả sự hiện hành, nên gọi là đoạn. Do tu buộc niệm, khiến tất cả thượng phần các kiết vĩnh viễn đoạn không sót thừa, nên tu tập đối trị.

Như vậy vì nương tu tập không tạo tác, không động lay, buộc niệm, năng khiến tất cả thượng

phần các kiết vĩnh viễn đoạn không còn sót. Đây gọi là vượt qua bạo lưu thứ sáu, đó là bạo lưu của ý năng rõ biết các pháp.

Lại có sự giải thích khác. Sao gọi là không động lay? Nói không động lay, tức là căn *từ* thiện, tánh không sân. Do nhân duyên đây, các Thánh đệ tử ở nơi thân đoạn trừ tà nguyện, tu Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na. Do *từ* kia nên tu Xa-ma-tha, do niệm trụ nên tu Tỳ-bát-xá-na. Chánh tu hành như vậy, ở nơi năng tùy thuận đoạn thượng phần kiết, tu tập ba tâm chóng được viên mãn. Đó là đối với thân cõi trên tâm không đắm nhiễm. Đối với hữu tình cõi dưới tâm không phần khuể. Người không phóng dật, tức là đối với cảnh trên dưới tâm không nhiễm ô, còn lại như trước thuyết. Như vậy gọi là vượt qua năm bạo lưu, sẽ vượt qua bạo lưu thứ sáu.

Liễu pháp: tức là ở nơi pháp khổ, năng hiểu rõ, năng quán sát. Ở nơi pháp tập, diệt và đạo, năng hiểu rõ, năng quán sát.

Tu tập vô tâm định: tức là đã năng liễu tri pháp như thật rồi, lại an trụ trong đoạn diệt và xả bỏ xa lìa sự trói cột của các dục nơi cư gia. Hoặc sống ở chốn a-lan-nhã, hoặc ở dưới gốc cây, chốn

không nhân. Đối với sở hữu hỷ thân, mất nhận biết sắc thuận theo hỷ; đối với sở hữu ưu thân, mất nhận biết sắc thuận theo ưu; đối với sở hữu xả thân, mất nhận biết sắc thuận theo xả. Đối với sở duyên đây, không bị tầm dục triền, tâm nhiều an trụ, cho đến cũng không sanh tầm triền tương ưng với nhà thế tục, tâm nhiều an trụ. Giả sử sanh khởi tầm dục, cho đến tầm tương ưng với nhà thế tục, tức năng như thật rõ biết ra khỏi. Không bị tầm dục làm chướng ngại, cho đến không bị tầm tương ưng với nhà thế tục làm chướng ngại, chỉ năng tĩnh lặng quán sát suy nghĩ tỉ mỉ thẳm sâu. Do phương tiện đây, do tu đạo đây, năng đoạn quá thất phần khuể ái thân, năng đoạn quá thất của hôn trầm xả thân. Vì các triền đoạn, nên thân được khinh an. Vì tùy miên đoạn, nên đối với ba thân nhiệm ô hệ thuộc Dục giới, tâm khéo giải thoát. Bất giờ gọi là đã vượt qua các dục ái rộng lớn, chỗ gọi nơi các sắc cho đến xúc, ái lưu hành khắp, hoặc ái hòa hợp, hoặc ái tăng trưởng, hoặc ái không lìa, hoặc ái không hòa hợp, hoặc ái thối giảm, hoặc ái biệt ly, hoặc ái trở lại thọ sanh ở Dục giới.

Lại có sự giải thích khác. Sao gọi là tu tập vô tâm định? Tức là đã đắc Không tâm không tứ tĩnh lực, còn lại như trước đã thuyết.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói ở trên. Đó là thiên nữ kia tóm lược hỏi Thế Tôn về 3 chủng yếu nghĩa: 1. Đoạn hạ phần kiết; 2. Phương tiện đoạn thượng phần kiết; 3. Tức phương tiện đoạn hạ phần kiết kia và khéo đoạn như kia.

Hỏi như vậy rồi, bấy giờ Thế Tôn tùy theo đó dẫn dạy. Đó là do thân khinh an, tâm khéo giải thoát, như vậy đã trả lời câu hỏi của thiên nữ kia về *đoạn hạ phần kiết*, không phải phương tiện đoạn.

Do không tạo tác, buộc niệm, không động lay, như vậy đã trả lời câu hỏi của kia về *đoạn thượng phần kiết*, không phải phương tiện đoạn mà ở kia đoạn.

Các đoạn trước thiên nữ cũng liền lãnh hiểu, chỉ trừ phương tiện đoạn hạ phần kiết và khéo đoạn như kia. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trước dạy dụng tu Vô tâm định, rộng nói bằng nhiều cách khác nhau để trả lời câu hỏi về phương tiện đoạn, đó là năng đoạn, như đoạn và sở đoạn. Trong đây, liễu

pháp gọi là năng đoạn, tu vô tâm định gọi là như đoạn. Lỗi phần sở đoạn, đó là phẩm sân khuể. Lỗi ái sở đoạn, đó là phẩm tham dục. Lỗi hôn trầm sở đoạn, đó là phẩm ngu si. Như vậy gọi là năng đoạn, như đoạn và sở đoạn.

Như vậy rộng đáp phương tiện đoạn rồi, chỉ còn lại như kia khéo đoạn. Lại do nhân duyên tu Vô tâm định thứ hai sai khác, trả lời cho câu hỏi khéo đoạn. Nói khéo đoạn, tức là đoạn rất ráo, đoạn hết phần, đoạn tất cả tạp nhiễm. Do rõ biết pháp, giải thích đoạn rất ráo. Do tu vô tâm định, giải thích đoạn hết phần. Do đoạn tất cả tham sân si triền và tùy miên, giải thích đoạn tất cả tạp nhiễm. Nên biết trong đây gọi là nghĩa tóm lược.

Lại thiên nữ kia, nương theo các hữu học nhưng chưa thể đắc thắng ý, tuy đã ly dục tham, nhưng chưa lìa tham thượng nên mới khởi thưa hỏi. Ý gọi là cái phao. Như kinh thuyết: “Thẹn hổ lấy phao ý làm trụ”. Đối với phao đây vẫn chưa chứng đắc, thì nói kia chưa đắc cái phao. Trong đây gì gọi là cái phao? Đó là đối với các kiết, tâm khéo giải thoát.

Thế gian thường có sợ

Chúng sanh thường chán ngán  
Nơi các khổ chưa sanh  
Hoặc trong khổ đã sanh  
Nếu có ít không sợ  
Nay mong vì tôi nói.

*– Trời, Ta quán giải thoát  
Không là trí, tinh tấn  
Không là nhiếp các căn  
Không là tất cả xả.*

Tôi xem rất lâu xa  
Phạm chí Bát-niết-bàn  
Đã qua các sợ hãi  
Vượt tham đắm thế gian.

Nay trong kệ tụng đây, từ Dục giới cho đến Hữu danh, các thân đều gọi là thế gian. Nghĩa trong đây tức là ý hữu tình thế gian ở Dục giới có vui có khổ. Nếu các hữu tình được sự nhiếp dưỡng đầy đủ của mười vật dụng nuôi thân, không bị thiếu thốn, thân an vui khỏe mạnh không bệnh tật, tuổi chưa già yếu, gọi là hữu tình thế gian có



vui. Trái với tướng đây, nên biết là hữu tình thế gian có khổ.

Chúng sanh thế gian phần ít có vui, phần nhiều có khổ. Các hữu tình thế gian có vui thường ôm lòng lo sợ: “Chớ để tài bảo của ta bị vua xâm đoạt, nói rộng cho đến chớ do duyên đây mà gặp các khổ nạn. Chớ để gió, nóng phát khởi bên trong, cho đến chớ để người hoặc phi nhân xâm tổn ta”. Như vậy sự khổ do lo sợ của cải tài sản bị biến hoại trong vị lai và sự khổ do thân bị hư hoại, nên tâm thường sợ hãi. Các hữu tình thế gian có khổ, hiện bị các khổ bức bách thân tâm, có ưu, có khổ, có sầu, có tên nhọn, có các nhiễu não, hằng sống không an ổn. Như vậy nên nói: *Thế gian thường có sợ; Chúng sanh thường chán ngán; Nơi các khổ chưa sanh; Hoặc trong khổ đã sanh*. Do nhân duyên đây, chư thiên kia hiện thấy các hữu tình thế gian dù có vui mà vui đây không chắc chắn, nên thỉnh hỏi Như Lai về sự có vui chắc chắn và không có sự lo sợ.

Bấy giờ Thế Tôn liền vì vị trời kia phương tiện dạy bảo: Chỉ trong Thánh giáo mới có việc như vậy. Trong các pháp ngoại đạo không có được.

Như có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn trụ ngoài chánh pháp, không như thật biết quá hoạn của các dục trong hiện pháp và ở đương lai. Vì không biết nên hy cầu các dục vị lai sai khác. Xả dục hiện pháp, cầu dục hậu pháp, tinh cần thọ học sở hữu cấm giới. Tuy an trụ cấm giới như vậy, nhưng lại không có trí tuệ, chẳng phòng hộ căn môn, chẳng giữ gìn chánh niệm, không thường rời niệm, cho đến nói rộng. Vì kẻ kia chẳng điều phục nghiệp giữ các căn môn, nên đối với chút ít lợi dưỡng cung kính mà người khác thí cho, vẫn còn sanh ái vị bậc thượng tùy khởi luyến trước, hà hưởng lợi dưỡng rộng lớn. Kẻ tinh cần thọ học cấm giới mà xa lìa trí tuệ mật hộ căn môn như vậy, đối với dục ở hiện pháp còn chẳng thể đoạn trừ, hà hưởng đoạn dục ở hậu pháp.

Lại ở nơi kia có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn rõ biết thô quá hoạn của dục, nên năng vượt qua các dục hiện pháp và hậu pháp, nhưng lại hân cầu ly dục của địa trên là chỗ không phải giải thoát mà khởi tưởng cho là giải thoát. Do đoạn trừ xả bỏ các dục, liền đến viễn ly. Kia tinh cần chánh tư duy luôn nhiều tu tập như vậy, ly dục Dục giới, cho đến ly dục Vô sở hữu xứ. Do nhân duyên đây, xả tự thể

cõi dưới, yêu thích tự thể cõi trên. Do ái kia, nên ở đời dương lai còn không thể giải thoát khỏi tự thể địa dưới, hà hướng địa trên.

Như vậy những kẻ kia lầm lạc xả bỏ tài bảo, tự thể, mê lầm, lạc đường. Tuy an trụ vững mãnh tinh cần, mà lại không thể được một hương khoái lạc, tức là cõi không còn sự sợ hãi. Vì cố sao? Bậc thầy ngoại đạo kia vẫn còn không thấy không biết cõi đây, hà hướng có thể vì các đệ tử rộng khai thị chỉ bày. Luận mà bậc thầy ngoại đạo và đệ tử chế lập, chắc chắn không có các ngăn mé khổ.

Trái với tướng đây, tức trong chánh pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, nên biết có đầy đủ tất cả nghĩa lợi, cho đến nhất định có các ngăn mé khổ. Nương mật ý này, Phật vì vị trời kia thuyết lời như vậy: *Trời, Ta quán giải thoát; Không là trí, tinh tấn; Không là nhiếp các căn; Không là tất cả xả.*

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là vì hiển thị trong tà pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, thầy và đệ tử đều có sự suy tổn. Trong chánh pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, đầy đủ sự tốt đẹp an lành, năng chứng tận ngăn mé tất cả khổ. Nên biết gọi là nghĩa tóm lược trong phần này.

Bấy giờ vị trời kia nghe Đức Phật Thế Tôn đáp lời thưa hỏi liền hoan hỷ vui mừng, dùng 4 chủng công đức vô lượng tán thán Như Lai. Đó là: Đức Phật Thế Tôn khó xuất hiện, hiện ra nơi đời năng thành tựu hạnh lợi tha, cũng năng kiến lập đức tự lợi. Ở nơi hạnh tự lợi, lợi tha, xa lìa tâm nhiễm. *Tôi xem rất lâu xa; Phạm chí Bát-niết-bàn*, lời kệ đây tán thán đức khó xuất hiện nơi đời của Đức Phật. *Đã vượt qua các oán*, lời kệ đây tán thán đức hành lợi tha của đức Phật. *Đã qua các sợ hãi*, lời kệ đây tán thán đức tự lợi của Đức Phật. *Vượt tham đắm thế gian*, lời kệ đây tán thán đức ở nơi hạnh tự lợi, lợi tha mà lìa tâm nhiễm của Đức Phật. Đây là bốn chủng công đức sai khác.

Nên biết lại có 3 chủng sai khác, đó là: vì khó xuất hiện, vì khó thể thấy, vì kiến lập hạnh tự lợi, lợi tha. Thấy, tức là năng thành tựu nghĩa lớn. Thành tựu nghĩa lớn, tức là vì lìa tâm nhiễm, sanh khắp tất cả cũng không có các tội. Các đức của chư Phật Thế Tôn thật là tối thượng thù thắng như vậy, phải lấy tướng đây mà tán thán chư Như Lai.

## Quyển 18

### Thứ 11. TỬ SỞ THÀNH ĐỊA

#### Phần 3

Ai giúp thắng loại sanh  
Và khai đạo xuất ly  
Ở đâu trụ, học gì  
Không sợ chết đời sau?

*– Tự huân tu giới, tuệ  
Đủ định, niệm, chánh trực  
Đoạn sâu ưu thiêu đốt  
Chánh niệm, tâm giải thoát*

*Năng giúp thắng loại sanh  
Và khai đạo xuất ly  
Trụ đây, nơi này học  
Không sợ chết đời sau.*

Nay trong kệ tụng đây, nói đến thắng loại tức là 4 loại dòng họ thắng thượng: 1. Bà-la-môn; 2. Sát-đế-lợi; 3. Phệ-xá; 4. Thủ-đà-la. Dùng giáo pháp,

dùng chân chánh, dùng phép tắc, dùng chỉ dẫn để dạy loại sanh thẳng thượng, nên gọi là *giúp*. Trong đây hiển thị chỉ có chư Phật Thế Tôn mới có thể dùng giáo pháp, dùng chân chánh, dùng phép tắc, dùng chỉ dẫn, để dạy loại sanh thẳng thượng. Do nhân duyên đây, Đức Thế Tôn tự hiển “chỉ có Ta là bậc trợ giúp dẫn dắt chân chánh”, nên vì trời kia tác lời như vậy: “Dùng đầy đủ giới, dùng đầy đủ tuệ để tự huân tu”. Lại chỉ có Thế Tôn năng vì bốn chủng loại sanh thẳng thượng trên, tuyên thuyết tám thánh đạo chi khiến ra khỏi tất cả các khổ. Trong đây, Thế Tôn cũng tự hiển thị là bậc chân thuyết.

Sao gọi là đầy đủ giới? Đức Phật Thế Tôn khi xưa hành Bồ-tát hạnh, xả bỏ các dục vi diệu thù thắng, xả bỏ xa lìa cuộc sống gia đình, sở hữu thân ngữ thọ trì luật nghi.

Sao gọi là đầy đủ tuệ? Kia đã phát khởi tướng an trụ thọ trì thân ngữ luật nghi như vậy, bên trong chánh tư duy, thân tâm thọ lượng, quán sát tỉ mỉ thẳm sâu đạo lý “Nay thế gian đây gặp nhiều khổ nạn, đó là hoặc sanh, hoặc lão...” như kinh đã rộng thuyết.

Sao gọi là tự huân tu? Thuở xưa ở vô lượng đời khác, trải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp, tu tập, khéo tu tập sáu Ba-la-mật-đa. Do nhân duyên đây, nay không thấy mà tâm tự nhiên hướng đến xuất ly. Lại đối với các duyên sanh các hành, dùng trí vi diệu năng tùy ngộ nhập.

Sao gọi là đầy đủ định? Tức là cho đến năng lìa dục Vô sở hữu xứ, chúng đắc Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Sao gọi là đầy đủ niệm? Tức là nương thẳng định đã đắc như vậy, vì đoạn kiến, đoạn các phiền não, nên tu tập bốn niệm trụ. Tức lấy tu tập niệm trụ làm tiền dẫn, cho đến tu tập ba mươi bảy chủng pháp Bồ-đề phần.

Sao gọi là chánh trực? Kia sanh khởi chánh trực nghịch lưu tám thánh đạo chi, năng đoạn sở hữu phiền não kiến sở đoạn. Ở nơi đạo nghịch lưu đắc thuận Dự lưu.

Sao gọi là vĩnh viễn đoạn tất cả sáu ưu thiêu đốt? Đó là thuận theo hiện quán đế, cùng đắc thành tựu quả Bất hoàn. Lại năng vĩnh viễn đoạn năm hạ phần kiết. Ở nơi sân khuể giống như thuận theo sáu ưu và tham dục giống như thuận theo

thieu đốt đều đã đoạn vĩnh viễn.

Sao gọi là chánh niệm? Tức là vĩnh viễn đoạn năm thượng phần kiết, lại thêm tu tập bốn chủng niệm trụ, cho đến tu tập ba mươi bảy chủng pháp Bồ-đề phần.

Sao gọi là tâm giải thoát? Vì đã vĩnh viễn đoạn thượng phần kiết. Đối với hai chủng chướng là phiền não chướng và sở tri chướng, tâm khéo giải thoát. Tâm đã khéo giải thoát như vậy, nên đắc thành tựu Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, như kinh đã rộng thuyết. Do đây nên năng giúp thắng loại sanh, khai mở đạo xuất ly.

Trong bốn chủng thắng loại sanh đây, tùy theo mỗi chủng đối với thánh giáo vui thích chánh hành, vì muốn chứng đắc tám thánh đạo chi, nên ở trong ba học siêng năng tinh tấn tu học. Người kia quyết định năng chứng tám thánh đạo chi và quả Niết-bàn. Do chứng đắc đây, nên đời đương lai không sợ sanh lão bệnh tử.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là lược hiển thị duy chỉ có Phật Thế Tôn năng khiến bốn loại sanh kia nhanh chóng chứng đắc thanh tịnh. Nếu kia năng chánh tu hành



theo lời dạy dẫn của chư Phật, thì không phải là việc hư huyền. Lại thị hiện thánh giáo của Như Lai, chánh pháp được khéo thuyết và Tỳ-nại-da. Lại thị hiện Phật là bậc Đại sư vô thượng, thầy của trời người. Nên biết đây gọi là lược nghĩa của phần này.

Thế nào tiếng khen lành?

Thế nào đủ tài bảo?

Thế nào được khen ngợi?

Thế nào nhiếp thân hữu?

*– Trì giới tiếng khen lành*

*Bố thí đủ tài bảo*

*Chân thật được khen ngợi*

*Huệ xả nhiếp thân hữu.*

Sao gọi là trì giới năng khiến có được tiếng khen lành? Như có người nam, hoặc người nữ thực hành đầy đủ giới pháp hiền thiện, cho đến lúc mạng chung đều đoạn trừ tội sát giết, xa lìa việc sát sanh... như kinh đã rộng thuyết, cho đến mười phương chỗ có Sa-môn, Bà-la-môn thường khen ngợi. Do nhân duyên đây, khiến các quốc vương,

quần thần, trưởng giả cho đến dân chúng tụ lạc, thành ấp, cung kính cúng dường.

Sao gọi là bố thí năng khiến có được đầy đủ trân bảo tài của? Như có người, xưa trong đời khác đã từng làm và tặng trưởng sự nghiệp phước thí. Do nhân duyên đây, đời nay sanh vào nhà có nhiều phước lớn, có tài sản lớn, cho đến có nhiều kho tàng đầy ắp.

Sao gọi là chân thật được khen ngợi? Như có người không dùng cân, đấu, hộp... gian dối, hoặc các việc siểm khúc, lảng miệt, vọng ngôn... để có được tài bảo. Chỉ dùng tài năng như pháp gây dựng các sự nghiệp, nương pháp không bạo ác để có được tài bảo. Do kia đã làm như vậy, nên mọi người đều xưng lời: “Lành thay bậc hiền sĩ, cho đến năng dụng tài năng như pháp để tạo làm các sự nghiệp, để có được tài bảo”.

Sao gọi là huệ xả năng nhiếp thân hữu? Như có người hiện tiền có rất nhiều vô số gia sản mà xa lìa xan cấu, không lẩn tiếc của cải, lấy sự an lạc chân chánh để làm mình vui, cho đến giúp bạn hữu thân thích lớn tuổi. Những người kia qua lại giúp đỡ lẫn nhau để cùng có được tài bảo, lại khiến

giữ gìn tăng trưởng tài bảo.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là lược hiển thị hai chủng nhân duyên là cung kính và lợi dưỡng. Trì giới tiếng khen lành, hiển thị nhân duyên cung kính. Các câu còn lại hiển thị nhân duyên lợi dưỡng, tức là do lực nhân, lực sĩ dụng và lực trợ bạn. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Ngang đâu suối ngừng nghỉ?  
Nơi đường nào không thông?  
Các khổ vui thế gian  
Chốn nào diệt không sót?

– Nếu ở nơi chốn này  
Mắt, tai cùng với mũi  
Lưỡi, thân, ý, danh sắc  
Diệt hẳn không còn sót

Ngay đây dòng suối ngừng  
Nơi đường này không thông  
Các khổ vui thế gian  
Chốn này diệt không sót.

Sao gọi là suối? Đó là sáu xúc xứ. Vì có sao? Thí như suối, ao sanh ra nước. Nước được giữ lại trong ấy đảm nhiệm xúc dùng. Lại năng nuôi dưỡng nam nữ lớn nhỏ, cầm thú cho đến tất cả cũng chưa tận khô kiệt. Sáu nội xúc xứ, cũng lại như vậy. Tất cả ngu phu xúc dùng sáu cảnh giới xúc, lại năng nuôi dưỡng cho đến trong đây, các nước tham ái chưa tận khô kiệt.

Sao gọi là đường? Đường có 2 chủng: 1. Đường phiền não; 2. Đường nghiệp. Trong ý đây, đường nêu rõ nghĩa các nhân.

Sao gọi là khổ vui? Hoặc ở trong hiện pháp, sáu chủng xúc xứ làm duyên khiến sanh an ổn lãnh thọ nhiếp thuộc sự thọ, hoặc không an ổn lãnh thọ nhiếp thuộc sự thọ. Hoặc ở hậu pháp diệu hành, ác hành mà phiền não nhiếp giữ làm duyên khiến sanh an ổn lãnh thọ nhiếp thuộc sự thọ, hoặc không an ổn lãnh thọ nhiếp thuộc sự thọ.

Sao gọi là nơi mà sáu xứ và danh sắc như vậy vĩnh viễn tận diệt không sót thừa? Đó là trong Vô dư y Niết-bàn giới.

Nơi hàng dị sanh thì tất cả đường, suối, khổ, vui đều không thiếu, cũng chưa xả bỏ.

Nơi các bậc hữu học thì tất cả điều trên có khuyết giảm, mà chưa xả bỏ.

Nơi bậc vô học, thì đường và sở hữu khổ vui ở đương lai cũng khuyết giảm, cũng xả bỏ, không hiện hành trở lại; suốt và sở hữu khổ vui ở hiện pháp cũng khuyết giảm, cũng xả bỏ. Vì ở Hữu dư y vẫn còn hiện hành trở lại, cho nên nói trong Vô dư y Niết-bàn giới, tất cả chúng kia đều được vĩnh viễn tận diệt không sót thừa.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là lược hiển thị nhân và khổ vui ở trong hiện pháp, nhân và khổ vui ở trong hậu pháp. Ở Vô dư y Niết-bàn giới, thấy đều vĩnh viễn diệt. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Gì năng vượt bạo lưu?

Gì năng vượt biển lớn?

Gì năng xả các khổ?

Gì năng được thanh tịnh?

– Chánh tín vượt bạo lưu

Không dật vượt biển lớn

Tinh tấn xả các khổ

Trí tuệ được thanh tịnh.

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là chánh tín năng vượt bạo lưu? Như có người vì muốn rõ biết quá hoạn của các dục, nên lắng nghe lời Phật dạy, hoặc sở hữu chánh pháp mà đệ tử Phật tuyên thuyết. Nghe pháp đây rồi, thu được tâm chánh tín, bèn sanh vui muốn. Vì đoạn trừ sự dục và phiền não dục, bèn năng xả bỏ dục lạc của cuộc sống gia đình, chánh tín xuất gia, hướng đến không nhà. Đã xuất gia rồi, vì muốn đoạn trừ các dục phiền não nên trụ hạnh viễn ly. Người kia vì siêng năng tinh tấn không nhàm mỏi, cho đến vì tu tập chánh tư duy, nên đoạn các dục phiền não, chúng đắc ly dục định địa. Như vậy chánh tín làm chỗ nương, làm chỗ dẫn dắt, bèn năng vượt qua bạo lưu của các dục.

Sao gọi là không phóng dật năng vượt biển lớn? Ở nơi các định kia, trọn không ái vị, cho đến cũng không an trú kiên cố đăm trước. Trừ phi vì chúng các trí lậu tận, nên chuyên chú nơi tâm. Do tâm định đây, nên được thanh tịnh, sáng sạch, chánh trực, điều nhu, năng nhập hiện quán bốn thánh đế, cho đến chúng đắc tận trừ vĩnh viễn các lậu. Như vậy do không phóng dật làm chỗ y nương, làm chỗ dẫn dắt, năng đoạn hai hữu bạo lưu là hệ

thuộc Sắc, Vô sắc, và đoạn trừ hai loại bạo lưu là kiến và tất cả vô minh. Cho nên gọi là vượt qua biển lớn.

Sao gọi là tinh tấn năng xả các khổ? Như có bậc hữu học kiến tích, tác tư duy: “Ta phải chứng đắc sự ly dục ba cõi, vĩnh viễn tận dứt các kiết”. Do đây bèn trụ hạnh viễn ly, an trụ dũng mãnh tinh cần, chẳng nhiều dùng nghỉ nơi tham dục triền buộc tâm. Lại năng như thật rõ biết sở hữu xa lìa vượt khỏi các dục tham triền hiện tại. Đối với tham dục cái, nơi tâm tịnh tu, bèn năng đoạn diệt các tham dục triền và các tâm ưu khổ do tham dục triền làm duyên sanh khởi. Như tham dục cái, cho đến nghỉ cái nên biết cũng vậy. Như vậy tinh tấn làm chỗ nương, làm chỗ dẫn dắt, khiến năng xả các khổ.

Sao gọi là trí tuệ năng được thanh tịnh? Kia đã trừ diệt những điều năng khiến tâm bị nhiễm ô, cho đến trừ diệt năm chủng cái năng chướng cứu cánh Niết-bàn rồi, tức nương nơi vị vị chí, an trụ nơi vị vị chí. Như các trí vô lậu khổ, tập, diệt, đạo đã chứng đắc trước, ở nơi các khổ tư duy chân khổ, cho đến ở nơi đạo tư duy chân đạo, bèn chứng đắc

các lậu vĩnh viễn tận, lìa các dục của ba cõi không sót thừa. Như vậy do trước chúng đắc trí tuệ làm chỗ y nương, làm chỗ dẫn dắt, năng chúng thanh tịnh.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong kệ tụng đây, Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị các hàng đệ sanh trước đã ly dục rồi, sau ở nơi thánh để hiện quán thanh tịnh. Và hiển thị bậc hữu học lấy sự hiện quán các thánh để làm tiền dẫn, ly dục thanh tịnh. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Ai vượt qua bạo lưu?  
 Đêm ngày không hôn ám  
 Nơi không vin không trụ  
 Thẳm sâu không giảm kém.

– Viên mãn các Thi-la  
 Đủ tuệ khéo an định  
 Trong tư duy buộc niệm  
 Năng qua cực khó qua.

Lìa nhiễm các dục tưởng  
 Cũng vượt kiết Sắc giới,



*Kia không vin không trụ  
Thăm sâu không giảm kém.*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là bạo lưu? Đó là 4 lưu: dục lưu, hữu lưu, kiến lưu và vô minh lưu.

Sao gọi là không vin, không trụ? Tức là các ái vĩnh viễn diệt tận, ly dục, tịch diệt Niết-bàn và Diệt tận định. Vì có sao? Chỗ nói vin, tức là các phiền não triền. Chỗ nói trụ, tức là phiền não tùy miên. Ở nơi các xứ kia, hai chủng đây đều không. Cho nên nói là Niết-bàn không vin, không trụ.

Lại tưởng gọi là vin, thọ gọi là trụ. Nếu ở xứ đây, hai chủng đều không, tức nói xứ kia không vin không trụ. Như vậy hiển thị Diệt thọ tưởng định không vin không trụ. Nay trong nghĩa đây, ý lấy Diệt định.

Sao gọi là viên mãn các Thi-la? Là thân ngữ khéo an trụ trong luật nghi, tu sửa trị tịnh mạng.

Sao gọi là đủ tuệ? Tức là ở nơi khổ thánh đế như thật rõ biết, cho đến ở nơi đạo thánh đế cũng lại như vậy.

Sao gọi là khéo an định? Tức là xa lìa các dục, cho đến an trụ đầy đủ đệ tứ tĩnh lự, hoặc hữu thứ nhất tam-ma-bát-đề.

Sao gọi là bên trong tư duy? Là luôn luôn quán sát 22 xứ, như quán: “Ta nay dung mạo, trang sức thay đổi khác thường, xả bỏ hình dáng đẹp đẽ của thế tục...” nói rộng như trong kinh.

Sao gọi là buộc niệm? Tức là khi lớp lớp quán sát 22 xứ kia, nương tướng Sa-môn, hằng nhớ tướng, hằng triển chuyển hiện tại tiền. Do nhân duyên đây, vì đoạn trừ các kiết sót thừa, tu bốn niệm trụ.

Sao gọi là năng qua cực khó qua? Vì đoạn trừ tất cả kiết không còn sót thừa, nên năng vượt qua Hữu đảnh rất khó vượt qua. Vì đối với việc kia, chẳng phải tất cả ngu phu dị sanh có thể vượt qua.

Sao gọi là đối với các dục tướng được lìa nhiễm? Tức là đối với hạ phần các kiết, đã đoạn, đã biết.

Sao gọi là vượt qua các kết Sắc giới? Tức là đối với thượng phần các kiết hệ thuộc Sắc giới, đã đoạn, đã biết.

Sao gọi là ở trong không vin không trụ, thăm sâu, không có giảm kém? Tức là đối với Vô sắc giới, hoặc đã ly dục, hoặc chưa ly dục. Đã đắc Phi phi tướng xứ, có lực kham năng nhập Diệt tận định. Bậc học cùng với vô học đều có trong đây,

cho nên nói vượt các kiết Vô sắc thì bất định.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm ở nơi tụng đây lược hiển thị năng chứng đắc đạo tối cứu cánh và hiển thị năng chứng đạo trụ bậc nhất. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Nhân duyên nào tham, khuể?

Do có chi mừng lo?

Lông dựng, ý tầm tư

Như trẻ nương nhũ mẫu.

– *Nhuân sở sanh, tự sanh*

*Như cây nặc-cù-đà*

*Riêng buộc nơi các dục*

*Giống rừng xứ ma-già*

*Là nhân duyên tham khuể*

*Do đây nên mừng lo*

*Lông dựng, ý tầm tư*

*Như trẻ nương nhũ mẫu*

*Biết kia, nhân duyên kia*

*Sanh rồi tâm trừ diệt*

*Vượt biển xưa chưa vượt  
Bạo lưu không hậu hữu.*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là tham khuê? Như có người sống ở cư gia, đối với cảnh vừa ý, hữu tình vừa ý, cùng nhau gặp gỡ nên sanh khởi tham trước. Đối với cảnh không vừa ý và hữu tình không vừa ý, cùng nhau gặp gỡ nên sanh sân khuê.

Sao gọi là mừng lo? Như có người đối với pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, bỗng nhiên trong thoáng chốc sanh khởi chánh tín. Rồi không khéo quán sát trước sau được mất, bỗng nhiên gắng sức sách tấn mình xả bỏ đời sống gia đình, hướng đến không nhà. Khi xuất gia rồi, lại cùng với phạm phu đạo tục chung sống hỗn tạp, bèn đối với việc tiền tài, bạn bè tới lui nhớ nghĩ mẩn mộ, nên ưu buồn trối buộc tâm. Hoặc lại có người không do chánh tín, cũng không do tự mình nỗ lực mà hướng đến không nhà, nhưng hoặc bị vua bức bách, cho đến hoặc bị sự lo sợ không nuôi nổi mạng sống bức bách, nên xả bỏ đời sống gia đình. Sau khi đã xuất gia rồi, do sự chánh tín của các Bà-la-môn, cư sĩ... thời thời thu được nhiều lợi dưỡng cung kính, nên đắm say yêu thích, thậm nghĩ rằng: “Ta đây ở một

phương tốt thay, không cần ra sức nhọc nhằn cấy gặt, không phải lo việc buôn bán kinh doanh gian khó, mà vẫn nuôi nổi mạng sống”. Kể kia duyên lợi dưỡng cung kính như vậy, thần nhiên trụ trong sự thích thú vui vẻ.

Sao gọi là lông dựng và ý tầm tư? Như có người chẳng phải do mình nỗ lực, chẳng phải vì nuôi mạng sống mà xa lìa cuộc sống gia đình, nhưng do chánh tín, nên xả bỏ cuộc sống gia đình hưởng đến không nhà. Sau khi xuất gia rồi, không cùng với đạo tục phạm phu chung sống hỗn tạp, hưởng đến hạnh viễn ly, sống nơi tịch tĩnh thanh vắng. Kia lúc sống nơi thanh nhàn, hoặc khi thấy bụi sương mù, hoặc vào lúc chiều tối thấy khí mây lớn, nghe tiếng sấm sét vang động, hoặc gặp mưa đá, sấm, hổ, beo, hoặc gặp trộm cướp hung hãn cướp bóc bắt đi, hoặc gặp phi nhân đến gây nhiễu loạn bức bách... bèn phát sanh sợ hãi, lông trên thân dựng đứng. Hoặc vào ban ngày, khi thấy bạn bè thân hữu đẹp đẽ đến lui, bèn nương vào sự đắm say ưa thích phát khởi tầm tư, tức là tầm tư dục... như kinh đã rộng thuyết, cho đến tầm tư tương ưng với nhà thế tục. Như vậy đã thuyết các sự tham khuể.

Sao gọi là nhuần sanh, tự sanh, giống như cây nặc-cù-đà ở thế gian? Nhuần gọi là nước ái. Do nước ái đây làm duyên, năng sanh các thú. Tất cả các sự tham khuể kia đều lấy nước ái đây làm cộng duyên. Tự, tức là lấy tham khuể làm tiền dẫn, tâm tư đi sau, mỗi mỗi chủng tử, tánh, giới sai biệt.

Sao gọi là tham khuể, cho đến tâm tư sự trói buộc của các dục riêng khác? Giống như ở thế gian, dây leo ma-lỗ-già quấn quanh thân cây to. Nếu nói lược thì có 6 chủng dục riêng biệt:

1. Hoặc có sự việc dục hiện tại do dụng lực của thân, tay dẫn đến, đó là sở hữu các dục của kẻ sống ở cư gia. Ở nơi cảnh giới đây, lấy đây làm duyên, phát sanh tham khuể.

2. Hoặc có chủng chủng sự dục hiện tại từ người mà có được, đó là sở hữu các dục của kẻ vì nuôi mạng sống mà xuất gia. Ở nơi cảnh giới đây, dụng đây làm duyên, phát sanh hân duyệt.

3. Hoặc có sự dục quá khứ, vị lai, đó là sở hữu các dục của người bỗng nhiên tự phát khởi nỗ lực mà xuất gia. Ở nơi cảnh giới đây, dụng đây làm duyên, nên phát sanh các sự buồn lo.

4. Hoặc có các dục phiền não khác, lược có hai

chúng là ở tự thể Dục giới và thân mạng, tiền của.

5. Hoặc có loại chưa đoạn tham của hư vọng phân biệt, đó là người do chánh tín mà xuất gia, sống ở chốn nhàn cư tịch tĩnh, trông thấy các việc xảy ra vào ban đêm. Ở nơi cảnh giới đây, dụng đây làm duyên, phát sanh kinh sợ, lông trên thân dựng đứng.

6. Hoặc lại có loại chưa đoạn tham của hư vọng phân biệt. Tức là bố-đặc-già-la đây, vào lúc ban ngày nơi cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc bên ngoài, lấy đây làm duyên, phát sanh sở hữu tâm tư ý địa.

Lại có Sa-môn hoặc Bà-la-môn, như thật rõ biết tham cùng với khuể như trước đã thuyết và nhân duyên phát sanh của kia. Lại năng rõ biết tánh vô thường của các pháp do duyên sanh, nên tùy theo sự sanh khởi của nó mà không khởi tâm tham trước, tức liền xả ra, xả bỏ, đoạn diệt. Vì lìa tham của hai cõi Sắc và Vô sắc, vượt qua hữu bạo lưu. Vì lìa tham của cõi Dục, vượt qua dục bạo lưu. Bạo lưu như vậy, xưa chưa vượt qua thì nay đã vượt qua, trọn không thối giảm trở lại.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

nói trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm trong kệ tụng đây lược hiển 3 vị: 1. Vị tại gia; 2. Vị xuất gia; 3. Vị viễn ly. Lại tóm lược hiển thị nhân duyên cộng cùng bất cộng sanh khởi hoặc ái, hoặc khuể. Ở trong các dục có hai chủng trói buộc riêng khác và phương tiện đoạn, kể cả lợi ích thù thắng của đoạn. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Lại ở trong đây, sở hữu tâm tư hoặc tham, hoặc vui, hoặc nương đắm thích, nên biết nhiếp thuộc phẩm ái. Hoặc khuể, hoặc lo lắng cùng với kinh sợ, nên biết nhiếp thuộc phẩm khuể.

*Bà-la-môn nên làm  
Vị đoạn không phóng dật  
Câu xả bỏ các dục  
Không hy vọng hữu đây*

*Nếu có thêm sở tác  
Chẳng chân Bà-la-môn  
Phải biết Bà-la-môn  
Nơi việc làm đã xong*

*Các thân phần mỗi nhọc  
Chưa tận đáy chưa qua*



*Qua rồi trụ đất liền  
Không động, đến bờ kia*

*Trời, nay người nên biết  
Đây dụ chân phạm chí  
Là tận hẳn các lậu  
Đắc thường ủy tĩnh lự*

*Kia đoạn hẳn tất cả  
Sâu ưu và thiêu đốt  
Hằng trụ nơi chánh niệm  
Tâm cũng thường giải thoát.*

Nay trong kệ tụng đây hiển thị chư thiên kia nương vào Bà-la-môn thế tục, nên hỏi Đức Thế Tôn. Đó là có chủng tánh các Bà-la-môn tự xưng danh hiệu “Ta là chân Phạm chí”, kế chấp cho Phạm thế là cứu cánh cùng tột nên mong cầu cõi Phạm thế, an trụ nơi sắc. Vì muốn đoạn sự dục và phiền não dục, nên thường siêng tinh tấn tâm không mỗi mệt, hằng vui hạnh viễn ly, sống thanh nhàn ở chốn tịch tĩnh, giảm bớt ngủ nghỉ, tu tập định tĩnh. Bởi chủng tánh Bà-la-môn kia kế chấp cho Phạm thế là cõi cứu cánh, nên mong cầu cõi

Phạm thế, không cầu dục hữu.

Lại hiển thị Như Lai nương các Bà-la-môn đệ nhất nghĩa mà dạy bảo cho vị trời kia:

Nếu Bà-la-môn việc làm đã làm rồi, luôn phải nên làm thêm, cần làm các việc thù thắng hơn. Nên biết đây chẳng phải chân Bà-la-môn.

Nếu Bà-la-môn chứng đắc các việc nên làm của Bà-la-môn là vượt qua tất cả thân kiến mà được an trụ nơi đất liền, nên biết đây là chân Bà-la-môn. Đây hiển thị bậc học cùng với bậc vô học đều là Bà-la-môn. Học có hai chủng: đó là ở Dục giới, hoặc chưa ly dục, hoặc đã ly dục.

Người chưa ly dục tức chưa đến được nguồn đáy, chưa đến bờ kia, ở nơi 2 chủng pháp sau vẫn chưa đầy đủ viên mãn: 1. Nội tâm chưa đắc thắng Xa-ma-tha; 2. Tuy đã đắc pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na, nhưng chưa thiện thanh tịnh.

Vì nội tâm khuyết Xa-ma-tha, nên ôm phao Thánh đạo như đã được. Vì nội tâm chứng đắc Xa-ma-tha, nên chuyển vận dũng mãnh tinh tấn như chân. Lại khiến pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na thiện thanh tịnh, nên chuyển vận mạnh mẽ tinh tấn như tay.

Khi người kia ở nơi đông mãnh siêng tinh tấn thực hành tất cả điều như vậy, ly dục Dục giới như đến nguồn đáy, chúng A-la-hán như đến bờ kia.

Người đã ly dục nội tâm chứng đắc thắng Xa-ma-tha, cũng đắc thiện thanh tịnh Tỳ-bát-xá-na. Chỉ vì thắng tiến đoạn thượng phần các kiết, nên phát siêng tinh tấn không phải các thân phần. Nếu đã vượt qua, thành A-la-hán, việc làm đã xong, lìa chuyên cần dụng công, gọi là đã đến bờ kia, an trụ nơi đất liền.

Trong đây nương đệ nhất nghĩa hiển thị các Bà-la-môn lược có ba chủng: hai chủng là hữu học, một chủng là vô học.

Nếu người chưa ly dục, tất cả thân phần cần phải siêng tinh tấn, gọi là được thường ủy.

Nếu người đã ly dục, đến nguồn đáy gọi là đắc tinh lự. Bạc đắc tinh lự đã vĩnh viễn đoạn tất cả hạ phần kiết, đã đoạn sở hữu tất cả sâu ưu thiêu đốt của phẩm tham dục và sân khuể.

Nếu các Bà-la-môn đã rớt ráo đến bờ kia, gọi là vĩnh viễn tận các lậu. Bạc vĩnh viễn tận các lậu, tức vĩnh viễn đoạn các phiền não tu sở đoạn, đã khéo tu tập bốn chủng niệm trụ, hằng trụ chánh

niệm và tâm giải thoát. Bậc kia đã làm rồi, không phải lại luôn luôn làm thêm, cũng không có việc cần làm thù thắng hơn. Cho nên nói bậc kia gọi là chân Bà-la-môn đệ nhất nghĩa.

Bí-sô! Bí-sô đã qua bạo lưu chăng?

Trời nói lời như thế

Không vin, không trụ, đã qua bạo lưu chăng?

Trời nói lời như thế.

– *Bí-sô, ông nay*

*Giống như những gì*

*Không vin không trụ*

*Đã vượt bạo lưu.*

*Như như ta mệt nhọc*

*Như vậy như vậy kém*

*Như như ta kém rồi*

*Như vậy như vậy dừng*

*Như như ta dừng rồi*

*Như vậy như vậy nổi*

*Trời, ta như như xả mệt nhọc*

*Như vậy như vậy không giảm kém*

*Như vậy nói rộng phẩm trắng sạch*

*Nên biết trong đây kệ ngọn lửa.*

Nay ở trong kệ tụng đây, không vin không trụ tức là Niết-bàn diệt định, như trước đã thuyết. Thế Tôn nương vào thuở xưa lúc tu Bồ-tát hạnh, thực hành các khổ hạnh khó hành, đây không phải là nhiếp dưỡng mãnh tinh tấn. Lại nương ngôi tòa Bồ-đề, đây không phải là phương tiện nhiếp dưỡng mãnh tinh tấn. Vì đoạn biến tri mà thuyết lời rằng: “Này trời, ông phải biết, ta xưa kia như như vất vả mệt nhọc, như vậy như vậy ta liền bị giảm kém, như như giảm kém, như vậy như vậy ta bèn dừng nghỉ, như như dừng nghỉ, như vậy như vậy lại bị chìm nổi”. Trái với tướng đây nên biết là phẩm bạch.

Trong đây hiển thị tu khổ hạnh đây không phải là phương tiện nhiếp dưỡng mãnh tinh tấn, cho nên gọi là mệt nhọc. Hành tà phương tiện, bị thối thất thiện pháp, gọi là giảm kém. Đã biết thối thất các thiện pháp rồi, bèn dứt các tà phương tiện, gọi là dừng nghỉ. Xả bỏ các khổ hạnh, tìm cầu thầy khác, lại thuận theo sự tà quán sát của các thầy như Ôt-đạt-lạc-già, A-la-trà... nên gọi là chìm nổi. Lại ở thời sau ngôi tòa Bồ-đề, xả bỏ tất cả cái

không phải phương tiện nhiếp đồng mãnh tinh tấn, nên những thiện pháp sở hữu liền được tăng trưởng. Như như thiện pháp đã tăng trưởng rồi, như vậy như vậy ở nơi các thiện pháp không sanh biết đủ, không dừng nghỉ. Ở nơi việc tu đoạn, triển chuyển tâm cầu điều vi diệu thù thắng hơn. Do không biết đủ như vậy, bèn không tìm cầu thêm thầy ngoại đạo khác. Không thầy, tự nhiên tu ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, gọi là bậc Đại Giác. Trong đây có bốn nghĩa: xả bỏ sự gian khổ mệt nhọc... là kinh văn “bốn câu”, như thứ lớp ấy nên biết phối hợp giải thích.

Lại nương Niết-bàn không vin không trụ để hiển thị sự khác biệt. Tức là không thể vượt qua bạo lưu của các phiền não triền, tùy miên, lược do bốn nhân. Những gì là bốn? Ban đầu nương tâm ham thích, vì lấy tâm ham thích đây làm chỗ nương, bèn có giải đãi. Lại do vì giải đãi làm chỗ nương, nên trụ phần dị sanh. Vì trụ phần dị sanh làm chỗ nương, nên thuận thế lực tham ái mà chảy theo dòng sanh tử, khiến ở trong dòng sông năm thú sanh tử mà thuận theo đó chìm nổi. Trái với tướng

đây là bốn chủng nhân năng vượt qua bạo lưu, tùy theo thứ tự ấy mà biết.

Lại nương Diệt thọ tướng định để hiển thị sự sai biệt. Đó là như có người trước đã chứng đắc Diệt thọ tướng định, nhưng lại trụ nhiều phóng dật, trụ nhiều nơi tướng thọ, mà không trụ nhiều nơi các tướng thọ diệt. Do nhân duyên đây, thối thất diệt định. Do vì thối thất, trở lại dừng trụ ở nhân sanh của địa dưới. Vì trụ nhân kia, tâm quyết định hướng đến sở đắc quả kia. Trái với tướng đây, nên biết là bốn câu khác thuộc phẩm bạch.

Riêng đến a-lan-nhã  
Xả tài bảo, tinh lự  
Vì có mong cầu riêng  
Vì không dạo xóm làng  
Sao không cùng người gặp  
Dứt tuyệt không bạn lữ.

– *Được nghĩa, tâm tịch tĩnh*  
*Diệt quân ma diệu sắc*  
*Ta ở riêng tư duy*  
*Thọ an lạc tối thắng*  
*Nên không cùng người gặp*

*Dứt tuyệt không bạn lữ.*

Đây là kệ tụng thỉnh hỏi của thiên nữ.

Chỗ nói được nghĩa, lược có 2 chủng: 1. Chúng được nghĩa quả Sa-môn; 2. Chúng được nghĩa thánh thần thông.

Do được nghĩa đầu tiên, nên vượt qua tất cả khổ lớn sanh tử. Do được nghĩa thứ hai, nên chúng tám giải thoát, tư duy tịch tĩnh, lạc trú hiện pháp.

Lại do được nghĩa đầu tiên, nên hàng phục diệu sắc khả ái của ma quân. Do được nghĩa thứ hai, nên ở một mình tư duy lãnh thọ sự an lạc thù thắng.

Trong đây ý biện biệt nghĩa thánh thần thông. Vì sao? Đó là như có người vì muốn thành tựu nghĩa thánh thần thông, khiến giải thoát viên mãn, nên tu hành nương theo phương tiện mười biến xứ. Do nhân duyên đây, khiến biến xứ định thanh tịnh viên mãn, cũng khiến giải thoát chuyển được thanh tịnh viên mãn sáng sạch, cũng năng thành xong nghĩa thánh thần thông. Vì kia rõ biết đã thành xong rồi, liền tự thông đạt nghĩa: “Ta đã thành xong”.



Nghĩa quả Sa-môn cũng được thành tựu. Đây là chân Sa-môn. Đối với việc cầu tiền của, tu nhằm chán ghét bỏ sâu. Đối với việc vào thành ấp, giao du gặp gỡ... rõ biết điều đầu tiên, rõ biết quá hoạn, rõ biết xuất ly, cũng năng rõ biết hướng đến hạnh xuất ly.

Nhân duyên sanh ra kia, gọi là điều đầu tiên. Các khổ vô thường tánh pháp biến hoại, gọi là quá hoạn. Điều phục, đoạn trừ, vượt qua dục tham gọi là xuất ly. Tám thánh đạo chi, gọi là hướng đến hạnh xuất ly.

Nếu có người đối với việc giao du kia không thấy điều đầu tiên, cho đến không thấy hướng đến hạnh xuất ly. Do nhân duyên đây, ở nơi các việc hữu tình, trân bảo, tài sản... không thể sanh nhằm chán ghét bỏ sâu, dạo chơi nơi thành ấp xoay vần không dứt, thì người như vậy chẳng được gọi là tâm đặc tịch tĩnh. Đối với người ra khỏi cuộc sống gia đình, chứng tám giải thoát tĩnh lự, nội tâm tịch tĩnh, thì trở lại sanh phỉ báng. Do đây kẻ kia ở nơi nội tâm tịch tĩnh chẳng thể kham năng, chẳng thể khéo thấy, khéo biết, khéo quán sát và khéo thông đạt. Nếu đệ nhất nghĩa nội tâm tịch

tĩnh thì trái với tướng trên, tức có đủ kham năng, khéo thấy cho đến khéo thông đạt.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm trong đây lược hiển thị các kẻ thọ dục, kẻ vui sống hỗn tạp không phải là đệ nhất nghĩa nội tâm tịch tĩnh. Nếu người chúng đắc tám giải thoát định, lìa các ái vị, mới được gọi là đệ nhất nghĩa nội tâm tịch tĩnh. Nên biết đây gọi là nghĩa tóm lược của phần này.

*Các hành vô thường*

*Pháp có sanh, diệt*

*Do vì sanh diệt*

*Kia tịch là vui.*

Trong kệ tụng đây, uẩn và thủ uẩn đều gọi là các hành. Nghĩa trong đây muốn nói thủ uẩn. Năm thủ uẩn đây lược có ba chủng, đó là quá khứ, vị lai và hiện tại. Các hành vô thường, tức là các hành kia gốc vốn không mà sanh, sanh rồi tầm diệt.

Nếu ở quá khứ sanh, sở hữu các uẩn trong các tự thể đã được trong quá khứ vì đều đã là quá khứ, vì đã tàn diệt, vì đã sanh rồi mất, nên thể là vô thường.

Nếu ở vị lai sanh, sở hữu các uẩn trong các tự thể sẽ được trong vị lai vì đều là chưa sanh, vì chẳng phải đã khởi, vì chưa diệt mất, vì có thể sanh khởi, nên đây là pháp có sanh.

Nếu ở hiện tại sanh, sở hữu các uẩn hữu tình tạm sống, giữ gìn, sống còn... trong các tự thể đang có được ở hiện tại, vì đều là pháp chết, vì có thể bị hoại diệt mà chết đi, nên đây là pháp có diệt.

Nếu các uẩn kia ở vị lai, chỗ được tự thể là pháp có sanh, ở khoảng giữa đều không chỗ được tự thể là thường, là hằng, cho đến tức sẽ chánh trụ như vậy. Chỉ trừ vừa mới sanh, sanh rồi tìm đến diệt. Nếu các hữu tình ở trong hiện pháp vĩnh viễn tận diệt nhân các uẩn vị lai, vì khiến tất cả tự thể của các uẩn vị lai đều không sanh, nên thuyết là *kia tịch*.

Lại *tịch* đây do 2 nhân duyên nên được gọi là vui: 1. Vì tất cả nhân khổ diệt, vì tất cả thô trọng vĩnh viễn dùng dứt, vì ở trong hiện pháp trụ an lạc, nên nói là vui. 2. Vì ở đương lai vĩnh viễn thoát khỏi sở hữu các khổ của sanh, lão, bệnh... nên nói là vui.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược thuyết y xứ chánh kiến và quả chánh kiến.

Lại có cách nói khác, đó là lược hiển thị y xứ biến tri và sự đoạn diệt của kia.

Lại lược hiển thị pháp sở biến tri cùng với biến tri.

Lại lược hiển thị sở hữu tạp nhiễm của các hành ba đời và sở hữu vì kia tịch tịnh.

Lại lược hiển thị các pháp duyên khởi cùng với duyên khởi diệt.

Lại lược hiển thị khổ đế, diệt đế.

Lại lược hiển thị xứ sở y của hai giải thoát môn là Không và Vô nguyện, cùng hiển xứ sở y của một môn giải thoát là Vô tướng.

Lại lược hiển thị xứ sở y của hai pháp đoạn trái nhau của hiện quán thánh đế. Chỗ nói 2 pháp: 1. Thuận theo sự hý luận; 2. Lo sợ không hý luận.

Lại lược hiển thị 2 pháp đối trị không cùng chung với ngoại đạo. Những gì là hai? 1. Sở tri, tánh không điên đảo; 2. Sở chứng, tánh không điên đảo.

*Không dật, dậu bất tử*

*Phóng dật là dậu chết*

*Người không dật không chết  
Kẻ phóng dật thường chết*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là không phóng dật là dấu hiệu của không chết? Như có người nương bốn sở y, kiến lập bốn chủng phòng hộ là: phòng hộ mạng, phòng hộ lực, phòng hộ tâm tạp nhiễm và phòng hộ chánh phương tiện. Đây là không phóng dật.

Không phóng dật đây làm chỗ nương, làm chỗ giữ gìn, khiến người chưa viên mãn tư lương Niết-bàn chóng được viên mãn, người đã viên mãn khiến ở trong hiện pháp đắc Bát-niết-bàn.

Sao gọi phóng dật là dấu hiệu của chết? Như có người là cư sĩ tại gia, ở nơi các cảnh dục đắm trước thọ dụng gây tạo nghiệp bất thiện. Hoặc có kẻ xuất gia hiện bốn việc không phòng hộ, đó là không phòng hộ mạng cho đến không phòng hộ chánh phương tiện. Phóng dật như vậy thông cả hai phẩm là phẩm tại gia và phẩm xuất gia. Tức lấy phóng dật đây làm chỗ nương, làm chỗ giữ gìn, vui gốc hành sanh, tạo gốc hành nghiệp. Nhân đây nên sanh, sanh rồi thọ mạng hết, sanh rồi chết yếu.

Sao gọi là người không phóng dật không chết, kẻ phóng dật thường chết? Có 5 chủng chết: 1. Điều thiện chết; 2. Không điều thiện chết; 3. Ở quá khứ chết; 4. Ở hiện tại chết; 5. Ở vị lai chết.

Nếu bổ-đặc-già-la khéo tu tập không phóng dật đây, ở đời hiện tại do điều thiện chết mà đúng lúc chết. Do quá khứ chết, đã chết ở đời quá khứ do không điều thiện chết. Ở đời hiện tại, không do không điều thiện chết mà chết. Ở đời vị lai, không do điều thiện chết, không do không điều thiện chết mà chết. Cho nên gọi là không chết.

Nếu có bổ-đặc-già-la phóng dật, ở đời hiện tại do không điều thiện chết mà đúng lúc chết. Ở đời quá khứ, cũng do không điều thiện chết, đã chết. Ở đời hiện tại, tức do không điều thiện chết mà chết. Ở đời vị lai, cũng do không điều thiện chết, sẽ chết. Cho nên gọi là thường chết.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị người không phóng dật tức là đạo đế và diệt đế. Người có phóng dật tức là tập đế và khổ đế.

Lại lược hiển tánh thị xứ và phi xứ, tánh tự

gây tạo nghiệp. Nửa kệ tụng trước hiển thị tánh thị xứ, phi xứ. Nửa kệ tụng sau hiển thị tánh tự gây tạo nghiệp.

Lại, nửa kệ trước hiển thị việc nên làm của thầy đối với trò. Nửa kệ sau hiển thị nghĩa tự thực hành của các đệ tử.

*Chúng sanh tâm tư chỗ xao động  
Tham dục mãnh lợi tùy quán diệu  
Nhiễm ái bội tăng mà lưu chuyển  
Bèn năng bị trói buộc kiên cố.*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là chỗ xao động của tâm tư? Như có người ở nơi cảnh giới các dục trước đã từng có được, đã từng thọ dụng, mà không chánh tác ý, phát sanh bất thiện, nương nơi tâm tư các ác say mê đắm luyến.

Sao gọi là tham dục mãnh lợi? Như có người xưa ở trong đời khác đã từng tập quen, nhiều tập quen tham dục. Do nhân duyên đây nên trong đời hiện tại, ở nơi cảnh giới các dục trước đã từng có được, đã từng thọ dụng, không chánh tác ý, nên tâm bị tham dục khiến tán loạn.

Sao gọi là tùy quán tịnh diệu? Như có người

không khéo phòng hộ thân, không nhiếp giữ các căn, không an trụ chánh niệm, rong chơi nơi xóm làng, thấy những thiếu nữ dung sắc khả ái liền không như lý, giữ lấy các tướng tịnh diệu. Do nhân duyên đây, thân tâm bị thiêu não.

Sao gọi là nhiễm ái tăng gấp bội? Do 5 chủng tướng mạo nên biết tăng trưởng sự nhiễm ái. Những gì là năm?

1. Như có người đối với cảnh giới các dục hạ liệt thấp hèn còn sanh khởi các tham dục triền mãn lợi, đắm trước chẳng xả, hà hưởng các dục thượng diệu.

2. Không dụng chánh pháp mà dụng phi pháp, phần nhiều hung bạo, tích góp trân bảo tài sản, cũng thường tích chứa các vật dụng tăng thượng.

3. Đối với vật thấp kém, vô dụng mà còn không muốn bỏ, hà hưởng đối với vật quý trọng. Tuy là truy cầu các tài của vật dụng nhỏ nhoi xấu kém, mà còn hành nhiều thân ngữ ý ác bậc thượng, hà hưởng truy cầu tài vật đẹp tốt.

4. Đối với sự thọ trì chút ít diệu hạnh, tâm vẫn còn không hướng đến vui thích, hà hưởng thọ trì rộng lớn.



5. Đối với Niết-bàn còn không vui muốn nghe, hà huống vui muốn chứng đắc.

Sao gọi là trói buộc kiên cố? Do 3 chủng tướng nên biết là trói buộc kiên cố: 1. Vì ngục kiên cố; 2. Vì sự tiếp xúc khổ; 3. Vì trường thời theo đuổi. Ở trong hiện pháp, do căn ác hạnh tham sân si, nên biết sự trói buộc của ngục kiên cố. Ở đời đương lai, do sanh trong địa ngục, bàng sanh và quỷ thú, nên biết sự xúc chạm khổ và trường thời đuổi theo sự khổ kia.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là lược hiển thị nương 2 nhân tán thất hủy hoại, nên có 2 chủng tán thất hủy hoại.

Hai nhân tán thất hủy hoại: 1. Lực của sự tư duy bất chánh; 2. Lực của nhân.

Lực của sự tư duy bất chánh: tức là tùy nhớ nghĩ cảnh giới đã từng thọ dụng trước kia, làm nhân duyên sanh khởi tư duy bất chánh. Hoặc tà phân biệt cảnh giới hiện tiền, là nhân duyên sanh khởi tư duy bất chánh. Hoặc tư duy bất chánh thủ lấy tướng tà. Hoặc tức ở nơi kia tư duy bất chánh, hoặc hành, hoặc trụ.

Lực của nhân: tức là ở nơi cảnh giới khả ái, đã

từng tập quen tham dục.

Hai chủng tán thất hủy hoại: 1. Mong cầu hoại mất; 2. Thọ dụng hoại mất.

Mong cầu hoại mất: như có người vì thành tựu hai chủng nhân tán thất hủy hoại, dụng phi chánh pháp, hoặc dụng sự hung bạo mà truy cầu tích tập sở hữu tài vật bất chánh.

Thọ dụng bị hoại mất: như có người ở nơi cảnh giới đã được trước kia mà theo đó thuận vui, thuận khổ, thuận không khổ vui. Trong các cảnh giới ấy, hoặc có lúc đối với cảnh phát sanh tham nhiễm, nói rộng cho đến không biết ra khỏi xa lìa, mà lại thọ dụng. Hoặc có lúc đối với cảnh phát sanh ghét giận, bị ghét giận chướng che. Hoặc có lúc đối với cảnh phát sanh ngu si, bị ngu si chướng che. Do kia bị tham nhiễm chướng che cho đến bị ngu si chướng che như vậy, nên thân ngữ ý hành chủng chủng ác hạnh, liền bị ba chủng phược kiên cố của tham sân si vây bủa trói cột, cũng bị các phược của địa ngục, bàng sanh, quỷ thú... vây bủa trói cột.

Lại nói cách khác, đó là bổ-đặc-già-la bị ái kiết ràng buộc, tóm lược có 7 chủng tạp nhiễm,

phải biết đây đều do sự tạo tác của tham ái: 1. Tù nhớ nghĩ tạp nhiễm; 2. Không tự tại tạp nhiễm; 3. Cảnh giới tạp nhiễm; 4. Phiền não tạp nhiễm; 5. Tạp nhiễm tương ưng cõi thiện; 6. Tạp nhiễm tương ưng cõi ác; 7. Các kiến tạp nhiễm.

Tù nhớ nghĩ tạp nhiễm: như có người tù nhớ nghĩ bất chánh đối với cảnh giới khả ái đã từng thọ dụng trước kia, hy vọng truy cầu, khiến tâm bị tán thất hủy hoại.

Không tự tại tạp nhiễm: như có người vì đời trước thường xuyên tập quen pháp tham dục, nên đời nay thành tánh tham dục mãnh lợi. Tuy có tù nhớ nghĩ tác ý như lý đối với cảnh giới khả ái, nhưng tâm vẫn bị tán thất hủy hoại bởi hy vọng truy cầu tham dục. Do vì kẻ kia tham dục rất mãnh lợi, nên tâm không được tự tại.

Cảnh giới tạp nhiễm: như có người đi vào thành ấp thấy các cảnh giới đoan nghiêm, dung sắc khả ái. Do vì theo tướng mỹ diệu của cảnh giới đoan nghiêm kia mà tâm thức bị trói buộc kéo dài. Nhân đây phát sanh hy vọng, truy cầu vô số tham ái.

Nhiệt não tạp nhiễm: như có người do ba chủng tạp nhiễm năng tăng trưởng các tham ái, khiến

tham ái đã có triển chuyển lớn mạnh, dẫn dắt truy cầu luyến tiếc cảnh đã thọ dụng ở quá khứ, hy vọng mong cầu cảnh sẽ thọ dụng ở vị lai, đấm trước cảnh đang thọ dụng ở hiện tại, cho đến khiến thân tâm nhiệt não biến khắp.

Tạp nhiễm tương ưng cõi thiện: tức do tập đế tham ái của kia lực tăng thượng, khiến thân ngữ ý hành chủng chủng diệu hạnh, do đây được sanh thiện thú hoặc trời, hoặc người. Kia ở nơi sự thọ lạc đấm trước không xả, an trú say đắm, chuyên hành phóng dật.

Tạp nhiễm tương ưng cõi ác: tức do tập đế tham ái của kia lực tăng thượng, nên thân ngữ ý hành chủng chủng ác hạnh, lúc thân hoại mạng chung, đọa các ác thú, sanh trong địa ngục. Sanh ở kia rồi, liền bị chủng chủng ưu khổ cực nặng, bị tâm ác tâm giận quấy nhiễu thiêu đốt não hại.

Các kiến tạp nhiễm: tức do tập đế tham ái của kia lực tăng thượng, lại gặp bạn ác nói pháp điên đảo. Kia tuy mong cầu giải thoát khỏi sự tạp nhiễm, mà do gặp bạn thuyết pháp điên đảo như vậy, nên không chứng giải thoát. Ở trong 62 kiến thú, theo một trong số đó mà tăng trưởng tà kiến. Ở trong

các pháp duyên khởi, bị ngu si tăng thượng. Do kia bị kiến kiết sử trói buộc như vậy, nên ở trong biển lớn sanh tử lộn quanh năm thú không được giải thoát.

*Trụ pháp, đủ Thi-la  
Có tâm, nói chân thật  
Năng yêu giữ thân mình  
Cũng khiến được người yêu*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là trụ pháp? Đó là ở trong chánh pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da sở chứng của chư Như Lai, tịnh tín xuất gia, vui tu phạm hạnh.

Sao gọi là đủ Thi-la? Đó là vì xuất gia như vậy, vui thích như vậy, nên ở nơi giới không khuyết phạm cho đến không tạp loạn. Thực hành tương tục, triển chuyển tương tục. Đối với các học xứ, năng thọ năng học.

Sao gọi là có tâm? Tức là hổ thẹn đối với điều đáng hổ thẹn. Hổ thẹn đối với nhân duyên sanh khởi các pháp ác bất thiện, đó là năng thuận theo giới ác, giới tạp loạn, tức tướng bất chánh, tâm tư bất chánh, hoặc các phiền não và tùy phiền não.

Sao gọi là nói chân thật? Tức là phát lộ các ác, không che giấu các ác. Nếu có trái phạm, tức liền đối trước bậc trí giả hoặc đồng phạm hạnh, như thật tự cử tội, như pháp đối trị.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong kệ tụng đây Bạc-Già-Phạm lược hiển bốn nhân nhiếp lấy Thi-la thanh tịnh là: vì năng chánh thọ, vì thọ rồi chẳng tạp loạn, vì xa lìa nhân tạp loạn, vì tuy do vô tri nên phóng dật tạp loạn rồi, tức liền như pháp mà đối trị. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Nếu thấy ác nghiệp người  
Năng xét kỹ tư duy  
Tự thân trọn không làm  
Bởi nghiệp kia năng buộc.*

Nay trong kệ tụng đây, sao gọi là thấy nghiệp ác của người, xét kỹ tư duy? Như có thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân có tánh thông tuệ, thành tựu như lý quán để pháp nhãn. Vì thấy người khác hiện hành nhân ác hạnh phải chịu vô số sự khổ sở đánh đập nhục nhã, lại bị người bắt giữ đến chỗ vua... nói rộng như kinh, cho đến bị mất mạng.

Thấy như vậy rồi liền suy nghĩ quán xét: “Người này hiện pháp gây tạo nghiệp ác bất thiện như vậy, liền ở trong hiện pháp trở lại thọ quả báo khổ sở như vậy... mà chưa dừng dứt các nghiệp ác. Bất thiện như vậy trọn không nên làm, trọn không nên gây tạo, trọn không nên hành động, trọn không nên sai phạm”.

Tức kia lại thấy những người giết dê, gà, heo... nói rộng tất cả các bất luật nghi. Thấy rồi liền suy nghĩ: “Chẳng thể do làm các tài năng, nghề nghiệp nuôi mạng như vậy mà được sang trọng cưỡi voi, ngựa, xe... Chẳng thể nhân đây dẫn đến có được tiền của, kho tàng rộng lớn. Chẳng thể nhân đây khiến không bị tan mất. Trái lại còn bị thế gian chê trách. Phạm kẻ ở thế tục còn tránh xa không lấy thân tạm xúc thọ, hưởng những bậc hiền triết khác...”. Còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy người khác giàu sang, có nhiều tài sản của báu, nhưng lại biếng nhác, trụ nhiều phóng dật. Thấy rồi liền suy nghĩ: “Trải qua ngày đêm, năm tháng kéo dài, chỗ có tài sản, cơ nghiệp, đầy tớ, cùng các thiện pháp ắt dần suy thoái...”. Còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy chủng chủng hữu tình có thân tướng sai biệt: có người lúc sanh ra đã bị mù lòa, hoặc lúc sanh ra bị điếc, hoặc lúc sanh ra bị câm, hoặc mù lòa, hoặc què chân, hoặc ghẻ lở, hoặc cùi hủi, hoặc tuổi thọ ngắn ngủi, hoặc dung sắc xấu xí, hoặc nhiều bệnh tật, hoặc sanh trong nhà nghèo cùng hạ tiện, hoặc bị tuệ ác che mờ, hoặc phiến-trạch-ca, hoặc bán-trạch-ca (bán nam bán nữ), hoặc hình thể khó coi... còn có người thì lại chẳng bị như vậy. Thấy rồi liền suy nghĩ quán xét: “Người đây trước tạo tác chủng chủng nghiệp ác bất thiện, nay thọ quả báo khổ ác như vậy... cho đến chưa từng dừng dứt nghiệp ác bất thiện”. Còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy người khác thông minh, không có lười biếng, đầy đủ sức lực gây dựng nghề nghiệp: làm nông, buôn bán, đưa đò... và năng làm các công việc ngôn luận. Tuy kia đầy đủ dũng mãnh như vậy, nhưng sự nghiệp tạo làm dần dần suy tổn, trọn không thành tựu trọn vẹn. Thấy rồi liền suy nghĩ như vậy, còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy hai người xuất gia, hướng đến đời sống không nhà, cùng tu phạm hạnh. Một người



ở nơi hết thủy lợi dưỡng như áo quần, ăn uống... đều bị thiếu thốn. Một người thì không bị thiếu thốn. Thấy rồi liền suy nghĩ như vậy, còn lại như trước đã thuyết.

Tức kia lại thấy có quốc vương, hoặc đồng bậc với vua, lo lắng giữ gìn củng cố ranh giới đất đai, kiên cố chẳng xả, đều chỉ vì một thân, một thể, một bộ xương này. Chỉ vì rất ít an lạc ở hiện tại, mà cửa thân ngữ ý hiện hành vô lượng ác hạnh rộng lớn, tổn hại nhiều đời nhiều thân an lạc, sau rồi phải thọ nhiều đời nhiều thân khổ lớn. Thấy rồi liền suy nghĩ: “Ta xem thấy quốc vương, hoặc đồng bậc với vua, bị ngu si che lấp sâu, chỉ biết gìn giữ yêu quý một thân một đời, chẳng biết gìn giữ nhiều thân nhiều đời. Chỉ yêu thích cái vui ngắn ngủi nhỏ nhất ở hiện tại, không yêu thích cái vui lâu dài, rộng lớn ở tương lai. Cũng chẳng phải không yêu quý khổ sở nhiều đời... cho đến các ác bất thiện nghiệp như vậy, trọn chẳng nên làm, trọn chẳng nên tạo tác, trọn chẳng nên hành động, trọn chẳng nên sai phạm”.

Lại có thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân có tánh thông tuệ, chứng được thiên nhãn. Dụng thiên

nhân đây thấy các hữu tình khi sanh khi chết, như kinh đã rộng thuyết, cho đến sanh trong đại địa ngục. Thấy rồi liền suy nghĩ quán xét: “Người này ở trong hiện pháp gây tạo nghiệp ác bất thiện như thế, khiến đời sau thọ quả báo khổ... cho đến dùng các ác bất thiện như vậy”. Còn lại như trước đã thuyết.

Như vậy, hoặc thiện nam tử, hoặc thiện nữ nhân, thấy người làm các nghiệp ác bất thiện đây rồi, nương 4 chủng hành khéo tư duy kỹ, khéo quán sát kỹ. Những gì là bốn?

1. Quán sát: Hoặc do nhân trái vượt, hoặc do tà mạng nuôi sống, hoặc do phóng dật giải đãi, khiến ở trong hiện pháp gây tạo các nghiệp ác bất thiện, nên trong hiện đời thọ quả báo không đáng yêu thích.

2. Quán sát: Hoặc có hữu tình mang thân khác nhau, hoặc có việc làm mà quả chẳng toại ý, hoặc có điều mong cầu mà quả không toại ý, tất cả đều do nghiệp ác bất thiện đã tạo làm từ trước, nên ở trong hiện pháp riêng thọ quả báo không đáng yêu thích như vậy”.

3. Quán sát: Hoặc có quốc vương, hoặc đồng

bạc với vua, do nhân trong hiện pháp làm các việc ác, nên biết đời sau nhất định thọ chủng chủng quả báo không đáng yêu thích.

4. Quán sát: Các loại hữu tình lúc sanh lúc chết, do nhân trong hiện pháp gây tạo chủng chủng nghiệp ác bất thiện, nên trong hậu pháp thọ quả báo không đáng yêu thích. Kia như thật biết do như vậy, nên trọn không tự mình gây tạo.

Sao gọi là nghiệp kia trói buộc? 1. Vì vui trong các nghiệp; 2. Vì nghiệp nặng; 3. Vì ở nơi quả báo của nghiệp không được tự tại.

1. Vì vui trong các nghiệp: như có người xuyên suốt tập quen làm ác, vui thích với cái ác. Do nhân duyên đây, đối với các thiện pháp, tâm không thể thú nhập. Đây là nghiệp trói buộc thứ nhất.

2. Vì nghiệp nặng: như có người đối với nghiệp vô gián, hoặc gây tạo đầy đủ, hoặc gây tạo không đầy đủ, hoặc do nhân duyên, tuy có vui thích đối với chánh pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, tạm thời xuất gia hãy còn chẳng thể được, hưởng năng thu được chứng đắc quả Sa-môn. Như vậy gọi là nghiệp trói buộc thứ hai.

3. Vì ở nơi quả báo của nghiệp không được tự

tại: đó là như có người do nhân duyên hành thân ngũ ý ác hạnh, nên sanh trong các ác thú. Sanh ở xứ kia rồi, không được tự tại, không thể tự nhậm chuyển, ở trong đêm dài thọ khổ. Nếu sanh ở biên địa, tuyệt không có bốn chúng hiền thiện du hành qua lại, đó là Bí-sô cho đến Ô-ba-tư-ca. Như vậy gọi là nghiệp trói buộc thứ ba.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm ở trong đây lược hiển thị nương các hữu tình nghiệp nghiệp quả báo mà như lý tư duy và hiển như lý tư duy làm tiền dẫn tùy pháp, hành pháp. Nên biết đây là nghĩa tóm lược của phần này.



## Quyển 19

### Thứ 11. TƯ SỞ THÀNH ĐỊA

#### Phần 4

*Hiền thánh thường nói lời thiện, đầu  
Hai, lời ái, không phải không ái  
Ba, lời thật, không phải không thật  
Bốn, lời pháp, không phải không pháp.*

Nay trong kệ tụng đây, chỗ nói *lời thiện*, tức là thiện thuyết, thiện ngữ, thiện luận. Nên biết thiện thuyết có 3 chủng tướng, đó là: 1. Ý vui; 2. Không nhiễm; 3. Chỉ thiện. Chủng lời thứ nhất khiến người mừng vui. Chủng lời thứ hai khiến tự thân phòng hộ giữ gìn Thi-la trọn không khuyết hở. Chủng lời thứ ba năng khiến người khác ra khỏi nơi bất thiện, an trụ nơi thiện, nhân đây dẫn nhiếp lợi ích an lạc.

Hoặc có lời thân ái mà không chân thật, không phải chánh pháp. Như có người dùng lời nói hoa mỹ xảo diệu để khen tặng đức không chân thật của người khác.

Hoặc có lời chân thật mà không thân ái, không phải chánh pháp. Như có người đem tâm nhiệm ô phát lời nói thô ác, chê trách lỗi lầm thật có của người khác.

Hoặc có lời chánh pháp, cũng là thân ái, cũng là chân thật. Như có người khéo biết khen ngợi cùng với quở trách. Dù biết đáng khen ngợi, đáng chê trách rồi, nhưng không khen ngợi, cũng không chê trách. Chỉ khéo phương tiện vì người kia dẫn dạy chánh pháp, năng khiến kia ra khỏi bất thiện, an trụ nơi thiện.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị lời nói thiện tốt, hoặc nêu ra, hoặc giải thích. Nên biết đây là nghĩa lược của phần này.

*Pháp tín, tâm, giới, thí  
Được người lành khen ngợi  
Đây gọi hướng đạo trời  
Hay đến trời thế gian.*

Kệ tụng đây hiển rõ như có người ở trong pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, thu được chánh tín, thẹn hổ nơi cư gia, thọ trì tịnh giới. Đối với y

phục, ăn uống, ngọa cụ... hướng đến sanh vui đủ, tiết giảm các vật dụng nuôi thân, tiết giảm các duyên của cải. Phạm lợi dưỡng thu được đều như pháp, trọn không cất giữ làm vật tư riêng mà cùng thọ dụng với bậc có trí, người đồng phạm hạnh. Sở hữu chánh pháp đầu, giữa, sau đều thiện, tán thán khen ngợi phạm hạnh. Chỗ gọi là từ Khế kinh cho đến Luận nghị, đều năng thọ trì nghiên cứu thông đạt, rộng vì người truyền dạy diễn nói khai thị.

Người kia đã thành tựu các thiện pháp đây, nên biết quyết định thu được 3 chủng lợi ích thù thắng: 1. Được sự khen ngợi tán thán của chư Phật, đệ tử Phật và người thiện chân thật; 2. Nếu người khéo viên mãn tư lương phước do Thi-la tài thí nhiếp dẫn và tư lương trí huệ do pháp thí nhiếp dẫn, sẽ được thú nhập chứng giải thoát xứ, được vào trong chúng đồng phạm chư thiên thanh tịnh; 3. Nếu người kia vẫn chưa viên mãn hai chủng tư lương, thì năng khiến mau được viên mãn. Sau khi thân hoại mạng chung, quyết định sẽ sanh ở cõi thiện. Phần nhiều vãng sanh trong thế giới vui thú cõi trời.

Lại có cách giải thích khác. Như có người ở

trong pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, được tâm chánh tín, tin chắc do ác giới sẽ đọa vào ác thú, tin chắc do xan tham sẽ chịu quả báo bần cùng. Tin chắc như vậy, nên ở trong hiện pháp đối với ác giới, xan tham, sanh sâu thẹn hổ. Vì lấy thẹn hổ làm chỗ nương, nên xả bỏ ác giới, thọ trì giới thanh tịnh. Xả bỏ xan tham, dụng tâm vô cấu, an ổn sống nơi cư gia, nói rộng cho đến khéo hành bố thí. Do nhân duyên đây, ở trong hiện pháp được thánh hiền khen ngợi, cho đến thân hoại về sau sẽ sanh trong thế giới vui thú cõi trời.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị hai chủng chánh hạnh của người tại gia và xuất gia, cùng sở hữu lợi ích thù thắng của quả chánh hạnh. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Đa văn năng biết pháp*

*Đa văn năng xa ác*

*Đa văn xả vô nghĩa*

*Đa văn đắc Niết-bàn.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người nương giáo pháp không điên đảo, nương luận thí, luận



giới, luận sanh thiên được kiến lập một cách chân chánh từ trước, cung kính lắng nghe. Đã nghe rồi, năng tìm hiểu rõ biết nghĩa đây. Đó là tự tư duy chủng chủng ác hạnh ở trong hiện pháp và nhân khổ vô nghĩa sanh vào cõi ác ở đương lai: “Cần phải chóng xa lìa các ác hạnh, đến cõi thiện và xả nhân khổ vô nghĩa sanh vào đường ác”. Do kia rõ biết pháp nghĩa như vậy, nên tùy pháp hành pháp năng xa lìa nhân khổ, năng dẫn phát nhân vui. Do nhân duyên đây, xả khổ được vui.

Nếu đối với giáo pháp tăng thượng tương ứng với bốn thánh đế lại cung kính lắng nghe. Đã nghe rồi, lại năng thông đạt hiểu rõ ý nghĩa, đó là thấu hiểu tất cả hữu sanh tử đều là đại khổ, Niết-bàn tịch tĩnh. Do kia rõ biết pháp nghĩa như vậy, nếu căn đã thành thực, tư lương đã đầy đủ, liền có khả năng thành tựu rõ biết nhận thức nghĩa như vậy. Có người mới nghe chánh pháp, vì tâm thanh tịnh nên ở nơi các thánh đế chưa hiện quán thì năng nhập hiện quán, nếu người đã hiện quán, liền được lậu tận. Nếu người căn chưa thành thực, tư lương chưa viên mãn, tức nhờ như vậy xa lìa các ác, nương tăng thượng giới phát khởi tăng thượng tâm, nương

tăng thượng tâm phát khởi tăng thượng tuệ. Do đây năng xả tất cả gốc khổ phiền não vô nghĩa, chứng đắc Niết-bàn.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị trước nghe chánh pháp, như lý tư duy. Trước như lý tư duy, kế tùy pháp hành pháp. Vì lấy tùy pháp hành pháp làm nhân dẫn trước, nên đắc quả lợi ích thù thắng. Nên biết đây là nghĩa lược của phần này.

*Bạc trí như không, không nhiễm ô  
Bất động giống như cờ Thiên đế  
Như bơi trong ao nước mát đầy  
Chẳng vui bùn lầy biển sanh tử.*

Nay trong kệ tụng đây, biện rõ Bí-sô A-la-hán tâm thiện giải thoát, vượt qua các hí luận, giống như hư không. Vì cố sao? Thí như hư không là các hí luận, tịnh cùng với bất tịnh đều không thể nhiễm. Chư A-la-hán cũng lại như vậy, tất cả các pháp thế gian hoặc thuận hoặc nghịch, chỗ gọi lợi suy cho đến khổ vui, đều không thể nhiễm.

Lại các bậc hữu học đã lìa dục tham, hướng đến A-la-hán, tâm khéo an trụ bốn niệm trụ. Lúc tu tâm

Vô tướng tam-ma-địa như cờ Thiên đế, tất cả sở hữu tham ái đồng hành mong muốn sống còn, sự phát động cao cử, hí luận không thể làm khuynh động.

Lại các bậc hữu học đã ly dục tham, đắc quả Bất hoàn, đối với giải thoát bậc thượng tâm sanh vui muốn, thí như bơi lội rong chơi trong ao nước mát. Ở nơi ái vị định thượng phần các kiết sử xem như nóng nhiệt trong bùn lầy, trọn không vui thích. Do không vui thích trong ấy nên cũng không vui thích trong biển lớn sanh tử.

Lại có cách giải thích khác. Đó là các bậc A-la-hán trụ nơi vô tướng sở hữu hành vi ăn uống, nói bàn, du hành, bị sự theo đuổi của các khổ còn sót thừa. Như thứ lớp đây là ba điều cần nên biết.

Lại có cách giải thích khác. Đó là các bậc A-la-hán tuệ giải thoát, bậc hữu học thân chứng, các bậc A-la-hán câu giải thoát. Như thứ lớp đây là ba điều cần nên biết.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện nghĩa đã nói trên. Trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị ly dục ba cõi. Đối với thánh chỉ Phật, vẫn còn hữu dư y. Lìa tham Dục giới, nhiếp đạo thắng tiến và quả Bất hoàn.

Lại có cách nói khác, đó là lược hiển thị thắng lợi của giải thoát, thắng lợi của đảng trì và thắng lợi của trí tuệ.

Lại có cách nói khác, đó là lược hiển thị quả sở đắc do tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học và hiển hai học tăng thượng là tâm và tuệ.

*Nếu lấy sắc lường ta  
Lấy âm thanh tâm ta  
Chỗ chấp giữ tham dục  
Kia không thể biết ta.*

*Nếu ở trong rõ biết  
Ở ngoài chẳng năng thấy  
Do quả quán sát trong  
Bị âm thanh kia dẫn.*

*Nếu ở trong không biết  
Mà năng thấy bên ngoài  
Do quả quán sát ngoài  
Cũng bị âm thanh dẫn.*

*Nếu ở trong không biết  
Ở ngoài không năng thấy*

*Ngu phu bị chướng khắp  
Cũng bị âm thanh dẫn.*

*Nếu ở trong rõ biết  
Ở ngoài cũng năng thấy  
Anh hùng tuệ xuất ly  
Chẳng bị âm thanh dẫn.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người thể là dị sanh, chưa đoạn trừ dục tham hư vọng phân biệt, quán thấy Đức Thế Tôn có đầy đủ ba mươi hai tướng Đại tượng phu, liền sanh khởi suy lường: “Đức Bạc-Già-Phạm đây quyết chắc là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Phạm pháp Ngài thuyết quyết định là vi diệu. Sở hành của chúng đệ tử chắc hẳn là thiện”. Ở thời gian sau, kia thân cận kẻ bất thiện, nghe pháp bất chánh, hành thuận theo luận người và âm thanh của người, tín thuận theo kẻ kia, bị kia dẫn dắt nhiếp phục. Vì bị người khác dẫn dắt, nên đối với Phật Pháp Tăng trở lại sanh hủy báng. Như vậy đều do không như thật biết pháp thân Như Lai, nên có việc như trên.

Lại có kẻ dị sanh đặc thiên nhãn thông, vì chúng đặc quả tĩnh lự bên trong, xa trông thấy

Thế Tôn liền tác hiểu đây: “Đức Bạc-Già-Phạm đây chắc là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác...”, còn lại như trước đã thuyết.

Lại có người do nghiệp quả báo nhục nhặn hệ thuộc Dục giới, thấy bên ngoài rồi sanh khởi suy lường. Nên biết kia cũng triển chuyển thuận theo luận người và âm thanh của người, tín thuận theo người, bị người dẫn dắt nhiếp phục.

Lại có kẻ dị sanh đều không có các sở kiến như vậy, nhưng kia bị chướng khắp, trường thời bị âm thanh của người dẫn dắt. Nếu được gặp chư Hiền Thánh vì kia đoạn trừ điều phục khiến vượt qua dục tham, đắc thánh tuệ nhãn. Do kia đắc thánh tuệ nhãn như vậy, bên trong tự chứng hiểu rõ pháp thân chân thật của Như Lai. Tuy ở bên ngoài thấy sắc thân Như Lai, hoặc thấy tháp, hoặc thấy tranh vẽ... mà năng rõ biết đó chẳng phải đệ nhất nghĩa Ứng Chánh Đẳng Giác. Do kia bên trong chánh biết, bên ngoài chánh quán sát như vậy, nên không bị cuốn theo luận người cùng âm thanh của người, chẳng tín thuận theo người, chẳng bị người dẫn dắt chiết phục. Đối với Phật Pháp Tăng, quyết định tín thọ. Như vậy đều do như thật

rõ biết pháp thân Như Lai, nên có việc như trên.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị, nếu đem nghĩa thế tục mà thấy chư Như Lai thì không chắc thật. Nếu lấy thắng nghĩa mà thấy chư Như Lai, thì mới chắc thật. Nên biết đây là nghĩa lược của phần này.

*Vua thứ sáu tặng thượng  
Lúc nhiệm, tự thủ nhiệm  
Nơi vô nhiệm, không nhiệm  
Kẻ nhiệm gọi ngu phu.*

Nay trong tụng đây hiển rõ “vua tặng thượng thứ sáu” là tâm, ý, thức. Nếu có người đã vượt qua năm bạo lưu mà chưa thể vượt qua bạo lưu thứ sáu là ý, bấy giờ nơi tâm theo đuổi sở hữu ái vị của các định, nên gọi là lúc nhiệm.

Lại có bổ-đặc-già-la ở trong đêm dài của sự nhiệm, giữ lấy cho là đã có. Ở nơi pháp khả ái, chấp chứa ẩn giấu không buông xả. Cho nên thuyết kia là “tự thủ nhiệm”. Tham gọi là nhiệm, do tham đây phát sanh khổ ở đời đương lai, cũng gọi là nhiệm.

Nếu đã tự thủ nhiệm, thì ở nơi nhiệm tâm kia

không được tùy chuyển theo công dụng của nó, mà phải tu tác ý đối trị ý khiến nhiếp thọ ngăn chặn dừng dứt. Như vậy tâm kia ở trong hiện pháp không có nhiễm ô. Ở nơi tâm vô nhiễm, tự thủ nhiễm đây, trong đời đương lai nhân các khổ kia cũng không có nhiễm.

Nếu có người ở nơi tự thủ nhiễm kia tùy chuyển theo công dụng của nó, vì không tu tác ý đối trị ý, nên không nhiếp thọ, cũng không ngăn chặn dừng dứt. Nương nhân khổ đây, đem dài thọ khổ, nơi nhân khổ đây chẳng thể xa lìa, cho nên gọi là ngu phu.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị xa lìa nhân khổ sẽ được lợi ích thù thắng và hiển thị nhân khổ năng tự mình chiêu cảm khổ, đây là tánh ngu phu. Nên biết đây gọi là nghĩa tóm lược của phần này.

*Có thành, xương làm tường*

*Gân thịt làm tô điểm*

*Bên trong có tham, khuể*

*Được mạn phú giữ gìn.*

Nay trong kệ tụng đây, chỗ nói thành tức là



tâm, ý, thức. Thành đây chỉ lấy xương cốt làm gạch đá, gân thay thế sợi dây, thịt làm hình thể bao bọc xung quanh trang điểm cho tường. Trong thành đây có sự giữ gìn của 4 chủng pháp ác, trái ngược với sở hữu thiện pháp, trái ngược với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da: 2 loại của kẻ thọ dục tại gia là tham và sân; 2 loại của kẻ xuất gia trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da là mạn và phú. Do đả trước các dục, mong cầu các dục, không xoay lưng chống trái với các việc làm thô ấu, nên đối pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da còn không tín thọ, hướng là sẽ tu thiện.

Lại vin dựa pháp ác thuyết mà sanh kiêu mạn, nên không thể an nhiên đi đến chỗ Phật Thế Tôn và đệ tử Phật. Giả sử Phật Thế Tôn, hoặc đệ tử Phật vì lòng bi mẫn mà tự thân đến chỗ của kia, nhưng do kia tùy phiền não triền nhiễm ô nơi tâm, không thể như thật phát lộ hối quá, hướng là có thể tin hiểu tu tập các thiện pháp. Như vậy nên biết, ở nơi hai chủng thiện pháp của “tường thành tâm” tương ưng với pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da đều không thể vào, hà hướng lại năng lấy đây làm cái có của mình.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

thuyết trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị người tại gia và xuất gia do bốn chủng nhân duyên tạp nhiễm, nên tán thất hủy hoại pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da. Nên biết đây gọi là nghĩa tóm lược của phần này.

*Như rùa giấu chi trong mai mình  
 Bí-sô khéo nhiếp tâm tư ý  
 Không chỗ nương dừng, không não người  
 Chứng Bát-niết-bàn không chỗ chê.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người nương sơ tĩnh lự xả ba tâm ác là tâm dục, tâm khuể, tâm hại. Lại năng xả bỏ các tâm tư thiện của các địa sơ tĩnh lự, an trụ trong Vô tâm vô tứ định, như rùa thu các chi vào mai. Lược nhiếp tâm tư cũng lại như vậy.

Nên biết từ Không tâm không tứ định đây trở lên cho đến Hữu đẳng, lúc chánh an trụ ở định đây, không sanh ái vị. Đã xuất rồi, thành tựu pháp vui khả ái, điều thuận nhu hòa, dễ cùng cộng trú, không não loạn người có trí, đồng phạm hạnh. Lại cùng người trí và đồng phạm hạnh vui thích chung sống. Lại thành tựu pháp không trái chống trái tranh. Do kia chánh phương tiện như vậy, năng

nhập hiện quán các thánh đế và đặc lậu tận. Ở nơi các pháp, chẳng do người mà được chánh tín, vì kia thu được tri kiến thiện tịnh thù thắng, như thật rõ biết pháp đây chân thật là pháp, Tỳ-nại-da đây chân thật là Tỳ-nại-da. Do hiểu biết như vậy, trọn không nương vào các kiến điên đảo, đó là “ở nơi pháp cũng hủy báng pháp, ở nơi phi pháp cũng hủy báng phi pháp”. Trọn không hiển thị phi pháp là pháp, pháp là phi pháp, hoặc phi tỳ-nại-da là Tỳ-nại-da, Tỳ-nại-da là phi tỳ-nại-da.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị pháp thiện thuyết, tức là bốn chủng nhiều loạn đạo đoạn đối trị. Những gì là 4 chủng nhiều loạn? 1. Nhiều loạn của sự tâm tư nhiễm, không nhiễm; 2. Nhiều loạn của sự ái vị đối với các định thù thắng; 3. Nhiều loạn của sự tranh cãi kiện tụng lẫn nhau; 4. Nhiều loạn của sự phỉ báng chánh đạo.

Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Bằng, không bằng mà sanh*

*Mâu-Ni xả hành hữu*

*Nội lạc, định sai khác*

*Như cùng vỏ trứng sanh.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là khi xưa Phật thị hiện trụ ở vị Bồ tát thân tối hậu hữu, thân được sanh ra với diệu sắc viên mãn trang nghiêm, đủ ba mươi hai tướng Đại tượng phu, tám mươi tùy hảo. Sau chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, cũng có sắc thân sanh ra. Sắc thân sanh đây cùng với sắc thân trước bình đẳng, nhưng danh thân sanh, vì vô lậu thù thắng không giống nhau, nên trước và sau không bình đẳng.

Lại Phật thị hiện vì lấy sự vui tịch tĩnh bên trong và vui diệu môn làm y chỉ, nên đắc định tự tại. Như lực của tâm định, xả các hành thọ và hành hữu, xả hạn lượng của diệu sắc thân sanh. Sắc thân này cùng với trước bình đẳng, nhưng danh thân sanh đây cùng với trước không đồng, cho nên có sự sai khác. Như nhân nơi vỏ mà trứng sanh, gà nương trứng mà sanh. Tức đây sanh rồi, dần dần tăng trưởng phá vỏ mà ra, chủng loại giống nhau. Như vậy đạo lý sắc thân, danh thân của Như Lai sai khác cũng vậy. Trong đây có cách giải thích khác, đó là chư Phật Thế Tôn nếu không xả bỏ các hành thọ, thì phải mãn thọ lượng mới Bát-niết-bàn. Do sự giữ gìn của lực định xả hành thọ, nên không cần

mãn thọ lượng mà Bát-niết-bàn.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị xả các hành thọ, hai chủng sắc thân, danh thân sai biệt và hiển xả bỏ nhân duyên sở y. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Không sa bùn dục thấy*

*Không si mị sân thấy*

*Không vông lưới si thấy*

*Không dòng sông ái thấy.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là 4 chủng năng làm cho thế gian không được tự tại hiện thấy, năng khiến hữu tình không được tự tại chuyển: 1. Lún sâu nơi bùn lầy; 2. Bị quở mị ám; 3. Sa vào mạng lưới; 4. Rơi xuống trôi trong dòng sông, theo dòng mà chìm nổi.

Lại có 4 chủng pháp chân thật khiến cho không được tự tại, năng khiến hữu tình không tự tại chuyển. Những gì là bốn?

1. Như có người sanh trưởng trong Dục giới, bị lún sâu trong bùn lầy các dục bất tịnh tanh hôi, không thể tự tại dẫn phát giữ gìn tăng trưởng

thiện pháp.

2. Như có người xả bỏ các dục, được xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà tâm ôm phần nộ, tánh ẩn chứa nhiều lời ác. Do bị phần nắm giữ, nên không được tự tại. Không luôn tập học học xứ, sanh hành động trái vượt. Đối với các bậc trí, đồng phạm hạnh, nhiều lần đem lời thô ác mắng đũa, xâm não hủy nhục.

3. Như có người xả bỏ các dục, lại xuất gia trong pháp ác thuyết Tỳ-nại-da, sa vào lưới kiến chấp đại ngu si của các ác quý. Kia đã vào rồi, liền lưu chuyển trong sanh tử, không được tự tại.

4. Như có người sanh trưởng ở ly dục địa phần thượng, nơi các ái kiết chưa thể đoạn trừ vĩnh viễn, cũng chưa biết khắp, cũng không được tự tại; trở lại sanh ở cõi dưới, trụ thuận theo dòng bạo lưu, khó thể ra khỏi xa lìa.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị các giới, các phẩm ngu phu bị cột trói.

Lại có cách nói khác:

1. Như có người chìm sâu trong bùn lầy dục, không thể tự tại thanh tịnh xuất gia trong pháp

thiện thuyết Tỳ-nại-da.

2. Như có người vì tánh phần nộ, bị phần nộ ngăn che, phần khuể trói buộc tâm, đối với thân mình còn khiến hoặc tổn hoặc hại, hà hưởng đối với thân người khác.

3. Như có người thành tựu các ác tà kiến phẩm si, như cho là không có cha mẹ, hủy báng cha mẹ, đối với cha mẹ mà còn ngược đãi, hà hưởng tự mình kính dưỡng.

4. Như có người rộng tập quen các dục, bị nổi trôi theo tham ái, nên không được tự tại; còn không muốn mình được ăn, hưởng năng huệ thí cho người.

Bốn pháp như vậy, nên biết năng chướng ngại các bậc thông tuệ. Bốn pháp nên làm, đó là: thanh tịnh xuất gia trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, xa lìa khuể hại, kính dưỡng cha mẹ và vui làm huệ thí.

*Hư không không dấu chim*

*Ngoại đạo không Sa-môn*

*Ngu phu vui hý luận*

*Như Lai không như vậy.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là có chúng sanh

mong cầu vui dục thù thắng nhiếp thuộc cầu dục. Lại có chúng sanh mong cầu vui thân thù thắng nhiếp thuộc cầu hữu. Lại có chúng sanh mong cầu vui giải thoát của Sa-môn và Bà-la-môn, nhiếp thuộc cầu phạm hạnh.

Trong đây kể nhiếp cầu dục, cầu hữu, tác nghì: “Ta nhân ít phần bố thí, ít phần trì giới để được sanh vào đường thiện vui trong các thế giới cõi trời, bấy giờ sẽ lấy năm diệu dục để tự thọ lãnh, thưởng thức, gặp gỡ, vui chơi hoan lạc”. Kẻ kia đã tu tập nguyện như vậy rồi, được dục tối thắng cùng thân tối thắng. Giống như chim bay lượn trong hư không, khắp trong không trung mà không có chỗ dừng chân. Cũng vậy, nên biết chúng sanh ở nơi sở đắc các dục vô thường cùng trong thân phần, đều không an trú.

Nếu vui muốn sở hữu giải thoát của Sa-môn và Bà-la-môn, nhiếp thuộc cầu phạm hạnh lại có hai chủng: hoặc nương pháp thiện thuyết, hoặc nương pháp ác thuyết.

Nếu người nương pháp ác thuyết của chúng ngoại đạo thì không phải Sa-môn. Nếu người nương pháp thiện thuyết mà nhiếp thọ cầu tà phạm hạnh



cũng không phải Sa-môn. Người nhiếp thọ cầu chánh phạm hạnh mới đúng là Sa-môn.

Lại tất cả nhiếp thuộc ba môn đây, hoặc môn cầu dục, hoặc môn cầu hữu, hoặc môn cầu phạm hạnh như thế đều gọi là vui đắm hý luận. Nên biết Như Lai xả bỏ tất cả sở hữu mong cầu, nên không hý luận. Tức dụng nghĩa đây, suy ra nên biết các chúng đệ tử Như Lai, người nhiếp thọ cầu chánh phạm hạnh cũng không có hý luận.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là Đức Bạc-Già-Phạm trong đây lược hiển thị người siêng năng tinh tấn mà xa lìa pháp thộn thuyết Tỳ-nại-da, đều là trống không, là vô ích. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Đều không trụ hí luận  
Vượt hào tường lìa ái  
Mâu-Ni đạo thế gian  
Trời người không thể biết.*

Nay trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là Bí-sô A-la-hán vĩnh viễn xa lìa tham ái, vì đắc giải thoát tự tại khỏi bốn chủng tướng các ác ma oán (là ông chủ mà tất cả ngu phu bị lệ thuộc) nên tùy ý du

hành vào tụ lạc không nhân. Có các ngu phu gặp chân A-la-hán như vậy, ở nơi sự du hành tự tại cực tốt ráo ấy mà không như thật biết, liền ở nơi hai xứ sau mà vọng sanh khinh hủy. Tức là suy nghĩ: “Cớ sao thiện nam đây lại xả bỏ trân bảo tài sản của mình, để rồi phải cầu xin các vật nuôi thân từ người khác? Cớ sao xả bỏ phương tiện sanh thiên, để rồi cần khổ tinh tấn, cầu đoạn diệt hữu?”. Các ngu phu kia thấy việc sanh lên cõi trời có công đức thù thắng, thấy cuộc sống tại gia có nhiều tài sản, nên đối với Đức Mâu-Ni vọng sanh khinh khi. Trời mà kẻ kia phụng thờ, đối với công đức quảng đại của Đức Mâu-Ni còn không thể hiểu biết, huống là kẻ thờ phụng mà có thể hiểu biết.

Sao gọi là các A-la-hán lìa ái, đắc giải thoát tự tại khỏi bốn chủng tướng các ác ma oán vốn là ông chủ mà tất cả ngu phu bị lệ thuộc? Tức là các ngu phu do bốn thức trụ, bị sự sai khiến của các ông chủ ma oán, chịu sự lại qua trong năm thú sanh tử. Chư A-la-hán không như vậy.

Lại các ngu phu vì tội nặng, nên bị chủ ma oán sai khiến. Vì các ác kiến hoặc tăng thêm, hoặc tổn giảm, nên phát khởi chủng chủng pháp ác bất

thiện như cầm dao, gậy... cho đến rơi vào các hí luận, nên sanh trong các đường ác, lại khiến gây tạo chủng chủng các nghiệp duyên ác. Chư A-la-hán không như vậy.

Lại các ngu phu vì tội trung, bị chủ ma oán sai khiến, khiến ở trong sự trói buộc của tường lũy đục ái mà không thể ra khỏi sự sanh khổ ở Dục giới. Chư A-la-hán không như vậy.

Lại các ngu phu vì tội nhẹ, bị chủ ma oán sai khiến, khiến sanh ở Sắc giới và Vô sắc giới, đọa sâu nơi vô minh bao bọc giam nhốt xung quanh, đóng bít trong lao ngục các khổ sanh tử. Ở nơi khổ như sanh... mà không thể thoát được. Chư A-la-hán không như vậy.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị tất cả ngu phu xấu hổ đối với việc không đáng xấu hổ, lại không biết xấu hổ đối với việc đáng xấu hổ; đối với việc không nên sợ hãi mà sanh sợ hãi, đối với việc nên sợ hãi mà sanh không sợ hãi. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Nếu có huân trừ các tâm tư*

*Ở trong lìa phân biệt không sót*

*Vượt qua ngại trước các sắc tướng  
Trừ sạch bốn ách, không sanh lại.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người đã vào vị hữu học mà chưa ly dục Dục giới, nương sơ tinh lự để tự huân trừ các tâm tư ác của Dục giới. Nương đệ nhị tinh lự, nội tịnh... tâm tánh một hướng, đối với sở hữu phân biệt ở sơ tinh lự địa, vĩnh viễn xa lìa không còn sót, không phân biệt trở lại. Nương đệ tam tinh lự, vượt qua các ngăn ngại đấm trước hỷ của đệ nhị tinh lự địa. Nương đệ tứ tinh lự, vượt qua các ngăn ngại đấm trước lạc của đệ tam tinh lự địa. Nương Vô sắc định, vượt qua tất cả sở hữu sắc tướng. Như vậy dần dần thứ lớp nương các định cho đến Hữu đẳng, hoặc định hoặc sanh mà trừ sạch 4 ách.

Những gì là bốn? 1. Trừ sạch ách tâm tư nhiễm ô; 2. Trừ sạch ách tâm tư không nhiễm ô; 3. Trừ sạch ách trói buộc của hỷ lạc; 4. Trừ sạch ách tất cả sắc tướng. Do nhân duyên đây, không sanh trở lại các địa dưới. Nên biết dị sanh tuy đến Hữu đẳng, hoặc định hoặc sanh, vì vẫn còn bị bốn ách trói buộc, nên sanh trở lại các địa dưới.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị sự đến có ngăn mé của hai chủng sai biệt là hữu học và dị sanh. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Huệ thí khiến tăng phước  
Ngăn ngừa dứt oán hại  
Tu thiện xả các ác  
Hoặc tận, đắc Niết-bàn.*

Kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người ở nơi pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, có được lòng chánh tín. Tuy ở gia đình mà xa lìa cấu keo lẩn trối cột, nương sự nghiệp phước thọ trì bảy chủng. Do nhân duyên đây, hoặc đi, hoặc đứng... nói rộng như kinh, cho đến sanh trưởng phước đức như vậy.

Nếu có người ở nơi pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da thanh tịnh xuất gia. Đã xuất gia rồi, vì hộ trì tịnh giới nên đầy đủ lực kham nhẫn. Tuy gặp người trách cứ, xâm nã, chửi mắng, hoặc dùng chân, tay, ngói, đá, dao gây gia hại, vị kia sợ hoại Thi-la sẽ bị chướng ngại, cho nên tâm không nhớ ác, miệng không nói lời ác. Chỉ tâm câu hữu từ duyên với cảnh kia, an trụ biến mãn tất cả phương. Do nhân duyên

đây, sở hữu oán hại tương tục của mình, của người thấy đều dừng dứt, cho đến sanh trong thế giới an vui không bị nhiễu nã, không có nhiều oán địch, được mọi người yêu thích, mọi người vui muốn thấy. Như vậy đã khéo tu chánh phương tiện rồi, nương tăng thượng giới phát khởi tăng thượng tâm, nương tăng thượng tâm phát khởi tăng thượng tuệ. Nơi các thánh đế lúc nhập hiện quán sẽ năng vĩnh viễn xả bỏ nghiệp ác thú và các ác thú. Lại vì tu như đạo đã được trước, dần dần vĩnh viễn đoạn trừ sở hữu các kiết sử, đến trong Hữu dư y Niết-bàn giới mà Bát-niết-bàn. Như vậy, ở thời sau trong Vô dư y Niết-bàn giới, lại Bát-niết-bàn.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị 4 chủng chánh hạnh của người có được tịnh tín: 1. Hạnh chiêu cảm sự giàu có của cải; 2. Hạnh chiêu cảm đường thiện; 3. Hạnh tu thanh tịnh, xa lìa khổ đường ác; 4. Hạnh tu thanh tịnh, lìa tất cả khổ. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Các việc ác chó làm*

*Thực hành các việc thiện*

*Tự điều phục tâm này  
Đây là lời Phật dạy.*

Nay trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có người ở nơi pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, thu được tâm chánh tín. Nơi tất cả chúng, tất cả nhân duyên, tất cả nơi chốn, sở hữu các việc làm ác đều năng đoạn diệt. Ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, năng khéo thọ học Thi-la luật nghi. Người kia do 3 tướng phụng hành các thiện, đó là: khéo an trụ Thi-la; giữ gìn Biệt giải thoát luật nghi thanh tịnh cho đến thọ học các học xứ; nương tăng thượng giới học phát khởi tăng thượng tâm học, nương tăng thượng tâm học phát khởi tăng thượng tuệ học. Kia do đây nên đối với cảnh giới sở tri như thật thấy biết. Như vậy đã đầy đủ các thiện pháp rồi, lại do 3 tướng điều phục tâm mình, đó là: do như thật biết, năng khởi yếm hoạn; do yếm hoạn, năng được lìa nhiễm; do lìa nhiễm, năng được giải thoát.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị quả của sự thọ học ba học và hiển thị thánh giáo của mình không cùng chung với người khác. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Tháo động khó điều phục  
Chìm đọa nơi các dục  
Khó điều phục tâm này  
Tâm điều dẫn an lạc.*

Trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là tuyên thuyết người có tâm, hoặc ý, hoặc thức, dâm dãi vui thích sống nơi xứ hỗn tạp huyền ảo. Ở chốn ồn náo nên khó được xa lìa, khó thể điều phục. Tuy gượng ép sống nơi xứ an ổn không nhân, tu tập các thiện pháp, mà không thể chuyên tâm nhất hướng năng trụ lìa tham, lìa sân, lìa si. Cũng không một hướng năng trú trong sự nỗ lực tịch tĩnh không lay động. Lại mắc phải bệnh, sanh khởi trở lại có tham, có sân, có si, trạo cử và không tịch tĩnh hạ liệt. Hoặc tuy mạnh mẽ sống an trú dừng nghỉ bên trong, nhưng vì dâm dãi vui thích sắc, thanh, hương, vị, xúc, nên ở nơi cảnh ngũ dục rong ruổi thú hưởng chìm đắm.

Các Thánh đệ tử đối với hết thấy sự vui đắm tạp nhiễm như vậy, năng sanh tâm khổ, trọn không phóng túng khiến chúng tự tại chuyển, cũng không thuận theo, chỉ lớp lớp tư trạch, thành tựu trọn vẹn trong việc xa lìa, hằng tu thiện pháp tâm tánh nhất cảnh. Do những vị kia chánh định tâm như



vậy, năng hiểu biết như thật. Vì hiểu biết như thật, năng khởi yểm hoạn. Do yểm hoạn, năng được lìa nhiễm. Do lìa nhiễm, năng được giải thoát. Họ đã khéo điều phục như vậy, vì tâm tận diệt nhân khổ, ở trong hiện pháp được trụ an lạc, các khổ ở vị lai cũng được vĩnh viễn tận dứt.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị không thể đem dài lưu chuyển thuận theo tâm bất chánh và chỗ được thắng lợi trong việc không thuận theo tâm kia. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Nơi tâm tướng khéo biết*

*Hay ăn vị xa lìa*

*Tĩnh lự thường ủy niệm*

*Không nhiễm ái hỷ lạc.*

Trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là như có bậc hữu học kiến tích năng khéo rõ biết tướng chỉ, cử, xả. Do nhân duyên đây được 4 công đức. Đó là tâm trụ một duyên, xa lìa thô trọng, năng khéo thọ dụng sự an lạc của thân tâm. Đây là công đức thứ nhất.

Lại tâm tịch định, vì cùng tận việc tu, vì như

việc đã tu, năng chánh xem xét sâu xa đạo lý các pháp, thu được nội pháp Tỳ-bát-xá-na. Đây là công đức thứ hai.

Lại do lấy chỉ quán thanh tịnh làm y chỉ như vậy, đối với việc tu tập pháp Bồ-đề phần, dũng mãnh không gián đoạn, năng thường tu tập, năng thuận theo tu tập, không uể oải không khiếm sợ. Đây là công đức thứ ba.

Lại do tâm không uể oải, không khiếm sợ như vậy, thành tựu chánh niệm chánh tri bậc nhất, tâm thiện giải thoát. Lại năng thọ dụng hỷ lạc của giải thoát và lạc vô nhiễm. Ở trong hiện pháp được trụ an lạc. Đây là công đức thứ tư.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị 4 chủng công đức ở nơi tướng mà được thiện xảo: sở tác của Xa-ma-tha, sở tác của Tỳ-bát-xá-na, sở tác của sự không uể oải khiếm sợ, sở tác của sự đến cứu cánh. Nên biết đây gọi là lược nghĩa của phần này.

*Không nghệ khéo sống, tự khinh mình  
Các căn thắng lạc tận giải thoát*

*Không nhà không chốn không mong cầu  
Đoạn dục, độc hành, chân Bí-sô.*

Trong kệ tụng đây hiển rõ, đó là thành tựu 5 chi và vĩnh viễn đoạn 5 chi, nên biết được gọi là chân thật Bí-sô. Những gì là năm? Tức là không nương tựa kiêu căng, không dùng phương tiện tà pháp để nuôi mạng sống, cũng không cậy dựa những nhà có thế lực, cũng không sửa đổi danh xưng dòng họ, cũng không giả dối thọ lời dạy của chư Phật và lời Thánh đệ tử nói. Ví như nương vào các sự việc công xảo, phi pháp hy cầu y phục, ăn uống... Đây gọi là chi thứ nhất.

Lại giảm bớt các thứ vật dụng, khéo xả trần bảo tài của. Tự biết y vừa đủ che thân, ăn vừa đủ no bụng, vui vẻ biết đủ. Phạm lúc du hành đều đem theo y bát. Đây là chi thứ hai.

Lại luôn mong nghĩ quý mến Sa-môn, vui thích hạnh Sa-môn, nhớ nghĩ học xứ, vui thích học xứ. Nếu gặp phải duyên khó bảo toàn mạng sống, còn không trái vượt giới cấm đã học, hà hướng chút ít nhân duyên lợi dưỡng. Đây là chi thứ ba.

Lại kia chánh tu phương tiện như vậy, tịnh

mạng an vui biết đủ, vui thích học xứ. Nếu người chưa hiện quán đối với các thánh đế, năng nhập hiện quán, đắc kiến thanh tịnh. Hoặc có lúc thất niệm, chỉ trong một niệm phát sanh tâm ác bất thiện dẫn khởi tham dục, sân khuể, ngu si, chậm chạp quên mất nhớ nghĩ, thì nhanh chóng khiển trừ. Đây là chi thứ tư.

Lại đối với các kết phược, tất cả tùy miên phiền não triền, kia tu tập như đạo đã đắc trước, tâm được giải thoát. Đây là chi thứ năm.

Như vậy gọi là thành tựu năm chi.

Sao gọi là vĩnh viễn đoạn 5 chi? Có Bí-sô A-la-hán ở nơi năm điều không thể trở lại phạm. Đó là không thể xả học xứ mà thối thất quay lui. Lại không thể tích trữ các vật, chấp là cái mình có mà thọ dụng, cũng chẳng thọ dụng cảnh giới các dục. Lại chẳng trở lại vì tài của, vì thân mạng, biết mà vọng ngữ. Lại không có việc đã xả bỏ các dục mà hành lấy của không cho, cũng không có việc đã lìa hẳn tham dục, sống một mình, hành một mình, mà lại tập gần phi phạm hạnh, hai bên giao hội. Hoặc suy tính tự mình làm mà rước lấy khổ vui, hoặc suy tính người làm, hoặc suy tính mình người

làm, hoặc không phải mình, cũng không phải người làm, không do nhân sanh mà rước lấy khổ vui. Như vậy gọi là vĩnh viễn đoạn năm chi.

*Tâm, viễn hành, độc hành  
Không thân, ngủ ở hang  
Năng điều phục khó phục  
Ta nói Bà-la-môn.*

Nay trong kệ tụng đây, chỗ nói *tâm* đây tức cũng gọi là ý, cũng gọi là thức. *Tâm* đây ở quá khứ, tất cả ngu phu tự thể triển chuyển và nhân triển chuyển có vô lượng sai biệt, tuy không tác giả mà lưu chuyển trong sanh tử. Tiền tế không thể biết, nên gọi là viễn hành. *Tâm* đây ở hiện tại mỗi mỗi lưu chuyển, vì bị bận tâm thứ hai xa lìa, vì tất cả chủng tâm không chuyển ngay, cho nên gọi là độc hành.

Lại *tâm* đây ở hiện tại tùy theo tự thể ban đầu mà sanh khởi hiện tiền, hoặc do tánh tham, hoặc do tánh sân, hoặc do tánh si, hoặc do mỗi một tánh phiền não, tùy phiền não còn lại. Tức *tâm* không theo tự thể kia mà chuyển rất ráo. Như năm sắc căn, hoặc đồng hoặc khác, hoặc kém hoặc hơn, tùy theo tự thể ban đầu sanh khởi hiện tiền, tức tự

thể đây rất ráo mà chuyển. Tâm chẳng như vậy, vì có sao? Tâm trải qua các vị lập-phược, sát-na, đêm ngày... kia chẳng phải một mà rất nhiều chủng chủng phẩm loại. Lúc sanh sanh khác, lúc diệt diệt khác. Do thể của tự tánh tâm nhiễm ô không thành thật, gọi là không thân. Tâm đây ở đời vị lai cư ngụ nơi bốn thức trụ mà có tùy miên, năng ở đời sau có nghĩa đến đi, gọi là ngủ ở hang. Nếu có bậc thông tuệ, do bốn tướng đây hay ở nơi tâm đời quá khứ, hiện tại, vị lai như thật rõ biết, nên tu chán lìa đoạn diệt và tâm giải thoát. Vị kia năng vượt qua các thân, đến bờ kia an trụ ở đất liền, gọi là Bà-la-môn.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị tâm ở quá khứ trường thời nhiễm ô, tánh không có tác giả. Ở đời hiện tại, tánh là sát-na, tự tánh thanh tịnh. Ở đời vị lai, do có phóng dật, không phóng dật, nên nhiễm ô, thanh tịnh. Nên biết đây là nghĩa lược của phần này.

Gì hay che thế gian?

Gì hay khiến không hiển?

Gì lại hay nhiệm bản?

Gì là sợ hãi lớn?

– Vô minh che thế gian  
Phóng dật khiến không hiền  
Hí luận hay nhiệm bản  
Khổ là sợ hãi lớn.

Các dòng rỉ chảy khắp  
Rỉ đây gì hay ngăn?  
Phải nói gì phòng hộ  
Gì khéo ngăn các dòng?

– Các dòng rỉ thế gian  
Rỉ đây, niệm khiến dừng  
Ta nói năng phòng hộ  
Do tuệ khéo ngăn được.

Niệm, tuệ cùng danh sắc  
Nay hỏi tất cả đây  
Bao giờ diệt dứt hẳn?  
Duy nguyện vì tôi nói.

– Niệm, tuệ cùng danh sắc

*Ta nói tất cả đây  
Nếu diệt hẳn các thức  
Nơi ấy diệt tận hẳn.*

Sở hành niệm thế nào  
Các thức sẽ diệt hẳn?  
Nay thỉnh dạy phương tiện  
Giải thích khiến không nghi.

– *Nơi nội, ngoại các thọ  
Đều không sanh vui thích  
Sở hành niệm như vậy  
Các thức sẽ diệt hẳn.*

Nếu các pháp thiện thuyết  
Và hữu học dị loại  
Kia năng hưởng thường úy  
Thỉnh Đại tiên vì nói.

– *Không đấm trước các đục  
Nơi tâm không vẫn đục  
Nơi các pháp khéo nghĩ  
Bí-sô này hay đến.*



Đây là lời kệ của A-thị-đa thỉnh hỏi trong buổi lễ Ba-la.

Nói thế gian, lược có 3 chủng: 1. Thế gian Dục; 2. Thế gian Sắc; 3. Thế gian Vô sắc. Nay trong nghĩa đây, ý phân biệt hai chủng là xuất gia thế gian và tại gia thế gian.

Xuất gia thế gian lại có 2 chủng, đó là: pháp ác thuyết và pháp thiện thuyết. Pháp ác thuyết là pháp bị vô minh ngăn che. Pháp thiện thuyết, do có minh nên có thể minh bạch rõ ràng, do phóng dật nên không được minh bạch rõ ràng.

Các tại gia bạch y dị loại bị các hý luận làm nhiễm bẩn. Nên biết hý luận lược có 3 chủng, đó là 3 chủng ngôn sự, gọi là hý luận. Ở nơi 4 chủng ngôn thuyết, chỗ có luận bàn cũng gọi là hý luận. Chỗ có tâm tứ hay phát lời nói, cũng gọi là hý luận. Nếu ở nơi 3 chủng ngôn sự quá khứ, vị lai, hiện tại, nương 4 chủng ngôn thuyết mà phát khởi tư duy, phân biệt khác loại hoặc thuận hoặc nghịch, đây gọi là nhiễm bẩn. Hoặc trước hý luận, hoặc sau nhiễm bẩn, phần nhiều những người tại gia có điều này, cho nên nói kẻ kia bị nhiễm bẩn bởi các hý luận. Trong đây pháp ác thuyết bị vô minh

ngăn che, pháp thiện thuyết vì phóng dật nên không minh bạch rõ ràng.

Những kẻ tại gia bị hý luận nhiễm bản, kia ở hiện pháp lúc nhân khổ chuyển, nơi nhân khổ đây không như thật biết là nhân khổ, nơi nhân khổ đây mà trụ vui thích. Do nhân duyên đây, sanh khổ ở đương lai, tức nói khổ đây là sợ hãi lớn.

Lại pháp ác thuyết do cửa vô minh, từ sáu xứ lưu xuất rỉ chảy các khổ. Những kẻ tại gia do cửa hý luận, từ sáu xứ lưu xuất rỉ chảy các khổ. Pháp thiện thuyết do cửa phóng dật, từ sáu xứ lưu xuất rỉ chảy các khổ. Như vậy vô minh, phóng dật, hý luận là các cửa lưu xuất rỉ chảy.

Do được nghe âm thanh của người, bên trong chánh tác ý, ở nơi các hành rõ biết quá hoạn, nhớ nghĩ tương ưng đây ngược dòng mà chuyển, nên có thể chặn đứng dòng chảy kia. Phương tiện như vậy gọi là điều phục đối trị.

Nếu các bậc tuệ vô lậu nhiếp thuộc chánh kiến xuất thế gian, ở nơi ba chủng lưu lậu đều năng ngăn dứt. Phương tiện như vậy gọi là đoạn đối trị. Đối với dòng lưu lậu đây, vì hai chủng đối trị hoặc hàng phục, hoặc vĩnh viễn, đều có thể đoạn nên

cùng gọi là phòng hộ.

Lại pháp ác thuyết và người tại gia chỉ một hướng rơi vào nhiễm ô nhiếp. Trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da có hai dạng người khá được, đó là dạng người phóng túng buông lung thuộc phẩm loại tạp nhiễm, nhiếp không minh bạch rõ ràng và người không phóng túng buông lung thuộc phẩm loại thanh tịnh, nhiếp minh bạch rõ ràng.

Lại hoặc đã minh bạch rõ ràng, hoặc phải minh bạch rõ ràng, nên biết hai chủng đều không phóng dật.

Các A-la-hán đều đã minh bạch rõ ràng, ở nơi không phóng dật không phải tu làm thêm sự không phóng dật. Ở nơi bốn niệm trụ, hoặc niệm hoặc tuệ, vì đã khéo tu, vì đã khéo chứng đắc thức thanh tịnh, chỉ có quyết chắc một hướng ở trong Vô dư y Niết-bàn giới. Thức thiện thanh tịnh vì sẽ vĩnh viễn diệt, nên hoặc niệm hoặc tuệ cũng tùy đó vĩnh viễn diệt. Tất cả danh sắc do nghiệp trước dẫn dắt, nhiếp thuộc dư y cũng theo đó mà diệt tận. Cho đến pháp kia chưa diệt hẳn, lại ở nơi sáu hằng trụ thường khéo an trụ. Ở nơi ly dục địa sở hữu nội thọ và nơi các dục tương ưng ngoại thọ,

chẳng sanh vui thích. Như vậy gọi là các A-la-hán chánh niệm hiện hành. Cho đến lúc thọ mạng tận hết, thức mới diệt hẳn.

Nếu các bậc hữu học, thì phải minh bạch rõ ràng. Ở nơi không phóng dật, phải tu làm hơn nữa sự không phóng dật. Kia lại có hai chủng: ở nơi không phóng dật và sự việc không phóng dật. Đó là thường sở tác bỏ hết sở tác.

Hữu học loại khác, hoặc các hữu học, tối đa bảy lần trở lại hữu, hoặc lại quả Nhất lai, Gia-gia... và ở trong hiện pháp kham Bát-niết-bàn. Đối với hạ phần kiết và thượng phần kiết, tâm không nhiễm ô. Vì đoạn trừ kia, nên tu tập đối trị. Lại vì không đấm trước các dục, nên các hạ phần kiết không thể nhiễm ô. Vì tâm không bị vấn dục, nên các thượng phần kiết không thể nhiễm ô. Lại trong tất cả pháp hữu khổ, như thật biết tập cho đến xuất ly, tâm khéo trụ nơi bốn niệm trụ. Tu tập như thánh đạo trước đã đắc, năng hướng đến cứu cánh. Vì như thật tu tập đạo đối trị, kia ở trong tất cả chẳng phóng dật, các sự việc không phóng dật nên làm đều đã được cứu cánh.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã nói

trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị các kẻ tại gia và các kẻ ở nơi ngoại pháp mà xuất gia, quyết định có tạp nhiễm. Hiển thị người ở trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da mà xuất gia, nếu hành phóng dật sẽ đọa trong phẩm nhiễm ô, nếu không hành phóng dật sẽ trụ trong phẩm thanh tịnh. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Nơi các dục mong cầu  
Hoặc đến kỳ quả toại  
Được rồi tâm vui mừng  
Yêu giữ cho đến chết*

*Chúng sanh vui các dục  
Nếu thối thất các dục  
Sắc đây liền biến hoại  
Như trong chỗ tên độc*

*Nếu xa lìa các dục  
Giống như dầu rấn độc  
Kia nơi ái thế gian  
Chánh niệm năng vượt qua*

*Ruộng đất cùng vàng bạc*

*Ngựa trâu, châu, vòng xuyên,  
Hầu nữ thêm các dục  
Là chỗ người vui đắm*

*Phan duyên chìm hạ liệt  
Biến hoại sanh các lậu  
Từ đây nhóm các khổ  
Như thuyền vỡ nước tràn*

*Nếu dứt hẳn các dục  
Như chặt ngọn đa-la  
Xả bỏ các ưu sầu  
Như giọt nước hoa sen.*

Đây là kệ tụng nương các dục trong phẩm nghĩa. Đó là như có người mong cầu sở hữu các dục vị lai, vì muốn thu hoạch được các dục ấy nên phát siêng phương tiện. Nếu đã hiện tiền được, liền đắm trước thọ dụng. Như vậy mong cầu các dục và đang thọ dụng các dục đã đắc. Do nhân duyên đây, sanh vui sanh thích. Như vậy gọi chung là ái vị các dục.

Lại kia mong cầu và chánh thọ dụng sở hữu các dục. Ở nơi việc đã được và việc đang thọ dụng, nếu lúc thối thất bèn theo các dục kia mà luyến

trước ái vị, nên bị mũi tên ái nhập tâm, như trúng tên độc thọ ưu khổ lớn, hoặc có khi đưa đến mất mạng. Như vậy gọi là quá hoạn của các dục.

Lại rắn độc dụ như các cảnh giới dục, đầu rắn độc dụ cho sở hữu ái vị ở trong các dục. Nếu các ngu phu ái vị các dục, tham trước thọ dụng như bị nọc độc của rắn cắn. Nếu có các Thánh đệ tử đã xa lìa sở hữu ái vị của các dục như đầu rắn độc, thì được trọn không ái nhiễm mà thọ dụng, nói rộng cho đến không sanh đấm trước. Kia đối với sở hữu tham ái của các sắc cho đến đối với sở hữu tham ái của các xúc, đều có khả năng điều phục, đoạn diệt, vượt qua. Như vậy gọi là xuất ly khỏi các dục.

Lại tự tánh các dục lược có 2 chủng: 1. Sự dục; 2. Phiền não dục.

- Sự dục có hai: 1. Lúa và xứ sở y của kia, đó là việc ruộng nương; 2. Tài bảo và xứ sở y của kia, đó là việc như vàng bạc... Vì có sao? Bởi các kẻ cầu lúa gạo ắt trông vào sự việc ruộng nương. Còn các kẻ cầu tài bảo ắt trông vào sự việc vàng bạc. Cầu vàng bạc lại có 2 chủng: 1. Việc vua; 2. Việc buôn bán. Cầu lúa, cầu ruộng, thì phương tiện cần có là trâu. Cầu tài bảo bằng cách làm việc cho vua thì phương

tiện cần có là ngựa. Sở hữu phương tiện để cầu tài bảo bằng cách buôn bán, hoặc các loại tương ứng với vàng bạc như bảo châu, hoặc các loại không tương ứng với vàng bạc như vòng xuyên. Đây chỉ nêu ra những cái điển hình thù thắng. Hoặc giả sự việc nói năng buôn bán trao đổi nên biết cũng vậy. Nếu tích chứa lúa gạo, vàng bạc như vậy rồi, chỗ có trợ bạn cho việc thọ dụng vui chơi là nữ sắc. Nếu chưa tích chứa thu thập giữ gìn như vậy, thì chỗ có trợ bạn cho việc thu được lợi tức là những người giúp việc. Như vậy lúa gạo, vàng bạc được tích nhóm rộng lớn, cho nên ở nơi các việc đây đấm trước không bỏ. Tất cả như vậy đều gọi là sự dục.

- Phiền não dục, đó là ở nơi các sự dục mà theo đuổi ái vị, nương thức đấm trước phát sanh chủng chủng tham hư vọng phân biệt.

Lại ở nơi sự dục, do phiền não dục khiến tâm bị chìm đắm thành tánh hạ liệt. Nếu sự dục kia bị biến hoại tan mất, liền sanh các lậu chủng chủng khổ não sâu than ưu bi triền nhiều nơi tâm. Như vậy, kia ở trong hiện pháp bị các lậu ngăn che mà không đối trị, giống như thuyền vỡ nước dần tràn vào, nên đương lai chiêu tập chủng chủng khổ não



như sanh, lão, bệnh, tử... Nếu ở nơi các dục đã ra khỏi xa lìa, liền năng vĩnh viễn đoạn dứt ái vị thuận theo dục phát khởi các thức nhiễm ô tham trước, giống như chặt đứt ngọn cây đa-la khiến nó không sanh trưởng trở lại.

Lại các dục kia khả ái khả lạc cho đến khả ý, lúc dục kia biến hoại, nếu người ở nơi thức thanh tịnh, hẳn tất cả khổ não như sâu ưu... đều chẳng thể bám trụ lại, như giọt nước không thể đọng lại trên cánh hoa sen.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã thuyết trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị 3 chủng tự tánh của các dục là quá hoạn, ái vị và xuất ly. Lại hiển thị ái vị năng làm quá hoạn và sở hữu công đức của việc xuất ly ái vị kia. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

*Ở quá khứ không luyến  
Không mong cầu vị lai  
Trong các pháp hiện tại  
Nơi nơi khắp quán sát  
Bạc trí được tăng trưởng  
Không đoạt cũng không động.*

Đây là kệ tụng hiển rõ việc tu thành tựu hiền thiện. Đó là như có người ở nơi pháp Tỳ-nại-da sở chứng của Phật, có được lòng tịnh tín, dùng tâm chánh tín xả bỏ cuộc sống gia đình, hướng đến đời sống không gia đình. Do 5 chủng tướng tu hành phạm hạnh khiến được thiện thanh tịnh. Đó là năng xả ly các hành gia đình không lòng đái luyện, cũng không duyên theo kia khiến tâm sanh luyện tiếc trở lại khởi nhiễm trước. Đây gọi là tướng thứ nhất.

Lại đối với lợi dưỡng cung kính ở hiện pháp và sở hữu chủng loại các hành ở vị lai không sanh mong cầu. Cũng không nguyện vì đương lai sở hữu các hành người trời, mà tu hành phạm hạnh. Đây là tướng thứ hai.

Lại ở hiện tại năng chánh quán sát năm thủ uẩn nhiếp lấy các sắc... và sự an lập của kia.

Lại đối với các thân làm các ác hành và chiêu cảm quả báo ác ở hiện pháp và ở đương lai, thường nhớ nghĩ nơi thân ta không nên phát khởi các ác hành... nói rộng như kinh, cho đến nên đoạn các ác hạnh của thân, tu thân thiện hạnh, tu ngữ, ý thiện hạnh nên biết cũng vậy.

Lại ở nơi các sắc uẩn... năng tùy theo đó quán sát đời quá khứ, vị lai, hiện tại đều là vô thường. Do vô thường nên khổ. Do khổ nên vô ngã. Do vô ngã nên ở nơi tất cả các uẩn kia không chấp là ngã sở, cho đến ở nơi kia không chấp là ngã. Như vậy dụng chánh tuệ như thật để quán sát. Đây là tướng thứ ba.

Lại nương pháp Tỳ-bát-xá-na ban đầu, các căn thành thực hai chủng tư lương phước đức, trí huệ là cái mà không phải các vua thế gian có thể cướp đoạt. Ở đời đương lai tăng trưởng và thông đạt. Đây là tướng thứ tư.

Lại nương pháp Tỳ-bát-xá-na thứ hai, ở trong hiện pháp năng khéo tăng trưởng công đức Niết-bàn là đối tượng mà không phải các phiền não và tùy phiền não có thể khuynh động. Đây là tướng thứ năm.

Do năm tướng đây, khiến sự tu hành phạm hạnh đi đến thiện thanh tịnh. Nếu nương như vậy trong khoảng thời gian một ngày một đêm cũng là hiền thiện. Nên biết hiền thiện bậc nhất là vượt qua tất cả sở hữu phạm hạnh còn lại này.

Lại nữa, nay sẽ tóm lược biện biệt nghĩa đã

nói trên. Đó là trong đây Đức Bạc-Già-Phạm lược hiển thị sự tu hành phạm hạnh trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da nơi tất cả tướng đều thiện thanh tịnh, không cùng chung với pháp ác. Nên biết đây gọi là nghĩa lược của phần này.

Ốt-Đà-Nam nói:

*Lưu bố tham ác thuyết  
Loại cùng ao tham chảy  
Được nghĩa làm mệt nhọc  
Luận nghị mười bốn chủng.*



## Quyển 20

### Thứ 12. TU SỞ THÀNH ĐỊA

Như vậy đã thuyết Tư sở thành địa.

Sao gọi là *Tu sở thành địa*? Nói lược do 4 xứ nên biết nhiếp khắp Tu sở thành địa. Những gì là bốn xứ? 1. Xứ sở tu; 2. Nhân duyên tu; 3. Tu Du-già; 4. Quả tu.

Bốn xứ như vậy nhiếp thuộc 7 chi. Những gì là bảy? 1. Sanh viên mãn; 2. Nghe chánh pháp viên mãn; 3. Niết-bàn là thượng thủ; 4. Năng chín muồi sự thành thực của tuệ giải thoát; 5. Tu tập đối trị; 6. Tất cả chủng thanh tịnh thế gian; 7. Tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian. Như bốn xứ nhiếp thuộc bảy chi đây nghĩa thánh giáo rộng khắp, đó là nương trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, tất cả học xứ đều được viên mãn.

#### 1. Sanh viên mãn:

Nên biết lược có 10 chủng: đó là nương bên

trong có năm và nương bên ngoài có năm. Nương trong và ngoài tổng cộng thành 10 chủng.

*Sao gọi là trong sanh viên mãn, nương bên trong có 5 chủng?* 1. Chúng đồng phận viên mãn; 2. Xứ sở viên mãn; 3. Chỗ nương viên mãn; 4. Không nghiệp chướng viên mãn; 5. Không chướng ngại tín giải viên mãn.

Chúng đồng phận viên mãn: như có người sanh trong cõi người được thân tượng phu, nam căn thành tựu.

Xứ sở viên mãn: như có người sanh trong cõi người, lại sanh ở trung tâm đất nước, không sanh nơi biên địa. Sanh ở trung tâm đất nước đây tức là nơi có bốn chúng hành: Bí-sô, Bí-sô-ni, Cận sự nam và Cận sự nữ. Không sanh biên địa hạ tiện tức là không sanh những nơi không có bốn chúng hành, không có các bậc Hiền Thánh chánh chí, chánh hạnh, cũng không có các bậc Thiện tượng phu.

Chỗ nương viên mãn: như có người sanh ở trung tâm đất nước, chẳng bị khuyết mắt, tai... hay một chi phần nào đó của cơ thể, tánh không ngu xuẩn, cũng không cam ngọng, có thể kham năng

hiểu rõ sở hữu pháp nghĩa là thiện thuyết hay ác thuyết.

Không nghiệp chướng viên mãn: như có người chỗ nương viên mãn, đối với năm tội nghiệp vô gián, tùy theo nghiệp chướng nào đó, không tự mình làm, cũng không dạy người làm. Nếu có làm các nghiệp đây, thì ở trong thân hiện tại tất không chứng đắc pháp khí của bậc Thánh Hiền.

Không chướng ngại tín giải viên mãn: như có người không thành tựu năm nghiệp vô gián, không ở nơi các việc ác mà sanh tin hiểu, không ở nơi các việc ác mà phát tâm thanh tịnh. Các việc ác tức là chủng chủng xứ trời tà, chủng chủng xứ ngoại đạo. Do kia ở trong đời trước ở trong thánh giáo Phật pháp xứ thiện thuyết, đã từng tịnh tín tu tập, trường thời tương tục. Do nhân duyên đây, ở trong đời nay chỉ phát sanh tín giải, khởi tâm thanh tịnh ở nơi thánh xứ.

*Sao gọi là trong sanh viên mãn, nương bên ngoài có 5 chủng?* 1. Đại sư viên mãn; 2. Chánh pháp thế tục thi thiết viên mãn; 3. Chánh pháp thắng nghĩa tùy chuyển viên mãn; 4. Chánh hạnh không diệt viên mãn; 5. Thuận theo duyên của

cải viên mãn.

Đại sư viên mãn: tức là bồ-đặc-già-la kia đã có đầy đủ 5 chủng sanh viên mãn bên trong rồi, lại được gặp bậc Đại sư xuất hiện nơi đời, đó là Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, là bậc biết tất cả, là bậc thấy tất cả, ở nơi tất cả cảnh được không chướng ngại.

Chánh pháp thế tục thi thiết viên mãn: tức là bồ-đặc-già-la kia được gặp Phật xuất hiện nơi đời rộng khai thị pháp thiện, bất thiện, có tội, không tội, nói rộng cho đến các pháp duyên sanh và rộng phân biệt. Đó là Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt, Phúng tụng, Tự thuyết, Duyên khởi, Thí dụ, Bổn sự, Bổn sanh, Phương quảng, Hy Pháp cùng với Luận nghị.

Chánh pháp thắng nghĩa tùy chuyển viên mãn: tức là bậc Đại sư đã khéo khai thị chánh pháp thế tục rồi, các chúng đệ tử nương theo chánh pháp đây lại được người khác vì họ mà nói thuận theo dạy răn dạy trao tu ba mươi bảy phẩm pháp Bồ-đề phần, đắc quả Sa-môn. Đã chứng đắc viên mãn quả Sa-môn, lại năng chứng đắc sở hữu công đức triển chuyển thù thắng hơn tăng trưởng rộng lớn.



Chánh hạnh chẳng diệt viên mãn: tức là chư Phật Thế Tôn tuy Bát-niết-bàn mà chánh pháp thế tục vẫn chưa diệt, chánh pháp thắng nghĩa không ẩn mất, không đoạn diệt.

Thuận theo duyên của cải viên mãn: tức là 4 chủng thọ dụng chánh pháp. Bởi nhân duyên hiện tiền thọ dụng chánh pháp, nên có các bậc trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn có chánh tín biết kia thọ dụng triển chuyển theo chánh pháp, sợ rằng do duyên tài vật bị thiếu thốn sẽ thối thất chánh pháp đã được thọ dụng như vậy, cho nên ân cần phụng thí chủng chủng y phục, ăn uống, các tọa ngoại cụ, thuốc trị bệnh và các vật nuôi thân khác.

Mười chủng như vậy gọi là sanh viên mãn nương trong ngoài. Tức 10 chủng sanh viên mãn đây gọi là *xứ sở tu Du-già*.

Do lấy chỗ sở y, chỗ kiến lập đây làm chỗ nương tựa, nên chúng đắc sở hữu thánh pháp của Như Lai và các chúng đệ tử. Thánh pháp như vậy lược có 2 chủng: 1. Pháp hữu học; 2. Pháp vô học. Nay trong nghĩa đây, ý lấy sở hữu Thánh pháp vô học, đó là chánh kiến vô học, nói rộng cho đến chánh trí vô học. Vì cố sao? Vì các hữu học tuy có

thánh pháp, nhưng trong tương tục bị sự theo đuổi của phiền não phi thánh hiện tiền khả đắc.

Như vậy chi sanh viên mãn thứ nhất đây có 10 chủng nghĩa thánh giáo rộng khắp. Ngoài đây ra lại không có chủng viên mãn nào khác hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

## **2. Nghe chánh pháp viên mãn:**

Nên biết hoặc chánh thuyết pháp, hoặc chánh nghe pháp, hai chủng gọi chung là nghe chánh pháp viên mãn.

Chánh thuyết pháp lược có 2 chủng: 1. Tùy thuận; 2. Không nhiễm ô. Nếu nói rộng nên biết có 20 chủng, như trong *Bồ-tát địa sẽ thuyết*.

Chánh nghe pháp lược có 4 chủng: 1. Xa lìa kiêu ngạo; 2. Xa lìa khinh miệt; 3. Xa lìa khiếp nhục; 4. Xa lìa tán loạn. Người lắng nghe pháp mà xa lìa bốn chủng lỗi lầm như vậy, thì được gọi là chánh nghe pháp. Nên biết nếu nói rộng thì có 16 chủng, như trong *Bồ-tát địa sẽ thuyết*.

## **3. Niết-bàn là thượng thủ:**

Đệ tử Như Lai khi nương sanh viên mãn mà

chuyển, lắng nghe chánh pháp như tướng trước đã thuyết, chỉ lấy Niết-bàn làm thượng thủ, chỉ cầu Niết-bàn, chỉ duyên Niết-bàn mà lắng nghe chánh pháp. Chẳng vì khuyến dẫn người khiến tin mình, chẳng vì lợi dưỡng xưng khen cung kính.

Lại người duyên Niết-bàn mà lắng nghe pháp, có 10 pháp chuyển, Niết-bàn làm dẫn đầu. Đó là nương tựa Hữu dư y Niết-bàn giới và Vô dư y Niết-bàn giới.

Nên biết nương tựa Hữu dư y Niết-bàn giới có 9 pháp chuyển, Niết-bàn làm dẫn đầu. Nương tựa Vô dư y Niết-bàn giới, có 1 pháp chuyển, Niết-bàn làm dẫn đầu.

Đó là lấy tuệ thành tựu do nghe làm nhân, ở nơi đạo, đạo quả, Niết-bàn, phát khởi 3 chủng tin hiểu: 1. Tin có tánh thật; 2. Tin có công đức; 3. Tin mình có đủ khả năng đắc phương tiện an lạc. Đã sanh tin hiểu như vậy rồi, vì muốn thành tựu trọn vẹn trí thành tựu do tư duy, nên thân tâm an trú xa lìa nơi ồn náo, xa lìa chướng cái, các ác tâm tư. Vì an trú đây, bèn năng thú nhập nghĩa khéo quyết định trí thành tựu do tư duy. Vì nương tựa đây, lại năng thú nhập hai chủng phương tiện tu ân cần

không gián đoạn. Do thứ lớp đây, dần dần cho đến chứng được trí thành tựu do tu. Do trí đây, nên thấy quá thất của sanh tử phát khởi thắng giải, cùng thấy công đức của Niết-bàn phát khởi thắng giải. Do thường xuyên tu tập nên nhập hiện quán đế, trước đắc kiến đạo, chỗ giải thoát của hữu học, ở nơi tu đạo bậc thượng đã được kiến tích. Vì luôn luôn tu tập, lại thêm chứng đắc giải thoát của vô học, vì chứng đắc đây nên giải thoát viên mãn. Giải thoát viên mãn đây gọi là Hữu dư y Niết-bàn giới, tức lấy Niết-bàn làm thượng thủ, khiến chín pháp trước thứ lớp tu tập mà được viên mãn. Nên biết giải thoát viên mãn đây lại lấy Vô dư y Niết-bàn giới làm thượng thủ.

Như vậy, Niết-bàn làm dẫn đầu, lắng nghe chánh pháp, nên biết gạt hái 5 chủng lợi ích thù thắng. Những gì là năm? Đó là lúc lắng nghe chánh pháp, năng nhiều ích mình, người. Lúc tu chánh hạnh, năng nhiều ích mình, người. Năng chứng đắc ngần mé các khổ.

Nếu thuyết pháp sư lấy nghĩa đây mà tuyên thuyết chánh pháp, người nghe pháp cũng lấy ý đây mà lắng nghe chánh pháp, đó gọi là nhiều

ích cho người.

Lại dùng tâm thiện lắng nghe chánh pháp, bèn năng lãnh thọ vị thượng phẩm sâu của pháp nghĩa đã thuyết. Nhân đây chứng được hoan hỷ rộng lớn, lại năng dẫn phát thiện căn xuất ly. Đó gọi là năng nhiều ích mình.

Nếu có bậc Đại sư chánh tu tập tùy pháp hành pháp, vì muốn kiến lập chánh pháp, phương tiện thị hiện thành bậc Chánh Đẳng Giác, khiến người tu tập chánh hành pháp. Trong đó tự nhiên có pháp cúng dường Đại sư. Cho nên nói đây là nhiều ích người.

Nhân chánh hành đây, kham năng chứng đắc cảnh giới tịch tĩnh thanh lương là Hữu dư y Niết-bàn. Cho nên nói đây năng nhiều ích mình.

Nếu trong Vô dư y Niết-bàn giới, lúc Bát-niết-bàn gọi là chứng đắc ngăn mé các khổ. Đây gọi là lấy Niết-bàn làm thượng thủ, gạt hái lợi ích thù thắng do lắng nghe chánh pháp.

Như vậy gọi là sở hữu nghĩa rộng của Niết-bàn làm dẫn đầu. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

#### **4. Năng chín muồi sự thành thực của tuệ giải thoát:**

Đó là vì chi Tỳ-bát-xá-na thành thực, nên gọi là tuệ thành thực. Vì chi Xa-ma-tha thành thực, cũng gọi là tuệ thành thực. Vì có sao? Vì tuệ trong tâm định, ở nơi cảnh sở tri thanh tịnh mà chuyển.

Lại chi Tỳ-bát-xá-na, ban đầu hẳn nhờ thiện hữu làm chỗ nương. Nương sự nhiếp thọ của thiện hữu, ở trong tánh chân thật của cảnh sở tri có hiểu rõ dục.

Lại chi Xa-ma-tha do sự nhiếp thọ của Thi-la viên mãn. Nương nơi sự nhiếp thọ của Thi-la viên mãn, ở trong tầng thượng giới nếu có hủy phạm tịnh giới, hủy hoại quỹ tắc mà bị các bậc có trí đồng phạm hạnh do thấy, nghe, nghi, hoặc cử tội, hoặc khiến nhớ lại, hoặc khiến tùy thuận học, lúc bấy giờ kham nhẫn chịu sự luận bàn quả trách.

Lại vì nương nơi sự chân thật của cảnh sở tri hiểu rõ dục nên vui thích lắng nghe. Vì nương sự vui nghe, liền phát lời thưa hỏi. Vì nương sự thưa hỏi, nên được nghe pháp nghĩa sâu xa trước chưa từng nghe. Vì luôn luôn lắng nghe không gián đoạn, nên ở nơi pháp nghĩa kia chuyển được sáng sạch,

lại năng khiến trừ nghi hoặc sanh khởi trước đây.

Như vậy, vì giác tuệ chuyển sáng sạch, nên đối với các sự việc hưng thịnh của thế gian năng thấy quá hoạn, thân tâm chán lìa.

Như vậy, vì khéo tác ý tâm nhằm chán đối với tất cả sự hưng thịnh của thế gian kia, nên không sanh vui mong cầu.

Như vậy, vì kia đối với các đạo tăng thượng sanh thế gian không tâm mong cầu, vì muốn đoạn trừ các pháp ác thú, nên tâm sanh chánh nguyện.

Lại vì tu tập sở hữu các thiện pháp năng đối trị kia, nên tu tập sở hữu các thiện pháp đối trị tất cả phiền não. Vì muốn chứng đắc quả đối trị kia, cũng vì tự tâm được thanh tịnh, nên tâm sanh chánh nguyện.

Mười chủng như vậy năng làm chín muồi sự thành thực pháp của tuệ giải thoát, thứ lớp năng khiến giải thoát viên mãn, như trước đã nói.

Lại theo thứ tự 3 chi đã thuyết là: nghe chánh pháp viên mãn, Niết-bàn là thượng thủ và năng chín muồi sự thành thực của tuệ giải thoát, nghĩa rộng thánh giáo của 3 chi là 10 chủng như vậy. Ngoài đây ra trọn không có hoặc

vượt quá hoặc tăng thêm.

Lại 3 chi đây, bao gồm vì nương nghe chánh pháp viên mãn, Niết-bàn là thượng thủ, năng chín muồi sự thành thực của tuệ giải thoát, nên biết tức là *nhân duyên tu Du-già*. Vì cố sao? Do nương thứ lớp đây, nhân đây, duyên đây, tu tập Du-già mới được thành tựu viên mãn.

### 5. Tu tập đối trị:

Nên biết lược thuyết ở trong 3 vị có 10 chủng pháp sở đối trị tu tập Du-già.

Sao gọi là 3 vị? **a.** Vị tại gia; **b.** Vị xuất gia; **c.** Vị viễn ly, sống chốn thanh nhàn tu Du-già.

Sao gọi là 10 chủng pháp sở đối trị tu tập Du-già?

**a.** Ở trong vị tại gia, đối với thế thiếp có tham tương ưng dâm dục, đối với thân thuộc và các tài bảo có ái tương ưng thọ dụng. Như vậy gọi là 2 pháp sở đối trị của vị tại gia. Bởi chướng ngại đây nên ở tất cả chủng không thể xuất ly. Giả sử đã được xuất gia, do sự nhiễu động của tâm tư đây làm chướng ngại, nên không sanh khởi hỷ lạc. Theo thứ lớp 2 chủng pháp sở đối trị như vậy, phải tu



tướng bất tịnh và tu tướng vô thường. Nên biết như vậy là tu tập đối trị kia.

Tướng bất tịnh lược có 2 chủng: 1. Nhiếp thuộc lược tư trạch; 2. Nhiếp thuộc lược tu tập.

Trong tướng bất tịnh nhiếp thuộc lược tư trạch, nên biết có 5 pháp là sở đối trị. Những gì là năm? 1. Gần gũi người nữ; 2. Ở xứ hiển rõ, thất niệm; 3. Ở xứ ẩn, phóng dật; 4. Do lược thường xuyên tập quen, thông cả hai xứ ẩn và hiển; 5. Tuy tinh cần phương tiện tu tập bất tịnh mà tác ý thác loạn, do không quán bất tịnh mà lại tùy chuyển theo tướng tịnh diệu. Như vậy gọi là tác ý thác loạn.

Trong tướng bất tịnh nhiếp thuộc lược tu tập, nên biết có 7 pháp sở đối trị. Những gì là bảy? 1. Gốc của các sự thực hành, tâm tán loạn; 2. Gốc của các sự thực hành, tánh hướng đến tác dụng; 3. Phương tiện tác ý tánh không thiện xảo; 4. Vì không cung kính ân cần thưa hỏi, lại vì không thể giữ gìn căn môn, tuy ở xứ không nhàn vẫn có chủng chủng tâm tư nhiễm ô nhiều loạn nơi tâm; 5. Vì đối với việc ăn uống không biết lượng, nên thân không điều hòa cân bằng; 6. Vì bị tâm tư làm nhiều loạn, nên không vui thích hạnh xa lìa, không

vui nội tâm tịch tĩnh nơi định Xa-ma-tha; 7. Vì thân không điều hòa cân bằng, không thể khéo tu Tỳ-bát-xá-na, không thể như thật quán sát các pháp.

Tất cả pháp sở đối trị như vậy, nên biết nếu thuyết chung thì một môn là 12, một môn là 14.

Lại pháp sở đối trị như vậy, pháp năng trị là bạch pháp. Nên biết nếu nhiều thực hành tu tập hai chủng tướng bất tịnh như vậy, sẽ năng đoạn trừ pháp sở đối trị kia.

**b.** Ở trong vị xuất gia, người xuất gia thời thời lược có 4 chủng thực hành:

1. Thường thực hành phương tiện tu thiện pháp, như là “Ta ở nơi các pháp vì thường lấy phương tiện tu làm y chỉ, sẽ năng chế phục được tất cả tâm thức vui theo vị ái, lại năng như thật hiểu biết rõ ràng tánh khổ”.

2. Thực hành tín giải, vui thích đối với Niết-bàn không hý luận, như là “Ta phải đối với Niết-bàn không hý luận, tâm không thối chuyển”. Lại chẳng sanh trầm ngâm ưu tư, như là “Ta... ta nay đang ở đâu?”.

3. Thực hành trong mọi lúc du hành vào tụ lạc

khất thực, như là “Ta lấy việc khất thực thọ dụng làm nhân, do đây thân được tồn tại lâu dài, có sức khỏe điều hòa cân bằng để thường năng phương tiện tu các thiện pháp”.

4. Thực hành khi an trú ở chốn xa lìa, như là “Nếu vui thích cùng những người tại gia và chúng xuất gia cư trú hỗn tạp, tức có các việc rối loạn của thấy, nghe, thọ dụng hợp theo chủng chủng thế gian. Ta chớ ở nơi kia quán sát sâu, sẽ làm chướng ngại vị tâm nhất cảnh”.

Ở trong 4 chủng sự thực hành các việc đây, nên biết có 4 pháp sở đối trị. Ở nơi sự thực hành thứ nhất, có uế oải, lười biếng, giải đãi. Ở nơi sự thực hành thứ hai, có thân kiến. Ở nơi sự thực hành thứ ba, có tham ái vị. Ở nơi sự thực hành thứ tư, có chủng chủng tham ái dục lạc thế gian. Bốn chủng như vậy là pháp sở đối trị.

Như thứ lớp trên cũng có 4 chủng tu tập đối trị: 1. Ở nơi vô thường, tu tập tưởng khổ; 2. Ở nơi các khổ, tu tập tưởng vô ngã; 3. Ở nơi ăn uống, tu tập tưởng nhàm chán, trái lìa; 4. Ở nơi tất cả thế gian, tu tập tưởng không đáng vui.

Ở nơi vô thường, tu tưởng khổ, lược có 6 chủng

pháp sở đối trị. Những gì là sáu? 1. Đối với thiện pháp chưa sanh nên sanh ưu tiên, mà có sự uể oải; 2. Đối với thiện pháp đã sanh nên trụ không để quên mất, tu tập khiến được tăng trưởng gấp bội cho đến viên mãn, mà có sự uể oải; 3. Đối với bậc Sư trưởng cần có sự cung kính đến thưa hỏi, mà không thường xuyên đến thỉnh hỏi; 4. Đối với việc hằng tu thiện pháp, thường thực hành theo lời thầy dạy, mà lại xa lìa lòng tinh tín; 5. Vì xa lìa tinh tín, không thể thường tu tập; 6. Nội tâm phóng dật, vì phóng dật nên chỗ thường tu tập các thiện pháp không hằng tùy chuyển.

Sáu chủng pháp sở đối trị như vậy, ngược lại có 6 chủng pháp cần nhiều thực hành năng đối trị. Nên biết tướng đây trái với tướng đã thuyết trên.

c. Ở trong vị viễn ly, nhàn cư, phương tiện tu tập tác ý, nên biết lược có 4 chủng sở trị. Những gì là bốn? 1. Ở nơi phẩm Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, có tâm ám muội; 2. Ở nơi các định, có sự thuận theo ái vị; 3. Ở nơi sanh, có tâm thuận theo tướng động; 4. Suy tìm ngày càng về sau, trông đợi thời khác thuận theo tìm cầu bất tử, chẳng thể mạnh mẽ siêng tu phương tiện. Như vậy là 4

chủng pháp sở đối trị.

Nên biết cũng có 4 chủng tu tập đối trị: 1. Tu tưởng quang minh; 2. Tu tưởng ly dục; 3. Tu tưởng diệt; 4. Tu tưởng chết.

Lại, tưởng quang minh tức là duyên với nhiều quang minh lấy làm cảnh giới, như trong Tam-ma-hí-da địa đã thuyết. Nay ở trong nghĩa đây, ý biện duyên pháp quang minh lấy làm cảnh giới, tu tưởng quang minh. Đó là như pháp đã nghe, đã được rõ ráo, nhớ nghĩ không quên, gọi là pháp quang minh. Tưởng tương ưng với kia, đồng hành với kia, nên biết gọi là tưởng quang minh. Vì có sao? Điều thật sự năng khiến tâm ám muội khi phương tiện tu phẩm Chỉ Quán, đó là sự quên mất niệm ở trong các pháp. Trái với tưởng đây, nên biết tức là quang minh.

Lại nghĩa bậc nhất của tuệ thành tựu do tư và tuệ thành tựu do tu đồng với tưởng quang minh có 11 pháp là sở đối trị. Sao gọi là mười một? Đó là tuệ thành tựu do tư đồng với tưởng quang minh có 4 pháp. Tuệ thành tựu do tu đồng với tưởng quang minh có 7 pháp. Như vậy hợp lại có 11 pháp sở trị.

Những gì gọi là 4 pháp sở trị của tuệ thành

tự do tư đồng với tướng quang minh:

1. Vì không khéo quán sát, không khéo quyết định nơi đối tượng tư duy, có sự nghi ngờ theo đuổi.

2. Vào ban đêm, vì uể oải lười biếng giải đãi, tập nhiều ngủ nghỉ, để thời gian trôi qua uổng phí.

3. Vào ban ngày, vì tập quen gần gũi với tà ác, ăn uống... nên thân không điều nhu nhẹ nhàng, không thể thuận theo quán sát chân thật các pháp.

4. Vì chúng tại gia, xuất gia cùng chung sống hỗn tạp khiến ở nơi pháp tùy thuận nghe, nơi pháp cứu cánh không thể như lý tác ý tư duy. Do đây bị nghi theo đuổi, bị nhân duyên nghi năng làm cho chướng ngại.

Bốn chủng pháp đây là sở đối trị của tuệ thành tự do tư đồng với tướng quang minh, khiến hoặc trí, hoặc kiến thành tự do tư không được thanh tịnh.

Những gì gọi là 7 pháp sở trị của tuệ thành tự do tư đồng với tướng quang minh?

1. Pháp sở đối trị của sự tu tập nương vào tướng cử, tinh tấn mạnh mẽ thái quá.

2. Pháp sở đối trị của sự tu tập nương vào tướng chỉ, tinh tấn quá yếu kém.

3. Pháp sở đối trị của sự tu tập nương vào tướng xả, có được hỷ duyệt do tham đắm mùi vị của định đồng hành với ái.

4. Hai pháp sở đối trị là tâm ôm sợ hãi đối với Bát-niết-bàn và tâm khiếp nhược, đồng hành với sân khuể.

5. Tức nương phương tiện tác ý như vậy, đối với pháp thì siêng năng luận nghị quyết trạch, đối với môn kiến lập phân tích thì sanh nhiều luận bàn tương tục không xả bỏ. Những điều này năng làm chướng ngại trong lúc tịch tĩnh chánh tư duy.

6. Ở trong sắc thanh hương vị xúc lại chấp thủ tướng diệu hảo không như chánh lý, không chánh tâm tư khiến tâm tán loạn.

7. Đối với điều không nên tư duy, lại nhiếp tâm mạnh mẽ tư duy các pháp.

Bảy chủng như vậy là pháp sở đối trị của tuệ thành tựu do tu đồng với tướng quang minh, cực gây chướng ngại cho tuệ thành tựu do tu đồng với tướng quang minh, khiến hoặc trí, hoặc kiến thành tựu do tu triển chuyển không thanh tịnh.

Pháp sở trị như vậy có 11 chủng. Trái với tướng đây tức là pháp năng đối trị, năng đoạn trừ

pháp sở đối trị kia, khiến hoặc trí, hoặc kiến thành tự do tư và do tu triển chuyển thành tịnh.

Lại người chánh phương tiện tu các tướng có khả năng đoạn diệt pháp sở trị. Lại ở nơi pháp sở trị hiện hành, tâm không nhiễm trước, khiến chóng đoạn diệt. Lại năng trụ nhiều pháp năng đối trị, đoạn diệt tất cả các pháp sở đối trị. Ba pháp như đây, vì theo đuổi tất cả việc tu đối trị, nên gọi là có nhiều sự thực hành.

Tất cả như vậy gọi là tu tập đối trị.

Tu tập đối trị đây, nên biết tức là *tu tập Du-già*. Chi tu tập đối trị thứ năm đây là nghĩa thánh giáo rộng, nên biết chỉ có 10 như vậy. Ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

## **6. Tất cả chủng thanh tịnh thế gian:**

Nên biết lược có 3 chủng: **a.** Đắc tam-ma-địa; **b.** Tam-ma-địa viên mãn; **c.** Tam-ma-địa tự tại.

**a.** *Sao gọi là đắc tam-ma-địa?* Trong đây trước hết có 20 chủng pháp sở đối trị của đắc tam-ma-địa, năng khiến không thể đắc tam-ma-địa thù thắng. Những gì là hai mươi?

1. Không muốn đoạn trừ với bạn đồng phạm



hạnh có lỗi lầm.

2. Bạn tuy có đức, nhưng vị thầy tuyên thuyết phương tiện tu định có lỗi lầm, đó là tuyên thuyết phương tiện tu định điên đảo.

3. Tuy thầy có đức, nhưng đối với phương tiện tu định đã thuyết, người lắng nghe pháp có lỗi lầm, đó là vì vui muốn kém cỏi, vì tâm tán loạn nên không thể lãnh thọ.

4. Người nghe tuy có sự vui thích lắng nghe, nhưng có lỗi lầm ám độn, vì giác huệ yếu kém nên không thể lãnh thọ.

5. Người nghe pháp tuy có trí đức, nhưng có lỗi lầm của hạng người ái hành, nhiều mong cầu lợi dưỡng cung kính.

6. Có lỗi lầm do nhiều ưu sầu, khó trưởng dưỡng, khó đầy đủ, không biết vui đủ.

7. Vì các việc như vậy lực tăng thượng, nên tạo tác nhiều sự việc có lỗi lầm.

8. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do giải đãi lười biếng uể oải, nên xả bỏ gia hạnh.

9. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm gây cho người khác chướng chướng chướng ngại sanh khởi.

10. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do

không thể kham nhẫn các khổ lạnh nóng...

11. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do mạn khuể, nên không thể lãnh thọ dạy bảo.

12. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do tư duy điên đảo đối với lời dạy bảo.

13. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do quên mất nhớ nghĩ đối với lời dạy đã lãnh thọ.

14. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do tại gia, xuất gia sống hỗn tạp.

15. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do thọ dụng ngọ cụ tương ưng năm lỗi (ngọ cụ tương ưng năm lỗi nên biết như *Thanh văn địa* sẽ thuyết).

16. Tuy không có lỗi này, nhưng vì ở chốn xa lìa không giữ gìn phòng hộ các căn, nên có lỗi lầm của tâm tư bất chánh.

17. Tuy không có lỗi này, nhưng có quá thất do ăn không điều độ, thân trì trệ nặng nề không thể chịu đựng.

18. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do tánh nhiều ngủ nghỉ, nên có nhiều tùy phiền não thù miên hiện hành.

19. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do trước không tu hành phẩm Xa-ma-tha, nên không

hân lạc với chỗ nội tâm dừng nghỉ vắng lặng.

20. Tuy không có lỗi này, nhưng có lỗi lầm do trước không tu hành phẩm Tỳ-bát-xá-na, nên không hân lạc trong việc quán như thật pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na.

Hai mươi chủng pháp như vậy là sở đối trị của sự chứng đắc tâm tánh nhất cảnh thuộc phẩm Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Lại 20 pháp sở đối trị đây tóm lược có 4 tướng kham làm chướng ngại cho sự sanh khởi của tam-ma-địa. Những gì là bốn? 1. Vì phương tiện không thiện xảo nơi tam-ma-địa; 2. Vì hoàn toàn không gia hạnh đối với tất cả phương tiện tu định; 3. Vì gia hạnh điên đảo; 4. Vì gia hạnh chậm chạp.

Pháp sở đối trị của tam-ma-địa đây có 20 chủng pháp bạch là pháp năng đối trị, nên biết tướng đây trái với 20 tướng đã nói trên. Do có nhiều sự thực hành năng đoạn pháp sở đối trị đây, khiến nhanh chóng được tâm chánh an trụ, chứng tam-ma-địa.

Lại đắc tam-ma-địa đây, nên biết tức là đắc phần cận của sơ tĩnh lự định nhiếp thuộc vị Vị chí. Lại đắc pháp trái nghịch với tam-ma-địa và đắc

pháp tùy thuận của tam-ma-địa đây, nghĩa rộng thánh giáo nên biết chỉ có 20 chủng này. Ngoài đây ra không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm. Do nhân duyên đây, nương tất cả chủng thanh tịnh thế gian thứ nhất đã khéo tuyên thuyết, đã khéo khai thị, bổ-đặc-già-la ở trong chánh pháp đặc tam-ma-địa.

**b. Sao gọi là tam-ma-địa viên mãn?**

Người đã đặc tam-ma-địa như vậy, đối với chút ít thù thắng của định đây không sanh vui đủ, lại phát khởi mong cầu tam-ma-địa thù thắng viên mãn. Tức nơi định kia thấy công đức thù thắng, cũng do mong cầu mà thấy công đức thù thắng. Vì cầu đối với kia nên đồng mãnh tinh tấn, gắng sức an trú. Lại người kia đối với phiền não đồng hành ái vị tương ưng sắc, vì chẳng phải tất cả đều đã có thể vĩnh viễn đoạn, nên gọi là chưa phải đặc thù thắng. Lại vì trong tất cả các thiện pháp, chẳng phải kia thấy đều siêng tu, nên gọi là bị cái khác thắng.

Lại người kia đối với sanh xứ tịnh thiên rộng lớn không bị đắm chìm. Lại vì tin hiểu hạ liệt lực tăng thượng, kia không thể xem nhẹ chính mình.

Lại người kia tâm không đắm chìm như vậy, ở trong pháp cảnh giới sở duyên của định, tức là tướng chỉ, cử, xả trước đã đắc, ân trọng phương tiện tu không gián đoạn, nên thuận theo đó mà chuyển.

Lại người kia tùy theo tướng pháp chuyển như vậy, luôn nhập, luôn xuất. Lại muốn nhanh chóng chứng đắc thông tuệ, nên nương định viên mãn. Vì vui lắng nghe chánh pháp, ở trong mọi lúc ân cần thưa hỏi. Lại nương tam-ma-địa viên mãn như vậy, ở nơi chánh phương tiện tu tập nhiếp thuộc căn bản định, nội tâm chứng đắc Xa-ma-tha, xa lìa ái lạc. Lại chứng đắc pháp Tỳ-bát-xá-na, như vậy quán sát mà có vui thích mạnh mẽ sáng sạch, nên biết ngang đây đã năng chứng nhập căn bản tĩnh lự. Như vậy gọi là tam-ma-địa viên mãn.

Lại tam-ma-địa viên mãn đây, nghĩa rộng thánh giáo nên biết chỉ có 10 tướng, ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

*c. Sao gọi là tam-ma-địa tự tại?*

Vị kia tuy đã chứng đắc căn bản tam-ma-địa, gọi là tam-ma-địa viên mãn, nhưng tâm vẫn bị sự nhiễm ô của các tùy phiền não ái vị mạn, kiến,

nghi, vô minh mà tam-ma-địa sanh khởi, nên chưa gọi là thanh tịnh sáng sạch viên mãn. Vì khiến các tùy phiền não như vậy chẳng hiện hành, vì điều luyện tâm, vì điều phục tâm, người kia khởi tư duy như vậy: “Ta phải nên chứng tánh tâm tự tại, tánh định tự tại”. Cho nên ở nơi 4 xứ, phải dùng 22 xứ tướng mà khéo quán sát. Đó là tự nguyện thọ hình tướng thấp kém, oai nghi thấp kém, vật dụng thấp kém. Lại tự phát thệ nguyện thọ Thi-la cấm chế. Lại tự phát thệ nguyện thọ thiện pháp, tu tập tinh cần không gián đoạn. Nếu có người vì đoạn tất cả khổ não mà thọ 3 xứ đây, nên chánh quán sát sự theo đuổi của các khổ.

Vì cạo bỏ râu tóc, vì xả bỏ hình sắc đẹp thế tục, vì đắp y hoại sắc, phải tự quán sát hình sắc khác với người đời, như vậy gọi là quán sát thệ nguyện thọ hình tướng thấp kém. Ở trong đi, đứng, nằm, ngồi, nói, im... không theo dục mà hành, chế phục kiêu mạn khi đến nhà người, chánh quán sát sâu xa sự du hành khát thực, như vậy gọi là quán sát nguyện thọ oai nghi thấp kém. Lại chánh quán sát từ người mà có được, không tích chứa các vật dụng nuôi thân, như vậy gọi là quán sát nguyện

thọ các vật dụng thấp kém. Do 5 tướng đây, nên biết gọi là quán sát xứ thứ nhất.

Lại trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, việc thọ Thi-la của những người xuất gia là chỗ lược hiển xả bỏ 2 việc: 1. Hiển xả bỏ việc của cha mẹ, vợ con, nô tỳ, nô bộc, bạn bè, quyến thuộc, tiền của, trân bảo; 2. Hiển xả bỏ việc của chúng chúng sự việc thế gian như ca múa hát xướng, cười đùa vui chơi, qua lại phóng túng, thân mật tụ hội. Lại kia an trụ Thi-la luật nghi, không do phạm giới mà tự mình chân thành răn trách, cũng không bị bạn đồng phạm hạnh dùng pháp quả trách. Hoặc có phạm Thi-la mà không vội vàng nêu ra, hoặc ở nơi Thi-la có điều khuyết phạm, do nhân duyên đây bèn tự mình chân thành răn trách. Nếu người đồng phạm hạnh dùng pháp quả trách, tức liền như pháp tự mình hối trừ. Đối với người đồng phạm hạnh năng cử tội, tâm không khuể hận, không nã, không tổn, chỉ lo tự sửa trị mình. Do 5 tướng đây, gọi là quán sát xứ thứ hai.

Thi-la khéo viên mãn như vậy rồi, nên dùng 5 tướng phương tiện tinh cần tu các phẩm thiện: 1. Tỳu từng giai đoạn mà thỉnh hỏi, thọ trì, đọc tụng,

luận bàn, suy lường, quyết trạch, siêng tu phẩm thiện như vậy nên có thể thọ nhận tín thí của người; 2. Vui xa lìa, dùng chánh phương tiện tu các tác ý; 3. Đêm ngày đối hai phần pháp thối và thắng, biết tu tập đoạn trừ; 4. Đối với sanh tử thấy lỗi họa lớn; 5. Đối với Niết-bàn thấy công đức thù thắng. Do năm tướng đây, gọi là quán sát xứ thứ ba.

Người tinh cần tu tập phẩm thiện như vậy, tóm lược bị sự theo đuổi của 4 chủng khổ: 1. Đối với bốn quả Sa-môn, vì chưa thể tùy chúng đắc, nên vẫn còn bị sự theo đuổi của bốn chủng khổ ác thú; 2. Vì thể là pháp sanh lão bệnh tử, nên chịu sự theo đuổi của khổ hư hoại bên trong; 3. Vì tất cả sự yêu thích là pháp biệt ly chia lìa, nên chịu sự theo đuổi của khổ do yêu thích mà bị hư hoại; 4. Vì nghiệp của mình gây tạo, nên chịu sự theo đuổi của tất cả nhân khổ. Kẻ kia chịu bốn khổ theo đuổi như vậy, nên dùng 7 tướng chánh quán sát sâu xa. Do 7 tướng đây gọi là quán sát xứ thứ tư.

Người kia ở nơi 4 xứ như vậy, dùng 22 tướng chánh quán sát, bèn sanh như lý tác ý. Đó là: “Ta vì cầu việc như vậy mà thệ nguyện thọ hình tướng,



oai nghi và vật dụng nuôi thân thấp kém, thệ nguyện thọ cấm giới cùng thệ nguyện thọ tinh cần thường tu thiện pháp, mà nay ta ở nơi bốn chủng khổ đã vượt thoát thế nào? Như ta đã tự sách phát, tự khích lệ thệ nguyện thọ ba xứ, mà vẫn còn bị bốn khổ thường theo đuổi chưa được giải thoát. Ta nay chẳng nên để khổ theo đuổi, nếu ta chưa ở nơi định thù thắng, chưa thành tựu tự tại, quyết không giữa đường hoặc dừng nghỉ, hoặc lại thối chí khuất phục”. Tinh siêng như lý tác ý như vậy được gọi là tướng xuất gia và tướng Sa-môn. Người kia đối với “viên mãn”, tu nhiều phương tiện lấy làm chỗ nương.

Do mới chỉ chứng đắc tam-ma-địa viên mãn đạo thế gian, nên đối với việc đoạn phiền não vẫn còn chưa chứng đắc, lại phải tiếp tục thường nương tu đoạn siêng năng tu tập. Lại kia đã đắc đạo thiện thế gian, vì luôn luôn muốn được tự tại ở nơi tam-ma-địa, nên nương vào vui tu triển chuyển không gián đoạn.

Lại từ nơi cư sĩ, trưởng giả, Bà-la-môn chánh tín thu được chủng chủng lợi dưỡng cung kính, mà không nương lợi dưỡng cung kính đây sanh tham trước. Cũng không đối với lợi dưỡng cung kính của

người và Bà-la-môn không tín khác biểu hiện nơi thân nghiệp ngữ nghiệp không vừa ý, ở trước mặt hay sau lưng, mà tâm sanh phần khuể, lại đối với kia tâm không nào hại.

Lại khéo giữ gìn niệm trụ, khiến ái, mạn, kiến, vô minh, nghi, hoặc, các tùy phiền não trong chủng chủng định chẳng hiện hành trở lại. Lại chẳng phải vì dụng Xa-ma-tha như vậy mà cho là tất cả việc làm của mình đã xong. Đây chẳng phải đắc Xa-ma-tha thù thắng. Cũng chẳng hướng đến người kể lẽ sở chứng của mình. Người kia do vui đoạn vui tu như vậy, tâm không tham khuể, chánh niệm hiện tiền, lìa tăng thượng mạn. Đối với y phục tùy nghi có được, tâm sanh vui đủ. Như đối với y phục, thì đối với ăn uống, ngọa cụ... sanh vui đủ nên biết cũng vậy.

Lại thọ dụng phải chánh rõ biết các vật dụng đây thật ra chỉ vì để nuôi thân khiến nó tạm dừng đói khát, không bị hư hoại mà nhiếp thọ phạm hạnh... nói rộng cho đến ở nơi ăn biết lượng. Do người kia chánh tu hành như vậy, nên ở nơi tam-ma-địa thu được tự tại. Vì y nương kia, nên tâm sáng sạch, không có tỳ vết cấu uế, lìa tùy phiền

não, nói rộng cho đến đạt được bất động, năng dẫn phát tất cả thân thông thù thắng. Đây gọi là tam-ma-địa tự tại. Nghĩa rộng tam-ma-địa tự tại đây nên biết chỉ có tướng như đã thuyết ở trên. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

Trước đã thuyết về đặc tam-ma-địa, giữa đã thuyết về tam-ma-địa viên mãn và nay thuyết về tam-ma-địa tự tại, gọi chung là tất cả chủng thế gian thanh tịnh không gì vượt hơn. Nên biết thanh tịnh đây chỉ có trong Chánh pháp, chẳng phải ở trong các ngoại đạo mà có được.

### **7. Tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian:**

Nên biết lược có 5 chủng. Những gì là năm? **a.** Nhập hiện quán Thánh đế; **b.** Đã nhập hiện quán Thánh đế rồi, lìa các chương ngại; **c.** Đã nhập hiện quán Thánh đế rồi, vì muốn nhanh chóng chứng được thông tuệ, tác ý tư duy các sự việc hoan hỷ; **d.** Tu tập như đạo đã chứng đắc; **e.** Chứng đắc đạo cực thanh tịnh và công đức của quả.

**a.** Sao gọi là nhập hiện quán Thánh đế? Đó là có các chủng đệ tử của chư Như Lai đã khéo tu tập sự thanh tịnh thế gian, đã rõ biết tự mình trong

đêm dài tích tập năm diệu dục nơi tâm, được sự giữ gìn của thức ăn nuôi dưỡng, lại ở nơi các dục kia tâm sanh yêu thích. Bấy giờ bèn ở nơi các dục kia thấy sâu quá hoạn, ở nơi cảnh thắng thượng thấy đức tịch tĩnh. Nhưng vị kia ở nơi cảnh giới hý luận là tất cả chủng thanh tịnh thế gian dễ có thể an trú, đối với cảnh giới không hý luận là tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian lại khó thể an trú. Cho nên ở nơi cảnh giới hý luận kia trụ chán ghét ác, chẳng phải không chán ghét ác.

Lại người trụ chánh pháp đây đối cõi Niết-bàn không hý luận, tâm vui muốn an trú, vui muốn chứng đắc. Nhưng vì thiếu khuyết lực tăng thượng chứng quả Sa-môn, nên tâm sanh yếm hoạn với chỗ tự thân tương ưng tạp nhiễm, cũng sanh yếm hoạn với chỗ mình không tương ưng thanh tịnh. Lại sanh yếm hoạn ở nơi mình có quá hoạn tương ưng tạp nhiễm, cũng sanh yếm hoạn ở nơi mình có quá hoạn không tương ưng thanh tịnh, lại cũng sanh yếm hoạn ở nơi mình nhận thấy khó thành tựu trọn vẹn thanh tịnh.

Trong đây lược có 3 chủng tương ưng tạp nhiễm:  
1. Loại tương ưng tạp nhiễm chưa điều, chưa thuận

mà chết; 2. Loại tương ưng tạp nhiễm chết rồi phải đọa hầm lớn phiền não; 3. Loại tương ưng tạp nhiễm do lực tự tại của phiền não kia, nên hiện hành chủng chủng nghiệp ác bất thiện đi đến chỗ sợ hãi. Kia quán thấy thân mình thiếu khuyết trong việc chứng quả Sa-môn, do khuyết đây nên cùng ba chủng tương ưng tạp nhiễm. Quán như vậy rồi, tâm sanh yểm hoạn.

Nên biết không tương ưng thanh tịnh cũng có 3 chủng: 1. Đoạn trừ các phiền não, cứu cánh Niết-bàn gọi là xứ không có sợ hãi; 2. Nương tắng thượng tâm học, tức đây năng chứng Thiện tâm tam-ma-địa; 3. Nơi tắng thượng tuệ học năng chứng chánh kiến nhiếp lấy Thánh đạo vi diệu. Kia quán tự thân và ba chủng thanh tịnh đây không tương ưng, tâm sanh yểm hoạn.

Nên biết quá hoạn tương ưng tạp nhiễm cũng có 3 chủng: 1. Sanh là nguồn gốc của khổ già, bệnh, chết; 2. Tự tánh khổ của sanh không có xứ thanh nhàn; 3. Tất cả xứ sanh, tánh vô thường. Kia quán tự thân có ba chủng quá hoạn tương ưng tạp nhiễm đây, tâm sanh yểm hoạn.

Nên biết quá hoạn không tương ưng thanh

tịnh có 5 chủng: 1. Sanh nơi biên địa chưa thể dừng dứt; 2. Sanh nơi ác đạo chưa thể dừng dứt; 3. Ở chúng tại gia có các nghiệp vô gián, không thể ngăn dứt; 4. Ở chúng xuất gia có vô lượng kiến thú chưa tương ưng, hoặc không tương ưng; 5. Tuy do đạo thế gian cho đến Hữu đảnh, hoặc định hoặc sanh, mà ở nơi sanh tử lưu chuyển không có bờ trước bờ sau, chưa tạo tác ngăn mé. Kia quán tự thân mình có năm chủng quá hoạn không tương ưng thanh tịnh, tâm sanh yếm hoạn.

Ở nơi mình thấy khó thành tựu trọn vẹn thanh tịnh, nên biết cũng có 5 chủng: 1. Vì không thể tự mình làm điều ác, nên xả không làm; 2. Đối với sự việc khác, không yêu cầu người làm, vì tự mình năng thành tựu trọn vẹn; 3. Vì quyết định điều cần phải làm, tức tự tư duy: “Tâm ta chưa thanh tịnh, hẳn ở nơi các khổ chưa được giải thoát thành tánh kiết tường”; 4. Vì sự gây tạo nghiệp ác bất thiện trước hẳn nhiên không hoại mất, nên không gây tạo ác nghiệp. Nhưng hiện tại vẫn làm, vì cho là mình đã tạo tác thanh tịnh, tức cho là mình được ở pháp hiện kiến vĩnh viễn lìa thiêu đốt, không cần đạo đối trị; 5. Do chỗ chúng đắc đạo học, đạo

vô học thanh tịnh hiển hiện. Kia quán thấy thanh tịnh đây có năm tướng khiến khó thể thành tựu trọn vẹn, tâm sanh yểm hoạn.

Lại nữa, người kia vì muốn chứng đắc nên phát khởi tinh tấn kiên cố. Do kia quán sát thấy sự tương ưng tạp nhiễm, không tương ưng thanh tịnh, nên tâm sanh yểm hoạn. Lại do quán thấy quá hoạn tương ưng tạp nhiễm và quá hoạn không tương ưng thanh tịnh, nên tâm sanh sợ hãi. Lại đối với việc chứng đắc thanh tịnh và đoạn diệt tạp nhiễm, nếu có lười biếng giải đãi, tâm liền phải ngăn dứt. Lại vì tác ý tư duy tướng kia, tâm sanh yểm hoạn. Tức do nhiều thực hành tư duy tướng như vậy, nên tâm cực yểm hoạn. Như yểm hoạn, cực yểm hoạn, thì sợ hãi, cực sợ hãi, ngăn dứt, cực ngăn dứt nên biết cũng vậy. Như vậy người kia do tưởng đồng hành với yểm, ở nơi 5 xứ, vì dùng 20 chủng tướng tác ý tư duy, nên gọi là khéo tu trị.

Lại có 5 nhân, chỗ nhiếp thọ của 20 chủng tướng, khiến tận dứt các ái, tịch diệt Niết-bàn, nhanh chóng nhiều an trụ, tâm không thối chuyển, cũng không ưu tư “Nay ta đang ở đâu?”. Những gì là năm nhân?

1. Do thông đạt tác ý. Đó là do thông đạt tác ý như vậy không gián đoạn, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh, nhập hiện quán đế, chứng trí kiến của bậc Thánh.

2. Do sở y. Đó là do nương sở y này không gián đoạn, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh... còn lại như trước đã thuyết.

3. Do nhập môn cảnh giới. Đó là do duyên nhập môn cảnh giới đây, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh... còn lại như trước thuyết.

4. Do nhiếp thọ tư lương. Đó là do nhiếp thọ tư lương đây, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh... còn lại như trước đã thuyết.

5. Do nhiếp thọ phương tiện. Đó là do nhiếp thọ phương tiện như vậy, ắt năng thú nhập chánh tánh ly sanh, cho đến nói rộng.

Năm nhân như vậy, nên biết nương nơi nhân ngược thứ tự quán đế mà nói, không phải nhân thuận thứ tự. Nương nơi nhân tối thắng, tức ngược thứ tự với việc đã nói ở trước, đó là ở trong gia hạnh không, vô tướng, vô nguyện, ở nơi tùy nhập tác ý vi tế hiện hành, tướng tâm đồng hành ngã mạn năng chướng hiện quán tùy chuyển gián đoạn,



không gián đoạn, đều chánh thông đạt. Đã thông đạt rồi, nơi tâm câu hành tác ý nhập vận chuyển năng khéo xả bỏ, khiến diệt không gián đoạn. Nương tâm diệt không gián đoạn, lúc mới khởi tác ý, dụng hành vô thường... mà tư duy như thật. Do tu tập, nhiều tu tập tác ý đây, nên trí bình đẳng, không bình đẳng, sở duyên, năng duyên sanh. Lúc bấy giờ ngã mạn loạn tâm năng chướng hiện quán liền vĩnh viễn đoạn hẳn, chứng đắc tâm tánh nhất cảnh. Liền tự tư duy: “Ta như thật rõ biết đã chứng đắc tâm tánh nhất cảnh”. Như vậy nên biết do thông đạt tác ý nhập hiện quán đế.

Lại nếu trước dụng đạo thế gian đắc tam-ma-địa, thì cũng được viên mãn, cũng được tự tại. Người kia hoặc ở nơi tướng nhập tam-ma-địa cho là do đây nên nhập tam-ma-địa, hoặc ở nơi tướng trụ tam-ma-địa cho là do đây nên trụ tam-ma-địa, hoặc ở nơi tướng xuất tam-ma-địa cho là do đây nên xuất tam-ma-địa. Ở nơi các tướng đây, tác ý tư duy an trụ nơi tâm, nhập hiện quán đế. Nếu đắc tam-ma-địa mà chưa viên mãn, cũng chưa được tự tại, kia hoặc tư duy tướng chỉ, hoặc tư duy tướng cử, hoặc tư duy tướng xả, an trụ nơi tâm, nhập hiện quán đế.

Như vậy nên biết do sở y, nên tâm an trụ.

Lại có 2 pháp rất gây chướng ngại cho sự tu tập hiện quán. Những gì là hai? 1. Tâm tư bất chánh gây nhiễu loạn, khiến tâm không an tĩnh; 2. Ở nơi sự sở tri, tâm diên đảo.

Vì muốn đối trị chướng ngại như vậy, nên biết có 2 chủng an trụ tâm nơi cảnh sở duyên. Đó là: vì đối trị chướng thứ nhất, nên tu niệm A-na-ban-na. Vì đối trị chướng thứ hai, nên tu các niệm trụ. Như vậy nên biết do môn nhập cảnh giới, tâm được an trụ.

Lại kẻ vui muốn thân cận tập quen năm điều dục, thì sanh vui đủ đối với chỗ chẳng phải hành xứ trong thánh pháp Tỳ-nại-da, hoặc đối với y phục, ăn uống, các tọa ngoạn cụ tùy nghi có được; tùy theo lợi dưỡng cung kính có được mà chế phục nơi tâm. Tức là nương năm điều dục chẳng phải vì lợi dưỡng cung kính, mà chỉ vì an trụ tâm bền vững. Do nhân duyên đây, xa lìa tất cả chỗ chẳng phải hành xứ. Đã xa lìa rồi, nương các niệm trụ, vui đoạn trừ, vui tu tập. Đêm ngày luôn luôn quán sát các việc thịnh suy của mình của người, tâm sanh yếm hoạn. Lại tu tập tùy niệm Phật... khiến

tâm thanh tịnh, an trụ trong các chủng thánh. Như vậy nên biết do vì tư lương, tâm được an trụ. Đây nương đạo tư lương tối thắng mà nói.

Lại người kia đã an trụ tư lương như vậy rồi, vì tu gia hạnh tác ý tương ưng, nên có 2 chủng phương tiện gia hạnh. Những gì là hai? 1. Ở nơi Khế kinh, A-tỳ-đạt-ma, tự mình đọc tụng thọ trì, tu chánh tác ý ở nơi sự uẩn... khiến cực thiện xảo. 2. Nương vào lời dạy của các thầy là bậc Đại sư, Ô-ba-dà-da (Thân giáo sư), A-già-lợi-da (A-xà-lê, Quỳ phạm sư), tùy thời dạy răn dạy trao mà tiếp thu lãnh thọ y chỉ. Lại tác ý tư duy chánh gia hạnh, nên biết đây gọi là phương tiện thứ ba. Tác ý tư duy chánh gia hạnh đây gọi là chánh gia hạnh, đây nghĩa là sở hữu tác ý Thi-la thanh tịnh gọi là tác ý tư duy chánh gia hạnh. Kia tự tư duy Thi-la thanh tịnh, nên không hối hận buồn bã. Vì không hối hận buồn bã liền sanh hoan hỷ, nói rộng cho đến tâm nhập chánh định. Cho nên nói: tác ý tư duy chánh gia hạnh đây gọi là phương tiện tâm an trụ. Như vậy, do phương tiện nên tâm nhanh chóng an trụ.

Bấy giờ, người kia do 20 chủng tướng của 5

nhân đây thâm nhiếp giữ gìn tâm. Ở trong ái tận dứt, cảnh giới tịch diệt Niết-bàn, khiến khéo an trụ không còn thoái chuyển, tâm không sợ hãi tác nghĩ “Ta, ta nay đang ở đâu?”. Lúc đang an trụ tâm như vậy, nên biết đã gọi là nhập hiện quán đế. Như vậy gọi là nhập hiện quán Thánh đế.

Lại nghĩa hiện quán Thánh đế đây nói rộng nên biết, đó là: tướng tâm yếm hoạn có 20 chủng; tướng tâm an trụ cũng có 20 chủng. Ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

**b. Sao gọi là nhập hiện quán Thánh đế rồi, xa lìa các chướng ngại?** Nên biết chướng đây lược có 2 chủng: 1. Chướng của hành xứ; 2. Chướng của trụ xứ.

Chướng của hành xứ: như Thánh đệ tử cùng cộng trú với chúng, tùy theo các việc sanh khởi trong Tăng chúng, xả bỏ phẩm thiện, luôn cùng chúng hội họp. Hoặc lại an trụ pháp thường khát thực, chú trọng ăn uống. Hoặc ở cả hai xứ, vui thích lo toan các việc y, bát.. Hoặc đọc tụng kinh điển mà vui thích đàm luận. Hoặc ban đêm vui dấm ngủ nghỉ. Hoặc ban ngày ưa thích luận bàn các việc tạp nhiễm, vua quan, giặc cướp.. Hoặc trú

ở chỗ có người thân thích giao du để cùng luận bàn, vui chơi. Nơi các xứ đây chẳng muốn xa lìa, do vì đêm dài luôn tập quen cùng kia cộng trú lực tăng thượng, hoặc lại vui cùng cộng trú với loại thứ hai. Những việc như vậy... gọi là chướng của hành xứ.

Chướng của trụ xứ: tức là ở chốn không nhàn, tu Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gọi chung là trụ. Nương Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, nên biết lại có 4 chủng chướng ngại: 1. Tánh chẳng thuận theo chi Tỳ-bát-xá-na; 2. Tánh chẳng thuận theo chi Xa-ma-tha; 3. Tánh không thuận theo nhớ nghĩ cả hai phẩm kia; 4. Tánh không thuận theo xứ sở.

Hoặc tự cho mình thông minh mà sanh cao cử, nên không lắng nghe lời dạy của người, thuận theo đó mà quán sát chánh pháp. Đây gọi là tánh không thuận theo chi Tỳ-bát-xá-na.

Hoặc thân ngữ ý hành không an tĩnh, tháo động khinh xuất, luôn phạm Thi-la, sanh tâm ưu não hối hận... cho đến tâm không khéo an trụ. Nên biết đây gọi là tánh không thuận theo chi Xa-ma-tha.

Hoặc vì lực tăng thượng của sự quên mất niệm

đối với các tùy phiền não trầm, trạo, loạn... nên không ngăn ngừa phòng hộ tâm. Nên biết đây gọi là tánh không thuận theo nhớ nghĩ hai phẩm kia.

Hoặc có sự tập quen gần gũi các toạ ngoại cụ tương ưng năm lỗi. Nên biết đây gọi là tánh không thuận theo xứ sở. Hoặc ban ngày có các khổ do ồn ào phóng dật, ban đêm lại có các khổ do muỗi mòng cắn đốt... Hoặc có nhiều việc đáng sợ, nhiều các tai họa hiểm độc, hoặc thiếu thốn vật dụng không thể vui thích, hoặc bị bạn ác thâm nhiếp, không có các bạn lành.

Tất cả các việc như vậy, gọi là chương của trụ xứ.

Lại hai chương đây tổng có 2 chủng nhân duyên năng khiến xa lìa: 1. Nhiều các định lạc; 2. Nhiều các tư trạch.

Nhiều các định lạc, nên biết lược có 6 chủng. Đó là: hoặc có người đã đắc tam-ma-địa mà chưa đến viên mãn, chưa được tự tại, kia phải tu tập thiện xảo 3 chủng chỉ, cử, xả, do đây phát sanh nhiều định lạc. Hoặc có người đối với tam-ma-địa đã được viên mãn, cũng được tự tại, kia phải tu tập thiện xảo 3 chủng là nhập định, trụ định và xuất

định. Do đây phát sanh nhiều định lạc.

Nhiều các tư trạch: đó là tuệ thiện thù thắng, gọi là tư trạch. Do tuệ đây, vào ban ngày, ban đêm như thật rõ biết sở hữu thiện pháp của chính mình tăng trưởng; như thật rõ biết sở hữu bất thiện pháp của mình tăng trưởng; như thật rõ biết sở hữu thiện pháp của mình bị suy thối; như thật rõ biết sở hữu bất thiện pháp của mình suy thối. Lại kia như lúc ban ngày, ban đêm, hoặc đi hoặc đứng, tập quen gần gũi mạng duyên y phục, ăn uống... Do tập quen gần gũi, nên bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp bị suy thối; hoặc thiện pháp tăng trưởng, bất thiện pháp suy thối. Tất cả việc ấy, kia đều như thật rõ biết. Vì lấy tư trạch đây làm y chỉ, nên đối với sự sanh khởi các bất thiện pháp, do đạo lý phương tiện không kiên cố đấm trước, nhanh chóng xa đuổi xa lìa; đối với các thiện pháp năng siêng tu tập.

Như vậy 10 chủng thiện xảo của hai xứ hay khiến đoạn diệt 11 chủng chướng của hai xứ sở. Tùy theo sự sanh khởi, tức liền xa lìa. Như vậy gọi là xa lìa chướng ngại. Lại nghĩa xa lìa chướng ngại đây, nói rộng nên biết như tướng đã thuyết ở trước.

Ngoài đây ra trọn không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

c. *Sao gọi là đã nhập hiện quán Thánh đế, vì muốn mau chóng chứng đắc thông tuệ, tác ý tư duy các việc hoan hỷ?* Đó là Thánh đệ tử đã kiến Thánh đế, đã đắc chứng tịnh. Vì lấy chứng tịnh làm y chỉ, đối với ruộng công đức thù thắng Phật Pháp Tăng, tác ý tư duy phát sanh hoan hỷ.

Lại nương sự sống tăng thượng của mình và những việc tốt đẹp chắc chắn, như là sự hưng thịnh của bản thân và tài bảo, tác ý tư duy khiến phát sanh hoan hỷ.

Lại nương không ghen ghét, đối với bản thân thế nào, đối với người khác thế ấy.

Lại nương vào sự biết ân, tức là nhớ nghĩ ân đức những người có ân như Đại sư, tác ý tư duy khiến phát sanh hoan hỷ.

Do nương các việc kia, nên xa lìa các khổ cùng với nhân khổ, dẫn phát sự vui cùng với nhân vui. Như vậy, vì tư duy sự việc hoan hỷ thuận theo tu đạo, năng chứng đắc thông tuệ mau chóng.

Lại nghĩa tư duy các việc khiến hoan hỷ thuận theo tu đạo đây, nói rộng nên biết như tướng đã



thuyết. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

**d.** *Sao gọi là tu tập như đạo đã đăc?* Kia sanh hoan hỷ vô tội rọng lớn như vậy tưới tẩm nơi tâm, vì hướng đến rốt ráo, nên ở trong hiện pháp tâm sanh rất nhớ nghĩ mền mộ. Do kia tâm sanh mền mộ như vậy, nên vui muốn xuất ly lớp lớp hiện hành, đó là: “Ta phải làm sao có thể trụ đầy đủ các thánh xứ như thế, như đầy đủ an trụ chỗ của A-la-hán”. Như vậy sanh khởi vui muốn rồi, phát siêng tinh tấn không gián đoạn, thường thuận theo, ở nơi ba mươi bảy phần pháp Bồ-đề, phương tiện siêng tu.

Lại vì kia siêng tinh tấn như vậy, không cùng người tại gia và xuất gia chung sống hỗn tạp, tâm vui hạnh viễn ly, tập sống ở chốn không nhà như nằm ngồi bờ vắng vẻ...

Lại kia đã phát sanh vui muốn như vậy, phát siêng tinh tấn vui xa lìa rồi mà không sanh vui đủ, tức là tâm không vui đủ ở nơi chút phần thù thắng đã chứng, lại mong cầu an trụ đối với các thiện pháp chuyển thượng, chuyển thắng, chuyển thêm vi diệu.

Do 4 pháp đây, nhiếp thọ tu đạo, cực khéo nhiếp thọ. Tức lấy 4 chủng tu đạo đây làm chỗ nương tựa cho các sự việc hoan hỷ khiến sanh hoan hỷ như trước đã nói. Lúc bấy giờ, người kia tu viên mãn đạo lý phương tiện tối cực tổn giảm. Vì phiền não đoạn trừ, vì được pháp sở chứng thù thắng, cũng khiến hoan hỷ vui thích, tu được viên mãn.

Lại vì đã xa lìa phẩm hoặc thô trọng của tu sở đoạn, nên thành tựu khinh an. Vì khinh an sanh, nên thân tâm được sự nhiếp thọ thanh lương rất nhiều. Như vậy hai chủng tu đã được viên mãn.

Lại định Kim cương dụ của bậc hữu học đạt đến cứu cánh, nên tu được viên mãn. Đây gọi là tu tập như đạo đã đắc. Lại nghĩa tu tập như đạo đã đắc đây, nói rộng nên biết đó là vì lấy bốn chủng pháp làm chỗ nương tựa, năng khiến năm pháp tu tập viên mãn. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

*e. Sao gọi là chứng đắc đạo cực thanh tịnh và công đức của quả?* Đó là ở 3 vị: vị lạc, vị khổ và vị không khổ không lạc. Các vị đây chịu sự tùy miên của các tùy phiền não. Có 2 chủng bổ-đặc-già-la được hiển hiện phần nhiều: 1. Dị sanh; 2. Hữu học.

Lại có 2 chủng năng phát khởi phẩm tạp nhiễm: 1. Chủng giữ lấy phẩm tạp nhiễm; 2. Chủng hành phẩm tạp nhiễm. Tức vì đoạn trừ hai phẩm tạp nhiễm đây, lúc nhập vào pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, năng làm chướng ngại sở hữu phiền não. Các phiền não đây năng khiến tùy miên nhập vào tâm sâu xa, lại năng khiến phát sanh chủng chủng các khổ. Nếu có thể ở nơi phiền não đây vĩnh viễn đoạn không sót thừa, gọi là chứng đắc quả đạo cực thanh tịnh.

Lại 10 chi vô học nhiếp lấy 5 uẩn vô học, đó là: giới uẩn, định uẩn, huệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. Đây gọi là đạo cực thanh tịnh.

Lại do chứng đắc đạo cực tịnh đây, nên xa lìa 10 lỗi lầm, an trụ nơi chỗ trụ của bậc Thánh. Sao gọi là 10 chủng lỗi lầm?

1. Nương các dục bên ngoài, có lỗi lầm do tương ưng với chỗ có sâu, thán, ưu, khổ, chủng chủng khổ khổ não loạn.

2. Lỗi lầm do nương bên trong không phòng hộ các căn. Do không hộ các căn, nên sanh sầu, thán...

3. Lỗi lầm của việc vui trú nơi ái vị.

4. Lỗi lầm của việc đi đứng phóng dật.

5, 6, 7. Chẳng cùng chung với ngoại đạo, tức là ba chủng lỗi lầm về ngôn ngữ, tâm tư và truy cầu do kia phát khởi tà kiến khác nhau.

8. Lỗi lầm của việc nương vào biên tế tĩnh lự.

9. Lỗi lầm của giữ lấy phẩm tạp nhiễm phát khởi nhiếp thuộc duyên khởi.

10. Lỗi lầm của hành phẩm tạp nhiễm phát khởi.

Nếu vĩnh viĩn không tương ưng với 10 chủng lỗi lầm như vậy, nên biết chỉ có sự nhậm trì của thân tối hậu, thân thứ hai khác thì nhất định không có việc này. An trụ trong cảnh giới Niết-bàn tịch tĩnh tối thắng, tất cả hữu tình an trụ cho đến cứu cánh đệ nhất hữu thượng sanh. Tất cả những điều mà hữu tình chứng đắc ở nơi kia đều là tối thắng, cho nên thuyết gọi là an trụ nơi chỗ trụ của bậc Thánh. Vì năng xa lìa 10 chủng lỗi lầm, lại vì năng an trụ nơi chỗ trụ của bậc Thánh, cho nên gọi là công đức. Lại hoặc quả kia, hoặc đạo cực thanh tịnh, hoặc công đức của kia, tất cả như vậy lược chung làm một, gọi là chứng đắc đạo cực thanh tịnh và quả công đức.

Lại nghĩa chúng đắc đạo cực thanh tịnh và công đức của quả đây, nói rộng như những tướng đã nói ở trên. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

Nếu người đắc Thánh pháp tối thượng vô học như vậy, tâm tương ứng với các thánh pháp. Đối với năm diệu dụng sanh cực nhằm chán trái lìa, vì không có dị thực, nên lại chẳng tiếp nối về sau. Nếu tâm thế gian tuy đã đoạn trừ mà vẫn còn hiện hành, ở thời sau tâm kia nhậm vận mà diệt. Lại đạo phiền não, đạo nghiệp hậu hữu, ở trong hiện pháp đã vĩnh viễn đoạn dứt. Do đoạn dứt kia, nên đương lai đạo khổ không triển chuyển trở lại. Do nhân quả đây vĩnh viễn tận diệt, nên gọi là biên khổ. Thêm nữa, không có sự vô thượng vô thắng nào khác.

Trong đây, hoặc nhập hiện quán thánh đế, hoặc lìa chướng ngại, hoặc vì mau chóng chứng đắc thông tuệ, tác ý tư duy các sự việc hoan hỷ, hoặc tu tập như đạo đã đắc trước, hoặc chứng đắc đạo cực thanh tịnh và công đức quả; như vậy gọi là tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian. Lại nghĩa tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian đây, nên biết nói

rộng như tướng đã nói ở trên. Ngoài đây ra lại không có hoặc vượt quá hoặc tăng thêm.

Như vậy, hoặc tất cả chủng thanh tịnh thế gian như trước đã nói, hoặc tất cả chủng thanh tịnh xuất thế gian được nói ở đây, lược chung làm một gọi là *quả tu*. Như vậy hoặc xứ sở tu, hoặc nhân duyên tu, hoặc tu Du-già, hoặc quả tu, tất cả gọi chung là *Tu sở thành địa*.



# Mục Lục

Lời giới thiệu			7
Lời nói đầu			9
	<b>DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN</b>		11
	<b>I. PHẦN BẢN ĐỊA</b>		13
<b>Quyển 1</b>			
Thứ 1.	Năm Thúc Thân Tương Ứng Địa		15
Thứ 2.	Ý Địa	Phần 1	24
<b>Quyển 2</b>			
Thứ 2.	Ý Địa	Phần 2	43
<b>Quyển 3</b>			
Thứ 2.	Ý Địa	Phần 3	79
<b>Quyển 4</b>			
Thứ 3.	Có Tâm Có Tứ Địa		
Thứ 4.	Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa		
Thứ 5.	Không Tâm Không Tứ Địa	Phần 1	112
<b>Quyển 5</b>			
Thứ 3.	Có Tâm Có Tứ Địa		
Thứ 4.	Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa		
Thứ 5.	Không Tâm Không Tứ Địa	Phần 2	142
<b>Quyển 6</b>			
Thứ 3.	Có Tâm Có Tứ Địa		
Thứ 4.	Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa		
Thứ 5.	Không Tâm Không Tứ Địa	Phần 3	174

**Quyển 7**

- |        |                         |        |     |
|--------|-------------------------|--------|-----|
| Thứ 3. | Có Tâm Có Tứ Địa        |        |     |
| Thứ 4. | Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa |        |     |
| Thứ 5. | Không Tâm Không Tứ Địa  | Phần 4 | 210 |

**Quyển 8**

- |        |                         |        |     |
|--------|-------------------------|--------|-----|
| Thứ 3. | Có Tâm Có Tứ Địa        |        |     |
| Thứ 4. | Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa |        |     |
| Thứ 5. | Không Tâm Không Tứ Địa  | Phần 5 | 241 |

**Quyển 9**

- |        |                         |        |     |
|--------|-------------------------|--------|-----|
| Thứ 3. | Có Tâm Có Tứ Địa        |        |     |
| Thứ 4. | Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa |        |     |
| Thứ 5. | Không Tâm Không Tứ Địa  | Phần 6 | 273 |

**Quyển 10**

- |        |                         |        |     |
|--------|-------------------------|--------|-----|
| Thứ 3. | Có Tâm Có Tứ Địa        |        |     |
| Thứ 4. | Không Tâm Chỉ Có Tứ Địa |        |     |
| Thứ 5. | Không Tâm Không Tứ Địa  | Phần 7 | 314 |

**Quyển 11**

- |        |                  |        |     |
|--------|------------------|--------|-----|
| Thứ 6. | Tam Ma Hí Đa Địa | Phần 1 | 353 |
|--------|------------------|--------|-----|

**Quyển 12**

- |        |                  |        |     |
|--------|------------------|--------|-----|
| Thứ 6. | Tam Ma Hí Đa Địa | Phần 2 | 399 |
|--------|------------------|--------|-----|

**Quyển 13**

- |         |                      |        |     |
|---------|----------------------|--------|-----|
| Thứ 6.  | Tam Ma Hí Đa Địa     | Phần 3 | 440 |
| Thứ 7.  | Phi Tam Ma Hí Đa Địa |        | 461 |
| Thứ 8.  | Hữu Tâm Địa          |        |     |
| Thứ 9.  | Vô Tâm Địa           |        | 463 |
| Thứ 10. | Văn Sở Thành Địa     | Phần 1 | 466 |



<b>Quyển 14</b>			
Thứ 10.	Văn Sở Thành Địa	Phần 2	487
<b>Quyển 15</b>			
Thứ 10.	Văn Sở Thành Địa	Phần 3	532
<b>Quyển 16</b>			
Thứ 11.	Tư Sở Thành Địa	Phần 1	575
<b>Quyển 17</b>			
Thứ 11.	Tư Sở Thành Địa	Phần 2	628
<b>Quyển 18</b>			
Thứ 11.	Tư Sở Thành Địa	Phần 3	669
<b>Quyển 19</b>			
Thứ 11.	Tư Sở Thành Địa	Phần 4	717
<b>Quyển 20</b>			
Thứ 12.	Tu Sở Thành Địa		765
Mục Lục			815

\* \* \*  
\* \* \* \* \*

# **DU GIÀ SỬ ĐỊA LUẬN**

**Tập I**

**NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN**

270. Nguyễn Đình Chiểu Q.3 - TP. Hồ Chí Minh

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**Mai Thời Chính**

Biên tập:

**Công Bình – Thăng Long**

Bìa và trình bày:

**Trần Phú Nhạç**

Khổ 14.5 x 20.5 cm, Số ĐKKHXB: 293 - 2010 / CXB / 41 - 09 / TN

Quyết định xuất bản số 449 / QĐ - TN / CN ngày 06 . 10 . 2010

In 1000 cuốn, tại XN IN ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

In xong và nộp lưu chiểu quý 4 - 2010